

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

ĐOÀN THỊ MAI LIÊN

**CẠNH TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA
TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐOÀN THỊ MAI LIÊN

CẠNH TRANH NGÀ - MỸ TẠI SYRIA
TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY

Chuyên ngành : Quan hệ quốc tế
Mã số : 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS Trần Thị Lan Hương
2. TS Vũ Văn Anh

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Thị Lan Hương và Tiến sĩ Vũ Văn Anh. Các số liệu và những trích dẫn trong Luận án đảm bảo tính trung thực, chính xác, có nguồn gốc rõ ràng. Nội dung, kết quả nghiên cứu trong luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu độc lập nào.

Tác giả luận án

Đoàn Thị Mai Liên

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện và hoàn thành Luận án này, tôi đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện từ nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân. Luận án cũng được hoàn thành dựa trên sự tham khảo, học tập kinh nghiệm từ các kết quả nghiên cứu liên quan ở trong và ngoài nước. Đặc biệt là sự hợp tác của cán bộ giáo viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời là sự giúp đỡ, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần từ phía gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Phó giáo sư, Tiến sĩ Trần Thị Lan Hương và Tiến sĩ Vũ Vân Anh - Người hướng dẫn khoa học đã trực tiếp dành nhiều thời gian, công sức hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Chính trị và Quốc tế học, đặc biệt là Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Khắc Nam; Phó Giáo Sư, Tiến Sĩ Trần Thiện Thanh và Phó Giáo Sư, Tiến Sĩ Nguyễn Văn Chiều cùng toàn thể các thầy cô giáo đã tận tình truyền đạt những kiến thức quý báu, truyền động lực, cảm hứng, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban lãnh đạo Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các đồng nghiệp trong đơn vị đã tạo điều kiện về thời gian cũng như những trợ giúp thiết thực trong quá trình thu thập, sưu tầm tài liệu để tôi có thể hoàn thành Luận án này.

Cuối cùng, tôi xin dành kết quả nghiên cứu này cho gia đình thân yêu, những người đã bên tôi những lúc tôi khó khăn nhất, giúp tôi vượt qua thử thách của quá trình vừa làm việc vừa nghiên cứu.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng trong Luận án này không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tôi kính mong Quý thầy cô, các chuyên gia, những người quan tâm đến đề tài, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè tiếp tục có những ý kiến đóng góp, giúp đỡ để đề tài được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC CÁC BẢNG	6
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	7
MỞ ĐẦU	7
1.Lý do chọn đề tài	7
2.Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	10
3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
4.Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	12
5. Đóng góp của Luận án	16
6. Bố cục của Luận án	16
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	18
1.1. Các công trình nghiên cứu về bối cảnh khu vực Trung Đông và Syria	18
<i>1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông</i>	<i>18</i>
<i>1.1.2. Các công trình nghiên cứu về nội chiến Syria.....</i>	<i>24</i>
1.2. Các công trình nghiên cứu về chính sách của Nga, Mỹ với Syria	27
<i>1.2.1. Về chính sách của Nga với Syria.....</i>	<i>27</i>
<i>1.2.2. Về chính sách của Mỹ với Syria</i>	<i>31</i>
1.3.Các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria	34
<i>1.3.1.Các công trình nghiên cứu về lý luận cạnh tranh trong quan hệ quốc tế.....</i>	<i>34</i>
<i>1.3.2.Các công trình nghiên cứu trực tiếp về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria</i>	<i>39</i>
1.4. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	47
<i>1.4.1. Nhận xét chung</i>	<i>47</i>
<i>1.4.2. Khoảng trống nghiên cứu</i>	<i>49</i>
<i>1.4.3. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu</i>	<i>50</i>

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA CẠNH TRANH	
TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY	52
2.1. Cơ sở lý luận	52
<i>2.1.1. Cạnh tranh trong quan hệ quốc tế.....</i>	<i>52</i>
<i>2.1.2. Quan điểm về cạnh tranh trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế.....</i>	<i>58</i>
<i>2.1.3. Khung phân tích về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria</i>	<i>71</i>
2.2. Cơ sở thực tiễn	72
<i>2.2.1. Bối cảnh quốc tế</i>	<i>72</i>
<i>2.2.2. Tình hình khu vực Trung Đông</i>	<i>75</i>
<i>2.2.3. Tình hình Syria</i>	<i>80</i>
Tiểu kết chương 2	103
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG CẠNH TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA TỪ	
NĂM 2011 ĐẾN NAY	104
3.1. Mục tiêu cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria	104
<i>3.1.1. Mục tiêu vị thế, uy tín quốc tế.....</i>	<i>104</i>
<i>3.1.2. Mục tiêu ảnh hưởng khu vực</i>	<i>107</i>
<i>3.1.3. Mục tiêu an ninh, quyền lực.....</i>	<i>114</i>
3.2. Công cụ cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria	124
<i>3.2.1. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về chính trị</i>	<i>124</i>
<i>3.2.2. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về ngoại giao</i>	<i>133</i>
<i>3.2.3. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về kinh tế - năng lượng</i>	<i>143</i>
<i>3.2.4. Cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria về quân sự.....</i>	<i>156</i>
3.3. Đánh giá kết quả cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria	162
<i>3.3.1. Về vị thế, uy tín quốc tế</i>	<i>162</i>
<i>3.3.2. Về mục tiêu ảnh hưởng khu vực</i>	<i>170</i>
<i>3.3.3. Về mục tiêu an ninh, quyền lực tại Syria</i>	<i>177</i>
Tiểu kết chương 3	184

CHƯƠNG 4 TÁC ĐỘNG, DỰ BÁO XU HƯỚNG CẠNH TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM	186
4.1. Tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay	186
<i>4.1.1. Tác động đến cạnh tranh Nga-Mỹ.....</i>	<i>186</i>
<i>4.1.2. Tác động đến Syria.....</i>	<i>189</i>
<i>4.1.2.1. Syria bị suy yếu, chia cắt và xói mòn chủ quyền quốc gia</i>	<i>189</i>
<i>4.1.3. Tác động đến khu vực Trung Đông.....</i>	<i>196</i>
<i>4.1.4. Tác động ở cấp độ toàn cầu.....</i>	<i>207</i>
4.2. Dự báo xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trong thời gian tới.....	217
<i>4.2.1. Khung dự báo</i>	<i>217</i>
<i>4.2.2. Cơ sở dự báo.....</i>	<i>219</i>
<i>4.2.3. Các kịch bản cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030</i>	<i>227</i>
4.3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam.....	237
<i>4.3.1. Củng cố nội lực - thực hiện tự chủ tự cường quốc gia.....</i>	<i>237</i>
<i>4.3.2. Về chính sách đối ngoại với các nước lớn</i>	<i>241</i>
<i>4.3.3. Về luật pháp quốc tế, đa phương và quản lý khủng hoảng</i>	<i>244</i>
Tiểu kết chương 4	246
KẾT LUẬN	248
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	251
TÀI LIỆU THAM KHẢO	252
PHỤ LỤC	279

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

A2/AD	Anti-Access/Area Denial <i>Chống tiếp cận/Ngăn chặn xâm nhập</i>
ALS	League of Arab States <i>Liên đoàn Ả rập</i>
AUKUS	Australia-United Kingdom-United States <i>Thỏa thuận an ninh ba bên giữa Mỹ, Anh và Australia</i>
CBS	Central Bank of Syria <i>Ngân hàng trung ương Syria</i>
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
CPI	Corruption Perceptions Index <i>Chỉ số nhận thức tham nhũng</i>
ESF	Education Stabilization Fund <i>Quỹ ổn định giáo dục</i>
GCC	Cooperation Council for the Arab States of the Gulf <i>Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh</i>
GDP	Gross Domestic Product <i>Tổng sản phẩm quốc nội</i>
IMF	International Monetary Fund <i>Quỹ tiền tệ Thế giới</i>
INCLE	International Narcotics Control And Law Enforcement <i>Kiểm soát ma túy và thực thi pháp luật quốc tế</i>
IS	Islamic State <i>Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS</i>
ISIS	Islamic State of Iraq and Syria <i>Nhà nước Hồi giáo Iraq và Syria</i>
JIM	Joint Investigative Mechanism <i>Cơ chế hợp tác điều tra chung</i>
LDC	Least Developed Countries <i>Các nước kém phát triển nhất</i>
Maghreb	Các nước ở phía Tây thế giới Ả rập

Mashreq	Các nước ở phía Đông thế giới Ả rập, gồm: Bahrain , Ai Cập , Iraq , Jordan , Kuwait , Oman , Palestine , Qatar , Ả Rập Saudi , Sudan , Syria
MENA	Middle East and North Africa <i>Khu vực Trung Đông - Bắc Phi</i>
NADR	National Association of Disability Representatives <i>Hiệp hội đại diện khuyết tật quốc gia Mỹ</i>
OIC	Organisation of Islamic Cooperation <i>Tổ chức Hợp tác Hồi giáo</i>
OPCW	Organization for the Prohibition of Chemical Weapons <i>Tổ chức Cấm vũ khí hóa học</i>
QUAD	Quadrilateral Security Dialogue <i>Đối thoại Tứ giác An ninh/Bộ Tứ (Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản, Úc)</i>
RAND	Research And Development <i>Tổ chức nghiên cứu phát triển phi chính phủ, phi lợi nhuận</i>
SIPRI	Stockholm International Peace Research Institute <i>Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm</i>
UN	United Nations <i>Liên hợp quốc</i>
UNDP	United Nations Development Programme <i>Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc</i>
UNICEF	United Nations International Children's Emergency Fund <i>Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc</i>
UNHCR	UN Refugee Agency <i>Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn</i>
UNOCHA	United Nations Office for the Coordination of Humanitarian Affairs <i>Văn phòng Điều phối các vấn đề nhân đạo của Liên hợp quốc</i>
WFP	World Food Programme <i>Chương trình Lương thực Thế giới</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Quan điểm về cạnh tranh trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế	66
Bảng 2.2: Các luận điểm lý thuyết áp dụng phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024).....	67
Bảng 2.3: Các lực lượng tham gia nội chiến Syria 2011-2024	86
Bảng 3.1: So sánh mục tiêu của Mỹ và Nga tại Syria.....	123
Bảng 3.2: Thống kê Nga phủ quyết Dự thảo nghị quyết của HĐBA Liên hợp quốc về vấn đề Syria từ năm 2011-2024	135
Bảng 3.3: Nguồn tài chính Quỹ đào tạo và trang bị chống ISIS (CTEF)	155
Bảng 3.4: Viện trợ song phương của Mỹ vào Syria (2021-2025).....	156
Bảng 4.1: Số người tị nạn Syria tại các quốc gia khác	195
Bảng 4.2: Chi tiêu quốc phòng qua các năm của một số quốc gia	208

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ tỷ lệ dân số sống trong cảnh nghèo đói cùng cực tại Bắc Phi - Trung Đông (2000-2011)	75
Biểu đồ 2.2: Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) các quốc gia Ả rập (2000-2010).76	
Biểu đồ 2.3: Các dân tộc và tôn giáo tại Syria.....	84
Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ nguồn cung vũ khí cho Syria (2007-2011)	95
Biểu đồ 2.5: Khối lượng chuyển giao vũ khí của Nga sang Syria (2000-2021)	96
Biểu đồ 3.1: Khối lượng xuất khẩu vũ khí của Nga sang Trung Đông	171
Biểu đồ 4.1: Tăng trưởng GDP của Syria (theo giá cố định năm 2000).....	193
Biểu đồ 4.2: Giá hàng hoá tiêu chuẩn tại Syria.....	194
Biểu đồ 4.3: Sản lượng dầu thô của Syria (Đơn vị: thùng/ngày).....	194
Biểu đồ 4.4: Tình trạng nghèo đói và nghèo đói cùng cực tại Syria (2010-2024)..	196
 Sơ đồ 2.1: Khung phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria.....	71
 Hình 3.1: Bản đồ phân bố các lực lượng tại Syria 2011-2024.....	177

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong quan hệ quốc tế, quan hệ giữa các nước lớn luôn giữ vị trí trung tâm, chi phối sự vận động của cục diện thế giới cũng như đặc điểm an ninh - chính trị của từng khu vực. Cạnh tranh nước lớn không phải là một hiện tượng nhất thời mà là một thuộc tính thường trực của quan hệ quốc tế, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo bối cảnh lịch sử. Hiện nay, sự chuyển dịch cấu trúc quyền lực từ đơn cực sang đa cực đang được định hình rõ nét thông qua sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các cường quốc, trong đó có quan hệ Nga - Mỹ. Chiến tranh lạnh kết thúc, cạnh tranh Nga - Mỹ không mất đi mà chuyển hóa về hình thức: từ đối đầu ý thức hệ sang cạnh tranh ảnh hưởng và địa vị chiến lược trong bối cảnh phân tán quyền lực và xói mòn tính ổn định của trật tự thế giới. Cạnh tranh Nga - Mỹ không suy giảm về tính chất mà chuyển hóa về hình thức và mở rộng về phạm vi, với sự cạnh tranh đa lĩnh vực, đa tầng nấc.

Trong đó, Trung Đông giữ một vị trí đặc biệt trong tổng thể cạnh tranh nước lớn, gắn với mục tiêu duy trì vị thế, ảnh hưởng của Nga và Mỹ. Thứ nhất, xét về địa - chiến lược, Trung Đông là khu vực bản lề nối liền ba châu lục Á - Âu - Phi, kiểm soát các tuyến hàng hải huyết mạch và là một trong những trung tâm năng lượng quan trọng bậc nhất thế giới; do đó bất kỳ sự dịch chuyển quyền lực nào tại khu vực này đều có tác động lan tỏa vượt ra ngoài phạm vi khu vực. Thứ hai, cấu trúc an ninh khu vực Trung Đông với các liên minh lỏng lẻo, mâu thuẫn sắc tộc - tôn giáo đan xen và một “hệ sinh thái xung đột” chưa được giải quyết dứt điểm tạo ra một môi trường đặc biệt thuận lợi cho sự can dự và cạnh tranh của các nước lớn. Thứ ba, làn sóng Mùa xuân Ả rập từ năm 2011 đã làm sụp đổ, suy yếu cấu trúc quyền lực truyền thống trong khu vực, tạo ra những “khoảng trống quyền lực” mà các nước lớn, trong đó có Nga và Mỹ, đều có động cơ và điều kiện để lấp đầy nhằm củng cố ảnh hưởng chiến lược của mình. Do vậy, tiếp cận cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria cần được đặt trong logic rộng hơn về tầm quan trọng chiến lược của khu vực Trung Đông đối với cạnh tranh nước lớn nói chung, thay vì chỉ xem xét như một điểm nóng khu vực đơn lẻ, tách rời khỏi bức tranh cạnh tranh toàn cầu.

Trong không gian chiến lược đó, quốc gia Syria giữ vị trí như một điểm hội tụ - nơi tập trung gần như đầy đủ các tầng nấc của cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực

Trung Đông. *Về địa - chiến lược*, Syria là cửa ngõ duy nhất để Nga tiếp cận Địa Trung Hải nhằm duy trì sự hiện diện quân sự và tầm ảnh hưởng tại Trung Đông, giúp Nga phá vỡ thế bị bao vây bởi NATO. Đồng thời, Syria là mắt xích trong cấu trúc an ninh khu vực mà Mỹ cần duy trì để bảo vệ đồng minh (Israel, Jordan) và kiểm soát các dòng chảy năng lượng và ngăn chặn trực ảnh hưởng Iran - Hezbollah. *Về hình thức cạnh tranh*; khác với không gian hậu Xô viết - nơi cạnh tranh Nga - Mỹ mang tính sống còn và đã leo thang thành xung đột vũ trang trực tiếp (Ukraine); và khác với Libya, nơi thiếu vắng sự can dự trực tiếp, kéo dài và cân xứng giữa hai nước lớn; Syria là địa bàn “hiếm hoi” mà từ năm 2015, quân đội của cả Nga và Mỹ cùng hiện diện, cùng triển khai chiến dịch trong một không gian địa lý hẹp nhưng không dẫn đến xung đột quân sự trực tiếp giữa hai bên. Do đó, Syria hội tụ đồng thời nhiều tầng cạnh tranh - quân sự an ninh, ngoại giao pháp lý (thể hiện qua các lần phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc), liên minh ủy nhiệm, kinh tế trừng phạt và tái thiết mà ít địa bàn trên thế giới có được tính đầy đủ và cô đọng như vậy. Có thể nói, Syria trở thành một lát cắt tiêu biểu, mang tính đại diện cao để nghiên cứu bản chất, mục tiêu, phương thức của cạnh tranh nước lớn tại một địa bàn cụ thể.

Tại Syria, cạnh tranh Nga - Mỹ thể hiện tương đối đầy đủ trên các lĩnh vực, cho phép đánh giá cạnh tranh của hai quốc gia một cách toàn diện. *Về chính trị*, hai nước theo đuổi hai mô hình giải pháp đối lập cho vấn đề Syria: Nga kiên trì bảo vệ tính chính danh của chính quyền Bashar al-Assad và nguyên tắc không can thiệp công việc nội bộ; trong khi Mỹ thúc đẩy chuyển giao quyền lực và hậu thuẫn các lực lượng đối lập. *Về ngoại giao*, cạnh tranh thể hiện qua các lần Nga sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đối với các dự thảo nghị quyết về Syria; và qua sự song hành cạnh tranh giữa tiến trình Geneva do Mỹ và phương Tây hậu thuẫn với tiến trình Astana do Nga chủ đạo. *Về quân sự*, hai bên cùng can dự bằng lực lượng trực tiếp và qua các lực lượng ủy nhiệm: Nga triển khai chiến dịch quân sự từ tháng 9/2015 hậu thuẫn quân đội chính phủ Syria; Mỹ dẫn dắt liên minh chống IS và hậu thuẫn Lực lượng Dân chủ Syria (SDF). *Về kinh tế - năng lượng*, cạnh tranh diễn ra giữa hệ thống trừng phạt của Mỹ (đặc biệt là Đạo luật Caesar năm 2019) nhằm cô lập chính quyền Syria, với nỗ lực của Nga trong việc giành quyền tiếp cận các hợp đồng năng lượng, cảng biển và các dự án tái thiết. Sự

cạnh tranh tương đối đa diện trên các lĩnh vực đòi hỏi một nghiên cứu hệ thống thay vì các phân tích đơn lẻ theo từng sự kiện.

Qua đó, nghiên cứu cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria còn góp phần làm rõ cách thức triển khai chính sách đối ngoại và sự vận động của cạnh tranh quyền lực giữa hai nước lớn tại một địa bàn cụ thể. Syria là nơi có thể quan sát trực tiếp quá trình hai cường quốc chuyển hóa mục tiêu chiến lược thành chính sách và công cụ cụ thể, cũng như quá trình điều chỉnh chính sách qua các thời kỳ. Cán cân quyền lực tại Syria liên tục dịch chuyển: từ ưu thế của Mỹ và phương Tây giai đoạn 2011-2014, sang ưu thế của Nga sau can thiệp quân sự 2015-2019, tới trạng thái giằng co, phân chia khu vực ảnh hưởng trên thực địa giai đoạn 2020-2024, và sự đảo chiều đột ngột khi chính quyền Bashar al-Assad sụp đổ ngày 8/12/2024. Việc lý giải các chu kỳ dịch chuyển này góp phần nhận diện quy luật vận động của cân bằng quyền lực nước lớn tại các địa bàn thứ ba - vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đối với các quốc gia vừa và nhỏ.

Việc lựa chọn khung lý luận của Luận án cũng cần được luận giải trong mối liên hệ chặt chẽ với đặc điểm nói trên của trường hợp Syria. Luận án dựa trên chủ nghĩa hiện thực, kết hợp khung phân tích cạnh tranh nước lớn theo cấu trúc “mục tiêu - phương thức - kết quả” từ các nghiên cứu của RAND trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự. Thực tiễn Syria là trường hợp phù hợp để vận dụng và kiểm định khung lý luận này: đây là địa bàn hiểm hoi hai cường quốc cùng hiện diện quân sự nhưng duy trì cạnh tranh gay gắt dưới ngưỡng xung đột trực tiếp, với đầy đủ biểu hiện đa tầng về mục tiêu và công cụ. Theo đó, khung lý luận cung cấp công cụ hệ thống hóa một thực tiễn cạnh tranh phức tạp, còn thực tiễn cạnh tranh tại Syria từ năm 2011 đến nay cung cấp chất liệu kiểm chứng, bổ sung cho lý luận về cạnh tranh nước lớn hiện nay.

Với những lý do khoa học và thực tiễn nêu trên, đồng thời nhận thức rằng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria không chỉ mang tính thời sự mà còn có ý nghĩa dài hạn đối với cục diện khu vực và quan hệ nước lớn; Nghiên cứu sinh quyết định lựa chọn đề tài: “*Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay*” làm đề tài nghiên cứu cho Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của Luận án là tập trung làm cơ sở lý luận và thực tiễn về cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay, trên cơ sở đó đánh giá tác động của cạnh tranh này đối với Syria, khu vực và dự báo xu hướng vận động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay.

Thứ hai, phân tích thực trạng của sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay.

Thứ ba, đánh giá, chỉ ra những tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ đối với Syria và khu vực Trung Đông cũng như thế giới.

Thứ tư, dự báo xu hướng của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030.

Thứ năm, rút ra hàm ý chính sách đối với Việt Nam trong cùng cố nội lực, trong quan hệ với các nước lớn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu quá trình cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay, bao gồm mục tiêu chiến lược, phương thức triển khai, công cụ tác động, sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ đối với cục diện tại Syria, trật tự khu vực Trung Đông và quan hệ quốc tế đương đại.

b. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian

Luận án nghiên cứu cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024, với mốc dự báo đến năm 2030. Việc lựa chọn các mốc thời gian này được luận giải như sau:

Năm 2011 được chọn làm mốc mở đầu vì đây là thời điểm cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria chính thức định hình như một quá trình trực diện và công khai. Tháng 3/2011, làn sóng biểu tình trong khuôn khổ Mùa xuân Ả rập bùng phát tại Syria và

nhANH chóng leo thang thành nội chiến, biến quốc gia này thành địa bàn can dự của các chủ thể bên ngoài. Ngay trong năm đó, hai cường quốc đã bộc lộ lập trường đối lập căn bản: tháng 8/2011, Tổng thống Mỹ B. Obama công khai tuyên bố Tổng thống Bashar al-Assad “phải ra đi” và áp đặt các biện pháp trừng phạt, thể hiện mục tiêu thúc đẩy chuyển giao quyền lực tại Syria; tháng 10/2011, Nga (cùng Trung Quốc) lần đầu tiên sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đối với dự thảo nghị quyết lên án chính quyền Syria, thể hiện quyết tâm bảo vệ đồng minh chiến lược duy nhất còn lại của mình tại Trung Đông. Như vậy, năm 2011 không chỉ là mốc khởi đầu của nội chiến Syria mà quan trọng hơn, là mốc hai cường quốc chính thức bước vào cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực tại địa bàn này với các mục tiêu đối lập nhau. Các diễn biến cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trước năm 2011 được Luận án trình bày ở Chương 2 với tính chất là cơ sở thực tiễn của cạnh tranh.

Ngày 8/12/2024, chính quyền Bashar al-Assad sụp đổ sau 14 năm nội chiến ở Syria đã đánh dấu sự thay đổi tương quan so sánh trong cạnh tranh Nga-Mỹ tại đây. Trong suốt giai đoạn 2011-2024, sự tồn tại của chính quyền Assad là trục trung tâm mà cạnh tranh hai nước xoay quanh: Nga cạnh tranh để bảo vệ, Mỹ cạnh tranh để thay thế chính quyền này. Sự sụp đổ của chính quyền Assad vì vậy làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria. Do đó luận án lấy thời điểm năm 2024 làm dấu mốc phù hợp về mặt khoa học cho phạm vi nghiên cứu của Luận án. Các diễn biến sau đó vẫn được tiếp tục cập nhật, phân tích.

Năm 2030 được chọn làm mốc dự báo vì đây là thời điểm bao trùm trọn nhiệm kỳ của các nhà lãnh đạo đương nhiệm ở cả hai nước. Nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống D. Trump kết thúc vào tháng 1/2029 và nhiệm kỳ thứ năm của Tổng thống V. Putin kết thúc vào tháng 5/2030; do chính sách đối với Syria của hai nước gắn chặt với định hướng của người đứng đầu, việc lấy mốc 2030 cho phép đánh giá toàn diện và xây dựng kịch bản phù hợp từ góc độ của cả Nga và Mỹ.

Phạm vi không gian

Luận án nghiên cứu chủ yếu trong không gian cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria. Tuy nhiên, trong phần các nhân tố tác động và phần tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ thì Luận án có mở rộng không gian nghiên cứu đến khu vực Trung Đông và những đặc điểm của liên quan của tình hình thế giới.

Phạm vi nội dung

Luận án sẽ tập trung nghiên cứu sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria về mục tiêu và công cụ cạnh tranh trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế - năng lượng và quân sự để xác lập vị thế ảnh hưởng và lợi ích của nhau.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án “Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay” được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, các lý thuyết quan hệ quốc tế là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo trong đó chủ nghĩa hiện thực được sử dụng chủ yếu.

4.2. Cách tiếp cận

Nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, luận án sử dụng bốn cách tiếp cận chính, được liên kết chặt chẽ nhằm tạo nên một khung phân tích toàn diện và sâu sắc về cuộc cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay như sau:

Thứ nhất, tiếp cận dưới góc độ lịch sử - logic để xem xét cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria như một quá trình vận động, phát triển có nguồn gốc lịch sử, có tính liên tục, kế thừa từ quá trình vận động của quan hệ Nga - Syria, Mỹ - Syria và quan hệ Nga - Mỹ sau Chiến tranh Lạnh. Cách tiếp cận này giúp đặt giai đoạn nghiên cứu vào bối cảnh rộng hơn của lịch sử quan hệ quốc tế về cạnh tranh nước lớn sau Chiến tranh Lạnh. Đặc biệt, cách tiếp cận lịch sử giúp xem xét sự vận động, quá trình cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024. Đồng thời từ dòng chảy sự kiện rút ra logic trong sự điều chỉnh chiến lược của các bên, đảm bảo các sự kiện thực tiễn không bị nhìn nhận rời rạc mà được xâu chuỗi thành một quy luật vận động có tính nhân - quả.

Thứ hai, cách tiếp cận các cấp độ phân tích quan hệ quốc tế để đặt cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trong hệ thống quan hệ quốc tế, nhằm chỉ ra các nhân tố đa chiều tác động đến sự cạnh tranh này từ 4 cấp độ là: (i) cấp độ hệ thống; (ii) cấp độ liên quốc gia; (iii) cấp độ quốc gia, (iv) cấp độ cá nhân lãnh đạo, người đứng đầu quyết định chính sách mỗi quốc gia. Cách tiếp cận này đóng vai trò chủ đạo để phân tích các nhân tố tác động đến cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (mục 2.2); để đánh giá hệ quả và tác động của cuộc cạnh tranh (mục 4.1) ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc

gia; và để phân tích các yếu tố tác động đến xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030 (mục 4.2).

Ở cấp độ hệ thống quốc tế, sự dịch chuyển cấu trúc quyền lực từ đơn cực sang đa cực và sự gia tăng cạnh tranh nước lớn giải thích vì sao Nga và Mỹ tất yếu va chạm lợi ích tại các địa bàn chiến lược. Ở cấp độ khu vực, cục diện chính trị - an ninh khu vực Trung Đông quy định *bối cảnh* mà cạnh tranh Nga - Mỹ diễn ra. Ở cấp độ quốc gia, lợi ích quốc gia, chính sách đối ngoại và chiến lược của mỗi nước giải thích *mục tiêu và phương thức* cụ thể mà Nga và Mỹ lựa chọn tại Syria. Ở cấp độ nhà hoạch định, nhận thức và quyết định của người đứng đầu (B. Obama, D. Trump, J. Biden ở Mỹ; V. Putin ở Nga, B. Assad ở Syria) giải thích *sự điều chỉnh chính sách* trong từng thời kỳ. Việc kết hợp bốn cấp độ này bảo đảm tính toàn diện, đồng thời cho phép xác định đâu là biến số quyết định trong từng giai đoạn

Thứ ba, cách tiếp cận địa - chính trị được sử dụng để làm rõ nguyên nhân một không gian địa lý cụ thể như Syria lại trở thành địa bàn cạnh tranh giữa Nga và Mỹ. Cách tiếp cận địa - chính trị được sử dụng để phân tích, làm sáng tỏ lý do Syria trở thành địa bàn cạnh tranh giữa Nga và Mỹ trong tổng thể sự cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc này ở khu vực Trung Đông cũng như trên toàn cầu. Qua đó, luận án phân tích các yếu tố giá trị địa - chiến lược của Syria như một biến số nền tảng chi phối mục tiêu và mức độ can dự của Nga và Mỹ; được vận dụng ở Chương 2 (nhân tố Syria) và mục 3.1 (mục tiêu cạnh tranh).

Thứ tư, cách tiếp cận lý thuyết quan hệ quốc tế để xây dựng khung phân tích lý luận về cạnh tranh nước lớn và khung phân tích làm rõ bản chất cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024). Cách tiếp cận này sử dụng các luận điểm của chủ nghĩa hiện thực (quyền lực, cân bằng quyền lực, lưỡng nan an ninh), luận điểm của chủ nghĩa tự do (vai trò thể chế, cơ chế đa phương) và chủ nghĩa kiến tạo (bản sắc quốc gia, diễn ngôn chính trị); đồng thời tham chiếu khung phân tích của RAND để xây dựng một khung phân tích để soi chiếu động cơ, mục tiêu cốt lõi (an ninh, quyền lực, ảnh hưởng); và phân tích thực tiễn phương thức triển khai sức mạnh (quân sự, ngoại giao, kinh tế) của Nga và Mỹ trên thực địa chiến trường Syria đồng thời đánh giá tác động của nó đến khu vực, quốc tế (Chương 3).

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, xuất phát từ cách tiếp cận chuyên ngành Quan hệ quốc tế đã trình bày ở trên, Luận án sử dụng kết hợp, linh hoạt các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp lịch sử được sử dụng để tái hiện quá trình cạnh tranh Nga - Mỹ theo trình tự thời gian, trong bối cảnh cụ thể của từng giai đoạn. Phương pháp này được vận dụng chủ yếu ở chương 2 và chương 3 để xâu chuỗi các sự kiện theo biên niên sử: từ nguyên nhân bùng phát Mùa xuân Ả rập (2011), sự trỗi dậy của IS (2014), sự can thiệp quân sự trực tiếp của Nga (2015), cho đến sự sụp đổ của chính quyền Assad (12/2024). Phương pháp này giúp tái hiện trung thực bối cảnh không gian và thời gian của các sự kiện, gắn mỗi bước chuyển của cạnh tranh với các sự kiện, quyết sách cụ thể của hai nước làm nền tảng dữ liệu cho các phân tích chuyên sâu.

Phương pháp logic được sử dụng song hành với phương pháp lịch sử nhằm nghiên cứu sự điều chỉnh chính sách của Nga, Mỹ với Syria để phân tích thực trạng của cuộc cạnh tranh này tại Syria; từ đó rút ra bản chất, xu hướng vận động của quá trình cạnh tranh này trong tương lai. Phương pháp được sử dụng xuyên suốt trong luận án.

Phương pháp phân tích - tổng hợp là phương pháp được sử dụng xuyên suốt luận án để phân tích để “chia nhỏ” quá trình cạnh tranh thành các thành tố (mục tiêu, phương thức, công cụ trên từng lĩnh vực chính trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế - năng lượng); sau đó tổng hợp để liên kết các thành tố đó thành bức tranh chỉnh thể về bản chất cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria. Ở chương 1, phương pháp này được dùng để xử lý, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu. Trong chương 3, luận án *phân tích* thực trạng cạnh tranh theo từng lĩnh vực (kinh tế, quân sự, ngoại giao) rồi *tổng hợp*, khái quát hóa những tác động tổng thể, đa chiều của cuộc cạnh tranh này đối với cấp độ quốc gia (Syria), khu vực (Trung Đông) và hệ thống toàn cầu trong chương 4.

Phương pháp hệ thống - cấu trúc được sử dụng để xem xét cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trong một chỉnh thể *hệ thống* cấu trúc quyền lực Trung Đông và mạng lưới quan hệ quốc tế toàn cầu như quan hệ tầng bậc, trong đó mỗi biến động ở tầng nấc này đều tác động tới các tầng nấc khác. Phương pháp này là công cụ chủ yếu ở chương 2 khi phân tích các nhân tố tác động (quốc tế, khu vực, nội tại Syria) và ở

mục 4.2 khi xác định các biến số của khung dự báo, bảo đảm các kịch bản được xây dựng trên sự tương tác của nhiều tầng nhân tố thay vì một nhân tố đơn lẻ.

Phương pháp phân tích chính sách được sử dụng để làm sáng tỏ chiến lược, chính sách của Nga và Mỹ đối với Syria, góp phần thể hiện mục tiêu, phương thức, quá trình triển khai của sự cạnh tranh trên. Nội dung phân tích chính sách bao gồm: bối cảnh hoạch định chính sách, lợi ích, mục tiêu công cụ triển khai và kết quả, sự điều chỉnh chính sách. Nguồn phân tích là các văn kiện chiến lược chính thức (Khái niệm Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga các năm 2013, 2016, 2023; Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ qua các chính quyền B. Obama, D. Trump, J. Biden), các tuyên bố cấp cao và thực tiễn triển khai trên thực địa. Phương pháp này được vận dụng trong mục 2.2.4; 2.2.5 khi phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trước năm 2011; và tập trung ở mục 3.1 (mục tiêu chiến lược và sự triển khai chính sách của hai nước từ cấp độ toàn cầu, khu vực tới Syria); mục 3.2 (phương thức cạnh tranh trên các lĩnh vực).

Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu, tìm ra điểm tương đồng, khác biệt, mâu thuẫn trong mục tiêu, chiến lược, phương thức triển khai của Nga và Mỹ; từ đó lý giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh của hai cường quốc tại đây. Luận án sử dụng phương pháp này ở chương 3 để so sánh trực diện mục tiêu và phương thức cạnh tranh giữa Nga và Mỹ trên 3 bình diện: chính trị - ngoại giao, kinh tế và quân sự. Ngoài ra, phương pháp này còn được dùng để đối chiếu theo trục thời gian khi so sánh chính sách của Nga/Mỹ trước năm 2011 với giai đoạn 2011-2024 nhằm làm nổi bật sự thay đổi về bản chất từ cạnh tranh gián tiếp sang cạnh tranh trực tiếp.

Phương pháp dự báo được sử dụng ở Chương 4 để xây dựng các kịch bản cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030. Luận án thiết lập các biến số (sự điều chỉnh chiến lược của Nga hậu Ukraine, chính sách Trung Đông của Mỹ giai đoạn mới, sự trỗi dậy của các phe phái tại Syria) để dự báo xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ đến năm 2030.

Các phương pháp trên không được sử dụng tách rời mà kết hợp, bổ sung cho nhau trong từng mục, tùy theo nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng những phương pháp nghiên cứu liên ngành khác, phương pháp đối chiếu, diễn dịch, quy nạp,... để làm căn cứ cho việc đánh giá, phân tích các luận điểm nghiên cứu.

5. Đóng góp của Luận án

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu từ những công trình có liên quan của các học giả trong và ngoài nước, Luận án có những đóng góp mới sau:

Về mặt khoa học, Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về cạnh tranh nước lớn trong quan hệ quốc tế, trong đó đưa ra khái niệm cạnh tranh và xây dựng khung phân tích cạnh tranh nước lớn theo cấu trúc “nhân tố tác động - mục tiêu - phương thức - kết quả”. Trong đó mục tiêu được phân tách thành ba nhóm (an ninh - quyền lực, ảnh hưởng khu vực, vị thế - uy tín quốc tế) và phương thức được phân tách theo bốn lĩnh vực (chính trị, ngoại giao, quân sự, kinh tế-năng lượng). Khung phân tích này có thể vận dụng cho các nghiên cứu về cạnh tranh nước lớn tại các địa bàn khác. Mặt khác, luận án cung cấp một bức tranh tổng quan, có hệ thống về quá trình cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ khi nội chiến bùng nổ (2011) đến khi chính quyền Bashar al-Assad sụp đổ (12/2024); qua đó góp phần luận giải các nhân tố tác động, mục tiêu, phương thức cạnh tranh của hai quốc gia tại địa bàn này. Từ đó, Luận án đánh giá được tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ đối với Syria, khu vực Trung Đông và quan hệ quốc tế, xây dựng khung dự báo gồm các biến số, tiêu chí và kịch bản về xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030; và rút ra những hàm ý đối với Việt Nam trong ứng xử trước cạnh tranh giữa các nước lớn.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng như một tài liệu tham khảo trong việc học tập và nghiên cứu về quan hệ nước lớn, cạnh tranh nước lớn hoặc nghiên cứu về chính sách của Mỹ và Nga đối với khu vực Trung Đông, với Syria ở các học phần ngành Quan hệ quốc tế, Quốc tế học, Khu vực học và các ngành gần. Đồng thời, luận án có thể là nguồn tài liệu tham khảo cho các cơ quan nghiên cứu, hoạch định chính sách đối ngoại và cho những người quan tâm đến cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria nói riêng, khu vực Trung Đông nói chung trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay.

6. Bố cục của Luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận án được chia làm 4 chương chính như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 1 tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án, bao gồm các công trình nghiên cứu về lý luận cạnh tranh nước lớn và các công trình nghiên

cứu thực tiễn về cạnh tranh Nga - Mỹ nói chung và cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực Trung Đông và Syria nói riêng. Từ đó rút ra được những vấn đề mà Luận án có thể kế thừa, những vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu và bổ sung xung quanh sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria.

Chương 2: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria

Chương 2 đưa ra các khái niệm liên quan và khung phân tích về lý luận của sự cạnh tranh nước lớn cùng với quan điểm của các lý thuyết khác nhau về cạnh tranh nước lớn dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế, như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo và chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đồng thời, Luận án nghiên cứu, phân tích các nhân tố tác động đến sự cạnh tranh giữa hai nước lớn trên 4 cấp độ phân tích, bao gồm cấp độ cá nhân, cấp độ quốc gia, cấp độ liên quốc gia, cấp độ hệ thống để hệ thống hóa cơ sở thực tiễn dẫn đến sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024.

Chương 3: Thực trạng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay

Trong chương 3, Luận án tập trung phân tích những mâu thuẫn trong lợi ích, mục tiêu của Nga và Mỹ tại Syria và sự cạnh tranh giữa hai quốc gia này trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự. Đồng thời chương 3 sẽ phân tích sự cạnh tranh về ảnh hưởng giữa Nga và Mỹ tại đây. Từ đó Luận án sẽ rút ra một số nhận xét về sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria trong giai đoạn nghiên cứu.

Chương 4: Tác động, dự báo xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria và hàm ý cho Việt Nam

Sau khi phân tích được thực trạng của sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria, Chương 4 đưa ra đánh giá tác động của sự cạnh tranh này đến Syria, đến an ninh - chính trị khu vực Trung Đông và đến môi trường quốc tế. Từ đó sẽ đưa ra một số dự báo về chiều hướng của cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria đến năm 2030 và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xử lý quan hệ với các nước lớn.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu về bối cảnh khu vực Trung Đông và Syria

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông

Nghiên cứu về quan hệ Nga - Mỹ và sự cạnh tranh giữa hai cường quốc này sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc được nhiều học giả chính trị quốc tế quan tâm. Với vai trò địa - chính trị của Trung Đông, sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông cũng được đề cập đến trong nhiều cuốn sách và các bài nghiên cứu trong và ngoài nước. Mặc dù có rất nhiều các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về chính sách đối ngoại của Nga/Mỹ với Trung Đông; tuy nhiên do khuôn khổ giới hạn nên Luận án chỉ trực tiếp tham khảo các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực Trung Đông. Vì mục tiêu, phương thức cạnh tranh của hai cường quốc tại Syria bắt nguồn từ những tính toán chiến lược rộng lớn hơn ở tầm khu vực: đối với Nga là khôi phục vị thế và sự hiện diện tại Trung Đông sau thời kỳ suy giảm hậu Xô viết, đối với Mỹ là duy trì cấu trúc an ninh khu vực và vai trò chi phối đã xác lập. Chính vì vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông, ở những mức độ khác nhau, đều có đề cập đến sự cạnh tranh của hai cường quốc này tại. Việc khảo cứu nhóm công trình này vừa để đặt cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trong tổng thể rộng lớn hơn, vừa cho thấy các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận Syria như một điểm minh họa trong bức tranh khu vực. Các nghiên cứu phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại địa bàn này như một quá trình độc lập, có hệ thống chính là khoảng trống mà Luận án hướng tới giải quyết.

Qua khảo cứu, có thể thấy các bài tạp chí nghiên cứu tập trung phân tích nhiều vấn đề liên quan đến chính sách của Mỹ và Nga với khu vực Trung Đông về một số vấn đề nổi bật của khu vực, như vấn đề khủng bố, vấn đề dầu mỏ, vấn đề Iraq, vấn đề hạt nhân Iran, vấn đề Syria... Trong khi đó, các bài phân tích về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông phần lớn đều nhìn nhận rằng bên cạnh việc hợp tác để chống khủng bố, quan hệ Nga - Mỹ tại Trung Đông chủ yếu diễn ra trên phương diện cạnh tranh. Một số bài viết tiêu biểu liên quan đến các nội dung của đề tài cũng được nhiều tác giả nhận định theo hướng Mỹ đang gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì ảnh hưởng tại Trung

Đông. Nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông đã phản ánh sự chuyển dịch đa chiều trong động lực địa chính trị, từ đối đầu an ninh sang tranh giành ảnh hưởng kinh tế và chiến lược. Các học giả thống nhất rằng khu vực này là “đấu trường” quan trọng cho sự va chạm lợi ích giữa hai cường quốc, nhưng cách tiếp cận phân tích lại phân hóa dựa trên bối cảnh lịch sử, phương pháp luận và góc nhìn thời đại.

Về phương diện lịch sử, cuốn sách *Strategic Interests in the Middle East Opposition or Support for US Foreign Policy* (Các lợi ích chiến lược ở Trung Đông: Phản đối hoặc ủng hộ chính sách đối ngoại của Mỹ) [Covarrubias, Lansford, 2007] nhấn mạnh tính kế thừa từ thời Chiến tranh Lạnh, coi cạnh tranh Mỹ - Nga hiện nay là sự nối dài của mâu thuẫn Mỹ - Liên Xô. Trong cuốn sách, Mira Duric & Tom Lansford triển khai chương IV với tiêu đề là *Us - Russian Competition in the Middle East: Convergences and Divergences in Foreign Security Policy* (Cạnh tranh Mỹ - Nga ở Trung Đông: Sự hội tụ và khác biệt trong chính sách an ninh đối ngoại). Tác giả khẳng định rằng bất cứ nghiên cứu nào xem xét về mối quan hệ giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông cần phải tiếp cận trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Liên Xô trong quá khứ đồng thời là những cạnh tranh giữa hai cường quốc tại một khu vực xác định. Chiến tranh vùng Vịnh chấm dứt cũng đồng nghĩa với việc sự cạnh tranh về an ninh giữa Mỹ và Nga giảm dần, thay vào đó là sự đối đầu về kinh tế. Nga đã thắt chặt hợp tác kinh tế với các đồng minh của Mỹ tại khu vực để tăng cường ảnh hưởng tại đây là lấy lại vị thế trên trường quốc tế.

Trong khi đó, Monshipouri (2019) qua cuốn sách *Middle East Politics Changing Dynamics* (Động lực thay đổi chính trị Trung Đông) đã mở rộng phạm vi phân tích bằng cách đặt Nga vào bối cảnh đa cực hóa, nơi các cường quốc như Trung Quốc hay Ấn Độ cũng tham gia định hình cục diện. Tác giả đã đưa ra bức tranh tổng quát về chính trị Trung Đông và phân tích về các lực lượng đang hiện hữu tại khu vực. Trong đó, tác giả đề cập đến những chuyển động chính trị tại đây và phân tích quan hệ Mỹ - Iran cùng vai trò của những thực thể mới xuất hiện ở khu vực như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ với cục diện chính trị Trung Đông. Sự khác biệt này cho thấy quá trình chuyển đổi từ lưỡng cực sang đa phương trong nghiên cứu quan hệ quốc tế tại Trung Đông.

Các phân tích hầu hết tập trung vào nguyên nhân và hệ quả của sự suy giảm ảnh hưởng Mỹ so với sự trở lại của Nga. Rabinovich (2016) và Goldenberg & Smith (2017) đều chỉ ra rằng chính sách rút lui của Mỹ dưới thời Obama đã tạo “khoảng trống quyền lực”, tạo điều kiện cho Nga tái can dự mạnh mẽ. Tuy nhiên, nếu Rabinovich qua nghiên cứu *The Russian-U.S. Relationship in the Middle East: A Five-Year Projection* (Quan hệ Nga - Mỹ ở Trung Đông: dự báo trong 5 năm tới) dự báo xu hướng cạnh tranh gia tăng; Goldenberg qua bài viết *U.S. - Russia Competition in the Middle East Is Back* (Cạnh tranh Mỹ - Nga tại Trung Đông đã trở lại) lại đề xuất Mỹ chia sẻ gánh nặng với Nga như một giải pháp đối trọng. Đáng chú ý, bài viết về *The American - Russian Strategic Competition in the Arab Middle East* (Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga tại Trung Đông) [Al-Qassab, 2017] đào sâu góc nhìn lịch sử, coi cạnh tranh Nga - Mỹ là hệ quả của xung đột địa chính trị giữa hai không gian Đại Tây Dương và Á-Âu.

Cụ thể, qua bài viết *The Russian-U.S. Relationship in the Middle East: A Five-Year Projection* [Rabinovich, 2016] nhận định rằng mối quan hệ Nga - Mỹ trong thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI rất rối ren, phức tạp. Trong khi vị trí của Trung Đông bị suy giảm trong chính sách của Mỹ thì Tổng thống Vladimir Putin đã theo đuổi một chính sách đối ngoại mới, quyết đoán, nhằm tìm cách đặt Nga như một đối thủ cạnh tranh ngang hàng với Mỹ. Trung Đông do đó đã trở thành đấu trường cho cạnh tranh Nga - Mỹ. Rabinovich cho rằng quan hệ Nga - Mỹ sẽ cạnh tranh nhiều hơn là hợp tác và thực tế đã chứng minh điều đó, mối quan hệ Nga - Mỹ thậm chí còn được đánh giá là như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Goldenberg & Smith trong bài viết *U.S. - Russia Competition in the Middle East Is Back* chỉ ra rằng những vấn đề Nga đã làm được tại khu vực khiến các nhà hoạch định chính sách của Mỹ cần phải phân tích và dự báo nhiều hơn nữa để lường trước được các khu vực tiềm ẩn xung đột với Nga ở Trung Đông. Mặc dù Trung Đông không phải là đấu trường chính mà cuộc cạnh tranh Nga-Mỹ diễn ra, nhưng không thể bỏ qua lối chơi rộng lớn hơn của Nga ở cả Syria và xa hơn nữa.

Cùng quan điểm cho rằng việc Mỹ giảm dần sự hiện diện ở Trung Đông là nguyên nhân khiến Nga có cơ hội giành được ảnh hưởng tại đây, Abdulwahab Al-Qassab (2017), qua bài viết *The American - Russian Strategic Competition in the*

Arab Middle East (Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga tại Trung Đông), đã phân tích nguyên nhân sâu xa của sự cạnh tranh này dưới góc nhìn lịch sử và chỉ ra tác động của những chính sách của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama với khu vực Trung Đông. Tác giả cho rằng động cơ chính đằng sau cuộc cạnh tranh Mỹ - Nga bắt nguồn từ cuộc xung đột trên thế địa chính trị xuyên Đại Tây Dương với địa chính trị Á-Âu. Sự gần gũi và giá trị chiến lược của khu vực này khiến nó trở nên rất quan trọng đối với Nga. Sự can dự ít ỏi của Tổng thống Barack Obama ở Trung Đông đã tạo cơ hội vàng cho Putin để đổi mới và củng cố các lợi ích của Nga ở đó. Chính trong những năm đầu tiên của nhiệm kỳ tổng thống của Putin (2000-2004), ông đã củng cố quyền lực của mình và đặt ra các ưu tiên của mình, trong đó có việc tăng cường can dự vào các nước Ả Rập.

Trên phương diện chiến lược, các học giả như Robert Service (2020) và Lâm Phương (2020) đánh giá cao cách tiếp cận “đa cực hóa” của Nga, trong khi Mỹ ngày càng thận trọng. Robert Service (2020) qua bài viết *Russia And American Power In The Middle East* (Nga và sức mạnh của Mỹ ở Trung Đông) nhấn mạnh việc Nga lợi dụng thế đơn cực của Mỹ để xây dựng liên minh đa dạng; còn Lâm Phương qua bài tạp chí *Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Nga tại khu vực Trung Đông* đã chỉ ra cách tiếp cận khá cân bằng và khéo léo của Nga tại Syria đã giúp Nga trở lại trung tâm “cuộc chơi lớn” ở Trung Đông. Robert Service (2020) nhận định Trung Đông là một địa bàn cho những tư duy mới trong chính sách đối ngoại của Nga. Putin trở thành người ủng hộ “đa cực” trong chính trị toàn cầu, ngầm muốn phá vỡ thế đơn cực mà Mỹ đã tạo ra tại Trung Đông. Thành công của Nga tại Syria vào năm 2015 cho thấy Nga đang nắm bắt cơ hội để lấp đầy khoảng trống mà Tổng thống Mỹ Obama và Trump để lại. Tại đây, giới lãnh đạo Nga đã bước qua một cánh cửa rộng mở và gần gũi hơn với khu vực.

Lâm Phương (2020) đã chứng minh cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Nga tại khu vực Trung Đông vẫn chưa có hồi kết. Đây là một trong những bài viết có nội dung tương đồng với đề tài Luận án. Tác giả nhận định rằng trong khi chúng ta chứng kiến sự suy giảm vai trò của Mỹ thì cũng là lúc Nga đảo thế cờ của mình tại Trung Đông, đưa Nga trở thành đối tác đáng tin cậy tại khu vực. Trong khi đó, Mỹ đang có xu hướng co lại tập trung phát triển trong nước, hạn chế sự dàn trải sức mạnh ở

nước ngoài, tránh phiêu lưu trong các cuộc chiến không có mục tiêu rõ ràng và theo đuổi chính sách đối ngoại dựa trên cách tiếp cận “thận trọng”. Tuy nhiên, tác giả cũng khẳng định Mỹ sẽ làm mọi cách để bảo vệ và tăng cường lợi ích chiến lược ở Trung Đông, trong bối cảnh cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ và các cường quốc, trong đó có Nga, ngày càng quyết liệt. Điều này sẽ khiến “bàn cờ” Trung Đông tiếp tục trở thành “điểm nóng” trong thời gian tới.

Mặt khác, Hoffman (2021) bổ sung vai trò của các cường quốc khu vực, bổ sung hướng nghiên cứu mới về tính phức tạp của địa chính trị Trung Đông. Bài viết *The Return of Great-Power Competition to the Middle East: A Two-Level Game* (Sự trở lại của cạnh tranh các cường quốc ở Trung Đông: Trò chơi hai cấp độ) đã đánh giá rằng sự cạnh tranh giữa các cường quốc một lần nữa lại chiếm ưu thế trên trường quốc tế và Trung Đông đã được coi là một sân khấu khu vực, nơi Nga và Trung Quốc đã tìm cách khai thác những sai lầm trong chính sách của Mỹ để thúc đẩy sự đa cực trong khu vực. Jonathan cho rằng hầu hết các học giả chỉ nhìn nhận sự cạnh tranh chính trị tại Trung Đông từ một chiều, theo hướng sự thao túng của các cường quốc toàn cầu, mà chưa tính toán đến các cường quốc khu vực tại đây. Trong bài viết, tác giả lấp đầy khoảng trống nghiên cứu bằng cách chỉ ra chính sách và chiến lược của các cường quốc khu vực để giải quyết các vấn đề của quốc gia và khu vực. Hai cấp độ mà tác giả đề cập đến ở đây chính là cường quốc khu vực và cường quốc toàn cầu.

Góc nhìn thực tiễn từ Đại sứ Nguyễn Quang Khai (2020) bổ sung bằng trải nghiệm trực tiếp, chỉ rõ sự hiện diện quân sự của Nga tại Syria không chỉ củng cố vị thế địa-chiến lược mà còn làm xói mòn niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Mỹ. Bài viết *Bức tranh Trung Đông năm 2019: Phức tạp và khủng hoảng* [Nguyễn Quang Khai, 2020] cho rằng Nga đã trở lại Trung Đông một cách rất ấn tượng khi sự có mặt về quân sự tại Syria cho phép Nga kiểm soát toàn bộ vùng trời và vùng biển của khu vực Địa Trung Hải và Trung Đông. Ngược lại, tác giả cũng cho rằng với những chính sách chưa hoàn toàn đồng nhất của Mỹ dưới thời Donald Trump đã khiến Mỹ bị mất lòng tin của các đồng minh của Mỹ tại khu vực, cũng như uy tín của Mỹ trên thế giới. Đây là một trong những đặc điểm quan trọng nhất trong cán cân so sánh quyền lực giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông hiện nay.

Đặc biệt, trước những đứt gãy địa chính trị sâu sắc toàn cầu, các nghiên cứu đã cập nhật và làm rõ chiều hướng chuyển hóa mới trong cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực Trung Đông khi bị tác động của xu hướng “cân bằng động” từ các quốc gia khu vực. Nghiên cứu nổi bật của Maria Fantappie và Vali Nasr (2023) mang tựa đề *A New Order in the Middle East* trên tạp chí *Foreign Affairs* đã định hình lại góc nhìn về sự tranh giành ảnh hưởng Nga - Mỹ. Các tác giả lập luận rằng, cạnh tranh hiện tại không còn là trò chơi tổng bằng không (zero-sum game) do Mỹ hay Nga đơn phương áp đặt. Các cường quốc tầm trung ở Trung Đông đang áp dụng chiến lược đa liên kết (multialignment), sử dụng sự hiện diện của Nga tại Syria và khu vực như một đòn bẩy mặc cả để yêu cầu các cam kết an ninh tốt hơn từ Mỹ. Điều này làm phức tạp hóa nỗ lực kiềm chế Nga của Mỹ.

Ở Việt Nam, gần đây, có Luận án nghiên cứu về vấn đề này là “*Cạnh tranh chiến lược Nga-Mỹ ở Trung Đông giai đoạn từ năm 2015 đến nay*” [Lê Xuân Thuận, 2025] tại Học viện Ngoại giao và luận án *Cạnh tranh chiến lược Nga-Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024*” [Lê Thị Ánh Tuyết, 2026]. Luận án đã làm rõ bản chất cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại Trung Đông trong bối cảnh mới, tác động của cạnh tranh chiến lược Nga-Mỹ tới cục diện Trung Đông từ năm 2015 đến nay, trong đó có đề cập đến vấn đề Syria như một điểm cạnh tranh hai nước để thực hiện mục tiêu chung trong tổng thể ảnh hưởng của Nga, Mỹ tại Trung Đông.

Bên cạnh đó, còn rất nhiều công trình nghiên cứu về tổng thể cạnh tranh Nga-Mỹ sau chiến tranh Lạnh, trong đó có phân tích đến cạnh tranh Nga-Mỹ tại Trung Đông là khu vực mở rộng cạnh tranh địa - chính trị giữa hai cường quốc, sau không gian hậu Xô viết. Tiêu biểu có thể kể đến bài nghiên cứu *Quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay* của Nguyễn Lan Hương trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (số 6 - 2024). Tác giả nhận định rằng dù Mỹ “áp dụng chiến lược tách rời tổng thể và rút lui một phần, vẫn cố gắng duy trì sự hiện diện và ảnh hưởng” tại Trung Đông. Trong khi đó, Nga liên tục “mở rộng sự hiện diện quân sự ở các nước như Syria, Ai Cập, Libya, đồng thời phá vỡ sự độc quyền của Mỹ trong các vấn đề khu vực” [Nguyễn Lan Hương, 2024, tr.55].

Nhìn chung, dù có sự khác biệt về trọng tâm, các nghiên cứu đều thống nhất rằng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông là cuộc đua đa diện, phản ánh xu hướng

dịch chuyển từ thế giới đơn cực sang đa cực. Sự phát triển của học thuật từ phân tích song phương đến đa phương, từ an ninh thuần túy sang kết hợp kinh tế - chiến lược, cho thấy Trung Đông vẫn là “bàn cờ” sống động trong cục diện quyền lực toàn cầu.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về nội chiến Syria

Nội chiến Syria bắt đầu từ năm 2011 nhưng đến nay chưa tìm được giải pháp chính trị. Những hậu quả nặng nề về kinh tế, xã hội, nhân đạo tại Syria là đề tài được nhiều học giả nghiên cứu quan tâm nên các công trình nghiên cứu về nội chiến Syria khá phong phú và đa dạng.

Năm 2019, nhà xuất bản Palgrave Macmillan đã cho ra đời ấn phẩm *Syria: From National Independence to Proxy War* (Syria: Từ độc lập dân tộc đến chiến tranh ủy nhiệm) của Linda Matar và Ali Kadri. Cuốn sách cung cấp một bức tranh tổng thể về quỹ đạo phát triển của Syria từ đầu thế kỷ XX cho đến ngày nay. Các chủ đề được đề cập bao gồm các nỗ lực phát triển hậu thuộc địa của Syria, bước nhảy vọt của nước này vào chủ nghĩa xã hội và sau đó là chủ nghĩa tân tự do vào cuối thế kỷ XX, chính trị của nước này trong mặt trận kháng chiến, và cuối cùng là các mối quan tâm về an ninh lương thực và sức khỏe của nước này.

Trong số những công trình khoa học nghiên cứu về cuộc nội chiến Syria, ấn phẩm *World War in Syria: Global Conflict on Middle Eastern Battlefields* (Chiến tranh thế giới ở Syria: Xung đột toàn cầu trên chiến trường Trung Đông) [Abrams, 2021] cung cấp một nghiên cứu toàn diện về mười năm đầu tiên của Chiến tranh Syria, cũng như một nền tảng sâu rộng về lịch sử xung đột lâu dài của Syria với thế giới phương Tây và các đối tác chiến lược khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ và Israel. Tác giả đã đưa ra một phân tích về cuộc xung đột thông qua mô hình “chiến tranh thế giới”, mặc dù chỉ tập trung vào một quốc gia, chứ không phải là một cuộc nội chiến, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng để hiểu tác động của cuộc xung đột đối với an ninh quốc tế cũng như động cơ và lợi ích của tất cả các bên chính tham gia.

Ở góc nhìn tương tự về bối cảnh địa chính trị, đặt cuộc chiến Syria trong tổng thể bức tranh chính trị toàn cầu, cuốn sách được tái bản lần thứ 2 của Samer N. Abboud (2018) với tựa đề *Syria: Hot Spots in Global Politics* (Syria: Điểm nóng trong chính trị toàn cầu) đưa ra một phân tích chuyên sâu về việc Syria rơi vào nội

chiến, sự bế tắc sau đó và hậu quả của sự tham gia quân sự của Nga sau năm 2015. Ông làm sáng tỏ những động lực phức tạp và nhiều tầng lớp của cuộc xung đột và chứng minh sự phân mảnh của phe phái, bạo lực kéo dài của chế độ, các tác nhân quốc tế và sự xuất hiện của các trung tâm quyền lực cạnh tranh đã xé nát Syria theo những cách hoàn toàn không thể đảo ngược.

Bên cạnh các nghiên cứu học thuật, các nhà báo có mặt tại thực địa cũng cung cấp tư liệu quý giá về cuộc chiến. Tiêu biểu có thể kể đến tác phẩm *Civil War in Syria: Mobilization and Competing Social Orders* (Nội chiến ở Syria: Huy động lực lượng và sự cạnh tranh giữa các trật tự xã hội) của Adam Baczko, Gilles Dorronsoro và Quesnay (2017) khai thác những tác động của chiến tranh đối với xã hội Syria thông qua phỏng vấn sâu và quan sát trực tiếp. Các tác giả đặt ra nhiều câu hỏi quan trọng liên quan đến tác động của nội chiến đến tình hình kinh tế - xã hội của Syria. Tác phẩm này giúp tái hiện một cách sinh động quá trình thiết lập trật tự chính trị trong các khu vực do phe phái kiểm soát, đồng thời phản ánh sự đối đầu giữa các nhóm thánh chiến có nguồn tài trợ mạnh như Jabhat al-Nusra và ISIS với các lực lượng kém hậu thuẫn hơn.

Cùng dưới góc nhìn báo chí, cuốn sách *Inside Syria, The Backstory of Their Civil War and What the World Can Expect* (Bên trong Syria, Câu chuyện đằng sau cuộc nội chiến của họ và những gì thế giới có thể mong đợi) của Reese Erlich và Noam Chomsky (2019) cũng là một trong những tài liệu tham khảo quan trọng khi nghiên cứu về nội chiến Syria. Thông qua các cuộc phỏng vấn với các thủ lĩnh phe nổi dậy, những người ủng hộ chế độ và chính tổng thống Syria Bashar al-Assad, nhà báo kỳ cựu Reese Erlich giúp người đọc hiểu rõ hơn về cuộc tranh giành quyền lực quan trọng này. Cuốn sách cung cấp lịch sử bất ổn chính trị lâu dài của Syria, tổng quan về các hệ tư tưởng tạo nên các phe phái trong cuộc xung đột nội bộ của họ, và những ảnh hưởng bên ngoài liên quan đến Nội chiến Syria làm phức tạp thêm tình hình nội bộ và địa chính trị tại đây.

Tiếp cận từ nguyên nhân bên trong của cuộc nội chiến, học giả Joseph Daher (2019) xuất bản cuốn sách 459 trang với tiêu đề *Syria After the Uprisings: The Political Economy of State Resilience* (Syria sau các cuộc nổi dậy: Nền kinh tế chính trị của Nhà nước có khả năng hồi phục). Daher đã phân tích động lực kinh tế -

chính trị giúp chính quyền Assad duy trì quyền lực. Cuốn sách xem xét sự chuyển biến từ một cuộc nổi dậy hòa bình sang nội chiến toàn diện, đồng thời đánh giá vai trò của các yếu tố phản cách mạng, cả trong và ngoài Syria. Tác giả cũng đặt câu hỏi về cách các can thiệp khu vực và quốc tế ảnh hưởng đến cục diện xung đột và những yếu tố dẫn đến sự thất bại của phe đối lập. Tác giả xem xét nguồn gốc và diễn biến của cuộc nổi dậy ở Syria bắt đầu vào tháng 3 năm 2011 như một phần của các cuộc nổi dậy rộng rãi hơn ở Trung Đông và Bắc Phi (MENA). Joseph Daher phân tích khả năng phục hồi của chế độ và những thất bại của cuộc nổi dậy, đồng thời xem xét quá trình phản cách mạng đang phá hoại cuộc nổi dậy từ bên ngoài và bên trong. Mặt khác, tác giả đã lý giải những câu hỏi và vấn đề như sự can thiệp của khu vực và quốc tế ảnh hưởng đến cuộc nổi dậy ở Syria như thế nào? Nguyên nhân nào dẫn đến việc phát triển một cuộc nổi dậy hòa bình thành một cuộc nội chiến vũ trang với các thành phần khu vực và quốc tế?

Bên cạnh đó, hậu quả của cuộc nội chiến dai dẳng tại Syria đã kéo theo những vấn đề nhân đạo nghiêm trọng tại quốc gia này. Đây cũng là một chủ đề được nhiều học giả nghiên cứu. Tiêu biểu đó là cuốn sách *The Syria Dilemma* (Tiền thoái lưỡng nan ở Syria) của tác giả Nader Hashemi và Danny Postel (2013). Nhóm nghiên cứu đã tập hợp các bài nghiên cứu phân tích bức tranh toàn cảnh về tình hình chính trị, xã hội và tôn giáo chính của cuộc xung đột Syria. Với tư cách là những nhà lý luận quan hệ quốc tế, các nhà hoạt động nhân quyền và các học giả về can thiệp nhân đạo, các tác giả đã chứng minh cho người đọc thấy tình hình ở Syria đặt ra cho cộng đồng quốc tế một tình thế tiến thoái lưỡng nan như thế nào. Cuốn sách này tập trung vào những vấn đề về khả năng can thiệp nhân đạo vào Syria.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của các học giả Việt Nam cũng đóng góp những góc nhìn quan trọng về nội chiến Syria. Bài viết *Syria và những trang lịch sử* của hai học giả Cao Văn Liên và Mai Thị Hà trên Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông vào tháng 3-2017 đã phác thảo những điểm chính trong bức tranh khái quát và súc tích về đất nước Syria từ thời kỳ Cổ đại đến Hiện đại. Trong đó các tác giả có chỉ ra những điểm chính trong cuộc nội chiến Syria hiện nay với những diễn biến phức tạp của một Syria hỗn loạn với sự can thiệp của nhiều bên; từ đó chỉ ra những hệ quả của cuộc nội chiến với Syria và thế giới. Trong khi đó, bài tạp chí *Mười năm*

cuộc chiến Syria: Từ “Mùa xuân Arab” đến “cuộc chiến tranh thế giới thu nhỏ” của tác giả Lê Thế Mẫu (2021) đã phân tích quan điểm của tác giả cho rằng cuộc chiến tại Syria là một cuộc chiến tranh thế giới thu nhỏ khi có sự tham gia, liên quan của nhiều quốc gia trong khu vực và các cường quốc toàn cầu, đặc biệt là vai trò của Nga và Mỹ. Cũng chính vì vậy, để giải quyết được cuộc nội chiến này cần phải có sự hợp tác, đàm phán của nhiều quốc gia.

Cuối cùng, một số tác phẩm khác cũng cung cấp những phân tích quan trọng về xung đột Syria trong bối cảnh lịch sử và luật pháp quốc tế. Cuốn sách *Syria: From the Great War to Civil War* [McHugo, 2015] cũng là một nguồn tư liệu tham khảo khi tập trung vào giai đoạn 1920-2015 và cung cấp một cái nhìn tổng quan rõ ràng và ngắn gọn về lịch sử của Syria trong giai đoạn này. Trong khi đó, cuốn sách *The Conflict in Syria and the Failure of International Law to Protect People Globally: Mass Atrocities, Enforced Disappearances and Arbitrary Detentions* [Jeremy Julian Sarkin, 2021] đánh giá những thất bại của luật pháp quốc tế và Liên hợp quốc trong việc ngăn chặn bạo lực và vi phạm nhân quyền tại Syria. Những nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của nội chiến Syria, từ nguyên nhân lịch sử, động lực chính trị, kinh tế, đến tác động quốc tế, qua đó cung cấp nền tảng quan trọng cho các nghiên cứu tiếp theo về xung đột tại quốc gia này.

1.2. Các công trình nghiên cứu về chính sách của Nga, Mỹ với Syria

1.2.1. Về chính sách của Nga với Syria

Chính sách của Nga tại Syria đã trở thành một chủ đề quan trọng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, đặc biệt từ sau khi Nga chính thức can thiệp quân sự vào năm 2015. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này có thể được phân loại theo ba hướng chính: (i) phân tích tổng thể chiến lược của Nga tại Syria, (ii) nghiên cứu hoạt động quân sự của Nga, và (iii) đánh giá tác động của sự can thiệp này đối với khu vực và thế giới.

Cuốn sách *Russian Foreign Policy Towards the Middle East: New Trends, Old Traditions* (Chính sách đối ngoại của Nga đối với Trung Đông: Xu hướng mới, truyền thống cũ) [Kozhanov, 2022] cung cấp một cái nhìn toàn diện về sự thay đổi trong chiến lược của Nga tại Trung Đông trong thập kỷ qua. Để phân tích chính sách của Nga tại Trung Đông, tác giả có đưa ra các trường hợp nghiên cứu trong đó

có sự can thiệp của Nga và Syria. Tác giả nhận định Nga đã chuyển từ chính sách “đối phó” sang cách tiếp cận chủ động và quyết liệt hơn sau khi can thiệp quân sự vào Syria năm 2015. Trong chương 3 và chương 4, Kozhanov đã phân tích các yếu tố nội bộ thúc đẩy chiến dịch Syria và các lập luận pháp lý, chuẩn mực mà Nga sử dụng để giải thích cho việc can thiệp quân sự vào Syria (như lời mời của chính phủ hợp pháp và mục tiêu chống khủng bố). Cuốn sách cũng đưa ra nhận định rằng mặc dù Nga đã giành được những thành tựu đáng kể, nhưng Nga vẫn có những rào cản lớn như điểm yếu về kinh tế không đủ mạnh để cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính quy mô lớn hoặc đầu tư tái thiết, điều này hạn chế đòn bẩy chính trị lâu dài của Nga so với Mỹ hoặc Trung Quốc.

Cuốn sách *Russia and the Syrian Conflict: Moscow's Domestic, Regional and Strategic Interests* (Nga và xung đột Syria: Lợi ích trong nước, khu vực và chiến lược của Nga) [Kozhanov, 2016] là một trong những nghiên cứu toàn diện về các lợi ích trong chính sách đối ngoại của Nga ở Syria. Thông qua bảy chương sách, tác giả đặt chính sách của Nga vào bối cảnh rộng lớn hơn của chính sách Trung Đông, xem xét các động cơ trong nước, khu vực và chiến lược của Nga. Các yếu tố then chốt được phân tích bao gồm di sản quan hệ Nga - Syria từ thời Liên Xô, tác động của Mùa xuân Ả rập, nguy cơ từ chủ nghĩa khủng bố và động lực đằng sau quyết định hỗ trợ chính quyền Assad. Sau khi trở lại ghế Tổng thống năm 2012, Putin đã thúc đẩy một chính sách chủ động hơn tại Trung Đông nhằm khôi phục vị thế cường quốc và thách thức sự thống trị của Mỹ. Tác giả đã phân tích tầm quan trọng của Syria để giải thích tại sao Syria trở thành ưu tiên hàng đầu của Nga tại Trung Đông. Kozhanov đánh giá quyết định triển khai quân đội năm 2015, coi đây là một bước đi đột phá để cứu vãn chế độ Assad khỏi sự sụp đổ và ngăn chặn sự trỗi dậy của chủ nghĩa thánh chiến. Tác giả nhận định việc Nga can thiệp vào Syria là một tính toán địa chính trị để buộc phương Tây phải công nhận Nga là một đối trọng ngang hàng và ngăn chặn sự cô lập quốc tế thời điểm đó với 3 mục tiêu cốt lõi: Kinh tế (bảo vệ thị trường vũ khí, năng lượng), Chính trị (tránh bị cô lập, tạo đòn bẩy với Mỹ/EU) và An ninh (giảm thiểu đe dọa từ chủ nghĩa cực đoan ở Caucasus).

Ở góc độ tương tự, bài viết *Sự can dự của Nga vào Syria từ năm 2011 đến nay* của Kim Ngọc Thu Trang (2020) tập trung vào bốn mục tiêu chính của Nga: quân

sự - an ninh, chính trị, kinh tế và ngoại giao. Tác giả lập luận rằng chính sách của Nga nhất quán với mục tiêu bảo vệ chính quyền Assad, kiềm chế ảnh hưởng của Mỹ, đồng thời duy trì vị thế chiến lược của Nga tại Trung Đông. Nga tiếp tục duy trì vai trò hỗ trợ lực lượng chính phủ Syria nhằm hạn chế tối đa sự can thiệp của Mỹ với các phe đối lập. Đồng thời, cùng với Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Nga sẽ tiếp tục đưa vấn đề Syria lên bàn đàm phán để tiến tới một tương lai chính trị cho Syria. Bài viết từ đó chỉ ra kết quả, tác động của sự can dự này đối với Nga và Syria và khu vực Trung Đông. Tác giả nhận định rằng quyết định can dự vào Syria của Nga đã mang lại những thành công so với mục tiêu ban đầu. Chính sách ủng hộ, hậu thuẫn cho chính quyền Syria của Nga khiến quan hệ hai nước thêm gắn kết, đồng thời giúp Nga chiếm ưu thế trong cuộc đua tranh giành lợi ích tại Syria, thông qua đó mở rộng ảnh hưởng ra khu vực Trung Đông. So với nghiên cứu của Kozhanov (2016), bài viết này cung cấp một cái nhìn cập nhật hơn về vai trò của Nga trong tiến trình hòa đàm Syria và sự phối hợp với các đối tác như Iran và Thổ Nhĩ Kỳ.

Trujillo phân tích chiến lược ngoại giao - an ninh của Nga tại Syria trong mạch liên tục lịch sử quan hệ Nga - Syria và di sản tư duy Chiến tranh Lạnh chi phối cách Nga nhìn nhận trật tự quốc tế và vai trò của Mỹ trong bài viết *Russia's foreign and security policy in Syria: historical relations, Cold War paradigms, and contemporary geopolitics* (Chính sách đối ngoại và an ninh của Nga tại Syria: quan hệ lịch sử, mô hình tư duy Chiến tranh Lạnh và địa chính trị đương đại) [Trujillo, 2025]. Tác giả cho rằng Syria trở thành “điểm tựa” để Nga khẳng định vị thế cường quốc và chống lại ảnh hưởng của Mỹ theo logic “hậu Chiến tranh Lạnh”. Dưới góc độ phân tích từ phía Nga, bài viết nhấn mạnh cách Nga sử dụng lập luận chống “thay đổi chế độ” và diễn ngôn chống khủng bố để hợp thức hóa can thiệp, cho thấy sự cạnh tranh về tính chính danh và sự chi phối luật chơi quốc tế giữa Nga và Mỹ tại Syria.

Một khía cạnh quan trọng khác trong nghiên cứu về chính sách của Nga tại Syria là tác động của sự can thiệp này đối với cán cân quyền lực khu vực và quan hệ Nga - phương Tây. Sự can thiệp của Nga vào Syria chính thức từ năm 2015 đã thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế và các học giả nghiên cứu về quan hệ quốc tế. Nhiều bài viết tập trung đánh giá vào tác động, mục tiêu của Nga khi quyết định can thiệp vào Syria. Việc Nga triển khai hoạt động quân sự can thiệp trực tiếp vào Syria

đã khiến cục diện cuộc chiến tại Syria thay đổi hoàn toàn. Do đó, nhiều học giả nghiên cứu về mục tiêu, tác động của các hoạt động quân sự của Nga tại Syria. Đây là những tài liệu tham khảo giá trị cho chương 3 của luận án. Tiêu biểu có thể kể đến một số công trình sau:

Một nghiên cứu tập trung vào giai đoạn quan trọng của cuộc chiến tại Syria với vai trò của Nga được tập thể các tác giả Simpson, Grissom, Mouton, Godges (2022) nghiên cứu trong công trình *Road to Damascus: The Russian Air Campaign in Syria 2015 to 2018* (Đường đến Damascus: Chiến dịch không quân của Nga tại Syria, 2015 đến 2018). Các tác giả đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và khả năng thích ứng của lực lượng không quân Nga trong cuộc nội chiến ở Syria bằng cách phân tích dữ liệu, xem xét lịch sử hoạt động, các cuộc không kích và bố trí của máy bay Nga từ tháng 9/2015 đến tháng 3/2018 để xác định hiệu quả tương đối của lực lượng không quân Nga đối với phe đối lập Syria và Nhà nước Hồi giáo ở Iraq và Syria (ISIS). Điểm đặc biệt của nghiên cứu này là sự so sánh giữa cách Nga và liên quân do Mỹ dẫn đầu triển khai sức mạnh không quân, giúp làm rõ ưu nhược điểm của hai mô hình tác chiến.

Một nghiên cứu quan trọng khác về chiến dịch quân sự của Nga là cuốn sách *Operation Aleppo: Russia's War in Syria* (Chiến dịch Aleppo: Cuộc chiến của Nga tại Syria) [Ripley, 2018]. Tác giả xem xét quá trình can thiệp của Nga và những tác động của nó ở Trung Đông và các khu vực xa hơn. Dựa trên nhiều nguồn khác nhau - bao gồm cả hình ảnh vệ tinh của các lực lượng Nga ở Syria, cũng như giám sát trực tuyến các hoạt động di chuyển của tàu và máy bay Nga, Syria và Iran - cuốn sách này cung cấp một cái nhìn chi tiết về chiến dịch Aleppo - một trong những trận chiến quan trọng nhất trong cuộc nội chiến Syria, với sự tham gia trực tiếp của quân đội Nga. Đây là chiến dịch quân sự đầy tham vọng nhất của Nga kể từ thời Xô Viết khi can thiệp vào Afghanistan trong những năm 1980. Mặt khác, tác phẩm *Operation Aleppo: Russia's War in Syria* (Chiến dịch Aleppo: Cuộc chiến của Nga tại Syria) [Tim Ripley, 2018] không chỉ tập trung vào chiến dịch quân sự mà còn đề cập đến tác động của sự can thiệp này đối với an ninh khu vực, đặc biệt là cách phương Tây và các cường quốc khu vực phản ứng với hành động của Nga. So với các nghiên cứu trước đó, Ripley nhấn mạnh hơn vào yếu tố địa chiến lược, cho thấy

Nga không chỉ bảo vệ lợi ích tại Syria mà còn sử dụng Syria như một bàn đạp để tăng cường ảnh hưởng toàn cầu.

Trong khi đó, Bài viết *Mục tiêu chiến lược của Nga trong chiến dịch quân sự tại Syria* [Phan Thị Thu Dung, 2016] đưa ra 6 mục tiêu khá đầy đủ và bao quát của Nga khi can thiệp vào Syria. (i) Bảo vệ chính quyền của Tổng thống Bashar al-Assad và chống lại lực lượng khủng bố ở Syria và khu vực. (ii) Mở rộng ảnh hưởng của Nga tại khu vực Địa Trung Hải. (iii) Khẳng định vị thế cường quốc toàn cầu của Nga. (iv) Ngăn chặn ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây ở khu vực, chia rẽ nội bộ liên minh chống IS do Mỹ dẫn đầu. (v) Sử dụng vấn đề Syria là “con bài” để thúc đẩy bình thường hóa quan hệ với Mỹ và châu Âu, giúp Nga thoát khỏi tình trạng bị cô lập (vi) bảo vệ an ninh của Nga định hướng dư luận trong nước. Đây là một trong những bài viết có tính lý luận cao, giúp đặt chiến dịch quân sự của Nga vào bối cảnh chiến lược dài hạn của Nga ở phạm vi toàn cầu.

Bài nghiên cứu *Một số vấn đề xung quanh hoạt động quân sự của Nga ở Syria* [Nguyễn Duy Thắng, 2016] phân tích mục đích hoạt động quân sự của Nga ở Syria trên 2 góc độ là kiềm chế hoạt động khủng bố của IS, duy trì lợi ích truyền thống tại Syria và gia tăng áp lực, tạo thế cân bằng tương đối với Mỹ. Đồng thời bài viết cũng đưa ra những đặc điểm quân sự của Nga tại Syria dưới góc độ quân sự và từ đó đánh giá tác động của hoạt động quân sự của Nga tại Syria. Việc Nga tác chiến liên hợp lực lượng hải quân và lực lượng không quân đã đem lại hiệu quả chiến đấu cao; cùng với việc sử dụng nhiều vũ khí hiện đại mới, có tính chính xác cao; ảnh hưởng của Nga tại Syria đã gia tăng mạnh mẽ. Cũng chính khi Nga mở rộng ảnh hưởng với khu vực Trung Đông thông qua hành động can thiệp vào Syria đã tạo ra áp lực mạnh mẽ với Mỹ tại Trung Đông vào thời điểm đó.

Có thể thấy, các công trình trong nhóm nghiên cứu về Nga tại Syria có ưu điểm là làm rõ mục tiêu, công cụ và hiệu quả của sự can dự của Nga vào năm 2015. Do đó, các nghiên cứu đã có nhiều giá trị tham khảo cho Luận án khi nghiên cứu về mục tiêu, chính sách Nga triển khai nhằm cạnh tranh với Mỹ tại Syria trong giai đoạn 2011-2024.

1.2.2. Về chính sách của Mỹ với Syria

Chính sách của Mỹ với Syria đã thu hút nhiều nghiên cứu học thuật, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh chống khủng bố, cạnh tranh địa chính trị và can thiệp

quân sự. Các công trình nghiên cứu về chủ đề này có thể chia thành ba hướng chính: chính sách dài hạn của Mỹ với Syria và chủ nghĩa dân tộc Ả Rập, sự can thiệp quân sự của Mỹ trong cuộc chiến chống ISIS, và quan hệ Mỹ - Syria trong bối cảnh rộng lớn hơn của Trung Đông. Các nghiên cứu thể hiện quan điểm và góc nhìn của người Mỹ với nội chiến Syria.

Phân tích chính sách của Mỹ đối với Syria, *Washington's Long War on Syria* (Cuộc chiến lâu dài của Washington ở Syria) [Gowans, 2017] là một cuốn sách tiêu biểu. Stephen phân tích cuộc xung đột Syria không phải như một phong trào đòi dân chủ đơn thuần, mà là kết quả của một nỗ lực lâu dài của Mỹ nhằm lật đổ chủ nghĩa dân tộc Ả Rập thế tục. Theo tác giả, Mỹ đã cố gắng loại bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc Ả Rập khỏi khu vực vì phong trào này đe dọa chương trình bá quyền của Mỹ và lợi ích kinh tế của các tập đoàn Mỹ. Cuốn sách đặt Syria vào cùng một nhóm với Ai Cập dưới thời Nasser, Iraq dưới thời Saddam Hussein và Libya dưới thời Gaddafi - các quốc gia có chính quyền theo đường lối dân tộc chủ nghĩa và từng đối đầu với Mỹ. Ông cho rằng Mỹ đã tìm cách loại bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc Ả Rập khỏi nhà nước Syria và thế giới Ả Rập rộng rãi hơn bởi vì nó là mối đe dọa đối với mục tiêu tổng thể của Mỹ. Đến năm 2011, chỉ còn lại một quốc gia liên Ả Rập trong khu vực - Syria. Trong Cuộc chiến trường kỳ của Mỹ ở Syria, Gowans xem xét cuộc đấu tranh kéo dài hàng thập kỷ giữa chủ nghĩa dân tộc Ả Rập thế tục, Hồi giáo chính trị và chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ để giành quyền kiểm soát Syria. So với các nghiên cứu khác, công trình của Gowans mang tính lý luận cao và có góc nhìn phản biện mạnh mẽ đối với chính sách Mỹ. Ông lập luận rằng Mỹ đã liên minh với các lực lượng Hồi giáo chính trị để chống lại các chính phủ dân tộc chủ nghĩa Ả Rập. Đây là một góc tiếp cận khác biệt so với các nghiên cứu tập trung vào yếu tố an ninh hoặc quan hệ quốc tế thuần túy.

Trong khi Gowans tập trung vào chính sách dài hạn của Mỹ, đặt trọng tâm vào động cơ địa chính trị và kinh tế của Mỹ, thì cuốn *America's War in Syria: Fighting with Kurdish Anti-ISIS Forces* (Cuộc chiến của Mỹ ở Syria: Chiến đấu với lực lượng chống IS của người Kurd) [Paasche et al, 2022] đi sâu vào hoạt động quân sự của Mỹ trong cuộc chiến chống ISIS. Điều đặc biệt là cả ba tác giả đều là những người trực tiếp đã tham gia vào tất cả các trận tác chiến lớn của người Kurd chống

lại Nhà nước Hồi giáo từ cuối năm 2014 đến giữa năm 2016. Cách tiếp cận thực tiễn và mang tính chiến thuật hơn, tập trung vào hiệu quả quân sự thay vì lý giải chính trị mang lại góc nhìn thực tế và sinh động về vai trò của Mỹ trên chiến trường. Nghiên cứu này chia sự can thiệp của Mỹ thành nhiều giai đoạn, từ giai đoạn xây dựng lực lượng, cung cấp hỗ trợ quân sự cho người Kurd, đến chiến dịch tiêu diệt Nhà nước Hồi giáo. Cuốn sách nhấn mạnh hiệu quả của chiến lược không kích Mỹ và Anh, cũng như những hạn chế trong chính sách của Washington, đặc biệt là sự thiếu cam kết dài hạn đối với các đồng minh người Kurd.

Mặc dù Syria không phải là quốc gia đóng vai trò quan trọng trong tổng thể chính sách đối ngoại của Mỹ tại Trung Đông; song chính sách của Mỹ với Syria từ khi nội chiến Syria bùng nổ là một chủ đề được nhiều học giả khai thác. Tiêu biểu có thể kể đến cuốn sách *Syria, the United States, and the War on Terror in the Middle East* [Rabil, 2006]. Không nghiên cứu trực tiếp cuộc nội chiến Syria từ năm 2011 nhưng Rabil cung cấp bối cảnh lịch sử quan trọng về chính sách Mỹ đối với Syria trước đó. Cuốn sách phân tích vai trò của Syria trong xung đột Ả Rập - Israel, quan hệ Syria - Iran - Lebanon, cũng như tác động của chiến tranh chống khủng bố đối với quan hệ Mỹ - Syria.

So với hai nghiên cứu trên, công trình của Rabil mang tính lịch sử nhiều hơn, giúp giải thích tại sao Mỹ có xu hướng đối đầu với chính quyền Assad ngay cả trước khi cuộc nội chiến nổ ra. Trong khi Gowans tập trung vào cuộc chiến Mỹ - chủ nghĩa dân tộc Ả Rập và Paasche đi sâu vào chiến thuật quân sự chống ISIS, Rabil cung cấp cái nhìn bao quát hơn về quan hệ Mỹ - Syria trong dài hạn. Mặc dù không nghiên cứu trực tiếp cuộc nội chiến Syria diễn ra từ năm 2011 đến nay; nhưng những nội dung phân tích liên quan đến tình hình lịch sử quan hệ Mỹ - Syria giữa xung đột Ả Rập - Israel và sau chiến tranh Lạnh cũng như quan hệ Syria - Iran - Lebanon mà cuốn sách đề cập cũng là những nội dung có giá trị tham khảo cho luận án khi nhìn tổng thể về mục tiêu cũng như chiến lược của Mỹ với Syria.

Năm 2021, hai học giả người Israel là Rabinovich và Valens đã có những phân tích súc tích toàn diện, học thuật nhưng dễ tiếp cận Lịch sử và chính trị Syria từ những ngày đầu của đất nước cho đến cuộc khủng hoảng hiện nay trong công trình nghiên cứu *Syrian Requiem: The Civil War and Its Aftermath* (Syria: Nội

chiến và hậu quả). Cuốn sách với 6 chương chính đã nghiên cứu cơ bản khái quát về lịch sử Syria và phân tích các sự kiện, diễn biến quan trọng của cuộc nội chiến Syria tính từ thời điểm từ khi các cuộc biểu tình bùng phát tự phát vào tháng 3 năm 2011 đến đầu năm 2018. Tác giả phân tích những lợi thế của chính quyền so với phe đối lập trong tương quan so sánh lực lượng tổng thể. Đồng thời, cuốn sách cũng đưa ra những phân tích cơ bản về vai trò chủ yếu của Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Israel; đặc biệt là vai trò của Nga và Mỹ trong cuộc nội chiến này. Cuốn sách cung cấp một cái nhìn đa chiều về một cuộc nội chiến đang bế tắc, chưa tìm được hướng giải quyết.

1.3. Các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria

1.3.1. Các công trình nghiên cứu về lý luận cạnh tranh trong quan hệ quốc tế

Lịch sử thế giới cho thấy các cuộc chiến tranh đều xuất phát từ sự mâu thuẫn, cạnh tranh, đối đầu của các quốc gia; và mỗi cuộc chiến tranh kết thúc đều dẫn đến sự hình thành trật tự thế giới mới. Do đó, cạnh tranh, cạnh tranh nước lớn là một trong những vấn đề được nhiều học giả quan hệ quốc tế quan tâm. Qua đó, những quan niệm, cách hiểu, đặc điểm về cạnh tranh đã được hình thành trong quan hệ quốc tế, dưới góc nhìn của các trường phái lý thuyết cổ điển và cả trong những nghiên cứu mới là những công trình tham khảo cung cấp nền tảng lý luận cho luận án. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận có thể được phân loại thành ba hướng tiếp cận chính: nghiên cứu về nội hàm khái niệm và đặc điểm cạnh tranh, nghiên cứu dưới lăng kính các lý thuyết quan hệ quốc tế và các nghiên cứu xây dựng khung phân tích đương đại.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về nội hàm cạnh tranh

Bàn về khái niệm, các học giả quốc tế tập trung làm rõ ranh giới giữa “cạnh tranh” (competition) và “kình địch” (rivalry). Trước hết phải nhắc đến cuốn sách “*Great power rivalries*” (Cạnh tranh cường quốc) [Thompson, 1999]. Thay vì chỉ tập trung vào sự bùng nổ kịch tính của các mâu thuẫn, xung đột giữa các quốc gia, tác giả xem xét những tiền đề của sự cạnh tranh và xem sự cạnh tranh như một quá trình lịch sử kéo dài, chứ không chỉ là những bùng phát xung đột đơn lẻ. Thompson tập trung vào các cuộc cạnh tranh lớn giữa các quốc gia trong 500 năm qua, từ cuộc cạnh tranh giữa Anh và Pháp cho đến cuộc cạnh tranh thời Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Trong 13 trường hợp nghiên cứu, tác giả tập trung vào

cạnh tranh chiến lược, đặc biệt chú ý đến quá trình chuyển đổi từ cạnh tranh thương mại sang cạnh tranh chiến lược. Nghiên cứu được trình bày theo ba nhóm: sự cạnh tranh giữa các cường quốc trên đất liền có định hướng lục địa; sự cạnh tranh giữa các cường quốc hàng hải; và sự cạnh tranh giữa các cường quốc hàng hải hàng đầu cũng như những kẻ thách thức từ bên ngoài hàng hải. Tác giả dành nhiều thời lượng phân tích các cường quốc biển hàng đầu và những đối thủ thách thức ưu thế chính trị và kinh tế của họ bởi vì những cường quốc này rất quan trọng trong sự phát triển của chính trị thế giới, cũng như sự cạnh tranh của họ, đã hình thành nên một vũ khí xung đột cơ bản cho hệ thống quốc tế.

Cuốn sách *“War and Peace in International Rivalry”* (Chiến tranh và hoà bình trong cạnh tranh quốc tế) [Diehl, Goertz, 2000] là một công trình kinh điển về cạnh tranh quốc tế. Tác giả cung cấp những phân tích chi tiết về sự cạnh tranh quốc tế, xung đột quốc tế và những cuộc đối đầu lâu dài và thường là bạo lực, xung đột quân sự giữa các cặp quốc gia giống nhau. Tác giả khái niệm hoá và đo lường sự ganh đua trong giai đoạn nghiên cứu 1816-1992. Sau khi đưa ra các cách tiếp cận về ganh đua với chiến tranh và hoà bình ở phần I, nhóm tác giả đi sâu phân tích về các cuộc ganh đua lâu dài ở phần II qua lựa chọn 63 cuộc ganh đua lâu dài. Sau khi khảo cứu và phân tích các quan niệm về cạnh tranh, cách tiếp cận về cạnh tranh của các học giả như Bennett, Hensel, Thompson; tác giả đã đưa ra một khái niệm về cạnh tranh dựa trên cách tiếp cận về chiến tranh và hoà bình. Họ quan niệm sự cạnh tranh (ganh đua) là những mối quan hệ quân sự hóa; sự cạnh tranh là những xung đột mà các chính phủ tiến hành bằng cách sử dụng các biện pháp quân sự trong chính sách đối ngoại.

Tiếp tục liên quan đến chủ đề xác định việc cạnh tranh trong chính trị thế giới, Thompson có bài tạp chí với tiêu đề là *Identifying Rivals and Rivalries in World Politics* (Nhận diện đối thủ và sự cạnh tranh trong nền chính trị thế giới) đăng trên *Tạp chí International Studies* [Thompson, 2001]. Bài viết đề cập đến các cách tiếp cận khác nhau về cạnh tranh, trong đó phổ biến nhất là xác định cạnh tranh thông qua tần suất các tranh chấp bị quân sự hóa xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định. Ngoài ra, có thể tiếp cận cạnh tranh từ góc độ nhận thức của các chủ thể xác định quốc gia nào đủ đe dọa các đối thủ cạnh tranh để trở thành “thù địch”.

Tác giả cũng đã bước đầu đề cập đến một số nội dung cơ bản của quan niệm về cạnh tranh chiến lược. Sự cạnh tranh chiến lược liên quan nhiều đến xung đột. Về bản chất, xung đột là về sự khan hiếm tương đối và sự chông chéo về lợi ích, mục tiêu. Xung đột là sự không tương thích thực sự trong việc đạt được các mục tiêu vật chất và phi vật chất. Do đó, tranh chấp về lãnh thổ, ảnh hưởng và địa vị cũng như hệ tư tưởng là cốt lõi của xung đột lợi ích ở mọi cấp độ phân tích, đặc biệt là giữa các quốc gia. Thompson đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong các cách tiếp cận về cạnh tranh và có thể kết hợp sự phù hợp trong các cách tiếp cận để đưa ra những nội dung trong nghiên cứu về cạnh tranh.

Cuốn sách *The Steps to Rivalry Power Politics and Rivalry Formation* (Các bước hình thành cạnh tranh quyền lực chính trị và sự cạnh tranh) [Valeriano, 2003] là một công trình nghiên cứu bài bản, chi tiết về vấn đề cạnh tranh giữa các chủ thể. Trong cuốn sách, Brandon đã đưa ra những khái niệm, cách tiếp cận về cạnh tranh từ góc độ lịch sử bằng việc giải thích nguồn gốc và sự phát triển của sự cạnh tranh giữa các bang. Sự cạnh tranh giữa các quốc gia là một cặp quốc gia có mối quan hệ xung đột lâu dài, được đặc trưng bởi tính chất quân sự hóa và mối đe dọa xung đột thường xuyên. Các đối thủ thường xuyên trải qua xung đột dưới hình thức tranh chấp và chiến tranh lặp đi lặp lại. Tác giả nghiên cứu sự cạnh tranh thể hiện một hướng đi mới trong nghiên cứu về xung đột. Thay vì phân tích chiến tranh và nguồn gốc của nó, nghiên cứu về sự cạnh tranh cho rằng tranh chấp giữa các quốc gia có mối liên hệ xuyên suốt thời gian và không gian. Lịch sử xung đột giữa một cặp quốc gia là một yếu tố thường bị bỏ qua trong các nghiên cứu về xung đột. Có một số cặp trạng thái nhất định gặp nhiều xung đột hơn bất kỳ loại cặp trạng thái nào khác. Thông qua 11 chương sách, tác giả đã phân tích chi tiết được các khái niệm, nội hàm, nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh giữa các chủ thể trong chính trị thế giới.

Bài nghiên cứu *Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế* của [Vũ Văn Anh, 2021] là một trong những tài liệu tham khảo gần đây có nhiều nội dung quan trọng mà Luận án có thể tham khảo khi nghiên cứu về khái niệm, cách tiếp cận cạnh tranh, các khía cạnh của cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế. Tác giả đã đưa ra hai cách tiếp cận chính trong cạnh tranh đó là căn cứ vào các tranh chấp bị quân sự hoá và cách tiếp cận dựa trên nhận thức của chủ thể. Qua đó, tác giả cũng

đã chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của từng cách tiếp cận này khi nghiên cứu về các cuộc cạnh tranh trong quan hệ quốc tế. Đặc biệt bài viết sau khi phân tích, khảo cứu các cách tiếp cận về cạnh tranh, tác giả đã đưa ra một khái niệm về cạnh tranh tương đối đầy đủ.

Cũng đưa ra những quan niệm về cạnh tranh, bài viết *Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế: Phạm trù và các biến số tác động* của [Trần Nam Tiến, 2021] khảo cứu khái niệm cạnh tranh (competition) và cạnh tranh chiến lược (strategic competition) ở nghĩa rộng và nghĩa hẹp từ góc nhìn quan hệ quốc tế. Qua đó cho thấy đây không chỉ là sự ganh đua thông thường mà là quá trình các quốc gia sử dụng nhiều công cụ khác nhau để gia tăng vị thế, bảo vệ lợi ích và định hình môi trường chiến lược theo hướng có lợi cho mình. Sau đó, tác giả tập trung phân tích các biến số tác động đến cạnh tranh chiến lược trong bối cảnh hiện nay, hàm ý rằng mức độ và hình thức cạnh tranh không cố định mà phụ thuộc vào tương quan lực lượng, bối cảnh khu vực, lợi ích của các bên và sự biến đổi của trật tự quốc tế. Tác giả phân tích năm biến số tác động đến cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia. Đó là: “ý thức hệ”, yếu tố bản sắc, “tính cách” quốc gia, nội bộ các quốc gia cạnh tranh chiến lược và vai trò của các nhà (nhóm) lãnh đạo của các quốc gia.

Thứ hai, nhóm công trình luận giải cạnh tranh dưới lăng kính các lý thuyết quan hệ quốc tế

Chủ nghĩa Hiện thực (Realism) là lý thuyết cung cấp nhiều luận điểm cốt lõi nhất về cạnh tranh, liên quan đến môi trường vô chính phủ, quyền lực, tình trạng lưỡng nan về an ninh... Xuất phát từ vấn đề trung tâm là “quyền lực”, Morgenthau (1948) trong cuốn *Politics among nations: The struggle for power and peace* (Chính trị giữa các quốc gia: Cuộc đấu tranh vì quyền lực và hòa bình) khẳng định chính trị quốc tế là một cuộc đấu tranh để giành quyền lực và bị điều chỉnh bởi quy luật khách quan xuất phát từ bản chất “vị kỷ” nỗ lực giành quyền lực của con người. Từ lập luận đó, Morgenthau cho rằng cạnh tranh là tất yếu khách quan giữa các quốc gia.

Theory of International Politics (Học thuyết chính trị thế giới) [Waltz, 1979] là tác phẩm nền tảng của chủ nghĩa Tân hiện thực (Neorealism). Waltz xây dựng một lý thuyết mang tính hệ thống để giải thích các kết quả trong chính trị quốc tế

thông qua cấu trúc của hệ thống thay vì đặc điểm của các quốc gia. Ông nhận định rằng cạnh tranh không phải là hành vi tự phát mà là hệ quả tất yếu của cấu trúc hệ thống, chính cấu trúc hệ thống khiến các quốc gia phải cạnh tranh với nhau để tồn tại. Ông giải thích rằng trong môi trường vô chính phủ (anarchy), các quốc gia phải tự bảo vệ mình, dẫn đến sự cạnh tranh quyền lực tất yếu để đảm bảo an ninh.

Bổ sung thêm góc nhìn từ Chủ nghĩa Hiện thực tấn công, trong cuốn sách *“The tragedy of Great Power politics”* (Bi kịch của các nền chính trị cường quốc), Mearsheimer đã đưa ra các luận điểm chủ yếu của Chủ nghĩa hiện thực tấn công liên quan đến cách hành xử của các cường quốc vì nó sẽ quyết định vận mệnh của các quốc gia. Theo ông, các thể chế có thể điều tiết phần nào hành vi của quốc gia, nhưng không thể thay đổi logic cơ bản của chính trị cường quốc vốn gắn với nghi kỵ, cân bằng quyền lực và ngăn chặn đối thủ trỗi dậy. Dưới lăng kính của chủ nghĩa Hiện thực, căn cứ vào mục tiêu giành và duy trì quyền lực của các quốc gia, Mearsheimer đã khẳng định rằng cạnh tranh giữa các cường quốc là tất yếu.

Ngoài ra, các công trình nghiên cứu khác cũng khẳng định, hệ thống hoá vai trò của quyền lực trong quan hệ quốc tế và vấn đề cạnh tranh theo quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực, như: Karpowicz (2017) và Michelilo (2022) cùng nhấn mạnh chính trị quyền lực là hằng số và Chủ nghĩa Hiện thực tập trung vào khía cạnh cạnh tranh, xung đột. Burchill và cộng sự (2001, 2005) cùng Griffiths (2007) phân tích các động lực đa chiều, từ bản năng ham muốn quyền lực của Hobbes đến việc các thể chế và thương mại có thể giảm thiểu xung đột theo Chủ nghĩa Tự do

Kế thừa các công trình kinh điển, nền tảng nghiên cứu về vấn đề cạnh tranh dưới góc nhìn lý luận như trên, với những đặc điểm mới của cạnh tranh nước lớn hiện nay, đã có nhiều nghiên cứu phân tích các vấn đề về cạnh tranh, cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế. Nổi bật trong việc thiết lập khung phân tích thực tiễn là các báo cáo nghiên cứu của tổ chức RAND do Mazarr và các cộng sự thực hiện (2018, 2021, 2022). Nhóm nghiên cứu nhận định rằng thuật ngữ cạnh tranh được sử dụng thường xuyên nhưng chưa được “lý thuyết hóa” một cách thống nhất. Để giải quyết khoảng trống này, công trình *Understanding a New Era of Strategic Competition* (Những hiểu biết về thời kỳ mới của cạnh tranh chiến lược) [Mazarr, 2022] đã xây dựng một khung phân tích

toàn diện bao gồm 4 loại hình cạnh tranh: phổ quát, song phương gay gắt, quân sự hóa, và cạnh tranh dưới ngưỡng chiến tranh (vùng xám). Khung phân tích của RAND cũng định lượng rõ 6 mục tiêu cạnh tranh cốt lõi của các cường quốc (quyền lực - an ninh, vị thế - uy tín, thịnh vượng kinh tế, nguồn lực, ảnh hưởng khu vực, dẫn dắt luật chơi) và các phương thức triển khai (chính trị - ngoại giao, kinh tế, quân sự, thông tin).

Ngoài ra, còn một số công trình nghiên cứu khác của nhiều học giả cũng đã có đề cập đến nội dung về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế. Tiêu biểu như: bài nghiên cứu *Enduring Rivalries: Theoretical Constraints and Empirical Patterns* (Những cuộc cạnh tranh lâu dài: Những hạn chế về mặt lý thuyết và các mô hình thực nghiệm) của [Goertz-Diehl, 1993]; bài tạp chí *Interstate Rivalry and the Recurrence of Crises: A Comparison of Rival and Nonrival Crisis Behavior 1918-1994* (Cạnh tranh giữa các quốc gia và sự tái diễn của khủng hoảng: So sánh hành vi khủng hoảng giữa các đối thủ và không đối thủ 1918-1994) của [Brandon, 2005], bài viết *Tìm hiểu cạnh tranh quyền lực qua một số lý thuyết quan hệ quốc tế* [Phan Thị Thu Dung, 2018]...

Nhìn chung, từ các công trình nghiên cứu về mặt lý luận của cạnh tranh nói trên đã góp phần cung cấp một lăng kính tổng quát về vấn đề cạnh tranh giữa hai cường quốc về mặt lý luận. Qua đó, giúp làm sáng tỏ nguyên nhân sâu xa dẫn đến cạnh tranh và mục tiêu cạnh tranh giữa các cường quốc để đối chiếu vào các nội dung cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria.

1.3.2. Các công trình nghiên cứu trực tiếp về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria

Qua khảo cứu, có thể thấy rằng nhiều công trình nghiên cứu về nội chiến Syria có dành thời lượng để phân tích về các yếu tố bên ngoài tác động đến Syria, trong đó có Nga và Mỹ cũng như đan xen phân tích sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria như một nguyên nhân khiến cuộc nội chiến Syria kéo dài, khó giải quyết. Nhóm các công trình nghiên cứu trực tiếp cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria là các tài liệu tham khảo trực tiếp cho Luận án. Trong đó, các học giả phân tích sự cạnh tranh giữa hai cường quốc tại Syria trên các lĩnh vực chủ yếu là chính trị, ngoại giao, quân sự và tập hợp lực lượng. Có thể phân chia các công trình tiêu biểu theo các luận điểm nghiên cứu lớn sau đây.

Thứ nhất, các nghiên cứu tiếp cận cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ góc độ địa chính trị và lý thuyết quan hệ quốc tế.

Bài viết *U.S. and Russian Responses to the Syrian Civil War: A Comparative Analysis* [DeWitt, 2025] phân tích và so sánh các động lực cũng như hành động của Mỹ và Nga trong cuộc nội chiến Syria thông qua thuyết Hiện thực. Tác giả cho rằng Chủ nghĩa Hiện thực giải thích rằng cả Mỹ và Nga đều tham gia cuộc chiến vì lợi ích quốc gia và quyền lực trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ. Ngoài ra, Chủ nghĩa Tự do mới giải thích nỗ lực của Mỹ trong việc thúc đẩy một hệ thống dân chủ và thị trường tự do tại Syria. Bài viết phân tích vai trò của Mỹ là hỗ trợ các nhóm đối lập (đặc biệt là SDF) và tập trung vào chống khủng bố (ISIS) với mục tiêu là kiềm chế ảnh hưởng của Iran, Nga và hỗ trợ các đồng minh địa phương. Mỹ ban đầu cung cấp hỗ trợ phi sát thương, sau đó mới chuyển sang hỗ trợ quân sự trực tiếp. Trong khi đó Nga là đồng minh chủ chốt hỗ trợ chế độ Assad để duy trì ảnh hưởng tại Trung Đông và bảo vệ các căn cứ quân sự. Ngược lại so với Mỹ, Nga sử dụng cách tiếp cận quân sự trực tiếp và mạnh mẽ ngay từ đầu thông qua không quân, lực quân và hải quân. Nga đã tận dụng sự thiếu quyết đoán của Mỹ ở giai đoạn đầu để giành thế chủ động trong sự cạnh tranh tại Syria. Tác giả kết luận rằng nội chiến Syria là một cuộc chiến tranh ủy nhiệm đa diện, nơi các cường quốc ưu tiên lợi ích chiến lược và sự cạnh tranh quyền lực hơn là các mục tiêu lý tưởng hay cứu trợ nhân đạo.

Cũng khai thác góc nhìn từ chủ nghĩa Hiện thực, một bài viết nghiên cứu áp dụng từ lý luận vào thực tiễn xung đột Syria đó là *Neorealism and the United Nations Security Council: The Syrian Conflict (2011-2024) as a Test Case for Mearsheimer's Theory of Institutional Instrumentalisation* [Sterk, 2026]. Bài viết chứng minh sự bế tắc của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đối với xung đột tại Syria trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2024. Tác giả sử dụng lăng kính lý thuyết Tân hiện thực, cụ thể là quan điểm của John J. Mearsheimer về các định chế quốc tế, để giải thích tại sao Hội đồng Bảo an lại tê liệt trước một trong những cuộc khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng nhất thế kỷ. Sterk dựa trên luận điểm của Mearsheimer rằng các định chế quốc tế không có quyền lực độc lập mà chỉ phản ánh sự phân bổ quyền lực giữa các cường quốc. Bài viết thống kê có 18/19 dự thảo

ng nghị quyết bị phủ quyết. Tất cả các lệnh phủ quyết này đều do Nga thực hiện, thường có sự phối hợp của Trung Quốc. Các nghị quyết bị phủ quyết tập trung vào ba nhóm: ngừng bắn nhân đạo, điều tra vũ khí hóa học và các biện pháp trừng phạt đối với chính phủ Syria. Nghị quyết duy nhất được thông qua vào giai đoạn cuối của cuộc xung đột chỉ chứa đựng những điều khoản chung chung, thiếu cụ thể. Tác giả cho rằng việc bảo vệ chế độ Assad giúp Nga duy trì căn cứ hải quân duy nhất ở Địa Trung Hải (Tartus) và ngăn chặn tiền lệ thay đổi chế độ do phương Tây hậu thuẫn; trong khi đó việc ủng hộ thay đổi chính trị ở Syria cũng được xem là cách để Mỹ làm giảm ảnh hưởng của Nga và Iran tại Trung Đông. Bài viết kết luận các định chế quốc tế bị chi phối bởi lợi ích của các cường quốc.

Đề tài *The American - Russian Rivalry in the Middle East- The Syrian Crisis 2011-2016* (Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông - Khủng hoảng Syria 2011-2016) [Sighaahlam, 2020] thuộc Đại học Larbi Ben M'hidi đặt vấn đề nghiên cứu khá sát với nội dung luận án. Trước hết, tác giả đã đưa ra những điểm nổi bật, đặc trưng, tầm quan trọng chiến lược của khu vực Trung Đông trong bản đồ chính trị thế giới, trên 4 lĩnh vực chính là địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nhân khẩu học, khí hậu. Tác giả đặt sự cạnh tranh những lợi ích, mục tiêu giữa Mỹ và Nga tại Syria trong tổng thể phân tích vai trò địa chính trị của Trung Đông trong chính sách của Nga, Mỹ cũng như chiến lược của Nga và Mỹ với khu vực Trung Đông. Theo đó, luận văn đưa ra 3 lĩnh vực thể hiện sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông là: địa chính trị, năng lượng, vũ khí. Căn cứ trên cơ sở của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác về quan hệ quốc tế, tác giả đưa ra những luận giải của các lý thuyết cơ bản của quan hệ quốc tế về sự cạnh tranh giữa các quốc gia như: mâu thuẫn, xung đột, cạnh tranh, chiến tranh... Tác giả sau đó đã chỉ ra những khác biệt trong thái độ của Mỹ và Nga với cuộc nội chiến Syria từ những ngày đầu bùng phát. Theo đó, kể từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng Syria, Mỹ đã có rất nhiều nỗ lực về mặt ngoại giao, hỗ trợ con người và hỗ trợ phe đối lập Syria để giải quyết cuộc xung đột ở Syria. Ngược lại, Syria là đồng minh của Nga tại Trung Đông nên Nga đã ủng hộ chính quyền của Tổng thống Assad và Putin đã quyết định can thiệp trực tiếp vào Syria từ tháng 9-2015. Tuy nhiên, luận văn mới chỉ dừng lại ở mức chỉ ra sự khác biệt trong thái độ với cuộc khủng hoảng Syria của Nga và Mỹ; chưa đi sâu

phân tích sự cạnh tranh giữa hai cường quốc này trong vấn đề Syria trên các lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, quân sự...

Cùng hướng tiếp cận này, bài nghiên cứu *Syrian crisis in scope of the US-Russian competition in Middle East* (Khủng hoảng Syria trong phạm vi cạnh tranh Mỹ - Nga ở Trung Đông) [Alamailes-Yurtsever, 2018] sử dụng Syria như một trường hợp nghiên cứu điển hình để phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông. Nhóm tác giả phân tích các khía cạnh quan trọng nhất mà hai cường quốc Nga, Mỹ đang cạnh tranh ở Trung Đông bao gồm: lĩnh vực địa chính trị, lĩnh vực năng lượng và chạy đua vũ trang. Trong khuôn khổ một bài tạp chí nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra được những khác biệt trong thái độ của Nga và Mỹ với cuộc khủng hoảng Syria. Sau đó, tác giả phân tích sự cạnh tranh giữa hai cường quốc xung quanh cuộc khủng hoảng Syria ở các khía cạnh như chính trị - ngoại giao thông qua các phát ngôn chính thức của Nga và Mỹ; ở khía cạnh quốc tế thông qua các nội dung thảo luận về Syria tại Hội đồng Bảo an và các lệnh trừng phạt với Syria; ở khía cạnh hậu cần thông qua sự hỗ trợ của Nga và Mỹ với hai bên của cuộc nội chiến. Tuy nhiên, bài viết chỉ mới dừng lại ở việc nêu ra vấn đề, chưa có đủ dung lượng để phân tích sâu về các nội dung thể hiện sự cạnh tranh này.

Thứ hai, các nghiên cứu tiếp cận cạnh tranh Nga - Mỹ từ bối cảnh cấu trúc khu vực và sự suy giảm vai trò của Mỹ.

Tiêu biểu cho hướng tiếp cận này là cuốn sách *The Battle for Syria - International Rivalry in the New Middle East* (Trận chiến ở Syria - Sự cạnh tranh quốc tế ở Trung Đông mới) [Phillips, 2018]. Cuốn sách được xuất bản lần đầu vào năm 2018 và được tái bản, bổ sung vào năm 2020. Tác giả phân tích vai trò quan trọng của Mỹ và các quốc gia khác trong việc định hình cuộc nội chiến đang diễn ra ở Syria. Christopher Phillips cho rằng nội chiến ở Syria không chỉ như một cuộc xung đột nội bộ, mà ngay từ đầu đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi các yếu tố khu vực; đặc biệt là trong bối cảnh sự suy giảm quyền lực của Mỹ ở Trung Đông đã tạo ra khoảng trống quyền lực để các quốc gia khác gia tăng ảnh hưởng. Nga, Iran, Saudi Arabia, Thổ Nhĩ Kỳ và Qatar đã cạnh tranh khốc liệt để giành ảnh hưởng với Syria. Nga và Iran là những đồng minh kiên trì nhất, cung cấp hỗ trợ quân sự, tài chính và ngoại giao quyết định để cứu vãn chế độ Assad khỏi sự sụp đổ. Mỹ và các đồng

minh phương Tây yêu cầu Assad phải từ chức nhưng lại miễn cưỡng can thiệp quân sự trực tiếp, dẫn đến sự thất vọng cho phe đối lập. Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập Xê-út và Qatar hỗ trợ phe đối lập nhưng lại cạnh tranh lẫn nhau, dẫn đến sự chia rẽ trong nội bộ lực lượng chống Assad và tạo điều kiện cho các nhóm Hồi giáo cực đoan trỗi dậy. Phillips tập trung vào vai trò bị động của Mỹ, nhấn mạnh rằng Mỹ không còn giữ vị trí thống trị trong việc định hình cục diện khu vực.

Nếu Phillips tiếp cận nội chiến Syria từ bối cảnh vai trò của Mỹ tại Trung Đông bị suy giảm thì Borshchevskaya lại đặt sự can thiệp vào Syria trong bối cảnh lịch sử lâu dài của Nga ở Trung Đông và Địa Trung Hải. Cuốn *Putin's War in Syria - Russian Foreign Policy and the Price of America's Absence* (Cuộc chiến của Putin tại Syria - Chính sách đối ngoại của Nga và cái giá phải trả cho sự vắng mặt của Mỹ) [Borshchevskaya, 2021] tập trung phân tích sự can thiệp quân sự của Nga vào Syria năm 2015 như một bước ngoặt chiến lược nhằm khôi phục vị thế cường quốc và thách thức trật tự thế giới do Mỹ dẫn dắt. Nếu như Phillips coi Syria là một không gian cạnh tranh đa tầng giữa nhiều chủ thể, thì Borshchevskaya tập trung phân tích chiều sâu chiến lược của Nga trong bối cảnh Mỹ thiếu quyết đoán. Theo tác giả, sự can thiệp quân sự của Nga từ năm 2015 không chỉ là phản ứng tình thế, mà là một bước đi có tính toán nhằm tận dụng sự vắng mặt tương đối của Mỹ để tái khẳng định vai trò cường quốc toàn cầu. So sánh hai công trình cho thấy sự khác biệt về trọng tâm phân tích: Phillips nhấn mạnh bối cảnh cấu trúc và sự phân tán quyền lực, trong khi Borshchevskaya làm nổi bật vai trò chủ động, tính toán chiến lược và hiệu quả can thiệp của Nga trong cạnh tranh với Mỹ.

Borshchevskaya giải thích rằng bất chấp những dự báo cho rằng Nga sẽ bị sa lầy khi Nga can thiệp vào Syria năm 2015, Nga đã tận dụng sự thiếu quyết đoán của Mỹ để khẳng định vị thế chiến lược tại Syria. Thông qua việc phân tích các chi tiết cụ thể về chiến dịch quân sự của Nga, dư luận bên trong nước Nga và các chiến thuật ngoại giao của Nga tại Liên hợp quốc; đồng thời chỉ ra những tác động của sự vắng mặt tương đối của Mỹ ở Syria. Trong khi Phillips nhìn nhận Syria như một phần của bức tranh cạnh tranh rộng hơn giữa các cường quốc khu vực, Borshchevskaya tập trung vào cách Nga vận dụng quân sự, ngoại giao và truyền thông để đạt được các mục tiêu chính sách đối nội và đối ngoại quan trọng và củng

có ảnh hưởng mà không phải trả giá đắt. Từ đó, Nga có được vai trò định hướng tương lai của Syria và trở thành một cường quốc có ảnh hưởng tại Trung Đông.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu trực tiếp đến sự cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024

Chiến lược của Nga, Mỹ tại Trung Đông và Syria [Nguyễn Thanh Hiền, 2016] phân tích và chỉ ra mục tiêu, cách thức và những điều chỉnh trong chính sách của Nga và Mỹ với khu vực, đặc biệt là phản ứng và hành động của hai cường quốc trước cuộc khủng hoảng ở Syria. Bài nghiên cứu *Cuộc khủng hoảng Syria và các toan tính quốc tế* (Phần I + Phần II) [Nguyễn Thanh Hiền, 2012a, 2012b] là một trong những bài viết đưa ra các nội dung tương đối đầy đủ về Syria, cuộc nội chiến Syria; đặc biệt là những lợi ích, mục tiêu, toan tính của các quốc gia liên quan với cuộc nội chiến này. Bài viết phân tích cuộc cạnh tranh lợi ích kinh tế và địa chiến lược của các nhân tố quốc tế và khu vực đối với cuộc nội chiến Syria. Trong đó các yếu tố quốc tế bao gồm: Mỹ, Nga, EU; và các yếu tố khu vực bao gồm: Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Saudi Arabia, Israel. Cuộc nội chiến Syria nay đã trở thành một cuộc chiến tranh ủy nhiệm và nó bị kéo dài và ngày càng khó kiểm soát, khó giải quyết còn bởi có sự can dự và tác động mạnh mẽ của các nhân tố quốc tế cũng như khu vực đã đề cập đến ở trên.

Nghiên cứu *Great Powers Competition in Syria* (Cạnh tranh nước lớn tại Syria) [Maklad, 2022] thuộc Đại học Al-Sham (Syria) cho rằng sự cạnh tranh giữa các cường quốc đã tác động đến giải pháp cho cuộc khủng hoảng Syria bằng nhiều cách. Một trong số đó là kéo dài cuộc khủng hoảng và đã kích động các cuộc chiến ủy nhiệm ở Syria giữa các đối thủ trong nước, khu vực và quốc tế. Tác giả sử dụng các luận điểm của chủ nghĩa hiện thực tấn công để lý giải sự cạnh tranh giữa các cường quốc tại Syria và căn cứ vào chiến lược của Nga, Mỹ, Trung Quốc với cuộc khủng hoảng Syria để cho thấy những mâu thuẫn lợi ích giữa các nước lớn tại đây. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc bế tắc về cuộc khủng hoảng Syria do xung đột lợi ích giữa các cường quốc dẫn đến việc Nga và Trung Quốc luôn sử dụng quyền phủ quyết. Cuộc đàm phán nội bộ Syria đã không bắt đầu cho đến khi xung đột kết thúc vốn đã có tính quốc tế hóa cao. Sự can thiệp quân sự trực tiếp của khu vực và các cường quốc ngày càng đặt lợi ích của mình lên hàng đầu nên không thể giải quyết

được trong cuộc đàm phán Geneva giữa các bên xung đột ở Syria. Tác giả nhận định rằng, Syria đã chứng kiến nền chính trị của các cường quốc diễn ra dựa trên lợi ích quốc gia khi tất cả các cường quốc đều đề cao lợi ích quốc gia hơn là lợi ích công cộng và hợp tác để giải quyết khủng hoảng.

Cuốn sách “*Syria Betrayed: The Failure of International Protection*” (Syria bị phản bội: Sự thất bại của bảo vệ quốc tế) của tác giả Bellamy [Bellamy, 2022] đã phân tích khá toàn diện sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ trong giải quyết vấn đề Syria. Tác giả nhấn mạnh sự khác biệt về ưu tiên chiến lược, trong khi Nga kiên quyết bảo vệ chính quyền Assad để giữ vị thế cường quốc, thì Mỹ ưu tiên tiêu diệt ISIS và kiềm chế Iran. Hai nước đã cạnh tranh trong tiến trình hoà bình và đối đầu tại Hội đồng bảo an để đạt được mục tiêu của mình. Tác giả đưa ra đánh giá việc Mỹ thất bại trong thực thi “lằn ranh đỏ” (2013) và Nga can thiệp quân sự (2015) đã giúp Nga giành quyền kiểm soát cục diện từ Mỹ. Syria giúp Nga khẳng định lại vị thế toàn cầu, trong khi Mỹ dần thu hẹp mục tiêu.

Một trong những bài nghiên cứu phân tích về sự cạnh tranh của các cường quốc tại Syria là “*Great power competition in Syria: from proxy war to sanctions war*” (Cạnh tranh cường quốc ở Syria: từ cuộc chiến uỷ nhiệm đến cuộc chiến trừng phạt) đăng tải trên tạp chí Syria Studie [Hinnebusch, 2023]. Bài viết chỉ ra các mục tiêu chính sách đối ngoại của Nga và Mỹ tại Syria và phân tích cách thức can thiệp của hai cường quốc đã góp phần định hình cuộc chiến tranh uỷ nhiệm ở Syria. Tác giả cho rằng động lực can thiệp của Nga và Mỹ vào Syria vì nó sẽ tác động đến sự cạnh tranh rộng lớn hơn ở cả cấp độ khu vực lẫn toàn cầu. Tác giả cũng đã phân tích những tác động của các lệnh trừng phạt trong quá trình Syria nhằm tái thiết đất nước và nhấn mạnh rằng sự can thiệp của các nước bên ngoài làm leo thang các xung đột trong nước thành các nội chiến kéo dài. Hai cường quốc lớn lại có những lợi ích hoàn toàn khác nhau và do đó dẫn đến những hậu quả khác nhau và khiến cho cuộc xung đột khó giải quyết.

Ngoài ra còn nhiều bài tạp chí có nội dung liên quan như: *Cạnh tranh Mỹ - Nga qua cuộc nội chiến Syria hiện nay* [Vũ Thị Hưng, 2018]; *Cạnh tranh chiến lược Nga-Mỹ ở Syria trong bối cảnh hiện nay* [Trần Thọ Quang-Nguyễn Văn Sơn, 2018]; *Role of America, Russia and E.U. in the Post-Uprising Middle East (Vai trò*

của Mỹ, Nga và EU ở Trung Đông sau nổi dậy) của 3 tác giả [Zibaei, Simbar & Jansiz, 2020], *Russia in the Middle East: Moscow's Objectives, Priorities, and Policy Drivers* [Dmitri, 2016], *Putin's foreign policy towards Syria* [Katz, 2016]...

Đặc biệt, vào tháng 12/2024, sự kiện chính quyền Assad sụp đổ đã khiến tình hình Syria có nhiều diễn biến mới. Phe đối lập lên nắm quyền, Nga bị suy giảm lợi thế, Mỹ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong sự chuyển giao chính trị tại Syria. Do đó, nhiều học giả đã cập nhật tình hình, phân tích nguyên nhân, đánh giá tác động của sự sụp đổ này cũng như đưa ra nhận định về vai trò của Nga, Mỹ trong giai đoạn tới. Đây cũng là những dữ liệu tham khảo quan trọng cho Luận án trong phần dự báo tình hình đến năm 2030. Hầu hết các bài viết nhận định rằng tình hình bất ổn sau khi Assad sụp đổ khiến cạnh tranh Mỹ - Nga tại Syria bước sang một giai đoạn mới, với sự cạnh tranh giành ảnh hưởng thông qua kiểm soát các nhóm vũ trang và tái thiết. Tiêu biểu có thể kể đến một số công trình như sau:

Bài viết “*Russia And Iran Role In Post-Assad Syria: An Analysis*” (Một nghiên cứu về vai trò của Nga và Iran tại Syria thời kỳ hậu Assad) đã nhận định rằng; trong suốt cuộc chiến kéo dài 10 năm, Nga và Iran đã trở thành những nhân tố quyết định trong cuộc nội chiến Syria [Ahmad U., 2025]. Sự hỗ trợ quân sự và kinh tế của họ đã cho phép Assad duy trì chế độ của mình trong những thời điểm khó khăn nhất và giành lại các khu vực trọng yếu mà phiến quân và các nhóm thánh chiến kiểm soát. Tuy nhiên, sau khi chính quyền Assad sụp đổ, sự hiện diện của Nga và Iran chuyển từ lợi thế chiến lược thành gánh nặng tốn kém và rủi ro và đã làm thay đổi căn bản tính toán chiến lược đằng sau sự can thiệp của Nga, biến điều từng là một cuộc diễn tập triển khai sức mạnh tương đối ít tốn kém thành một cam kết ngày càng nặng nề. Nga đã bị rơi vào tình thế khó xử và vai trò của Iran cũng đã bị suy giảm và đang gặp phải những thách thức chưa từng có đối với chiến lược khu vực của Iran, khi các tuyến đường tiếp tế quan trọng cho Hezbollah ở bị gián đoạn.

Bài nghiên cứu “*The Fall of Bashar al-Assad: Implications for Syria and the Broader Middle East*” (Sự sụp đổ của Bashar al-Assad: Những hệ lụy đối với Syria và khu vực Trung Đông rộng lớn hơn) của Zarar và các cộng sự đã đi vào phân tích tác động của sự sụp đổ của chính quyền Assad với khu vực. Bài viết nhận định việc Nga giảm hỗ trợ quân sự do chi phí kinh tế tăng cao và thay đổi ưu tiên sang các

khu vực khác là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Assad phân tích sự sụp đổ của Assad. Diễn biến bất ngờ này đã tạo ra khoảng trống quyền lực lớn, khiến Syria bị chia cắt thành các vùng tự trị do các nhóm đối lập và lực lượng người Kurd (SDF) kiểm soát. Khoảng trống hậu Assad buộc Mỹ phải điều chỉnh chính sách để đối phó với rủi ro khủng bố trở lại và quản lý sự phân mảnh lãnh thổ phức tạp; đồng thời cũng làm lung lay quan hệ đối tác Nga-Iran, đồng thời tạo cơ hội cho Thổ Nhĩ Kỳ và phương Tây tái cấu trúc ảnh hưởng tại Trung Đông.

Báo cáo nghiên cứu về vấn đề sụp đổ của chính phủ Assad với tiêu đề *Reimagining Syria: A Roadmap for Peace and Prosperity Beyond Assad* (Tái định hình Syria: Lộ trình hướng tới hòa bình và thịnh vượng sau chế độ Assad) do Idlib và các cộng sự công bố trên website của Viện Trung Đông đã có nhiều thông tin đánh giá phân tích khái quát. Nhóm tác giả nhận định sự sụp đổ của Assad (12/2024) là đòn giáng mạnh vào ảnh hưởng của Nga và Iran, mở ra cơ hội lịch sử cho Mỹ tái định hình khu vực. Nga mất đồng minh cốt lõi trong khi đó Mỹ giữ vị thế then chốt khi thúc đẩy thỏa thuận hợp nhất SDF vào nhà nước và thiết lập kênh hợp tác tình báo chống ISIS với Syria. Các lệnh trừng phạt của Mỹ là công cụ quyết định để định hướng chính trị và ngăn chặn sự quay trở lại của các thế lực thù địch như Iran. Việc Israel gia tăng tấn công và Thổ Nhĩ Kỳ đề xuất liên minh quốc phòng với Syria tạo ra lớp phức tạp mới cho cuộc cạnh tranh ảnh hưởng Nga-Mỹ trong những năm tới.

Ngoài ra, còn rất nhiều các công trình khác như: bài viết *Post-Assad Syria: What the Fall of the Regime Means for the World* của Rojhelati đăng tải trên Rudaw Research Center ngay vào tháng 12-2024, bài nghiên cứu *A tug-of-war that risks snapping the rope: regional competition over post-Assad Syria* của tác giả Günay C. và các cộng sự công bố trên tạp chí Austrian Institute for International Affairs vào tháng 1/2026, bài viết *Disinformation and the Battle for Influence and Power in the Emerging Post-Assad Syria* của tác giả Soliman đăng tải trên tạp chí International Centre for Political Violence and Terrorism Research vào tháng 3-2025...

1.4. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.4.1. Nhận xét chung

Các công trình nghiên cứu đã khảo cứu đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập cơ sở dữ liệu cho Luận án, cung cấp cả nền tảng lý thuyết và nguồn dữ liệu

thực tiễn phong phú để phân tích sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria trong giai đoạn 2011-2024. Kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước không chỉ là cơ sở để luận án xây dựng khung phân tích phù hợp với đề tài nghiên cứu mà còn là những mảnh ghép trong các vấn đề thực tiễn để luận án tiếp cận vấn đề một cách bao quát, khoa học và sâu sắc.

Thứ nhất, về mặt lý luận, các nghiên cứu lý luận về cạnh tranh nước lớn và quan điểm, cách tiếp cận của chủ nghĩa Hiện thực của đã giúp luận án xây dựng khái niệm cạnh tranh. Từ việc nắm được bản chất sâu xa của cạnh tranh trong quan hệ quốc tế, luận án thiết lập được khung phân tích phù hợp để làm rõ quá trình, mục tiêu, bản chất của cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, các công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Trung Đông đã cung cấp cái nhìn tổng thể về sự vận động trong quan hệ Nga-Mỹ sau chiến tranh Lạnh, khi sự cạnh tranh không mất đi và xuất hiện tại những khu vực có vai trò địa-chính trị bên ngoài không gian hậu Xô viết như Trung Đông. Những nghiên cứu này giúp xác định vị trí của Syria như một địa bàn trong sự cạnh tranh Nga-Mỹ tại Trung Đông và rộng hơn là cạnh tranh Nga-Mỹ trên thế giới. Về môi trường xung đột, các nghiên cứu về nội chiến Syria đã làm rõ nguyên nhân, diễn biến, cơ cấu các lực lượng và quá trình quốc tế hóa cuộc chiến. Đây là cơ sở quan trọng để luận án lý giải vì sao Syria trở thành địa bàn diễn ra sự cạnh tranh của hai cường quốc.

Thứ ba, các công trình về chính sách của Nga và của Mỹ đối với Syria có cách tiếp cận lịch sử và so sánh phân tích hành vi, chính sách đối ngoại của nước lớn, sự can thiệp của Nga, Mỹ đối với một quốc gia cụ thể là Syria. Nhiều học giả đã nghiên cứu quá trình hoạch định chính sách của Mỹ, Nga cũng như lợi ích, mục tiêu của hai cường quốc tại Syria. Một số công trình nghiên cứu về Mỹ đều có so sánh tương quan lực lượng, chính sách, hành vi, chiến lược, sách lược của Nga Syria và ngược lại. Đây là cơ sở dữ liệu để Nghiên cứu sinh học tập, phân tích trong quá trình thực hiện Luận án. Những phân tích này không chỉ làm sáng tỏ động lực riêng của từng cường quốc mà còn giúp luận án nhận diện sự mâu thuẫn trong mục tiêu chính sách, công cụ và giới hạn chính sách của mỗi bên. Đồng thời, các nghiên cứu về nội chiến Syria đã góp phần làm rõ nguyên nhân, diễn

biến của nội chiến. Đây là cơ sở quan trọng để luận án đặt cạnh tranh Nga - Mỹ trong bối cảnh nội chiến phức tạp.

Cuối cùng, một số nghiên cứu trực tiếp về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đã nhận diện được các mặt cạnh tranh nổi bật (ngoại giao, quân sự, kinh tế, tập hợp lực lượng), bước đầu đánh giá tương quan hai bên trong một số thời đoạn, và cập nhật những đánh giá nhanh về cục diện sau sự kiện chính quyền Bashar al-Assad sụp đổ (tháng 12/2024). Đây là cơ sở để luận án kế thừa và phát triển một cách hệ thống, đầy đủ hơn về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria giai đoạn 2011-2024.

Như vậy, qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy những vấn đề liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án khá phong phú và đã được tiếp cận, đề cập, giải quyết ở những mức độ khác nhau trên phương diện lý luận và thực tiễn. Do đó, kết quả nghiên cứu của các công trình này giúp luận án thiết lập được khung phân tích và làm sáng tỏ bối cảnh địa chính trị phức tạp của Syria, giúp Luận án tiếp cận vấn đề một cách khoa học, logic và đa chiều. Đồng thời việc khảo cứu các công trình đã công bố là rất cần thiết để tìm ra các khoảng trống nghiên cứu giúp luận án có những đóng góp tốt hơn về lý luận và thực tiễn.

1.4.2. Khoảng trống nghiên cứu

Qua việc tổng hợp và khảo cứu hệ thống các công trình trong và ngoài nước, có thể thấy các vấn đề liên quan trực tiếp đến chủ đề “Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024” đã được tiếp cận và giải quyết ở các khía cạnh, mức độ khác nhau. Qua đó, luận án nhận thấy một số khoảng trống nghiên cứu như sau:

Một là, hệ thống lý thuyết về cạnh tranh nước lớn rất đồ sộ, nhưng vẫn chưa có sự thống nhất trong cách hiểu về nội hàm cạnh tranh trong quan hệ quốc tế; và chưa có một khung phân tích động về cạnh tranh nước lớn để có thể áp dụng cho trường hợp cạnh tranh giữa hai cường quốc tại một địa bàn là nước thứ ba, mà cần phải kết hợp nhiều quan điểm lại với nhau để thiết lập được khung phân tích phù hợp.

Hai là, cuộc nội chiến Syria kéo dài từ năm 2011 đến nay được phân tích dưới nhiều vấn đề khác nhau như nhân đạo, kinh tế, xã hội, di cư... nhưng chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách tổng thể về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria. Các công trình đã có thường đi theo hướng phân tích phản ứng của Nga và so sánh với chính sách của Mỹ xung quanh xung đột Syria hoặc ngược lại.

Ba là, các công trình nghiên cứu về sự can dự của các nước lớn và Syria hầu hết tiếp cận cuộc xung đột chủ yếu từ góc độ nội chiến có yếu tố nước ngoài, trong đó coi sự can thiệp của Nga và Mỹ chỉ là yếu tố tác động bên ngoài; còn luận án đặt sự cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ là nội dung chính để phân tích. Luận án là số ít trong những công trình phân tích đầy đủ nguyên nhân, mục tiêu, lĩnh vực cạnh tranh và đánh giá những tác động của cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria đến khu vực và thế giới.

Cuối cùng, trong khi nhiều công trình trực tiếp về chủ đề này thường chỉ dừng lại ở các phân tích một khía cạnh vấn đề của can dự nước lớn/cạnh tranh thì luận án đã đánh giá trọn vẹn toàn bộ chu kỳ cạnh tranh từ điểm khởi phát khủng hoảng (2011) đến cột mốc mang tính bước ngoặt lịch sử là sự sụp đổ của chính quyền Assad (12-2024), đồng thời đưa ra dự báo đến năm 2030 và rút ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn đang ngày càng trở nên gay gắt.

1.4.3. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Qua tổng quan cho thấy, dù đã đề cập nhiều ở các góc độ khác nhau nhưng xoay quanh chủ đề luận án chọn viết còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu hoặc phải cập nhật, đánh giá toàn diện, hệ thống. Từ đó, luận án xác định các vấn đề cần được triển khai trong luận án như sau:

Một là, về mặt lý luận, cần tập trung làm rõ hơn nội hàm “cạnh tranh nước lớn” trong bối cảnh cục diện thế giới hiện nay. Bằng việc phân tích và chất lọc quan điểm từ các lý thuyết Quan hệ Quốc tế, luận án khái quát hoá và hệ thống hoá khung phân tích về cạnh tranh, bao gồm: mục tiêu, phương thức, kết quả cạnh tranh. Khung lý thuyết này là nền tảng để soi chiếu hành vi của Nga và Mỹ tại Syria.

Hai là, kế thừa những kết quả nghiên cứu về tình hình Syria, cục diện khu vực Trung Đông, luận án tập trung phân tích sự chi phối của yếu tố này đến cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2024; trong đó bổ sung khoảng trống nghiên cứu thông qua phân tích các nhân tố tác động đến sự cạnh tranh này trên 4 cấp độ phân tích: cấp độ hệ thống thế giới, cấp độ khu vực (Trung Đông), cấp độ liên quốc gia và cấp độ quốc gia (nội tình Syria).

Ba là, về thực trạng cạnh tranh. Đây là trọng tâm cốt lõi của luận án. Thay vì phân tích chính sách đối ngoại của Nga và Mỹ một cách độc lập, luận án tập trung

phân tích rõ sự mâu thuẫn trong mục tiêu chiến lược và các phương thức cạnh tranh giữa Nga và Mỹ trên các lĩnh vực chủ yếu: chính trị - ngoại giao, an ninh - quân sự, và kinh tế - năng lượng. Từ đó, luận án trung nhận xét về kết quả của cuộc cạnh tranh và đưa ra đánh giá toàn diện về tác động của sự đối đầu Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024) đối với sự sụp đổ cấu trúc chính trị của Syria, sự xáo trộn an ninh khu vực Trung Đông và sự định hình trật tự thế giới mới.

Bốn là, luận án thiết lập các biến số để xây dựng kịch bản dự báo xu hướng vận động của cuộc cạnh tranh này tại Syria và Trung Đông trong kỷ nguyên mới, với mốc thời gian vĩ mô đến năm 2030. Từ việc đúc kết bản chất của các nước lớn trong môi trường cạnh tranh, luận án hướng tới việc chắt lọc các hàm ý chính sách cho Việt Nam. Trọng tâm nghiên cứu là cách thức ứng xử với cạnh tranh nước lớn, đặc biệt là việc duy trì nguyên tắc cân bằng lợi ích, giữ vững tự chủ chiến lược quốc gia và tận dụng hiệu quả các cơ chế đa phương để bảo vệ an ninh và lợi ích cốt lõi.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA CẠNH TRANH Nga - Mỹ TẠI SYRIA TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Cạnh tranh trong quan hệ quốc tế

2.1.1.1. Khái niệm “cạnh tranh”

Thuật ngữ “cạnh tranh” chưa được “lý thuyết hóa”

Để phân tích quan hệ giữa các quốc gia - chủ thể quan trọng nhất của quan hệ quốc tế, các học giả quan hệ quốc tế đã đưa ra các khái niệm về lợi ích, quyền lực, quyền lực cứng, quyền lực mềm, cân bằng quyền lực, xung đột, chiến tranh... Trong khi đó, qua quá trình khảo cứu, có thể thấy rằng, các khái niệm về cạnh tranh, cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh chiến lược,... hiện nay vẫn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau. Quyền lực, xung đột, chiến tranh là những vấn đề tồn tại, phát triển cùng với sự phát triển của quan hệ quốc tế; và là những vấn đề thể hiện được đặc trưng, sự thay đổi về “chất” và về “lượng”, phản ánh sự phát triển quan hệ giữa các chủ thể quan hệ quốc tế trong từng giai đoạn, thời kỳ khác nhau. Cạnh tranh được hiểu là quá trình trong đó nó thể hiện tính chất, “trạng thái của mối quan hệ đối kháng thiếu xung đột vũ trang trực tiếp giữa các chủ thể” [Võ Xuân Vinh, 2021, tr.35]. Do đó cạnh tranh không phải là những “đấu mốc”, “sự kiện” nên cạnh tranh còn được coi là “hiển nhiên” trong sự tương tác giữa các chủ thể với nhau [Thompson, 1999, p.10].

Diehl và Goertz nhận thấy các nhà nghiên cứu coi cạnh tranh “như một công cụ được chọn lọc nên đã bỏ qua bước định nghĩa cạnh tranh và chuyển sang định nghĩa hoạt động của các đối thủ cạnh tranh”; và những tài liệu học thuật đầu tiên chính thức đề cập đến vấn đề cạnh tranh của Wayman, Dieh, Gochman và Maoz chưa thảo luận rõ ràng về khái niệm cạnh tranh [Diehl-Goertz, 2001, p.18, 27]. Mazarr cùng các cộng sự của tổ chức nghiên cứu RAND (Mỹ) nhấn mạnh; dù được sử dụng thường xuyên nhưng thuật ngữ cạnh tranh “chưa có sự thống nhất trong cách hiểu và chưa được lý thuyết hóa” [Mazarr et al, 2022, p.3]. Hầu hết các lý thuyết quan hệ quốc tế thừa nhận sự tồn tại của cạnh tranh ở các mức độ khác nhau nên cạnh tranh không được phân định như một khái niệm học thuật riêng biệt [Mazarr, 2022, p.4].

Phân biệt cạnh tranh (competition) và rivalry (kình địch)

Cạnh tranh trong quan hệ quốc tế có thể được hiểu là competition (cạnh tranh) hoặc rivalry (tạm dịch: kình địch) theo tiếng Anh. Khi tìm kiếm các nội dung liên quan đến cạnh tranh giữa các quốc gia, mà chủ yếu là các nghiên cứu về thực tiễn cạnh tranh giữa các nước lớn, cạnh tranh chiến lược nước lớn, có thể thấy rằng thuật ngữ “rivalry” và “competition” đều được sử dụng. Võ Xuân Vinh sau khi nghiên cứu các bài viết về cạnh tranh nước lớn đã kết luận hai thuật ngữ này thậm chí được sử dụng thay thế cho nhau và “các tác giả dường như không thể hiện sự khác biệt này” [Võ Xuân Vinh, 2021, tr.33-35]. Các bài nghiên cứu về thực trạng, diễn biến, đặc điểm của cạnh tranh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trong đó có cạnh tranh Nga - Mỹ, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ở nhiều giai đoạn khác nhau (trước, trong và sau chiến tranh Lạnh) của các học giả quốc tế đều sử dụng đồng thời cả hai thuật ngữ này.

Tuy nhiên, không hoàn toàn đồng nhất và có những khác biệt nhất định trong nội hàm của thuật ngữ “rivalry” và “competition” trong quan hệ quốc tế. Nhiều người đồng tình “rivalry” (kình địch) chỉ sự cạnh tranh ở mức độ cao hơn so với “competition” (cạnh tranh). Vasquez cho rằng “sự kình địch trong quan hệ giữa các quốc gia được đặc trưng bởi sự cạnh tranh ở mức độ cao và thường chỉ sự thù địch về mặt tâm lý” [Vasquez, 1993, p.75-76]. Bennett định nghĩa sự cạnh tranh giữa các quốc gia là một cặp cạnh tranh trong đó hai quốc gia bất đồng về cách giải quyết (các) vấn đề chung giữa họ trong một khoảng thời gian dài [Bennett, 1997, p.370].

Diehl và Goertz đã chỉ ra sự khác biệt: “sự kình địch (rivalry) là sự cạnh tranh (competition) bị quân sự hóa” [Diehl-Goertz, 2001, p.24-25]. Thompson đồng tình với Diehl và Goertz, cho rằng sự kình địch đòi hỏi phải là sự kết hợp giữa cạnh tranh và nhận thức về mối đe dọa từ kẻ thù [Thompson, 2008, p.4]. Cùng quan điểm với các học giả trên khi cho rằng nội hàm sự kình địch (rivalry) ở mức độ nghiêm trọng hơn so với sự cạnh tranh (competition); Mazarr cùng các cộng sự đã đưa ra định nghĩa: sự kình địch (rivalry) chỉ “sự xung đột nghiêm trọng về mục tiêu giữa các nhóm hoặc cá nhân với cảm giác không thích hoặc thù hận đã ăn sâu và thậm chí sự xung đột với ý định một mắt một còn” [Mazarr et al, 2021, p.27].

Khái niệm “cạnh tranh”

Căn cứ trên các cách tiếp cận và phân tích về cạnh tranh nước lớn từ thực tiễn, nhóm nghiên cứu của RAND định nghĩa: sự cạnh tranh trong quan hệ quốc tế “liên quan đến nỗ lực giành lợi thế của một quốc gia trước những quốc gia có thể gây ra thách thức hoặc đe dọa đến mình; thông qua việc theo đuổi lợi ích cạnh tranh như quyền lực, an ninh, vật chất, ảnh hưởng và địa vị” [Mazarr et al, 2018, p.5]. Nhóm nghiên cứu cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, cạnh tranh có thể được hiểu là trạng thái quan hệ đối kháng, không có xung đột vũ trang trực tiếp giữa các chủ thể.

Cạnh tranh (competition) thường được sử dụng để mô tả một thực tế mang tính hệ thống và là một thuật ngữ bao quát hơn, có thể bao gồm mọi thứ từ cạnh tranh kinh tế đến tranh chấp quân sự. Way đưa ra một khái niệm khái quát về cạnh tranh trong chính trị quốc tế là sự tranh đua quyền lực chính trị, kết quả của kiểu cạnh tranh này thường dẫn đến tình trạng căng thẳng trên toàn thế giới và có thể thành một cuộc chiến tranh [Phan Thị Thu Dung, 2022, tr. 25]. Sau khi chỉ ra những đặc điểm về cạnh tranh, tác giả Vũ Văn Anh đã rút ra khái niệm cạnh tranh trong quan hệ quốc tế “là tình trạng một mối quan hệ giữa các chủ thể quan hệ quốc tế khi một bên nhận thức mối đe dọa từ bên còn lại, nuôi dưỡng tâm lý thù nghịch lẫn nhau và để tâm lý đó chi phối hành vi của mình đối với bên còn lại dẫn tới khả năng có thể xảy ra những tranh chấp bị quân sự hoá” [Vũ Văn Anh, 2021, tr.95].

Như vậy, hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế; nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều quan niệm cạnh tranh là tình trạng một trong hai quốc gia nhận thức bị quốc gia còn lại đe dọa đến lợi ích quốc gia nên dẫn đến việc cả hai bên triển khai các chính sách nhằm tối đa hoá lợi ích của mình trên tất cả các lĩnh vực. Sự cạnh tranh giữa các quốc gia có thể dẫn đến các tranh chấp, xung đột về quân sự, thương mại...và đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc chiến tranh trên thế giới. Qua tìm hiểu, phân tích một số quan niệm của các học giả về cạnh tranh ở trên, Luận án rút ra khái niệm như sau: *“Cạnh tranh (trong quan hệ quốc tế) được hiểu là quá trình các quốc gia tìm cách gia tăng quyền lực, ảnh hưởng và lợi ích của mình trong tương quan với các chủ thể khác, thông qua việc sử dụng các công cụ và chiến lược khác nhau nhằm giành ưu thế trong môi trường quốc tế”*.

2.1.1.2. Đặc điểm cạnh tranh

Đặc điểm cạnh tranh trong quan hệ quốc tế

Từ khái niệm này, đối chiếu với bối cảnh quan hệ quốc tế đương đại, sự cạnh tranh giữa các quốc gia (đặc biệt là các nước lớn) mang những đặc điểm cốt lõi sau:

Thứ nhất, cạnh tranh gắn bó chặt chẽ với mục tiêu quyền lực và vị thế quốc tế. Động lực cốt lõi của cạnh tranh không chỉ là lợi ích vật chất cụ thể, mà là vị trí tương đối trong so sánh lực lượng - an ninh và quyền lực, ảnh hưởng tại các khu vực, vị thế và uy tín trong hệ thống quốc tế. Một bên được xem là thắng thế không hẳn vì thu được nhiều hơn, mà vì cải thiện được vị trí so với đối thủ; điều này lý giải vì sao các cường quốc sẵn sàng đầu tư nguồn lực lớn vào những địa bàn mà lợi ích vật chất trực tiếp không tương xứng, nếu địa bàn đó có giá trị biểu tượng đối với vị thế nước lớn. Trong bối cảnh hiện nay, với các siêu cường, cạnh tranh chính là công cụ để bảo vệ vị thế bá quyền hoặc khẳng định sự trỗi dậy, tái thiết lập trật tự mới đối với các quốc gia đang muốn đạt vị thế cao hơn. Mục tiêu vị thế này khiến cuộc cạnh tranh mang tính sống còn và khó có thể nhượng bộ. Do đó, trong cạnh tranh,

Thứ hai, cạnh tranh mang tính toàn diện và đa lĩnh vực. Cạnh tranh trong quan hệ quốc tế hiện đại không chỉ giới hạn ở chạy đua vũ trang hay đối đầu quân sự đơn thuần, mà diễn ra trên mọi phổ quyền lực: từ chính trị, ngoại giao, kinh tế - năng lượng, thương mại - đầu tư, đến công nghệ, thông tin và không gian mạng. Ở các địa bàn cạnh tranh cụ thể, các nước lớn thường sẽ triển khai đồng bộ nhiều loại công cụ: từ hậu thuẫn chính trị, vận động ngoại giao và pháp lý tại các thể chế đa phương, đến hiện diện quân sự, trừng phạt kinh tế và tranh giành kiểm soát các nguồn tài nguyên chiến lược, các dự án năng lượng, tái thiết...

Thứ ba, cạnh tranh mang tính vừa đối đầu, vừa hợp tác và kéo dài. Vì cạnh tranh là một quá trình, không phải một sự kiện nên cạnh tranh sẽ vận động trong một khoảng thời gian. Vì vậy, cạnh tranh và hợp tác không loại trừ nhau: các bên có thể vừa cạnh tranh quyết liệt về mục tiêu chiến lược, vừa duy trì hợp tác trên những nội dung có lợi ích song trùng. Trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau, các bên vẫn buộc phải hợp tác trong những không gian lợi ích chung (như chống khủng bố quốc tế, kiểm soát vũ khí hạt nhân hay biến đổi khí hậu). Vì vậy, hợp tác trong cạnh tranh không phải là dấu hiệu cạnh tranh suy giảm mà thường là điều kiện để cạnh tranh có

thể tiếp diễn lâu dài trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, sự hợp tác này mang tính chiến thuật, tạm thời và không làm thay đổi bản chất đối đầu chiến lược. Đặc điểm này khiến cạnh tranh trở thành một trạng thái thường trực, kéo dài qua nhiều thập kỷ và vượt qua các chu kỳ lãnh đạo chính trị thông thường.

Thứ tư, cạnh tranh diễn ra cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Về hình thức trực tiếp, các chủ thể đối diện nhau trong đàm phán, trong các thể chế đa phương, qua trừng phạt - đáp trả và qua sự hiện diện lực lượng tại cùng địa bàn. Về hình thức gián tiếp, cạnh tranh được chuyển hóa qua các chủ thể thứ ba: hậu thuẫn các lực lượng bản địa đối địch nhau, tranh giành đồng minh và đối tác, cạnh tranh qua các tiến trình đa phương song song. Trong bối cảnh hiện nay, cạnh tranh chủ yếu diễn ra gián tiếp thông qua hình thái “dưới ngưỡng chiến tranh” (gray-zone competition) và “chiến tranh ủy nhiệm” (proxy war). Các nước lớn sẽ can dự, hậu thuẫn tài chính, vũ khí và cố vấn cho các phe phái, lực lượng bản địa tại các nước thứ ba (các quốc gia yếu kém hoặc đang có nội chiến) nhằm tranh giành không gian ảnh hưởng. Hình thức gián tiếp, đặc biệt là cạnh tranh qua lực lượng ủy nhiệm ngày càng phổ biến trong cạnh tranh nước lớn hiện nay vì nó cho phép theo đuổi mục tiêu với chi phí và rủi ro thấp hơn, đồng thời tạo “vùng đệm trách nhiệm” giúp các bên tránh va chạm chính thức với nhau.

Thứ năm, cạnh tranh luôn tiềm ẩn nguy cơ leo thang xung đột. Mặc dù cố gắng kiềm chế ở không gian gián tiếp, trạng thái “lưỡng nan an ninh” trong môi trường “vô chính phủ” khiến các quốc gia liên tục phải gia tăng sức mạnh để đề phòng đối thủ, dẫn đến vòng xoáy chạy đua vũ trang và hành động đáp trả. Ranh giới giữa cạnh tranh và xung đột không được bảo đảm bởi bất kỳ thiết chế nào mà phụ thuộc vào tính toán và năng lực kiềm chế của chính các bên. Tại các điểm nóng địa chính trị nơi quân đội của các nước lớn cùng can dự, sự tính toán sai lầm, sự cố ngoài ý muốn, sự va chạm cục bộ luôn hiện hữu, có thể nhanh chóng làm leo thang một cuộc khủng hoảng khu vực thành xung đột quốc tế quy mô lớn nếu không có các cơ chế kiểm soát khủng hoảng hiệu quả.

Cuối cùng, cạnh tranh phụ thuộc sâu sắc vào bối cảnh quốc tế và khu vực. Quá trình cạnh tranh bị chi phối mạnh mẽ bởi cấu trúc của hệ thống quốc tế (đơn cực, lưỡng cực hay đa cực); đặc điểm địa chính trị của từng khu vực và tình hình nội bộ các quốc gia địa bàn. Sự biến động của bối cảnh có thể mở ra hoặc khép lại

không gian cạnh tranh: những biến động khu vực như sự sụp đổ của một trật tự khu vực, các cuộc khủng hoảng kinh tế, hay sự trỗi dậy của các phong trào xã hội thường tạo ra khoảng trống quyền lực và dẫn đến cạnh tranh nước lớn, trong khi những biến cố tại chính quốc gia địa bàn có thể làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các chủ thể cạnh tranh. Đặc điểm này đòi hỏi việc phân tích bất kỳ cuộc cạnh tranh cụ thể nào cũng phải đặt trong các tầng bối cảnh của nó. Chính bối cảnh này sẽ quyết định thời điểm bùng phát, cường độ và không gian triển khai của cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn.

Phân loại cạnh tranh

Về phân loại cạnh tranh, có thể phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, bằng loại hình cạnh tranh hoặc phạm vi cạnh tranh. Về loại hình cạnh tranh, Thompson phân biệt cạnh tranh không gian với cạnh tranh vị trí [Diehl, Goertz, 2001, p.27]. Các cuộc cạnh tranh không gian diễn ra nhằm tranh giành quyền kiểm soát lãnh thổ và có xu hướng ít khốc liệt hơn so với các đối thủ về vị trí của chúng. Sự cạnh tranh về các vị trí tương đối trong hệ thống phân cấp quyền lực là những cuộc đấu tranh quyền lực khu vực hoặc toàn cầu. Phạm vi cạnh tranh cho biết nơi cạnh tranh đang diễn ra và có bốn khả năng: (1) song phương, (2) khu vực, (3) toàn cầu và (4) khu vực - toàn cầu [Diehl, Goertz, 2001, p.28].

Về mức độ cạnh tranh, Diehl - Goertz (2001) cũng đã đưa ra 3 mức độ cạnh tranh chính như sau:

Một là cạnh tranh hạn chế (Low Severity): mức độ đe dọa quân sự chỉ duy trì ở ngưỡng thấp, chủ yếu là các lời đe dọa hoặc biểu dương lực lượng mà ít khi dẫn đến sử dụng vũ lực thực sự hoặc thương vong.

Hai là cạnh tranh có kiểm soát (Managed/Controlled Competition): có sự đối đầu giữa hai bên về quân sự hoá và gia tăng trừng phạt song các bên nỗ lực giảm bớt sự biến động xung quanh mức cơ sở đó để tránh bùng phát chiến tranh tổng lực thông qua các nỗ lực trung gian (mediation) hoặc các quy tắc ngầm để giữ cho các cuộc đụng độ không vượt quá tầm kiểm soát, tương tự như cách Mỹ và Liên Xô quản lý cạnh tranh trong Chiến tranh Lạnh

Ba là, cạnh tranh cường độ cao (High Intensity/Severity): các bên thường xuyên sử dụng các công cụ quân sự và có xác suất leo thang thành chiến tranh rất lớn.

Tác giả chỉ ra rằng các quốc gia trong trạng thái này thường “khóa chặt” (lock-in) vào các mô hình thù địch và rất khó để hợp tác, hạ nhiệt nếu không có các cú sốc chính trị lớn.

Tóm lại, cạnh tranh luôn tồn tại trong quan hệ quốc tế vì các quốc gia luôn có những xung đột lợi ích không được giải quyết [Thompson, 1999; p.4]. Các quốc gia có thể cùng muốn chiếm giữ một vùng lãnh thổ, cùng muốn kiểm soát một thị trường hoặc muốn chi phối độc quyền một số vị trí ảnh hưởng nhất định. Cạnh tranh sẽ chi phối và có những tác động nhất định đến “tất các quá trình quan trọng khác của chính trị thế giới” [Thompson, 1999; p.9]; nên việc nghiên cứu về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế là rất cần thiết.

2.1.2. Quan điểm về cạnh tranh trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế

2.1.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Chủ nghĩa hiện thực là lý thuyết có nhiều luận điểm liên quan trực tiếp nhất đến vấn đề cạnh tranh, khi nhấn mạnh vào khía cạnh “cạnh tranh và xung đột của chính trị quốc tế” [Karpowicz, 2017, p.1]. Suy cho cùng, các nước lớn luôn tìm kiếm cơ hội tăng cường sức mạnh và khi tình hình thuận lợi thì các nước lớn sẽ làm thay đổi trật tự thế giới theo hướng có lợi cho mình. Đó là lý do vì sao chủ nghĩa hiện thực nhận định cạnh tranh luôn tồn tại giữa các quốc gia nói chung và sự cạnh tranh giữa các nước lớn nói riêng lại càng không tránh được. Dưới lăng kính của chủ nghĩa hiện thực, nguyên nhân và động lực của cạnh tranh trong quan hệ quốc tế được lý giải qua 4 luận điểm cốt lõi sau:

Thứ nhất, bản chất “vị kỷ” của con người là căn nguyên dẫn đến xung đột

Chủ nghĩa hiện thực cổ điển như Thomas Hobbes, Reinhold Niebuhr và Hans Morgenthau cho rằng bản chất “vị kỷ” của con người là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, xung đột. Họ quan niệm chính trị được điều chỉnh bởi các quy luật khách quan có nguồn gốc từ bản chất con người là “nỗ lực giành quyền lực” [Morgenthau, 1993, p.1]. Machiavelli nhận định ham muốn chiếm hữu quyền lực và tính ích kỷ của các cá nhân là cơ sở của những xung đột nảy sinh giữa các cá nhân; Hobbes xác định bản chất con người, sự cạnh tranh, sự thiếu tự tin là ba nguyên nhân chính của xung đột [Burchill et al, 2001, p.30-32]. Với các nhà Hiện thực, quốc gia là chủ thể chính mang đặc điểm của “chế độ” của “những người tạo nên

nó” [Griffiths, 2007, p.12]. Trong khái niệm trạng thái quyền lực, Hobbes giải thích rằng “chiến tranh xảy ra do các cá nhân mất quyền kiểm soát ham muốn con người của mình khi không có quyền lực”; “quyền lực là yếu tố then chốt trong hành vi của con người, trong đó con người có bản năng giành quyền lực” [Burchil, 2001, p.32].

Thứ hai, môi trường vô chính phủ là điều kiện làm phát sinh cạnh tranh

Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc nhấn mạnh cấu trúc của hệ thống. Họ cho rằng, trong trạng thái vô chính phủ (*anarchy*), không có một cơ quan quyền lực tối cao nào kiểm soát quốc gia nên các quốc gia phải tự bảo vệ mình (*self-help*) [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.33-37]. Khi không thể dựa vào một thể chế quốc tế chung nên các quốc gia buộc phải cạnh tranh với nhau để đạt được nhiều quyền lực hơn nhằm đảm bảo an ninh, lợi ích cho quốc gia mình. Vì vậy cạnh tranh là trạng thái hiển nhiên, thường trực, không phát sinh từ ý đồ của một chủ thể cụ thể mà từ chính cấu trúc của hệ thống khiến sự cạnh tranh không thể tránh khỏi. Kenneth Waltz vì thế cũng đã cho rằng “tình trạng vô chính phủ là một điều kiện khả thi hoặc nguyên nhân “cho phép” chiến tranh xảy ra” [Waltz, 1959, p.232]. Trong môi trường vô chính phủ, “an ninh là mục tiêu cao nhất nên các quốc gia luôn lo sợ cho sự sống còn của mình... từ đó dẫn đến hành vi tìm kiếm quyền lực và cạnh tranh để đảm bảo an ninh” [Waltz, 1979, p.126].

Thứ ba, tình trạng lưỡng nan về an ninh như một cơ chế duy trì sự cạnh tranh

Chủ nghĩa hiện thực tấn công cũng cho rằng tình trạng “lưỡng nan về an ninh” (*security dilemma*) luôn thường trực, các quốc gia lo lắng về an ninh và tích tụ sức mạnh khiến cạnh tranh quyền lực xảy ra [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.73]. Dưới góc nhìn của Chủ nghĩa hiện thực, trong môi trường quốc tế vô chính phủ, cạnh tranh quyền lực là không tránh khỏi và diễn ra thường xuyên. Vì thế, thế giới luôn đầy rẫy xung đột và nguy cơ chiến tranh [Hoàng Khắc Nam, 2022, tr.4]. Hệ quả trực tiếp của nguyên tắc “tự cứu” (*self-help*) và sự theo đuổi quyền lực là sự nghi kỵ sâu sắc giữa các quốc gia. Khi một nước chủ động tăng cường sức mạnh quân sự hay mở rộng không gian chiến lược, dù chỉ xuất phát từ mục đích phòng thủ thì các quốc gia khác vẫn nhìn nhận như một mối đe dọa, làm suy giảm an ninh của họ. Sự e ngại này tạo ra một vòng xoáy phản ứng dây chuyền, các bên liên tục chạy đua vũ trang và đáp trả lẫn nhau, biến sự đề phòng ban đầu thành một cuộc kình địch dai dẳng, khiến xung đột dễ dàng leo thang thành khủng hoảng.

Trong một trật tự mà các quốc gia phải “tự cứu” thì cách tốt nhất để đảm bảo sự tồn vong là các quốc gia phải trở thành nước mạnh nhất trong hệ thống. Các quốc gia quan tâm đến việc phân bổ quyền lực để tối đa hóa quyền lực và gia tăng sức mạnh so với các đối thủ tiềm tàng của mình, thông qua các phương tiện kinh tế, chính trị, quân sự để thay đổi cán cân quyền lực có lợi cho mình, kể cả gây ra sự nghi kỵ và thù địch với các quốc gia khác. Thậm chí khi một quốc gia đạt được lợi thế quân sự hơn hẳn đối thủ, nước đó vẫn tìm kiếm cơ hội có thêm sức mạnh. Việc theo đuổi quyền lực/sức mạnh chỉ dừng lại khi đạt được địa vị bá quyền [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.71]. Do đó, tất cả các nước sau khi giành được ưu thế trước đối thủ cạnh tranh sẽ củng cố lợi thế đó và sử dụng nó để thay đổi phân bổ quyền lực có lợi cho mình mãi mãi [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.54].

Cuối cùng, quyền lực và lợi ích quốc gia là động lực và mục tiêu của cạnh tranh

Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế rộng lớn, chính trị quyền lực là một hằng số, định hình hành động và động cơ của các quốc gia và các thực thể khác trên thế giới [Michelilo, 2022, p.6]. Quyền lực là một trong những “nguyên nhân căn bản của xung đột và chiến tranh trong quan hệ quốc tế” [Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.71]. Do các quốc gia đều tìm mọi cách để đảm bảo chủ quyền của mình thông qua việc theo đuổi quyền lực nên chủ nghĩa hiện thực cho rằng “nền chính trị quốc tế sẽ là cuộc đấu tranh vì quyền lực” [Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.77]. Quyền lực không được phân bổ đồng đều trên trường quốc tế là một trong những nguyên nhân gây ra căng thẳng và xung đột, khi các bên tham gia không chỉ tìm cách bảo toàn quyền lực hiện tại của mình mà còn tìm cách đạt được nhiều hơn, đặc biệt là về mặt kiểm soát các nguồn tài nguyên quan trọng. Mục tiêu của các quốc gia là tìm cách nâng cao quyền lực nhằm tự đảm bảo an ninh và sự tồn tại của mình trong hệ thống thông qua việc cố gắng giành được càng nhiều nguồn lực càng tốt [Trương Minh Huy Vũ, 2015a].

Hoàng Khắc Nam đã rút ra những dấu hiệu, biểu hiện của quyền lực trong đời sống quan hệ quốc tế là: sức mạnh, ép buộc, kiểm soát, ảnh hưởng, quyền hành, chi phối... [Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.53]. Những dấu hiệu này phản ánh những thực tế phổ biến trong thực tiễn quan hệ quốc tế từ lịch sử đến hiện tại, cho thấy sự cạnh tranh giữa các quốc gia về bản chất là sự cạnh tranh quyền lực. Trong từng trường hợp cụ thể thì sẽ là sự cạnh tranh trong sự chi phối, ảnh hưởng, kiểm soát

hay là sức mạnh ngăn chặn... giữa các quốc gia với nhau hoặc giữa các quốc gia với một quốc gia, một vùng ảnh hưởng khác. Theo thuyết Hiện thực, để đạt được lợi ích, quốc gia tối đa hóa quyền lực ở những khu vực địa lý (1) vành đai an ninh, vùng đệm; (2) những khu vực ảnh hưởng truyền thống, khu vực “sân sau”; (3) những khu vực, vùng đất, lãnh thổ mới cần chinh phục, thiết lập và mở rộng ảnh hưởng [Phan Thị Thu Dung, 2020, tr.28]. Bên cạnh việc củng cố độc lập, tự chủ, các quốc gia còn tìm cách mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài, đẩy mạnh liên minh, liên kết hợp tác. Do đó, “các nước lớn thường cạnh tranh ảnh hưởng với nhau ở các địa bàn, không gian chiến lược” [Waltz, 1979, p.114].

Lợi ích quốc gia là yếu tố quan trọng nhất chi phối hành động, hành vi của các quốc gia nên sự mâu thuẫn, xung đột, khác biệt về lợi ích chính là nguyên nhân dẫn đến xung đột, cạnh tranh giữa các nước nhất là các nước lớn [Phan Thị Thu Dung, 2020a, tr.24]. Song do quyền lực không được phân bổ đồng đều và các nước lớn quan tâm sâu sắc tới cân bằng lực lượng, điều họ tính toán trước hết là lợi ích tương đối thu được trong tương quan với đối thủ. Cạnh tranh mang tính chất của trò chơi có tổng số bằng không (zero-sum game): câu hỏi quan trọng không phải là “được bao nhiêu” mà là “ai được nhiều hơn”. Mỗi bận tâm này khiến hợp tác giữa các đối thủ trở nên mong manh ngay cả khi mang lại lợi ích cho tất cả các bên; từ đó, chủ nghĩa hiện thực đi đến kết luận: “xung đột là tuyệt đối, là bản chất, hợp tác là tương đối và hiện tượng” [Hoàng Khắc Nam, 2011, tr.77].

Như vậy, dưới lăng kính của các nhà Hiện thực, môi trường “vô chính phủ” tạo ra điều kiện cạnh tranh, “luỡng nan an ninh” cung cấp cơ chế duy trì cạnh tranh, quyền lực xác định mục tiêu mà cạnh tranh hướng tới; và lợi ích tương đối quy định cách thức cạnh tranh lẫn át hợp tác. Đây là cơ sở để luận án lựa chọn chủ nghĩa hiện thực làm lý thuyết chủ đạo khi phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại một địa bàn cụ thể.

2.1.2.2. Các lý thuyết khác

Chủ nghĩa tự do: Cạnh tranh tồn tại nhưng hợp tác kinh tế có thể làm gia tăng hợp tác và cạnh tranh có thể được quản lý bằng thể chế

Chủ nghĩa tự do căn cứ vào thực tiễn hợp tác, hội nhập quốc tế nên cho rằng bản chất của quan hệ quốc tế không phải chỉ xung đột quyền lực mà còn cả hợp tác vì những lợi ích chung khác, nhất là lợi ích kinh tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.67,

71]. Chủ nghĩa Tự do ủng hộ thương mại quốc tế vì khi nền kinh tế của các quốc gia được liên kết thông qua thương mại, họ sẽ ít có khả năng gây chiến với nhau hơn. Ngoài ra, thương mại còn nâng cao mức độ hiểu biết của các quốc gia và tình hữu nghị quốc tế lẫn nhau nhằm loại bỏ xung đột và tăng tính độc lập thông qua sự tương tác giữa các quốc gia trong các thể chế kinh tế và tài chính nhằm tạo cơ hội giảm thiểu xung đột và thúc đẩy hợp tác [Burchill et al, 2005, p.63].

Chủ nghĩa Tự do có thừa nhận môi trường vô chính phủ là môi trường bên ngoài của quan hệ quốc tế nhưng không tuyệt đối hóa đặc điểm này như chủ nghĩa hiện thực và cho rằng có nhiều yếu tố khác có thể ngăn chặn, kiềm chế các tác động chuyển hóa thành xung đột và thậm chí làm thay đổi chính môi trường vô chính phủ [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.65]. Trong khi chủ nghĩa hiện thực có nhiều luận điểm cho thấy sự cạnh tranh, xung đột là tất yếu, chủ nghĩa Tự do tin rằng cạnh tranh có thể được quản lý thông qua hợp tác, thể chế quốc tế và các giá trị chung [Trương Minh Huy Vũ, 2015b].

Theo lý thuyết về sự phụ thuộc lẫn nhau, các thể chế này được tạo ra bởi quá trình phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, trao hàng hóa, dịch vụ, vốn thông qua các thể chế quốc tế như WB và IMF, hoặc các thể chế khu vực như Liên minh Châu Âu [Griffiths, 2007, p.27]. Thật vậy, lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau được coi là một chuỗi liên minh giữa các quốc gia nhằm tạo ra sự hợp tác và cùng có lợi thông qua hội nhập thương mại [Burchill et al, 2005, p.64]. Theo đó, việc cạnh tranh kinh tế hay chính trị đều được các nhà Tự do nhìn theo hướng là sẽ giúp hợp tác tốt hơn, không phải gia tăng xung đột [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.68].

Luật pháp quốc tế được các nhà Tự do coi là những công cụ để giúp giảm tình trạng vô chính phủ dễ dẫn đến xung đột và giúp quan hệ quốc tế vận hành phù hợp với lợi ích của con người và quốc gia. Các nước xây dựng và cùng thiết lập nên các thể chế với tôn chỉ mục đích phù hợp với lợi ích chung nên đây chính là cơ chế, cơ sở để các quốc gia xây dựng lòng tin, hiểu biết lẫn nhau và chia sẻ các cơ hội hợp tác. Các nguyên tắc và quy định bên trong thể chế là cơ sở để các quốc gia điều chỉnh hành vi và quan hệ giữa các thành viên, từ đó ngăn ngừa và hạn chế xung đột xảy ra. Mặt khác, Chủ nghĩa Tự do cũng cho rằng thể chế giúp quản lý rất nhiều vấn đề như phụ thuộc lẫn nhau, hợp tác và hội nhập... nhằm phát huy mặt tiêu cực và hạn chế khía cạnh tiêu cực của vấn đề này [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 76].

Chủ nghĩa Mác-Lênin: cạnh tranh bắt nguồn từ lợi ích kinh tế và quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản.

Nếu Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng tình trạng vô chính phủ dẫn đến mâu thuẫn giữa các quốc gia thì chủ nghĩa Mác cho rằng các cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra do xung đột lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Một trong những lập luận quan trọng của Chủ nghĩa Mác đó là quan điểm của Lênin cho rằng chủ nghĩa tư bản quốc tế đã làm thế giới phát triển nhưng không đồng đều. Các nền kinh tế tư bản riêng rẽ phát triển ở những trình độ khác nhau là nguyên nhân của chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh và sự thay đổi chính trị quốc tế. Liên minh tư bản là tạm thời và phản ánh cân bằng quyền lực nhất thời giữa các nước tư bản, còn vẫn có xung đột giữa các nước tư bản để giành thuộc địa [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.178].

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, cạnh tranh trong quan hệ quốc tế chủ yếu xuất phát từ lợi ích kinh tế của giai cấp tư sản, đặc biệt là trong việc kiểm soát thị trường, tài nguyên và lao động giá rẻ. Với các nhà Mác xít, hệ thống quốc tế và chính sách ngoại giao bị chi phối bởi cấu trúc của nền kinh tế trong nước trong khi đó các nhà Hiện thực lại quan niệm rằng bản chất của hệ thống quốc tế là yếu tố chi phối chính sách đối ngoại. Các quan điểm của Lênin và chủ nghĩa Hiện thực chính trị đều cùng quan điểm cho rằng các quốc gia tranh giành của cải và quyền lực và mức độ gia tăng quyền lực khác nhau là nguyên nhân của xung đột quốc tế và các thay đổi về chính trị [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.181].

Mặt khác, chủ nghĩa Mác nhận định cạnh tranh giữa các cường quốc là kết quả của chủ nghĩa tư bản độc quyền, chiến tranh và cạnh tranh là hệ quả tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản nằm ở những mâu thuẫn giữa các quốc gia hơn là sự đấu tranh giai cấp. Sự gia tăng cạnh tranh kinh tế và chính trị giữa các cường quốc đang nổi lên với các cường quốc đang suy tàn dẫn đến tình trạng xung đột kinh tế, tình trạng đói đầu, và cuối cùng là chiến tranh [Nguyễn Vũ Tùng, 2017, tr.179]. Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn phát triển cao dẫn đến chủ nghĩa đế quốc, nơi các nước tư bản phát triển tranh giành thuộc địa, thị trường và nguồn lực. Cạnh tranh giữa các cường quốc tư bản chủ yếu xoay quanh việc mở rộng ảnh hưởng kinh tế, chính trị và quân sự nhằm bảo vệ lợi ích của các tập đoàn tư bản. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng cạnh tranh trong quan

hệ quốc tế dưới chế độ tư bản thường dẫn đến chiến tranh, xung đột và khủng hoảng kinh tế. Lênin phân tích rằng trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, sự cạnh tranh giữa các nước lớn sẽ dẫn đến chiến tranh thế giới do mâu thuẫn về lợi ích.

Các nhà Mác xít mới đưa ra Lý thuyết phụ thuộc cho rằng, ngoài giai cấp, quốc gia cũng là chủ thể quan trọng trong quan hệ quốc tế; các nền kinh tế tương tác với nhau và gắn bó với nhau ngày càng chặt chẽ dẫn đến hình thành hệ thống thế giới, trong hệ thống thế giới đang diễn ra sự phân công lao động quốc tế bất bình đẳng. [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.134].

Chủ nghĩa Kiến tạo

Bản sắc và nhận thức định hình cạnh tranh.

Chủ nghĩa Kiến tạo không chỉ đơn thuần tập trung vào lợi ích mà còn tập trung vào các nhân tố khác như văn hoá, thể chế, quy chuẩn xã hội và cho rằng bản sắc của quốc gia sẽ hàm ý những ưu tiên và hành động đi kèm của quốc gia đó [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.103]. Quốc gia không chỉ hành động vì lợi ích vật chất (như quyền lực hoặc kinh tế) mà còn dựa trên bản sắc (identity) của họ. Nếu một quốc gia nhìn nhận nước khác là đối thủ (rival), họ sẽ hành động theo cách cạnh tranh và ngược lại. Sự khác biệt về bản sắc, tư tưởng và hệ giá trị của các quốc gia mang lại những ý nghĩa khác nhau về sức mạnh vật chất trong quan hệ giữa các quốc gia đó.

Tình trạng vô chính phủ do quốc gia kiến tạo ra có thể thay đổi bởi bản sắc và chuẩn mực chung. Bản sắc là cơ sở của lợi ích quốc gia, bản sắc khác nhau, có thể thay đổi dẫn đến lợi ích thay đổi. Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng các khả năng chủ quan có thể bổ sung cho quyền lực và hợp tác không chỉ vì lợi ích mà còn do đúng-sai; thể chế không chỉ vì hợp tác mà còn tạo bản sắc. Các nhà Kiến tạo còn nhận định thế giới phát triển tiến hóa và thay đổi hòa bình qua sự thay đổi nhận thức, từ đó hướng tới xây dựng cộng đồng an ninh qua việc hình thành bản sắc chung.

Cấu trúc xã hội quyết định tính chất cạnh tranh

Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng mức độ ảnh hưởng của cấu trúc mang tính nhận thức đối với hành vi của chủ thể chính trị xã hội (cá nhân, nhà nước) quan trọng như các cấu trúc mang tính vật chất. Hệ thống các niềm tin hay giá trị và tư tưởng chung có tác động to lớn đến hành vi của chủ thể chính trị xã hội trong quan hệ quốc tế.

Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh rằng các quốc gia không tồn tại trong một hệ thống cố định, mà trong một cấu trúc xã hội động, được tạo ra từ các quy tắc, chuẩn mực và mối quan hệ. Nếu các chuẩn mực quốc tế khuyến khích cạnh tranh (ví dụ: chạy đua vũ trang, chủ nghĩa dân tộc), thì các quốc gia sẽ hành xử theo hướng cạnh tranh. Nếu chuẩn mực quốc tế khuyến khích hợp tác (ví dụ: hội nhập kinh tế, ngoại giao đa phương), thì cạnh tranh có thể giảm đi.

Cuối cùng, chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh vai trò của diễn ngôn và tư tưởng. Cách mà các quốc gia nói về nhau (diễn ngôn) có thể củng cố hoặc thay đổi tính chất cạnh tranh. Nếu truyền thông, lãnh đạo chính trị và giới học giả liên tục mô tả một nước khác là mối đe dọa, điều này sẽ làm tăng nhận thức về cạnh tranh và xung đột. Ngược lại, nếu các quốc gia thúc đẩy các câu chuyện hợp tác, họ có thể giảm cạnh tranh và xây dựng lòng tin.

Như vậy, có thể thấy rằng mỗi lý thuyết quan hệ quốc tế đều có những cách tiếp cận với những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau; thậm chí có những điểm tương đồng trong lý giải về vấn đề cạnh tranh trong quan hệ quốc tế. Xét về xung đột, cạnh tranh giữa các quốc gia nói chung được lý giải và phân tích tương đối phù hợp trên một số luận điểm và logic dưới lăng kính của các nhà hiện thực. Họ đưa ra các nguyên nhân dẫn đến xung đột, cạnh tranh và chiến tranh giữa các quốc gia - chủ thể chính trong quan hệ quốc tế. Đó là do bản chất vô chính phủ của môi trường quốc tế, là xuất phát từ vấn đề quyền lực, tranh giành quyền lực giữa các quốc gia. Với Chủ nghĩa hiện thực, cạnh tranh nước lớn xoay quanh vấn đề xung đột - quyền lực - bá quyền. Chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh rằng các cường quốc luôn muốn duy trì vai trò, vị trí bá quyền của mình trong cấu trúc quyền lực quốc tế hiện nay. Quyền lực là nguyên nhân căn bản dẫn đến sự cạnh tranh giữa các quốc gia.

Ngoài ra, chủ nghĩa Mác cũng bổ sung những nguyên nhân do mâu thuẫn giai cấp với vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, phân phối giá trị của cải vật chất không công bằng dẫn đến sự độc quyền, bá quyền. Ngược lại, những quan điểm của chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa kiến tạo cho thấy rằng trong bối cảnh hiện nay, quan hệ giữa các quốc gia không chỉ xoay quanh vấn đề cạnh tranh, mà còn có hợp tác. Đồng thời, cạnh tranh giữa các quốc gia hiện nay không chỉ là cạnh tranh “nóng”, thông qua các cuộc xung đột quân sự trực tiếp, mà còn là sự cạnh tranh về vai trò,

ảnh hưởng sự chi phối với các vấn đề lớn của một quốc gia khác và với một khu vực nhất định.

Bảng 2.1: Quan điểm về cạnh tranh trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế

Quan điểm	Chủ nghĩa Hiện thực	Chủ nghĩa Tự do	Chủ nghĩa Mác	Chủ nghĩa Kiến tạo
Cách tiếp cận về môi trường quốc tế	Môi trường quốc tế là vô chính phủ, cạnh tranh giữa các quốc gia là tất yếu	Môi trường quốc tế là vô chính phủ, các quốc gia có thể hợp tác	Quan hệ quốc tế phản ánh mâu thuẫn giai cấp trong phạm vi quốc tế	Tình trạng vô chính phủ có thể thay đổi bởi bản sắc và chuẩn mực chung
Quan niệm về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế	Cạnh tranh là tất yếu, là động lực của quan hệ quốc tế	Cạnh tranh có thể dần được thay thế bởi hợp tác kinh tế, chính trị	Cạnh tranh gắn liền với sự bất bình đẳng và đấu tranh giai cấp bị chi phối bởi CNTB	Sự khác biệt trong nhận thức, bản sắc sẽ định hình nên sự cạnh tranh
Nguồn gốc cạnh tranh	Do bản chất vị kỷ của con người và do các quốc gia theo đuổi quyền lực, an ninh, lợi ích tương đối trong môi trường vô chính phủ nên dẫn đến cạnh tranh	Do thiếu các thể chế quốc tế hiệu quả	Cạnh tranh do bóc lột, phụ thuộc và đấu tranh giai cấp trong hệ thống tư bản toàn cầu	Cạnh tranh là hệ quả của sự khác biệt trong bản sắc, nhận thức và diễn ngôn đối đầu
Mức độ tất yếu của cạnh tranh	Cạnh tranh là tất yếu và thường trực	Cạnh tranh có thể được kiểm soát và giảm thiểu	Cạnh tranh là tất yếu trong cấu trúc tư bản toàn cầu	Cạnh tranh không phải tất yếu. Nó phụ thuộc và nhận thức và bản sắc
Mục tiêu cạnh tranh	Đảm bảo an ninh, tối đa hoá quyền lực, sức mạnh quốc gia trong môi trường vô chính phủ	Tối đa hóa lợi ích quốc gia trong hệ thống hợp tác thương mại, ảnh hưởng thể chế, quyền lực mềm	Kiểm soát tư bản, tài nguyên và duy trì cấu trúc áp bức giai cấp toàn cầu	Khẳng định bản sắc, vị thế và vai trò quốc tế
Hình thức cạnh tranh	Cạnh tranh quyền lực: chính trị, an ninh, quân sự.	Cạnh tranh kinh tế, cạnh tranh công nghệ...	Cạnh tranh về lợi nhuận, thị trường, nguồn lực	Cạnh tranh về diễn ngôn, vị thế trong cấu trúc xã hội quốc tế
Giải pháp giảm cạnh tranh	Cân bằng quyền lực, phòng ngừa, răn đe	Tăng cường thể chế quốc tế, thương mại, dân chủ hóa	Thay đổi hệ thống kinh tế-chính trị toàn cầu	Thay đổi nhận thức, bản sắc, ngôn ngữ và chuẩn mực

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp

Căn cứ từ góc độ lý luận ở trên, xét vào cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria (2011-2024) có thể thấy, chủ nghĩa hiện thực cung cấp góc nhìn phù hợp để giải thích tính liên tục và cạnh tranh dài hạn giữa Nga và Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay là thường trực và tất yếu. Và Syria là một trong các địa bàn thể hiện các tính chất của sự cạnh tranh này dưới góc độ một cuộc chiến tranh uỷ nhiệm. Những nội dung hợp tác giữa hai nước không làm thay đổi cốt lõi cạnh tranh và sự đối đầu giữa Nga và Mỹ. Dù hai nước hợp tác trong giải quyết vấn đề khủng bố IS thì họ vẫn duy trì đối đầu chiến lược tại Syria. Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh mục tiêu tối đa hoá quyền lực để đảm bảo an ninh quốc gia trong môi trường vô chính phủ.

Bảng 2.2: Các luận điểm lý thuyết áp dụng phân tích cạnh tranh

Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024)

Luận điểm	Áp dụng vào cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024)
Chủ nghĩa Hiện thực	
Môi trường quốc tế là vô chính phủ, cạnh tranh giữa các quốc gia là tất yếu. Cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia là động lực của quan hệ quốc tế	- Nga: Tìm cách củng cố ảnh hưởng tại Trung Đông để duy trì vị thế cường quốc toàn cầu đồng thời hỗ trợ chính phủ Assad nhằm bảo vệ lợi ích chiến lược và ngăn chặn sự can thiệp của Mỹ - Mỹ: Bảo vệ lợi ích của đồng minh (Israel, Saudi Arabia, và người Kurd). Hạn chế ảnh hưởng của Nga, Iran, các đối thủ chiến lược trong khu vực. ➔ Cuộc đấu tranh quyền lực giữa các cường quốc trong môi trường quốc tế vô chính phủ
Các quốc gia hành xử dựa trên lợi ích quốc gia và quyền lực. Luật pháp quốc tế không ngăn chặn được sự cạnh tranh giữa các quốc gia.	- Nga: đưa quân can thiệp vào Syria theo lời đề nghị của chính quyền Assad - Mỹ: tiến hành các cuộc không kích tại Syria mà không có sự cho phép của chính quyền nước này. - Các nỗ lực đàm phán quốc tế không có hiệu quả do các bên không hợp tác.
Các quốc gia tìm cách cân bằng quyền lực để ngăn chặn đối thủ trở nên quá mạnh.	Mỹ và Nga đều cố gắng làm suy yếu nhau để duy trì sự cân bằng quyền lực có lợi cho mình. - Nga giúp Assad duy trì quyền lực để ngăn Mỹ thay đổi chế độ Syria và mở rộng ảnh hưởng. - Mỹ hỗ trợ lực lượng đối lập để làm suy yếu chính quyền Syria và kiềm chế Nga ➔ Syria trở thành một chiến trường quan trọng vì nó giúp củng cố quyền lực quân sự và chính trị của mỗi bên tại khu vực Trung Đông.
Chủ nghĩa Tự do	
Sự phụ thuộc lẫn nhau qua hợp	- Nga và Mỹ không có sự phụ thuộc, liên kết và hợp

Luận điểm	Áp dụng vào cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011-2024)
tác kinh tế, thương mại sẽ làm giảm cạnh tranh, hạn chế xung đột giữa các quốc gia.	tác trên lĩnh vực kinh tế tại Syria nên sự cạnh tranh lại càng nổi trội hơn. - Giai đoạn Nga và Mỹ tạm thời hợp tác chống IS → Hợp tác làm giảm căng thẳng, xung đột
Chủ nghĩa Tự do đề cao vai trò của thể chế quốc tế giúp kiềm chế cạnh tranh và tạo ra diễn đàn đối thoại, đặc biệt là các thể chế đa phương.	- Nga và Mỹ vẫn duy trì đối thoại thông qua thể chế quốc tế và các kênh ngoại giao để tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Syria. → Cạnh tranh giữa Mỹ-Nga tại Syria đã được kiềm chế thông qua các vòng đàm phán Geneva và Astana, dù căng thẳng quân sự vẫn diễn ra. Tuy nhiên, sự thất bại của các cơ chế hợp tác đa phương trong việc giải quyết vấn đề Syria là minh chứng cho những thách thức mà hệ thống quốc tế đối mặt trong việc quản lý xung đột.
Chủ nghĩa Mác	
Cạnh tranh giữa các nước tư bản là cạnh tranh về lợi ích: nguồn lực, tài nguyên, thị trường, ảnh hưởng	-Nga muốn duy trì chính quyền Assad để bảo vệ các lợi ích kinh tế - quân sự của mình ở Syria, như căn cứ hải quân Tartus và khai thác năng lượng. -Mỹ ủng hộ phe đối lập và lực lượng người Kurd để mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản phương Tây tại khu vực Trung Đông
Cạnh tranh gắn liền với đấu tranh giai cấp và lợi ích và do quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản. Lợi ích thuộc về giai cấp tư sản và các quốc gia ở vùng trung tâm.	Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đem lại lợi ích cho các công ty, tập đoàn của Nga và Mỹ; ngược lại người dân Syria phải chịu hậu quả nặng nề của nội chiến kéo dài.
Chủ nghĩa Kiến tạo	
Bản sắc và nhận thức quyết định tính chất của sự cạnh tranh	- Nga: Xây dựng hình ảnh của một chủ thể “bảo vệ chủ quyền quốc gia” với Syria và khẳng định là một cường quốc đối trọng với Mỹ tại Syria. - Mỹ: Đề cao vai trò của dân chủ, nhân quyền của Mỹ và cho rằng cần phải can thiệp vào các khu vực có xung đột để duy trì trật tự quốc tế tự do
Truyền thông và diễn ngôn là một trong những yếu tố quyết định tính chất của cạnh tranh	- Mỹ mô tả Nga là bên ủng hộ chế độ độc tài - Nga coi Mỹ là bên can thiệp và đe dọa chủ quyền quốc gia của Syria. → Những diễn ngôn này gia tăng sự đối đầu.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp

2.1.2.3. Khung phân tích cạnh tranh nước lớn của Mazarr và các cộng sự (RAND)

Từ góc độ lý luận đã trình bày ở trên, có thể thấy các lý thuyết quan hệ quốc tế đã đưa ra những khung lý thuyết cơ bản để luận giải cạnh tranh nước lớn dưới một số khía cạnh như nguồn gốc của đến cạnh tranh, mục đích của cạnh tranh,

phạm vi cạnh tranh... Căn cứ các quan điểm của chủ nghĩa hiện thực; đồng thời dựa vào thực tiễn cạnh tranh Nga-Mỹ, Trung-Mỹ... trong thời gian gần đây; các báo cáo nghiên cứu của RAND - một tổ chức nghiên cứu phi chính phủ - đã đưa ra những nội dung để làm rõ về cạnh tranh trong quan hệ quốc tế trong bối cảnh mới. Sau khi nghiên cứu các cuộc cạnh tranh nước lớn trong lịch sử và hiện tại, họ đã đưa ra một số tiêu chí cơ bản [Mazarr et al, 2022, p.4] và khuôn khổ đánh giá năng lực cạnh tranh trong môi trường quốc tế [Mazarr et al, 2018, p.13] như sau:

Thứ nhất, về phân loại cạnh tranh, có 4 cấp độ/loại hình cạnh tranh:

(i) Cạnh tranh phổ quát (generalized competition): tình trạng dai dẳng, thường trực giữa các quốc gia nhằm tối đa hóa ảnh hưởng, quyền lực.

(ii) Cạnh tranh song phương gay gắt (rivalry): các cuộc đối đầu giữa hai nước ngang sức, để cạnh tranh vị trí lãnh đạo hệ thống.

(iii) Cạnh tranh quân sự hóa (militarized rivalry): các quốc gia sử dụng vũ lực hoặc sẵn sàng sử dụng vũ lực để đạt mục tiêu.

(iv) Cạnh tranh dưới ngưỡng chiến tranh (gray zone competition): sử dụng công cụ chính trị, kinh tế, thông tin để đạt lợi thế mà không dẫn đến chiến tranh.

Thứ hai, về mục tiêu cạnh tranh, xác định các quốc gia trong một cuộc cạnh tranh thực sự muốn gì? (i) Quyền lực và an ninh (ii) Vị thế, danh tiếng và uy tín quốc tế (iii) Thịnh vượng kinh tế (iv) Nguồn lực chiến lược (v) Ảnh hưởng khu vực/quốc tế (vi) Dẫn dắt quy tắc, luật chơi toàn cầu. Trước khi xác định mục tiêu cạnh tranh, họ cũng đưa ra 5 yếu tố để xác định bản chất của quốc gia cạnh tranh. Đó là: chế độ chính trị, bản sắc quốc gia, mức độ hài lòng của quốc gia với trật tự quốc tế hiện tại, tác động của các nhóm lợi ích nội bộ và quan điểm của lãnh đạo quốc gia đó về cạnh tranh.

Thứ ba, về cách thức cạnh tranh, các quốc gia sử dụng các chiến lược, công cụ và phương thức nào để thực hiện cạnh tranh? Cạnh tranh quân sự; cạnh tranh kinh tế (trừng phạt, đầu tư, trợ cấp nhà nước); cạnh tranh chính trị - ngoại giao (liên minh, định hình luật chơi); cạnh tranh thông tin - công nghệ; cạnh tranh bản sắc/nền tảng giá trị (dân chủ với chuyên chế).

Thứ tư, về mức độ, cường độ cạnh tranh, đánh giá mức độ cực đoan sự cạnh tranh, được đo bằng các chỉ số như lịch sử xung đột bạo lực, mức độ bất bình công khai lẫn nhau, chủ nghĩa dân tộc thù địch, và số lượng lợi ích không tương thích.

Thứ năm, về xác định kết quả của cạnh tranh, xem xét cách các bên định nghĩa thành công trong cuộc cạnh tranh tổng thể, căn cứ trên mục tiêu cạnh tranh đã đưa ra mà không chỉ trong từng trận chiến hay cuộc đối đầu.

Cuối cùng, về mức độ ổn định của cạnh tranh, nếu có cơ chế kiểm soát khủng hoảng giữa các bên và có kênh liên lạc sau khủng hoảng, có khả năng phục hồi sau khủng hoảng và cuộc cạnh tranh đó không dẫn đến chiến tranh thì được coi là ổn định.

Có thể nói, khung phân tích về cạnh tranh do các học giả của RAND đưa ra góp phần làm rõ hơn bản chất, mục tiêu, loại hình và phương thức cạnh tranh giữa các nước lớn trong bối cảnh hiện nay; phù hợp với nghiên cứu thực tiễn cạnh tranh Nga-Mỹ, Mỹ-Trung Quốc... trong bối cảnh hiện nay. Đây là sự hệ thống hóa trực quan, giúp giải mã câu hỏi căn bản: “Trong cạnh tranh, các cường quốc thực sự muốn gì?”. Không chỉ tập trung vào lợi ích an ninh - kinh tế - quân sự, thiên về sức mạnh cứng, sức mạnh vật chất, RAND còn bổ sung mục tiêu uy tín, danh tiếng, và dẫn dắt quy tắc quốc tế dưới góc độ sức mạnh mềm, phi vật chất; phản ánh đúng bản chất cạnh tranh nước lớn trong thời đại toàn cầu hóa. Khung phân tích trên có tính thực tiễn cao và có thể áp dụng để phân tích nhiều trường hợp (Mỹ - Trung Quốc, Mỹ - Nga, Nga - EU...), đặc biệt là những xung đột khu vực nơi cường quốc can dự (như Syria, Ukraine, Biển Đông). Các mục tiêu đưa ra khá bao quát và đầy đủ cho phép người nghiên cứu có thể linh hoạt xác định trọng tâm khác nhau tùy bối cảnh.

Tuy nhiên, khung phân tích trên cũng có những hạn chế, chưa đầy đủ. Các học giả mới chỉ liệt kê các mục tiêu cạnh tranh mà chưa nêu rõ mối quan hệ giữa các mục tiêu, chưa phân tích sâu sự đan xen giữa các mục tiêu với nhau trong sự cạnh tranh. Ví dụ, uy tín quốc tế thường gắn liền với quyền lực cứng; an ninh thường dẫn đến mở rộng ảnh hưởng. Khi áp dụng, người nghiên cứu vẫn phải tự xây dựng thứ bậc hoặc mục tiêu. Các nhà nghiên cứu có thiên hướng về góc nhìn chiến lược - chính trị. Mặc dù đề cập đến kinh tế và quy tắc quốc tế, nhưng cách tiếp cận vẫn nặng về cạnh tranh quyền lực truyền thống, chưa khai thác đủ khía cạnh xã hội, ý thức hệ hoặc yếu tố phi truyền thống (biến đổi khí hậu, công nghệ số...). Khung phân tích trên mới dừng lại ở mức “các cường quốc muốn gì”, nhưng

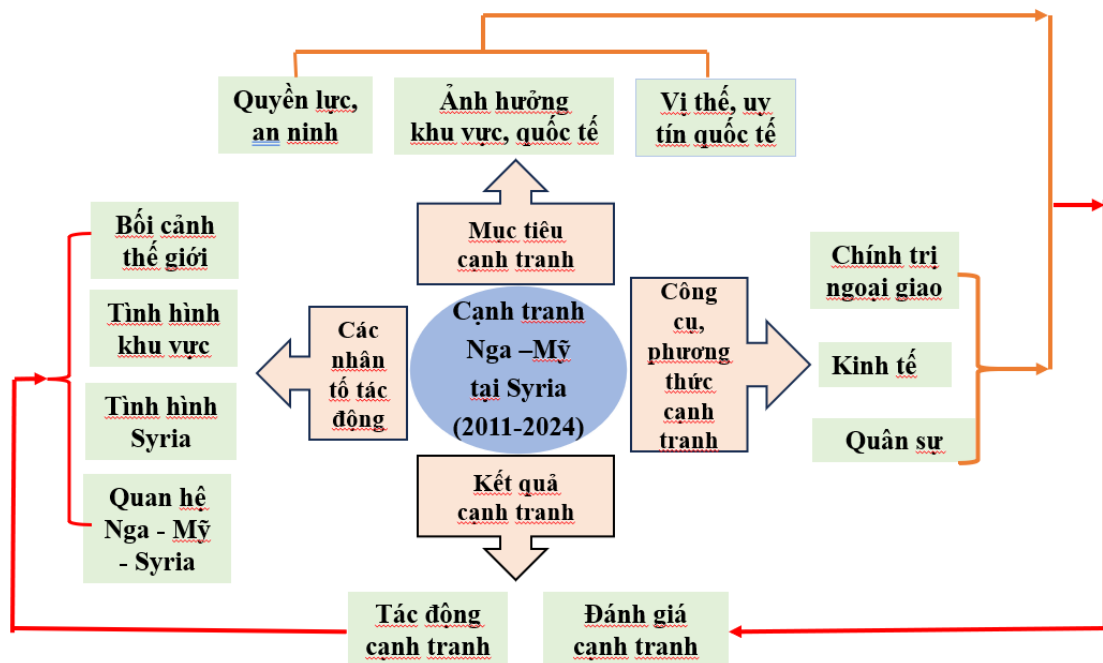
chưa chỉ rõ cách mục tiêu biến đổi theo thời gian hay trong các giai đoạn khác nhau của một cuộc cạnh tranh dài hạn.

Có thể nói, khung phân tích cạnh tranh của RAND là một công cụ có những luận điểm có thể áp dụng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, đặc biệt hữu ích để phân tích cạnh tranh giữa các cường quốc tại các điểm nóng khu vực. Vì vậy, khi áp dụng vào nghiên cứu Nga - Mỹ tại Syria, việc kết hợp khung RAND với quan điểm chủ nghĩa hiện thực (nhấn mạnh quyền lực & an ninh) sẽ cho ra một mô hình phân tích vừa bao quát, vừa chỉ ra được bản chất cạnh tranh.

2.1.3. Khung phân tích về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria

Căn cứ từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực và tham khảo khung phân tích cạnh tranh nước lớn của RAND, Luận án đưa ra khung phân tích thực trạng, bản chất cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024 như sau:

Sơ đồ 2.1: Khung phân tích cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria



Nguồn: Nghiên cứu sinh hình thành từ cơ sở lý luận của Luận án

Thứ nhất, sự cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria chịu sự chi phối của các nhân tố quốc tế, khu vực và quốc gia.

Thứ hai, để làm rõ về cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria, Luận án tìm hiểu và phân tích mục tiêu cạnh tranh của Nga và Mỹ tại Syria trên 3 phương diện là: mục tiêu về

quyền lực - an ninh; mục tiêu về ảnh hưởng khu vực và mục tiêu về vị thế, uy tín quốc tế. Nga muốn mở rộng ảnh hưởng tại Trung Đông; khẳng định vị thế cường quốc; chống lại trật tự do Mỹ đứng đầu và thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực. Trong khi đó, Mỹ muốn thông qua Syria, tăng cường vai trò tại Trung Đông; ngăn chặn sự mở rộng ảnh hưởng của Nga; thúc đẩy chế độ dân chủ do Mỹ đứng đầu.

Thứ ba, về phương thức, công cụ cạnh tranh tại Syria, từ năm 2011 đến năm 2024, Nga và Mỹ chủ yếu cạnh tranh trên 3 phương diện là: chính trị - an ninh, kinh tế, an ninh - quốc phòng.

Thứ tư, luận án sẽ căn cứ, đối chiếu vào mục tiêu cạnh tranh và thực trạng cạnh tranh, để đánh giá cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024. Đồng thời chỉ ra tác động của sự cạnh tranh đó đến nội chiến Syria, đến quan hệ Nga - Mỹ, đến tình hình an ninh - chính trị khu vực cũng như thế giới.

Cuối cùng, Luận án sẽ rút ra một số dự báo về tình hình Syria và xu hướng vận động của cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria trong thời gian tới.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Bối cảnh quốc tế

Sự chuyển dịch trật tự thế giới từ đơn cực sang đa cực

Trước hết, ở cấp độ hệ thống, chuyển động lớn nhất của bối cảnh quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI là quá trình chuyển dịch cấu trúc quyền lực từ trật tự đơn cực sang trật tự đa cực. Mỹ cố gắng tái thiết lập trật tự thế giới theo hướng đơn cực, phục vụ lợi ích của mình thông qua các chiến lược chính trị, kinh tế và quân sự, thông qua chi phối các luật chơi toàn cầu và thúc đẩy các giá trị tự do, dân chủ theo tiêu chuẩn phương Tây. Ngược lại, Nga sau khi khôi phục kinh tế, đã thể hiện rõ việc phản đối trật tự đơn cực do Mỹ áp đặt, nỗ lực khôi phục vị thế cường quốc và vai trò ảnh hưởng toàn cầu, đồng thời thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực. Sự đối lập về mặt cấu trúc và tầm nhìn trật tự thế giới này là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự va chạm lợi ích giữa hai nước.

Chiến tranh Lạnh kết thúc, sau quá trình phục hồi kinh tế, Nga đã tái khẳng định quyền lợi quốc gia, phản đối sự can thiệp và mở rộng NATO, đồng thời kêu gọi một trật tự thế giới đa cực. Nga nỗ lực tái khẳng định vị thế cường quốc và thúc đẩy tầm nhìn về một thế giới đa cực để đối trọng với trật tự cũ. Ngày 10/1/2000,

Tổng thống lâm thời V.Putin đã phê chuẩn khái niệm “an ninh quốc gia” đề cập đến một thế giới “đa cực” và nhấn mạnh vai trò của Nga là “một trong những trung tâm có ảnh hưởng” [Kremlin, 2000]. Sau những can thiệp của Mỹ, các nước phương Tây vào Iraq (2003), Bắc Ossetia (2004), Georgia (2003), Ukraine (2004), Gruzia (2008), Tổng thống V. Putin tại Hội nghị An ninh Munich năm 2007 đã lên án Mỹ, phương Tây “áp đặt chính sách của mình đối với các nước khác” [Kremlin, 2007], công khai lập trường phản đối trật tự đơn cực.

Ngược lại, Mỹ tập trung vào quyền sử dụng vũ lực phòng ngừa và thúc đẩy giá trị dân chủ, tự do. Mỹ vẫn duy trì sức mạnh tổng hợp vượt trội và tìm cách lãnh đạo hệ thống thông qua các thiết chế toàn cầu như WB, IMF hay WTO để bảo vệ lợi thế của mình và các nước phương Tây. Mỹ nỗ lực duy trì vị thế siêu cường duy nhất và trật tự do mình dẫn dắt, nổi bật là làn sóng mở rộng NATO lớn nhất trong lịch sử vào năm 2004 với sự gia nhập của Bulgaria, Estonia, Latvia, Lithuania, Romania, Slovakia và Slovenia [NATO, 2024]. Hành động này của Mỹ đã thu hẹp không gian an ninh chiến lược của Nga. Đồng thời, việc Mỹ hồi sinh dự án hệ thống phòng thủ tên lửa châu Âu và việc Nga lên án Mỹ can thiệp và cáo buộc cuộc bầu cử tại Nga năm 2011 là gian lận khiến tình hình nội bộ nước Nga trở nên bất ổn đã khiến quan hệ song phương Nga - Mỹ rơi vào khủng hoảng [Reuters, 2011]. Quá trình mở rộng NATO và các can thiệp quân sự đơn phương của Mỹ đã nuôi dưỡng tâm lý đối kháng ở Nga [Mearsheimer, 2014]. Từ đầu thế kỷ XXI, dưới thời Tổng thống V. Putin, Nga tái khẳng định vị thế cường quốc và coi Mỹ là mối đe dọa trực tiếp, đặc biệt sau các “cách mạng màu” và khủng hoảng Ukraine năm 2014 [Stent, 2019].

Do những mâu thuẫn chiến lược sâu sắc vẫn tiếp diễn từ sau Chiến tranh Lạnh (xuất phát từ khác biệt cố hữu về địa-chiến lược và ý thức hệ, văn hoá, mô hình phát triển...), quan hệ Mỹ - Nga không thay đổi [Nguyễn Minh Vũ, 2024, tr.98]. Đối với Nga, can thiệp vào Syria là hành động thiết yếu nhằm chặn đứng nỗ lực đơn phương “thay đổi chế độ” của Mỹ, qua đó khẳng định một trật tự đa cực trên thực tế. Đối với Mỹ, việc loại bỏ chính quyền Assad được xem là công cụ để chuyển giao củng cố sức mạnh răn đe của khối dân chủ phương Tây và thúc đẩy trật tự do Mỹ dẫn dắt trước sự trỗi dậy thách thức của Nga. Sự đối lập này biến Syria thành địa bàn chiến

lược để Nga thách thức thể độc quyền của Mỹ và để Mỹ bảo vệ ảnh hưởng của mình trong trật tự thế giới đang biến động.

Sự điều chỉnh chiến lược và cạnh tranh giữa các nước lớn

Đồng thời, cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria nằm trong bối cảnh sự “cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước lớn về địa chiến lược, địa chính trị, địa kinh tế, tranh giành các nguồn tài nguyên chiến lược, công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng cao” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr.13]. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, các nước lớn “điều chỉnh chính sách theo hướng hòa dịu hơn, chuyển từ đối đầu trực tiếp gay gắt sang cạnh tranh gián tiếp, thông qua các sáng kiến nhằm tập hợp lực lượng và cơ chế hợp tác khu vực mang tính đối trọng, kiềm chế nhau” [Lê Viết Duyên, 2024]. Giai đoạn hiện nay sự phân tuyến, phân cực cũng trở nên rõ ràng hơn, “mặt cạnh tranh, đối đầu có phần nổi trội hơn” [Phạm Quốc Thành, 2022]. Cạnh tranh nước lớn được thể hiện rõ nét tại các khu vực địa bàn chiến lược truyền thống như Trung Đông, Mỹ Latinh, không gian hậu Xô viết.

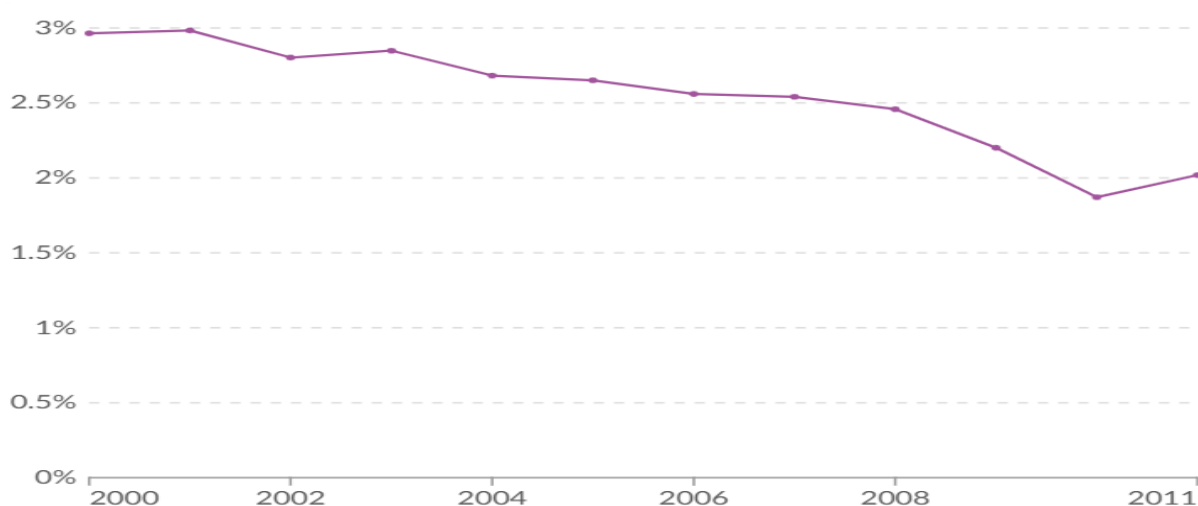
Các nước lớn tập trung “điều chỉnh chính sách theo hướng phục vụ tốt hơn lợi ích quốc gia” [Lại Thái Bình, 2023]. Sau khi bị sa lầy tại hai cuộc chiến Afghanistan, Iraq cùng hệ quả của khủng hoảng tài chính buộc Mỹ chuyển trọng tâm sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương để tập trung cạnh tranh với Trung Quốc. Mỹ thu hẹp cam kết tại Trung Đông, chuyển từ mô hình can thiệp quy mô lớn sang mô hình can dự chi phí thấp thông qua liên minh và các lực lượng địa phương. Mỹ đồng thời áp dụng chính sách “phòng ngừa” và thúc đẩy các giá trị dân chủ tại Trung Đông. Trong khi đó, Nga dưới thời Tổng thống Putin đã điều chỉnh theo hướng thực tế hơn, coi sự mở rộng của NATO là mối đe dọa trực tiếp và ưu tiên khôi phục các vị thế kinh tế, chính trị tại những khu vực truyền thống như Trung Đông để đảm bảo không bị gạt ra ngoài lề các vấn đề quốc tế. Nga chuyển sang chính sách đối ngoại quyết đoán, sẵn sàng sử dụng công cụ quân sự ngoài không gian hậu Xô viết để khẳng định vị thế cường quốc toàn cầu. Trong tính toán đó, Trung Đông có vị trí đặc biệt, vừa giúp Nga phá thế bị bao vây, cô lập từ phía Tây [Marshall, 2021, p.163], vừa là nơi khoảng trống chiến lược do Mỹ để lại tạo cơ hội chi phí thấp để Nga tái khẳng định vai trò nước lớn [Marshall, 2021, p.179]. Hai quỹ đạo điều chỉnh ngược chiều, Mỹ muốn giảm can dự, Nga muốn tái can dự

đã giao cắt trực tiếp tại Trung Đông và hội tụ tại Syria, nơi Nga sẵn có điểm tựa quân sự và quan hệ đồng minh lịch sử.

2.2.2. Tình hình khu vực Trung Đông

Sự bất ổn kinh tế-chính trị

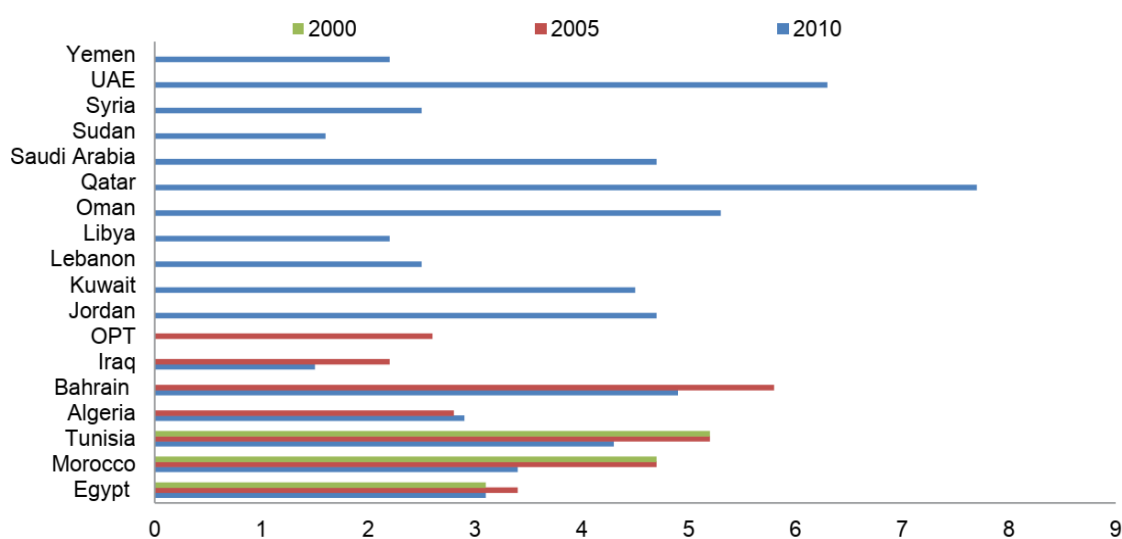
Thứ nhất, về kinh tế, đặc điểm nổi bật của Trung Đông là tình trạng phát triển thiếu bền vững trong lòng các quốc gia. Bên cạnh nguồn thu dầu mỏ tập trung ở một số quốc gia vùng Vịnh, phần lớn các nước trong khu vực đối mặt với các mâu thuẫn kinh tế - xã hội tích tụ lâu dài: tỷ lệ nghèo đói cao, thất nghiệp nghiêm trọng trong nhóm dân số trẻ, (xem Phụ lục 1). Trong khi tỷ lệ nghèo đói toàn cầu đã giảm từ 21% vào năm 2010 xuống 9,9% vào năm 2025, MENA là khu vực duy nhất có tỷ lệ đói nghèo tăng kể từ năm 2010 [WB] (xem Phụ lục 2).



Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ tỷ lệ dân số sống trong cảnh nghèo đói cùng cực tại Bắc Phi - Trung Đông (2000-2011)

Nguồn: ourworldindata.org

Đặc điểm chính trị nổi bật của khu vực là các thể chế cầm quyền lâu năm và nhiều điểm nóng có nguy cơ bùng phát thành xung đột. Mặt trái của sự thống trị theo hình thức gia tộc, độc tài và tình trạng tham nhũng khiến cho mâu thuẫn xã hội tại các nước này ngày càng trầm trọng. Đồng thời, vị trí địa chiến lược đặc biệt khi sở hữu các nguồn năng lượng chiến lược quý báu là dầu mỏ và khí đốt với trữ lượng lớn nên các thế lực bên ngoài đã “tạo có để can dự, thậm chí là can thiệp bằng quân sự” [Nguyễn Thanh Hiền, 2015a, tr.188].



Biểu đồ 2.2: Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) các quốc gia Ả rập (2000-2010)

Nguồn: UNDP (2011, p.69)

Bất ổn nội tại kinh tế - chính trị này là nguyên nhân sâu xa của làn sóng Mùa xuân Ả rập từ cuối năm 2010, đồng thời là mảnh đất để các biến động chính trị sau đó kéo dài và lan rộng - tạo môi trường bất ổn thường trực cho sự can dự của các nước lớn. Mùa xuân Ả Rập khiến nhiều quốc gia bị khủng hoảng, bất ổn, lâm vào nội chiến, xung đột, bất ổn trong đó có Syria. Sự bất ổn về kinh tế - chính trị khiến các quốc gia này gia tăng nhu cầu tìm kiếm bảo trợ từ nước lớn, dẫn đến bị các nước lớn can thiệp về chính trị, thông qua những hợp đồng vũ khí, viện trợ, đầu tư năng lượng... Các lực lượng bản địa tại các quốc gia này thiếu nguồn lực nên dễ trở thành đối tác ủy nhiệm, phụ thuộc vào tài trợ, vũ khí từ bên ngoài.

Khoảng trống quyền lực tại Trung Đông

Phong trào Mùa xuân Ả Rập đã làm sụp đổ nhiều chính thể, làm xói mòn chủ quyền nhà nước và phá vỡ cấu trúc quyền lực ổn định trước đây tại khu vực. Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ giữ vai trò chi phối gần như tuyệt đối tại Trung Đông, dẫn dắt các liên minh an ninh khu vực, bảo trợ tiến trình hòa bình Trung Đông, duy trì hiện diện quân sự quy mô lớn và trực tiếp can thiệp tại Iraq (1991, 2003). Việc Mỹ sa lầy tại Iraq, Afghanistan và điều chỉnh chiến lược, giảm bớt sự hiện diện trực tiếp và thu hẹp cam kết tại Trung Đông để tập trung cho khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương diễn ra đúng lúc trật tự khu vực tan rã sau Mùa xuân Ả rập đã tạo ra một “khoảng trống quyền lực” tại chính khu vực vốn là không gian ảnh hưởng của

Mỹ. Khoảng trống này đã tạo điều kiện cho Nga trở lại, từng bước khôi phục hiện diện và gia tăng ảnh hưởng tại Trung Đông, coi đây là hướng đột phá để phá thế bao vây và tái khẳng định vị thế cường quốc [Marshall, 2021, p.163, p.179]. Đồng thời, các cường quốc khu vực (Iran, Saudi Arabia, Thổ Nhĩ Kỳ) tham gia vào cuộc đua tái định hình cán cân quyền lực. Sự giao thoa giữa một bên là Mỹ giảm hiện diện song không muốn mất đi vai trò và Nga tăng cường ảnh hưởng tại cùng một khu vực là môi trường tác động trực tiếp đến cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria.

Các lực lượng cực đoan tại khu vực

Trung Đông là khu vực có cấu trúc tôn giáo, sắc tộc phức tạp nhất thế giới, với mâu thuẫn giữa hai dòng Hồi giáo Sunni - Shiite đan xen các vấn đề sắc tộc đã chi phối quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực. Phong trào Mùa xuân Ả rập dẫn đến sự tranh giành quyền lực và ảnh hưởng giữa các dòng Hồi giáo và hình thành nên các lực lượng và phong trào Hồi giáo chính trị cực đoan (tiêu biểu là IS, Al-Qaeda/Mặt trận Al-Nusra, và sau này là HTS) làm cho tình hình an ninh tại khu vực thêm nhiều rủi ro, bất ổn. Khoảng trống quyền lực hậu Mùa xuân Ả rập là môi trường để các mâu thuẫn này bùng phát thành xung đột và để các tổ chức khủng bố trỗi dậy, đỉnh điểm là việc tổ chức Nhà nước Hồi giáo (IS) tự xưng kiểm soát các vùng lãnh thổ rộng lớn tại Syria và Iraq từ năm 2014, biến khu vực thành trung tâm của mối đe dọa khủng bố toàn cầu [Lê Viết Duyên, 2024]; cuộc khủng hoảng nhân đạo với hàng triệu người tị nạn lan sang các nước láng giềng càng làm gia tăng tính quốc tế hóa của các xung đột khu vực [OCHA, 2025a].

Các mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo (đặc biệt là giữa dòng Sunni và Shiite) bùng nổ mạnh mẽ, trở thành “chất xúc tác” khiến nội chiến tại Syria thêm phức tạp, khó giải quyết. Sự bất ổn này tạo điều kiện cho các tổ chức khủng bố như IS hay Jabhat al-Nusra trỗi dậy chiếm đóng lãnh thổ. Sự xuất hiện của các nhóm cực đoan tác động đến tình hình an ninh - chính trị khu vực và tạo ra “lý do” chính danh để các cường quốc can thiệp quân sự trực tiếp dưới danh nghĩa chống khủng bố toàn cầu.

Sự phát triển nhanh chóng của IS giai đoạn 2014-2015 đã đe dọa trực tiếp đến an ninh toàn cầu và sự ổn định của Iraq (nơi Mỹ có lợi ích cốt lõi) đã buộc chính quyền Obama phải điều chỉnh lại ưu tiên chiến lược tại Syria, chuyển mục tiêu từ “lật đổ chế độ Assad” (thay đổi chế độ) sang “tiêu diệt IS” (chống khủng

bổ). Đồng thời cuộc chiến chống khủng bố trở thành một mặt trận cạnh tranh Nga-Mỹ về vai trò dẫn dắt, về định nghĩa lực lượng nào là khủng bố và về uy tín của các thành quả trên thực địa. Mỹ duy trì sự phân định rạch ròi, tách biệt “lực lượng đối lập ôn hòa” (những người Mỹ tài trợ để lật đổ Assad) khỏi “các nhóm khủng bố” (IS, Al-Qaeda). Ngược lại, Nga phân loại gần như tất cả các lực lượng có vũ trang cầm súng chống lại chính quyền Assad đều là “khủng bố” hoặc “nhóm cực đoan”. Do đó, Nhà nước Hồi giáo cực đoan IS khiến Nga-Mỹ một mặt tăng cường hợp tác chống khủng bố, mặt khác các nhóm cực đoan trở thành công cụ mặc cả và tranh cãi gay gắt giữa Nga và Mỹ trên bàn đàm phán quốc tế.

Tập hợp lực lượng tại Trung Đông

Thứ nhất, có thể thấy rằng thế giới Ả rập bị sụt giảm nghiêm trọng về thế và lực. Thay vào đó là sự nổi lên mạnh mẽ của các nước quân chủ vùng Vịnh do hầu hết các nước vùng Vịnh đã ngăn chặn được ảnh hưởng của phong trào Mùa xuân Ả rập giữ được chính quyền và tạm thời vẫn ổn định (trừ Bahrain). Đồng thời, vị thế của Iran tại Trung Đông bị giảm sút, môi trường sinh tồn của quốc gia này bị đe dọa và không gian hoạt động có xu hướng bị co hẹp lại. Hơn nữa, cuộc nội chiến tại Syria ngày càng leo thang khiến Iran càng phải đối mặt với những khó khăn và nguy hiểm. Mối quan hệ của Iran với Hezbollah, thậm chí cả trục Shiite chống phương Tây do Iran đứng đầu cũng sẽ bị đe dọa. Những đòn trừng phạt Iran do Mỹ và phương Tây áp dụng do chương trình hạt nhân Iran trong lĩnh vực tài chính và năng lượng khiến cho kinh tế Iran khó khăn hơn.

Thứ hai, Israel là đồng minh quan trọng của Mỹ nhưng phong trào Mùa Xuân Ả rập làm cho Israel bị cô lập hơn và trở thành quốc gia chịu tổn thất và rủi ro nhiều nhất do biến động chính trị ở các nước Ai Cập, Libya, Yemen. Đặc biệt chiến sự leo thang đẫm máu tại Dải Gaza thời điểm năm 2023 khiến cho tình hình giữa Israel và Hamas ngày càng căng thẳng. Cùng với đó, xung đột Mỹ - Israel với Iran cũng chi phối tương quan lực lượng khu vực, giữa một bên là mạng lưới các lực lượng thân Iran trải từ Iraq, Syria, Lebanon đến Yemen, và bên kia là các chiến dịch không kích của Israel cùng sự hiện diện quân sự của Mỹ. Syria vừa là mắt xích lãnh thổ nối liền “trục kháng chiến”, vừa là nơi duy nhất mà lực lượng của các bên gồm Mỹ, Israel (qua không kích), Iran và các dân quân do Iran hậu thuẫn cùng hiện diện

và va chạm trực tiếp. Điều này khiến cuộc cạnh tranh Nga - Mỹ không chỉ là đối đầu song phương mà còn bị kéo vào các vòng xoáy xung đột của các chủ thể khu vực.

Thứ ba, Thổ Nhĩ Kỳ đã bị suy yếu thực lực và làm giảm sức hút đối với các nước Trung Đông khác [Nguyễn Thanh Hiền, 2015c, tr.3-5]. Mô hình phát triển vừa có Hồi giáo vừa có dân chủ của Thổ Nhĩ Kỳ hấp dẫn các nước trong khu vực trong giai đoạn đầu sau khi chính biến diễn ra. Tầm quan trọng của Thổ Nhĩ Kỳ trong quan hệ với Mỹ và phương Tây cũng được nâng cao vì Mùa xuân Ả rập chủ yếu diễn ra ở các nước thân phương Tây. Động lực này đã khiến Thổ Nhĩ Kỳ càng gia tăng sự can dự vào công việc của một số quốc gia. Tuy nhiên, những chiến lược của Thổ Nhĩ Kỳ đối với khủng hoảng Syria đã làm đảo lộn tính chất mối quan hệ song phương này khi Thổ Nhĩ Kỳ công khai kêu gọi Bashar al-Assad từ chức, ủng hộ tích cực cho phe đối lập Syria. Thổ Nhĩ Kỳ phải đối mặt với nhiều vấn đề lớn do cuộc khủng hoảng Syria gây ra.

Thứ tư, liên minh giữa các quốc gia ngày càng mang tính linh hoạt, phi ý thức hệ và phục vụ lợi ích ngắn hạn. Sự hòa giải giữa Saudi Arabia và Iran (2023) do Trung Quốc làm trung gian, thỏa thuận Abraham giữa Israel và một số nước Arab (UAE, Bahrain, Morocco) là các ví dụ điển hình cho sự chuyển động của cục diện liên minh. Qatar và UAE áp dụng chính sách đối ngoại đa hướng, cân bằng giữa các cường quốc lớn để đảm bảo lợi ích quốc gia. Mặt khác, các chủ thể phi nhà nước tại khu vực đang có những vai trò nhất định trong các vấn đề chính trị nổi bật tại Trung Đông. Các lực lượng phi nhà nước như Hezbollah (Lebanon), Houthi (Yemen), Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) hay dân quân PMU (Iraq) đang thay thế vai trò của nhà nước trong nhiều trường hợp, nắm giữ các chức năng an ninh, kiểm soát lãnh thổ và thậm chí quản lý hành chính. Điều này phản ánh sự xói mòn nghiêm trọng của chủ quyền nhà nước ở nhiều quốc gia hậu Mùa xuân Ả Rập.

Cuối cùng, phong trào Mùa xuân Ả rập làm cấu trúc quyền lực cũ tại khu vực bị phá vỡ. Các cường quốc khu vực như Iran, Saudi Arabia, Thổ Nhĩ Kỳ và Israel đóng vai trò then chốt trong việc tái định hình cán cân quyền lực. Cục diện khu vực được định hình bởi mâu thuẫn giữa các tập hợp lực lượng đối địch. Thứ nhất là “trục kháng chiến” do Iran dẫn dắt, nối Iran - Syria - Hezbollah. Thứ hai là tập hợp các đồng minh truyền thống của Mỹ, gồm Israel - Saudi Arabia và

các quốc gia vùng Vịnh với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế ảnh hưởng của Iran [Saeed, 2024, p.4]. Đứng giữa hai trục là Thổ Nhĩ Kỳ với mục tiêu riêng gắn với vấn đề người Kurd và tham vọng ảnh hưởng khu vực. Các liên minh này thường mang tính linh hoạt, phục vụ lợi ích ngắn hạn, khiến các quốc gia lớn như Nga và Mỹ bị kéo vào việc “chọn phe” để bảo vệ các lợi ích chiến lược và đồng minh của mình. Ảnh hưởng của các cường quốc truyền thống là Mỹ, phương Tây cũng có sự suy giảm tương đối, thay vào đó vai trò của Nga, Trung Quốc tại khu vực Trung Đông trở nên rõ ràng hơn.

Có thể thấy, một khu vực Trung Đông bất ổn về kinh tế - xã hội, tồn tại nhiều mâu thuẫn phức tạp, khó lường nhất trên thế giới với các “điểm nóng” “âm ỉ” [Lê Xuân Thuận, 2022] là môi trường bất ổn khiến cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria thêm phức tạp. Syria trở thành nơi hội tụ và biểu hiện tập trung của các mâu thuẫn của khu vực: mâu thuẫn Sunni - Shiite (qua cặp đối đầu các nước vùng Vịnh - Iran), vấn đề người Kurd (kéo theo Thổ Nhĩ Kỳ), an ninh của Israel (qua hiện diện của các lực lượng thân Iran), chủ nghĩa khủng bố (IS). Vì vậy, khi Nga và Mỹ cạnh tranh tại Syria, họ không chỉ cạnh tranh về một quốc gia mà về vị trí trong toàn bộ mạng lưới mâu thuẫn khu vực. Syria trở thành “mắt xích” trong các cuộc cạnh tranh ảnh hưởng ủy nhiệm giữa các cường quốc khu vực nói trên. Các tập hợp lực lượng này vừa là môi trường buộc Nga, Mỹ tính toán trong tổng thể ảnh hưởng tại khu vực, vừa là công cụ tập hợp lực lượng mà Mỹ dựa vào trục đồng minh truyền thống, Nga xây dựng cơ chế phối hợp thực dụng với chính Iran và Thổ Nhĩ Kỳ, khiến cạnh tranh hai nước tại khu vực mang đậm tính gián tiếp, qua các chủ thể khu vực. Nga gắn kết chặt chẽ hơn với trục Shiite để đối trọng với cấu trúc an ninh do Mỹ dẫn dắt.

2.2.3. Tình hình Syria

2.2.3.1. Vị trí địa - chiến lược của Syria

Giá trị địa chiến lược của Syria bắt nguồn từ vị trí địa lý và lịch sử quốc gia này. Về lịch sử, trong nhiều thế kỷ, Syria là trung tâm của thương mại, văn hóa và các chiến dịch quân sự, là nơi đi qua của Con đường Tơ lụa, một trong những tuyến đường thương mại quan trọng nhất trong lịch sử nối liền Đông Á với châu Âu. Các thành phố như Aleppo và Damascus trở thành những trung tâm thương mại và ngoại giao sôi động, nhấn mạnh vai trò của quốc gia này trong việc kết nối các nền kinh tế

toàn cầu. Hơn nữa, Syria là một phần của Levant, một khu vực lịch sử tranh chấp giàu tài nguyên, văn hóa và giá trị chiến lược, kết nối Địa Trung Hải với nội địa Ả Rập, tạo ra các tuyến đường cho thương mại và các chiến dịch quân sự. Quyền kiểm soát khu vực này luôn là mục tiêu của các đế chế trong suốt lịch sử, từ người Assyria đến người Ottoman. Với vị trí địa - chính trị khá đặc biệt, nằm ở nơi giao giữa châu Á, châu Âu và châu Phi, nằm giữa lưu vực Địa Trung Hải, bán đảo Ả Rập, Syria trở thành trung tâm thương mại, chiến lược quân sự và giao lưu văn hóa; và cũng định hình bản sắc của quốc gia này như một “chốt chặn trong chính trị khu vực” [Amir, 2024].

Phía Bắc của Syria tiếp giáp với Thổ Nhĩ Kỳ, phía Đông tiếp giáp với Iraq, phía Nam giáp với Jordan và phía Tây giáp với Địa Trung Hải và Israel. Nằm ở phía đông Địa Trung Hải, Syria là cầu nối giữa các vùng lục địa: giáp Israel (phía nam có Cao nguyên Golan), Lebanon và Địa Trung Hải (phía tây), Thổ Nhĩ Kỳ (phía bắc), Iraq (phía đông) và Jordan (phía nam). Với vị trí đặc biệt về địa lý, nằm cạnh eo biển dẫn từ Đông Địa Trung Hải ra vịnh Arab - Persian... Syria là một trụ cột địa chính trị trong khu vực chịu sự giao thoa phức hợp của các cuộc chơi cân bằng quyền lực [Nguyễn Thanh Hiền, 2017, tr.6]. Vị trí này cho phép cường quốc nào có ảnh hưởng ở Syria có thể tác động đến khu vực Trung Đông và ra đến biển Địa Trung Hải (*xem Phụ lục 3*).

Trong thế kỷ XX, sau khi giành độc lập từ thực dân Pháp, vị trí chiến lược của Syria tiếp tục thu hút sự chú ý của các siêu cường trong Chiến tranh Lạnh, khi nơi đây trở thành chiến trường cho các hệ tư tưởng đối đầu. Về giá trị dầu mỏ, sản lượng dầu nội địa của Syria không nhiều so với các quốc gia vùng Vịnh, nhưng vị trí địa lý của nước này khiến Syria trở thành điểm trung chuyển quan trọng cho các đường ống dẫn dầu. Syria nằm trên các tuyến đường tiềm năng vận chuyển, trung chuyển dầu khí từ Vịnh Ba Tư và khu vực Caspi giàu tài nguyên đến châu Âu (*xem Phụ lục 4*). Việc kiểm soát các tuyến đường này sẽ tác động đáng kể đến thị trường năng lượng toàn cầu và ảnh hưởng chiến lược của các quốc gia này. Các tuyến đường trung chuyển này từ lâu đã là chủ đề của cạnh tranh địa chính trị, liên quan đến các tác nhân khu vực và quốc tế [Amir, 2024].

Borshchevskaya nhận định “với vị trí chiến lược ở phía Đông Địa Trung Hải, Syria cho phép Nga triển khai sức mạnh vào Trung Đông, châu Phi và sườn phía

nam của NATO” [Borshchevskaya, 2025]. Truyền thống địa chiến lược cũng gọi Syria và vùng Levant là “cầu nối đất liền” (land bridge) của Iran hướng về phía tây, vì qua đây Iran có thể liên kết với lực lượng Hezbollah tại Lebanon và vùng Palestine để đối trọng với Israel [Badran, 2019]. Iran sử dụng Syria làm hành lang đường bộ để tiếp tế cho Hezbollah, củng cố ảnh hưởng ở Levant. Thổ Nhĩ Kỳ tìm cách ngăn chặn lực lượng người Kurd ở miền bắc Syria thành lập các khu tự trị gần biên giới. Vị trí cửa ngõ giữa thế giới Ả Rập và lục địa Á-Âu khiến Syria đóng vai trò như một vùng đệm trong các cuộc xung đột liên quan đến các nước láng giềng.

Như vậy, vị trí địa chiến lược của Syria có tiềm năng kiểm soát và mở rộng ảnh hưởng khu vực. Syria sở hữu các cảng chiến lược tại Địa Trung Hải, đặc biệt là căn cứ hải quân Tartus. Đây là cơ sở quân sự duy nhất của Nga nằm ngoài không gian hậu Xô viết, cho phép Nga triển khai sức mạnh vào Địa Trung Hải. Với Nga, Syria là “tiền đồn” chiến lược duy nhất ngoài không gian hậu Xô viết, nơi có căn cứ hải quân Tartus cho phép Nga triển khai sức mạnh vào Địa Trung Hải và Trung Đông. Với Mỹ, Syria nằm ở vị trí then chốt để Mỹ kiềm chế ảnh hưởng của Iran, bảo vệ an ninh cho Israel và ngăn chặn các mối đe dọa khủng bố hướng tới phương Tây. Với Nga, giữ Syria là giữ điểm tựa chiến lược cuối cùng tại khu vực; với Mỹ, sự thay đổi tại Syria là chìa khóa để cắt đứt hành lang ảnh hưởng của Nga và Iran ra Địa Trung Hải.

2.2.3.2. Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội Syria

Về kinh tế, khai thác, xuất khẩu dầu mỏ và khí đốt là nguồn thu chính của Syria. Dự trữ dầu của Syria năm 2015 được thống kê vào khoảng 52 tỷ thùng [EIA, 2015], được phân bố ở phía đông bắc Syria, đặc biệt là ở tỉnh Deir Ezzor (*xem Phụ lục 4*). Sản lượng dầu thô ở Syria đạt trung bình 309.8000 thùng/ngày từ năm 1993 đến năm 2023 [EIA, 2022] (*xem Phụ lục 5*). Trước năm 2011, sản lượng dầu của Syria đạt khoảng 400.000 thùng/ngày (chưa đến 0,5% nguồn cung thế giới), trong đó khoảng 140.000 thùng/ngày được xuất khẩu, chủ yếu sang các nước châu Âu [BP, 2019]. Trữ lượng khí đốt dao động từ 9 đến 8,5 nghìn tỷ m³ [EIA, 2015], và hầu hết các mỏ khí đốt đều phân bố ở phía đông Homs và phía bắc Damascus. Trước nội chiến, Syria còn là quốc gia xuất khẩu quặng phosphat chiếm hơn 10% tổng kim ngạch thương mại toàn cầu [BC insight, 2025]. Sau khi cuộc nội chiến bắt

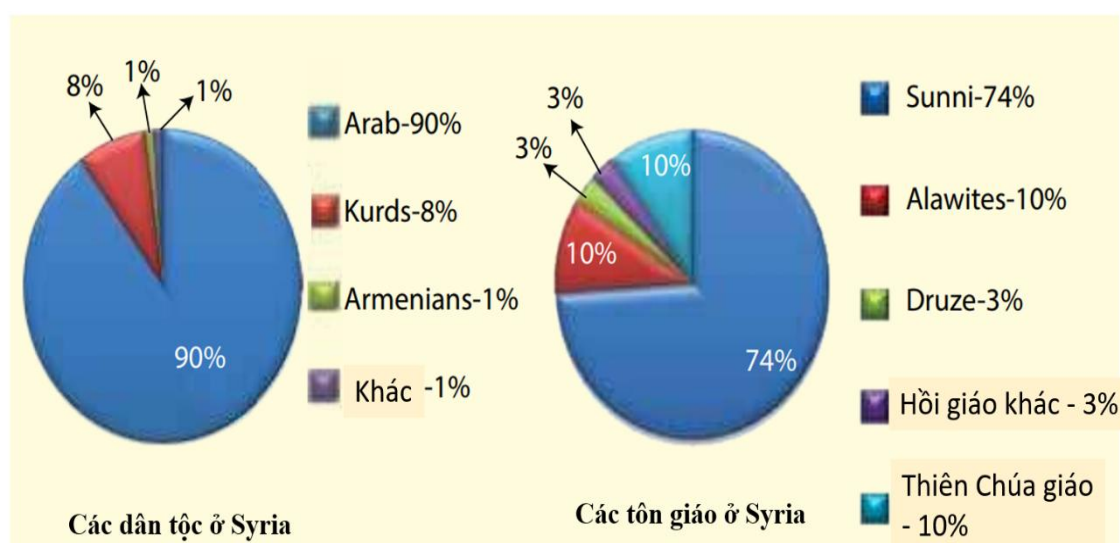
dầu vào năm 2011, sản lượng dầu giảm xuống còn khoảng 25.000 thùng/ngày [OPEC, 2019] và Syria chuyển từ một quốc gia tự cung tự cấp sang một quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu từ của Iran.

Sau khi lên nắm quyền, Bashar al-Assad đã thực hiện cải cách, chủ trương tự do hoá kinh tế được đánh dấu bằng việc Syria gia nhập WTO vào năm 2001, các ngân hàng tư nhân được phép hoạt động vào năm 2004 và thị trường chứng khoán được mở cửa lại vào năm 2009 [IMF, 2016, tr.4]. Trước năm 2010, Syria đã đi theo quỹ đạo tăng trưởng kinh tế ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm gần 5% (2005-2010), đạt 61 tỉ USD với GDP bình quân đầu người đạt gần 3.000 USD (2010 [UNDP, 2025, tr.6]. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng thiếu bền vững: khu vực công cộng kém hiệu quả, các lĩnh vực chính của nền kinh tế vẫn nằm trong tay nhà nước, sản lượng dầu suy giảm, tham nhũng phổ biến, lạm phát và tăng dân số cao, cải cách chậm khiến kinh tế không đáp ứng được nhu cầu việc làm của cơ cấu dân số trẻ, đẩy thất nghiệp lên cao và chênh lệch giàu - nghèo ngày càng lớn, GDP tăng trưởng phi dầu mỏ (không dựa vào doanh thu từ ngành dầu mỏ) thực tế ở mức trung bình 4,4% từ năm 2000 đến năm 2009 [IMF, 2016, tr. 3].

Về chính trị, từ năm 1963 Đảng Ba'ath nắm quyền tuyệt đối; Hiến pháp 1973 trao cho Tổng thống quyền lực vượt trên mọi cơ quan lập pháp, hành pháp, hình thành mô hình quyền lực “kim tự tháp” tập trung vào giới tinh hoa gốc nông thôn - quân sự [Ziadeh, 2011, p.6]. Cải cách của Bashar al-Assad mang tính nửa vời, thiếu quyết liệt, cải cách kinh tế không đi kèm với cải cách chính trị; tập trung lợi ích vào mạng lưới thân hữu, trong khi thất nghiệp thanh niên, tham nhũng, suy giảm năng lực tái phân phối và chênh lệch xã hội ngày càng gia tăng. Bộ máy nhà nước tham nhũng, chế độ độc tài và sự đàn áp của các cơ quan an ninh đã gây ra sự phản đối của một bộ phận đáng kể các tầng lớp thấp hơn. Syria xếp hạng trong 12% thấp nhất trên toàn cầu về kiểm soát tham nhũng, trong 20% thấp nhất về chất lượng quản lý và ổn định chính trị, và trong 5% thấp nhất về tiếng nói và trách nhiệm giải trình [UNDP, 2025, p.5], xếp hạng về kiểm soát tham nhũng và kiểm soát độc quyền kinh tế đã giảm sau năm 2005 [WB, 2017, p.v].

Về văn hoá - xã hội, Syria có sự phân hóa giàu - nghèo lớn cùng với sự chia rẽ sắc tộc sâu sắc. Khoảng 74% dân số theo Hồi giáo Sunni, người Kurd chiếm

khoảng 8% (xem Biểu đồ 2.3). Mâu thuẫn giữa đa số người Sunni với bộ máy quyền lực Alawite là mâu thuẫn trung tâm của xã hội Syria. Mặc dù Hồi giáo Sunni chiếm đa số nhưng những vị trí hàng đầu, quyền lực chính trị và quân sự trong bộ máy nhà nước lại thuộc về người Alawite thiểu số. Còn người Kurd bị ảnh hưởng bởi cuộc đấu tranh vũ trang của người Kurd ở Thổ Nhĩ Kỳ và bởi cuộc chiến của người Kurd ở Iraq chống lại Baghdad nên họ phản đối chế độ Baathist theo chủ nghĩa dân tộc.



Biểu đồ 2.3: Các dân tộc và tôn giáo tại Syria

Nguồn: [Karim, 2016, p.117]

Như vậy, sự mất cân bằng quyền lực xuất phát từ yếu tố tôn giáo - chính trị cùng với nền kinh tế yếu kém và chính trị bất ổn khiến xã hội Syria bị phân mảnh và luôn tiềm tàng nguy cơ bùng phát xung đột. Chế độ “cha truyền con nối, mất lòng dân, kinh tế suy giảm, nạn thất nghiệp lan tràn, tỉ lệ lạm phát cao, chênh lệch giàu nghèo sâu sắc, kỳ thị sắc tộc dân tộc cùng với mâu thuẫn tôn giáo sâu sắc là nguyên nhân sâu xa của nội chiến ở Syria” [Cao Văn Liên - Mai Thị Hà, 2017, tr.24]. Mâu thuẫn tôn giáo sắc tộc khiến cho cuộc xung đột Syria trở nên phức tạp hơn, nội chiến Syria trở nên dai dẳng và khó giải quyết hơn. Từ đặc điểm trên, Mỹ đã khai thác sự bất bình của đa số người Sunni để thúc đẩy “thay đổi chế độ” và dân chủ hóa. Ngược lại, Nga kiên trì bảo vệ chính quyền Assad để ngăn chặn tiền lệ về các “cách mạng màu” do phương Tây dẫn dắt và bảo vệ sự ổn định theo mô hình nhà nước thế tục.

2.2.3.3. Nội chiến Syria

Diễn biến chính

Nội chiến Syria (2011-2024) đã chuyển hóa từ các cuộc biểu tình dân sự sang một cuộc chiến tranh ủy nhiệm đa tầng nấc. Bùng nổ từ tháng 3/2011 với các cuộc biểu tình tại Deraa bị trấn áp bằng bạo lực, phe đối lập thành lập Quân đội Syria Tự do (FSA). Quá trình quốc tế hóa xung đột bắt đầu khi Liên đoàn Ả rập đình chỉ tư cách thành viên của Syria, trong khi Nga và Iran tuyên bố ủng hộ chính quyền Assad đối lập với các lệnh trừng phạt từ Mỹ và EU. Từ năm 2012-2014, chiến sự lan rộng tới các trung tâm đô thị như Aleppo, Homs và Damascus, đặc biệt sự kiện vũ khí hóa học tại Ghouta năm 2013 đã đẩy rủi ro can thiệp quốc tế lên cao, tạo điều kiện cho các lực lượng cực đoan như Jabhat al-Nusra và IS trỗi dậy chiếm đóng Raqqa cùng Deir ez-Zor.

Giai đoạn 2014-2017 đánh dấu sự can dự quân sự trực tiếp của các cường quốc với việc Liên minh do Mỹ dẫn dắt không kích chống IS và hậu thuẫn Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) từ năm 2014, kết hợp với sự can thiệp của Nga từ tháng 9/2015 giúp quân chính phủ đảo chiều cục diện để tái chiếm Aleppo vào cuối năm 2016, dù các tiến trình Geneva và Astana vẫn thiếu hiệu quả thực chất. Từ năm 2017 đến 2020, sau khi IS thất bại về lãnh thổ, Syria phân mảnh thành ba vùng ảnh hưởng giữa chính phủ ở Tây - Trung, lực lượng thân Thổ Nhĩ Kỳ ở biên giới phía Bắc và SDF ở Đông Bắc, cho đến khi thỏa thuận Nga - Thổ Nhĩ Kỳ tại Idlib năm 2020 thiết lập trạng thái “đóng băng xung đột”. Từ năm 2020 đến 2024 xung đột duy trì cường độ thấp dưới áp lực từ Đạo luật Caesar của Mỹ và nỗ lực trở lại Liên đoàn Ả rập của Syria. Bước ngoặt lịch sử xảy ra vào ngày 8/12/2024 với việc lực lượng Hay'at Tahrir al-Sham (HTS) tiến vào Damascus, chính thức lật đổ chính quyền Assad. Syria chuyển sang một giai đoạn chuyển tiếp mới, song vẫn tồn tại nhiều nguy cơ, thách thức đối về an ninh - chính trị (*xem Phụ lục 7*).

Các lực lượng tham gia

Nội chiến Syria là một chiến trường phức tạp với sự đan xen của nhiều lực lượng, mà trung tâm là chính phủ của Tổng thống Bashar al-Assad (đã sụp đổ vào tháng 12/2024) với sự hậu thuẫn quân sự trực tiếp từ Nga, Iran và Hezbollah nhằm duy trì quyền lực và tái chiếm lãnh thổ. Đối trọng với đó là phe đối lập, tiêu biểu là

Liên minh Quốc gia Syria (SNC) và Quân đội Syria Tự do (FSA) được Mỹ, phương Tây cùng đồng minh vùng Vịnh Saudi Arabia, Qatar hỗ trợ. Tuy nhiên lực lượng này đã dần suy yếu và bị chia rẽ sâu sắc sau năm 2015. Bên cạnh đó là các tổ chức cực đoan như IS - kẻ thù chung bị liên quân do Mỹ dẫn dắt đánh bại vào năm 2019 - và Hay'at Tahrir al-Sham (HTS), lực lượng kiểm soát Idlib và là nhóm đã lật đổ chính quyền Assad vào cuối năm 2024. Trong khi đó, Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) do người Kurd đứng đầu, với sự bảo trợ của Mỹ, đã kiểm soát vùng Đông Bắc giàu tài nguyên, nhưng lại vấp phải sự can thiệp quân sự quyết liệt từ Thổ Nhĩ Kỳ - quốc gia hỗ trợ các nhóm vũ trang SNA để ngăn chặn quyền tự trị của người Kurd,.

Bảng 2.3: Các lực lượng tham gia nội chiến Syria 2011-2024

Nhóm lực lượng	Các đơn vị nòng cốt	Lực lượng bảo trợ/đồng minh	Mục tiêu và tình trạng (đến 2024)
Chính phủ Syria	Quân đội chính quy (SAA), Lực lượng Phòng vệ Quốc gia (NDF), Dân quân Alawite.	Nga, Iran, Hezbollah (), dân quân Shiite (Iraq, Afghanistan).	Duy trì quyền lực của gia tộc Assad. Đã kiểm soát phần lớn lãnh thổ trước khi sụp đổ vào cuối năm 2024.
Phe đối lập chính trị & ôn hòa	Liên minh Quốc gia Syria (SNC), Quân đội Syria Tự do (FSA), Maghawir al-Thawra.	Mỹ, Châu Âu, Saudi Arabia, Qatar.	Lật đổ Assad, xây dựng Syria dân chủ. Suy yếu mạnh sau 2015; đến 2024 chỉ còn hiện diện tại các vùng nhỏ (như al-Tanf).
Lực lượng Dân chủ Syria (SDF)	Đơn vị bảo vệ nhân dân người Kurd (YPG) làm nòng cốt.	Mỹ và Liên quân quốc tế phương Tây.	Chống IS, thiết lập quyền tự trị của người Kurd tại Đông Bắc Syria; kiểm soát các mỏ dầu lớn.
Phe Hồi giáo cực đoan (HTS)	Hay'at Tahrir al-Sham (trước là Mặt trận al-Nusra).	Từng liên kết al-Qaeda (đã tách ra).	Thành lập thực thể Hồi giáo Sunni. Kiểm soát Idlib và là lực lượng chính đánh chiếm Damascus cuối năm 2024.
Nhà nước Hồi giáo (IS)	Các chiến binh Jihadist quốc tế và địa phương.	Không có	Thiết lập đế chế Hồi giáo (Caliphate). Bị đánh bại về lãnh thổ năm 2019, hiện hoạt động du kích.
Phe Đối lập thân Thổ Nhĩ Kỳ	Quân đội Quốc gia Syria (SNA).	Thổ Nhĩ Kỳ.	Ngăn chặn quyền tự trị của người Kurd, tạo vùng đệm an toàn tại biên giới phía Bắc Syria.

Nguồn: NCS tổng hợp

Sự hiện diện của các lực lượng này đã khiến cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria trở nên phức tạp hơn. Trong khi Nga tận dụng sự yêu cầu giúp đỡ của chính quyền trung ương để thiết lập các căn cứ quân sự và khẳng định vị thế cường quốc tại Trung Đông; Mỹ lại sử dụng SDF và các nhóm đối lập như những công cụ để kiềm chế ảnh hưởng của Nga và Iran. Sự can thiệp của các chủ thể trung gian như Thổ Nhĩ Kỳ hay Israel (thông qua không kích lực lượng thân Iran) đã tạo nên một mạng lưới xung đột ủy nhiệm đa tầng, nơi mỗi bước tiến của một lực lượng thực địa đều trực tiếp tác động đến cán cân quyền lực của hai siêu cường. Đặc biệt, việc chính quyền Assad do Nga bảo trợ sụp đổ và HTS lên nắm quyền vào tháng 12/2024 là một bước ngoặt lớn, thách thức trực tiếp thành quả chiến lược của Nga và buộc Mỹ phải tái định hình chính sách tại khu vực này.

Chính sách của một số nước trong khu vực đối với Syria

Cuộc nội chiến Syria có sự can dự của nhiều quốc gia trong khu vực, với các mục tiêu khác nhau. Trong khuôn khổ giới hạn, Luận án nghiên cứu mục tiêu chính sách của 3 quốc gia chính trong khu vực có tác động đến cạnh tranh Nga-Mỹ tại đây là Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Israel.

Iran là quốc gia khu vực can dự sâu và toàn diện nhất vào nội chiến Syria. Iran xác định Syria là mắt xích cốt lõi trong “Trục kháng chiến” chống lại Mỹ và Israel, đồng thời là hành lang tiếp tế trên bộ bắt buộc để duy trì sức mạnh cho lực lượng Hezbollah tại Lebanon và mở rộng ảnh hưởng tới biên giới Israel. Mục tiêu tối thượng của Iran là duy trì quyền lực cho Tổng thống Bashar al-Assad, đồng minh quốc gia gần gũi nhất, để đảm bảo Syria bị chi phối chính quyền thân phương Tây hoặc những người Sunni cực đoan [Fulton et al, 2013, p.9]. Thậm chí, Iran muốn tạo một hành lang ảnh hưởng liên tục (cung Shiite) nối liền từ Iran qua Iraq đến Syria và Lebanon tiến ra biển Địa Trung Hải [Azizi-Dacey, 2024, p.5]. Thông qua sự hiện diện quân sự tại Syria cho phép Iran áp sát biên giới Israel, xây dựng một mặt trận rắn đe thống nhất và bảo vệ tuyến tiếp tế cho Hezbollah tại Lebanon. Chiến lược của Iran là sử dụng Syria làm bàn đạp để gây áp lực, buộc Mỹ phải rút quân khỏi khu vực và ngăn chặn các nỗ lực “thay đổi chế độ” do Mỹ dẫn dắt.

Iran triển khai lực lượng đặc nhiệm Quds (IRGC-QF) dẫn dắt các hoạt động, phối hợp cùng các đơn vị lực quân chính quy (IRGC-GF) và lực lượng cảnh sát

(LEF) để huấn luyện, chỉ huy thực địa. Đồng thời, Iran đã xây dựng mạng lưới dân quân ủy nhiệm bằng cách triển khai hàng chục ngàn tay súng Shiite dưới sự chỉ huy trực tiếp của các sĩ quan IRGC, tạo nên một lực lượng bộ binh hùng hậu hỗ trợ quân chính phủ. Iran cũng đã duy trì tuyến tiếp tế vũ khí, nhân sự và tiền mặt liên tục bằng đường hàng không qua không phận Iraq và nỗ lực kiểm soát các cửa khẩu biên giới để hình thành tuyến vận tải đường bộ thông suốt từ Iran tới Syria. Ban đầu, các lực lượng của Iran hỗ trợ chiến dịch chống nổi dậy của Assad, nhằm mục đích khôi phục quyền kiểm soát nhà nước trên toàn Syria. Khi Assad bắt đầu mất quyền kiểm soát ở miền đông và bắc Syria vào mùa hè năm 2012, phái bộ cố vấn và hỗ trợ của Iran tiếp tục củng cố quyền kiểm soát địa lý đã được thiết lập của Assad ở miền trung và nam Syria [Fulton et al, 2013, p.9].

Sự can thiệp đa tầng nấc của Iran bằng hỗ trợ tài chính và quân sự cho Syria thông qua IRGC và Hezbollah đã ngăn chặn sự sụp đổ của nhà nước Syria vào những thời điểm nguy kịch nhất (như năm 2013 và 2015). Iran không chỉ là người bảo trợ quân sự mà còn là chủ thể định hình cấu trúc an ninh song song, giúp các nhóm dân quân có thể tồn tại độc lập với nhà nước nếu chính quyền trung ương suy yếu. Tuy nhiên, vai trò này cũng làm trầm trọng thêm xung đột, biến Syria thành một chiến trường ủy nhiệm kéo dài. Chính sách của Iran đã làm phức tạp hóa và đẩy cao cường độ cạnh tranh giữa Nga và Mỹ. Bằng cách hợp tác với Nga, Iran đã tạo ra một đối trọng quân sự trực tiếp với Mỹ trên thực địa, làm thất bại chiến lược “thay đổi chế độ” của Mỹ [Ahmadian-Mohsen, 2019 p.250]. Iran đã lấp đầy các vùng lãnh thổ mà Mỹ rút đi hoặc ISIS bị đánh bại, buộc Mỹ phải duy trì sự hiện diện quân sự (như tại Al-Tanf) chỉ để kiềm chế hành lang ảnh hưởng của Iran. Sự hiện diện của Iran tạo ra sự ma sát giữa Nga và Mỹ trong việc quản lý khủng hoảng, khi Nga không thể hoặc không muốn đẩy hoàn toàn Iran ra khỏi Syria theo yêu cầu của phương Tây.

Thổ Nhĩ Kỳ tiếp giáp với lãnh thổ của phe nổi dậy Syria ở phía tây bắc. Trong giai đoạn đầu, Thổ Nhĩ Kỳ ủng hộ phe đối lập và chống chế độ Assad. Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ cũng ủng hộ nhiều nhóm Hồi giáo khác nhau trong cuộc nội chiến Syria. Nhóm nổi dậy hàng đầu và có ảnh hưởng nhất, Ha'yat Tahrir al-Sham (HTS), là tiền thân của Mặt trận Al-Nusra, một tổ chức thánh chiến đã chiến đấu

chống lại tổ chức tự xưng Nhà nước Hồi giáo (ISIS). Thổ Nhĩ Kỳ coi việc tự trị của người Kurd ở Syria là mối đe dọa trực tiếp, có thể khuyến khích phong trào ly khai của người Kurd trong chính Thổ Nhĩ Kỳ. Nên mục tiêu bao trùm của Thổ Nhĩ Kỳ là đảm bảo toàn bộ vùng lãnh thổ cách biên giới 5km về phía Nam không có sự hiện diện của lực lượng người Kurd cụ thể là ngăn chặn Đơn vị Bảo vệ Nhân dân (YPG) mà Thổ Nhĩ Kỳ coi là nhánh của Đảng Công nhân Kurdistan (PKK) [Hilu, 2021, p.6].

Từ năm 2016 đến 2019, Thổ Nhĩ Kỳ đã trực tiếp tiến hành ba chiến dịch quân sự lớn là: Lá chắn Euphrates (2016), Nhánh Ô liu (2018) và Nguồn hòa bình (2019) để đánh đuổi lực lượng Kurd và IS. Thông qua các chiến dịch quân sự này, Thổ Nhĩ Kỳ đã thiết lập sự kiểm soát đối với các vùng rộng lớn tại miền bắc Syria. Thổ Nhĩ Kỳ hợp tác chặt chẽ với các nhóm vũ trang đối lập thân Thổ Nhĩ Kỳ nhằm tạo ra một vùng đệm an toàn và ngăn chặn tham vọng tự trị của người Kurd. Trong đó Thổ Nhĩ Kỳ sử dụng Quân đội Quốc gia Syria (SNA) với vai trò lực lượng ủy nhiệm, như một công cụ quân sự chính để đối đầu với SDF/YPG và bảo vệ lợi ích của mình mà không cần can thiệp trực tiếp vào các vụ vi phạm.

Thổ Nhĩ Kỳ đã khéo léo tận dụng sự cạnh tranh giữa hai cường quốc toàn cầu để củng cố sự hiện diện quân sự và đạt được các ưu tiên của mình. Thổ Nhĩ Kỳ đã phối hợp với Nga (và Iran) thông qua tiến trình Astana để thiết lập các vùng xuống thang xung đột, bao gồm Idlib. Sự xích lại gần nhau giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Nga vào năm 2016 đã mở đường cho các chiến dịch quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ thông qua sự phối hợp không phận với quân đội Nga. Việc Nga dồn lực lượng cho cuộc chiến tại Ukraine đã hạn chế khả năng hỗ trợ Assad, để lại khoảng trống mà Thổ Nhĩ Kỳ có thể khai thác. Mặc dù Nga mong muốn Thổ Nhĩ Kỳ làm dịu các chính sách chống chính quyền Assad, nhưng sự hỗ trợ của Thổ Nhĩ Kỳ dành cho phe nổi dậy ở Idlib cuối cùng đã góp phần dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của chính quyền Assad vào cuối năm 2024, như một đòn giáng mạnh vào ảnh hưởng của Nga tại khu vực.

Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ mâu thuẫn về vấn đề người Kurd. Thổ Nhĩ Kỳ coi việc Mỹ vũ trang cho YPG là mối đe dọa trực tiếp, trong khi Mỹ coi SDF là đối tác thiết yếu trong cuộc chiến chống IS. Thổ Nhĩ Kỳ sử dụng sự hiện diện quân sự và lực lượng ủy nhiệm để đẩy SDF ra xa biên giới, đồng thời hy vọng các chính quyền Mỹ (như chính quyền Trump) sẽ rút quân để Thổ Nhĩ Kỳ có thể xóa bỏ hoàn toàn thực

thể của người Kurd. Hiện nay, Thổ Nhĩ Kỳ đang đóng vai trò điều phối trong quá trình chuyển tiếp tại Syria. Mỹ và các cường quốc phương Tây đang phải tận dụng các mối liên hệ của Thổ Nhĩ Kỳ với nhóm phiến quân HTS (vốn đang dẫn dắt quá trình chuyển tiếp tại Syria) để truyền tải các cảnh báo và kỳ vọng về một chính quyền mới ổn định.

Chính sách của Thổ Nhĩ Kỳ đối với Syria từ 2011 đến 2024 đã tác động mạnh đến cạnh tranh Nga-Mỹ theo hướng làm chiến trường Syria phức hợp hơn, kéo dài hơn. Việc Thổ Nhĩ Kỳ can thiệp quân sự trực tiếp đã khiến cuộc chiến càng thêm phức tạp và tạo nên một dạng xung đột thứ cấp giữa các đồng minh của Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ. Về phía Mỹ, sự ưu tiên của Thổ Nhĩ Kỳ đối với vấn đề người Kurd và vùng đệm an ninh khiến Mỹ nhiều lần rơi vào thế khó. Mỹ vừa cần hợp tác với lực lượng người Kurd trong chống IS, vừa phải duy trì quan hệ đồng minh NATO với Thổ Nhĩ Kỳ, nên không thể xây dựng một chiến lược Syria thật sự nhất quán. Nói cách khác, chính sách của Thổ Nhĩ Kỳ đã làm suy yếu khả năng hình thành một mặt trận thống nhất của phương Tây, đồng thời tạo điều kiện để Nga khai thác các mâu thuẫn giữa các bên chống chính quyền Assad.

Về mặt chiến lược, Thổ Nhĩ Kỳ không chỉ là một bên can thiệp riêng lẻ mà còn là một tác nhân trung gian gây biến đổi cán cân quyền lực. Việc Thổ Nhĩ Kỳ duy trì hiện diện quân sự ở miền bắc Syria, xây dựng vùng ảnh hưởng và hậu thuẫn các lực lượng đối lập đã khiến Nga buộc phải vừa kiềm chế Thổ Nhĩ Kỳ, vừa thương lượng thực dụng với Thổ Nhĩ Kỳ để tránh đụng độ trực tiếp. Điều này làm nổi bật đặc điểm của cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria: hai cường quốc không đối đầu trực diện hoàn toàn, mà thông qua một mạng lưới tác nhân khu vực, trong đó Thổ Nhĩ Kỳ là mắt xích đặc biệt quan trọng vì có khả năng tác động đồng thời đến chiến trường, dòng người tị nạn, và tiến trình chính trị hậu chiến. Đến năm 2024, khi cục diện Syria thay đổi sâu sắc, ảnh hưởng của Thổ Nhĩ Kỳ còn có xu hướng tăng lên, khiến Nga phải tìm cách thích ứng và Mỹ tiếp tục đối diện bài toán giữ cân bằng giữa kiềm chế Nga, giữ vai trò ở đông bắc Syria, và tránh đẩy Thổ Nhĩ Kỳ xa hơn khỏi quỹ đạo phương Tây. Thổ Nhĩ Kỳ là một nhân tố bên ngoài tác động đến cạnh tranh Nga-Mỹ, vừa làm giảm khả năng Nga áp đặt trật tự tại Syria, vừa khiến Mỹ không thể xây dựng một chính sách Syria nhất quán do mâu thuẫn giữa chống IS, bảo vệ đồng minh người Kurd và giữ quan hệ với NATO.

Trong khi đó, *Israel* nhìn nhận cuộc nội chiến Syria khác với mọi chủ thể khu vực khác vì Israel không có mục tiêu định đoạt ai cầm quyền tại Syria. Trong hơn mười hai năm diễn ra cuộc cách mạng Syria (2011-2024), Israel đã thể hiện thái độ “trung lập” đối với cuộc xung đột. Mục tiêu cao nhất của Israel là ổn định biên giới, ngăn chặn Iran thiết lập hiện diện quân sự lâu dài trên lãnh thổ Syria, đồng thời làm suy yếu “Trục kháng chiến” (Syria-Iran-Hezbollah). Đáng chú ý về tư duy chiến lược, trong nội bộ Israel tồn tại nhận thức thực dụng rằng một chính quyền Assad suy yếu nhưng tồn tại với tư cách “kẻ thù đã biết rõ” có thể ít rủi ro hơn một Syria hậu Assad hỗn loạn hoặc do các lực lượng thánh chiến chi phối; vì vậy Israel không hậu thuẫn mục tiêu thay đổi chính quyền của Mỹ và các đồng minh, cũng không tìm cách cứu chính quyền này [DIIS, 2016]. Israel nhìn nhận cuộc nội chiến là cơ hội để làm suy yếu thực thể Syria, khiến quốc gia này không còn đủ sức mạnh để thách thức Israel về quân sự hay ngoại giao và cho rằng việc các bên đối địch nhau có lợi cho an ninh của Israel.

Israel xác định các mục tiêu nhằm ngăn chặn các mối đe dọa dài hạn. Một là, ngăn chặn việc Iran thiết lập các căn cứ quân sự vĩnh viễn, nhà máy sản xuất tên lửa và vũ khí hóa học trên lãnh thổ Syria. Hai là, ngăn chặn việc chuyển giao các loại vũ khí “thay đổi cuộc chơi” (game-changing weapons) như tên lửa phòng không, tên lửa đất đối đất chính xác cho Hezbollah tại Lebanon. Ba là, ngăn chặn việc Iran và Hezbollah xây dựng một “mặt trận thứ hai” hoặc vùng đệm trên phần lãnh thổ Syria ở Golan. Đồng thời, Israel tận dụng sự phân mảnh của Syria để củng cố việc sáp nhập vĩnh viễn Cao nguyên Golan. Cuối cùng, Israel tận dụng áp lực quốc tế để loại bỏ kho vũ khí hóa học chiến lược của Syria - mối đe dọa đối với hậu phương Israel [Hadar, 2017].

Israel tuyên bố tấn công bất cứ khi nào các ranh giới đỏ bị vi phạm, bao gồm việc vận chuyển vũ khí cho Hezbollah hoặc sự hiện diện của Iran sát biên giới. Đồng thời Israel thực hiện hàng trăm cuộc không kích (gần 100 lần trong giai đoạn 2012-2017) nhắm vào các đoàn xe vận tải và tài sản của Iran/Hezbollah mà không công khai thừa nhận trực tiếp. Israel hỗ trợ nhân đạo và hỗ trợ “ngầm” cho các nhóm nổi dậy ở miền Nam Syria để tạo ra một vùng đệm thân thiện gần biên giới. Mặt khác, Israel duy trì cơ chế điều phối quân sự với Nga để tránh va chạm không mong muốn và tận dụng vai trò trung gian của Nga đối với Iran và Syria [Hadar,

2017]. Đồng thời vận động Mỹ ủng hộ các hành động rắn đe Iran và công nhận chủ quyền của Israel đối với Golan [DIIS, 2016].

Sự sụp đổ của chính quyền Assad tạo “khoảng trống quyền lực” đáng kể tạo ra cơ hội quan trọng cho Israel và làm suy yếu nghiêm trọng liên minh của Iran và củng cố ảnh hưởng tại miền Nam giáp Golan trong đó có lực lượng Hezbollah ở Lebanon. Israel đưa quân vào vùng đệm nhằm mục đích nâng cao vị thế của nước này và phòng trường hợp xảy ra các cuộc tấn công bất ngờ vào Cao nguyên Golan mà Israel đang kiểm soát. Israel đã thực hiện hàng trăm cuộc không kích vào các mục tiêu Iran và Hezbollah tại Syria nhằm ngăn chặn sự bao vây chiến lược của Iran.

Nhìn chung, chính sách của ba chủ thể này đã tác động đến cấu trúc cạnh tranh. Iran hợp tác với Nga; Israel và một phần Thổ Nhĩ Kỳ hợp tác với Mỹ; nhưng đồng thời tạo ra những ràng buộc chéo làm phức tạp tính toán của cả hai khiến Mỹ mắc kẹt giữa Thổ Nhĩ Kỳ và lực lượng người Kurd, Nga phải cân bằng giữa Iran và Israel. Sự can thiệp của các chủ thể này nhằm thực hiện các mục tiêu riêng đã làm trầm trọng thêm nội chiến Syria [Phillip, 2021]. Chính các ràng buộc chéo này khiến không cường quốc nào kiểm soát trọn cục diện, góp phần làm cạnh tranh kéo dài, giằng co và buộc cả hai bên duy trì các kênh điều phối với các chủ thể khu vực như một cấu phần của cạnh tranh. Như vậy, trong hơn một thập kỷ nội chiến, Syria đã trở thành một cuộc xung đột đa cực và phức tạp, nơi các phe phái địa phương, lực lượng quốc tế và các nhóm cực đoan đều có lợi ích riêng biệt và xung đột lẫn nhau. Chính sự phức tạp của các lực lượng tham gia và sự đan xen lợi ích đã làm cho cuộc nội chiến kéo dài, gây thiệt hại nặng nề cho đất nước Syria và ảnh hưởng đến an ninh - chính trị khu vực.

2.2.4 . Chính sách đối ngoại của Nga, Mỹ với Syria trước năm 2011

2.2.4.1 Chính sách đối ngoại của Nga với Syria trước năm 2011

Quan hệ Nga-Syria dựa trên di sản của Chiến tranh Lạnh, kể từ khi Liên xô bắt đầu hỗ trợ Syria sau Khủng hoảng kênh đào Suez năm 1956. Tuy nhiên, đến năm 1971, Syria mới trở thành quốc gia “chư hầu” của Liên Xô [Kofman, 2018, p.3]. Trước năm 2011, quan hệ Nga - Syria chủ yếu xoay quanh hợp tác quân sự - hải quân tại cảng Tartus, Nga đóng vai trò nhà cung cấp vũ khí và hỗ trợ Syria phát triển kinh tế thông qua việc xóa phần lớn khoản nợ của Liên Xô trước đây.

Thứ nhất, Syria đóng vai trò quan trọng trong việc Nga mở rộng ảnh hưởng ra ngoài không gian hậu Xô viết, đặc biệt thông qua sự hiện diện quân sự tại cảng Tartus. Dưới góc nhìn của Liên Xô trước đây, Syria có tầm quan trọng chiến lược, mang lại sự hiện diện ổn định của Liên Xô ở phía đông Địa Trung Hải và trung tâm Trung Đông, đặc biệt là sau khi Liên Xô rút khỏi Ai Cập [Ramet, 1990, p.94]. Liên Xô đã nổi lên là nước hậu thuẫn quân sự chính của Syria vào những năm 1950, trước cuộc đảo chính của Đảng Baath năm 1963, và vẫn duy trì mối quan hệ đối tác chặt chẽ, dù đôi khi căng thẳng, với Tổng thống Hafez al-Assad (1970 - 2000). Tuy nhiên, mối quan hệ đã nhanh chóng trở nên lỏng lẻo sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Chỉ khi cả Nga và Syria có những bất đồng với Mỹ vào giữa những năm 2000, mối quan hệ mới được khôi phục [Lund, 2019, p.2].

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, Syria duy trì quan điểm độc lập với những bản sắc riêng của một quốc gia Ả rập, không muốn lệ thuộc vào Liên Xô hay Mỹ. Tuy nhiên, chính sự tương đồng về các mục tiêu khu vực giữa Liên Xô và Syria, vì cả hai đều tìm cách loại bỏ sự kiểm soát của phương Tây là một trong những động lực quan trọng để hai nước có nhiều quan điểm và định hướng gần nhau trong Chiến tranh Lạnh. Mỹ và Syria có những bất đồng không thể hòa giải về vấn đề Israel, Ai Cập và các vấn đề khác [Lund, 2019, p.8] nên Syria đã từ chối nhận viện trợ của Mỹ sau khi độc lập hoặc tham gia vào các liên minh khu vực do Mỹ lãnh đạo. Khi Syria liên minh với Liên Xô, Mỹ cho rằng Syria là vệ tinh của Liên Xô và là nơi Liên Xô sẽ can thiệp để xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong các nước Ả rập. Chính sự nghi ngờ của Syria và sự tính toán chiến lược không thuộc nhóm ưu tiên của Mỹ với quốc gia này đã khiến Syria và Liên Xô xích lại gần nhau.

Về hợp tác quân sự, Hafez Assad củng cố quyền lực vào cuối năm 1970 đã làm thay đổi bản chất quan hệ giữa Syria và Liên Xô [Nurberdiyev, 2019, p.198], từ đó thúc đẩy mở rộng quan hệ của Syria với Liên Xô trên lĩnh vực vũ khí, quân sự. Vào nửa sau của thế kỷ XX, Syria là một trong những đồng minh chính của Liên Xô ở Trung Đông. Vào những năm 1970, Hải quân Liên Xô thành lập một cơ sở cung cấp và bảo trì ở Tartus, Syria và quân đội Liên Xô đóng quân ở đất nước trong những năm 1980 [Takvorian, 2022, p.4]. Năm 1971, Tổng thống Hafez al-Assad đã ký một thỏa thuận cho phép Nga sử dụng cảng Tartus để đổi lấy việc bán vũ khí tiên tiến cho Syria. Tartus trở thành cơ sở hậu cần cho trang thiết bị và bảo trì kỹ thuật

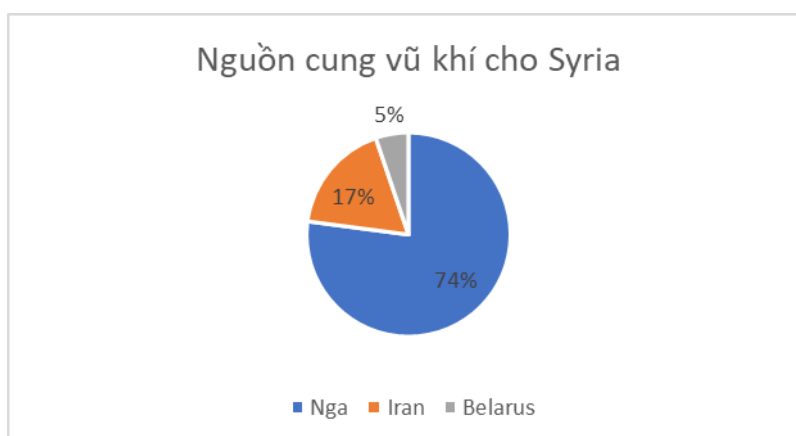
cho các tàu nhỏ hơn tàu của Hạm đội Biển Đen của Nga. Mỗi quan tâm địa chính trị chính của Nga là giành lại các cảng và quyền tiếp cận cho hải quân của mình. Nhưng hợp đồng thuê của Nga với Sevastopol - địa điểm truyền thống của hạm đội Biển Đen hết hạn vào năm 2017 nên Nga cần tìm một cảng nước ấm phù hợp khác. Assad đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội này nên trong chuyến thăm Nga vào năm 2005, hai bên đã đạt được thoả thuận cắt giảm nợ quan trọng của Nga và Syria phải mua số lượng lớn vũ khí của Nga” [Donaldson, 2014, p.329]. Động thái này trở thành động lực thúc đẩy hợp tác quân sự Nga-Syria trong việc nâng cấp cảng Tartus cho các tàu lớn hơn. Sự hợp tác trên lĩnh vực quân sự với Syria đã tạo cho Nga những nền tảng quân sự nhằm duy trì vị thế toàn cầu, vượt ra ngoài không gian hậu Xô viết.

Thứ hai, quan hệ Nga-Syria sau Chiến tranh Lạnh xích lại gần nhau một phần do Syria phản đối một số chính sách của Mỹ tại Trung Đông. Mỹ cho rằng Syria cung cấp nơi trú ẩn và hỗ trợ tài chính cho các phe phái nổi dậy Palestine và nhóm Hezbollah do Iran hậu thuẫn. Đầu những năm 2000, quan hệ song phương Nga-Syria bắt đầu phát triển trở lại. Việc chính quyền Bashar-al-Assad phản đối Mỹ xâm lược Iraq và hỗ trợ cho phiên quân Iraq trong cuộc chiến đã khiến Assad trở thành mối đe dọa đối với khu vực theo cách nhìn nhận của Mỹ và phương Tây. Do đó, ngay từ tháng 5/2004, Mỹ đã áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Syria. Áp lực ngày càng tăng của phương Tây và Ả Rập đối với Syria trong năm 2001-2005 trùng hợp với sự bất đồng ngày càng tăng giữa Nga và phương Tây liên quan đến không gian hậu Xô viết. Có thể nói rằng, chính sự cô lập quốc tế của Syria là một yếu tố quan trọng thúc đẩy việc nối lại quan hệ hữu nghị mới giữa Nga và Syria trong những năm 2000. Đồng thời, việc đổi mới chính sách đối ngoại chủ động của Nga được hình thành như một biện pháp phòng thủ sau cuộc chiến tranh của Mỹ ở Iraq vào năm 2003 và việc mở rộng NATO vào năm 2004 cũng đã khiến Nga gia tăng sự hiện diện tại Trung Đông, trong đó có quan hệ với Syria.

Thứ ba, từ năm 2005, sau khi Nga xoá phần lớn nợ cho Syria, hợp tác song phương Nga - Syria có nhiều phát triển, nổi bật nhất là lĩnh vực mua bán vũ khí. quan hệ giữa Nga và Syria đã được cải thiện sau cuộc gặp tại Điện Kremlin vào tháng 1/2005 giữa Tổng thống V. Putin và Tổng thống Bashar al-Assad. Hai nhà lãnh đạo nhất trí tăng cường hợp tác song phương giữa hai nước và ký 6 thoả thuận hợp tác trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả buôn bán vũ khí. Tổng thống V.Putin

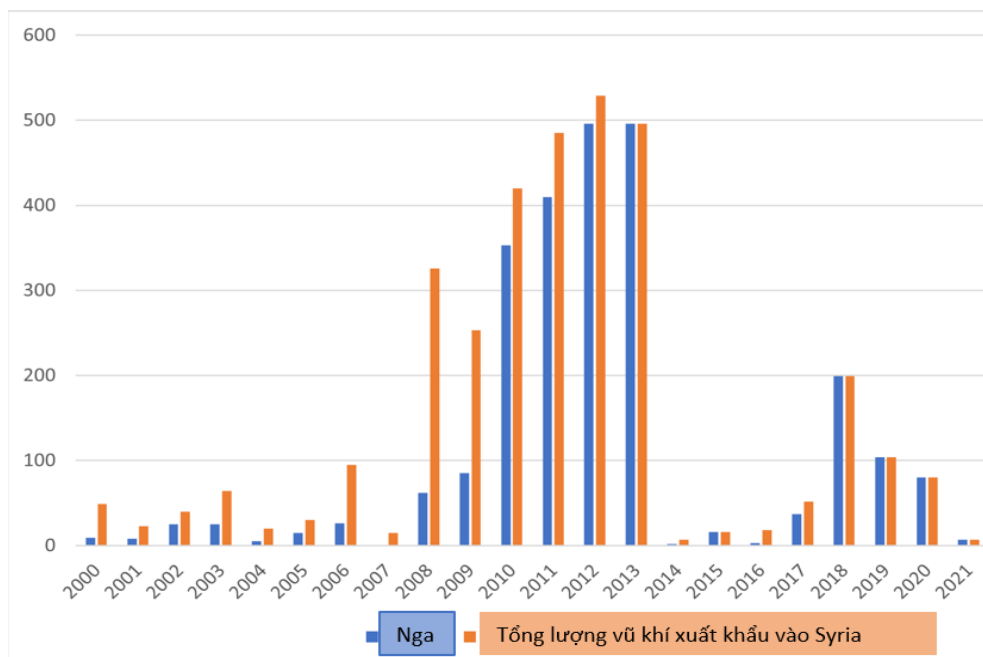
cũng đã xóa 73% số nợ mà nước này nợ Nga trị giá 13,4 tỷ USD. Đổi lại, Assad cho phép Nga phát triển thêm các cơ sở hải quân tại Tartus và Latakia. Việc xóa nợ này không chỉ loại bỏ nguồn gốc xung đột lâu dài giữa Nga và Syria, tạo cơ hội cho việc mua bán vũ khí mới của Syria trên cơ sở thương mại thuần túy, mà còn nhằm mục đích tranh thủ sự ủng hộ của chính phủ Syria để xây dựng khuôn khổ cho Nga tái lập vị thế của mình ở Trung Đông [IEMed, 2019].

Những năm 2000, lợi ích của Nga tại Syria nổi bật nhất là kinh tế - thương mại, xoay quanh việc buôn bán vũ khí, đường dẫn khí đốt và năng lượng hạt nhân [Trenin, 2010, p.10]. Syria là một trong những khách hàng mua vũ khí chủ chốt của Nga. Nhập khẩu vũ khí chính của Syria đã tăng 580% trong giai đoạn 2002-2006 và 2007-2011. Nga cung cấp 78% lượng vũ khí nhập khẩu của Syria trong giai đoạn 2007-2011, tiếp theo là Belarus (17%) và Iran (5%). Nguồn cung vũ khí của Nga bao gồm ước tính 36 hệ thống tên lửa phòng không Pantsir-S1, 2 hệ thống Buk-M2E và 2 hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển Bastion-P. Nga đã phản đối đề xuất của Liên hợp quốc về lệnh cấm vận vũ khí đối với Syria và lên kế hoạch tiếp tục cung cấp, bao gồm 24 máy bay chiến đấu MiG-29M2 và 36 máy bay huấn luyện/chiến đấu Yak-130 [SIPRI, 2012, p.8]. Theo SIPRI, Nga cung cấp 71% lượng vũ khí chính nhập khẩu của Syria từ năm 2008 đến năm 2012 [SIPRI, 2013, p.8]. Và từ năm 2007 đến năm 2010, doanh số bán vũ khí của Nga cho Syria đạt 4,7 tỷ đô la, cao hơn gấp đôi so với bốn năm trước đó. Ngoài vũ khí, các công ty Nga đã đầu tư 20 tỷ đô la vào Syria kể từ năm 2009 [Borshchevskaya, 2013].



Biểu đồ 2.4: Tỷ lệ nguồn cung vũ khí cho Syria (2007-2011)

Nguồn: Tác giả xử lý số liệu từ báo cáo [SIPRI, 2012]



Biểu đồ 2.5: Khối lượng chuyển giao vũ khí của Nga sang Syria (2000-2021)

Nguồn: Tác giả tổng hợp, xử lý số liệu từ các báo cáo của SIPRI

Cuối cùng, có thể nói rằng, chính sách đối ngoại của Nga đối với Syria trước năm 2011 được định hình trên cơ sở kế thừa di sản quan hệ Liên Xô - Syria, đồng thời phản ánh sự điều chỉnh của Nga trong bối cảnh suy yếu sau Chiến tranh Lạnh và nỗ lực tái khẳng định vị thế cường quốc dưới thời Tổng thống Nga V. Putin. Trong thập niên 1990, Nga duy trì quan hệ ngoại giao và quân sự ở mức tối thiểu, chủ yếu nhằm bảo tồn ảnh hưởng lịch sử và xử lý các khoản nợ mà Syria còn tồn đọng từ thời Liên Xô, trong khi không đủ nguồn lực để cạnh tranh trực diện với Mỹ tại Trung Đông. Bước sang thập niên 2000, dưới thời Tổng thống V. Putin, Nga đẩy mạnh khôi phục quan hệ với Syria bằng việc xóa phần lớn nợ của Syria, mở rộng hợp tác kinh tế - năng lượng và khôi phục vai trò cung cấp vũ khí chủ chốt cho quân đội Syria. Đồng thời, Nga củng cố sự hiện diện chiến lược tại Địa Trung Hải thông qua căn cứ hậu cần hải quân Tartus - biểu tượng cho tham vọng duy trì chỗ đứng lâu dài ở khu vực [Borshchevskaya, 2013]. Chính sách này có ba đặc trưng chính là bảo vệ đồng minh truyền thống như một đối trọng với ảnh hưởng của Mỹ và Israel; thúc đẩy hợp tác quân sự - kinh tế mang tính thực dụng nhằm phục vụ lợi ích công nghiệp quốc phòng và năng lượng; và duy trì vai trò cân bằng trong khu vực để

khẳng định rằng không thể giải quyết các vấn đề Trung Đông nếu thiếu Nga. Những nền tảng này giúp Nga có được vị trí và công cụ chiến lược để sau năm 2011 can thiệp mạnh mẽ vào Syria, biến quốc gia này thành mặt trận cạnh tranh trực tiếp với Mỹ.

2.2.4.2. Chính sách đối ngoại của Mỹ với Syria trước năm 2011

Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Syria trước năm 2011 được đặc trưng bởi sự cô lập có hệ thống, trừng phạt kinh tế và áp lực chính trị tập trung. Quan hệ Mỹ - Syria bị chia rẽ bởi những khác biệt về nhận thức, ý thức hệ và lợi ích chiến lược, dẫn đến sự mất lòng tin lẫn nhau.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại của Mỹ với Syria liên quan đến vấn đề khủng bố, vấn đề Israel do vị trí địa chiến lược của Syria nằm ở ngã ba địa - chính trị quan trọng của Trung Đông - trung tâm khu vực Levant; tiếp giáp với Iraq, Israel, Lebanon và Jordan. Năm 1967, Syria tham gia Chiến tranh sáu ngày (six-day war) cùng Ai Cập chống lại Israel. Kết quả là Israel chiếm giữ Cao nguyên Golan, một vùng lãnh thổ chiến lược nhìn xuống thung lũng Jordan. Từ đó đến nay, việc giành lại Golan trở thành mục tiêu chiến lược của Syria. Do đó, trong quan hệ với Mỹ, Syria có vai trò trong xung đột Ả Rập - Israel, đặc biệt liên quan đến cao nguyên Golan (bị Israel chiếm từ năm 1967). Trước năm 2011, chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Syria mang tính kết hợp giữa kiềm chế, trừng phạt và nỗ lực đối thoại hạn chế, xoay quanh các lợi ích chiến lược tại Trung Đông.

Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Syria vào năm 1944. Năm 1967, Syria đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ sau Chiến tranh Ả Rập-Israel. Quan hệ được tái lập vào năm 1974. Syria thuộc danh sách các quốc gia tài trợ cho khủng bố kể từ khi Mỹ lập danh sách này vào tháng 12/1979 vì nước này tiếp tục hỗ trợ chủ nghĩa khủng bố và các nhóm khủng bố, trước đây từng chiếm đóng, theo đuổi vũ khí hủy diệt hàng loạt và các chương trình tên lửa và sử dụng vũ khí hóa học, và những nỗ lực liên tục của nước này nhằm phá hoại các hoạt động ổn định của Mỹ và quốc tế tại Iraq và Syria [US Department of State, 2023]. Các lệnh trừng phạt và hạn chế bổ sung đã được bổ sung vào tháng 5/2004 với việc ban hành Sắc lệnh hành pháp 13338, thực hiện Đạo luật Trách nhiệm giải trình của Syria và Khôi phục chủ quyền của Lebanon năm 2003 (SAA) và áp đặt các biện pháp bổ sung theo Đạo luật Quyền hạn kinh tế khẩn cấp quốc tế (IEEPA) [Congress, 2003]. Syria phải chịu các

hình phạt theo luật định, bao gồm các lệnh trừng phạt xuất khẩu và không đủ điều kiện để nhận hầu hết các hình thức hỗ trợ của Mỹ hoặc mua thiết bị quân sự của Mỹ. Cuối những năm 1980, chính quyền Hafez al-Assad đã thay đổi một phần trong chính sách ngoại giao, tìm cách cân bằng giữa việc duy trì mối quan hệ với Liên Xô và mở cửa đối thoại với phương Tây [US Department of State, 2023].

Thứ hai, trong Chiến tranh Lạnh, quan hệ Mỹ - Syria bị chi phối bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng Mỹ - Xô tại Trung Đông. Các mục tiêu, lợi ích và cách tiếp cận của Mỹ đối với Trung Đông bắt nguồn từ lợi ích an ninh và cuộc chiến ý thức hệ của Mỹ với Liên Xô; đồng thời là lợi ích kinh tế dựa trên nguồn dầu mỏ dồi dào của Trung Đông nên nó đã tạo ra mâu thuẫn với người Ả rập. Mục tiêu chính sách đối ngoại cốt lõi của Mỹ đối với Trung Đông là loại bỏ các quốc gia Trung Đông khỏi các sự thống trị bên ngoài, ngăn chặn sự ảnh hưởng của Liên Xô và gia tăng lợi ích kinh tế - chính trị của Mỹ tại đây. Trong Chiến tranh Lạnh, Syria nghiêng về Liên Xô và các quốc gia xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc xung đột với Israel và các chính sách liên quan đến thế giới Ả rập. Năm 1956, Syria ký hiệp định vũ khí với Tiệp Khắc - đồng minh của Liên Xô - và từ đó nhận viện trợ quân sự, huấn luyện và hỗ trợ chính trị từ Liên Xô. Những chính sách này của Syria khiến Mỹ nhìn nhận Syria thuộc vòng ảnh hưởng của Liên Xô. Syria không chỉ tìm kiếm sự hỗ trợ quân sự từ Liên Xô mà còn tham gia vào các liên minh chống lại ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Mỹ đã thể hiện lập trường chống lại các chế độ mà họ coi là cộng sản hoặc theo Liên Xô. Đồng thời, Syria có quan hệ với Iran và hỗ trợ Hezbollah ở Lebanon. Do đó, với mối quan hệ chặt chẽ với Liên Xô, Syria đã trở thành mục tiêu của các chiến lược đối ngoại của Mỹ, bao gồm việc áp dụng các biện pháp trừng phạt và cô lập chính trị.

Thứ ba, sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ Mỹ - Syria dao động giữa đối thoại và đối đầu. Mỹ từng tìm cách lôi kéo Syria vào tiến trình hòa bình Trung Đông (Hội nghị Madrid 1991, đàm phán về Golan trong thập niên 1990), nhưng bất thành. Từ năm 1990-2001, Mỹ và Syria đã hợp tác ở một mức độ nhất định trong một số vấn đề khu vực. Khi Bashar al-Assad lên nắm quyền, Mỹ cũng có đã có tiếp cận tích cực về Syria [Aqil, 2024, p.27], tuy nhiên quan hệ hai nước vẫn không được cải thiện do những mâu thuẫn lợi ích xung quanh nhiều vấn đề của khu vực, trong đó có

yếu tố Israel. Mỹ xác lập mục tiêu bảo vệ an ninh của Israel và duy trì ảnh hưởng ở Trung Đông; trong khi đó Syria xác lập mục tiêu khôi phục Cao nguyên Golan và củng cố vai trò lãnh đạo Ả Rập [Chapman, 2010, p.13].

Sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ đã thay đổi chiến lược đối ngoại tại Trung Đông, trong đó việc chống khủng bố trở thành ưu tiên hàng đầu. Mỹ muốn hợp tác với Syria để giải quyết vấn đề khủng bố của Iraq do Syria có chung đường biên giới với Iraq. Nhưng quan hệ Mỹ - Syria vẫn căng thẳng do Syria tiếp tục hỗ trợ các nhóm như Hezbollah, phản đối các chính sách của Mỹ trong khu vực, và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Iran [Aqil, 2024, p.26].

Cuối cùng, quan hệ Mỹ - Syria trở nên xấu đi từ năm 2003 đến đầu năm 2009. Phát biểu của Bashar Assad về việc ủng hộ Iraq đã dẫn đến những mâu thuẫn trong quan hệ giữa Mỹ và Syria [Aquil, 2024, p.28]. Chính quyền Tổng thống George W. Bush đã coi Syria là một phần trong các nước khủng bố do sự hỗ trợ của Syria đối với các nhóm vũ trang và sự thiếu hợp tác trong việc ngăn chặn khủng bố [US Department of State, 2023]. Đầu năm 2002, Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld tuyên bố Syria cũng là thành viên của “trục ma quỷ” bao gồm Iran, Iraq và Bắc Triều Tiên [US Department of State, 2002].

Ngày 12/2/2003, lệnh trừng phạt “Luật Syria” đã được Quốc hội Mỹ thông qua chống lại Syria. Mặc dù lệnh trừng phạt này không ảnh hưởng toàn diện đến nền kinh tế Syria nhưng khiến Syria bị cô lập Syria trong các vấn đề chính trị. Trong các Báo cáo của Mỹ về vấn đề khủng bố từ năm 2003 đến năm 2010 đều cáo buộc Syria gián tiếp hỗ trợ cho các chiến binh Iraq [Karakoc, 2013, p.230]. Mỹ cáo buộc “kể từ khi Syria bị chỉ định là quốc gia bảo trợ khủng bố vào năm 1979, Syria vẫn tiếp tục hỗ trợ chính trị cho các nhóm khủng bố Palestine... hỗ trợ chính trị và vật chất cho Hezbollah kể từ khi nhóm này được thành lập” [US Department of State, 2008, p.174]. Các vấn đề khiến Mỹ lo ngại bao gồm việc không thể ngăn chặn Syria trở thành điểm trung chuyển chính cho các chiến binh nước ngoài xâm nhập Iraq, việc nước này từ chối trục xuất khỏi Syria các thành phần thuộc chế độ Saddam Hussein trước đây ủng hộ cuộc nổi dậy ở Iraq, sự can thiệp vào các vấn đề của Lebanon, việc bảo vệ sự lãnh đạo của các nhóm bài trừ người Palestine ở Syria, hồ sơ nhân quyền và việc theo đuổi vũ khí hủy diệt hàng

loạt. Syria vẫn duy trì mối quan hệ gần gũi với Iran và các nhóm vũ trang như Hezbollah đã làm gia tăng sự căng thẳng với Mỹ.

Đầu năm 2009, Mỹ bắt đầu xem xét lại chính sách Syria của mình trước những thay đổi trong nước và khu vực, dẫn đến nỗ lực hợp tác với Syria để tìm ra các lĩnh vực cùng quan tâm, giảm căng thẳng trong khu vực và thúc đẩy hòa bình Trung Đông [US Department of State, 2023]. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai nước đến trước khi nội chiến Syria nổ ra về cơ bản chưa có bước tiến tích cực. Vào tháng 5/2009, chính quyền Tổng thống Obama đã đưa ra các lệnh trừng phạt mới của Mỹ, trong đó có cáo buộc rằng dòng chiến binh hoặc phiến quân tràn vào Iraq nhờ sự hỗ trợ của chế độ Syria vẫn tiếp diễn [US Department of State, 2023].

Như vậy, trước năm 2011, quan hệ Mỹ và Syria xoay quanh một số vấn đề chính là: đàm phán hòa bình Ả rập - Israel; vai trò của Syria với Lebanon và quan hệ Syria với Iraq. Lợi ích của Syria xung đột với Mỹ khi phản đối chiến tranh Iraq và thể hiện sự ủng hộ đối với các chiến binh Palestine. Mỹ vẫn tiếp tục áp dụng các lệnh trừng phạt về thương mại, ngoại giao lên Syria trước khi nội chiến xảy ra. Năm 2011, khi biểu tình và bạo lực leo thang ở Syria, Mỹ đã kêu gọi chính quyền Assad từ chức để xây dựng một chính quyền mới và trực tiếp can dự vào Syria. Kể từ khi xung đột nổ ra ở Syria vào tháng 3/2011, các Sắc lệnh hành pháp tiếp theo đã được ban hành để ứng phó với tình trạng bạo lực và vi phạm nhân quyền đang diễn ra ở Syria.

2.2.4.3. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trước năm 2011

Trước khi nội chiến nổ ra, Nga - Mỹ không có sự cạnh tranh trực tiếp tại Syria, mà chủ yếu là sự cạnh tranh gián tiếp nhằm duy trì, gia tăng ảnh hưởng tại khu vực Trung Đông. Trước năm 2011, Nga và Mỹ chưa đối đầu quân sự hoặc chính trị trực tiếp ở Syria, nhưng có những mâu thuẫn trong mục tiêu chiến lược trong một số vấn đề của khu vực Trung Đông. Đây là những vấn đề tiềm tàng làm cơ sở dẫn đến sự cạnh tranh trong giai đoạn sau, khi nội chiến bùng nổ. Đó là sự cạnh tranh ở tầm ảnh hưởng khu vực phản ánh sự khác biệt trong cách hai cường quốc định hình trật tự Trung Đông sau Chiến tranh Lạnh. Sự mâu thuẫn trong mục tiêu, cách thức giải quyết, lợi ích các vấn đề lớn của khu vực như vấn đề Israel, vấn đề Iran cho thấy rằng sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria cần phải đặt trong sự cạnh tranh giữa hai cường quốc này tại Trung Đông.

Sự đối lập trong cách tiếp cận, mục tiêu với khu vực Trung Đông giữa Nga và Mỹ đã dẫn đến sự khác biệt trong chủ trương, chính sách của hai quốc gia với khu vực cũng như Syria. Trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh, Mỹ đã triển khai chính sách “Đại Trung Đông” nhằm giành vị thế cạnh tranh với Liên Xô tại Trung Đông. Sau năm 2001, với mục tiêu chống khủng bố, Mỹ không chỉ chủ trương “chống lại các chế độ dung túng, hỗ trợ và lợi dụng khủng bố” (Georgewebush-whitehouse, 2002) mà còn gia tăng thúc đẩy các chính sách tự do, dân chủ của Mỹ, tìm cách cải cách, thay đổi hoặc cô lập các quốc gia chưa đi theo chế độ dân chủ. Trong khi đó, với cách tiếp cận “đa cực”, Khái niệm an ninh quốc gia của Liên bang Nga tháng 1/2000 đã xác định ưu tiên của Nga ở Trung Đông là “khôi phục và củng cố các vị thế của Nga, đặc biệt là các vị thế kinh tế” và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục phát triển quan hệ với Iran [Presidential Library, 2000]. Sự khác biệt này trở thành nguồn gốc tư tưởng của đối đầu tại Syria sau 2011, khi Mỹ ủng hộ phe đối lập còn Nga bảo vệ chính quyền Assad.

Bên cạnh đó, có thể thấy trước năm 2011 chủ yếu là sự cạnh tranh gián tiếp về ảnh hưởng chính trị và định hướng đối ngoại của Nga và Mỹ đối với Syria. Nga tìm cách duy trì ảnh hưởng chính trị truyền thống, trong khi Mỹ tìm cách hạn chế, cấm vận Syria, gây sức ép để đưa Syria và vòng ảnh hưởng của Mỹ. Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ tìm cách định hình lại trật tự Trung Đông theo hướng củng cố ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích của Israel; trong khi Nga sau khi khôi phục kinh tế thì chủ trương kế thừa và phát huy những lợi thế đã có được trong quan hệ của Liên Xô với Syria. Hai bên cạnh tranh ảnh hưởng thông qua ngoại giao và ảnh hưởng chính trị, không thông qua can thiệp quân sự. Trong thập niên 2000, dưới thời Tổng thống V.Putin, Nga coi việc khôi phục ảnh hưởng ở Syria là phần trọng chiến lược trở lại Trung Đông, nhằm chống lại thế độc quyền của Mỹ sau Chiến tranh Iraq 2003.

Sau khi khôi phục kinh tế, Nga gia tăng ảnh hưởng với Trung Đông. Syria là đồng minh truyền thống của Liên Xô từ thập niên 1950, gắn kết bởi viện trợ quân sự, hợp tác năng lượng, và ý thức hệ chống phương Tây. Nga tiếp tục duy trì căn cứ hậu cần hải quân Tartus, là cơ sở duy nhất của Nga tại Địa Trung Hải - biểu tượng cho hiện diện chiến lược liên tục tại Trung Đông. Bước vào thập niên đầu những năm 2000, đối với Liên bang Nga, Syria không chỉ là khách hàng quân sự chiến

lược và là đồng minh ở tuyến đầu mà còn là một trong số ít các điểm tựa chiến lược còn sót lại của thời kỳ Xô Viết. Do đó, duy trì được ảnh hưởng với Syria thì sẽ là đòn bẩy để gia tăng vị thế cường quốc và khẳng định tầm nhìn về một hệ thống quốc tế đa cực của Nga sau khi hồi phục kinh tế hậu chiến tranh Lạnh.

Như vậy, trước năm 2011, quan hệ Nga - Mỹ với Syria không có sự đối đầu quân sự trực tiếp, chủ yếu xoay quanh sự mâu thuẫn trong mục tiêu cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Đông nói chung và nhằm đạt được sự ảnh hưởng với Syria nói riêng. Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nga và Mỹ với Syria trước năm 2011 gắn với các vấn đề an ninh - chính trị của khu vực Trung Đông; trong đó có vấn đề chiến tranh Iraq, vấn đề chống khủng bố, vấn đề Iran. Mỹ xem Syria là “bàn đạp” ảnh hưởng của Iran, do đó tìm cách tách Syria khỏi Iran. Mỹ coi Syria là “mắt xích trong trục chống Mỹ” cùng Iran và Hezbollah. Trong khi đó, Nga và Iran cùng hỗ trợ Syria về quân sự - chính trị. Sự đối kháng trong tam giác này là nền tảng cấu trúc cho cuộc đối đầu Nga - Mỹ tại Syria sau năm 2011.

Tiểu kết chương 2

Cuộc cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay cho thấy Syria là một địa bàn phản ánh sự đối đầu chiến lược giữa hai cường quốc trong một khu vực có ý nghĩa địa chính trị quan trọng. Theo quan điểm của chủ nghĩa hiện thực, cạnh tranh là tất yếu giữa các cường quốc. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria xuất phát từ sự khác biệt trong cách tiếp cận chiến lược và tư tưởng về trật tự thế giới. Mỹ theo đuổi chính sách thúc đẩy dân chủ và thay đổi chế độ đối với chính quyền Tổng thống Bashar al-Assad, xem đây là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn nhằm kiềm chế ảnh hưởng của các đối thủ, bao gồm Nga và Iran, tại Trung Đông. Trong khi đó, Nga duy trì quan điểm về chủ quyền quốc gia và không can thiệp vào công việc nội bộ, đồng thời tìm cách bảo vệ chế độ Assad như một đồng minh chiến lược. Sự khác biệt này phản ánh mô hình cạnh tranh lớn hơn giữa Mỹ - phương Tây với Nga về cấu trúc an ninh quốc tế hậu Chiến tranh Lạnh.

Về cơ sở thực tiễn, chương 2 đã khái quát bối cảnh hình thành và diễn biến của xung đột Syria từ năm 2011, làm rõ các yếu tố chủ quan (khủng hoảng chính trị - xã hội, bất bình đẳng kinh tế, phân hóa sắc tộc - tôn giáo) và các yếu tố khách quan bên ngoài Syria (can thiệp của các nước lớn và một số nước trong khu vực). Trong bối cảnh đó, Syria nổi lên như một “điểm giao thoa chiến lược” nơi lợi ích của Nga và Mỹ vừa xung đột vừa đan xen. Thực tiễn cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria cho thấy đây không phải là đối đầu trực tiếp, mà chủ yếu diễn ra dưới hình thức cạnh tranh gián tiếp và chiến tranh ủy nhiệm, thông qua các lực lượng bản địa, các liên minh khu vực và công cụ chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao. Đồng thời, cạnh tranh này còn chịu sự chi phối của những biến động lớn của cục diện quốc tế, như sự suy giảm tương đối vai trò của Mỹ ở Trung Đông, nỗ lực trở lại khu vực của Nga, cũng như sự nổi lên của các nhân tố mới trong cấu trúc quyền lực khu vực.

Syria có vị trí chiến lược quan trọng ở Trung Đông, và cuộc xung đột tại đây xuất phát từ những mâu thuẫn về mục tiêu, về sự tranh giành ảnh hưởng giữa hai cường quốc với khu vực Trung Đông từ trong và sau chiến tranh Lạnh. Đối với Mỹ, Syria là một phần của chiến lược rộng lớn hơn nhằm duy trì quyền lực ở khu vực và kiểm soát các yếu tố như năng lượng, an ninh Israel, và sự mở rộng của Iran. Đối với Nga, Syria là bàn đạp để Nga khôi phục vị thế cường quốc tại Trung Đông, duy trì căn cứ quân sự Tartus - cảng nước ấm duy nhất của Nga ở Địa Trung Hải, và chứng tỏ sức mạnh quân sự thông qua can thiệp trực tiếp từ năm 2015.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CẠNH TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA

TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY

3.1. Mục tiêu cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria

3.1.1. Mục tiêu vị thế, uy tín quốc tế

3.1.1.1. Nga: khẳng định vị thế cường quốc, thiết lập trật tự đa cực

Nga xác định Syria là mắt xích chiến lược quan trọng trong việc duy trì ảnh hưởng của Nga ở Trung Đông và *thách thức vai trò thống trị của Mỹ* trong trật tự thế giới thể hiện qua việc ủng hộ một chính phủ bị phương Tây chỉ trích và đối đầu với các lực lượng do Mỹ hậu thuẫn. Cuộc can thiệp quân sự vào Syria (từ 30/9/2015) mang ý nghĩa biểu tượng quan trọng về sự trỗi dậy của một cường quốc toàn cầu sau giai đoạn suy yếu hậu Xô viết. Trên phương diện toàn cầu, thông qua việc hỗ trợ chính quyền của Bashar al-Assad chống lại lực lượng Hồi giáo cực đoan, Nga muốn chống lại trật tự do Mỹ và phương Tây đứng đầu; từ đó tái khẳng định sự trở lại, vai trò, vị thế của một cường quốc “có tầm ảnh hưởng toàn cầu” [Trenin, 2008, p.237]. Sự can thiệp của Putin là một tuyên bố thách thức trật tự toàn cầu do Mỹ lãnh đạo [Borshchevskaya, 2022, p.71].

Thông qua việc ủng hộ một chính quyền bị phương Tây chỉ trích, Nga muốn chứng minh rằng Mỹ không phải là thực thể duy nhất có thể chi phối các quốc gia Trung Đông. Nga muốn lên án tư duy, cách hành xử của Mỹ và các nước phương Tây trong chính sách đơn phương can thiệp vào công việc nội bộ các quốc gia, làm mất ổn định chính trị và dẫn đến sự thay đổi chế độ tại các quốc gia Trung Đông. Từ đó cạnh tranh với Mỹ và phương Tây xung quanh các lợi ích kinh tế, quân sự, địa - chiến lược tại đây. Đối với Nga, cuộc chiến Syria là một cơ hội để khẳng định vai trò cường quốc toàn cầu và thách thức trật tự do Mỹ và phương Tây lãnh đạo; nhằm xây dựng một trật tự “đa cực” “được dẫn dắt bởi sự bình đẳng, các giá trị và lợi ích chung” [Kremlin, 2015b].

Về vấn đề an ninh, Nga coi việc ngăn chặn các cuộc “cách mạng màu” và thay đổi chế độ do nước ngoài hậu thuẫn tại Syria là cần thiết để tránh tạo tiền lệ nguy hiểm đe dọa an ninh của nước Nga. Thực tế, sau kinh nghiệm Libya năm 2011

(khi NATO can thiệp dẫn đến lật đổ Gaddafi), Nga quyết tâm không để kịch bản tương tự tái diễn ở Syria. Khi nội chiến bùng nổ, Nga đã ủng hộ Assad để ngăn một kịch bản “thay đổi chế độ” như đã xảy ra ở Iraq và Libya vì Nga tin rằng các cuộc nổi dậy do Mỹ kích động (từ mùa Xuân Ả Rập) là mối đe dọa cho chính an ninh của họ. Sự can thiệp của Nga vào Syria khi thành công sẽ *ngăn chặn sự thay đổi chế độ* do Mỹ hậu thuẫn ở Syria, “phá vỡ sự cô lập chính trị và buộc Mỹ phải đối xử với Nga như một đối tác ngang hàng, và chứng minh trong nước rằng Nga là một cường quốc lớn trên trường quốc tế” [Kofman, 2018].

Syria trở thành địa bàn để Nga *thể hiện sức mạnh quân sự* thông qua thử nghiệm các hệ thống vũ khí mới và thể hiện khả năng triển khai lực lượng nhanh chóng, qua đó nâng cao uy tín quân sự và thúc đẩy xuất khẩu vũ khí [Jazeera, 2020]. Tháng 9/2015, Nga chính thức can thiệp quân sự, hỗ trợ cho quân đội Syria lật ngược thế trận chống lại lực lượng nổi dậy đã khẳng định năng lực quân sự của Nga, chứng minh Nga là một “quốc gia hùng mạnh và có thể triển khai sức mạnh quân sự vượt ra ngoài biên giới” [Geukjian, 2020, p.558]. Giới phân tích nhận định can thiệp của Nga là thành công chiến lược “chi phí thấp”, chỉ bằng không kích có mục tiêu và một số cố vấn đặc nhiệm, Nga bảo vệ được chế độ Assad (2011-2024) mà không rơi vào “vũng lầy Afghanistan” như nhiều dự báo. Đồng thời, thông qua tiến trình Astana, Nga đã thiết lập được một cơ chế giải quyết xung đột song song với các khuôn khổ của phương Tây, buộc Mỹ phải đối xử với Nga như một đối tác ngang hàng trong các vấn đề toàn cầu, từ đó khẳng định vai trò “nhà môi giới quyền lực”.

Diễn biến bất ngờ khi chính quyền Assad bị lật đổ (8/12/2024), phe đối lập lên nắm quyền, tình hình Syria bước sang một giai đoạn mới. Syria vẫn phụ thuộc vào nguồn dầu mỏ từ Nga, hai bên vẫn đang tiếp tục đàm phán về việc sử dụng căn cứ hải quân Tartus và căn cứ không quân Hmeimim. Tuy nhiên, chính quyền mới chủ trương của xích lại gần Mỹ và phương Tây nên vai trò của Nga tại Syria đã giảm sút.

3.1.1.2. Mỹ: bảo vệ vị thế lãnh đạo toàn cầu, củng cố trật tự do Mỹ dẫn dắt

Ngược lại với Nga, Mỹ coi Syria là chiến trường trọng yếu để bảo vệ tính chính danh của trật tự quốc tế tự do và khẳng định vai trò là quốc gia duy nhất có khả năng tập hợp lực lượng toàn cầu chống lại các mối đe dọa xuyên quốc gia. Mỹ

can dự tại Syria với tuyên bố chính thức nhằm mục đích duy trì an ninh khu vực và thực thi các giá trị dân chủ quốc tế, hướng tới giữ vững vai trò lãnh đạo toàn cầu. Giai đoạn đầu nội chiến Syria nổ ra (2011-2013), chính quyền Obama khi đó kêu gọi chính quyền Assad từ chức và ủng hộ nghị quyết Liên hợp quốc, nhưng đồng thời chủ trương can thiệp ở mức thận trọng. Sau đó, Mỹ tập trung vào chiến dịch không kích chống IS và viện trợ nhân đạo, cố gắng “kiểm soát giao tranh và giữ bạo lực trong biên giới Syria”. Mỹ hỗ trợ lực lượng chống IS như SDF của người Kurd, qua đó giữ ổn định các vùng lãnh thổ có lợi ích chiến lược (dầu mỏ, biên giới liên minh). Trên bình diện toàn cầu, Mỹ cố sử dụng Liên minh phương Tây và lệnh trừng phạt để *bảo vệ các chuẩn mực quốc tế tự do*. Khi Liên hợp quốc đề xuất nghị quyết yêu cầu Assad xuống chức, Tổng thống Obama và lãnh đạo phương Tây tố cáo Assad đã mất “quyền hợp pháp” sau các vụ thảm sát [The Guardian, 2012] thể hiện việc Mỹ tìm cách duy trì hình ảnh là người bảo vệ nhân quyền và pháp quyền.

Đến giai đoạn 2014-2016, khi IS bành trướng, Mỹ thành lập Liên minh chống IS và không kích tiêu diệt tổ chức này tại Syria, nhằm ngăn chặn đe dọa khủng bố lan tỏa khắp thế giới. Trọng tâm chính của Mỹ trong cuộc xung đột là *chống khủng bố* và cuộc chiến chống lại ISIS. Năm 2014, Mỹ đã thành lập một liên minh với hơn 80 quốc gia khác, trong đó có Anh, Pháp và Ả rập Xê út..., để tiến hành các cuộc không kích nhằm vào các mục tiêu của ISIS ở Syria và Iraq. Các cuộc không kích này nhắm vào các trung tâm chỉ huy, trại huấn luyện và kho chứa vũ khí của ISIS, cũng như các nhà máy lọc dầu, vốn là nguồn tài chính chính của nhóm cực đoan này. Việc tiêu diệt thành công “vương quốc” của ISIS vào năm 2019 không chỉ bảo vệ an ninh nội địa Mỹ mà còn củng cố uy tín của Mỹ với tư cách là người bảo trợ an ninh không thể thay thế tại Trung Đông.

Hơn nữa, mục tiêu của Mỹ là *bảo vệ đồng minh, kiềm chế đối thủ* tại Trung Đông. Mỹ xem Syria là một chiến trường cần thiết để củng cố vị thế lãnh đạo toàn cầu thông qua việc kiềm chế các cường quốc thách thức trật tự do Mỹ dẫn dắt, như Nga và các mối đe dọa xuyên quốc gia như Iran và các nhóm Salafi-Jihadist. Mỹ can dự vào Syria với mục tiêu bảo vệ lợi ích an ninh cốt lõi của các đồng minh tại Trung Đông, từ đó nhằm bảo vệ sự ổn định của trật tự quốc tế và củng cố vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ. Sau khi chính quyền Assad sụp đổ vào cuối năm 2024,

các nhà hoạch định chính sách Mỹ vẫn nhấn mạnh việc không để Syria “rơi vào tay Trung Quốc, hoặc trở lại tay Nga và Iran”, coi đây là cơ hội để khôi phục ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực. Tuy nhiên, một rào cản lớn đối với uy tín của Mỹ là sự thiếu nhất quán trong chính sách qua các nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ. Từ sự thận trọng của chính quyền B. Obama, đến việc rút quân một phần của chính quyền D.Trump (nhiệm kỳ I) và sự duy trì có điều kiện của J. Biden. Điều này làm giảm hình ảnh của Mỹ như một “nhà kiến tạo quy tắc toàn cầu” đáng tin cậy trong mắt các đồng minh khu vực.

Tóm lại, mục tiêu của Mỹ ở Syria là giữ vững trật tự quốc tế hiện hành bằng cách chống khủng bố, bảo vệ đồng minh và kiềm chế đối thủ. Mỹ thường xuyên khẳng định vai trò lãnh đạo bằng cách kêu gọi giải pháp chính trị đa phương, áp dụng trừng phạt kinh tế với chính quyền Syria, và hợp tác với NATO - phương Tây trong việc chia sẻ gánh nặng. Nếu Nga sử dụng Syria như một “đòn bẩy” để buộc thế giới thừa nhận sự trở lại của một cường quốc quân sự và chính trị, thì Mỹ lại sử dụng Syria như một “phép thử” cho khả năng duy trì trật tự thế giới hiện hành và sự cam kết đối với các chuẩn mực tự do toàn cầu.

3.1.2. Mục tiêu ảnh hưởng khu vực

Sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria cần được đặt trong sự cạnh tranh giữa hai quốc gia này ở quy mô khu vực và rộng hơn là ở cục diện toàn thế giới. Dưới góc độ mục tiêu cạnh tranh ảnh hưởng ở Trung Đông, Syria (2011-2024) là “điểm nút” nơi Mỹ và Nga vừa theo đuổi lợi ích trực tiếp tại Syria, vừa dùng Syria để định hình trật tự khu vực: ai là người bảo trợ an ninh đáng tin, ai quyết định “luật chơi” về can thiệp, chuyển đổi chính trị, chống khủng bố, và tái thiết Syria.

3.1.2.1 Nga: gia tăng ảnh hưởng tại Trung Đông

Về tầm nhìn lịch sử và vai trò địa chính trị, ngay từ thời Peter Đại đế và Catherine Đại đế, việc tiếp cận các “cảng nước ấm” và hiện diện tại Địa Trung Hải đã là ưu tiên hàng đầu để Nga được công nhận là cường quốc. Thậm chí dưới thời Catherine Đại đế, các vấn đề tôn giáo thu hút cộng đồng Cơ đốc giáo cũng tiếp tục được quan tâm và cho thấy Nga có mối liên hệ với Trung Đông không chỉ về địa-chính trị mà còn cả trên lĩnh vực tôn giáo. Catherine Đại đế là người đầu tiên đưa Nga vào Levant, trong cuộc chiến với Đế chế Ottoman năm 1768-1774

[Borshchevskaya, 2022, p.12]. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Trung Đông là khu vực quan trọng, được coi là “mạng sườn” trong chiến lược toàn cầu của Liên Xô [Hà Mỹ Hương, 2020]. Trong Chính sách đối ngoại của Nga năm 2000 và 2008, Nga đều khẳng định sẽ “đóng góp đáng kể vào việc ổn định tình hình ở Trung Đông ... tăng cường tương tác với các quốc gia thuộc thế giới Hồi giáo” thông qua việc “tận dụng vai trò quan sát viên trong hoạt động của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo và Liên đoàn Ả Rập, đồng thời đóng tích cực thực hiện Quan hệ Đối tác G8 với khu vực” [Kremlin, 2008]. Việc thực hiện được mục tiêu quyền lực tại Syria sẽ góp phần để Nga củng cố quan hệ, gia tăng ảnh hưởng với khu vực Trung Đông, từ đó thể hiện sự trở lại với tư cách là một “cường quốc” có vai trò ngang với Mỹ trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Mùa xuân Ả rập tại Trung Đông khiến nước Nga cũng như nhiều quốc gia trên thế giới lo ngại trước vai trò và sự can thiệp mạnh mẽ của Mỹ. Giai đoạn đầu sau khi Mùa xuân Ả rập diễn ra và khi Syria bắt đầu diễn ra các cuộc biểu tình và lâm vào khủng hoảng chính trị, Nga không có nhiều phản ứng và chính sách đối ngoại ứng phó với các diễn biến mới tại Trung Đông. Nhưng những diễn biến của tình hình khu vực Trung Đông cuối năm 2011 đã dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong cách tiếp cận của Nga với Syria. Thứ nhất là phản ứng của Nga trước chiến dịch của phương Tây chống lại Libya. Thứ hai là sự bất ổn chính trị bên trong nước Nga và mục tiêu lấy lại vị thế chính trị trong cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 3/2012. Thứ ba là sự gia tăng mạnh mẽ các mối đe dọa của Israel và Mỹ nhằm tấn công các cơ sở làm giàu hạt nhân của Iran. Cuối cùng là sự gia tăng đột biến các hoạt động chống lại chế độ Bashar al-Assad ở Syria, cũng như ở Qatar và Thổ Nhĩ Kỳ.

Từ khi bắt đầu Mùa xuân Ả Rập vào tháng 12/2010 tại Tunisia, Nga thể hiện nghi ngờ sâu sắc đối với các hoạt động chính trị Hồi giáo Trung Đông. Từng là đồng minh từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh nên Nga coi trọng vai trò của Syria hơn nhiều so với Libya, Tunisia hay thậm chí là Ai Cập trong cấu trúc an ninh của khu vực này [Trenin, 2013]. Vào tháng 4/2011, sau khi Syria bắt đầu chiến dịch trấn áp một số cuộc biểu tình hòa bình đầu tiên chống lại chế độ Bashar al-Assad ở thành phố Deraa, Bộ Ngoại giao Nga nhấn mạnh rằng Syria là “hòn đá tảng của cấu trúc an ninh ở Trung Đông” [Parker, 2015, p.9]. Tổng thống V.Putin trả lời phỏng vấn

về cuộc xung đột dân sự vũ trang đang xảy ra ở Syria đã nêu rõ rằng: “mục tiêu của Nga...là đạt được một giải pháp dân tộc và không muốn một Libya nữa”; đồng thời khẳng định “lợi ích kinh tế của Nga ở quốc gia đó không lớn hơn lợi ích của Anh hay bất kỳ quốc gia châu Âu nào khác... và đề nghị tất cả các bên trong cuộc xung đột vũ trang ngừng bắn ngay lập tức, ngồi vào bàn đàm phán và bắt đầu đối thoại về cải cách chính trị” [Kremlin, 2015a].

Về việc gia tăng ảnh hưởng, Nga sử dụng cách tiếp cận đa phương, linh hoạt và thực dụng. Khác với Mỹ, Nga nhấn mạnh vào việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, ủng hộ chính quyền hợp pháp và phản đối thay đổi chế độ từ bên ngoài. Cách tiếp cận này giúp Nga xây dựng hình ảnh là nhà môi giới quyền lực không thể thiếu, có khả năng đối thoại với tất cả các bên từ Iran, Thổ Nhĩ Kỳ đến Israel và các nước vùng Vịnh. Thông qua Syria, Nga khôi phục vai trò như một yếu tố quyền lực tại Trung Đông. Nga mở rộng ảnh hưởng qua liên minh với Iran, làm trung gian tiến trình Astana, và thách thức Mỹ bằng cách tiếp cận các nước Sunni truyền thống. Nếu Mỹ dùng chống khủng bố để duy trì vị thế, thì Nga tận dụng hỗ trợ chính phủ Assad để tạo mô hình an ninh thay thế. Đối với Nga, can thiệp vào Syria là phương tiện chủ yếu để tái thiết lập ảnh hưởng đã suy giảm nghiêm trọng tại Trung Đông sau Chiến tranh Lạnh. Việc bảo vệ chính quyền Syria giúp Nga duy trì một đồng minh chiến lược lâu dài tại Trung Đông; và từ đó khẳng định Nga là cường quốc có khả năng ảnh hưởng đến các vấn đề xung đột khu vực mà Mỹ và các nước phương Tây cần phải tính toán đến. Sự can thiệp của Nga vào Syria đã dẫn đến chấm dứt xu thế độc quyền can dự của Mỹ và phương Tây trong các cuộc khủng hoảng Trung Đông. Qua Syria, Nga chuyển từ vị thế “người ngoài cuộc” thành chủ thể không thể thiếu trong cấu trúc an ninh và tiến trình chính trị khu vực.

Can thiệp vào Syria giúp Nga mở rộng ảnh hưởng ra toàn khu vực, thể hiện qua sự gia tăng vai trò của Nga trong các hồ sơ khu vực như Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Israel. Vai trò của Nga trong các tiến trình đàm phán Astana và các hành động của Nga tại Syria đã giúp Nga mở rộng quan hệ an ninh - quân sự với các quốc gia Ả rập. Nga định vị mình là nhà trung gian hòa giải không thể thiếu, giúp kiểm soát và kìm hãm các xung đột giữa các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Israel. Từ đó các quốc gia Trung Đông có thể nhìn nhận Nga như một đối tác chiến

lược bổ sung cho Mỹ trong một vài lĩnh vực. Do đó, Syria trở thành bàn đạp địa - chính trị, cho phép Nga tái cấu trúc mạng lưới quan hệ tại Trung Đông theo hướng đa phương, linh hoạt và thực dụng. Thông qua Syria cho thấy Nga gia tăng ảnh hưởng bằng mô hình can thiệp khác với Mỹ. Nga theo đuổi một mô hình can thiệp nhấn mạnh vào bảo vệ chủ quyền quốc gia; ủng hộ chính quyền hợp pháp; phản đối thay đổi chế độ từ bên ngoài. Cách tiếp cận này giúp Nga xây dựng hình ảnh là cường quốc bảo trợ an ninh đáng tin cậy đối với các chế độ Trung Đông, qua đó mở rộng ảnh hưởng chính trị - an ninh trong khu vực.

Về lợi ích quân sự và kinh tế, Syria trở thành nơi Nga phô diễn sức mạnh quân sự, từ đó kêu gọi được các đối tác tại Trung Đông mua bán vũ khí của Nga, thúc đẩy xuất khẩu vũ khí sang khu vực MENA. Xuất khẩu vũ khí là một công cụ trong khuôn khổ chính sách kinh tế và đối ngoại rộng lớn hơn của Nga để thông qua đó Nga có thể hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Việc bán vũ khí của Nga cho khu vực MENA hỗ trợ cho các lợi ích kinh tế, chính trị và an ninh của khu vực này, đặc biệt là các quốc gia mà các nhà cung cấp phương Tây đôi khi hạn chế hoặc ngừng bán vũ khí cho các quốc gia vì lý do chính trị hoặc nhân đạo đã làm tăng ảnh hưởng của Nga tại đây. Mặt khác, Nga sử dụng Syria làm điểm tựa để Nga mở rộng vành đai quân sự và ngoại giao sang Trung Đông. Việc can thiệp vào Syria giúp Nga thiết lập các căn cứ quân sự, tạo bàn đạp để thể hiện sức mạnh tại khu vực Địa Trung Hải nhằm cân bằng với lực lượng NATO.

Có thể thấy rằng, sau khi Liên xô tan rã, Nga ít tham gia vào các cuộc xung đột quân sự quy mô lớn, và không vượt ra khỏi không gian hậu Xô viết. Sự can thiệp quân sự của Nga vào Syria bắt đầu vào ngày 30-9-2015, là cuộc can thiệp đầu tiên vào Trung Đông kể từ tháng 6/1772 khi các lực lượng Nga bắn phá, tấn công và chiếm giữ Beirut, một pháo đài trên bờ biển của Ottoman Syria [Valenta, 2016]. Việc Tổng thống V. Putin quyết định can thiệp vào một đất nước ngoài không gian hậu Xô viết trong khi cuộc chiến ủy nhiệm tạm thời bị đóng băng với Ukraine cho đến nay vẫn được giới nghiên cứu đánh giá là một động thái bất ngờ của Nga. Sự can thiệp vào Syria là một bước đi mới, đầy rủi ro, với những hậu quả quân sự và ngoại giao khó lường, nhưng cơ sở chính trị của nó phù hợp với tham vọng dài hạn của Tổng thống V. Putin. Nó tạo điều kiện để Nga đóng một vai trò quan trọng

trong tương lai của Syria, và sau đó là củng cố ảnh hưởng với thế giới Ả rập để làm bàn đạp mở rộng chi phối với khu vực Trung Đông nói chung [Allison, 2013, p.821]. Nó khẳng định sự hiện diện quốc tế của Nga, và đó là một bước đi hướng tới trật tự đa cực toàn cầu mà Nga mong muốn. Nga vẫn duy trì quan hệ tương đối tốt đẹp với hầu hết các quốc gia trong khu vực, bao gồm các đối thủ truyền thống như Israel và Iran, các quốc gia vùng Vịnh và các tổ chức như Hezbollah [Phillips, 2021, p.218].

3.1.2.2. Mỹ: duy trì ảnh hưởng tại Trung Đông, ngăn chặn “trục Iran”

Mặc dù có xu hướng điều chỉnh ưu tiên sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Mỹ vẫn xác định Trung Đông có vị trí địa chiến lược không thể thay thế trong việc duy trì ảnh hưởng toàn cầu.

Trong tổng thể, mặc dù quân sự yếu kém và nền kinh tế mờ nhạt, Syria vẫn có vai trò trong địa chính trị Trung Đông. Chế độ Assad có liên quan đến các vấn đề tiềm ẩn bất ổn ở khu vực là Israel-Palestine, Iraq và Iran. Syria cũng đóng một vai trò nhất định trong tiến trình hòa bình ở Trung Đông. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Syria luôn đi đầu trong một số vấn đề chính sách quan trọng của Mỹ ở Trung Đông và hai bên đã bất đồng về các vấn đề như xung đột Ả Rập-Israel, vai trò của Syria ở Lebanon và những cáo buộc của Mỹ rằng Syria đã thất bại trong việc ngăn chặn sự xâm nhập của các chiến binh nước ngoài qua biên giới vào Iraq. Ngoài mục tiêu bao trùm của Mỹ tại Trung Đông là tái thiết các chế độ dân chủ theo con đường phát triển của Mỹ để chi phối các quốc gia Trung Đông và ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố; Mỹ còn duy trì sự can thiệp tại nhiều quốc gia trong đó có Syria để ngăn chặn sự ảnh hưởng của Nga và Trung Quốc đến các quốc gia này. Tuy nhiên, Mỹ khi đó vẫn sa lầy trong cuộc chiến tranh Afghanistan và Iraq nên rất thận trọng trong việc quyết định can thiệp vào Syria. Khi cuộc nổi dậy ở Syria bắt đầu vào năm 2011, Mỹ công khai ủng hộ phe đối lập và nhiều lần tuyên bố chính quyền của ông Assad không đủ khả năng lãnh đạo Syria. Mỹ muốn hỗ trợ đồng minh, hạn chế sự mở rộng ảnh hưởng của Iran và Nga, duy trì ảnh hưởng tại Trung Đông. Mỹ ủng hộ Syria phe đối lập, tạo điều kiện cho họ lật đổ chế độ Syria, đồng thời vận động hỗ trợ quốc tế cho sự can thiệp và hỗ trợ sự xuất hiện của một hệ thống đồng minh khác. Mục tiêu đầu tiên của Mỹ tại Syria đó là hỗ trợ lực lượng đối lập và thúc đẩy chuyển đổi chính trị, nhằm thúc đẩy một giải pháp chính trị “không bao gồm Assad”, đồng thời phản đối sự can thiệp của Nga và Iran vào Syria.

Xét ở cấp độ khu vực, Mỹ muốn *duy trì cấu trúc an ninh khu vực* do Mỹ dẫn dắt. Mục tiêu cốt lõi của Mỹ ở cấp độ khu vực là ngăn chặn chiến thắng của trục Nga - Iran, phá vỡ “trục kháng chiến” do Iran dẫn dắt nhằm bảo vệ sự thay đổi cán cân quyền lực có lợi cho Mỹ và Israel [Hinnebusch, 2023, p.6]. Mỹ can thiệp vào Syria nhằm ngăn chặn Iran thiết lập một hành lang vận tải quân sự liên tục từ Iran qua Iraq, Syria đến Lebanon (Hezbollah). Việc Mỹ duy trì căn cứ Al-Tanf tại ngã ba biên giới chiến lược là một chốt chặn quan trọng đối với nỗ lực này của Iran. Thông qua Syria, Mỹ hướng tới bảo vệ lợi ích an ninh của các đồng minh then chốt như Israel, đồng thời kiềm chế ảnh hưởng của Nga - Iran; ngăn chặn việc hình thành một trật tự khu vực thay thế do Nga bảo trợ. Syria vì vậy trở thành điểm chặn chiến lược, nơi Mỹ tìm cách duy trì các đường ranh ảnh hưởng và ngăn Nga chuyển hóa thành công thắng lợi quân sự thành ảnh hưởng chính trị khu vực.

Mục tiêu cốt lõi của Mỹ tại Syria là *phá vỡ hành lang vận tải quân sự liên tục của Iran, ngăn chặn “Trục kháng chiến” và bảo vệ đồng minh*. Syria là một mắt xích quan trọng trong “trục kháng chiến” do Iran hậu thuẫn, bao gồm Hezbollah (Lebanon), Yemen, các nhóm Palestine, các nhóm dân quân Shiite tại Iraq, và chính quyền Assad. Mỹ xem việc Iran mở rộng hiện diện quân sự và chính trị tại Syria là mối đe dọa chiến lược đối với đồng minh Israel và ảnh hưởng của Mỹ ở Trung Đông. Do đó, Mỹ hỗ trợ các hoạt động nhằm phá vỡ chuỗi cung ứng vũ khí từ Iran đến Hezbollah, đồng thời tìm cách làm suy yếu khả năng kiểm soát của Iran tại Syria. Mục tiêu mà Mỹ tìm cách đạt được ở Syria là ngăn chặn sự xuất hiện của vũ khí cho Hezbollah và Hamas. Các loại vũ khí được đưa từ Iran qua Syria đến Lebanon để hỗ trợ Hezbollah, và vũ khí qua lãnh thổ Syria đến Iraq sẽ bị gián đoạn khi chế độ Syria phải ứng phó với tình hình nội chiến trong nước. Với Mỹ, chiến thắng của Nga - Iran tại Syria sẽ làm thay đổi cán cân quyền lực khu vực chống lại Mỹ và Israel về phía “Trục kháng chiến” và khẳng định vị thế cường quốc được khôi phục của Nga cũng như giới hạn của bá quyền Mỹ. Nên khi Nga và Iran có được những lợi thế về mặt quân sự ở Syria; thì Mỹ ngăn chặn sự phục hồi kinh tế của Syria, duy trì hiện trạng một Syria chia rẽ, khủng hoảng, dẫn đến việc chính quyền Assad bị lật đổ năm 2024, khiến vai trò của Nga bị suy giảm mạnh mẽ tại đây.

Mặt khác, mối quan hệ lâu dài của Syria với Iran là mối lo ngại lớn đối với Mỹ. Khi Syria ngày càng trở nên xa cách với Mỹ, quan hệ Syria-Iran đã được cải

thiện và một số nhà phân tích đã kêu gọi các nhà hoạch định chính sách của Mỹ thu hút các nhà lãnh đạo Syria rời xa Iran. Những người khác tin rằng chính quyền nên tiến xa hơn nữa trong việc gây áp lực lên chính phủ Syria và nên xem xét thực hiện các biện pháp trừng phạt kinh tế khắc nghiệt hơn đối với nước này. Quan hệ Mỹ - Syria trước khi cuộc nội chiến nổ ra còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết và Syria có liên quan đến chiến lược chung của Mỹ tại Trung Đông, xung quanh quan hệ thù địch của Syria với Israel, cũng như quan hệ cùng chiến tuyến của Syria và Iran.

Đặc biệt, mục tiêu mà Mỹ muốn đạt được ở Syria là mục tiêu địa chính trị trong bối cảnh các cường quốc khu vực và cường quốc toàn cầu đều can dự vào chiến trường Syria. Theo chiến lược của Mỹ, Syria là một phần nhạy cảm để ngăn chặn Nga từ phía tây nam và ngăn không cho nước này có tiếp cận vùng nước ấm ở Địa Trung Hải. Việc thành lập các chế độ đồng minh ở những khu vực nhạy cảm như vậy là một yêu cầu cấp bách của Mỹ. Trong nhu cầu đó thì Syria được coi là quốc gia trung tâm trong bối cảnh xung đột giữa hai lực lượng chủ chốt: một bên là Liên minh do Mỹ đứng đầu với những ưu thế về hải quân và một bên là những nước do Nga lãnh đạo với những ưu thế về đất liền. Mỹ tìm cách lật đổ chính quyền Assad chính là lật đổ một đồng minh của Nga ở Đông Địa Trung Hải và làm giảm sự hiện diện của Nga tại đây.

Liên quan đến năng lượng, đặc biệt là khí đốt, Mỹ muốn phá vỡ thế độc quyền của Nga trên thị trường khí đốt châu Âu và khiến châu Âu không còn lệ thuộc vào nguồn năng lượng của Nga. Một trong những nhiệm vụ đó là Mỹ và các nước phương Tây tìm kiếm được các giải pháp thay thế cho các nguồn khí đốt có thể đáp ứng nhu cầu năng lượng của đồng minh của Mỹ tại châu Âu. Và tại khu vực Trung Đông, với những nguồn dầu khí tiềm ẩn, các đường ống dẫn dầu vẫn có thể được khai thác theo hướng có lợi cho Mỹ, căn cứ trên sự chi phối đang nhiều lợi thế của Mỹ với các đồng minh Trung Đông hiện nay. Trung Đông là thị trường xuất khẩu vũ khí lớn nhất của Mỹ và là một trong những khu vực tập trung quân số lớn của Mỹ. Dưới thời Trump (2017-2020), bất chấp tuyên bố rút về, Mỹ thực ra vẫn duy trì vài trăm quân ở Đông Bắc Syria (hỗ trợ SDF) để kiềm chế ảnh hưởng của Iran và giành quyền kiểm soát tài nguyên. Như Tổng thống D.Trump từng nói Mỹ “sẽ ở lại đủ lâu để kiểm soát dầu mỏ” [Hinnebusch, 2023]. Nói cách khác, duy trì

lực lượng tại Syria giúp Mỹ bảo vệ sự cân bằng quyền lực trong khu vực, củng cố đồng minh (như người Kurd và Israel) và kiềm chế sự ảnh hưởng của Nga-Iran với khu vực.

Đồng thời, cạnh tranh với Nga tại Syria cũng nhằm mục tiêu để Mỹ ngăn chặn sự suy giảm ảnh hưởng tại Trung Đông. Đối với Mỹ, Syria là một trong những không gian then chốt để ngăn chặn xu thế suy giảm ảnh hưởng chiến lược tại Trung Đông, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ điều chỉnh ưu tiên chiến lược sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; sự trỗi dậy của các chủ thể thách thức vai trò của Mỹ, trong đó có Nga. Can thiệp vào Syria cho phép Mỹ duy trì sự hiện diện quân sự - chính trị cần thiết để khẳng định rằng Mỹ vẫn là chủ thể quan trọng nhất nhằm bảo đảm trật tự khu vực. Khác với Nga, Mỹ tại Syria không theo đuổi mục tiêu kiểm soát toàn diện, mà áp dụng chiến lược duy trì ảnh hưởng bằng chiến lược hiện diện hạn chế nhưng chọn lọc. Đó là can thiệp quân sự hạn chế; duy trì các điểm hiện diện then chốt; kết hợp công cụ quân sự với ngoại giao và trừng phạt. Cách tiếp cận này phản ánh mục tiêu duy trì ảnh hưởng với chi phí thấp, đồng thời tránh bị cuốn sâu vào xung đột kéo dài.

3.1.3 Mục tiêu an ninh, quyền lực

Mỹ và Nga theo đuổi những mục tiêu khác biệt ở Syria (2011-2024), dẫn đến những mâu thuẫn về lợi ích giữa hai cường quốc trong giải quyết vấn đề Syria. Khủng hoảng Syria nổ ra, Mỹ ủng hộ phong trào nổi dậy và kêu gọi Tổng thống Bashar al-Assad từ chức, đồng thời tập trung chống khủng bố khi tổ chức Nhà nước Hồi giáo (IS) trỗi dậy. Ngược lại, Nga kiên quyết hậu thuẫn chế độ Assad, viện dẫn nguyên tắc chủ quyền và nhu cầu ổn định, đồng thời tận dụng cuộc xung đột nhằm mở rộng ảnh hưởng địa-chính trị ở Trung Đông. Sự đối lập trong lợi ích cốt lõi khi Mỹ muốn chuyển đổi chính trị tại Syria, còn Nga muốn duy trì hiện trạng có lợi cho mình, đã khiến Syria trở thành một chiến trường ủy nhiệm nơi hai cường quốc Nga, Mỹ gián tiếp đối đầu với nhau.

3.1.3.1. Nga: bảo vệ chính quyền Assad, lợi ích kinh tế, quân sự tại Syria

Sau khi Nga đã dần khôi phục được kinh tế, chính trị sau khi Liên xô sụp đổ, chính sách đối ngoại của Nga trở nên cứng rắn hơn. Mặt khác, sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và việc Nga sáp nhập Crimea thì quan hệ Nga - Mỹ,

phương Tây liên tục leo thang căng thẳng. Trước những lệnh trừng phạt kinh tế, bao vây về chính trị, ngoại giao của Mỹ và đồng minh, nước Nga đã có những chiến lược để lấy lại vị thế đối ngoại của mình. Việc Nga quyết định can thiệp vào Syria ngày 30-9-2015 không chỉ nhằm hỗ trợ đồng minh mà còn thể hiện quyết tâm của Nga muốn trở thành một quốc gia có vai trò trong giải quyết các vấn đề quốc tế; đồng thời ngầm khẳng định Mỹ không phải là cường quốc duy nhất có thể chi phối các quốc gia Trung Đông.

Về an ninh - chính trị, mục tiêu đầu tiên của Nga là duy trì chính quyền Assad. Nga kiên quyết hậu thuẫn chế độ Assad dựa trên nguyên tắc chủ quyền và nhu cầu ổn định, phản đối việc phương Tây ép buộc thay đổi chế độ. Nga can thiệp để bảo vệ chính quyền Assad khỏi sụp đổ, nhằm duy trì một đồng minh truyền thống tại Trung Đông. Nga phản đối mọi giải pháp loại bỏ Assad ngay lập tức, thay vào đó kêu gọi đối thoại do người Syria dẫn dắt nhưng kiên quyết giữ Assad tại vị trong giai đoạn đầu chuyển tiếp. Khi biểu tình nổ ra, Tổng thống Medvedev khi đó đã khẳng định “bày tỏ sự ủng hộ đối với kế hoạch của giới lãnh đạo Syria trong việc thực hiện các cải cách nội bộ” [Kremlin, 2011a], kêu gọi thực hiện những thay đổi cần thiết. Việc giới lãnh đạo Syria phải ra đi hay không thuộc về người dân Syria và giới lãnh đạo Syria” [Kremlin, 2011b]. Việc duy trì chế độ Assad phục vụ nhiều lợi ích của Nga: Syria là khách hàng mua vũ khí lâu năm, cung cấp cơ sở quân sự (cảng Tartus) cho Nga ở Địa Trung Hải, và là bàn đạp để Nga mở rộng vai trò địa chính trị tại Trung Đông.

Tiếp đó, mục tiêu của Nga là chống khủng bố và ổn định an ninh nội địa. Đồng thời, Tổng thống V. Putin nêu lý do bảo vệ cộng đồng Thiên Chúa giáo thiểu số ở Syria như một cơ sở cho sự can thiệp vào quốc gia này [Trujillo, 2025]. Nga muốn tiêu diệt tận gốc các phần tử thánh chiến tại Syria để ngăn chặn mối đe dọa chúng quay trở lại vùng Caucasus của Nga gây bất ổn an ninh nội địa. Nga là quốc gia có dân số Hồi giáo bản địa lớn nhất châu Âu, khoảng 16 triệu người (khoảng 11-12% dân số cả nước), và giáp với các quốc gia đa số Hồi giáo ở Caucasus và Trung Á. Khi cuộc xung đột ở Syria diễn ra, Nga trở nên lo ngại trước số lượng ngày càng tăng các chiến binh thánh chiến nổi tiếng Nga từ không gian hậu Xô viết, những kẻ chiến đấu chống lại Assad [Charap, 2019, p.4]. Ngoài mong muốn ngăn chặn

phương Tây lật đổ Assad, Nga còn lo ngại rằng sự sụp đổ của chế độ Assad sẽ thúc đẩy các phong trào thánh chiến, có thể lan sang Nga. Do đó, chống khủng bố cũng là một trong những lý do và mục tiêu để Nga can thiệp vào Syria. Để bảo vệ vị thế của mình trong khu vực, Nga đã đưa ra quyết định gửi quân tới Syria. Hành động của Nga ở Syria, Ai Cập và Iran báo hiệu sức mạnh quốc tế ngày càng tăng của Nga. Qua đó, những thành tựu ngoại giao và quân sự tại Syria sẽ giúp Tổng thống Putin được người dân ủng hộ nhằm củng cố vững chắc quyền lực ở trong nước.

Ngày 30/11/2016, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã thông qua Khái niệm mới về Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga. Tài liệu có ghi rõ rằng Nga “chủ trương giải quyết cuộc xung đột ở Syria, ủng hộ sự thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước này”. Đồng thời Nga cũng khẳng định sẽ “tăng cường hợp tác nhiều mặt với các đồng minh và đối tác trong lĩnh vực chống khủng bố, cung cấp cho họ sự hỗ trợ thiết thực trong các hoạt động chống khủng bố, bao gồm cả việc bảo vệ các Kitô hữu ở Trung Đông” [Kremlin, 2016]. Học thuyết Hải quân Nga 2022 khi đề cập đến Địa Trung Hải được cập nhật và nêu chi tiết hơn so với trong học thuyết năm 2015. Bên cạnh những vấn đề khác, Học thuyết hải quân mới xác định rằng Nga muốn tăng cường quan hệ đối tác với Syria; sẽ đảm bảo sự hiện diện quân sự của mình ở Địa Trung Hải trên cơ sở tiền đồn quân sự của Nga ở Tartus (Syria); sẽ tìm cách thiết lập thêm các tiền đồn hậu cần kỹ thuật trong khu vực; sẽ tích cực hoạt động để đảm bảo ổn định quân sự-chính trị ở Trung Đông; và sẽ tìm cách hợp tác sâu rộng hơn với các quốc gia Trung Đông [Kremlin, 2022]. Khái niệm Chính sách Đối ngoại của Liên bang Nga, (cập nhật tháng 3/2023), nêu rõ cam kết của Nga trong việc tiếp tục phát triển quan hệ với Iran và Syria, làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác với Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập Xê Út, Ai Cập và các quốc gia thành viên khác của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo, “với phạm vi chủ quyền và tính xây dựng của chính sách của họ đối với Liên bang Nga” [MID, 2023].

Về lợi ích quân sự và sự hiện diện chiến lược, mục tiêu của Nga là bảo vệ lợi ích kinh tế, sự hiện diện quân sự tại Syria vì Nga xem Syria là “tiền đồn chiến lược” trên mặt trận Địa Trung Hải và Trung Đông, nơi duy trì hoặc mở rộng hiện diện quân sự - chính trị nhằm bảo đảm tuyến tiếp cận ra Địa Trung Hải. Như Tổng thống V.Putin đã phát biểu “căn cứ không quân ở Hmeimim và một cơ sở hải quân tại

cảng Tartus sẽ vẫn duy trì hoạt động thường trực. Đây là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia cũng như đảm bảo an ninh của Nga tại một trong những khu vực chiến lược trọng yếu” [Kremlin, 2017d]. Nga muốn duy trì Tartus - căn cứ hải quân duy nhất của Nga ở Địa Trung Hải như điểm tiếp nhận hậu cần, sửa chữa tàu và là đầu cầu hải quân, bảo đảm chuỗi tiếp liệu cho các hoạt động hải quân và góp phần bảo vệ tuyến đường biển chiến lược [Reuter, 2024b].

Sự hiện diện quân sự tại Syria giúp Nga tăng cường năng lực A2/AD (chống tiếp cận/chống xâm nhập) ở phía đông Địa Trung Hải và hạn chế các hoạt động của NATO. Nga triển khai và nâng cấp căn cứ không quân tại Latakia (Hmeimim) được để thực hiện các chiến dịch không kích từ năm 2015, cho phép Nga thực hiện các nhiệm vụ tấn công, trinh sát và hỗ trợ lực lượng mặt đất. Hmeimim cũng cung cấp khả năng ISR (intelligence, surveillance, reconnaissance) và tăng cường năng lực A2/AD (anti-access/area denial) ở phần phía đông Địa Trung Hải [Kangas, 2017]. Hai căn cứ này không chỉ phục vụ mục tiêu quân sự - kỹ thuật nhằm hạn chế các hoạt động của NATO trong khu vực mà còn là biểu tượng của sự hiện diện chiến lược lâu dài của Nga tại Trung Đông.

Năm 2015, Nga đã can thiệp vào cuộc nội chiến Syria để ủng hộ chính phủ Syria. Sự tham gia trực tiếp của Nga vào cuộc chiến được coi là đã xoay chuyển cục diện cuộc chiến theo hướng có lợi cho chính phủ Syria. Nga triển khai quân đội và máy bay chiến đấu tại sân bay Hmeimim (tỉnh Latakia). Ngoài ra, các cố vấn quân sự Nga đóng quân tại Syria đã hỗ trợ quân đội Syria lập kế hoạch chiến sự và kiểm soát quân đội. Hơn nữa, vào năm 2017, Nga và Syria đã ký một thỏa thuận về việc mở rộng và hiện đại hóa cơ sở hải quân thời Liên Xô ở Tartus, một chỗ đứng cho sự hiện diện của hải quân Nga ở khu vực Địa Trung Hải. Thỏa thuận này cho phép tàu chiến Nga tiếp cận vùng biển và cảng của Syria, qua đó góp phần mở rộng sự hiện diện của Nga trong khu vực. Sự can thiệp của Nga đã giúp chính phủ Assad giành lại lãnh thổ từ tay các lực lượng đối lập và các tổ chức khủng bố như IS. Nga đã triển khai không quân và hỗ trợ huấn luyện quân đội Syria, cùng với việc cung cấp vũ khí và trang thiết bị quân sự hiện đại.

Nhằm đạt được các mục tiêu trên, Nga đã sử dụng công cụ ngoại giao nhằm định hình giải pháp chính trị có lợi cho Nga. Trong giai đoạn 2011-2015, Nga hỗ trợ

Assad chủ yếu về chính trị và quân sự gián tiếp: cung cấp vũ khí, cố vấn và dùng quyền phủ quyết tại Liên hợp quốc để bảo vệ chế độ của Assad. Nga nhiều lần phủ quyết các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc lên án chính phủ Syria. Đồng thời, Nga thúc giục chính phủ Assad tiến hành cải cách và đàm phán với phe đối lập ở giai đoạn đầu, nhưng không dùng áp lực mạnh để buộc Assad nhượng bộ. Đỉnh điểm của chiến lược chính trị này là thỏa thuận do Nga làm trung gian năm 2013, thuyết phục Syria tiêu hủy kho vũ khí hóa học để xoa dịu áp lực can thiệp quân sự của Mỹ. Tuy nhiên, khi xung đột leo thang và cán cân nghiêng về phía bất lợi cho chế độ Assad, Nga quyết định can thiệp quân sự trực tiếp từ cuối năm 2015, nhằm cứu vãn tình thế (phân tích chi tiết ở phần quân sự). Từ sau can thiệp, lập trường chính trị của Nga càng cứng rắn. Nga khẳng định người Syria tự quyết định tương lai, bác bỏ yêu cầu phương Tây đòi Assad từ chức [Kremlin, 2011b], đồng thời định hình một tiến trình hòa bình riêng do mình bảo trợ (hội nghị Astana/Sochi) nhằm bảo toàn lợi ích.

Đồng thời, để đạt được các mục tiêu trên, Nga đã sử dụng công cụ quân sự để trở thành nhà bảo trợ, cung cấp vũ khí cho Syria. Trong giai đoạn 2014-2018, Nga cung cấp 88% tổng số vũ khí chính được chuyển giao cho Syria, trong khi trong giai đoạn 2019-2023, Nga là nhà cung cấp duy nhất của quốc gia này, mặc dù xuất khẩu đã giảm 52% so với giai đoạn 2014-2018. Các vũ khí được chuyển giao cho Syria bao gồm xe tăng, xe chiến đấu bộ binh và hệ thống phòng không. Trong giai đoạn 2022-2023, hầu như không có hoạt động chuyển giao nào cho Syria diễn ra [Hussain, 2024]. Đồng thời, Nga sử dụng quyền phủ quyết của mình tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc để ngăn chặn các nghị quyết chống lại Syria. Nga đã cùng với Iran thiết lập các vòng đàm phán Astana (Kazakhstan) nhằm thúc đẩy một giải pháp chính trị cho cuộc xung đột, trong khi vẫn duy trì sự ủng hộ đối với chính quyền Assad. Trong giai đoạn 2009-2013, các đợt chuyển giao vũ khí cho Syria bao gồm 8 hệ thống tên lửa phòng không Buk-M2E và ước tính 33 hệ thống phòng không Pantsir-S1 (SIPRI Arms Transfer). Nga đã phản đối nghị quyết về lệnh cấm vận vũ khí của Liên hợp quốc đối với Syria vào năm 2011 và thay vào đó đã lên kế hoạch chuyển giao thêm, bao gồm 24 máy bay chiến đấu MiG-29M2 và 36 máy bay huấn luyện/chiến đấu Yak-130 [Kuimova, 2019, p.8].

Sự tập trung của Nga vào cuộc chiến với Ukraine đã buộc Nga phải giảm sự hỗ trợ nhất định cho chính quyền Assad từ năm 2022-2024. Sự sụp đổ của chính phủ al-Bashar-Assad (8/12/2024) khiến quan hệ Nga - Syria có nhiều thay đổi. Trước mắt, có thể thấy rằng ảnh hưởng chính trị và ngoại giao của Nga tại Syria đã suy giảm so với thời Assad. Sau khi Tổng thống Bashar al-Assad sụp đổ, ngày 14/12/2024, Nga đã rút quân khỏi tiền tuyến ở miền bắc Syria và khỏi các đồn ở dãy núi Alawite nhưng sẽ không rời khỏi hai căn cứ chính tại nước này [Reuters, 2024]. Ngày 20/3/2025, người phát ngôn Điện Kremlin, ông Dmitry Peskov cho biết Tổng thống Putin đã nhấn mạnh sự ủng hộ của Nga đối với “các nỗ lực nhằm ổn định tình hình đất nước trong thời gian sớm nhất có thể, với mục tiêu bảo vệ chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Syria”. Ngoài ra, ông Peskov cũng cho biết Tổng thống Putin khẳng định Putin khẳng định “Nga tiếp tục sẵn sàng phát triển hợp tác thực tế với giới lãnh đạo Syria về toàn bộ các vấn đề trong chương trình nghị sự song phương nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Nga và Syria” [Reuters, 2025].

3.1.3.2. Mỹ: chi phối Syria thông qua phe đối lập, chống khủng bố tại Syria

Sau các cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 và những nỗ lực của Chính quyền nhằm thúc đẩy dân chủ ở khu vực Trung Đông, các quan chức Mỹ đã lên tiếng chống lại các chế độ độc tài như Syria và thúc đẩy cải cách ở “Trung Đông rộng lớn hơn”. Quan hệ Mỹ - Syria phức tạp kể từ khi Syria bị Mỹ cáo buộc nước này tài trợ cho các nhóm khủng bố như Hamas và Hezbollah. Đây là mối đe dọa đối với an ninh của Mỹ và an ninh của đồng minh Israel.

Mục tiêu chính trị của Mỹ tại Syria là loại bỏ chế độ Assad thông qua duy trì chính sách can dự nhằm hình thành một giải pháp chính trị mới. Do đó, hoàn toàn đối lập với Nga, mục tiêu của Mỹ khi can thiệp vào Syria là để hình thành một giải pháp chính trị cho cuộc xung đột, thúc đẩy sự chuyển đổi chính trị nhằm tạo lập một chế độ mới; chống lại sự mở rộng hơn nữa ảnh hưởng của Iran; đồng thời đảm bảo sự thất bại lâu dài của ISIS. Từ khi cuộc nội chiến Syria bùng nổ vào năm 2011, quan hệ giữa Mỹ và Syria đã trở nên ngày càng căng thẳng. Mỹ đã lên án chính quyền của Tổng thống Bashar al-Assad vì các hành vi vi phạm nhân quyền và hỗ trợ các nhóm đối lập. Mỹ ủng hộ tiến trình do Liên hợp quốc thúc đẩy và do Syria

lãnh đạo Theo Nghị quyết 2254 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Giai đoạn 2011-2013, Mỹ đặt ra mục tiêu là “chuyển đổi chính trị” tại Syria. Ngay từ khi các cuộc biểu tình lan rộng tại Syria, Mỹ đã công khai coi Assad là trở ngại và kêu gọi ông “từ chức” [Obamawhitehouse, 2011a].

Mục tiêu an ninh của Mỹ tại Syria đó là chống khủng bố. Từ năm 2014, trục mục tiêu của Mỹ tại Syria chuyển sang ưu tiên chống khủng bố, tiêu diệt IS, nhưng vẫn gồm hỗ trợ đối lập (phi sát thương), ngoại giao giải pháp chính trị, và viện trợ nhân đạo [Congress, 2019]. Mỹ nhấn mạnh giải pháp theo Nghị quyết 2254 (hiến pháp mới, bầu cử có giám sát Liên hợp quốc) như “khung hợp pháp” để định hình tương lai Syria. Kể từ khi ISIS trỗi dậy vào năm 2014, Mỹ đã hợp tác chặt chẽ với Liên minh toàn cầu chống IS. Liên minh đã đạt được mục tiêu đánh bại lãnh thổ của ISIS tại Syria vào tháng 3/2019. Liên minh vẫn cam kết đánh bại ISIS một cách lâu dài thông qua việc hỗ trợ ổn định các khu vực được giải phóng, tạo điều kiện cho những người phải di dời trở về, tìm ra các giải pháp lâu dài cho các chiến binh ISIS nước ngoài bị giam giữ và thúc đẩy các nỗ lực công lý và giải trình tại Syria và Iraq [US Department of State, 2023].

Sự trỗi dậy của IS giai đoạn 2014 - 2015 tạo ra thách thức an ninh nghiêm trọng với an ninh toàn cầu. IS có khả năng tổ chức tấn công xuyên quốc gia, thu hút chiến binh nước ngoài, trong đó có công dân phương Tây. Ở cấp độ khu vực, IS và các nhánh Al-Qaeda (như Hay'at Tahrir al-Sham) đe dọa trực tiếp đến sự ổn định của Iraq - nơi Mỹ đã đầu tư lớn về quân sự và chính trị và đe dọa đến an ninh của các đối tác then chốt như Jordan và các quốc gia vùng Vịnh. Chiến dịch chống IS cho phép Mỹ tập hợp một liên minh quốc tế rộng lớn, thông qua một mục tiêu chính danh để Mỹ ủng hộ hình ảnh là quốc gia đảm bảo an ninh toàn cầu, đồng thời tạo cơ sở pháp lý và chính trị cho sự hiện diện quân sự tại Syria mà không cần cam kết thay đổi chế độ. Nói cách khác, chống khủng bố là mục tiêu an ninh trực tiếp, nhưng đồng thời là công cụ duy trì vị thế lãnh đạo và tính chính danh của Mỹ trong môi trường cạnh tranh cường quốc.

Từ năm 2011-8/12/2024, chính quyền của Bashar al-Assad, được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nga và Iran, đã thành công trong việc duy trì quyền lực, do đó mối quan hệ giữa Mỹ và Syria rất khó khăn. Khi nội chiến nổ ra, để tập trung vào việc

duy trì ổn định khu vực, Mỹ duy trì một chính sách không can thiệp sâu vào cuộc xung đột ở Syria, nhưng sau đó, khi tình hình trở nên nghiêm trọng hơn, Obama đã bắt đầu cung cấp hỗ trợ cho các lực lượng đối lập ôn hòa. Tổng thống Donald Trump lên nắm quyền vào năm 2017 trong bối cảnh cuộc nội chiến Syria vẫn chưa kết thúc và IS tiếp tục đe dọa an ninh khu vực. Mối quan hệ giữa Mỹ và Syria trở nên căng thẳng hơn khi chính quyền Assad tiếp tục bị cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học, và Iran, đồng minh của Syria, gia tăng ảnh hưởng tại Syria. Mỹ quyết định không kích Syria sau vụ tấn công bằng vũ khí hóa học ở Douma vào năm 2018, lần đầu tiên Mỹ sử dụng lực lượng quân sự trực tiếp chống lại chính quyền Assad. Sau đó, cuối năm 2018, Mỹ rút quân 1 phần quân khỏi Syria.

Mỹ đã sử dụng công cụ kinh tế, áp đặt các lệnh trừng phạt toàn diện nhằm vào chính phủ Syria. Một loạt các điều khoản lập pháp và chỉ thị hành pháp của Mỹ cấm viện trợ trực tiếp cho Syria và hạn chế quan hệ thương mại song phương giữa hai nước, phần lớn là do Bộ Ngoại giao Mỹ chỉ định Syria là nhà tài trợ cho khủng bố quốc tế. Vào ngày 12/12/2003, Tổng thống Bush đã ký Đạo luật Trách nhiệm Giải trình Syria, HR 1828, với tên gọi PL 108-175, áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế bổ sung đối với Syria. Trong những năm gần đây, Mỹ đã chỉ định một số thực thể ở Syria là những quốc gia phổ biến vũ khí và trừng phạt một số công ty Nga vì cáo buộc bán vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) hoặc bán vũ khí tiên tiến cho Syria. Luật phân bổ ngân sách hoạt động nước ngoài hàng năm cũng có các điều khoản chỉ định vài triệu đô la hàng năm cho các chương trình hỗ trợ nền dân chủ ở Syria.

Mỹ duy trì chính sách ngăn chặn sự phục hồi của chính quyền Assad, phản đối các nỗ lực bình thường hóa quan hệ của các nước Ả Rập với Damascus nhằm cô lập ngoại giao Syria bằng việc duy trì các lệnh trừng phạt toàn diện đối với Syria, hạn chế rộng rãi khả năng của công dân Mỹ tham gia vào các giao dịch liên quan đến Chính phủ Syria. Chính phủ Syria và các thực thể liên kết đã phải chịu các lệnh trừng phạt kinh tế của Mỹ theo Đạo luật Trách nhiệm giải trình Syria (ban hành 12/2003) và Đạo luật Caesar (ban hành 12/2019, có hiệu lực 6/2020). Đạo luật này cho phép Mỹ trừng phạt bất cứ các công ty nước ngoài nào tham gia vào các lĩnh vực năng lượng, xây dựng hoặc kỹ thuật của Syria cũng như bất cứ tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính cho chính phủ al-Assad. Mỹ trừng phạt những người tài trợ cho chế

độ, các quan chức, các nhân vật chính phủ cấp cao xung quanh Bashar al-Assad và những bên hỗ trợ họ, và các nhà lãnh đạo quân sự duy trì xung đột và cản trở một giải pháp chính trị hòa bình cho cuộc xung đột theo yêu cầu của Nghị quyết 2254 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc [US Department of State, 2023].

Mặt khác, Mỹ duy trì sự hiện diện quân sự và kiểm soát tài nguyên tại Syria. Thông qua việc can thiệp vào Syria bằng việc chống khủng bố, Mỹ duy trì hiện diện quân sự để kiểm soát các khu vực đông bắc Syria, nhằm trực tiếp khai thác nguồn tài nguyên thiết yếu (dầu mỏ, lúa mì) của chính phủ Syria. Mỹ không chỉ quan tâm đến hiện tại, mà còn hướng đến việc thiết lập một trật tự chính trị hậu chiến ở Syria. Bằng cách duy trì sự hiện diện quân sự tại miền Đông Bắc và tham gia tiến trình đàm phán như Geneva, Mỹ muốn đảm bảo rằng bất kỳ giải pháp chính trị nào cũng phải loại trừ khả năng Assad tiếp tục cầm quyền mà không bị trừng phạt, đồng thời thúc đẩy mô hình Syria hậu chiến thân thiện với phương Tây và dân chủ hơn. Mỹ luôn chủ trương ngăn chặn sự phục hồi hoàn toàn của chính quyền Assad. Dù Mỹ không còn theo đuổi chính sách “Assad phải ra đi” một cách trực diện như những năm đầu xung đột nhưng vẫn duy trì chính sách cô lập chính quyền Assad qua các lệnh trừng phạt (Đạo luật Caesar), ngăn chặn viện trợ tái thiết cho chính quyền Syria, và phản đối các nỗ lực bình thường hóa quan hệ với Assad do một số nước Ả Rập dẫn đầu.

Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ, tính đến tháng 12/2024, có khoảng 2.000 quân lính Mỹ đồn trú tại Syria, tăng so với khoảng 900 quân lính tại Syria trước cuộc tấn công của Hamas vào Israel vào ngày 7/10/2023 [Olay, 2025]. Sự hiện diện quân sự của Mỹ vẫn sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định khu vực và đối phó với các mối đe dọa từ các nhóm khủng bố và các lực lượng có liên quan đến Iran. Sau khi chính quyền Assad bị lật đổ, Mỹ thể hiện sự thận trọng và có điều kiện với chính quyền lâm thời mới của ông Ahmad al-Sharaa. Ngày 18/3/2025, Phó Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ về khu vực Levant, Natasha Franceschi, đã gặp Bộ trưởng Ngoại giao Syria, Asaad al-Shibani, bên lề một hội nghị viện trợ Syria ở Brussels, đã đưa ra các yêu cầu để dỡ bỏ cấm vận với Syria [Reuter, 2025]. Ngày 18/4/2025, Liên minh Syria-Mỹ vì Hòa bình và Thịnh vượng đã tổ chức chuyến thăm cho hai thành viên Quốc hội Mỹ đến Syria, trong đó hai

ngệ sĩ Đảng Cộng hoà này cho rằng tình hình hiện nay là một cơ hội cho Mỹ, và “không muốn Syria rơi vào tay Trung Quốc, hoặc trở lại tay Nga và Iran” [Gebeily M., 2025]. Quá trình tái thiết Syria sẽ còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết trong thời gian tới, trong đó Mỹ sẽ tiếp tục đóng vai trò nhất định tại đây.

Bảng 3.1: So sánh mục tiêu của Mỹ và Nga tại Syria

Mục tiêu	Mục tiêu của Nga	Mục tiêu của Mỹ
An ninh và Quyền lực	- Bảo vệ đồng minh và an ninh quốc gia: Ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền Asad; tiêu diệt các phần tử thánh chiến từ sớm để ngăn chúng quay về đe dọa vùng Caucasus của Nga. - Củng cố quyền lực: Những thắng lợi ở Syria giúp củng cố vị thế quyền lực đối nội của Tổng thống Putin. - Lợi ích kinh tế: Tiếp cận các nguồn tài nguyên hydrocarbon tiềm năng tại Syria.	- Thay đổi chế độ: Lật đổ chính quyền Asad dưới vỏ bọc của cuộc chiến chống khủng bố (ISIS). - Kiểm soát tài nguyên: Duy trì quân đội để trực tiếp kiểm soát, khai thác và xuất khẩu các nguồn tài nguyên thiết yếu (dầu mỏ, lúa mì) ở khu vực đông bắc, tước đoạt nguồn thu của chính phủ Syria.
Ảnh hưởng khu vực Trung Đông	- Mở rộng vành đai quân sự: Thiết lập các căn cứ tại Địa Trung Hải nhằm cân bằng với lực lượng NATO. - Trở thành trọng tài quyền lực: Đóng vai trò trung gian hòa giải không thể thiếu (thông qua tiến trình Astana), giúp kiểm soát và kìm hãm xung đột giữa các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Israel.	- Kiểm chế đối thủ và bảo vệ đồng minh: Phá vỡ “trục kháng chiến” do Iran dẫn dắt, ngăn chặn chiến thắng của Nga - Iran để bảo vệ cán cân quyền lực có lợi cho Mỹ và Israel. - Cản trở công cuộc tái thiết để duy trì Syria ở trạng thái quốc gia bất ổn, không để Nga và Iran thắng thế
Ảnh hưởng Toàn cầu	- Thúc đẩy trật tự “đa cực” - Đánh dấu sự trở lại vị thế cường quốc; thiết lập chuẩn mực cho một thế giới đa cực. - Bảo vệ chuẩn mực chủ quyền: Đề cao nguyên tắc chủ quyền quốc gia, nhằm chống lại chính sách can thiệp, lật đổ của phương Tây.	- Bảo vệ trật tự “đơn cực”, duy trì quyền bá chủ toàn cầu của Mỹ. - Đề cao, lan truyền vấn đề dân chủ, nhân quyền theo quan điểm của Mỹ và phương Tây.

Nguồn: NCS tự tổng hợp

3.2. Công cụ cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria

Trên cơ sở hệ thống lý luận đã xây dựng tại Chương 2, việc phân tích thực tiễn cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria, được triển khai dựa trên logic của Chủ nghĩa Hiện thực. Trong môi trường quốc tế vô chính phủ, Syria không chỉ là một thực địa xung đột mà còn là mắt xích cốt lõi để các cường quốc thực hiện hành vi tìm kiếm quyền lực và đảm bảo an ninh quốc gia. Theo đó, sự can thiệp của Nga và Mỹ tại đây không phải là những hành động đơn lẻ, mà là hệ quả tất yếu của tình trạng lưỡng nan về an ninh, nơi mỗi bước đi chiến lược của bên này đều được bên kia nhìn nhận như một mối đe dọa trực tiếp đến vị thế và lợi ích của mình. Vận dụng Khung phân tích của Mazarr và các cộng sự (RAND), phần thực tiễn cạnh tranh được phân tích xuyên suốt thông qua việc đối chiếu thực tiễn với các mục tiêu về vị thế, uy tín quốc tế - những yếu tố phi vật chất mà Chủ nghĩa Hiện thực truyền thống chưa bao quát hết. Sự gắn kết này giúp luận án chỉ ra mục tiêu và công cụ cạnh tranh. Cụ thể, thực tiễn cạnh tranh trong giai đoạn 2011-2024 sẽ được phân tích suốt qua ba công cụ đã được định hình trong khung phân tích. Về chính trị - ngoại giao, phân tích nỗ lực định hình cấu trúc chính trị khu vực và cuộc đối đầu giữa các mô hình trật tự thế giới (đơn cực của Mỹ đối trọng với đa cực của Nga). Về kinh tế, luận án làm rõ cuộc cạnh tranh kiểm soát tài nguyên chiến lược, thị trường vũ khí và việc sử dụng các lệnh trừng phạt kinh tế như một công cụ răn đe. Về quân sự, phân tích các hình thức can thiệp trực tiếp, gián tiếp nhằm thay đổi cán cân quyền lực trên thực địa.

3.2.1. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về chính trị

3.2.1.1. Chính sách đối lập của Nga và Mỹ với chính phủ Bashar al-Assad

Về phía Mỹ

Từ khi cuộc nội chiến Syria bùng nổ, Nga và Mỹ thể hiện sự đối lập trong quan điểm, mục tiêu, chính sách với chính phủ Bashar al-Assad. Mỹ kêu gọi ông Assad trong khi Nga kêu gọi các bên kiềm chế xung đột và ủng hộ chế độ của ông Assad. Diễn ngôn chính thức và tuyên bố chính trị của Mỹ và Nga liên quan đến vấn đề Syria thể hiện sự mâu thuẫn của hai cường quốc xung quanh cùng một vấn đề. Xuất phát từ sự khác biệt về quan điểm nên Mỹ và Nga đã có những phản ứng và phát ngôn chính thức hoàn toàn đối lập nhau, đáp trả nhau liên quan đến các nội

dung giải quyết vấn đề Syria. Ở cấp độ quốc tế, các tuyên bố của Mỹ đưa ra thể hiện việc Mỹ lên án cuộc xung đột tại Syria và chỉ trích các hành động của Assad cũng như yêu cầu chế độ Syria nhanh chóng thực hiện các cải cách chính trị. Trong giai đoạn đầu nổ ra nội chiến Mỹ thận trọng khi can thiệp vào Syria, nhưng nhất quán xuyên suốt từ năm 2011 đến năm 2024, Mỹ đã thể hiện sự phản đối với chính quyền của ông Assad, yêu cầu ông Assad phải ra đi. Thời kỳ đầu Barak Obama nắm quyền (2011-2017), Mỹ đã thể hiện lập trường rõ ràng trong việc ủng hộ phe đối lập Syria nhằm thay đổi chế độ của Tổng thống Bashar al-Assad. Sự do dự trong quyết định can thiệp bằng biện pháp quân sự của Mỹ vào Syria trong giai đoạn này liên quan đến việc cáo buộc chính quyền Assad sử dụng vũ khí hoá học đã trở thành cơ hội để Nga nâng cao vai trò tại Syria.

Năm tháng sau khi các cuộc biểu tình nổ ra tại Syria, ngày 18/8/2011, lần đầu tiên Tổng thống Obama kêu gọi Tổng thống Syria Bashar al-Assad từ chức. Obama tuyên bố: “Tương lai của Syria phải do người dân Syria quyết định, nhưng Tổng thống Bashar al-Assad đang cản trở họ. Đã đến lúc Tổng thống Assad phải từ chức vì lợi ích của người dân Syria” [Obamawhitehouse a, 2011]. Chính quyền Obama đã áp đặt các biện pháp trừng phạt và cung cấp hỗ trợ phi sát thương cho các nhóm đối lập Obama cũng đã ban hành lệnh hành pháp ngay lập tức đóng băng tất cả tài sản của chính phủ Syria thuộc quyền tài phán của Mỹ và cấm người Mỹ tham gia vào bất kỳ giao dịch nào liên quan đến chính phủ. Đó là Sắc lệnh hành pháp 13572 (ngày 29/4/2011), Sắc lệnh hành pháp 13573 (ngày 18/5/2011) và Sắc lệnh hành pháp 13582 (ngày 18/8/2011) [Obamawhitehouse b, 2011].

Trước đó, các quan chức Mỹ đã nhiều lần lên án cuộc đàn áp ở Syria và tuyên bố rằng Assad đã mất “tính hợp pháp” để cai trị [NBCNews, 2011]. Lãnh đạo cấp cao của các nước phương Tây là Anh, Pháp, Đức đã cùng quan điểm kêu gọi ông Assad từ chức, cho rằng Assad nên “đổi mặt với thực tế là người dân Syria hoàn toàn bác bỏ chế độ của ông” [Reuters, 2011]. Mỹ mong muốn Assad ra đi và nhấn mạnh rằng một chế độ mới tại Syria sẽ không do Assad lãnh đạo. Mạnh mẽ hơn, Mỹ đe dọa sẽ tấn công quân sự vào Syria trong trường hợp quân đội Syria sử dụng vũ khí hóa học. Kéo theo đó, tháng 11-2011, Liên đoàn Ả rập đã đình chỉ tư cách thành viên của Syria. Ngày 6-2-2012, Đại sứ quán Mỹ tại Syria đã đình chỉ

hoạt động và không mở cửa cho các dịch vụ lãnh sự thông thường. Sau khi tình hình bạo động, bất ổn tại Syria diễn ra gần 2 năm, đến tháng 8 năm 2013, Tổng thống Obama vẫn phát biểu: “Tổng thống Assad phải ra đi, và ông ấy cần phải chuyển giao quyền lực cho một chính quyền mới. Đó là cách duy nhất để giải quyết cuộc khủng hoảng của Syria” [Obamawhitehouse, 2013].

Sau đó, từ năm 2017 đến năm 2021, chính quyền Trump có một lập trường mạnh mẽ hơn trong việc phản ứng với các hành động tội ác của Assad, đặc biệt là sau các vụ tấn công hóa học. Tuy nhiên, Trump cũng quyết định rút quân khỏi Syria, điều này làm giảm sự can thiệp quân sự của Mỹ trong khu vực. Sau vụ tấn công vũ khí hóa học ở Khan Shaykhun vào tháng 4/ 2017, ông Trump đã ra lệnh tấn công tên lửa nhằm vào căn cứ không quân Shayrat của Syria, gọi đây là hành động “không thể dung thứ”. Ông cũng tuyên bố: “Chế độ Assad phải trả giá cho những hành động tội ác của mình” [White House, 2017]. Trump “ra lệnh cho Lực lượng vũ trang Mỹ tiến hành 58 cuộc tấn công bằng tên lửa vào các mục tiêu liên quan đến năng lực vũ khí hóa học của nhà độc tài Syria Bashar al-Assad nhằm phá hủy 20% không quân Syria” nhằm “thiết lập một biện pháp răn đe mạnh mẽ chống lại việc sản xuất, phát tán và sử dụng vũ khí hóa học” [Trump Whitehouse, 2018]. Tuy nhiên, vào tháng 12/2018, ông Trump tuyên bố rút quân khỏi Syria sau khi đánh bại IS [New York Times, 2018], gây lo ngại về sự can thiệp của Nga và Iran.

Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Joe Biden (2021-2024), Mỹ tiếp tục duy trì lập trường phản đối Assad. Từ khi lên nắm quyền vào năm 2021, Biden đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ không bình thường hóa quan hệ với Syria cho đến khi chính quyền Assad đáp ứng các tiêu chí về nhân quyền và một giải pháp chính trị toàn diện. Mỹ tiếp tục coi chế độ của Assad là chế độ tội ác và vẫn duy trì các biện pháp trừng phạt đối với chính quyền Syria, đặc biệt là những lãnh đạo và quan chức cấp cao của Assad, liên quan đến các vụ tấn công vũ khí hóa học và các vi phạm nhân quyền nghiêm trọng. Ngày 8/5/2024, Liên đoàn Ả rập khôi phục tư cách thành viên cho Syria thì Mỹ vẫn không đồng tình với quyết định này và cho rằng Syria không đủ tư cách là thành viên của tổ chức này. Cùng quan điểm với Mỹ, thành viên Liên đoàn Ả rập là Qatar cũng phản đối vấn đề này. Như vậy, có thể thấy rằng ngay từ khi cuộc xung đột Syria bắt đầu cho đến hiện nay khi nội chiến Syria chưa được giải

quyết, Mỹ không ủng hộ chính quyền Syria và mong muốn thay thế chính quyền mới dân chủ hơn tại quốc gia này. Ngày 8 tháng 12 năm 2024, ông Biden cho rằng sự sụp đổ của chính quyền Assad là “một hành động công lý cơ bản” sau nhiều thập kỷ đàn áp. Đây là thời điểm cơ hội lịch sử cho người dân Syria đau khổ lâu dài để xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Mỹ sẽ tiếp tục thực hiện các mục tiêu tại Syria trong quá trình chuyển tiếp phức tạp này [Bidenwhitehouse, 2024]. Tuy nhiên, một số nhà phân tích cho rằng chính sách của Mỹ đã góp phần tạo điều kiện cho phe đối lập lật đổ chính quyền Assad.

Về phía Nga

Ngược lại, sau khi khủng hoảng Syria nổ ra, Nga kêu gọi các bên kiềm chế, cáo buộc phe đối lập vũ trang hóa khiến tình hình xung đột leo thang. Cuộc xung đột vũ trang biến thành cuộc chiến tranh thực sự khiến tình hình chiến sự leo thang cả nước, đặc biệt là chiến sự ác liệt ở Damascus và Apeplo. Khi hai bên đều bị tổn thất nặng nề, quân chính phủ thất thế, mất cứ điểm không quân và kho vũ khí quan trọng; quân nổi dậy tiến sâu vào Damascus thì Nga và một số nước đã giúp đỡ quân chính phủ để bảo vệ chính quyền Syria. Quan điểm và chính sách xuyên suốt của Nga với Syria từ 2011 đến 2024 (trước khi chính quyền Assad sụp đổ) là ủng hộ và hỗ trợ để duy trì sự tồn tại của chính quyền Assad.

Sau khi nội chiến bùng phát, vào tháng 6 năm 2011, Bộ trưởng Ngoại giao Nga Sergey Lavrov đã phát biểu tại một cuộc họp báo, nhấn mạnh rằng Nga phản đối việc can thiệp quân sự vào Syria [MID, 2011]. Trước khi thực hiện can thiệp quân sự vào Syria, Khái niệm Chính sách Đối ngoại của Liên bang Nga năm 2013, Nga đã nhấn mạnh: “Nga coi việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Syria là một phần quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia” [Kremlin, 2013]. Trong bài phát biểu tại Đại hội đồng Liên hợp quốc (28/9/2015), Tổng thống Putin đã nhấn mạnh rằng việc từ chối hợp tác với chính quyền hợp pháp của Syria trong cuộc chiến chống khủng bố là một “sai lầm to lớn”. Ông kêu gọi cộng đồng quốc tế hợp tác với chính phủ Syria để đối phó với mối đe dọa từ các nhóm khủng bố như IS [Washington Post, 2015].

Khái niệm Chính sách đối ngoại 2016 đã khẳng định: “Nga ủng hộ một giải pháp chính trị ở Cộng hòa Ả Rập Syria và khả năng người dân Syria quyết định

tương lai của họ dựa trên thông cáo Geneva ngày 30/6/2012, các tuyên bố của Nhóm Hỗ trợ Quốc tế Syria và các nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Nga ủng hộ sự thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Cộng hòa Ả Rập Syria với tư cách là một Nhà nước thế tục, dân chủ và đa nguyên với tất cả các nhóm dân tộc và tôn giáo sống trong hòa bình, an ninh và được hưởng các quyền và cơ hội bình đẳng” [Kremlin, 2016]. Trong Khái niệm Chính sách đối ngoại 2016, Nga cũng đề cập đến cuộc khủng hoảng Syria và hướng tới giải pháp cho vấn đề này. Nó nhấn mạnh rằng Nga ủng hộ một “giải pháp chính trị” ở Syria và “khả năng người dân Syria quyết định tương lai của họ dựa trên thông cáo Geneva ngày 30/6/2012” [Kremlin, 2016]. Trong Khái niệm Chính sách đối ngoại năm 2023, Nga tiếp tục khẳng định sẽ “cung cấp hỗ trợ toàn diện cho Cộng hòa Ả Rập Syria” [Kremlin, 2023].

Một trong những sự kiện cho thấy sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ trong xử lý vấn đề Syria đó là việc Syria bị Mỹ cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học làm hơn 1.4000 người chết vào ngày 21-8-2013. Cuộc khủng hoảng vũ khí hóa học tại Syria này khiến Obama nỗ lực vận động Quốc hội Mỹ ủng hộ việc tấn công các mục tiêu ở Syria. Tại một cuộc họp báo ở London vào ngày 9 tháng 9 năm 2013, John Kerry đã đưa ra nhận xét bất ngờ: nếu Assad đặt kho vũ khí hóa học của mình dưới sự kiểm soát quốc tế “không chậm trễ”, thì Mỹ sẽ không tấn công [Mohammed A., 2013]. Ngay lập tức, Nga đưa ra một đề xuất rằng Syria sẽ đồng ý dỡ bỏ chương trình vũ khí hóa học và cho phép quốc tế giám sát, đổi lại Mỹ sẽ không tiến hành các cuộc tấn công quân sự. Mỹ nhấn mạnh sẽ dừng kế hoạch tấn công quân sự nếu Syria thực sự giao nộp vũ khí hóa học cho quốc tế, nhưng Obama vẫn ra lệnh cho Quân đội Mỹ duy trì sự sẵn sàng để gây áp lực lên Syria khi những giải pháp ngoại giao thất bại.

Mặc dù ngay từ đầu khi cuộc bạo động tại Syria nổ ra vào năm 2011, Mỹ không muốn trực tiếp đem quân đến Syria để ngăn không bị lún sâu vào cuộc chiến tranh tốn kém như cuộc chiến tranh ở Afghanistan và Iraq; nhưng sự việc này dẫn đến việc Mỹ đã sẵn sàng sử dụng quân đội tại đây. Mỹ trước đó từng nói việc chính quyền sử dụng vũ khí hóa học là “ranh giới đỏ”, có thể dẫn tới việc Mỹ can thiệp quân sự vào Syria [Obamawhitehouse, 2012]. Tuy nhiên, vai trò của Nga đã khiến

cho tình hình được giải quyết khi Nga đưa ra sáng kiến đề xuất rằng Syria sẽ bàn giao vũ khí hóa học cho quốc tế kiểm soát và Nga sẽ giám sát công tác này. Có thể nói, lập trường của Nga về việc loại bỏ vũ khí hóa học đã thắng thế, Mỹ để đã thể hiện rõ sự do dự của mình trong phản ứng với Syria ngay từ đầu cuộc khủng hoảng. Syria tránh được các cuộc tấn công quân sự và Nga đóng vai trò ngoại giao quan trọng trong cuộc xung đột ở Syria, ngang hàng với Mỹ.

Bên lề kỳ họp Đại Hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 70, ngày 29-9-2015, tại New York, cuộc gặp thượng đỉnh song phương giữa Obama và Putin diễn ra. Mỹ nhận định rằng Nga cố tình đánh lạc hướng khi nói về cuộc chiến chống Nhà nước Hồi giáo và đàm phán để ông Assad ra đi, đồng thời lên kế hoạch cho chiến dịch không kích để hỗ trợ cuộc tấn công của ông Assad chống lại phe đối lập không phải Nhà nước Hồi giáo. Obama từ chối chấp nhận Assad là đồng minh chống lại Nhà nước Hồi giáo và Obama né tránh cuộc chiến. Nga ám chỉ rằng họ sẽ tăng cường sức mạnh quân sự cho Assad để ngăn chặn sự sụp đổ của nhà nước. Đến giai đoạn này, Nga đã có được vai trò chủ động trong việc giải quyết vấn đề Syria trên cả thực địa và bàn đàm phán; ngược lại Mỹ đã do dự và đã không thể là nhân tố then chốt trong xử lý cuộc khủng hoảng Syria.

Tuy nhiên, tình hình trên chiến trường Syria diễn biến không ngừng và khiến cho tình hình quan hệ Nga-Mỹ tiếp tục phức tạp và căng thẳng xung quanh vấn đề Syria. Ngày 4/4/2017, Mỹ đã cáo buộc chế độ Syria tiến hành một tấn công bằng không khí hóa học vào thị trấn Khan Shaykhun. Tổng thống Donald Trump tuyên bố rằng chế độ của ông Assad đã vượt qua mọi “lằn ranh đỏ” và lập trường của ông đối với Syria đã thay đổi sau cuộc tấn công này [Garamone J., 2017]. Donald Trump nhấn mạnh lập trường của mình với cuộc khủng hoảng Syria, thậm chí còn vượt qua cả người tiền nhiệm Barack Obama. Trump ra lệnh tấn công Căn cứ không quân Shayrat ở phía đông Homs, đó là dưới sự kiểm soát của lực lượng chính phủ Syria với tên lửa Tomahawk [Garamone J., 2017]. Chính sách mới của Trump khiến việc hợp tác giữa Nga và Mỹ liên quan đến vấn đề Syria trở nên khó khăn hơn, đặc biệt là khi Nhà Trắng không thông báo trước cho Nga về việc thực hiện các cuộc tấn công này.

Ngày 20-11-2017, lực lượng quân đội Syria giành lại thành phố Dier ez Zor và lực lượng được Mỹ hậu thuẫn giải phóng Raqqa. Quân đội Syria giải phóng

thành phố al-Bukamal - thành trì cuối cùng của IS. Đây là thành phố đầu tiên của IS ở Syria và cũng là thành phố đầu tiên của IS, không có 1 nhóm nào dám chiếm thành phố này sau khi IS kiểm soát. Mất cứ địa cuối cùng này coi như lời cáo chung của IS. Toàn bộ lãnh thổ Syria đã được giải phóng khỏi IS. Chính phủ Syria đã làm chủ trên chiến trường và đây là bước ngoặt lớn trên thực địa. Ngày 21-11-2017, Tổng thống Syria đến gặp Tổng thống Putin tại điện Kremlin là một bước ngoặt ngoại giao lớn cho vấn đề Syria. Tổng thống Putin bày tỏ quan điểm trong cuộc gặp với ông Assad: “Nga đang tích cực làm việc với các quốc gia khác như Iraq, Mỹ, Ai Cập, Ả Rập Saudi, Jordan. Chúng tôi thường xuyên liên lạc với các nước này” [Kremlin, 2017a]. Tổng thống Assad cho rằng sự hỗ trợ của các lực lượng Không quân Nga là chìa khóa để giải quyết cuộc xung đột ở Syria. Ông Assad cũng nói thêm Syria sẵn sàng đối thoại với bất cứ bên nào quan tâm về thỏa thuận chính trị tại Syria. Putin nhấn mạnh rằng vấn đề quan trọng nhất sau khi đánh bại khủng bố là phải tìm kiếm giải pháp hòa bình dài hạn cho tình hình ở Syria. Putin cũng bày tỏ mong muốn lắng nghe những đánh giá của Tổng thống Syria về tình hình hiện nay và triển vọng trong tương lai. Assad hi vọng rằng Nga đạt được những gì mà Nga đã tuyên bố từ đầu cuộc khủng hoảng. Đó là không cho phép sự can thiệp của nước ngoài vào công cuộc chính trị ở Syria, mà chỉ cho phép sự ủng hộ từ xa. Trong cuộc hội đàm, Tổng thống Putin nói Nga sắp chấm dứt hoạt động quân sự ở Syria [Kremlin, 2017a].

3.2.1.2. Quan điểm khác biệt của Nga và Mỹ về tiến trình chính trị của Syria

Mỹ và Nga có quan điểm, mục tiêu khác biệt về tiến trình chính trị cũng như kế hoạch tái khôi phục Syria, hạt nhân xoay quanh “số phận” của ông Bashar-al Assad. Bên lề Hội nghị thượng đỉnh APEC diễn ra tại Việt Nam tháng 11/2017, các nhà lãnh đạo Nga và Mỹ đã ra Tuyên bố chung về tiến trình hòa bình tại Syria. Hai nhà lãnh đạo khẳng định sẽ tiến hành các bước đi cần thiết bao gồm việc thực hiện đầy đủ Nghị quyết 2254 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc như cải cách Hiến pháp, tiến hành bầu cử tự do và bình đẳng tại Syria dưới sự giám sát của Liên hợp quốc vì sự toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất và độc lập của Syria [Kremlin, 2017b]...

Sau hai năm can thiệp quân sự vào Syria, Nga đã giúp chính quyền Tổng thống Assad giải phóng hơn 87% lãnh thổ do IS chiếm đóng [Jones, 2019]. Có thể nói rằng lực lượng quân đội Nga đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cứu

Syria khỏi IS. Sau khi hỗ trợ quân đội Chính phủ Syria giành thắng lợi hoàn toàn trước IS, Tổng Tư lệnh Các lực lượng vũ trang Nga, Tổng thống Vladimir Putin đã đích thân bay đến căn cứ quân sự Hmeimim hạ lệnh bắt đầu rút quân khỏi Syria; đồng thời tuyên bố nhiệm vụ chống lại các nhóm khủng bố vũ trang ở Syria nhìn chung đã được giải quyết [Kremlin, 2017c]. Mỹ vẫn tiếp tục duy trì quân đội tại Syria sau khi đánh bại IS. Lực lượng quân sự Mỹ có mặt thường trực tại Bắc Syria sẽ hỗ trợ Lực lượng Dân chủ Syria (Syrian Democratic Forces - SDF) - lực lượng của người Kurd, buộc Tổng thống Assad phải nhượng bộ ngồi vào bàn đàm phán tại Geneva dưới sự giám sát của Liên hợp quốc. Như vậy, những toan tính chiến lược khác nhau đã khiến việc hợp tác chống IS giữa Nga và Mỹ tại Syria gặp nhiều trục trặc và trở ngại. Ngày 19/12/2024, Bộ Quốc phòng Mỹ tuyên bố Mỹ có khoảng 2.000 binh sĩ tại Syria có nhiệm vụ đào tạo và cố vấn cho các lực lượng đối lập Syria [DOD, 2024].

Việc Nga can thiệp vào Syria nằm trong tổng thể mục tiêu đối ngoại của Nga nhằm hướng đến một trật tự thế giới đa cực, phản đối những hành động đơn phương của Mỹ và chứng tỏ Nga là một bên không thể bỏ qua trong giải quyết các vấn đề quốc tế. Do đó, khác với sự do dự của Mỹ, Nga có những chiến lược quân sự kết hợp với ngoại giao sát thực và hiệu quả tại Syria. Sau khi Nga can thiệp quân sự vào Syria, một sáng kiến đàm phán hòa bình khác đã bắt đầu ở Vienna, với sự tham gia của Mỹ, Nga, Saudi Arabia, Thổ Nhĩ Kỳ và các đại diện. Với sự kiên quyết của Nga, Iran được đưa vào tư cách thành viên của sáng kiến này. Nghị quyết 2245 về Syria ngày 18-12-2015 được thông qua, thay thế cho Thông cáo Geneva về Syria năm 2012. Nghị quyết kêu gọi ngừng bắn và đưa ra lộ trình 06 tháng để thành lập một chính phủ chuyển tiếp và thống nhất ở Syria, và 18 tháng để xây dựng hiến pháp mới và bầu cử dân chủ [UNSC, 2015]. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng bỏ ngỏ không nói đến tương lai của Tổng thống Assad, không có gì ngăn cản Assad tham gia vào cả chính phủ chuyển tiếp và các cuộc bầu cử. Tổng thống Assad đã lãnh đạo Syria và là đại diện của chính phủ Syria từ năm 2011 đến hết 8-12-2024 (sau khi bị lực lượng đối lập lật đổ).

Nghị quyết 2245 không nhắc đến phán quyết với ông Assad nên được thông qua mà không bị Nga phủ quyết. Mặc dù ngay sau khi Nghị quyết được thông qua,

chính phủ Assad đã vi phạm lệnh ngừng bắn, song cho đến hiện nay, đây vẫn là Nghị quyết mang tính đồng thuận quốc tế cao nhất để giải quyết vấn đề Syria giữa các bên tham gia nội chiến. Mặc dù vậy, việc nhìn nhận và cách thức thực hiện Nghị quyết vẫn thể hiện sự mâu thuẫn giữa các bên; đây cũng là lý do khiến bài toán Syria chưa tìm được lời giải. Điều này có thể thấy rõ ràng trong phát ngôn, nhận xét, giải thích của ngoại trưởng Nga, Mỹ và đại diện các nước phương Tây sau khi Nghị quyết được thông qua. Ngoại trưởng Mỹ nhân mạnh tội lỗi của Assad cho rằng Assad đã mất khả năng và uy tín để đoàn kết đất nước Syria. Ngược lại, Nga cho rằng việc thông qua nghị quyết là một phản ứng đối với nỗ lực áp đặt một giải pháp bên ngoài đối với Syria, như quan điểm từ đầu cuộc khủng hoảng Syria nổ ra, đó là do có sự can thiệp từ bên ngoài. Những nỗ lực ngoại giao do Liên hợp quốc hỗ trợ, các Hội nghị Geneva về Syria chưa tìm ra giải pháp chính trị nào thỏa mãn được mong muốn và lợi ích của các bên tham gia. Tháng 1 năm 2016, các cuộc đàm phán ở Geneva III đã diễn ra nhưng một lần nữa không đạt được kết quả thực chất nào và phe đối lập không đồng ý với các điều khoản do chính phủ Assad đưa ra.

Đến tháng 6/2018, Hội đồng Dân chủ Syria (SDC) tuyên bố sẵn sàng “đàm phán vô điều kiện” với chế độ Assad. Những khu vực này nhằm mục đích duy trì hoạt động quân sự ở một số khu vực nhất định ở mức thấp cho đến khi Nga và chế độ Assad chuẩn bị tấn công chúng. Theo thời gian, chế độ Assad, với sự hỗ trợ của Nga, đã tấn công và tái chiếm phần lớn các khu vực giảm căng thẳng. Mục đích thực sự của những khu vực này có lẽ là làm suy yếu phe đối lập Assad. Trong bối cảnh các cuộc gặp ngoại giao, việc chấm dứt chiến sự đã diễn ra ở Syria. Nhưng khi Mỹ và Nga đứng ra làm trung gian cho lệnh ngừng bắn, thì chính Nga đóng vai trò là người bảo lãnh cho họ, trong khi Assad thường vi phạm tất cả các điều khoản. Mặc dù hiện nay tình hình Syria vẫn chưa được giải quyết, song những nỗ lực ngoại giao của Nga cho thấy vai trò và vị thế quan trọng của Nga trong cuộc nội chiến Syria, và vai trò này đã lấn át Mỹ.

Có thể thấy, Nga hỗ trợ việc tái thiết Syria ngay cả khi không có điều kiện rõ ràng về tiến trình chính trị. Nga có lập trường cần phải tập trung vào việc khôi phục đất nước, cung cấp sự trợ giúp nhân đạo, tái thiết cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế. Nga đã kêu gọi sự tham gia của các công ty và quốc gia, đặc

biệt là từ các đồng minh như Iran, Trung Quốc và các quốc gia khác có lợi ích kinh tế tại Syria, để đầu tư vào tái thiết Syria. Trong khi đó, Mỹ đặt ra các điều kiện nghiêm ngặt cho việc tái thiết Syria. Mỹ yêu cầu Syria phải có một tiến trình chính trị thực sự, bao gồm các cuộc đàm phán và một giải pháp chính trị có sự tham gia của tất cả các bên, bao gồm cả các lực lượng đối lập. Mỹ cũng cho rằng không nên thực hiện tái thiết cho đến khi có những cải cách thực sự, như việc thay thế Assad và thành lập một chính phủ đại diện cho tất cả người dân Syria. Sau khi chính quyền Assad sụp đổ, Nga cùng với Thổ Nhĩ Kỳ và Iran đã nhất trí rằng định dạng Astana có thể đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển tiếp hiện nay ở Syria.

3.2.2. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về ngoại giao

3.2.2.1. Bất đồng Nga, Mỹ trong quan điểm, cách thức giải quyết vấn đề Syria tại các diễn đàn quốc tế

Ngày 17/6/2013, tại Hội nghị thượng đỉnh G8, Putin và Obama có cuộc hội đàm liên quan đến vấn đề Syria, trong đó Tổng thống Obama nói rằng hai bên “có những quan điểm khác biệt” [Kremlin, 2013]. Mỹ tuyên bố với các nước G8 sẽ đề xuất một gói cứu trợ 300 triệu USD cho người tị nạn ở trong và ngoài Syria. Tính đến thời điểm đó, Mỹ đã viện trợ 800 triệu USD cho người tị nạn Syria, bao gồm lương thực, nước uống, vật liệu xây dựng. Mặt khác, Putin cho biết Nga và Mỹ vẫn bất đồng về cách thức chấm dứt xung đột Syria, song đều muốn ngăn chặn tình trạng đổ máu và đưa các bên vào bàn đàm phán: “Lập trường của chúng tôi không hoàn toàn giống nhau, song cũng có chung mục tiêu nhằm chấm dứt tình trạng bạo lực, ngăn số lượng nạn nhân gia tăng tại Syria, giải quyết các vấn đề bằng biện pháp hòa bình, trong đó gồm cả các cuộc đàm phán Geneva” [Kremlin, 2013].

Sự bất đồng sâu sắc trong quan điểm xử lý vấn đề Syria được thể hiện qua sự “đấu khẩu” giữa Nga và Mỹ vào 29/9/2015, tại phiên họp thứ 70 của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Putin đã có bài phát biểu 30 phút trong đó nhấn mạnh quan điểm của Nga về: Chính quyền Syria và lực lượng chính phủ đang anh dũng chiến đấu chống lại bọn khủng bố trên thực địa... lực lượng chính phủ của Tổng thống Assad và lực lượng dân quân người Kurd là lực lượng duy nhất thực sự chiến đấu chống lại bọn khủng bố ở Syria [Kremlin, 2015b]. Ngược lại, Obama cũng đã thể hiện sự đối lập trong quan điểm của Mỹ khi phát biểu tại phiên họp này khi khẳng định: cần

phải chuyển đổi chính phủ từ Assad sang một nhà lãnh đạo mới để chấm dứt tình trạng hỗn loạn này tại Syria [Obamawhitehouse, 2015]. Sự căng thẳng hai bên lên tới đỉnh điểm khi phía Nga đưa ra những tuyên bố cứng rắn trước đe dọa của Ngoại trưởng Mỹ John Kerry rằng sẽ tăng cường các lệnh trừng phạt mới đối với Nga nhằm gây sức ép lên Nga trong việc tìm kiếm một giải pháp chính trị cho cuộc khủng hoảng Syria [New York Times, 2015]. Quan hệ giữa Nga và Mỹ đã xấu đi sau khi thỏa thuận ngừng bắn ở Syria được nhất trí tháng 9/2016 bị đổ vỡ và sự căng thẳng từng bước “leo” lên những nấc thang mới.

Nga và Mỹ ngày 16/11/2017 đã có những phản ứng trái chiều gay gắt về vấn đề Syria tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc xoay quanh việc gia hạn cho Cơ chế Điều tra Chung (JIM) của Liên hợp quốc trong việc điều tra vụ tấn công hóa học tại thị trấn Khan Sheikhoung Syria ngày 4/4/2017, hết hạn vào ngày 17/11/2017 [UN, 2017]. Theo JIM, chính phủ Assad phải chịu trách nhiệm cho vụ tấn công ở thị trấn Khan Sheikhoung. Mỹ chỉ trích chính quyền Assad gay gắt nhất vụ tấn công Khan Sheikhoung, Donald Trump đã cho phóng hàng chục tên lửa hành trình xuống căn cứ quân sự của Syria. Ngược lại, Nga và Syria tố cáo rằng đó chỉ là cái cớ để Mỹ loại bỏ chính quyền Assad. Do vậy, Nga đã bỏ phiếu phủ quyết dự thảo nghị quyết của Mỹ về việc gia hạn sứ mệnh của Cơ chế điều tra chung Liên hợp quốc về vũ khí hóa học tại Syria. Đây là lần thứ 10 Nga sử dụng lá phiếu phủ quyết của mình tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về Syria, kể từ khi cuộc chiến bắt đầu vào năm 2011.

Khi Mỹ và các nước đồng minh đưa ra Dự thảo Nghị quyết về việc xóa bỏ chế độ Assad thì Nga sẽ sử dụng quyền phủ quyết để không cho Nghị quyết thông qua. Ngoài ra, Nga cũng phủ quyết các Nghị quyết cho phép viện trợ nhân đạo vào Syria. Theo Thống kê của Liên hợp quốc, từ khi bắt đầu cuộc xung đột ở Syria vào năm 2011 đến năm 2024, Nga đã phủ quyết 19 nghị quyết của Hội đồng Bảo an về Syria. Mỹ lên án và chỉ trích rằng Nga tìm cách “che chắn cho chế độ Assad khỏi trách nhiệm giải trình về những vi phạm nhân quyền tàn bạo và việc sử dụng vũ khí hóa học. Nga không chỉ làm suy yếu công việc của Hội đồng Bảo an về Syria theo những cách khác mà còn đang củng cố vị thế của chế độ yếu kém trong cộng đồng quốc tế và ngăn cản công tác của các tổ chức nhân đạo” [USUN, 2022]. Việc các nước Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sử dụng quyền phủ

quyết để ngăn cản Hội đồng Bảo an ra các Nghị quyết có lợi ích đi ngược lại với một thành viên P5 là một trong những cơ chế cho thấy sự kiềm chế, ngăn ngừa, cạnh tranh lẫn nhau giữa các cường quốc. Xuất phát từ yêu cầu đảm bảo hoà bình an ninh thế giới nên cơ chế này đã hạn chế các hành động đơn phương nước lớn, song cũng là một trong những hạn chế đang làm suy yếu vai trò của Hội đồng Bảo an trong mục tiêu bảo đảm an ninh toàn cầu. Từ đó có thể thấy Nga đang làm xói mòn trật tự toàn cầu do Mỹ dẫn đầu không chỉ về mặt quân sự, mà còn trên mặt trận chính trị và ngoại giao.

Bảng 3.2: Thống kê Nga phủ quyết Dự thảo nghị quyết của HĐBA Liên hợp quốc về vấn đề Syria từ năm 2011-2024

STT	Thời gian	Dự thảo	Tài liệu lưu trữ	Mục chương trình nghị sự	Thành viên bỏ phiếu chống
1	04/10/2011	<u>S/2011/612</u>	<u>S/PV.6627</u>	Trung Đông - Syria	Trung Quốc Liên bang Nga
2	04/2/2012	<u>S/2012/77</u>	<u>S/PV.6711</u>	Trung Đông - Syria	Trung Quốc Liên bang Nga
3	19/7/2012	<u>S/2012/538</u>	<u>S/PV.6810</u>	Trung Đông - Syria	Trung Quốc Liên bang Nga
4	22/5/2014	<u>S/2014/348</u>	<u>S/PV.7180</u>	Trung Đông - Syria	Trung Quốc Liên bang Nga
5	08/10/2016	<u>S/2016/846</u>	<u>S/PV.7785</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
6	05/12/2016	<u>S/2016/1026</u>	<u>S/PV.7825</u>	Trung Đông	Trung Quốc Liên bang Nga
7	28/2/ 2017	<u>S/2017/172</u>	<u>S/PV.7893</u>	Trung Đông	Trung Quốc Liên bang Nga
8	12/4/2017	<u>S/2017/315</u>	<u>S/PV.7922</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
9	24/10/2017	<u>S/2017/884</u>	<u>S/PV.8073</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
10	16/11/2017	<u>S/2017/962</u>	<u>S/PV.8105</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
11	17/11/2017	<u>S/2017/970</u>	<u>S/PV.8107</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
12	26/2/2018	<u>S/2018/156</u>	<u>S/PV.8190</u>	Trung Đông	Liên bang Nga

STT	Thời gian	Dự thảo	Tài liệu lưu trữ	Mục chương trình nghị sự	Thành viên bỏ phiếu chống
13	10/4/2018	<u>S/2018/321</u>	<u>S/PV.8228</u>	Trung Đông	Liên bang Nga
14	19/9/2019	<u>S/2019/756</u>	<u>S/PV.8623</u>	Tình hình Trung Đông	Liên bang Nga
15	20/12/2019	<u>S/2019/961</u>	<u>S/PV.8697</u>	Tình hình Trung Đông	Liên bang Nga Trung Quốc
16	07/7/2020	<u>S/2020/654</u>	<u>S/2020/661</u> <u>S/2020/657</u>	Tình hình Trung Đông	Trung Quốc Liên bang Nga
17	10/7/2020	<u>S/2020/667</u>	<u>S/2020/693</u> <u>S/2020/681</u>	Tình hình Trung Đông	Trung Quốc Liên bang Nga
18	08/7/2022	<u>S/2022/538</u>	<u>S/PV.9087</u>	Tình hình Trung Đông	Liên bang Nga
19	11/7/2023	<u>S/2023/506</u>	<u>S/PV.9371</u>	Tình hình Trung Đông	Liên bang Nga

Nguồn: NCS tổng hợp từ số liệu của Liên hợp quốc

Cuộc tấn công bằng tên lửa vào Syria tháng 4/2017 của Mỹ đã tạo thêm những hố ngăn trong quan hệ Nga - Mỹ. Nga đã lên án mạnh mẽ hành động này của Mỹ và coi đó là sự vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế, hành động nguy hiểm có thể khơi ngòi một cuộc chiến tranh khu vực. Ngày 30/12/2016, Mỹ công bố một loạt biện pháp trừng phạt mới nhằm vào Nga, bao gồm việc yêu cầu 35 quan chức Đại sứ quán Nga ở Washington DC và Tổng lãnh sự quán tại San Francisco rời khỏi Mỹ trong vòng 72 giờ [TASS, 2016]. Có thể nói, mâu thuẫn địa chính trị, địa chiến lược tiếp tục là rào cản trong quan hệ Mỹ - Nga. Ngày 2/8/2017, Donald Trump đã ký thông qua Đạo luật Chống lại Kẻ thù của Mỹ HR 3364, thiết lập các biện pháp trừng phạt đối với Iran, Nga và Triều Tiên. Trong đó, Đạo luật yêu cầu Tổng thống xác định các cảng biển và sân bay nước ngoài không kiểm tra đầy đủ và cấm các tàu cho phép bắt giữ các tàu đó nêu tên một số cảng ở Trung Quốc Iran Nga và Syria mà Quốc hội đặc biệt quan tâm [Trumpwhitehouse, 2017].

Ngay sau khi Mỹ thông qua luật siết chặt trừng phạt Nga thì Nga đáp trả bằng việc ra quyết định trục xuất 755 nhà ngoại giao Mỹ đồng thời không cho Đại sứ quán Mỹ ở Nga tiếp tục sử dụng một số cơ sở ở thủ đô Nga [Aljazeera, 2017a]. Đáp lại, lập tức Mỹ yêu cầu Nga đóng cửa Tổng lãnh sự quán tại thành phố San Francisco, cùng 2 cơ sở tại thủ đô Washington và thành phố New York [Reuters,

2017]. Mỹ cũng áp đặt đối với các cơ quan truyền thông Nga, buộc các hãng Russia Today, Sputnik đăng ký hoạt động ở Mỹ với tư cách “văn phòng đại diện nước ngoài”, tước quyền tác nghiệp của các nhà báo RT tại quốc hội Mỹ, gây sức ép để Twitter cấm tài khoản của các hãng tin RT và Sputnik quảng cáo và Nga coi là “hành động gây hấn”, dẫn tới hàng loạt biện pháp đáp trả tương xứng từ Nga [CNN, 2017]. Nga cũng thông qua luật về các hãng truyền thông nước ngoài, liệt một loạt cơ quan báo chí Mỹ vào danh sách phải đăng ký hoạt động như văn phòng đại diện nước ngoài và cấm tất cả các nhà báo làm việc cho các phương tiện truyền thông đại chúng Mỹ đến Đuma quốc gia Nga.

3.2.2.2. Mỹ và Nga theo đuổi các tiến trình ngoại giao khác nhau để giải quyết vấn đề Syria

Tiến trình Geneva

Tiến trình Geneva là một trong những nỗ lực chính trị quan trọng để giải quyết cuộc xung đột Syria. Được bắt đầu vào năm 2012 dưới sự điều phối của Liên hợp quốc và Liên đoàn Ả Rập, mục tiêu chính của tiến trình này là tìm kiếm một giải pháp chính trị cho cuộc chiến kéo dài ở Syria. Sáng kiến này chủ yếu xoay quanh việc xây dựng một chính phủ chuyển tiếp bao gồm các thành viên của chính phủ Syria và các nhóm đối lập, đồng thời soạn thảo một hiến pháp mới và tổ chức các cuộc bầu cử tự do và công bằng. Tiến trình hòa bình tại Geneva là tiến trình duy nhất có được sự ủng hộ hoàn toàn của các lực lượng đối lập Syria, vì nó bao gồm các điều khoản ủng hộ một chính phủ phi giáo phái và những người đối lập... Đây cũng là tiến trình duy nhất có được sự ủng hộ hoàn toàn từ Liên hợp quốc và các cường quốc phương Tây bao gồm Mỹ, Anh và các nước EU - tất cả đều áp dụng lệnh trừng phạt quốc tế đối với Syria [Galindo G., 2023].

Năm 2012, Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan đã khởi động tiến trình Geneva, thúc đẩy thông qua Tuyên bố Geneva I, (được ký kết vào ngày 30/6/2012) bởi các thành viên của Nhóm Hành động Syria. Nhóm này bao gồm: Tổng thư ký Liên hợp quốc và Liên đoàn Ả Rập, Đại diện cấp cao về Chính sách Đối ngoại và An ninh của Liên minh Châu Âu, các bộ trưởng ngoại giao của các quốc gia thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các bộ trưởng ngoại giao của Thổ Nhĩ Kỳ, Iraq, Kuwait và Qatar. Tầm quan trọng của văn kiện này nằm ở chỗ nó

quy định thành lập “một chính phủ chuyển tiếp với một cơ quan quản lý chuyển tiếp nắm giữ toàn bộ quyền hành pháp”, bao gồm đại diện của chính quyền Syria và phe đối lập. Văn bản nhấn mạnh “sự cần thiết phải ngừng bạo lực và thực hiện một chuyển giao chính trị, bao gồm cả việc thiết lập một chính phủ chuyển tiếp không có sự tham gia của Tổng thống Bashar al-Assad” [UNSC, 2012]. Tuy nhiên, đề xuất của Ngoại trưởng Mỹ khi đó là Hillary Clinton về một chính phủ chuyển tiếp không có Assad đã bị Nga phản đối, và các bên xung đột đã vi phạm các quy tắc ngừng bắn, và cuối cùng, các cuộc đàm phán hòa bình đã thất bại [Cengiz, 2020, tr.6].

Tiến trình Geneva đã trải qua nhiều vòng đàm phán nhưng không thể đạt được một kết quả rõ ràng. Các vòng đàm phán diễn ra lần lượt vào các năm 2012, 2014, 2016 và 2020, tuy nhiên mỗi vòng đều không mang lại những tiến triển đáng kể. Vòng đàm phán đầu tiên (2012) chủ yếu đặt ra các nguyên tắc chung về quá trình chuyển tiếp chính trị nhưng không có thỏa thuận cụ thể nào về việc thực thi các nguyên tắc này. Chính phủ Syria đã không tham gia tích cực, và các nhóm đối lập cũng chia rẽ về cách thức thực hiện chuyển giao quyền lực [UNSC, 2012]. Năm 2014, Liên hợp quốc khởi xướng Hội nghị hoà bình quốc tế Geneva II, nhằm đưa chính phủ Syria và phe đối lập cùng nhau thảo luận về một chính phủ chuyển tiếp; điều này cũng thất bại do các cuộc đàm phán không đạt được tiến triển vì không có tiêu chí thống nhất để xác định nhóm nào thuộc phe đối lập hợp pháp của Syria [The Guardian, 2014]. Vòng tiếp theo (Geneva III) được tổ chức vào tháng 2 năm 2016 và chỉ kéo dài hai ngày mà không đạt được kết quả đáng kể nào. Các cuộc đàm phán đã bị chấm dứt do lực lượng chính phủ liên tục tấn công các nhóm đối lập ở khu vực Aleppo.

Năm 2017, một số vòng đàm phán (Geneva IV-VIII) đã được tổ chức nhưng không đạt kết quả do những tranh cãi về các vấn đề chính như tính phù hợp của các cuộc đàm phán trước khi chế độ sụp đổ, hình thức quyền lực và sự tham gia của Bashar al-Assad vào các thỏa thuận hậu xung đột, trật tự hiến pháp của Syria sau chiến tranh [Stankov V., 2019, tr.1028]. Các vòng đàm phán tiếp theo diễn ra đều không đạt được kết quả đáng kể. Các bên vẫn tiếp tục bất đồng về vai trò của Tổng thống Assad trong chính phủ chuyển tiếp. Các cuộc đàm phán không thể vượt qua các yêu cầu của các bên liên quan về việc Assad phải ra đi, điều này tạo ra một

“vòng luẩn quẩn”. Sự can thiệp quân sự của các quốc gia như Nga, Mỹ và Iran, cùng với tình hình chiến sự tiếp tục leo thang, khiến cho các cuộc đàm phán trở nên vô hiệu. Cuối cùng, tiến trình Geneva gần như chấm dứt vào năm 2020 khi các bên tham gia không còn muốn tiếp tục quá trình này.

Một trong những kết quả của tiến trình Geneva là đã thành lập được Ủy ban Hiến pháp Syria (SCC) vào ngày 30/9/2019, để đàm phán với các bên nhằm “chuẩn bị và soạn thảo đề công chúng chấp thuận một cải cách hiến pháp, như một đóng góp cho giải pháp chính trị tại Syria và thực hiện nghị quyết 2254 [UNEnvoySyria, 2019]. Ủy ban Hiến pháp do Đặc phái viên Liên hợp quốc về Syria làm điều phối chính, trải qua nhiều vòng đàm phán, nhưng không đạt được thỏa thuận cụ thể nào giữa các bên. Mỹ chỉ trích Nga không tham gia một cách xây dựng vào tiến trình này, thậm chí còn “thúc đẩy chế độ Assad đình chỉ sự tham gia của mình vào vòng thứ chín của Ủy ban Hiến pháp - một quá trình do Syria lãnh đạo và được Liên hợp quốc tạo điều kiện” [USUN, 2022]. Các bên không có lòng tin và không nhượng bộ các điều khoản cần thiết, do đó trước khi chính quyền Assad bị lật đổ, vẫn chưa thể thông qua bản Dự thảo Hiến pháp nào cho Syria. Tuy nhiên, tiến trình Geneva đã góp phần thúc đẩy các chương trình hỗ trợ nhân đạo quốc tế với Syria trong suốt hơn 14 năm nội chiến dai dẳng.

Liên hợp quốc đã bảo trợ cho các cuộc đàm phán hòa bình tại Geneva kể từ năm 2012. Tiến trình Geneva không thể đạt được mục tiêu ban đầu vì sự chia rẽ sâu sắc giữa các bên tham gia, sự can thiệp của các cường quốc quốc tế, và sự thiếu vắng sự đồng thuận về tương lai chính trị của Syria. Geir Pedersen - Đặc phái viên của Liên hợp quốc về Syria đã mô tả tiến trình hòa bình cho xung đột Syria rất “bế tắc” [UN, 2022]. Hạn chế lớn nhất của tiến trình Geneva là sự bất đồng, chia rẽ giữa các nhóm đối lập Syria và chính phủ Syria, đặc biệt là về vai trò của Tổng thống Assad. Chính phủ Syria, dưới sự lãnh đạo của Bashar al-Assad, liên tục khẳng định rằng Assad sẽ không rời bỏ quyền lực, trong khi các nhóm đối lập yêu cầu một chính phủ chuyển tiếp không có Assad. Các nhóm đối lập Syria cũng không thể thống nhất về một đại diện duy nhất, điều này khiến cho các cuộc đàm phán trở nên phức tạp và thiếu hiệu quả. Duy trì quan điểm muốn thành lập một chính phủ mới, ngày 8/12/2024, chế độ Assad bị lật đổ, Tổng thư ký Liên hợp quốc, António

Guterres đã tuyên bố “sự sụp đổ của chế độ độc tài” mang đến “cơ hội lịch sử cho người dân Syria xây dựng một tương lai ổn định và hòa bình” và nhấn mạnh còn rất nhiều việc phải làm để đảm bảo quá trình chuyển đổi chính trị có trật tự sang các thể chế mới [UN, 2024].

Mặc dù tiến trình Geneva được Liên hợp Quốc điều phối, các cường quốc quốc tế, đặc biệt là Mỹ và Nga, đã can thiệp sâu vào cuộc xung đột Syria và tiến trình đàm phán. Mỹ, với vai trò là một cường quốc phương Tây, đã đặt ra yêu cầu rằng Assad phải từ chức để giải quyết cuộc xung đột. Tuy nhiên, Nga, một đồng minh quan trọng của Assad, đã phản đối mạnh mẽ yêu cầu này và thay vào đó thúc đẩy một giải pháp quân sự để bảo vệ chính phủ Syria. Điều này tạo ra một sự chia rẽ sâu sắc và khiến cho tiến trình Geneva trở nên bế tắc. Mặt khác, dù có sự tham gia của các bên quốc tế, nhưng không có một cơ chế thực thi hiệu quả nào được xây dựng để đảm bảo các thỏa thuận đạt được trong các cuộc đàm phán được thực hiện. Điều này làm cho tiến trình Geneva trở nên thiếu hiệu quả, nhất là khi các cuộc tấn công quân sự tiếp tục diễn ra trên thực tế mà không có sự can thiệp kịp thời từ cộng đồng quốc tế.

Tiến trình Geneva đã thất bại ngay từ đầu trong việc đạt được một bước đột phá ngoại giao thực sự vì Assad quyết không rời đi, không khoan nhượng vì có thể trông cậy vào sự hỗ trợ của Nga nên Assad không phải chịu nhiều áp lực để phải thỏa hiệp. Phe đối lập Syria cũng không muốn thỏa hiệp trên bàn đàm phán. Tuy nhiên, quá trình này vẫn quan trọng ở một số khía cạnh liên quan đến khát vọng, trải qua các chuyển động của một quá trình với hy vọng mang lại cơ hội cho một tiến trình chính trị được quốc tế công nhận. Kết quả lớn nhất mà tiến trình Geneva đem lại đó là góp phần cho ra đời Nghị quyết 2254 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2015) - một trong những bản lề thể hiện thỏa thuận của các bên nhằm thông qua lộ trình cho một giải pháp chính trị ở Syria. Bao gồm soạn thảo hiến pháp mới và quản lý các cuộc bầu cử do Liên hợp quốc giám sát.

Tiến trình Astana

Sau khi các cuộc đàm phán Geneva do Mỹ và phương Tây dẫn đầu bị đình trệ, năm 2017, Nga đã đưa ra sáng kiến về tiến trình hòa bình cho Syria với sự tham gia của Nga, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ để đưa ra các giải pháp phù hợp với lợi ích của các

bên. Nhằm bổ sung và tránh xung đột với tiến trình Geneva, sáng kiến hoà giải Astana phát huy vai trò của các quốc gia của khu vực Trung Đông là Jordan, Lebanon, Qatar, Saudi Arabia, Ai Cập và Iraq. Trong khi các cuộc đàm phán Geneva có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, các cuộc đàm phán Astana chỉ giới hạn ở các nhóm đối lập vũ trang và chính phủ Syria [Tank, 2025, p.3]. Sự khác biệt lớn nhất của tiến trình Astana so với tiến trình Geneva là thay vì mục đích lật đổ Assad, tiến trình Astana hướng mục tiêu sang các vấn đề nhân đạo và chấm dứt bạo lực [Priya, 2017, p. 2]. Đồng thời, tiến trình hòa bình Astana tập hợp những nhân vật đối lập đang chiến đấu trên thực địa, thay vì những tác nhân từ bên ngoài khu vực tách biệt khỏi thực tế trong nước. Từ đó, Astana nhằm mục đích tạo ra một thỏa thuận quân sự dẫn đến một sự đồng thuận chính trị. Ngoài ra, Astana được thực hiện bởi những bên chủ chốt trong cuộc khủng hoảng Syria, là Thổ Nhĩ Kỳ, Nga và Iran - tất cả đều tham gia về mặt quân sự vào cuộc chiến. Vai trò của Thổ Nhĩ Kỳ tại bàn đàm phán là đảm bảo sự tham gia của phe đối lập; Nga đảm bảo sự tham gia của chế độ; và Iran được đưa vào để ngăn chặn sự gián đoạn của tiến trình này [Cengiz, 2020, p.6].

Tiến trình hòa bình Astana đã đưa các bên xung đột vào bàn đàm phán và thay đổi các phương trình quyền lực trên thực địa ở Syria. Trong vòng đàm phán thứ 3, ngày 23-1-2017, lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh Syria vào năm 2011, đại diện của chế độ và phe đối lập đã ngồi lại với nhau để thảo luận trực tiếp. Theo tuyên bố chung, Nga, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ nhất trí thành lập một cơ chế 3 bên để giám sát và bảo đảm việc thực thi đầy đủ lệnh ngừng bắn, ngăn chặn mọi hành động khiêu khích và xác định mọi phương thức thực hiện lệnh ngừng bắn [Minh Duy, 2017]. Tuy nhiên, vòng đàm phán thứ tư diễn ra từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2017 cũng mang lại ít kết quả rõ ràng. Lần đầu tiên, phe đối lập có vũ trang ở Syria gặp đại diện của Assad, nhưng ngay cả bản thân phe đối lập cũng không mong đợi một bước đột phá.

Một điểm khác biệt chính trong tiến trình hòa bình Astana so với những tiến trình trước đó là tiến trình này đã mang lại những diễn biến cụ thể trên thực địa tại Syria khi đạt được mục tiêu hình thành các vùng giảm leo thang trong nước [Cengiz, 2020, tr.11]. Thành tựu lớn nhất của nó là thiết lập quyền kiểm soát đối với

các lãnh thổ đối lập, ngăn chặn dòng người tị nạn và giảm thiểu xung đột giữa các quốc gia [Tank P., 2025, tr.4]. Tại vòng đàm phán Astana lần thứ tư (4 - 5/5/2017), Nga, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ đã ký kết một bản ghi nhớ về việc thiết lập bốn vùng giảm leo thang ở Syria. Các vùng này bao gồm: tỉnh Idlib và các khu vực lân cận thuộc các tỉnh Hama, Aleppo và Latakia; khu vực phía bắc tỉnh Homs; Ghouta Đông (Eastern Ghouta); các tỉnh Daraa và Al-Quneitra ở miền nam Syria [Astanatimes, 2017]. Ngày 9/7/2017, một thỏa thuận ngừng bắn do Mỹ, Nga và Jordan làm trung gian có hiệu lực tại miền nam Syria, bao gồm các tỉnh Daraa, Suwayda và Quneitra. Thỏa thuận này được xem là nỗ lực đầu tiên của chính quyền Tổng thống Trump nhằm thúc đẩy hòa bình tại Syria [Aljazeeraab, 2017]. Ngày 14/9/2017, tại vòng đàm phán Astana lần thứ sáu, các bên đạt được thỏa thuận về việc thiết lập một vùng giảm leo thang thứ tư tại Idlib, mở rộng thỏa thuận trước đó [MFA, 2017]. Tháng 3/2020 Tổng thống Putin của Nga và Tổng thống Erdogan của Thổ Nhĩ Kỳ đã đồng ý về lệnh ngừng bắn ở phía Tây Bắc Syria. Trước đó, các cuộc giao tranh giữa hai cường quốc đã đe dọa leo thang thành các cuộc giao tranh trực tiếp [Guardian, 2020].

Tính đến hết tháng 12/2024, tiến trình Astana đã tổ chức được 22 vòng đàm phán. Không có triển vọng giải quyết vấn đề chuyển đổi chính trị, một quá trình “bình thường hóa” khu vực với chế độ Syria đã bắt đầu vào năm 2018, và vào năm 2023, chế độ Assad đã được tái gia nhập Liên đoàn Ả Rập. Vòng đàm phán lần thứ 22 diễn ra ngày 11/11/2024 với tuyên bố nhấn mạnh tầm quan trọng của một giải pháp chính trị, nêu bật vai trò của Ủy ban Hiến pháp Syria trong việc tạo ra con đường hướng tới hòa bình. Các đại diện kêu gọi khôi phục hoạt động của ủy ban mà không gặp trở ngại về mặt hành chính và hậu cần để soạn thảo các cải cách hiến pháp nhằm ổn định Syria [Astanatimes, 2024].

Trong giai đoạn đầu, yêu cầu của phía Mỹ và phương Tây về việc Assad phải từ chức như một phần của bất kỳ thỏa thuận dàn xếp nào có rất ít triển vọng thành công và ngăn chặn bất kỳ tình huống thực tế nào dẫn đến xung đột dựa trên đòn bẩy tương ứng của các bên. Mặc dù Nga muốn kết thúc cuộc chiến nhưng họ cũng không có động cơ thực sự cũng như không mong muốn Assad chấp nhận một tiến trình ngoại giao thực sự - thay vào đó họ muốn thấy Assad đạt được một giải pháp hợp pháp hóa chế độ của ông và loại bỏ sự phản đối có thể đe dọa sự cai trị của ông.

Khi làm như vậy, nó sẽ cản trở tầm nhìn của phương Tây về việc chứng kiến Assad rời bỏ quyền lực và sẽ mở rộng ảnh hưởng của Nga ở Syria và khu vực.

Nga đã sử dụng tiến trình Astana để đặt ra những mục tiêu ngắn hạn về mặt quân sự, phù hợp với các mục tiêu chiến thuật của Nga nhằm giúp chính quyền Tổng thống Syria Assad bảo vệ phần lãnh thổ giành lại được từ các nhóm đối lập. Tiến trình hòa bình Astana thể hiện sự cố gắng của Nga để biến những thành công quân sự tại Syria thành một thành tựu chính trị. Việc này mang một ý nghĩa đặc biệt khi Nga mời đại diện các lực lượng đối lập tại Syria tham dự vào tiến trình hòa đàm, tự coi mình là một nhà bảo trợ mang tính quốc gia, đồng thời là bên điều hành các cuộc thương lượng. Nga đang đóng vai trò chủ chốt tại Syria, và có ảnh hưởng tới toàn cục nên sáng kiến này của Nga đã có những tác động nhất định đến tình hình Syria. Nga, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ nhấn mạnh việc tham vấn và phối hợp giữa ba bên bảo trợ tiến trình Astana là cách thức hiệu quả nhất để giải quyết cuộc khủng hoảng tại Syria. Sau khi chính quyền Assad sụp đổ (12-2014), Thổ Nhĩ Kỳ và Iran có cùng quan điểm với Nga và đều nhất trí rằng Astana có thể đóng vai trò hữu ích trong bối cảnh Syria bước vào giai đoạn chuyển giao quyền lực [TASS, 2024].

3.2.3. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria về kinh tế - năng lượng

3.2.3.1. Cạnh tranh Nga - Mỹ trong khai thác tài nguyên và kiểm soát dầu mỏ

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt về khí đốt của thế giới trong giai đoạn toàn cầu hoá, phát triển kinh tế được đẩy mạnh thì Syria lại được đưa vào vòng cạnh tranh giữa Nga và Mỹ như một nhân tố quan trọng khi quốc gia này nằm ở trung tâm một trữ lượng khí đốt lớn của thế giới. Đó là kế hoạch tối đa hoá nguồn cung dầu mỏ của Nga cùng với dự án đường ống dẫn khí đốt Dòng chảy phương Bắc (North Stream) và Dòng chảy phương Nam (South Stream). Song song với nó là kế hoạch và dự án đường ống dẫn khí Nabuco của Mỹ. Đây là những nguyên nhân khởi nguồn của sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria.

Nga kiểm soát tài nguyên và củng cố ảnh hưởng kinh tế dài hạn tại Syria

Từ năm 2012 đến 2018, Syria cũng thường là nước nhận viện trợ nhiều nhất của Nga. Từ năm 2012 đến năm 2016, Syria đứng vị trí thứ năm hoặc thứ sáu và năm 2017 Syria đứng thứ tư trong các nước nhận được viện trợ của Nga. [Borshchevskaya, 2022, p.66]. Syria không phải là nước sản xuất dầu khí lớn, mặc

dù nước này có trữ lượng khí đốt đáng kể (240 bcm). Tuy nhiên, các kế hoạch phát triển các mỏ này, dù là độc lập hay hợp tác chung với các nhà đầu tư nước ngoài, đã bị cản trở bởi cuộc nội chiến. Syria quan trọng hơn với tư cách là một quốc gia trung chuyển năng lượng tiềm năng. Các quốc gia quan tâm đến năng lực trung chuyển của Syria trước khi cuộc nội chiến nổ ra, trong đó có Nga, Iran. Gazprom tham gia vào một số dự án cơ sở hạ tầng và lọc dầu tại Syria thông qua công ty con Stroytransgaz. Tháng 2 năm 2015, Tổng giám đốc điều hành Gazprom Alexander Miller đã gặp đại sứ Syria tại Moscow để thảo luận về hợp tác trong ngành dầu khí. Tháng 9 năm 2015, Tổng giám đốc điều hành của công ty con Stroytransgaz của Gazprom đã đến Damascus gặp Thủ tướng Syria Wael Nader al-Halki để khôi phục hoạt động của công ty ông tại Syria. Bộ trưởng Ngoại giao Syria Walid Muallem tuyên bố vào tháng 11 năm 2015 rằng Syria hy vọng sẽ thấy không chỉ các tàu quân sự của Nga mà còn cả các giàn khoan ngoài khơi. Soyuzneftegaz đã khôi phục việc xây dựng Nhà máy chế biến khí đốt phía Bắc, gần Raqqa, vào tháng 12 năm 2017, sau khi thành phố này được giải phóng khỏi Nhà nước Hồi giáo [Mammadov, 2018].

Các mỏ dầu đóng vai trò sống còn đối với nền kinh tế của Syria và là nguồn thu chính giúp duy trì lực lượng vũ trang của chính quyền Assad. Ngoài giá trị kinh tế, dầu mỏ ở Syria còn có ý nghĩa chiến lược lớn, vì nó giúp duy trì sự ổn định tài chính cho chính phủ của Bashar al-Assad và bảo vệ quyền lực của ông trước các đối thủ, bao gồm lực lượng đối lập và các nhóm khủng bố như IS. Ngành dầu mỏ của Syria được chia thành hai phân ngành: phân ngành đầu tiên đang hoạt động và nằm dưới sự kiểm soát của chính phủ Syria, trong khi phân ngành thứ hai được sử dụng để tài trợ cho Bashar al-Assad, nhóm thân cận của ông và lực lượng an ninh. Tuy nhiên, do cả hai lĩnh vực này đều phải chịu lệnh trừng phạt quốc tế nên “chính phủ không thể khai thác chúng ngoại trừ thông qua các đồng minh đã trở thành chuyên gia trong việc đối phó với lệnh trừng phạt của châu Âu và Mỹ” [Nofal W.A., 2019]. Vì vậy, Nga đã tăng cường củng cố ảnh hưởng của mình thông qua việc khai thác các mỏ dầu ở Syria. Công ty năng lượng quốc doanh của Nga, Rosneft, đã ký các hợp đồng với chính quyền Assad để khai thác dầu mỏ ở các khu vực đã giành lại được quyền kiểm soát. Điều này không chỉ giúp Nga mở rộng sự hiện diện kinh tế

tại Syria mà còn tạo ra một dòng tiền quan trọng cho chính quyền Assad. Nga cũng có các mối quan hệ chặt chẽ với Iran và các lực lượng thân Iran tại Syria.

Trong bối cảnh Mỹ cô lập và cắt nguồn tài chính của chính quyền Assad, Nga đã tận dụng cơ hội này để củng cố quyền kiểm soát tài nguyên dầu mỏ và giữ quyền kiểm soát các khu vực chiến lược. Trước cuộc nội chiến, Nga đã tham gia rất nhiều vào các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế Syria. Sự ổn định chính trị và an ninh đã cho phép Nga theo đuổi lợi nhuận. Các công ty Nga là những nhà đầu tư quan trọng trong ngành công nghiệp khai thác dầu khí tại Syria. Trước xung đột Nga-Ukraine (tháng 2/2022), Trung Đông và Bắc Phi đã nổi lên là thị trường vũ khí quan trọng thứ hai của Nga [Borshchevskaya, 2024]. Trước Mùa xuân Ả rập, Algeria, Syria và Libya... là những khách hàng thường xuyên mua các vũ khí quân sự cao cấp của Nga. Quan hệ kinh tế giữa Nga và Syria rất mạnh mẽ. Syria là thị trường tiềm năng và đòn bẩy kinh tế để bù đắp chi phí can thiệp, đồng thời tăng cường ảnh hưởng lâu dài của Nga.

Bên cạnh mục tiêu chính trị-quân sự, lợi ích kinh tế là một động lực quan trọng thúc đẩy sự can dự của Nga. Các lợi ích kinh tế chính của Nga tập trung ở ba mảng: năng lượng (dầu khí, phosphate), hợp đồng tái thiết hạ tầng, và hợp đồng mua bán vũ khí. Nga can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến ở Syria là để cạnh tranh với Mỹ trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn năng lượng đang có và tiềm tàng tại khu vực, để ngăn chặn âm mưu của Mỹ và các nước phương Tây chi phối và chiếm ưu thế tại các khu vực năng lượng đang nổi lên ở Địa Trung Hải. Quá trình hồi phục kinh tế của Nga đã chứng minh rằng sức mạnh của dầu mỏ và nguồn lợi từ giá dầu mỏ thế giới tăng đã giúp nước Nga hiện tại khôi phục lại vai trò quốc tế thông qua khả năng tài chính và kinh tế của mình. Nga ngày càng tăng quan tâm đến Syria là do phát hiện ra sự giàu có mới của nó trong một số mỏ dầu trên Syria bờ biển và gần biên giới Lebanon. Ngoài ra, Nga nhận thức được âm mưu của Mỹ trong việc thiết lập đường ống khí đốt của Qatar qua Syria tới châu Âu trong nỗ lực chấm dứt sự phụ thuộc khí đốt của các nước châu Âu với Nga.

Về khai thác dầu khí và tài nguyên, Nga đã tích cực giành quyền tiếp cận các mỏ dầu, khí đốt và khoáng sản của Syria, vốn là nguồn thu quan trọng trong thời kỳ chiến tranh cũng như trong giai đoạn tái thiết đất nước. Ngày 25/12/2013, Tổng

công ty dầu mỏ Syria và công ty SoyuzNefteGaz của Nga ký kết Thỏa thuận thăm dò và khí đốt, cho phép khai thác một khu vực rộng 2.190 km² ngoài khơi Syria trên Địa Trung Hải. Hợp đồng có thời hạn 25 năm, chia thành nhiều giai đoạn. Chi phí thăm dò và khảo sát là 100 triệu USD. Bộ trưởng dầu mỏ Syria cho biết, đây là hợp đồng đầu tiên về thăm dò dầu và khí đốt trên vùng biển Syria [CNBC, 2013].

Chính quyền Assad cũng tích cực thu hút đầu tư của Nga vào lĩnh vực năng lượng. Vào tháng 2 năm 2016, một đại diện của Syria đã tới Nga để gặp Bộ trưởng Bộ Năng lượng và những người đứng đầu ngành dầu khí và yêu cầu các công ty dầu khí của Nga giúp khôi phục ngành năng lượng đã bị tàn phá của Syria. Ngoại trưởng Syria Walid Muallem tuyên bố Syria sẽ cho phép “tất cả các ưu đãi có thể có” cho các công ty tham gia tái thiết [Sogoloff, 2017]. Tháng 7/2017, Syria đã đề nghị chia 25% lợi nhuận từ các mỏ dầu khí chiếm được từ Nhà nước Hồi giáo cho Evro Polis, một nhà thầu quân sự Nga được cho là thuộc sở hữu của Yevgeny Prigozhin, một doanh nhân người Nga thân cận với Tổng thống V.Putin [Sogoloff, 2017].

Tháng 12/2019, Quốc hội Syria phê chuẩn hợp đồng nhượng quyền thăm dò và khai thác 3 lô dầu khí cho hai công ty Nga (được công bố là Mercury LLC và Velada LLC). Các lô này bao gồm một mỏ dầu ở đông bắc Syria và một mỏ khí gần Damascus. Bộ trưởng Dầu mỏ Syria khi đó công khai cho biết việc trao hợp đồng cho Nga và Iran nằm trong chiến lược ưu tiên “các quốc gia thân thiện đã sát cánh cùng Syria” [Reuters, 2019]. Ngoài dầu mỏ, Nga còn độc quyền khai thác phosphate của Syria - một mặt hàng xuất khẩu chủ lực trước chiến tranh. Năm 2017, công ty Nga Stroytransgaz ký hợp đồng 50 năm khai thác mỏ phosphate lớn ở khu vực Palmyra, theo đó phía Nga được hưởng phần lớn sản lượng (Syria chỉ giữ lại 30%). Thương vụ này diễn ra không lâu sau khi lực lượng thân Nga đánh bật ảnh hưởng Iran khỏi các mỏ phosphate, cho thấy Nga quyết liệt bảo vệ phần chia kinh tế cho mình [Syriaobserver, 2018]. Đây cũng được coi là khoản đầu tư lớn nhất vào Syria và thể hiện cam kết lâu dài rằng Nga sẵn sàng sử dụng Syria làm nền tảng cho các dự án kinh tế chiến lược dài hạn của mình. Những thỏa thuận như vậy cho thấy Nga đầu tư nhân lực quân sự để đổi lấy lợi ích tài nguyên, biến Syria thành một “tài sản” kinh tế dài hạn.

Mỹ áp dụng các lệnh trừng phạt để cô lập Syria và kiểm soát dầu mỏ ở Đông Bắc Syria

Mỹ muốn thôn tóm khu vực Trung Đông với các lợi ích từ dầu mỏ đem lại và từ vị trí địa - chiến lược của nó. Khi kiểm soát được khu vực Trung Đông, trong đó có Syria bất ổn thì Mỹ sẽ có thể kiểm chế, ngăn chặn ảnh hưởng của các cường quốc khác, đối đầu với các quốc gia khác có ảnh hưởng lớn trong khu vực nhưng không theo quỹ đạo của Mỹ. Việc kiểm soát được nguồn cung dầu mỏ tại Syria nói riêng và Trung Đông nói chung sẽ làm cho các đối thủ của Mỹ phụ thuộc vào dầu mỏ, vừa đa dạng hóa nguồn cung dầu mỏ cho Mỹ khi cần lại vừa duy trì và đảm bảo nguồn cung dầu mỏ cho các nước đồng minh. Trong tính toán của Mỹ, kiểm soát được nguồn cung dầu mỏ là hạt nhân quan trọng trong việc duy trì vị trí số 1 của Mỹ hiện nay trên thế giới. Bởi không chế được các nước nhập khẩu dầu và giảm thiểu được sức mạnh của các nước xuất khẩu dầu sẽ là cơ sở để kiểm soát sự phụ thuộc từ các đối thủ cạnh tranh với Mỹ cũng như gia tăng sự phụ thuộc của các nước đồng minh vào Mỹ, trong đó có Liên minh châu Âu. Do đó, trong cuộc nội chiến tại Syria, các bên liên quan có những quan điểm không đồng nhất trong cách thức xử lý vấn đề Syria, bởi sự chi phối của các lợi ích kinh tế đi kèm.

Kể từ năm 2011, phần lớn các nguồn dầu mỏ đã bị phá hủy hoặc bị cướp phá, ban đầu là bởi các nhóm thánh chiến và sau đó là nằm trong sự kiểm soát của Mỹ và các đồng minh người Kurd. Trong suốt cuộc chiến chống IS, các cơ sở khai thác dầu nằm trên mặt đất đã bị phá hủy bởi các cuộc không kích của Mỹ và đồng minh. Giai đoạn 2014-2017, tổ chức khủng bố Nhà nước Hồi giáo (IS) chiếm phần lớn các giếng dầu, cướp bóc và phá hoại các cơ sở hạ tầng, vận chuyển bất hợp pháp hàng trăm nghìn tấn “vàng đen” ra khỏi đất nước Syria. Khi cuộc nội chiến leo thang, chính phủ Syria đã mất quyền kiểm soát hầu hết các mỏ dầu của đất nước vào tay các nhóm đối lập Syria và IS. Đến năm 2014, IS đã chiếm được hầu hết các mỏ dầu ở miền đông Syria, bao gồm cả mỏ lớn nhất, al-Omar, ở tỉnh Deir ez-Zour. Các mỏ dầu của Syria đã bị thiệt hại đáng kể do các cuộc không kích của Hoa Kỳ nhằm phá vỡ một trong những nguồn thu nhập chính của nhóm IS. Các chiến binh IS cũng đã phá hủy phần lớn cơ sở hạ tầng dầu mỏ khi rõ ràng là các mỏ dầu sẽ rơi vào tay lực lượng người Kurd. IS đã mất quyền kiểm soát các mỏ dầu Syria mà

chúng nắm giữ vào tay Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) do người Kurd lãnh đạo và được Mỹ hậu thuẫn sau khi các chiến binh thánh chiến bị đánh bại tại thành trì cuối cùng của chúng ở phía đông [Khatib D.K., 2021, tr.163]. Năm 2019, Mỹ tái bố trí binh sỹ từ biên giới Syria-Thổ Nhĩ Kỳ tới khu vực miền Bắc Syria nhiều dầu mỏ. Tổng thống Mỹ khi đó, Donald Trump cũng công khai thừa nhận rằng, mục đích chính của Mỹ là “lấy” và “giữ dầu mỏ”. Quân đội Nga ước tính, Mỹ và các đồng minh thu được ít nhất 30 triệu USD/tháng từ nguồn dầu mỏ Syria [VOV, 2021].

Có thể nói rằng, ngay cả trước khi cuộc nội chiến nổ ra, Syria không phải là điểm đến hấp dẫn cho các tập đoàn dầu khí, khi doanh thu thường phải chia sẻ phần lớn với chính phủ Syria. Tài nguyên dầu mỏ của Syria chủ yếu tập trung ở hai khu vực: đông bắc, đặc biệt là ở Hasakah, và phía đông dọc theo Sông Euphrates đến biên giới Iraq gần Deir Ez-Zor, với các mỏ nhỏ bổ sung ở phía nam Raqqa. Với trữ lượng dầu mỏ thấp, nằm rải rác và cách xa các cơ sở xuất khẩu ở Địa Trung Hải, nguồn tài nguyên dầu của Syria nhìn chung chỉ nằm bên lề “cuộc chơi dầu mỏ” ở Trung Đông và ngành công nghiệp dầu mỏ thế giới. Song Mỹ vẫn có một số lý do để duy trì lực lượng bám trụ tại các mỏ dầu nước này vì Mỹ muốn đảm bảo rằng các mỏ dầu này không rơi vào tay IS một lần nữa. Mỹ và các đồng minh là Arab Saudi, Thổ Nhĩ Kỳ, Qatar có chung một mục đích trong việc lật đổ chính phủ của ông Assad đó là nhằm kiểm soát toàn bộ tuyến đường ống dẫn khí đốt đi qua Syria, đồng thời phá vỡ trục liên minh Syria - Iran tại Trung Đông.

Tầm quan trọng của các mỏ khí đốt trong khu vực được thể hiện rõ ràng trong bối cảnh các đường ống hiện có hoặc đã được lên kế hoạch. Syria không phải là quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhưng gần các nước có lượng dầu mỏ dồi dào và là trong tương lai sẽ nơi trung chuyển của các con đường vận chuyển khí đốt tới châu Âu. Ví dụ, đường ống Iran-Iraq-Syria là đường ống dẫn khí đốt tự nhiên được đề xuất chạy từ mỏ khí đốt South Pars/North Dome của Iran tới châu Âu thông qua Iran, Iraq, Syria và để cung cấp cho khách hàng châu Âu cũng như Iraq, Syria và Lebanon.

Mỹ đã tìm cách kiểm soát các khu vực dầu mỏ quan trọng ở Syria, đặc biệt là ở các tỉnh Deir ez-Zor và al-Hasakah. Việc này giúp cắt đứt nguồn thu từ dầu mỏ của chính quyền Assad, đồng thời duy trì sự hiện diện quân sự của Mỹ tại những khu vực quan trọng này. Dầu mỏ trở thành công cụ để Mỹ gây sức ép chính trị và

quân sự lên Assad. Mỹ cũng sử dụng quyền kiểm soát các mỏ dầu để củng cố liên minh với lực lượng người Kurd, một trong những đối tác quan trọng trong cuộc chiến chống IS. Các lực lượng người Kurd đã nắm giữ các khu vực dầu mỏ quan trọng, và Mỹ cung cấp hỗ trợ quân sự để bảo vệ các khu vực này khỏi các cuộc tấn công của Assad và Nga. Mỹ đã thực hiện các biện pháp nhằm ngăn cản dòng tài chính từ dầu mỏ chảy vào chính quyền Assad, đồng thời ủng hộ các biện pháp hạn chế khả năng tiếp cận các mỏ dầu của chính quyền Syria. Điều này làm tăng căng thẳng giữa Mỹ và Nga, vì Nga tìm cách đẩy lùi các biện pháp của Mỹ và bảo vệ lợi ích chiến lược của mình. Mục tiêu của Mỹ sau khi đánh bại IS là tiếp tục tiếp tục kiểm soát các mỏ dầu và khí đốt ở Deir Ezzor đã khiến Nga, Mỹ có những cuộc đụng độ, đối đầu gần các mỏ dầu của Syria. Việc quân đội Mỹ chặn đoàn xe quân sự của Nga tiếp cận các mỏ dầu ở đông bắc Syria đã gây ra căng thẳng trong quan hệ Nga - Mỹ tại Syria và cho thấy sự cạnh tranh giữa hai cường quốc trong bối cảnh tái thiết Syria sau khi vấn đề IS được giải quyết.

Mặt khác, Mỹ đã áp đặt một loạt các biện pháp trừng phạt đối với chính phủ Syria, các thực thể và cá nhân Syria, và các bên thứ ba hỗ trợ cho một số hoạt động của chính phủ Syria. Mỹ cũng đã áp đặt các biện pháp trừng phạt có mục tiêu đối với các nhóm khủng bố hoạt động tại Syria và các cá nhân có liên quan. Các Chính quyền và Quốc hội liên tiếp đã áp đặt và duy trì các biện pháp trừng phạt này như một phương tiện để tăng chi phí cho các nhà lãnh đạo Syria về một số chính sách mà họ cho là thù địch với an ninh quốc gia, chính sách đối ngoại và lợi ích kinh tế của Mỹ [Congress, 2024]. Các lệnh trừng phạt của Mỹ áp đặt lên Syria là một công cụ quan trọng trong chiến lược gây áp lực lên chính quyền Bashar al-Assad. Các lệnh này nhắm vào chính quyền Bashar al-Assad, quan chức cao cấp và gia đình; các lĩnh vực quan trọng như ngân hàng, dầu khí, giao thương quốc tế; các cá nhân, tổ chức hỗ trợ tài chính và quân sự cho chế độ Syria. Các lệnh trừng phạt nhằm làm suy yếu chính quyền Assad, ép buộc chính quyền phải đàm phán hòa bình, ngăn chặn các hành vi vi phạm nhân quyền, sử dụng vũ khí hóa học, cô lập Syria khỏi hệ thống tài chính quốc tế, hạn chế khả năng tài trợ quân sự cho cuộc xung đột.

Mỹ duy trì các biện pháp trừng phạt toàn diện đối với Syria nhằm hạn chế rộng rãi khả năng của người Mỹ tham gia vào các giao dịch giao dịch liên quan đến

Chính phủ Syria. Chính phủ Syria và các đơn vị liên kết đã phải chịu các lệnh trừng phạt kinh tế của Mỹ kể từ năm 2004 theo Đạo luật Trách nhiệm giải trình của Syria, cấm hoặc hạn chế xuất khẩu và tái xuất khẩu hầu hết các sản phẩm của Mỹ sang Syria. Các lệnh trừng phạt vào tháng 8 năm 2008 đã cấm xuất khẩu các dịch vụ của Mỹ sang Syria và cấm người Mỹ tham gia vào lĩnh vực dầu khí của Syria, bao gồm cả lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ của Syria. Để đối phó với sự đàn áp của chế độ đối với những người biểu tình ôn hòa bắt đầu từ năm 2011, Chính phủ Mỹ đã áp đặt các biện pháp trừng phạt bổ sung bắt đầu từ tháng 4 năm 2011, chỉ định những người đồng lõa vi phạm nhân quyền hoặc ủng hộ chế độ Assad. Vào tháng 4 và tháng 5 năm 2012, Chính phủ Mỹ đã cho phép áp dụng các biện pháp trừng phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng đối với người dân Syria cũng như đối với những nỗ lực và hoạt động được thực hiện nhằm trốn tránh các lệnh trừng phạt.

Trước đó, năm 2019, chính phủ Mỹ đã phê duyệt một chương trình trừng phạt mới theo Sắc lệnh hành pháp 13894, cho phép áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với những người ngăn chặn, phá hoại hoặc cản trở một giải pháp chính trị cho cuộc xung đột ở Syria, bao gồm cả người Syria và bất kỳ bên hỗ trợ nước ngoài nào. Vào tháng 6 năm 2020, các điều khoản trừng phạt của Đạo luật Bảo vệ Dân sự Caesar Syria đã có hiệu lực đầy đủ, cho phép chính phủ Mỹ xử phạt các nhà tài trợ của chế độ, các quan chức, nhân vật cấp cao của chính phủ xung quanh Bashar al-Assad và những người hỗ trợ họ cũng như các nhà lãnh đạo quân sự kéo dài cuộc xung đột và cản trở họ. một giải pháp hòa bình, chính trị cho cuộc xung đột theo yêu cầu của Nghị quyết 2254. Chính phủ Mỹ liên tục xác định và chỉ định các cá nhân và thực thể chịu lệnh trừng phạt của Mỹ liên quan đến Syria, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc chế độ Syria sử dụng vũ khí hóa học và các hành động tàn bạo khác chống lại chính con người của nó.

3.2.3.2. Cạnh tranh Nga - Mỹ trong việc tái thiết Syria

Nga đầu tư vào các dự án tái thiết cơ sở hạ tầng

Về hợp đồng tái thiết và đầu tư hạ tầng, nội chiến kéo dài tàn phá phần lớn cơ sở hạ tầng Syria, mở ra nhu cầu tái thiết hàng trăm tỷ USD. Nga trong tình hình bị phương Tây cấm vận đã coi đây là cơ hội cho doanh nghiệp trong nước thâm

nhập. Chính quyền Assad đã ưu tiên Nga trong nhiều dự án lớn. Nga đang được trao vai trò ưu tiên trong việc tái thiết các lĩnh vực năng lượng và cơ sở hạ tầng của Syria. Quyền tiếp cận ưu đãi đối với trữ lượng hydro-cacbon cũng có giá trị đối với đòn bẩy địa chính trị mà chúng mang lại trong một giải pháp chính trị và thực tế là ở Syria thời hậu chiến. Năm 2015, giám đốc điều hành của Liên minh các nhà sản xuất dầu khí Nga, Gissa Gutchel, tuyên bố rằng các doanh nghiệp Nga sẽ nhanh chóng hoàn thành các hợp đồng và tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực này với tổng trị giá 1,6 tỷ USD sau khi tình hình ở Syria ổn định [RT, 2015]. Chứng tỏ rằng các công ty của Nga vẫn tiếp tục tham gia vào các dự án của Syria.

Stroytransgaz đã giành được hợp đồng 50 năm vào năm 2018, trao cho công ty quyền đối với 70% doanh thu bán hàng từ các mỏ phosphate lớn nhất của Syria, gần thành phố Palmyra ở miền trung Syria. Năm 2018, Stroytransgaz đã giành được hợp đồng điều hành cảng xuất khẩu tại Tartus và các nhà máy phân bón do nhà nước quản lý tại Syria, giành quyền kiểm soát toàn bộ chuỗi cung ứng phốt phát tại Syria [North Press, 2022]. Tháng 2/2018, Phòng Thương mại Nga đã tổ chức diễn đàn doanh nghiệp Nga-Syria để thảo luận về các cơ hội với Syria vào thời điểm mà cuộc chiến dường như đang có lợi cho chế độ của Assad. Tại diễn đàn, Hội đồng doanh nghiệp Syria-Nga tuyên bố đã “thiết lập mối liên hệ” và một số hợp đồng chưa xác định đã được thực hiện. Chính phủ Syria đã tham dự và tìm kiếm sự đầu tư của Nga vào 26 dự án. Chúng bao gồm một tuyến đường sắt đã được lên kế hoạch nối thủ đô Syria với sân bay, các nhà máy công nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm đầu ra từ xi măng đến men và lốp xe, cũng như các dự án sản xuất điện ở Homs. Trong mọi trường hợp, Chủ tịch Phòng Thương mại Nga đã nói rõ rằng “ưu tiên hàng đầu, như Tổng thống Bashar al-Assad đã nói, sẽ dành cho các doanh nghiệp Nga” [SANA, 2018].

Từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 1 năm 2020, Syria đã trao bốn hợp đồng thăm dò dầu mỏ mới cho một số công ty Nga. Năm 2020, Nga đã công bố thỏa thuận với Damascus để thực hiện 40 dự án đầu tư kinh tế mới. Các công ty Nga hiện có mặt tại Syria trong các lĩnh vực giao thông vận tải, công nghệ, thủy lợi và tài nguyên nước, cũng như đào tạo tích cực cho nhân sự Syria. Năm 2021, chính phủ Syria đã phê duyệt một hợp đồng với công ty Capital Limited của Nga để thăm

dò dầu mỏ ở Biển Địa Trung Hải. Ngoài ra, việc ký kết hợp đồng vào tháng 3 năm 2022 giữa Ros EnergoStroy Levant (RESL) của Nga và Damascus để xây dựng một nhà máy điện tua bin khí công suất 25 megawatt (MW) tại Aleppo có tầm quan trọng chiến lược. Các công ty Nga có sự hiện diện đáng kể trong các ngành công nghiệp cơ sở hạ tầng, năng lượng và du lịch của Syria. Nhiều thỏa thuận và hợp đồng xây dựng và cải tạo nhà máy điện đã được trao cho các nhà đầu tư Nga, bao gồm vai trò nổi bật trong việc tái thiết cảng Tartus, hiện đại hóa nhà máy sản xuất phân bón ở Homs và tái thiết một số mỏ dầu khí và các cơ sở lọc dầu [Russiaspivottoasia, 2024].

Năm 2018, Nga đã ký thỏa thuận với Syria cho phép họ độc quyền khai thác dầu khí ở các khu vực do chính phủ kiểm soát, nhằm đặt nền móng cho vai trò thống trị kinh tế sau xung đột. Tháng 1/2018, Nga đã ký một thỏa thuận song phương với Syria, theo đó trao cho Syria quyền độc quyền khai thác dầu khí từ các khu vực của Syria do Assad kiểm soát trực tiếp. Tháng 2/2018, Bộ trưởng Năng lượng Nga tuyên bố ký Nga đã ký với Syria một lộ trình, không chỉ trong lĩnh vực điện, mà còn cả dầu khí, bao gồm việc khôi phục các mỏ dầu và phát triển các mỏ mới tại Syria. Tháng 10/2018, Nga và Syria ký cam kết hợp tác chung để nâng cao chất lượng các cơ sở sản xuất dầu của Syria [Ramani, 2019]. Năm 2019, chính quyền Syria đã ký kết hợp đồng đầu tư 49 năm với công ty Stroytransgaz của Nga để mở rộng và vận hành cảng Tartus. Công ty cam kết đầu tư 500 triệu đô la (449,5 triệu euro) để tái thiết và mở rộng cảng để biến cảng Tartus thành “cửa ngõ kinh tế” kết nối Syria với phần còn lại của Địa Trung Hải [France24, 2019]. Nga muốn nâng cấp Tartus thành một căn cứ hải quân có thể sử dụng được gần thành phố ven biển, đồng thời Nga cũng tiến hành mở rộng hơn nữa cơ sở hạ tầng ở Tartus và Hmeimim. Mặc dù thỏa thuận này đã bị chấm dứt sau khi chính quyền Assad sụp đổ. Các thỏa thuận, hợp đồng, khai thác tài nguyên trên cho thấy Nga vừa có lợi ích kinh tế vừa tăng sự phụ thuộc của Syria vào Nga trong giai đoạn tái thiết Syria.

Năm 2019, Nga đã ký kết một thỏa thuận với Assad để thành lập một “Trung tâm ngũ cốc” tại cảng Tartus trên bờ biển Syria. Việc thành lập trung tâm xuất khẩu lúa mì lớn nhất tại Syria phù hợp với lợi ích quốc gia rộng lớn hơn của Nga nhằm mở rộng ảnh hưởng địa chính trị và đòn bẩy kinh tế của mình ở cả khu vực và toàn

cầu. Nó tạo ra động lực địa kinh tế thiết yếu để trở thành nước xuất khẩu ngũ cốc lớn nhất thế giới. Trung tâm này giúp Nga tiếp cận tốt hơn với các thị trường châu Phi và châu Á, xây dựng quan hệ đối tác chiến lược và thúc đẩy quan hệ song phương chặt chẽ hơn với chính phủ của họ. Việc định vị là “nước xuất khẩu ngũ cốc lớn nhất thế giới” cho phép Nga sử dụng đòn bẩy kinh tế, củng cố vị thế của mình như một “nhân tố toàn cầu” trong chính trị Trung Đông và mở rộng ảnh hưởng của mình đối với các nước láng giềng ở châu Á và châu Phi [Alagha M., 2024, tr.367].

Mỹ hỗ trợ tài chính cho phe đối lập gia tăng viện trợ nhân đạo

Sau khi nội chiến bùng nổ tại Syria, Mỹ kiên định quan điểm về việc chính phủ Assad không còn phù hợp để lãnh đạo đất nước. Một trong những chính sách của Mỹ nhằm làm suy yếu chính quyền Assad và gây ảnh hưởng lên Syria đó là hỗ trợ tài chính cho phe đối lập. Ngày 1/8/2012, Bộ Ngoại giao Mỹ thông báo, Mỹ đã thông qua khoản hỗ trợ 25 triệu USD cho phe đối lập tại Syria, song sự hỗ trợ này giới hạn ở các mặt hàng phi sát thương như các thiết bị liên lạc [Reuters, 2012]. Phát ngôn của chính phủ Mỹ vào tháng 9/2013 khẳng định: “Những nỗ lực ngoại giao của Mỹ đang giúp phối hợp việc cung cấp hỗ trợ với các đối tác và đồng minh khác và hỗ trợ phe đối lập Syria. Những nỗ lực ngoại giao của Mỹ cũng tìm cách cô lập chế độ này hơn nữa, cả về mặt chính trị và thông qua các lệnh trừng phạt toàn diện; ủng hộ lời kêu gọi của người dân Syria về việc chấm dứt chế độ cai trị của Asad; và củng cố tầm nhìn của phe đối lập Syria về một Syria dân chủ hậu Asad” [U.S Department of State, 2013].

Năm 2014, khi Liên Hợp Quốc các cuộc đàm phán được ủng hộ đã thất bại và ISIS nổi lên, Tổng thống Obama công khai phản đối việc cung cấp quân sự đào tạo hoặc vũ khí cho các chiến binh đối lập. Điều này thúc đẩy một yêu cầu tài trợ và sự chấp thuận của cơ quan lập pháp để khởi động một chương trình "đào tạo và trang bị" công khai nhằm bảo vệ người Syria, chống lại các mối đe dọa khủng bố và hỗ trợ giải quyết ngoại giao cuộc chiến tranh Syria [Blanchard, 2015, p.2]. Tháng 10/2015, Chính quyền Obama đã thực hiện những thay đổi đối với Bộ Quốc phòng chương trình nhằm mục đích cung cấp hướng dẫn và vũ khí cho các thành viên đã được xác nhận của Syria. Đạo luật phân bổ tiếp tục và hợp nhất năm 2015 (Quỹ đối tác chống khủng bố và Mục 9016 của PL 113-235) đã cung cấp thêm thẩm quyền và

hướng dẫn tài trợ cho chương trình. Các đạo luật này cho phép Bộ Quốc phòng (DOD) cung cấp hỗ trợ của Mỹ cho những người Syria đã được thẩm tra phối hợp với Bộ Ngoại giao cho các mục đích sau:

1) Bảo vệ người dân Syria khỏi các cuộc tấn công của Nhà nước Hồi giáo Iraq và Levant (ISIL), và bảo vệ lãnh thổ do phe đối lập Syria kiểm soát.

(2) Bảo vệ Mỹ, bạn bè và đồng minh của Mỹ, và người dân Syria khỏi các mối đe dọa do những kẻ khủng bố ở Syria gây ra.

(3) Thúc đẩy các điều kiện để đàm phán giải quyết xung đột ở Syria.

Khi đặt ra những điều kiện này, Quốc hội đã bác bỏ yêu cầu của Chính quyền về thẩm quyền rõ ràng để đào tạo và trang bị cho người Syria nhằm bảo vệ thường dân Syria khỏi lực lượng chính phủ Syria. Thẩm quyền đào tạo cho hành động phòng thủ như vậy có thể được ngụ ý bằng các cụm từ đề cập đến “bảo vệ lãnh thổ” và thúc đẩy các điều kiện để giải quyết bằng đàm phán cho cuộc xung đột rộng lớn hơn.

Mục 1209 của Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng Quốc gia năm tài chính 2015 (PL 113-291, đã sửa đổi) cho phép Bộ Quốc phòng cung cấp hỗ trợ cho “các thành phần đã được thẩm tra phù hợp của phe đối lập Syria và các nhóm và cá nhân Syria khác đã được thẩm tra phù hợp”. Chương trình Huấn luyện và Trang bị Syria bắt đầu vào cuối năm 2015; tính đến năm 2022, các lực lượng Mỹ tiếp tục cố vấn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các lực lượng đối tác tại Syria chống lại Nhà nước Hồi giáo. Quốc hội định kỳ đã sửa đổi hoặc đặt ra các điều kiện đối với thẩm quyền Huấn luyện và Trang bị Syria, phản ánh sự tập trung của Thành viên vào các vấn đề như yêu cầu thẩm tra đối với các nhóm nhận được tài trợ của Mỹ [Humud, 2022, tr.15].

Chương trình Đào tạo và Trang bị Syria, được Quốc hội thông qua năm 2014 và được tài trợ thông qua Quỹ Đào tạo và Trang bị Chống ISIS (CTEF), nhằm mục đích hỗ trợ SDF và SFA duy trì sự thất bại của Nhà nước Hồi giáo [Congress, 2024]. Mỹ tiếp tục cung cấp khoảng 500 triệu USD viện trợ an ninh hàng năm cho Syria và Iraq thông qua Quỹ đào tạo và trang bị chống ISIS (CTEF), nhằm chống lại các chiến binh ISIS thông qua việc xây dựng năng lực đối tác và đào tạo và trang bị cho lực lượng an ninh ở Iraq và Syria trong năm hạng mục: 1) trợ cấp, 2) hỗ trợ hậu cần, vật tư và dịch vụ, 3) đào tạo và trang bị, 4) sửa chữa và cải tạo cơ sở hạ tầng và 5) duy trì [Center for international policy, 2022, p.1].

Bảng 3.3: Nguồn tài chính Quỹ đào tạo và trang bị chống ISIS (CTEF)

Hạng mục	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Đào tạo và trang bị	37,000,000 \$	35,000,000 \$	33,600,000	35,000,000
Hỗ trợ hậu cần, vật tư và dịch vụ	22,200,000 \$	20,000,000 \$	42,200,000	31,120,000
Tiền trợ cấp	57,200,000 \$	70,000,000 \$	71,400,000	71,880,000
Sửa chữa và cải tạo cơ sở hạ tầng	6,300,000 \$	20,000,000 \$	7,600,000	6,000,000
Duy trì	2,300,000 \$	10,000,000 \$	5,200,000	12,000,000
TỔNG	125,000,000 \$	155,000,000\$	160,000,000\$	156,000,000\$

Nguồn: NCS tổng hợp các báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ

Viện trợ quốc tế, đặc biệt là từ Liên hợp quốc và Mỹ đã đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ người dân Syria trong tình hình nội chiến bất ổn. Quan điểm của Mỹ về chính quyền Assad là “tham nhũng” và “vi phạm nhân quyền” và lên án việc Nga “không đặt yêu cầu nhân đạo lên đầu”. Mỹ cáo buộc Nga “chỉ tìm cách bảo vệ chế độ Assad, chống đỡ cho vị thế của chế độ và buộc “các tổ chức nhân đạo phải đầu hàng theo ý muốn của chế độ” [USUN, 2022]. Mỹ đã gia tăng các gói viện trợ vào Syria, nhằm nhấn mạnh các giá trị nhân đạo, dân chủ, và quyền con người. Từ đó Mỹ muốn làm nổi bật sự tương phản giữa mình với Nga, quốc gia hỗ trợ một chính quyền bị cáo buộc vi phạm nhân quyền và gây ra khủng hoảng nhân đạo tại Syria. Ngoài ra, Mỹ cũng triển khai cùng Liên hợp quốc các chương trình hỗ trợ xuyên biên giới với Syria. Vào tháng 7 năm 2024, chính quyền Asad đã gia hạn cho Liên hợp quốc quyền cung cấp viện trợ xuyên biên giới cho các khu vực do phe đối lập kiểm soát ở tây bắc Syria thông qua cửa khẩu Bab al Hawa cho đến tháng 1 năm 2025. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã đưa ra lệnh viện trợ xuyên biên giới với thông báo cho (thay vì sự cho phép của) chính quyền Asad từ năm 2014 đến tháng 7 năm 2023, khi Nga ngăn cản việc gia hạn lệnh này [Congress, 2024].

Văn phòng Điều phối các vấn đề nhân đạo của Liên hợp quốc báo cáo rằng Kế hoạch ứng phó nhân đạo Syria đang thiếu hụt nghiêm trọng và liên tục, với chỉ 34,5% trong số 4,1 tỷ USD yêu cầu tài trợ được đáp ứng tính đến đầu 2025 [Rayes D., 2025]. Tính đến năm 2024, theo số liệu của Đại sứ quán Mỹ tại Syria, “Mỹ vẫn

là nhà tài trợ nhân đạo lớn nhất cho hoạt động ứng phó với Syria, đóng góp gần 1,2 tỷ đô la cho hoạt động ứng phó tại Syria và khu vực trong năm tài chính 2024 và hơn 18 tỷ đô la kể từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng kéo dài 13 năm” [U.S. Embassy in Syria, 2024]. Phần lớn nguồn tài trợ của năm 2024 hỗ trợ các nỗ lực ứng phó nhân đạo và khẩn cấp, với 76,8 triệu đô la dành cho hỗ trợ người tị nạn và nạn nhân xung đột, 34,7 triệu USD cho viện trợ nhân đạo như thực phẩm và dinh dưỡng, và 20,2 triệu USD cho hỗ trợ lương thực khẩn cấp và các dịch vụ liên quan [Rayes D., 2025]. Ngoài ra, Mỹ đã cung cấp hơn 1,3 tỷ USD viện trợ ổn định cho các khu vực không do chế độ kiểm soát ở Syria kể từ năm 2011. Bộ Ngoại giao Mỹ đã mô tả “viện trợ ổn định ở đông bắc Syria là một đối trọng với ảnh hưởng của Nhà nước Hồi giáo” [Congress, 2024].

Bảng 3.4: Viện trợ song phương của Mỹ vào Syria (2021-2025)

Đơn vị: Triệu USD

Tài khoản	2021	2022	2023	2024	2025 (dự kiến)
Quỹ ổn định giáo dục (EFS)	40.00	57.45	78.05	80.00	100.00
Kiểm soát ma túy và thực thi pháp luật quốc tế (INCLE)	0	6.14	10.00	10.00	10.00
Hiệp hội quốc gia đại diện cho người khuyết tật (NADR)	0	7.00	8.50	7.00	8.50
Tổng	40	70.59	96.55	97.00	118.50

Nguồn: [Congress, 2025]

Nhìn chung, có thể thấy, Mỹ duy trì nguồn viện trợ và cung cấp quỹ tài chính vào Syria với lý do ngăn không để chủ nghĩa khủng bố và IS hoạt động trở lại. Qua đó, Mỹ sẽ duy trì được sự ảnh hưởng và kiểm soát tình hình tại Syria, đóng vai trò trong việc tái thiết Syria, ngăn chặn sự gia tăng ảnh hưởng của Nga, Iran tại đây.

3.2.4. Cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria về quân sự

Mỹ và đồng minh hỗ trợ cho phe đối lập vũ trang lật đổ chế độ Syria trong khi Nga cùng Iran tiếp tục ủng hộ chính phủ Assad

Trong nỗ lực giảm leo thang các nỗ lực quân sự của mình, Nga có thể sẽ ưu tiên tái thiết các cơ quan an ninh nhà nước và các tổ chức quân đội. Điều này đồng

thời nâng cao tính hợp pháp của chế độ, đồng minh của họ, giúp chế độ này áp đặt và thực thi các khu định cư địa phương nhằm bảo vệ chủ quyền của chế độ, đồng thời giảm bớt gánh nặng hoạt động cho quân đội Nga. Bởi vậy việc xây dựng lại cơ sở hạ tầng cốt lõi có tầm quan trọng chiến lược đối với chế độ, nên đây có thể là mục tiêu hỗ trợ của Nga. Việc Nga tham gia cuộc nội chiến ở Syria đi kèm với cam kết hỗ trợ một số dự án cơ sở hạ tầng. Mục tiêu của Nga đã bao gồm việc lấy lại quyền tiếp cận các con đường quan trọng và kết nối cơ sở hạ tầng này.

Nga chính thức can thiệp trực tiếp vào Syria khi có yêu cầu của chính phủ Syria nên đây là việc phù hợp với quyền tự vệ của một nước theo quy định của Liên hợp quốc. Nga ủng hộ chính phủ Syria trên chính trường quốc tế. Điều đó thể hiện bằng việc Nga trực tiếp cung ứng trang thiết bị cho quân đội chính phủ Syria: hàng trăm binh lính, 28 máy bay chiến đấu, trực thăng, xe tăng... Nga tiến hành các cuộc không kích chống lại nhà nước Iraq, Levant, Al-queda và những phe đối lập đang chống lại chính phủ Syria. Tính đến ngày 6/10/2015: Nga đã đưa 2000 binh lính, cố vấn, nhân viên kỹ thuật vào Syria, chủ yếu đóng tại 2 căn cứ là Latakia và Tartus. Các tàu chiến của Nga tại vùng biển Caspi cũng tham gia tấn công bắn hỏa tiễn vào đất liền. Đầu tháng 11/2015: Có 34 máy bay (12 chiếc Su24M2, 12 chiếc Su-25, 6 chiếc Su-34), có Mil Mil-24, trực thăng vũ trang Mi 28, trực thăng chiến đấu Ka-52, xe tăng chiến đấu, pháp tự hành, một số lính thủy đánh bộ của Nga tham gia tại Syria. Tính đến đầu năm 2017: có khoảng 70 máy bay không người lái của Nga phục vụ và chiến đấu tại Syria.

Xung quanh cuộc chiến chống IS và chống khủng bố

Trước sự nổi lên của IS tại Syria và Iraq, cả Nga và Mỹ đều vô cùng quan ngại bởi IS nói riêng và chủ nghĩa khủng bố nói chung là mối đe dọa an ninh chung, không loại trừ bất cứ một quốc gia nào trên thế giới. Đặc biệt đối với Nga và Mỹ thì nguy cơ khủng bố, đe dọa an ninh quốc gia lúc nào cũng rình rập. Chính vì vậy, Nga và Mỹ đã có bước đi ban đầu trong hợp tác chống IS, thể hiện bằng cuộc hội đàm giữa Tổng thống Obama và Tổng thống Putin về vấn đề IS vào ngày 23/6/2014, tiếp sau đó, ngày 14/10/2014, Ngoại trưởng Mỹ Kerry và Ngoại trưởng Nga Lavrov cũng đã có cuộc gặp trực tiếp để bàn về việc hợp tác giữa Nga và Mỹ trong cuộc chiến chống IS.

Nhìn từ góc độ cạnh tranh và đối đầu, Nga và Mỹ luôn cáo buộc các hành động quân sự của nhau ở Syria. Bộ Quốc phòng Nga cáo buộc các lực lượng Mỹ từng “lò” việc 400 tay súng IS di chuyển qua khu vực lực lượng Mỹ đồn trú và cho rằng máy bay chiến đấu của liên quân do Mỹ đứng đầu đã bay trên bầu trời Raqqa song không tiến hành bất kỳ vụ không kích nào nhằm vào IS. Nga không ít lần ám chỉ Mỹ đang hỗ trợ IS tại Syria và đặt câu hỏi nghi vấn về mục tiêu của Mỹ và SDF ở Syria... Trong khi đó, tại Hội nghị an ninh Munich, Đức tháng 2/2016, Nghị sỹ John McCain đã cáo buộc Nga biến Syria thành nơi “tập bắn đạn thật” cho quân đội của mình... Mỹ cũng cáo buộc Nga can thiệp vào cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2016 và đã áp đặt nhiều lệnh trừng phạt chặt chẽ hơn đối với Nga sau khi Nga sáp nhập bán đảo Crimea năm 2014 cũng như cuộc chiến giữa Ukraine và lực lượng nổi dậy do Nga hậu thuẫn.

Nga và Mỹ luôn tìm cách loại bỏ sự tham gia của các bên trong các cuộc họp bàn về cuộc chiến chống IS. Sự hợp tác giữa Nga và Mỹ là vô cùng cần thiết trong cuộc chiến chống IS, tuy nhiên tại cuộc họp cấp bộ trưởng 68 quốc gia liên minh do Mỹ đứng đầu trong cuộc chiến chống IS diễn ra vào ngày 22-23/3/2017 tại Washington, Nga không nằm trong danh sách khách mời bởi vì theo Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson “Nga không phải là một phần của liên minh toàn cầu”. Điều đó chứng tỏ quân đội Mỹ chưa sẵn sàng phối hợp với quân đội Nga. Mỹ không muốn hợp tác với Nga vì Nga tiếp tục ủng hộ chế độ Assad. Ngược lại, Nga chỉ trích việc Mỹ từ chối hợp tác với Nga - Syria và cảnh cáo hoạt động của quân Mỹ ở Syria là phi pháp. Khi cuộc chiến chống IS đã đạt được nhiều kết quả, thay vì cần tiếp tục hợp sức, phối hợp chặt chẽ hơn trong việc tiêu diệt những tàn dư cuối cùng của IS tại Syria thì Nga và Mỹ lại không có sự hợp tác triệt để. Do đó, đây lại là nguyên nhân khiến Mỹ và Nga cạnh tranh quyết liệt hơn, tranh giành ảnh hưởng tại từng khu vực, địa bàn của Syria.

Hiện nay, Nga ra sức hỗ trợ quân đội của chính phủ Tổng thống Assad giành chiến thắng từng bước các phần lãnh thổ của Syria trước đây dưới sự kiểm soát của IS và cùng với Thổ Nhĩ Kỳ và Iran tích cực dàn xếp các thỏa thuận ngừng bắn, đưa các bên tại Syria ngồi vào bàn thảo luận một giải pháp chấm dứt nội chiến, được Liên hợp quốc hoan nghênh coi là một phần hỗ trợ cho nỗ lực hòa bình của Liên

hợp quốc với Syria. Còn Mỹ đang hỗ trợ và cung cấp vũ khí cho các lực lượng chống đối Assad, triển khai các lực lượng của Mỹ tại Syria để đối phó với sự hiện diện của quân đội Iran tại chiến trường này và ngưng khoản viện trợ nhân đạo trị giá 200 triệu USD cho chính phủ Syria. Điều này cho thấy mặc dù mục tiêu chống IS là mục tiêu chung của cả Nga và Mỹ, song sự tranh giành ảnh hưởng, lợi ích địa chiến lược tại Syria đã khiến Nga và Mỹ không thỏa hiệp được và ngày càng ra sức cạnh tranh quyết liệt hơn. Chẳng hạn, cuộc đối đầu giữa Tomahawk của Mỹ và S-400 của Nga tại chiến trường Syria đầu năm 2018 là ví dụ sinh động cho cuộc cạnh tranh “không khoan nhượng” giữa Mỹ và Nga tại đây.

Đỉnh điểm cho cạnh tranh quyết liệt giữa Nga và Mỹ là cuộc chiến tại Idlib - thành trì cuối cùng của lực lượng nổi dậy và khủng bố ở Syria với 60.000 tay súng đối lập và hơn 12.000 phần tử phiến quân Hay'at Tahrir al-Sham (HTS). Nga, Iran và chính phủ Syria phát động cuộc tấn công Idlib với lý do chính đáng bởi HTS đã bị Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc liệt vào nhóm khủng bố. Nga, Syria và Iran có kế hoạch chuẩn bị một cuộc chiến lớn để giải phóng Idlib. Từ đầu tháng 6/2018, Nga đã bắt đầu xây dựng lực lượng để hỗ trợ quân đội chính phủ Syria giành lại tỉnh Idlib bao gồm những chiếc xe tăng T90 mới cùng với các pháo phòng không tiên tiến và nhiều thiết bị tác chiến điện tử khác. Tuy nhiên, Mỹ không dự định hợp tác với Nga tại mặt trận Idlib và có kế hoạch riêng để chống khủng bố tại Syria. Ngày 31/8/2018, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo tuyên bố “Mỹ coi bất cứ cuộc tấn công nào của chính phủ Syria vào Idlib như một sự leo thang trong cuộc nội chiến tại Syria và cảnh báo Mỹ sẽ đáp trả nếu quân đội Syria tiến hành bất cứ vụ tấn công hóa học nào”. Mỹ không muốn bị đẩy ra khỏi chiến trường Syria bởi một khi quân đội Syria phát động chiến dịch tấn công Idlib, lực lượng nổi dậy do Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ hậu thuẫn ở tỉnh này có thể sẽ bị xóa sổ, khiến Mỹ mất đi phần ảnh hưởng đáng kể tại đây. Trận chiến ở Idlib là cơ hội cuối cùng để các nước như Mỹ, Anh, Pháp can thiệp vào tình hình ở Syria để kìm sự ảnh hưởng của Nga tại quốc gia Trung Đông này.

Ngày 17/9/2018, Tổng thống Nga V.Putin và Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Recep Erdogan tổ chức cuộc gặp ở Sochi để thống nhất phương án hoãn chiến dịch tấn công Idlib và thiết lập vùng phi quân sự ở Idlib, đồng thời Nga cùng Thổ Nhĩ Kỳ sẽ

tiến hành thanh lọc các tổ chức khủng bố ra khỏi lực lượng đối lập ôn hòa. Bằng quyết định này, liên quân Syria - Nga - Iran cùng với Thổ Nhĩ Kỳ đã giải quyết được nhiều vấn đề cùng một lúc. Đó là tiêu diệt các lực lượng khủng bố cuối cùng ở Idlib mà không gây ra thảm họa với dân thường. Nó cũng giúp Thổ Nhĩ Kỳ không phải đối mặt với làn sóng di cư ồ ạt từ Syria và tạo điều kiện cho Syria có thời cơ khôi phục cơ sở hạ tầng, củng cố lực lượng. Iran hoàn toàn hài lòng với thỏa thuận ngừng bắn này vì vừa có thể tiếp tục duy trì ảnh hưởng tại Syria, vừa tránh được cuộc đối đầu quân sự với Mỹ. Nga đã khẳng định vị thế của mình trong việc tiếp tục giúp Syria chống khủng bố, đồng thời giữ “thẻ điện” cho Tổng thống Mỹ Donald Trump thoát khỏi cạm bẫy của các thế lực chống đối [Lê Thế Mẫu, 2016].

Năm 2017 lực lượng quân sự Nga đã đánh bại các phần tử khủng bố IS và giúp quân đội của chính phủ Assad thu hồi các tỉnh và thành phố trọng yếu như Aleppo, Dier ez-Zor, kiểm soát được hầu hết các tuyến giao thông và chiếm ưu thế lớn trên chiến trường. Tuy nhiên, cuộc xung đột địa chính trị giữa các nước lớn nhất là giữa Nga và Mỹ vẫn rất gay gắt. Mỹ cùng các lực lượng thân Mỹ đang tìm mọi cách ngăn chặn các nỗ lực của Nga tại Trung Đông, nhất là trong tiến trình chính trị về Syria hiện nay, đồng thời Mỹ và đồng minh vẫn cô lập và tìm cách tăng cường trừng phạt Nga. Có thể thấy, tuy ảnh hưởng của Nga tại Trung Đông có gia tăng, nhưng lợi thế cạnh tranh của Nga với Mỹ tại đây vẫn không gia tăng. Ở Trung Đông, Mỹ có một hệ thống hoàn chỉnh các đồng minh, là nước giữ vai trò chủ chốt nhất trong mọi tiến trình, trong khi sự cố gắng của Nga sẽ chỉ xác định trong một khuôn khổ có giới hạn do sức mạnh quốc gia của Nga có giới hạn. Nga đang tập trung lấy thành quả Nga đạt được tại Syria để mở rộng ảnh hưởng ra những nơi khác, để khẳng định vị thế nước lớn của mình trong một thế giới đa cực. Mục tiêu chống chủ nghĩa khủng bố vẫn luôn là mục tiêu quan trọng trong chính sách Trung Đông của Nga bên cạnh các mục tiêu kinh tế và chính trị. Tuy nhiên, khi IS thất bại tại Syria, những khó khăn vẫn tiếp tục nảy sinh tại đây đòi hỏi Nga phải tiếp tục có những điều chỉnh mới trong chính sách Trung Đông của mình. Một trong những vấn đề nảy sinh mới đó là sự phân chia thành quả tại Syria: nhiều lực lượng có thể hợp tác cùng nhau để tiêu diệt IS, nhưng các lực lượng đó khó có thể hợp tác tiếp tục mà sẽ thủ thế trước chiến lợi phẩm là vùng lãnh thổ mà IS chiếm trước đó.

Tham gia hỗ trợ quân đội chính phủ Assad là cơ hội để Nga khẳng định năng lực quân sự và cạnh tranh trực tiếp với Mỹ

Những bài học rút ra từ sự sa lầy vào chiến trường Afghanistan khiến Nga đã có những chiến lược quân sự linh hoạt khi quyết định trực tiếp can thiệp vào Syria. Sức mạnh và tiềm lực quân sự Nga đã một lần nữa được chứng minh thông qua những kết quả Nga đã đạt được tại chiến trường Syria khi hỗ trợ quân đội của chính phủ ông Assad để chống lại các lực lượng đối lập và lực lượng khủng bố cực đoan IS. Như chính Tổng thống Putin đã phân tích trong bài phát biểu trước Quốc hội Liên bang vào tháng 3 năm 2018 như sau: “Lợi ích bán vũ khí và đào tạo mà chiến dịch ở Syria mang lại: đã chứng minh khả năng gia tăng của Lực lượng vũ trang Nga... Lực lượng vũ trang hiện có vũ khí hiện đại gấp 3,7 lần. Hơn 300 thiết bị mới đã được đưa vào sử dụng. Lực lượng, Lực lượng Hàng không Vũ trụ và Hải quân cũng đã phát triển mạnh mẽ hơn đáng kể”. [Vladimir Putin, 2018]. Đến tháng 2 năm 2019, trong bài phát biểu trước Quốc hội Liên bang, khi đề cập đến Trung Đông, Putin chỉ nhấn mạnh rằng: “Lực lượng vũ trang của mình và cải thiện cường độ cũng như chất lượng huấn luyện chiến đấu, một phần là nhờ sử dụng kinh nghiệm có được trong hoạt động chống khủng bố ở Syria” [Vladimir Putin, 2019].

Trong giai đoạn 2008-2012, Nga cung cấp 71% lượng vũ khí chính nhập khẩu của Syria. Nguồn cung cấp vũ khí của Nga bao gồm ước tính 24 hệ thống tên lửa đất đối không 9K9 Pantsyr-S1 và 6 hệ thống tên lửa đất đối không 9K40 Buk và 2 hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển K-300P Bastion-P [SIPRI, 2013, p.8]. Nga triển khai quân và máy bay chiến đấu tại sân bay Hmeimim (tỉnh Latakia). Ngoài ra, các cố vấn quân sự Nga đóng quân tại Syria đã hỗ trợ quân đội Syria lập kế hoạch chiến sự và kiểm soát quân đội. Hơn nữa, vào năm 2017, Nga và Syria đã ký một thỏa thuận về việc mở rộng và hiện đại hóa cơ sở hải quân thời Liên Xô ở Tartus, một chỗ đứng vững chắc cho sự hiện diện của hải quân Nga ở khu vực Địa Trung Hải. Là một phần trong hỗ trợ quân sự của Nga cho chính phủ Syria, Nga đã chuyển giao 25 xe tăng T-62 và ước tính 10 xe chiến đấu bộ binh (IFV) BMP-1 cho Syria. Năm 2018, Nga đã chuyển giao hơn ba sư đoàn S-300PM đã qua sử dụng cho Syria. Ngoài ra, có khả năng Nga đã chuyển giao đạn dược và phụ tùng vũ khí cho quân đội Syria thông qua mạng lưới cung cấp hậu cần “Syrian Express” [Kuimova, 2019, tr.8, 9].

Có thể thấy rằng, xuất khẩu vũ khí là “một công cụ hiệu quả để thúc đẩy lợi ích quốc gia của Nga”. Về cơ bản, Nga đã phát triển cái mà một số nhà phân tích gọi là chiến lược “Chống tiếp cận, chống xâm nhập khu vực (A2/AD) ở Địa Trung Hải. Cùng với việc triển khai hệ thống phòng không S-400 tới Syria, vào tháng 11/2015 (và tới bán đảo Crimea, vào tháng 8/2016), nhóm hải quân Nga ở phía Đông Địa Trung Hải được trang bị tên lửa hành trình Kalibr và tên lửa chống hạm P-800 Onyx, tạo thêm lợi thế chống lại kẻ thù mạnh. Sự hiện diện của Nga ở Địa Trung Hải thách thức quyền tự do hành động của NATO ở đó cũng như các khu vực của Trung Đông. Điều này đã được chứng minh bằng vùng cấm bay trên thực tế mà các hệ thống phòng không của Nga đã thiết lập tại các khu vực của Syria, Thổ Nhĩ Kỳ cũng như phía Đông Địa Trung Hải.

3.3. Đánh giá kết quả cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria

Việc đánh giá kết quả cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria giai đoạn 2011 - 2024 không chỉ đơn thuần là việc tổng kết các sự kiện thực địa, mà còn là quá trình đối chiếu với khung lý luận đã được thiết lập ở Chương 2. Hệ mục tiêu ba cấp độ (toàn cầu, khu vực, Syria) giữ vai trò thước đo mức độ đạt được, còn các cách tiếp cận lý thuyết trình giữ vai trò công cụ trả lời câu hỏi vì sao kết quả lại diễn ra như vậy. Từ góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực, kết quả này phản ánh sự vận động của sức mạnh trong môi trường vô chính phủ, nơi mỗi bên nỗ lực tối đa hóa quyền lực để thoát khỏi tình trạng lưỡng nan về an ninh. Chủ nghĩa Tự do lý giải vai trò của các cơ chế đa phương trong cạnh tranh. Chủ nghĩa kiến tạo lý giải chiều cạnh vị thế, bản sắc và tính chính danh mà Nga, Mỹ sử dụng. Đồng thời, thông qua khung phân tích của RAND, các kết quả về vị thế và uy tín quốc tế cho thấy sự tương tác giữa các giá trị vật chất và phi vật chất trong chiến lược của các cường quốc.

3.3.1. Về vị thế, uy tín quốc tế

Nội dung tranh chấp giữa hai cường quốc về vị thế quốc tế là cạnh tranh vai trò định hình, chi phối luật chơi quốc tế thông qua Syria. Nga tìm cách chứng minh nước Nga là một cường quốc và Nga có đủ năng lực lẫn tư cách để định đoạt kết cục một cuộc khủng hoảng lớn ngoài không gian ảnh hưởng truyền thống của mình. Đồng thời Nga phê phán quy tắc, chuẩn mực, trật tự mà Mỹ dẫn dắt. Ngược lại, Mỹ tìm cách chứng minh rằng nguyên tắc và khuôn khổ do Mỹ dẫn dắt vẫn là chuẩn

mục mà mọi giải pháp cuối cùng phải tuân theo. Cuộc ganh đua ở tầng này vì vậy mang tính chất một cuộc cạnh tranh biểu tượng, trong đó thắng lợi của bên này được đo bằng chính sự suy giảm uy tín, ảnh hưởng của bên kia.

Nga giành ưu thế áp đảo trước Mỹ, thành công trong việc dùng Syria làm đòn bẩy khẳng định sự trở lại của một cường quốc toàn cầu

Không thể phủ nhận rằng, việc Nga can thiệp vào Syria năm 2015 đóng vai trò quan trọng trong diễn biến của nội chiến Syria và thể hiện chính sách đối ngoại của Tổng thống V. Putin trong nỗ lực khẳng định vị thế toàn cầu và thách thức các luật lệ quốc tế do phương Tây chi phối. Nga dùng Syria làm bàn đạp để đánh dấu sự trở lại vị thế cường quốc toàn cầu và thoát khỏi sự cô lập ngoại giao sau vụ sáp nhập Crimea (năm 2014) và buộc phương Tây phải đối thoại với Nga như một đối trọng ngang hàng. Can thiệp tại Syria là nỗ lực thực tế nhất của Nga nhằm chống lại chủ nghĩa đơn phương của Mỹ và mô hình “thay đổi chế độ” của phương Tây. Đây là minh chứng cho luận điểm của Chủ nghĩa Hiện thực về việc các nước lớn sẽ thay đổi trật tự thế giới theo hướng có lợi cho mình khi tình hình thuận lợi. Việc Nga thúc đẩy “trật tự đa cực” tại Syria chính là nỗ lực áp dụng lý thuyết vào thực tiễn để phá vỡ thế đơn cực của Mỹ.

Nga đã sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an và các sáng kiến ngoại giao như Tiến trình Astana (phối hợp với Thổ Nhĩ Kỳ và Iran) để tạo ra các khuôn khổ giải quyết xung đột song song, gạt bỏ ảnh hưởng của phương Tây và thúc đẩy một trật tự thế giới nơi Nga là một trong những cực quyền lực chính. Nga muốn thiết lập chuẩn mực cho một “trật tự đa cực”, bảo vệ nguyên tắc chủ quyền quốc gia tối thượng để chống lại chính sách can thiệp, lật đổ chế độ (regime change) mang tính áp đặt của Mỹ. Từ những can thiệp này, Nga đạt được thứ hạng và ảnh hưởng toàn cầu lớn hơn. Nhiều chuyên gia cho rằng thành công ở Syria đã khẳng định Nga “đã trở lại” trên bản đồ chính trị thế giới. Bởi lẽ, qua Syria, Nga đã thành công trong việc bảo vệ một đồng minh, ngăn cản Mỹ tiến thêm một nước cờ thay đổi chế độ, và có bằng chứng cụ thể cho tham vọng đa cực của mình.

Từ năm 2011 đến năm 2024, Nga đã tạo dựng được vị trí quân sự sâu tại khu vực, đối trọng với NATO và hỗ trợ chuỗi hành lang chiến lược (từ Biển Đen đến Trung Đông). Các chuyên gia đánh giá sự ảnh hưởng của Nga tại Syria là “sự thắng

thể với chi phí thấp”. Nga đã đạt được lợi ích tối đa mà không phải trả cái giá quá đắt trong nước, đồng thời dùng Syria làm bàn đạp để vươn tầm ảnh hưởng ra ngoài không gian hậu Xô viết [Borshchevskaya, p.174]. Mặc dù Tổng thống Assad bị lật đổ vào cuối năm 2024, Nga sẽ phải đàm phán lại với chính quyền mới, nhưng Nga vẫn có vị thế nhất định tại Syria, với vai trò bình đẳng hơn. Trong chuyến thăm Nga ngày 15-10-2025, tổng thống Syria Ahmed al-Sharaa đã nói với Tổng thống Nga Vladimir Putin rằng ông “sẽ tôn trọng tất cả các thỏa thuận đã ký kết giữa Syria và Nga” [Reuter, 2025].

Trên trường quốc tế, Nga đã chứng minh hình ảnh nước lớn phản kháng “chủ nghĩa đơn phương” của Mỹ. Nga muốn ngăn chặn tham vọng lật đổ chế độ của Mỹ để củng cố chuẩn mực của một “trật tự đa cực”, trong đó chủ quyền quốc gia phải được đặt cao hơn các giá trị tự do phương Tây [Hinnebusch, 2023, p.3]. Syria giữ một vị trí quan trọng đối với Nga vì cuộc khủng hoảng ở nước này đã giúp Nga lấy lại được vị thế một cường quốc có khả năng giải quyết các vấn đề quốc tế. Nó thể hiện không chỉ sức mạnh quân sự mà còn cả sức mạnh ngoại giao. Nó đã có thể phá vỡ liên minh giữa Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ, một đồng minh lớn của Mỹ. Sự thay đổi phe của Thổ Nhĩ Kỳ xảy ra sau sự bế tắc giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ về việc bắn rơi máy bay phản lực Nga, đe dọa tình hình giống như chiến tranh giữa hai nước. Nga đã có thể đưa các đảng đối lập và chính phủ của Tổng thống Syria Bashar al-Assad đến đàm phán về một giải pháp ở Syria. Dù kết quả đàm phán giữa các bên tham chiến chưa thành công nhưng Nga đã chứng tỏ được tầm ảnh hưởng của mình.

Sự can thiệp từ 2015 cho thấy Nga trở thành một bên quan trọng trong giải quyết vấn đề Syria trên mặt trận ngoại giao và quân sự. Sự kiện năm 2013 khi chính quyền Assad bị cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học tại Ghouta là một thắng lợi ngoại giao của Nga. Trong bối cảnh Tổng thống Obama tuyên bố về “lằn ranh đỏ”, Nga đã sử dụng chính sách ngoại giao hiệu quả khi đề xuất một thỏa thuận tiêu hủy kho vũ khí hóa học của Syria để đổi lấy việc Mỹ hủy bỏ các kế hoạch không kích. Thành công của thỏa thuận này mang lại lợi ích chiến lược cho Nga. Thứ nhất là cứu vãn chế độ Assad, ngăn chặn một cuộc tấn công quân sự trực tiếp của Mỹ khi quân đội Syria đang ở thế yếu. Thứ hai là làm suy giảm uy tín của Mỹ với vai trò một cường quốc quyết đoán, đồng thời nâng tầm Nga trở thành một bên trung gian

trong giải quyết vấn đề Syria. Thứ ba là thông qua sự kiện này, Nga đã hợp thức hoá chế độ Assad khi đó, buộc cộng đồng quốc tế phải công nhận chính quyền Assad là đối tác hợp pháp để thực hiện tiến trình hoà giải tại đây.

Nhìn chung, từ năm 2011 đến năm 2024 (trước khi Assad sụp đổ), về mặt thành công, chiến dịch ngoại giao hiệu quả của Nga (thỏa thuận ngừng bắn, giảm leo thang Astana) kết hợp với các nỗ lực quân sự đã đóng vai trò quyết định trong việc giữ cho al-Assad nắm quyền và khẳng định lại ảnh hưởng của chế độ trên khắp Syria. Các nỗ lực quân sự và ngoại giao phối hợp đã giúp Nga đạt được các mục tiêu chính của mình, đảm bảo ảnh hưởng chiến lược lâu dài của Nga và giảm bớt sự cạnh tranh của Mỹ ở Syria. Việc giải phóng Aleppo (2016) phần lớn đảm bảo việc khởi động quá trình đàm phán ở Astana (Kazakhstan), trong đó chính quyền Assad, phe đối lập Syria, Thổ Nhĩ Kỳ và Iran tham gia. Những nỗ lực nhất quán của Nga thông qua một loạt các hội nghị được tổ chức ở Astana và Nor-Sultan đã tạo ra một nền tảng tích cực cho một cuộc đối thoại quốc gia có thể dẫn đến sự hòa giải Syria trong khuôn khổ quốc tế rộng lớn hơn. Các quyết định của vòng họp Astana lần thứ 20 (tháng 6 năm 2023) đã bác bỏ chế độ trừng phạt đơn phương chống lại Syria và góp phần làm suy yếu chế độ trừng phạt chống lại Damascus. Điều này khiến các lực lượng đối lập Syria khó đưa ra các quyết định bỏ qua chế độ Syria và Nga [Kotobi, 2023].

Hoạt động ngoại giao của Nga tại Astana (Kazakhstan) đã giúp Nga tối đa hóa lợi thế và tạo điều kiện thuận lợi cho những thành quả đạt được tại bàn đàm phán quốc tế (Geneva). Việc các nhà ngoại giao Nga tích cực xây dựng “lộ trình” giải quyết xung đột Syria đã đảm bảo ưu tiên cho lập trường của Nga tại Astana so với các “bàn tròn” ở Geneva trong việc thông qua kế hoạch hòa bình cho Syria và gia tăng uy tín quốc tế của Nga trong thế giới Ả Rập. Nga đã thiết lập được quyền kiểm soát gần như hoàn toàn không phận Syria và củng cố vị thế của mình ở Địa Trung Hải - một dải bờ biển trải dài từ bắc xuống nam. Nga đã trở thành một bên tham gia chủ chốt trong cuộc xung đột Syria, vị thế mà Mỹ, châu Âu và các nước hàng đầu trong khu vực, bao gồm Thổ Nhĩ Kỳ và Iran, buộc phải tính đến. Chiến dịch quân sự của Nga tại Syria đã tạo cơ hội hiện đại hóa năng lực chiến đấu của Nga. Các sĩ quan Nga đã thu được kinh nghiệm quý báu trên thực địa khi tương tác

với Lực lượng Vệ binh Cách mạng Hồi giáo (IRGC), lực lượng Hezbollah và các lực lượng khác [Akhmedov, 2024, p.777].

Trước 2024, Mỹ bị thất thế do sự thiếu nhất quán và sự do dự trong chính sách

Thất bại của Mỹ trước 12/2024 là đã để Nga, Iran trở thành chủ thể đóng vai trò quan trọng trong các tiến trình của Syria. Chính sự thiếu nhất quán và có phần do dự trong chính sách của Mỹ đối với Syria trong giai đoạn đầu của cuộc nội chiến đã khiến Mỹ bị mất vị thế tại đây. Ngược lại, Nga và Iran đã thể hiện quyết tâm kiên định trong việc ủng hộ Tổng thống Syria Bashar al-Assad. Mỹ đã thất bại trong việc đưa ra một lộ trình chính trị nhất quán cho Syria. Sự thay đổi chính sách giữa các chính quyền Obama, Trump và Biden đã gây ra sự mất lòng tin sâu sắc từ các đồng minh địa phương. Việc Mỹ không thể giải quyết được xung đột lợi ích giữa Thổ Nhĩ Kỳ và người Kurd đã tạo điều kiện cho Nga và Iran mở rộng ảnh hưởng. Hơn nữa, việc áp dụng các lệnh trừng phạt kinh tế hà khắc đã không thể lật đổ được Assad trong một thời gian dài nhưng lại đẩy hàng triệu người dân Syria vào cảnh nghèo đói và phụ thuộc vào viện trợ quốc tế. Mỹ cũng bị đánh giá là đã đánh mất thế chủ động ngoại giao cho Nga trong suốt giai đoạn 2017-2023.

Trong khi Nga đạt được những dấu ấn ngoại giao với tư cách là nhà trung gian cho Syria thì Mỹ không tạo được thay đổi từ tiến trình Geneva. Sự kiện vũ khí hoá học năm 2013 đã được nhắc lại như một minh chứng cho thấy Mỹ dường như đã thiếu chiến lược rộng lớn đối với Syria. Trong 13 năm nội chiến, nhiều học giả cho rằng “Mỹ thiếu vắng tầm nhìn dài hạn cho tương lai của Syria khiến các chính quyền củ Mỹ thiếu các mục tiêu chính trị rõ ràng có thể đạt được và bị ảnh hưởng bởi các chủ thể khác” [Bolan, 2019]. Đây là một trong những nguyên nhân khiến Mỹ vai trò tại Syria và Nga - Iran đã lấp đầy khoảng trống quyền lực này. Việc thiếu một chiến lược khả thi của Mỹ vượt ra ngoài vấn đề về ISIS làm suy yếu vai trò lãnh đạo khu vực của Mỹ trong thời kỳ này. Trước khi Assad sụp đổ, nhiều học giả đánh giá rằng chính sách của Mỹ tại Syria dưới thời của Tổng thống Obama, Tổng thống Donald Trump nhiệm kỳ 1 và Tổng thống Joe Biden là thất bại. Vì Syria chưa bao giờ là vấn đề an ninh quốc gia lớn của Mỹ, và lợi ích của Mỹ ở đó luôn chỉ giới hạn ở việc ngăn chặn cuộc xung đột đe dọa những mối quan tâm quan trọng hơn của Mỹ ở những nơi khác. Chính sách của Mỹ hầu như không đạt được

mục tiêu trọng tâm đó vì không đảm bảo cải cách chính trị ở Syria, khôi phục ổn định cho đất nước và giải quyết tàn dư ISIS [Ford, 2021].

Chính sách của Mỹ đối với cuộc xung đột Syria được giới quan sát đánh giá là thiếu nhất quán và bộc lộ nhiều sai lầm mang tính chiến lược. Mỹ đã duy trì sự hỗ trợ cho các phe phái đối lập được định danh là "ôn hòa", bất chấp thực tế là năng lực tác chiến và ảnh hưởng của các nhóm này suy giảm đáng kể trước sự trỗi dậy của các tổ chức cực đoan. Trong khuôn khổ chiến dịch chống Nhà nước Hồi giáo (IS) tự xưng, mặc dù Mỹ đã thiết lập quan hệ đối tác thực địa với lực lượng người Kurd, song nước này lại thể hiện sự thoái lui về mặt cam kết khi từ chối bảo vệ đồng minh trước các cuộc can thiệp quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ tại khu vực biên giới Afrin.

Hơn nữa, nỗ lực của Mỹ trong việc huy động sự can thiệp từ các quốc gia vùng Vịnh cũng gặp trở ngại do sự chuyển dịch ưu tiên địa chính trị. Mặc dù chia sẻ mục tiêu chống IS, các đồng minh vùng Vịnh chủ yếu tập trung nguồn lực vào cuộc chiến chống lực lượng Houthi tại Yemen, khiến các lời kêu gọi từ phía Mỹ không đạt được hiệu quả kỳ vọng. Một điểm bất cập lớn khác trong diễn trình can thiệp của Mỹ là việc triển khai các cuộc không kích bằng tên lửa nhằm vào quân đội chính phủ Syria dựa trên các cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học. Tuy nhiên, các phân tích thực nghiệm chỉ ra rằng phần lớn thương vong trong cuộc xung đột xuất phát từ các hoạt động quân sự thông thường giữa các bên tham chiến, thay vì các vụ tấn công hóa học đơn lẻ. Sự can thiệp này không những không hạ nhiệt xung đột mà còn góp phần kéo dài cuộc chiến và làm trầm trọng hóa cuộc khủng hoảng nhân đạo. Việc Mỹ tập trung cục bộ vào mục tiêu tiêu diệt IS đã vô hình trung tạo khoảng trống chiến lược, cho phép các tác nhân khu vực như Syria, Thổ Nhĩ Kỳ và các quốc gia vùng Vịnh ưu tiên xử lý các đối thủ chính trị và lực lượng phiến quân riêng của họ, từ đó làm phức tạp hóa cấu trúc an ninh tại khu vực.

Sau 12/2024, uy tín, vị thế của Nga bị suy giảm, Mỹ phục hồi thế chủ động

Bước ngoặt tháng 12/2024 làm đảo chiều căn bản tương quan vị thế giữa hai cường quốc tại Syria. Trên phương diện kết quả, mục tiêu mà Mỹ theo đuổi từ năm 2011 là chấm dứt chính quyền Bashar al-Assad đã trở thành hiện thực. Đồng thời, hai đối thủ chiến lược của Mỹ tại địa bàn là Nga và Iran đều mất chỗ dựa chính. Vị thế của Mỹ theo đó được cải thiện rõ rệt: từ chủ thể bị đánh giá là thất thế và do dự

trong phần lớn giai đoạn, Mỹ chuyển sang vị trí có ưu thế trong việc định hình trật tự an ninh mới quanh Syria, thể hiện qua vai trò trung gian trong các cuộc tiếp xúc giữa chính quyền chuyển tiếp Syria với Israel, qua việc nắm giữ công cụ quyết định đối với tiến trình tái thiết là hệ thống trừng phạt, và qua khả năng đặt điều kiện cho tiến trình hòa nhập trở lại của Syria vào cộng đồng quốc tế.

Uy tín quốc tế của Nga bị tổn hại khi chính quyền của đồng minh sụp đổ

Thất bại trong bảo vệ đối tác chiến lược hàng đầu là Syria khiến Nga gặp khó trong duy trì hình ảnh cường quốc bảo trợ ở khu vực Trung Đông. Một số nước Trung Đông chuyển sang chính sách “đa cân bằng,” giảm phụ thuộc vào Nga và nghiêng về phía Mỹ. Sự sụp đổ của chế độ Assad đã gây tổn hại đến các lợi ích của Nga không chỉ riêng ở Syria. Sự sụp đổ này là một đòn giáng mạnh vào uy tín của Nga với tư cách là một đồng minh đáng tin cậy, có khả năng đảm bảo sự tồn tại của các đối tác.

Với sự thay đổi chế độ, tương lai của các căn cứ của Nga ở Syria, vốn rất quan trọng đối với các hoạt động của nước này ở lưu vực Địa Trung Hải, vẫn còn chưa chắc chắn. Chính quyền Syria mới dự kiến sẽ sử dụng các căn cứ quân sự này thành cơ sở huấn luyện cho quân đội quốc gia. Cơ sở hải quân ở Tartus cung cấp thiết bị quân sự cho đồng minh của Nga ở Syria, trong khi Hmeimim đóng vai trò là trung tâm hoạt động cho các nhiệm vụ chiến đấu của Nga. Các căn cứ này cũng cung cấp hỗ trợ hậu cần cho các hoạt động ở châu Phi. Việc mất chúng sẽ làm gián đoạn năng lực hải quân và không quân, làm giảm khả năng của Nga trong việc duy trì sự hiện diện ở phía đông Địa Trung Hải. Điều này làm suy yếu mục tiêu bao quát của Nga là thách thức ảnh hưởng của phương Tây và thiết lập vị thế thống trị của mình trong địa chính trị khu vực [MacFarquhar, 2024].

Mục tiêu chính của Nga ở Syria thời hậu Assad là giành quyền kiểm soát các tài sản chiến lược và đàm phán các thỏa thuận với chính phủ mới, có thể đề nghị hỗ trợ để đổi lại việc giành được sự công nhận quốc tế [Rodkiewicz - Chawryło, 2024]. Tuy nhiên, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là một nhân tố quan trọng. Là một bên ủng hộ chính của Hayat Tahrir al-Sham, lực lượng đã chiếm Damascus và đang cố gắng củng cố quyền lực của mình trên khắp đất nước, Thổ Nhĩ Kỳ có thể tận dụng mối quan hệ của mình để cho phép lực lượng Nga ở lại. Đối với Thổ Nhĩ Kỳ, điều này sẽ giúp

cân bằng ảnh hưởng của Israel và Mỹ. Mặc dù thỏa thuận này sẽ giải quyết một vấn đề cấp bách đối với Nga, nhưng nó sẽ phụ thuộc vào Ankara, một đối thủ địa chính trị với chương trình nghị sự riêng của mình ở Syria. Trong trung hạn, điều này có thể làm suy yếu hơn nữa vị thế của Nga [Graham, 2024].

Hậu quả từ sự sụp đổ của chế độ Assad càng trầm trọng hơn do cuộc chiến của Nga ở Ukraine. Cuộc xâm lược quy mô lớn năm 2022 đã gây ra các lệnh trừng phạt quốc tế sâu rộng, làm cạn kiệt nguồn lực quân sự và kinh tế, đồng thời cô lập Nga khỏi phần lớn cộng đồng quốc tế. Bị sa lầy trong khu vực lân cận của mình, Nga đã phải cố gắng để duy trì các cam kết của mình ở Trung Đông. Việc mất Syria cũng đã làm gián đoạn các tuyến đường hậu cần của Nga đến Bắc Phi, buộc phải phụ thuộc vào các tuyến đường thủy do Thổ Nhĩ Kỳ kiểm soát qua eo biển Bosphorus và Dardanelles. Sự phụ thuộc vào một đối thủ địa chính trị này càng làm suy yếu vị thế chiến lược của Nga [MacFarquhar, 2024]. Như vậy có thể nói rằng việc Nga không còn duy trì vị thế đồng minh với chính phủ mới tại Syria đã khiến Nga phải đối mặt với nhiều thách thức. Sự sụp đổ của chế độ Al-Assad phản ánh sự thất bại của chiến lược địa chính trị của Nga trong thời hiện đại. Đối với Nga, việc mất căn cứ Tartous không chỉ là một thất bại chiến thuật mà còn là thất bại cho chiến lược và tham vọng toàn cầu của nước này trong bối cảnh cuộc can thiệp kéo dài ở Ukraine vẫn chưa đi đến hồi kết.

Uy tín của Nga bị tổn hại khi Nga thất bại trong việc bảo vệ chính quyền Assad phản ánh giới hạn của nguyên tắc “tự cứu” khi nguồn lực của một quốc gia bị phân tán (do cuộc chiến Ukraine). Điều này cho thấy rằng “uy tín quốc tế” - một mục tiêu cạnh tranh “phi vật chất” trong khung của RAND, gắn liền mật thiết với khả năng duy trì sức mạnh cứng thực tế.

Mỹ thắng lợi gián tiếp và lấy lại thế chủ động chiến lược tại Syria

Sự sụp đổ của chính quyền Assad đã đánh dấu một bước ngoặt, nâng cao vị thế của Mỹ trong việc kiểm soát ảnh hưởng của các đối thủ chiến lược. Trong khi Nga phải đối mặt với sự tổn hại uy tín nghiêm trọng và phải rút bớt quân, vị thế của Mỹ đã được cải thiện rõ rệt, trở thành trụ cột trong cục diện an ninh Trung Đông. Mỹ hiện giữ vai trò răn đe quan trọng đối với Iran và các lực lượng ủy nhiệm, từ đó thúc đẩy ổn định khu vực và bảo vệ các đồng minh như Israel. Hậu Assad, Mỹ đã

chuyển từ chính sách kiềm chế sang hợp tác với chính quyền Syria mới (chính quyền al-Sharaa). Việc chính quyền mới nỗ lực tăng cường quan hệ với phương Tây và các quốc gia Ả Rập đã tạo ra lợi thế lớn cho Mỹ trong việc định hình một trật tự khu vực mới. Mỹ tiếp tục duy trì hiện diện quân sự hạn chế ở phía Đông Bắc để hỗ trợ các hoạt động chống IS và tạo đòn bẩy chính trị.

Xét từ góc độ lý luận, kết quả cạnh tranh về “vị thế - uy tín quốc tế” minh chứng cho luận điểm của Chủ nghĩa Kiến tạo về vai trò của bản sắc và sự thừa nhận trong hành vi nước lớn. Có thể thấy rằng, một trong những lợi ích, giá trị mà Nga đạt được tại Syria mang giá trị “biểu tượng”. Bên cạnh những lợi ích vật chất về kinh tế, quân sự, lợi ích “phi vật chất” theo khung phân tích của RAND thể hiện rất rõ với trường hợp của Nga tại Syria. Đó là sự thừa nhận tư cách cường quốc, một trong những vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng với sự trở lại của Nga những năm đầu thế kỷ XXI. Vì vậy, sự tổn hại uy tín của Nga sau tháng 12/2024 là một tổn thất lớn. Đồng thời, việc Nga và Mỹ đều theo đuổi vị thế trong tương quan so sánh với nhau cũng thể hiện đặc điểm “lợi ích tương đối” mà Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh.

3.3.2. Về mục tiêu ảnh hưởng khu vực

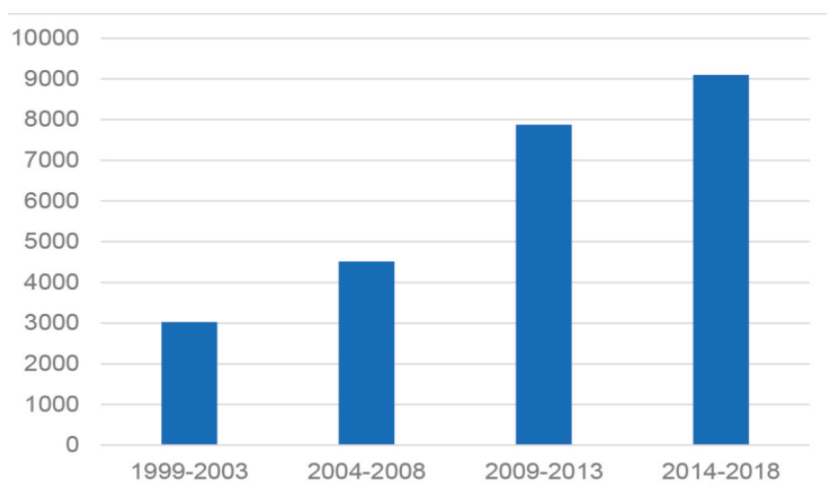
Nga mở rộng ảnh hưởng và tạo được thế ngoại giao linh hoạt, vượt trội so với sự hiện diện hạn chế của Mỹ tại Trung Đông

Nga mở rộng ảnh hưởng và tạo được thế ngoại giao linh động tại Trung Đông

Việc can thiệp vào Syria cũng đã giúp Nga có được sự ảnh hưởng và tạo được thế ngoại giao linh hoạt tại Trung Đông từ khi nội chiến nổ ra đến trước khi Assad sụp đổ. Trước hết, về lợi ích kinh tế, Trung Đông là thị trường xuất khẩu dầu khí thứ hai của Nga (sau khu vực châu Á). Can thiệp quân sự vào cuộc nội chiến Syria năm 2015, Nga đã có cơ hội thử nghiệm trang thiết bị quân sự của mình trong môi trường xung đột vũ trang, cũng như phát triển chiến thuật và quy trình sử dụng vũ khí. Về thương mại vũ khí, việc phô diễn công nghệ và năng lực quân sự của Nga trong cuộc nội chiến Syria có thể đã thu hút sự quan tâm từ các khách hàng nước ngoài tiềm năng và mở ra cơ hội cho Nga thâm nhập các thị trường mới. Việc triển khai các hệ thống vũ khí của Nga ở Syria đã được nhiều học giả mô tả như một chiến dịch tiếp thị nhằm thu hút khách hàng mới [Mirovalev, 2016] tại Trung Đông.

Việc bán vũ khí quan trọng với Nga không chỉ vì đây là nguồn thu tài chính mà còn là công cụ chính sách đối ngoại mang tính chiến thuật để gây ảnh hưởng. Giai đoạn 2014-2018, xuất khẩu vũ khí của Nga sang khu vực MENA đã tăng 16% so với giai đoạn 2009-2013. Trong 10 năm qua (2009-2018), Nga đã cung cấp vũ khí cho 14 quốc gia trong khu vực, chiếm 26% tổng kim ngạch xuất khẩu vũ khí của Nga, trong khi giai đoạn 1999-2008 con số này là 14% [Kuimova, 2019].

Đồng thời, nhờ lập lại trật tự ổn định cho chính quyền Assad từ năm 2011 đến năm 2024, Nga tạo được thế ngoại giao linh hoạt trong khu vực Trung Đông và mở rộng quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và một số nước Arab. Sau khi phần lớn rút khỏi khu vực sau Chiến tranh Lạnh, ảnh hưởng của Nga tiếp tục suy giảm trong Chiến tranh Iraq năm 2003 và “Mùa xuân Ả Rập”. Tuy nhiên, sau cuộc can thiệp quân sự vào Syria năm 2015, Nga đã tái khẳng định tham vọng thiết lập lại vị thế của mình như một nhân tố chủ chốt trong khu vực và qua đó giành lại sự công nhận như một cường quốc toàn cầu.



Biểu đồ 3.1: Khối lượng xuất khẩu vũ khí của Nga sang Trung Đông

Nguồn: SIPRI Arms Transfers Database 2019

(Các hoạt động chuyển giao được tính theo triệu đơn vị giá trị chỉ báo xu hướng do SIPRI xây dựng nhằm đo lường khối lượng chuyển giao vũ khí, không phản ánh giá trị tài chính)

Theo hướng này, Nga đã mở rộng quan hệ với các cường quốc khu vực quan trọng như Thổ Nhĩ Kỳ, Israel và các chế độ quân chủ vùng Vịnh, từ đó tránh được sự phụ thuộc quá mức vào Iran. Nga cũng cố được liên minh với Iran và Hezbollah,

từ đó tăng cường ảnh hưởng ở khu vực. Năm 2013, Nga đã đạt được ảnh hưởng tích cực trong khu vực sau khi ngăn chặn hoạt động quân sự của phương Tây chống lại chế độ Assad. Việc chính phủ Mỹ và Anh miễn cưỡng chấp thuận can thiệp sau vụ sử dụng vũ khí hóa học ở thủ đô Damascus đã mang lại cho Nga thời gian quan trọng để cung cấp hỗ trợ. Trong khi đó chính quyền Obama do dự và giảm bớt sự can dự của Mỹ vào khu vực và đặc biệt là vào cuộc nội chiến ở Syria lại càng khiến vai trò của Nga thời kỳ đó được nâng cao.

Sự kiên định của Putin trong việc bảo vệ chính quyền Assad cho đến cuối năm 2024 trái ngược hoàn toàn với việc Mỹ bị cáo buộc bỏ rơi các đồng minh cũ (như Mubarak tại Ai Cập) trong làn sóng Mùa xuân Ả Rập. Điều này đã củng cố danh tiếng của Nga đối với các nhà lãnh đạo độc tài và các quốc gia tìm kiếm sự đa dạng hóa trong chính sách đối ngoại, giúp Nga xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Saudi Arabia, UAE và Ai Cập. Sự linh hoạt trong chính sách ngoại giao của Nga tại Trung Đông được thể hiện trong quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ trong nội chiến Syria. Sự can thiệp của Thổ Nhĩ Kỳ vào cuộc xung đột Syria rất phức tạp và năng động. Thổ Nhĩ Kỳ, quốc gia ban đầu ủng hộ các lực lượng đối lập chống lại Assad, sau đó chuyển sang chiến đấu chống lại các nhóm dân quân người Kurd ở biên giới của mình. Nga đã xử lý tốt tình hình này, tận dụng hợp tác với Thổ Nhĩ Kỳ trong các nỗ lực như tiến trình hòa bình Astana và hỗ trợ chế độ Assad [Fridman, 2018].

Từ đó, cùng với vai trò thay đổi cục diện trên chiến trường sau can thiệp ngày 30-9-2015, Nga đã trở thành trung gian trong tiến trình Astana - Shochi, từ đó Nga tham gia nhiều hơn vào các vấn đề của khu vực Trung Đông. Từ năm 2015-2019, Nga đã trở thành “trung tâm điều phối” trong các vấn đề an ninh khu vực, làm giảm ảnh hưởng của Mỹ khỏi các tiến trình chính trị then chốt, khiến Mỹ phải tính toán đến việc làm giảm ảnh hưởng của Iran, Nga, Trung Quốc tại đây. Thành công này đã củng cố hình ảnh nước Nga “bảo trợ an ninh đáng tin cậy” và giúp Nga vươn lên thành một “môi giới quyền lực” tại khu vực. Nga định vị mình là nhà trung gian hòa giải không thể thiếu (điển hình là qua tiến trình Astana), giúp kiểm soát và kìm hãm các xung đột giữa các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Israel. Bằng cách này, Nga đã chứng minh rằng họ không còn là một thế lực khu vực yếu kém mà là một trung tâm có vai trò trong các vấn đề an ninh quốc tế đối với các

chính phủ tại khu vực. Nga can thiệp và trở thành bên bảo trợ cho chính quyền Assad đến 8-12-2024 đã phá tan mục tiêu can thiệp của Mỹ ở Syria sau Mùa xuân Arab. Sự hiện diện của Nga trong giai đoạn 2011-2024 khiến quan hệ Nga - Mỹ căng thẳng hơn vì Mỹ đã bị suy giảm ảnh hưởng với vai trò dẫn dắt ở Trung Đông. Sự can dự về quân sự của Nga đã buộc Mỹ phải tăng cường hiện diện quân sự cho các phe đối lập, duy trì UAV, lính đặc nhiệm, không kích... để cân bằng với Nga.

Mặt khác, Nga đã dùng đòn bẩy khi hỗ trợ Syria để tạo thế ngoại giao linh động, tìm cách tăng cường vai trò an ninh của mình trong khu vực Vịnh. Năm 2019, Nga đã đưa ra “Khái niệm An ninh Tập thể cho Vịnh Ba Tư”, ủng hộ một khuôn khổ đa phương cho sự phối hợp quân sự và chính trị; khuôn khổ này đã được cập nhật vào năm 2021 [MID, 2021]. Các cuộc tập trận quân sự chung là trọng tâm trong tầm nhìn của Nga. Vào tháng 8 năm 2021, Nga, Iran và Trung Quốc đã tuyên bố các cuộc tập trận hải quân nhằm tăng cường an ninh hàng hải quốc tế và chống cướp biển ở Vịnh Ba Tư. Các cuộc tập trận này, được gọi là CHIRU, nhằm mục đích tăng cường hợp tác hải quân ba bên. Cuộc tập trận gần đây nhất diễn ra vào tháng 3 năm 2024, kéo dài bốn ngày với sự tham gia của hơn 20 tàu chiến, tàu hỗ trợ, tàu chiến và trực thăng hải quân. Các cuộc tập trận bao gồm các thao tác chiến thuật, tập bắn mục tiêu và các hoạt động cứu hộ [Associated Press, 2024]. Ngoài những nỗ lực đa phương và đa quốc gia này, Nga cũng theo đuổi các thỏa thuận song phương trong khu vực, điển hình là năm 2017, Bộ trưởng Quốc phòng Nga đã ký một thỏa thuận hợp tác kỹ thuật quân sự với Qatar...

Sau năm 2024, Mỹ đã hạn chế được vai trò của Iran tại Syria, nâng vị thế của Mỹ so với Nga trong cạnh tranh khu vực Trung Đông

Sau 2024, Mỹ đã thành công trong việc hạn chế và làm đứt gãy mạng lưới ảnh hưởng của Cộng hòa Hồi giáo Iran tại Levant. Trong cấu trúc “Trục kháng chiến” do Iran dẫn dắt, Syria dưới thời Assad đóng vai trò là xương sống trung tâm, là “hành lang trên bộ” thiết yếu để Iran vận chuyển vũ khí, tên lửa và nhân lực từ Iraq sang Lebanon hỗ trợ Hezbollah. Assad sụp đổ đồng nghĩa với việc Iran mất đi điểm tựa địa chính trị quan trọng nhất. Sự sụp đổ của Assad, đồng minh lâu năm của Iran đã gây ra những trở ngại lớn cho Iran và các lực lượng ủy nhiệm, làm suy yếu khả năng thể hiện quyền lực của nước này tại Trung Đông. Syria là một kênh

thiết yếu để cung cấp hỗ trợ quân sự và tài chính cho Hezbollah ở Lebanon. Một Syria thân phương Tây có thể hạn chế khả năng cung cấp cho các lực lượng ủy nhiệm của Iran, làm suy yếu hơn nữa ảnh hưởng của Iran.

Sự thu hẹp đáng kể không gian chiến lược của Iran đã trực tiếp nâng cao vị thế của Mỹ và làm nghiêng cán cân quyền lực tại Trung Đông theo hướng có lợi cho các đồng minh của mình. Về mặt chiến lược, Mỹ đã đạt được những thành công lớn trong khu vực. Sự hiện diện quân sự của Iran bị suy yếu, chuỗi cung ứng vũ khí của Hezbollah bị gián đoạn và sự kiểm soát của Nga đối với chính trường Syria đã giảm sút. Vòng vây đe dọa Israel do các lực lượng dân quân được Iran hậu thuẫn không còn là mối nguy hiểm [Khalid, 2025].

Các mục tiêu chính của Israel tại Syria là đảm bảo an ninh quốc gia, ngăn chặn các mối đe dọa từ các nhóm thù địch như Hezbollah, ngăn ngừa sự hiện diện quân sự thường trực của Iran tại Syria và duy trì quyền kiểm soát Cao nguyên Golan, khu vực mà Israel đã chiếm được từ Syria trong Chiến tranh Sáu ngày năm 1967. Sự sụp đổ của chế độ Assad đã tạo ra những cơ hội mới cho Israel thúc đẩy các mục tiêu này thông qua chiến lược tấn công phủ đầu. Sau khi Assad bị lật đổ, quân đội Israel đã giành quyền kiểm soát một vùng đệm phi quân sự ở Syria, được thiết lập như một phần của thỏa thuận ngừng bắn giữa hai nước năm 1974. Sự sụp đổ của chế độ Assad như một chiến thắng của Israel trước Iran. Các cuộc tấn công gần đây của Israel ở Gaza và Lebanon đã làm suy yếu các lực lượng ủy nhiệm của Iran là Hezbollah và Hamas.

Kéo theo đó, vị thế của Nga bị suy yếu và ngược lại vị thế của Mỹ đã được cải thiện rõ rệt trong khi Nga phải rút quân và chịu tổn hại về uy tín. Nga không còn tư cách là một đồng minh đáng tin cậy có khả năng đảm bảo sự sống còn của các đối tác bị tổn hại và sẽ bị suy giảm ảnh hưởng tại Syria và khu vực. Ngược lại, Mỹ vẫn duy trì hiện diện quân sự, tạo ra đòn bẩy để định hình trật tự khu vực mới theo hướng có lợi cho mình. Sự hiện diện quân sự liên tục của Mỹ tại Syria còn đóng vai trò răn đe đối với Iran và các lực lượng ủy nhiệm của nước này, thúc đẩy sự ổn định khu vực và bảo vệ các đồng minh như Israel. Mỹ tăng cường kiểm soát thông qua SDF và triển khai điểm ở miền Đông. Israel, Jordan và một số nước vùng Vịnh củng cố liên kết an ninh với Mỹ khi Assad mất quyền. Từ đó Mỹ đã củng cố thêm

quan hệ với các đồng minh tại Trung Đông và gia tăng ảnh hưởng chính trị giai đoạn hậu Assad. Mặt khác, chính quyền mới của Syria nỗ lực tăng cường quan hệ với phương Tây và các quốc gia Ả Rập sẽ tạo lợi thế cho Mỹ và đồng minh. Có thể nói, sau khi Assad sụp đổ, Mỹ giữ được vai trò trụ cột trong cục diện an ninh Trung Đông.

Sau 2024, ảnh hưởng khu vực của Nga bị co hẹp, phân mảnh sâu sắc, mâu thuẫn với Iran và Thổ Nhĩ Kỳ gia tăng

Sau khi chính quyền Assad sụp đổ, Nga phải thu hẹp lực lượng, tái bố trí căn cứ, đối mặt nguy cơ mất một phần quyền kiểm soát không phận. Đồng thời, các phe phái địa phương mới nổi lên làm suy giảm vai trò của Nga. Việc sự hiện diện của Nga tại Syria suy yếu cả về quân sự và chính trị sẽ ảnh hưởng đến quan hệ của nước này với các bên khác trong khu vực. Ví dụ, vì Nga không kiểm soát được không phận Syria, nên tầm quan trọng của nước này đối với Israel cũng giảm đi. Từ năm 2015 trở đi, Israel dựa vào việc giảm thiểu xung đột quân sự với Nga để thực hiện các cuộc tấn công vào các vị trí của Iran và các lực lượng dân quân do Iran hậu thuẫn ở Syria. Sự phối hợp này hiện đã chấm dứt, điều đó có nghĩa là Israel có thể dễ dàng hơn trong việc điều chỉnh chính sách đối với Ukraine.

Thất bại của Nga đã trực tiếp nâng cao vị thế của Thổ Nhĩ Kỳ và Israel tại khu vực, đồng thời cải thiện đáng kể vị thế của Mỹ trong việc kiềm chế ảnh hưởng của Iran - vốn là đồng minh của Nga tại mặt trận Syria. Sau khi Assad sụp đổ, mỗi bên theo đuổi lợi ích riêng, làm suy yếu vai trò điều phối của Nga. Trong khi đó, sự sụp đổ của chế độ Assad sẽ càng làm thay đổi cán cân quan hệ Nga-Thổ Nhĩ Kỳ theo hướng bất lợi cho Nga. Ảnh hưởng của Nga không chỉ suy giảm ở Syria mà Thổ Nhĩ Kỳ còn gia tăng ảnh hưởng ở khu vực lân cận của Nga và tuyên bố chủ quyền đối với vùng Nam Caucasus, nơi Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng cường ảnh hưởng trong những năm gần đây. Nga có khả năng sẽ tìm kiếm điểm chung với Thổ Nhĩ Kỳ trong lĩnh vực năng lượng và các nỗ lực kiềm chế chính sách của phương Tây. Mục tiêu của họ là giành được sự ủng hộ của Thổ Nhĩ Kỳ để Nga tham gia vào các khuôn khổ giải quyết xung đột khu vực, tương tự như Định dạng Astana.

Mặc dù Nga đã hợp tác với các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC), bao gồm Saudi Arabia và UAE thông qua các khuôn khổ như OPEC+, việc mất đi Syria như một đồng minh chiến lược đã làm giảm ảnh hưởng khu vực của nước

này. Hơn nữa, căng thẳng phát sinh từ những nỗ lực của Nga nhằm cân bằng mối quan hệ giữa các quốc gia vùng Vịnh Ả Rập và Iran, đặc biệt là về các vấn đề gây tranh cãi như tranh chấp đảo, đã làm suy yếu thêm vị thế ngoại giao của nước này. Đồng thời, cuộc chiến tranh Iran-Israel kéo dài 12 ngày vào tháng 6 năm 2025 đã cho thấy mức độ suy yếu của sự can thiệp khu vực của Nga. Mặc dù đã ký một hiệp ước chiến lược toàn diện với Iran đầu năm 2025, Nga chỉ lên án đối với các cuộc tấn công của Israel và Mỹ mà không cung cấp viện trợ quân sự đáng kể. Điều này khẳng định rằng Nga không còn khả năng định hình động lực an ninh Trung Đông mà thay vào đó đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc giữ lại ảnh hưởng tại Trung Đông “hậu Assad”. Sự hiện diện quân sự của Nga tại Syria từ lâu đã là biểu tượng cho tầm ảnh hưởng chính trị của Nga trong các vấn đề Trung Đông. Hơn nữa, chính sự hiện diện quân sự của Nga tại Syria đã góp phần lớn tạo nên liên minh hiện tại của nước này với Iran. Với sự sụp đổ của chế độ Assad, Nga đã mất đi đòn bẩy này.

Nga cũng phải định nghĩa lại vai trò của mình ở vùng Vịnh, vì nước này đang gặp khó khăn trong việc duy trì ảnh hưởng giữa các quốc gia GCC. Trong khi Nga duy trì quan hệ đối tác kinh tế với các nước như UAE và Saudi Arabia, bao gồm cả hợp tác sản xuất dầu mỏ thông qua khuôn khổ OPEC+, các thành viên GCC vẫn thận trọng về mối quan hệ an ninh với phương Tây và đã thận trọng trong việc liên kết quá chặt chẽ với Nga [Smagin, 2025]. Việc thiếu một đồng minh khu vực mạnh mẽ như Syria làm suy yếu vị thế đàm phán của Nga, khiến nước này phải dựa vào các thỏa thuận giao dịch hơn là các liên minh chiến lược. Quan hệ của Nga với các quốc gia GCC có thể sẽ vẫn mang tính chọn lọc, thực dụng và hời hợt, tập trung vào thương mại và kinh tế [Abbasov, 2025, p.121].

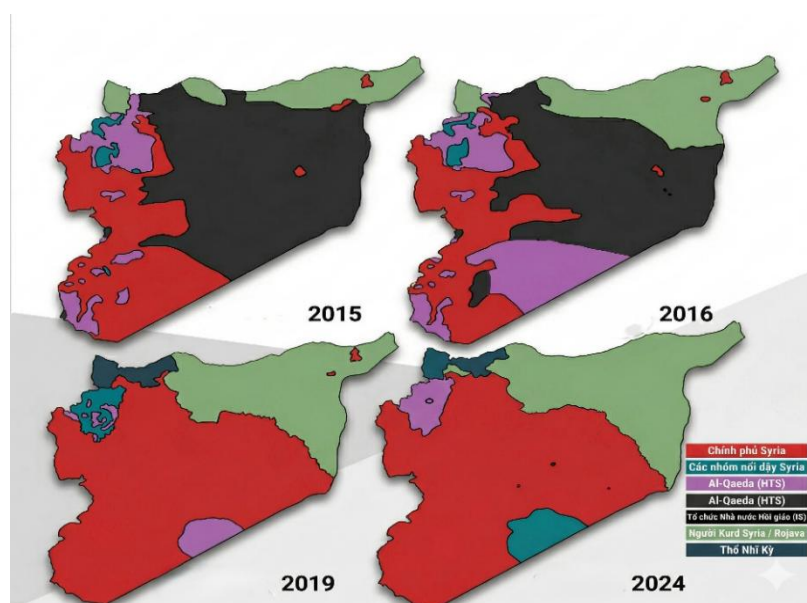
Sự xoay chuyển này phản ánh chính xác bản chất của cạnh tranh nước lớn dưới lăng kính của Chủ nghĩa Hiện thực. Câu hỏi quan trọng không phải là “được bao nhiêu” mà là “ai được nhiều hơn”. Việc Nga mất đi “hành lang chiến lược”, Syria đã trực tiếp giúp Mỹ đạt được lợi thế tương đối mà không cần can thiệp bộ binh quy mô lớn. Kết quả ở tầng “ảnh hưởng khu vực” này cũng đã phản ánh đúng cơ chế cân bằng quyền lực của Chủ nghĩa Hiện thực. Mỗi bước mở rộng ảnh hưởng của một bên đều kích hoạt phản ứng đối trọng của bên kia, khiến không bên nào chuyển hóa được ưu thế cục bộ thành thế chi phối toàn khu vực. Tuy nhiên, thực

tiền cũng cho thấy giới hạn giải thích của lý thuyết này. Đó là mức độ ảnh hưởng của mỗi cường quốc không chỉ do tương quan sức mạnh quyết định, mà còn phụ thuộc vào khả năng thích ứng với nghị trình riêng của các cường quốc tâm trung, điều đòi hỏi bổ sung lắng kính về vai trò của các chủ thể khu vực.

3.3.3. Về mục tiêu an ninh, quyền lực tại Syria

Nga giành ưu thế áp đảo tại Syria (2011-2024)

Trước hết cần khẳng định rằng, bằng các biện pháp ngoại giao và sự can thiệp quân sự, Nga đã hỗ trợ chính quyền Assad tồn tại trong một thời gian dài (2011-2024) và ngăn chặn can thiệp từ Mỹ và phương Tây, không lặp lại kịch bản Lybia. Khi nội chiến Syria nổ ra, chính quyền Obama kêu gọi Assad phải “từ chức” nhưng Nga đã thành công trong việc cứu Assad khỏi sự sụp đổ trong 13 năm. Khi chính quyền Assad chỉ còn kiểm soát một phần nhỏ lãnh thổ và đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, sự can thiệp quân sự trực tiếp của Nga đã xoay chuyển cục diện chiến trường từ năm 2015. Nga đã cung cấp một “lá chắn ngoại giao” vững chắc thông qua việc sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và đề xuất thỏa thuận tiêu hủy vũ khí hóa học năm 2013, giúp loại bỏ cái cớ để Mỹ tiến hành một cuộc tấn công quân sự trực tiếp trong thời kỳ đầu nội chiến. Nga đã thành công trong việc duy trì sự tồn tại của chính quyền Assad thông qua các công cụ ngoại giao và hỗ trợ hậu cần mà không cần can thiệp quân sự trực tiếp quy mô lớn.



Hình 3.1: Bản đồ phân bố các lực lượng tại Syria 2011-2024

Việc Nga kiên trì bảo vệ nguyên tắc chủ quyền quốc gia và chống lại sự can thiệp từ bên ngoài đã tạo ra một hình ảnh đối lập với cách hành xử của Mỹ và phương Tây, đồng thời phơi bày sự hạn chế của các thiết chế quốc tế khi không có sự đồng thuận của Nga. Hành động này không chỉ bảo vệ Assad mà còn giúp Nga xác lập vị thế là quốc gia duy nhất có thể đối trọng với Mỹ tại Liên hợp quốc, buộc Mỹ phải đàm phán với Nga để đi đến giải pháp cho vấn đề Syria.

Một thành công quan trọng tiếp theo là, Nga đã đảm bảo lợi ích kinh tế, quân sự tại Syria với tư cách là quốc gia bảo trợ cho chính phủ Assad. Với việc tích hợp các công cụ kinh tế vào chiến lược chiến tranh hỗn hợp của mình Nga đã bảo vệ và mở rộng các lợi ích kinh tế và quân sự độc quyền thông qua các hợp đồng tái thiết cơ sở hạ tầng quy mô lớn và củng cố liên minh năng lượng tại Syria [Vasiliev, 2018]. Nga đã chuyển hóa sự hỗ trợ quân sự thành các cam kết kinh tế dài hạn nhằm kiểm soát nguồn tài nguyên của Syria. Để đổi lấy sự hỗ trợ của Nga cho chính phủ Assad để chống lại phe đối lập, Syria đã chuyển giao năng lực cho Nga. Nhờ sự can thiệp của Nga, chính phủ Syria đã giành lại quyền kiểm soát các hoạt động khai thác quặng phosphat vào năm 2018 nên Syria đã giao việc quản lý một số cơ sở cho công ty Stroytransgaz thuộc sở hữu của Nga. Công ty Stroytransgaz đã giành được quyền kiểm soát các mỏ phosphate lớn nhất tại Palmyra (Eastern và Khneifiss) thông qua hợp đồng 50 năm, với tỷ lệ hưởng 70% doanh thu. Đến năm 2023, sản lượng xuất khẩu đã hồi phục đạt 1,9 triệu tấn dưới sự quản lý của Nga [Syrianobserver, 2018]. Nga cũng đã đảm bảo được lợi ích năng lượng. Bằng cách duy trì chính quyền Assad, Nga đã ngăn chặn dự án đường ống dẫn khí Qatar-Thổ Nhĩ Kỳ, từ đó bảo vệ vị thế độc quyền của mình trên thị trường năng lượng châu Âu. Nga cũng giành được quyền thăm dò dầu khí tại các lô chiến lược ven biển và đất liền thông qua các công ty như Soyuzneftegaz và Kapital LLC. Nga cũng đã kiểm soát hạ tầng công nghiệp và đóng vai trò bảo trợ quan trọng cho nền kinh tế Syria suốt 13 năm.

Đặc biệt là lợi ích về quân sự, mục tiêu can thiệp trực tiếp của Nga là giữ cho Bashar al-Assad nắm quyền và củng cố vững chắc quyền kiểm soát không phận và các căn cứ quân sự tại Địa Trung Hải. Bằng cách này, Nga đảm bảo được sự hiện diện quân sự lâu dài tại Đông Địa Trung Hải thông qua căn cứ hải quân Tartus và

căn cứ không quân Hmeimim [Borshchevskaya, p.67]. Bằng việc hỗ trợ chính quyền Assad từ năm 2011 đến năm 2024, Nga đạt được nhiều mục tiêu then chốt. Nga đã bám trụ được ở Địa Trung Hải, mở rộng căn cứ Tartus và lập căn cứ không quân Hmeimim (Latakia), với thỏa thuận hiện diện lâu dài. Những cơ sở này không chỉ giúp Nga duy trì sự hiện diện thường trực và có khả năng đối trọng với NATO tại Địa Trung Hải và làm bàn đạp để mở rộng hoạt động sang châu Phi.

Chiến dịch tại Syria là cuộc xung đột lớn đầu tiên của Nga bên ngoài không gian hậu Xô Viết kể từ khi Liên bang Xô Viết tan rã. Những chính sách ngoại giao hiệu quả, kịp thời và quyết đoán của Nga trong giai đoạn đầu của cuộc chiến đã khiến Nga củng cố và phát triển những lợi ích tại đây. Sau khi Nga tạo lập được vai trò trong các đàm phán về vấn đề Syria thì Nga không chỉ bảo vệ được lợi ích kinh tế và quân sự tại đây mà Nga còn biến Syria thành nơi thử nghiệm cho các hệ thống vũ khí mới hoặc được nâng cấp với hơn 200 loại vũ khí hiện đại, bao gồm tên lửa hành trình Kalibr, máy bay Su-34 và hệ thống phòng không S-400. Việc luân chuyển hàng chục nghìn binh sĩ giúp lực lượng vũ trang Nga nâng cao đáng kể năng lực chiến đấu thực tế [Giles, 2017]. Từ việc phô trương sức mạnh vũ khí quân sự, củng cố năng lực quân sự và thử nghiệm vũ khí, thiết lập hệ thống A2/AD mạnh tại Syria và quảng bá uy tín của quân đội Nga trên thị trường vũ khí toàn cầu. Nga đã gia tăng được các hợp đồng mua bán vũ khí quân sự xuất khẩu vào Trung Đông trong giai đoạn trước khi xung đột Nga - Ukraine nổ ra. Từ năm 2009 đến 2013, Nga chiếm 85% tổng lượng vũ khí nhập khẩu vào Syria. Nga báo cáo rằng họ đã thử nghiệm hơn 200 “loại vũ khí tiên tiến” và thiết bị quân sự, và một số hệ thống vũ khí đã chứng minh hiệu suất cao... bao gồm hệ thống phòng không Pantsyr và tên lửa hành trình Kalibr phóng từ biển và Kh-101 phóng từ trên không, cũng như máy bay chiến đấu của Nga [Kuimova, 2019, p.8].

Nga mất vai trò đồng minh, tổn thất nặng nề về kinh tế, quân sự

Sự thành công của Nga về mặt chiến thuật ngoại giao, quân sự trong can thiệp vào Syria là không thể phủ nhận, nhưng do những hạn chế về nguồn lực khi tập trung vào cuộc chiến tại Ukraine từ năm 2022, Nga đã bị thất bại về mặt chiến lược tại Syria khi Assad sụp đổ. Điều này cũng bộc lộ giới hạn trong khả năng răn đe chiến lược của Nga ở Trung Đông. Đây là bước lùi lớn của Nga, làm giảm vị thế

của Nga ở Trung Đông. Hệ thống đồng minh (Iran, các nhóm thân Iran, quân đội Syria) phân rã khi mất trung tâm chính trị là Syria. Quan hệ Nga - Mỹ mở ra giai đoạn cạnh tranh kiểu mới khi Nga ở thế phòng thủ và Mỹ có lợi thế hơn trong cạnh tranh với Nga khi tăng vai trò với các nhóm đối lập ở Syria.

Mọi thành quả kinh tế mà Nga tích lũy được trong giai đoạn trước 2024 hiện đang đứng trước nguy cơ mất trắng. Hàng tỷ USD vốn vay, vũ khí và thiết bị quân sự cung cấp cho chính quyền cũ giờ đây không thể thu hồi. Các hợp đồng khai thác độc quyền phosphate 50 năm hay các lô dầu khí chiến lược hiện đã ký kết với chính phủ cũ gây ra những tổn hại lớn cho Nga. Lãnh đạo Syria hiện tại đang tìm kiếm một cách tiếp cận cân bằng trong chính sách đối ngoại, và triển vọng của Nga trong việc bảo toàn ảnh hưởng còn lại của mình tại quốc gia này gặp rất nhiều khó khăn. Minh chứng là chính quyền Syria đã buộc Nga phải rút quân khỏi sân bay Qamishli ở vùng đông bắc do người Kurd kiểm soát của Syria. Vào tháng 1 năm 2025, Syria đã hủy bỏ hợp đồng đầu tư cảng thương mại Tartous với công ty Stroytransgaz của Nga do công ty này không đáp ứng được các nghĩa vụ của mình.

Sự sụp đổ của chế độ Assad không chỉ gây tổn hại đến uy tín của Nga mà còn làm suy yếu một trong những trụ cột quan trọng nhất trong chính sách của Nga đối với Trung Đông trong thập kỷ qua. Sau nhiều năm đầu tư trực tiếp để cứu vãn chế độ Assad, nay khi chính quyền sụp đổ, Nga bị rơi vào thế khó. Nga đã buộc phải rút bớt và giảm sự hiện diện quân sự đáng kể tại Syria để bảo toàn lợi ích. Ưu tiên hàng đầu và cấp bách nhất của Nga hiện nay là duy trì các căn cứ quân sự ở Syria, đặc biệt là căn cứ hải quân Tartus và sân bay quân sự Hmeimim, cả hai đều thiết yếu không chỉ cho các hoạt động ở Syria mà còn cho vị thế quân sự của Nga trong khu vực rộng lớn hơn là Trung Đông và châu Phi.

Trong bối cảnh đó, Nga đã triển khai chính sách linh hoạt và thực dụng hơn nhằm giảm thiểu thiệt hại tại đây khi mong muốn ổn định ở Syria và hợp tác với chính quyền mới. Khi al-Sharaa lên nắm quyền, Nga đã xây dựng lòng tin với chính phủ mới thông qua thực hiện các hoạt động ngoại giao và các phái đoàn cấp cao và đề xuất hợp tác kinh tế và nhân đạo, chẳng hạn như khôi phục cơ sở hạ tầng năng lượng của Syria, tăng cường viện trợ vật chất và lương thực, và thậm chí cả ý tưởng biến Hmeimim và Tartus thành các “trung tâm” viện trợ nhân đạo [Poroskoun,

2026]. Chính quyền mới của Syria cũng nhận thấy vai trò của Nga trong bối cảnh tình hình an ninh tại miền Nam Syria leo thang do các cuộc tấn công của Israel. Khi Syria tìm cách tranh thủ sự hỗ trợ của Nga, Nga đề xuất hợp tác như đòn bẩy để cải thiện vị thế của mình, đặc biệt là tình trạng các căn cứ quân sự của Nga. Hai bên đã có nhiều nỗ lực trong việc khôi phục quan hệ, song việc Nga cấp tị nạn cho Assad và vợ ông ở Nga vẫn là một trở ngại lớn cho việc cải thiện quan hệ hai nước. Có thể nói, hiện nay vai trò của Nga tại Syria đã bị suy giảm rất nhiều.

Mỹ đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn song còn nhiều thách thức “hậu Assad”

Mỹ đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn

Cuối năm 2024, Assad sụp đổ nhanh chóng, nội chiến kết thúc, Iran và các lực lượng ủy nhiệm rút lui; ISIS bị trấn áp là những thành công chiến lược mà Mỹ đạt được tại Syria. Thành công chiến lược bao trùm của Mỹ tại Syria là đạt được mục tiêu loại bỏ chính phủ Assad. Từ khi nội chiến tại Syria nổ ra, dù không can thiệp sâu, Mỹ kiên trì duy trì trừng phạt, hỗ trợ lực lượng đối lập ôn hòa và củng cố SDF. Sự sụp đổ của Assad cuối 2024 là kết quả phù hợp với mục tiêu chính trị ban đầu của Mỹ từ năm 2011. Bằng cách kết hợp viện trợ vũ trang cho các lực lượng đối lập ôn hòa và Lực lượng Dân chủ Syria (SDF), tiến hành các chiến dịch không kích tiêu diệt tổ chức Nhà nước Hồi giáo (IS), và đặc biệt là áp dụng Đạo luật Caesar (Caesar Act) với các lệnh trừng phạt kinh tế tàn khốc, Mỹ đã thành công trong việc làm kiệt quệ nền kinh tế Syria và cản trở quá trình tái thiết Syria. Sự sụp đổ của Assad vào cuối năm 2024 là hệ quả tất yếu của một nhà nước đã bị cắt đứt khỏi hệ thống tài chính toàn cầu và cạn kiệt nguồn lực duy trì bộ máy nhà nước. Sau khi chính phủ mới ra đời, Mỹ đã chuyển từ chính sách kiểm chế sang chính sách hợp tác với chính quyền Syria mới và duy trì sự hiện diện quân sự hạn chế ở phía đông bắc để hỗ trợ các hoạt động chống ISIS và hỗ trợ việc hội nhập Lực lượng Dân chủ Syria (SDF). Các lệnh trừng phạt đã được nới lỏng để tạo điều kiện thuận lợi cho viện trợ nhân đạo và tái thiết.

Thành công thứ hai được ghi nhận rộng rãi của Mỹ là việc tiêu diệt được ISIS mà không bị sa lầy vào một cuộc chiến tranh tốn kém như tại Iraq hay Afghanistan. Chiến lược quân sự chống IS tại Syria, nỗ lực của liên minh do Mỹ dẫn đầu, bao gồm các cuộc không kích quy mô lớn, các nhiệm vụ đặc biệt và hỗ trợ

cho các lực lượng mặt đất địa phương như Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) đã thành công trong việc phá hủy lãnh thổ mà ISIS từng kiểm soát. Sự sụp đổ của các thành trì quan trọng của ISIS như Raqqa và Mosul đánh dấu một thắng lợi chiến lược quan trọng, làm gián đoạn khả năng tiến hành các hoạt động quy mô lớn của nhóm điều hành và quản lý một căn cứ hoạt động trên lãnh thổ. Chiến lược “chiến tranh từ xa” của Mỹ đã giúp bảo toàn tính mạng cho binh sĩ Mỹ trong khi vẫn đạt được các mục tiêu an ninh quốc gia cốt lõi. Việc duy trì quan hệ với người Kurd đã cho phép Mỹ kiểm soát các nguồn lực năng lượng và nông nghiệp quan trọng nhất của Syria, tạo ra đòn bẩy buộc chính quyền Assad phải suy yếu dần. Hơn nữa, việc Assad bị lật đổ bởi chính người dân Syria mà không có sự can thiệp trực tiếp của bộ binh Mỹ được coi là một thắng lợi về mặt chính sách dài hạn. Việc tiêu diệt được IS được đánh dấu như “một bước quan trọng trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu rộng lớn hơn và là một thành tựu hoạt động quan trọng cho các nỗ lực quân sự của Mỹ trong khu vực [Khan - Russell, 2024].

Khó kiểm soát tiến trình tái thiết

Sự can dự của Mỹ vào Syria sau khi Nga thất thế cũng còn nhiều vấn đề khó khăn, vì Mỹ thiếu một lực lượng chính trị đủ mạnh để thay thế Assad. Lực lượng SDF không có tính chính danh toàn quốc; cùng với đó là sự phân mảnh, chia rẽ của các phe đối lập. Do đó, Mỹ sẽ phải đối mặt với một số thách thức trong việc duy trì các mục tiêu chiến lược của mình tại Syria. Tiềm năng tái bùng phát xung đột, sự tương tác phức tạp giữa các lợi ích khu vực và những diễn biến phức tạp của cuộc xung đột Syria hiện nay tiềm ẩn nhiều bất trắc. Nguy cơ từ ISIS vẫn còn hiện hữu, sự trỗi dậy, ảnh hưởng liên tục của các cường quốc khu vực và những khó khăn trong việc đạt được mục tiêu đòi hỏi các chiến lược thích ứng và linh hoạt từ Mỹ.

Hơn nữa, việc đánh bại ISIS không đồng nghĩa với việc giải quyết được cuộc xung đột rộng lớn hơn ở Syria mà cần phải đi đến đạt được sự ổn định lâu dài. Tình hình kéo dài và phức tạp trên thực địa, do những bất ổn chính trị và khủng hoảng nhân đạo. Dù ISIS đã bị đánh bại, sự hiện diện của nhóm này vẫn còn tồn tại. Tình trạng này vẫn tiếp diễn dưới các hoạt động nổi dậy lẻ tẻ và những nỗ lực tập hợp lại lực lượng tại nhiều khu vực khác nhau của Syria. Giai đoạn chuyển tiếp của Syria, đặc trưng bởi chính quyền trung ương yếu kém, quyền lực phân tán và năng lực

quân sự hạn chế ngoài sự hợp tác giữa Mỹ và Lực lượng Dân chủ Syria (SDF), tạo cơ hội cho ISIS tập hợp lại và mở rộng. ISIS vẫn là mối đe dọa nghiêm trọng ở Syria, được cho là đã thực hiện khoảng 700 vụ tấn công trong năm 2024 - gấp ba lần so với năm 2023 - và gây ra hơn 750 thương vong. Hoạt động chủ yếu ở sa mạc rộng lớn của Syria trải dài qua các tỉnh Homs, Raqqa và Deir ez-Zor.

Bên cạnh đó, sự sụp đổ của Assad tạo ra khoảng trống quyền lực lớn, Mỹ không thể một mình kiểm soát diễn biến hậu xung đột. Nguy cơ xuất hiện nhiều nhóm vũ trang và tranh chấp phe phái. Quá trình chuyển đổi của Syria rất mong manh, nhiều thách thức đe dọa làm chệch hướng đất nước nếu không được giải quyết những xung đột. Bạo lực, mâu thuẫn giáo phái vẫn tiếp diễn ở Syria. Nếu Mỹ muốn ổn định Syria, mức độ can dự phải tăng, mâu thuẫn với chủ trương giảm hiện diện quân sự của Mỹ tại Trung Đông. Từ năm 2011 đến trước khi Assad sụp đổ, sự can dự của Mỹ vào Syria chỉ dừng lại ở mức độ vừa phải. Syria không nằm trong ưu tiên chính sách đối ngoại của Mỹ. Vì vậy, việc Mỹ can thiệp, đảm bảo sự ổn định ở Syria trong quá trình tái thiết và gia tăng đầu tư vào Syria trong thời gian tới ở mức độ nào còn phụ thuộc vào chính sách của Mỹ.

Tiểu kết chương 3

Cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến năm 2024 diễn ra trên nhiều mặt trận, bao gồm quân sự, chính trị, ngoại giao và kinh tế, đã phản ánh sự đối đầu giữa hai cường quốc tại Trung Đông. Trước khi chính phủ Assad sụp đổ (8-12-2024), Nga đóng vai trò là bên trung gian hoà giải với nhiều đóng góp tích cực về chính trị, ngoại giao tại Syria. Sự can thiệp quân sự của Nga vào Syria không chỉ giúp chính phủ Assad đẩy lùi được lực lượng đối lập, tiêu diệt được IS, duy trì đất nước trong 13 năm; mà còn khiến Nga gia tăng được ảnh hưởng với khu vực Trung Đông, tạo dựng được uy tín quốc tế với sự trở lại của một cường quốc toàn cầu có trách nhiệm. Sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria xoay quanh ba mục tiêu cơ bản là: an ninh - quyền lực, ảnh hưởng khu vực và uy tín quốc tế. Phương thức cạnh tranh được thể hiện trên các lĩnh vực: kinh tế - năng lượng, chính trị - ngoại giao và quân sự. Qua đó, có thể thấy rằng Nga và Mỹ đều có những tính toán chiến lược riêng nhằm đạt được mục tiêu của mình thông qua việc can thiệp vào Syria.

Về quân sự, Mỹ và Nga duy trì sự hiện diện trực tiếp tại Syria thông qua các căn cứ quân sự và lực lượng ủy nhiệm. Mỹ chủ yếu hỗ trợ Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) do người Kurd lãnh đạo ở khu vực đông bắc Syria, nơi có nhiều mỏ dầu quan trọng. Trong khi đó, Nga đóng vai trò là trụ cột chính trong việc bảo vệ chính quyền Tổng thống Bashar al-Assad, triển khai lực lượng không quân, cố vấn quân sự và phối hợp chặt chẽ với Iran để duy trì quyền kiểm soát phần lớn lãnh thổ Syria.

Về chính trị - ngoại giao, Nga đóng vai trò trung gian chính trong tiến trình hòa bình Syria, đặc biệt thông qua các vòng đàm phán Astana với Thổ Nhĩ Kỳ và Iran. Trong khi đó, Mỹ chủ yếu sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế (đạo luật Caesar) để làm suy yếu chính quyền Assad, đồng thời hạn chế các nỗ lực tái thiết Syria do Nga dẫn đầu. Quan hệ giữa hai bên trở nên căng thẳng hơn sau cuộc xung đột Ukraine, khi Mỹ tăng cường cô lập Nga trên trường quốc tế, trong khi Nga tìm cách củng cố ảnh hưởng của mình tại Syria như một phần của chiến lược đối trọng với phương Tây.

Về kinh tế, Mỹ kiểm soát các khu vực giàu tài nguyên ở đông bắc Syria, nơi có trữ lượng dầu mỏ lớn, qua đó gây áp lực kinh tế lên chính quyền Assad và đồng minh Nga. Trong khi đó, Nga thúc đẩy các dự án hợp tác năng lượng và tái thiết, nhưng gặp khó khăn do các lệnh trừng phạt của Mỹ và Liên hợp quốc.

Một trong những đặc trưng của sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đó là không có đối đầu trực tiếp. Trước khi Assad sụp đổ, Nga và Mỹ vẫn duy trì thế đối trọng tại Syria, với Mỹ kiểm soát khu vực đông bắc và Nga tiếp tục củng cố vị thế tại phần còn lại của đất nước. Trong bối cảnh xung đột Ukraine làm phức tạp thêm quan hệ giữa hai cường quốc, cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria nhiều khả năng sẽ tiếp tục kéo dài, với trọng tâm là kiểm soát tài nguyên, ảnh hưởng chính trị và điều chỉnh chiến lược an ninh khu vực. Chính quyền Assad sụp đổ đã dẫn đến sự thay đổi về vị thế giữa Nga và Mỹ tại Syria.

Thành công lớn nhất của Nga là đã chứng minh khả năng xoay chuyển cục diện thực địa bằng một nguồn lực quân sự có giới hạn nhưng được tập trung đúng thời điểm. Việc can thiệp vào năm 2015 đã cứu chính quyền Assad khỏi sự sụp đổ nhưng Nga sa lầy vào cuộc chiến Ukraine từ năm 2022 đã làm xói mòn khả năng duy trì bảo trợ, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Assad vào tháng 12 năm 2024. Đây là một đòn giáng mạnh vào uy tín của Nga với tư cách là “người bảo trợ” mà Nga đã tạo dựng được. Thất bại chiến lược của Nga là bài học cho thấy cần phải có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, thay vì phụ thuộc vào bên ngoài.

Mỹ đã đạt được mục tiêu tối thượng là xóa sổ thực thể địa lý của ISIS mà không cần triển khai quân bộ binh quy mô lớn và đã làm suy yếu vai trò của Nga, Iran tại Syria khi chính quyền mới lên thay thế Assad. Bằng cách hỗ trợ lực lượng SDF, Mỹ kiểm soát được kinh tế của Syria thông qua nguồn tài nguyên dầu mỏ và các vùng nông nghiệp trọng điểm ở phía Đông Bắc, tạo đòn bẩy buộc các đối thủ phải gánh vác chi phí kinh tế cho chế độ cũ. Điểm yếu lớn nhất của Mỹ là sự thiếu nhất quán trong chính sách giữa các nhiệm kỳ tổng thống với Syria. Nhưng Mỹ đã đạt được thành công chiến lược sau khi Assad sụp đổ và đóng vai trò là nhân tố quan trọng trong quá trình tái thiết Syria thời gian tới. Tuy nhiên, quá trình này cũng sẽ phải đối mặt với rất nhiều thách thức, khi Syria hậu Assad vẫn còn đang bị phân mảnh và chia rẽ.

CHƯƠNG 4

TÁC ĐỘNG, DỰ BÁO XU HƯỚNG CẠNH TRANH NGA - MỸ TẠI SYRIA VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

4.1. Tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria từ năm 2011 đến nay

4.1.1. Tác động đến cạnh tranh Nga-Mỹ

Tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria không chỉ dừng lại ở phạm vi một quốc gia hay một chiến trường cụ thể, mà đã góp phần làm biến đổi nội hàm, phương thức và mức độ cạnh tranh chiến lược song phương. Những điều chỉnh của Nga và Mỹ tại Syria về triển khai lực lượng, liên kết đối tác, sử dụng công cụ ngoại giao, áp dụng biện pháp trừng phạt và định hình các cơ chế giải quyết xung đột đã tạo ra sự tương tác qua lại, thúc đẩy mỗi bên liên tục điều chỉnh chiến lược nhằm kiềm chế, đối trọng và hạn chế dự địa hành động của bên kia. Theo đó, Syria trở thành một trong những không gian điển hình phản ánh sự chuyển dịch từ cạnh tranh quyền lực truyền thống sang cạnh tranh đa lĩnh vực, đa tầng nấc giữa Nga và Mỹ. Những tác động này không chỉ làm thay đổi cục diện tại Syria và Trung Đông, mà còn góp phần tái định hình không gian, công cụ, cường độ và tính chất của cạnh tranh Nga - Mỹ trên phạm vi khu vực và toàn cầu.

4.1.1.1 Về chính trị - ngoại giao

Về tác động trực tiếp, cạnh tranh tại Syria làm gia tăng trạng thái đối đầu giữa hai cường quốc bên ngoài không gian hậu Xô viết. Syria đã trở thành không gian đối đầu trực diện giữa hai mô hình trật tự thế giới: trật tự đơn cực do Mỹ dẫn dắt và tầm nhìn đa cực do Nga thúc đẩy. Việc Nga can thiệp quân sự chính thức từ năm 2015 nhằm hỗ trợ chính quyền Assad đã thách thức trực tiếp vị thế thống trị và vai trò dẫn dắt của Mỹ tại Trung Đông. Cạnh tranh tại Syria làm thay đổi căn bản vị thế và uy tín quốc tế của cả hai bên theo hai chiều trái ngược. Đối với Nga, giai đoạn 2015-2024 mang lại sự thừa nhận trên thực tế tư cách cường quốc có khả năng kiến tạo giải pháp cho một khủng hoảng lớn ngoài không gian hậu Xô viết. Nhưng sự sụp đổ của chính quyền Assad tháng 12/2024 đã đảo ngược chính thành quả đó: uy tín “nhà bảo trợ” của Nga bị tổn hại nghiêm trọng, và Nga từ vị thế chi phối trở thành một trong nhiều bên cạnh tranh ảnh hưởng trong cấu trúc đa cực mới tại

Syria. Đối với Mỹ, cuộc cạnh tranh phơi bày sự thiếu nhất quán trong chính sách suy giảm lòng tin của một số đối tác khu vực, song sau tháng 12/2024 lại giúp Mỹ khôi phục vai trò định hình chủ đạo mà không phải trả giá bằng một cuộc can thiệp quy mô lớn.

Đồng thời, cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria làm sâu sắc thêm sự mất lòng tin chiến lược trong quan hệ song phương Nga - Mỹ và đã làm thay đổi hình thái của sự cạnh tranh này. Đó là từ trạng thái trực diện, đa lĩnh vực và cường độ cao giai đoạn 2015-2024, cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria sau tháng 12/2024 chuyển sang hình thái gián tiếp, phi đối xứng và cường độ thấp hơn. Vị thế của Nga bị suy yếu, trong khi Mỹ giữ vai trò định hình chủ đạo. Tuy nhiên, vai trò của địa bàn Syria trong tổng thể cạnh tranh song phương Nga-Mỹ cũng đã suy giảm tương đối, khi nguồn lực chiến lược của Nga dồn về hướng Ukraine và trọng tâm cạnh tranh của Mỹ nghiêng về khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Mặt khác, việc Nga can thiệp trực tiếp năm 2015 tại Syria đã chính thức đưa cuộc đối đầu sang quy mô toàn cầu, thách thức trực diện thế bá quyền đơn cực của Mỹ. Sự cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria tác động gián tiếp và làm đóng băng khả năng hợp tác của hai nước trong các hồ sơ địa chính trị song song khác như vấn đề hạt nhân Iran, khủng hoảng Triều Tiên, và đỉnh điểm là cuộc xung đột tại Ukraine (từ năm 2022).

4.1.1.2. Về kinh tế - năng lượng

Sự mâu thuẫn chiến lược tại Syria trực tiếp định hình các đòn bẩy phong tỏa kinh tế và làm đứt gãy các thỏa thuận năng lượng dài hạn, gián tiếp buộc các bên phải điều chỉnh chiến lược chi phí để tránh nguy cơ sa lầy tài chính. Mỹ đã sử dụng hệ thống trừng phạt liên quan đến Syria, đặc biệt là Đạo luật Caesar (2019) và lồng ghép hệ thống cấm vận tài chính toàn diện nhằm bóp nghẹt mọi dòng vốn nước ngoài. Nó không chỉ nhắm vào chính quyền Syria mà còn nhắm vào các thực thể nước ngoài, trong đó có các thực thể Nga, tham gia hoạt động kinh tế và tái thiết tại Syria. Sự gia tăng áp lực kinh tế này không làm Nga lùi bước mà ngược lại, đã gián tiếp thúc đẩy Nga đẩy nhanh chiến lược “phi đô-la hóa” và xây dựng hệ thống tài chính - thương mại song song (thông qua cơ chế BRICS và các thỏa thuận song phương với Trung Quốc, Ấn Độ). Do đó, cuộc cạnh tranh tại Syria đã gián tiếp thúc đẩy sự phân rã của hệ thống địa kinh tế toàn cầu thành hai khối riêng biệt.

Do vậy sự cạnh tranh về kinh tế đã làm gia tăng căng thẳng thông qua việc củng cố trừng phạt như một công cụ cạnh tranh thường trực trong quan hệ song phương. Nó làm gia tăng những tác động tiêu cực cùng với sự trừng phạt tổng thể mà Mỹ áp dụng đối với Nga sau năm 2014, tạo thành một hệ thống nhiều lớp bao trùm cả quan hệ song phương lẫn hoạt động của Nga tại các địa bàn thứ ba. Những công cụ mà Mỹ sử dụng để trừng phạt kinh tế với Syria đã khiến cho quan hệ Nga-Mỹ trở nên căng thẳng và thậm chí khiến trừng phạt trở thành công cụ thường trực mà mỗi bên sử dụng để vô hiệu hóa lợi ích kinh tế của bên kia.

Trên lĩnh vực năng lượng, cuộc cạnh tranh tại Syria gắn với các tuyến trung chuyển khí đốt tiềm năng tới châu Âu, do đó nối trực tiếp vào một trong những mặt trận cạnh tranh dai dẳng nhất giữa hai nước: cấu trúc cung cấp năng lượng cho thị trường châu Âu và mức độ phụ thuộc của châu Âu vào nguồn cung từ Nga. Việc Nga củng cố được thế đứng địa chính trị tại Trung Đông thông qua Syria đã giúp nước này gia tăng uy tín và phối hợp chặt chẽ với Saudi Arabia trong khuôn khổ OPEC+. Sự phối hợp này đã biến dầu mỏ thành một công cụ răn đe phi đối xứng toàn cầu. Việc OPEC+ liên tục điều chỉnh sản lượng dầu thô bất chấp sự phản đối của Mỹ đã làm đảo lộn các tính toán kiểm soát lạm phát và an ninh năng lượng của Mỹ, biến thị trường năng lượng toàn cầu thành một mặt trận đối đầu gay gắt giữa hai nước lớn.

4.1.1.3. Về an ninh - quân sự

Syria trực tiếp trở thành địa bàn thử nghiệm thực chiến quy mô lớn cho các công nghệ quân sự tiên tiến, thúc đẩy chi tiêu quốc phòng song phương, đồng thời trực tiếp làm sụp đổ hệ thống pháp lý kiểm soát vũ khí hạt nhân song phương. Syria là chất xúc tác trực tiếp phá hoại lòng tin chiến lược song phương cuối cùng về kiểm soát vũ khí. Việc hai bên liên tục phô diễn và thử nghiệm các công nghệ quân sự tiên tiến (Nga thử nghiệm hơn 320 loại vũ khí bao gồm S-400; Mỹ triển khai F-35 và UAV MQ-9) đã kích hoạt một vòng xoáy chạy đua vũ trang mới. Sự nghi kỵ và đối đầu quân sự phi đối xứng tại Syria đã gián tiếp làm xói mòn và đẩy nhanh sự sụp đổ của các hiệp ước kiểm soát vũ khí chiến lược song phương như Hiệp ước các lực lượng hạt nhân tầm trung (INF) và START. Đỉnh điểm là việc Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược mới (New START) chính thức hết hiệu lực vào ngày 5-2-

2026. Sự sụp đổ của New START - cơ chế kiểm soát hạt nhân song phương cuối cùng là hệ quả trực tiếp từ việc cấu trúc ổn định chiến lược bị tàn phá không thể cứu vãn sau nhiều năm đối đầu tại Syria và Đông Âu.

Mặt khác, sự cạnh tranh quân sự tại Syria đã định hình và bình thường hóa một phương thức tác chiến mới là chiến tranh ủy nhiệm. Việc sử dụng các lực lượng phi nhà nước (SDF người Kurd) hay các công ty quân sự tư nhân (nhóm Wagner) dưới sự bảo trợ của không quân siêu cường đã chứng minh hiệu quả tối ưu hóa chi phí và tránh đụng độ trực tiếp. Mô hình này sau đó đã được hai bên sử dụng tại các điểm nóng toàn cầu khác như Libya, Yemen và đặc biệt là cuộc xung đột tại Ukraine, làm gia tăng tính chất phức tạp và khó kiểm soát của các cuộc chiến tranh thế kỷ XXI.

Mặc dù làm sụp đổ cấu trúc an ninh vĩ mô, Syria lại đóng vai trò là nơi duy nhất Nga và Mỹ thiết lập và vận hành thành công Kênh thông tin tránh va chạm quân sự trực tiếp (De-confliction channel). Việc duy trì đường dây nóng giữa Bộ chỉ huy Hmeimim của Nga và liên quân do Mỹ dẫn đầu là công cụ thực tế duy nhất giúp giảm thiểu nguy cơ tính toán sai lầm dẫn đến đụng độ quân sự trực tiếp giữa hai cường quốc hạt nhân tại thực địa.

4.1.2. Tác động đến Syria

4.1.2.1. Syria bị suy yếu, chia cắt và xói mòn chủ quyền quốc gia

Cạnh tranh Nga - Mỹ chia cắt lãnh thổ Syria trên thực địa, khiến chính quyền không thể kiểm soát thống nhất theo cấu trúc nhà nước Syria. Sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đã dẫn đến sự phân mảnh quyền lực và làm suy giảm chủ quyền của Syria. Thay vì duy trì một thể chế tập quyền thống nhất, sự hiện diện quân sự trực tiếp của Nga (từ năm 2015) và Mỹ (từ năm 2014) đã chia cắt bản đồ địa lý Syria thành các vùng ảnh hưởng biệt lập đặt dưới sự kiểm soát khác nhau. Phía Bắc là vùng ảnh hưởng của phe đối lập và Thổ Nhĩ Kỳ; phía Đông Bắc do lực lượng SDF và Mỹ kiểm soát, phía Tây do lực lượng thân Iran kiểm soát và các khu vực trung tâm thì bị phân rã sau 2024. Sự hiện diện quân sự trực tiếp của Nga (từ 2015) và Mỹ (từ 2014, thông qua Liên minh toàn cầu chống IS) đã cắt xẻ bản đồ địa lý Syria thành các vùng ảnh hưởng biệt lập, được định hình bởi sức mạnh răn đe của hai cường quốc. Sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài không nhằm thúc đẩy một

giải pháp quyết định. Thay vào đó, các nỗ lực của Mỹ, Nga và các cường quốc khu vực chỉ nhằm đảm bảo các lực lượng ủy nhiệm của họ không bị đánh bại hoàn toàn. Chính sự tiếp máu liên tục và tính toán chiến lược theo kiểu “tổng bằng không” này đã làm đóng băng xung đột, từ đó củng cố sự chia rẽ và phân mảnh vĩnh viễn của cấu trúc nhà nước Syria [Phillips, 2016].

Trước 8-12-2024, vùng đệm của Mỹ được lực lượng không quân và lực lượng đặc nhiệm Mỹ, Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) kiểm soát phần lớn khu vực Đông Bắc (bên trái sông Euphrates) và căn cứ chiến lược Al-Tanf ở biên giới phía Nam. Nga hỗ trợ chính quyền Tổng thống Bashar al-Assad tái chiếm và củng cố quyền kiểm soát khu vực lõi tại các trung tâm đô thị lớn (Damascus, Aleppo) và duy trì sự hiện diện sống còn tại bờ biển Địa Trung Hải (căn cứ hải quân Tartus và không quân Hmeimim). Sự hậu thuẫn của Mỹ đối với lực lượng do người Kurd dẫn dắt ở phía Đông và sự bảo vệ của Nga đối với chế độ Assad ở phía Tây đã tạo ra các “đường biên giới cứng” (hard borders) bên trong một quốc gia. Cấu trúc cạnh tranh này tước đoạt hoàn toàn quyền lực của trung ương, khiến quá trình tái thống nhất lãnh thổ và phục hồi thiết chế chính trị toàn vẹn trở thành một viễn cảnh gần như bất khả thi [Balanche, 2018].

Sự can thiệp của Nga và Mỹ khiến nhà nước Syria bị suy yếu và không còn chức năng thống nhất. Sự bế tắc trong cạnh tranh Nga - Mỹ đã làm mất đi tính độc quyền về cai trị của chính quyền trung ương, tạo khoảng trống cho các thực thể phi quốc gia thiết lập các hệ thống quản trị thực tế. Mặc dù được Nga hậu thuẫn để tồn tại, chính quyền Assad bị suy yếu và không còn là một chủ thể ra quyết định độc lập hoàn toàn. Các quyết sách mang tính chiến lược của Syria chịu sự chi phối sâu sắc bởi lợi ích của Nga và Iran. Sự can thiệp của Mỹ còn dẫn đến sự trỗi dậy của các thực thể tự trị. Tại khu vực do Mỹ hậu thuẫn, chính quyền Tự trị Bắc và Đông Syria đã thiết lập một hệ thống quản trị, giáo dục và hiến pháp riêng. Sự bảo trợ của Mỹ khiến chính quyền Assad không thể dùng vũ lực để ép buộc khu vực này sáp nhập trở lại, dẫn đến sự song song tồn tại của nhiều “nhà nước” bên trong một quốc gia. Việc thiếu vắng một chiến lược giải quyết xung đột toàn diện từ cả Mỹ và Nga đã tạo ra một trạng thái cân bằng bế tắc. Trong khoảng trống địa chính trị đó, trung ương mất đi sự độc quyền bạo lực và tài nguyên, mở đường cho các thực thể quản

trị vì mô, các dân quân địa phương và các mô hình tự trị phi quốc gia trỗi dậy, làm suy yếu vĩnh viễn chủ quyền cốt lõi của Syria [Lister, 2023].

Về kinh tế, việc Nga và Mỹ phân chia khu vực kiểm soát đã chia cắt hoàn toàn chuỗi cung ứng chiến lược của Syria, đặt nền kinh tế Syria vào trạng thái kiệt quệ về tài nguyên cốt lõi. Các lực lượng do Mỹ hậu thuẫn kiểm soát các mỏ dầu lớn nhất ở Deir ez-Zor và Al-Hasakah, cùng với vựa lúa mì ở phía Đông. Điều này mang lại nguồn thu độc lập cho AANES. Khu vực chính phủ kiểm soát chứa phần lớn dân số nhưng lại cạn kiệt tài nguyên chiến lược. Việc Mỹ áp đặt các lệnh trừng phạt (nổi bật là Đạo luật Caesar) nhằm cô lập chính quyền Assad và hạn chế khả năng tái thiết của Nga đã khiến nền kinh tế Syria rơi vào tình trạng lạm phát phi mã và kiệt quệ. Quyền lực kinh tế bị xé lẻ làm suy yếu khả năng tái thiết và củng cố tính chính danh của bất kỳ phe nào.

Về quân sự, sự cạnh tranh Nga - Mỹ đã dung dưỡng một môi trường an ninh phân mảnh nghiêm trọng. Thay vì một Quân đội Ả Rập Syria (SAA) thống nhất, không gian chiến trường bị xé lẻ bởi mạng lưới chằng chịt các lực lượng: đặc nhiệm Mỹ, SDF (do người Kurd dẫn dắt), quân đội Nga, các công ty quân sự tư nhân Nga (như Wagner), cùng các nhóm dân quân thân Iran và các phe phái đối lập. Bất kỳ nỗ lực nào của SAA nhằm tiến quân sang khu vực phía Đông đều vấp phải lần ranh đỏ của Mỹ, và ngược lại. Quyền lực quân sự bị phân tán nên không một lực lượng nào, dù là nhà nước hay phi nhà nước, đủ khả năng thay đổi nguyên trạng bằng vũ lực.

Sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ khiến cuộc xung đột Syria để nên dai dẳng. Sự can dự của hai cường quốc đã khiến nội chiến Syria thêm phần phức tạp và khó giải quyết. Syria trở thành chiến trường cạnh tranh kéo dài giữa Nga và Mỹ. Mọi diễn biến quân sự - chính trị đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ Nga và Mỹ. Cuộc xung đột Syria đã cho thấy rõ sự bất đồng giữa Mỹ và Nga về một số vấn đề và sự xung đột về lợi ích chiến lược trong khu vực. Chính sách của Mỹ đối với Syria nhằm mục đích thay đổi chế độ bằng cách lật đổ chính phủ Assad, trong khi Nga ủng hộ đồng minh lâu năm và duy nhất của mình ở Trung Đông và muốn Bashar al-Assad tiếp tục nắm quyền. Quan hệ ngoại giao giữa Nga và Mỹ trở nên căng thẳng sau Mùa xuân Ả Rập năm 2011. Nga đã đầu tư mạnh vào Syria vì đây là đồng minh duy nhất của Nga ở Trung Đông (Wesser, 2019) và đã lên án mạnh mẽ sự can thiệp quân sự của Mỹ vào Syria năm 2014.

Với vai trò là người bảo trợ và duy trì vị thế, Nga coi Syria là bàn đạp cuối cùng tại Trung Đông. Việc duy trì các căn cứ Hmeimim và Tartus là lợi ích cốt lõi trong giai đoạn 2011-2024. Mỹ vẫn duy trì sự hiện diện quân sự tại miền Đông (khu vực dầu mỏ và nông nghiệp) và căn cứ Al-Tanf. Mục tiêu của Mỹ đã chuyển từ “thay đổi chế độ” sang ngăn chặn sự trỗi dậy của IS và hạn chế tầm ảnh hưởng của Iran/Nga. Sự đối đầu này tạo ra cơ chế “răn đe chéo”. Bất kỳ động thái quân sự lớn nào của một bên đều bị bên kia dùng các biện pháp chính trị, kinh tế hoặc không kích hạn chế để đáp trả, khiến cuộc chiến không thể kết thúc dứt điểm. Mọi biến động tại Syria hiện nay đều là hệ quả của các tính toán từ Nga và Mỹ. Sự mâu thuẫn về mục tiêu, phương thức can thiệp của Nga và Mỹ đã chi phối quá trình phát triển, diễn biến của cuộc nội chiến.

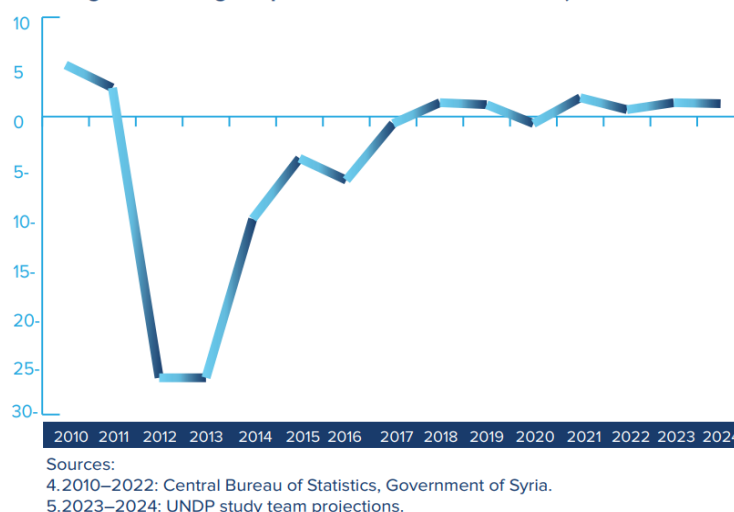
4.1.2.2. Ảnh hưởng nhân đạo và kinh tế kéo dài

Phần lớn thiệt hại nhân đạo và kinh tế của Syria bắt nguồn trực tiếp từ bản thân cuộc nội chiến, giao tranh, tàn phá hạ tầng, đứt gãy sản xuất; không phải từ cạnh tranh Nga - Mỹ. Tuy nhiên, cạnh tranh giữa hai cường quốc tác động gián tiếp, kéo dài thời gian xung đột, tăng quy mô và thời gian tích lũy thiệt hại; và tạo ra rào cản trực tiếp đối với phục hồi thông qua công cụ, hệ thống trừng phạt của Mỹ, đặc biệt là Đạo luật Caesar, không chỉ nhắm vào chính quyền Assad mà còn ngăn chặn dòng vốn tái thiết. Phần lớn Syria đang trong tình trạng đổ nát, và các dịch vụ công cộng thiếu thốn ở nhiều vùng, đặc biệt là khu vực nông thôn. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng việc tái thiết sẽ tiêu tốn 216 tỷ đô la [WB, 2025b]. Kế hoạch ứng phó nhân đạo trị giá 3,2 tỷ đô la của Liên hợp Quốc dành cho Syria mới chỉ được tài trợ 25% [OCHA, 2025].

Về kinh tế, cuộc nội chiến sau 14 năm đã tàn phá các cơ sở hạ tầng, sản xuất tại Syria, gây hậu quả rõ rệt nhất về kinh tế trầm trọng, thông qua các số liệu về tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp tại quốc gia này. GDP/người hiện tại của Syria đã giảm xuống chỉ còn 25% so với mức năm 2010 và hiện chỉ cao hơn một chút so với ngưỡng nghèo. Thống kê cho thấy 90% dân số không đủ để chi trả cho tiêu dùng thiết yếu khiến 9/10 người Syria sống trong cảnh nghèo đói và phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực; 50% cơ sở hạ tầng của đất nước đã bị phá hủy hoặc trở nên không hoạt động; và 75% dân số hiện phụ thuộc vào một số hình thức viện trợ nhân đạo, so với chỉ 5% trong năm đầu tiên của cuộc xung đột. [UNDP, 2025, p.4].

Về quy mô thiệt hại kinh tế, sau 14 năm xung đột, GDP/người của Syria chỉ còn khoảng 25% mức năm 2010, tổng “GDP bị mất” giai đoạn 2011-2024 vào khoảng 800 tỷ USD [UNDP, 2021, tr.17; UNDP, 2025, p.4]. Tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 8% (2010) lên 24% (2023), riêng thanh niên lên tới 60%; mặt bằng giá cả tăng khoảng 200 lần so với năm 2010, đẩy tỷ lệ nghèo đói từ 28% (2010) lên khoảng 90% dân số [UNDP, 2025, tr.30-31; UN, 2023]. Ngân hàng Thế giới ước tính chi phí tái thiết lên tới 216 tỷ USD, trong khi với tốc độ phục hồi hiện tại, Syria cần khoảng 55 năm để trở lại mức phát triển trước năm 2010 [WB, 2025b; UNDP, 2025, p.41].

Figure 3: GDP growth during the period of conflict 2010–2024 (at 2000 constant prices)



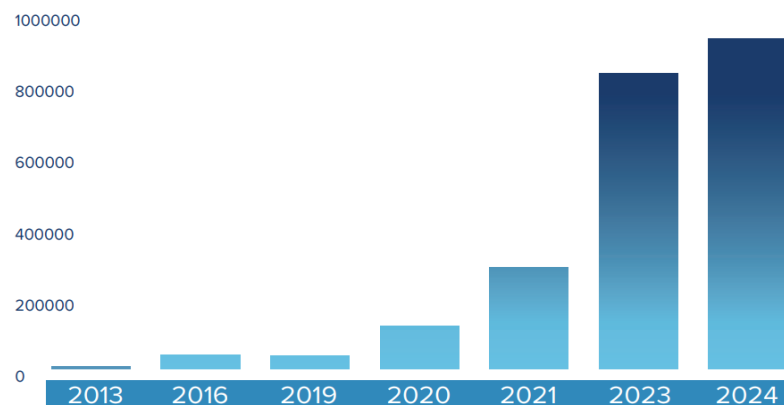
Biểu đồ 4.1: Tăng trưởng GDP của Syria (theo giá cố định năm 2000)

Nguồn: [UNDP, 2025, p.18]

Xung đột ở Syria đã gây thiệt hại rất nặng nề cho nền kinh tế, làm xói mòn sinh kế, phá hủy cơ sở hạ tầng và làm gián đoạn việc cung cấp dịch vụ kể từ năm 2011. Luật Caesar đã tăng thêm những khó khăn đối với các mối quan hệ kinh tế đối ngoại của Syria, dẫn đến tình trạng thiếu nhiên liệu, tăng giá và đồng nội tệ mất giá nhanh chóng [UNDP, 2023]. Hệ thống ngân hàng gần như đóng cửa, Syria phụ thuộc rất nhiều vào nước láng giềng để tiếp cận ngoại tệ và thanh toán hàng nhập khẩu trong nỗ lực chống lại các lệnh trừng phạt của Mỹ và châu Âu. Theo báo cáo kinh tế xã hội của SCPR, 90% các doanh nghiệp công nghiệp phải đóng cửa do chiến tranh. Điều này khiến cho hàng hóa nội địa trở nên khan hiếm và chỉ số giá hàng hóa bị đẩy lên rất cao. Chỉ số giá tiêu dùng CPI ở Syria đạt trung bình 752.85 từ năm 2007 đến năm 2021, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 5141.19 vào tháng 12/ 2021 và mức

thấp kỷ lục là 110.54 vào tháng 6/2007 [CBS, 2021]. Tỷ lệ lạm phát ở Syria trung bình là 15,40% từ năm 1957 đến năm 2023, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 188,40% vào tháng 3/2021 và mức thấp kỷ lục -31,05% vào tháng 9/2014 [CBS, 2021].

Figure 5: Prices of the standard food basket in Syria (Syrian Pounds at current prices)

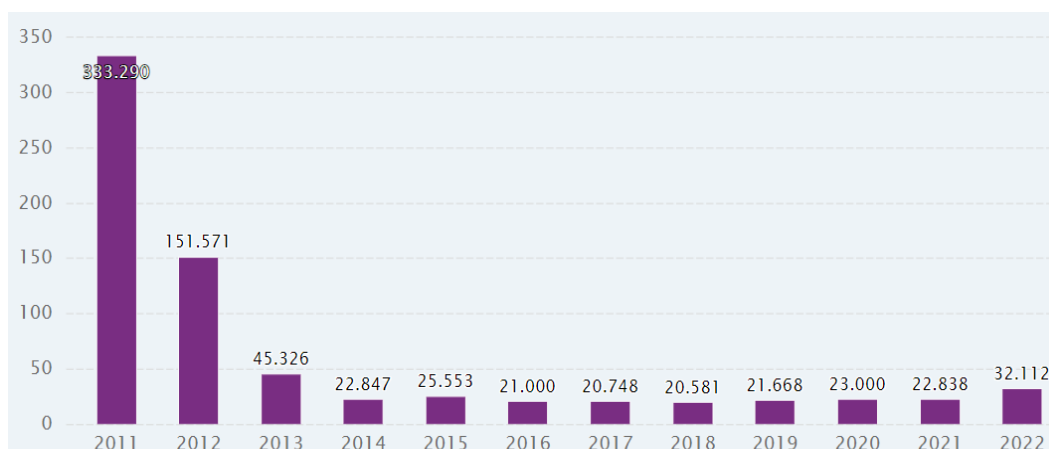


Source: World Food Programme (2024), Monthly Market Price Bulletin for Syria, October. <https://fscluster.org/sites/default/files/2024-12/WFP%20Syria%20Price%20Bulletin%20October%202024.pdf>.

Biểu đồ 4.2: Giá hàng hoá tiêu chuẩn tại Syria

Nguồn: [UNDP, 2025, tr.20]

Sản lượng dầu thô của Syria giảm mạnh do xung đột. Năm 2019, Syria tuyên bố sản xuất 24.000 thùng dầu thô/ngày [BP, 2019]. Số liệu gần đây nhất vào năm 2022, sản lượng dầu thô của Syria cũng chỉ ở mức 32.000 thùng/ngày [OPEC, 20]. Sự sụp đổ của ngành sản xuất dầu buộc Syria phải tăng cường nhập khẩu dầu thô để duy trì hoạt động của các nhà máy lọc dầu. Ngoài ra, cũng cần sản phẩm nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước về xăng, khí dầu mỏ hóa lỏng, dầu diesel.



Biểu đồ 4.3: Sản lượng dầu thô của Syria (Đơn vị: thùng/ngày)

Nguồn: CEIC data

Về nhân đạo, đầu năm 2024, khoảng 16,7 triệu người cần hỗ trợ nhân đạo, chiếm hơn 70% dân số; con số lớn nhất kể từ khi cuộc khủng hoảng bắt đầu. Gần 13 triệu người, hơn một nửa dân số, bị mất an ninh lương thực, bao gồm 3,1 triệu người bị mất an ninh lương thực nghiêm trọng [WFP, 2024, tr.3]. Trẻ em Syria đã phải đối mặt với bạo lực và các cuộc tấn công. Tính đến năm 2024, khoảng 2,5 triệu trẻ em không được đến trường, với một triệu trẻ em khác có nguy cơ bỏ học liên tục [UNDP, 2025, tr.35]. Quyền trẻ em trong thời kỳ khủng hoảng đang bị xói mòn hàng ngày. Ngày càng có nhiều trẻ em Syria trở thành nạn nhân của lao động trẻ em. Đây là những hậu quả nặng nề và sẽ mất rất nhiều năm để có thể khắc phục được.

Về vấn đề người tị nạn

Cuộc nội chiến đã dẫn đến một trong những cuộc khủng hoảng người tị nạn lớn nhất thế giới, người tị nạn Syria chiếm gần 1/4 tổng số người tị nạn trên toàn cầu. Quy mô di dời tương đương với quy mô do cuộc chiến đang diễn ra ở Ukraine kể từ năm 2022 [UNDP, 2025, p.13]. Người tị nạn Syria đã xin tị nạn ở hơn 130 quốc gia, khoảng 5,5 triệu người tị nạn Syria sống tập trung ở 5 nước láng giềng là Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan, Iraq và Ai Cập. Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia láng giềng có số lượng người tị nạn Syria lớn nhất: 3,3 triệu người [UNHCR, 2024]. Khoảng 92% người tị nạn trốn sang các nước láng giềng sống ở nông thôn và thành thị, chỉ có khoảng 5% sống trong các trại tị nạn. Hơn 70% người tị nạn Syria đang sống trong cảnh nghèo đói, bị hạn chế tiếp cận các dịch vụ cơ bản, cơ hội giáo dục hoặc việc làm và rất ít triển vọng trở về quê hương [UNHCR, 2024].

Bảng 4.1: Số người tị nạn Syria tại các quốc gia khác

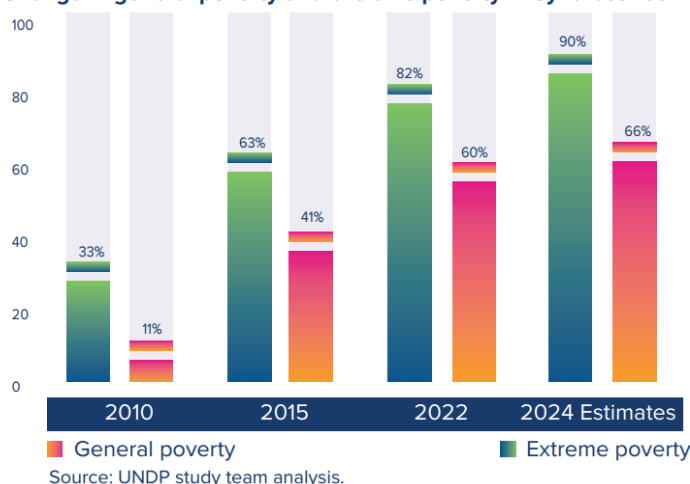
Địa điểm	Số người	Tỉ lệ %	Ngày cập nhật	Nguồn số liệu
Thổ Nhĩ Kỳ	2,807,615	61%	20/3/2025	Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ
	755,426	16.4%	31/12/2024	UNHCR
Jordan	557,783	12.1%	31/3/2025	UNHCR
Iraq	300,563	6.5%	31/3/2025	UNHCR
Ai Cập	139,384	3%	31/3/2025	UNHCR
Khác (Bắc Phi)	42,283	0.9%	31/12/2023	UNHCR

Nguồn: UNHCR

Vào năm 2021, khoảng 13,4 triệu người Syria cần hỗ trợ nhân đạo [UNOCHA, 2019],[UN, 2021]. Con số này tăng lên vào năm 2023, đạt 15,3 triệu

người trong hoàn cảnh 85% hộ gia đình không thể đáp ứng nhu cầu cơ bản, hơn một nửa dân số thiếu nguồn nước ổn định và hơn 55% dân số (12 triệu người) phải đối mặt với tình trạng thiếu lương thực [EC, 2023]. Theo người đứng đầu cơ quan nhân đạo của Liên hợp quốc, cuộc xung đột ở Syria đã đẩy 90% dân số nước này xuống dưới mức nghèo khổ, so với 28% vào năm 2010 [UN, 2023].

Figure 12: Change in general poverty and extreme poverty in Syria between 2010 and 2024



Biểu đồ 4.4: Tình trạng nghèo đói và nghèo đói cùng cực tại Syria (2010-2024)

Nguồn: [UNDP, 2025, tr.30]

Ngày 8/12/2024, phe đối lập đã lật đổ chính quyền Assad. Điều này đã chấm dứt hơn 50 năm cai trị của gia đình Assad ở Syria, những người đã nắm quyền vào năm 1971 dưới thời cha của Bashar, Hafez al-Assad. Ngày 29/3/2025, Tổng thống lâm thời Syria Ahmed al-Sharaa đã công bố thành lập chính quyền chuyển tiếp mới. Quá trình tái thiết Syria vẫn còn rất nhiều khó khăn sau 14 năm đất nước bị phân mảnh và chia rẽ. Xung đột vẫn diễn ra, trong thời gian tới, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa nỗ lực trong nước và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế. Các lực lượng chính trị tại nước này cần đạt được những thỏa thuận cốt lõi và tuân thủ một thỏa thuận hòa bình, hòa giải bền vững, sự phục hồi tại Syria mới có thể bắt đầu.

4.1.3. Tác động đến khu vực Trung Đông

4.1.3.1. Thay đổi cán cân quyền lực tại Trung Đông

Sự dịch chuyển cán cân quyền lực khu vực gắn liền với các quyết định can dự của hai cường quốc: sự can thiệp quân sự của Nga năm 2015, việc Mỹ hậu thuẫn lực lượng người Kurd, và sự điều chỉnh hiện diện của Mỹ tại Đông Bắc Syria đều tác động trực tiếp đến tình hình khu vực Trung Đông.

Trung Đông trở nên đa cực, phân mảnh

Nội chiến Syria, kéo dài từ năm 2011 đã thay đổi cán cân quyền lực tại Trung Đông. Các lực lượng trong khu vực và quốc tế đã can thiệp vào cuộc xung đột, khiến Syria trở thành chiến trường cho những cuộc tranh giành quyền lực. Cuộc chiến đã làm thay đổi các mối quan hệ quyền lực, và định hình lại vai trò của các cường quốc khu vực. Cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria khiến các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, và Saudi Arabia cũng tham gia tích cực hơn vào xung đột này. Điều này tạo ra một mạng lưới cạnh tranh phức tạp, trong đó các nước lớn không chỉ cạnh tranh trực tiếp mà còn gián tiếp thông qua các nước trung gian, đặc biệt là các cường quốc khu vực. Trước khi Assad sụp đổ, các cường quốc khu vực như Iran và Thổ Nhĩ Kỳ mở rộng ảnh hưởng thông qua các lực lượng ủy nhiệm, làm gia tăng căng thẳng tại Trung Đông. Qua đó dẫn đến sự tái phân bố ảnh hưởng giữa Iran - Thổ Nhĩ Kỳ - Israel - các nước vùng Vịnh. Sự cạnh tranh giữa hai cường quốc tại đây đã khiến tập hợp lực lượng tại khu vực có nhiều biến động. Trong khi Nga liên kết với Iran và phối hợp với Thổ Nhĩ Kỳ thì Mỹ củng cố liên minh với Israel, Jordan và GCC. Từ đó tạo thành hai chiến tuyến liên quan đến nội chiến Syria cũng như tác động đến cục diện khu vực Trung Đông.

Về Iran, trước khi Assad sụp đổ, cuộc chiến đã làm thay đổi động lực quyền lực khu vực, thay đổi cán cân quyền lực trong khu vực, đặc biệt là làm Iran mạnh hơn ở Trung Đông [Bhojwani, 2025, p.5]. Iran đã tạo ra một hành lang trên bộ từ Iran đến Địa Trung Hải bằng cách ủng hộ chính phủ Assad và thiết lập quan hệ với Hezbollah và các chiến binh Shitte khác. Iran tận dụng cuộc xung đột để củng cố “trục Shiite”, bao gồm Iran - Iraq - Syria - Lebanon, qua đó gia tăng ảnh hưởng tại khu vực. Điều này đã châm ngòi cho một loạt các cuộc chiến tranh ủy nhiệm ở khu vực và khiến các nước láng giềng của Iran, đặc biệt là Saudi Arabia và Israel lo ngại. Sự hỗ trợ trực tiếp cho chính quyền Assad bằng tài chính, quân sự và sự tham gia của lực lượng Vệ binh Cách mạng Hồi giáo Iran (IRGC) giúp Iran mở rộng phạm vi hoạt động. Sự hiện diện quân sự lâu dài của Iran tại Syria giúp nước này duy trì ảnh hưởng chiến lược từ Iran qua Iraq, Syria đến Lebanon (trục Shiite).

Mặt khác, Iran tận dụng sự hỗ trợ của Nga khi Nga và Iran chia sẻ lợi ích chung trong việc bảo vệ chính quyền Assad. Sự hỗ trợ quân sự và ngoại giao từ Nga

cho Syria đã gián tiếp củng cố vị trí của Iran tại nước này, khi cả hai bên phối hợp để chống lại lực lượng đối lập và các nhóm cực đoan. Đồng thời, Iran tiếp tục cạnh tranh với Mỹ và làm suy yếu vai trò của Mỹ tại khu vực thông qua khủng hoảng Syria. Mỹ nỗ lực ngăn chặn sự mở rộng của Iran, nhưng chiến lược rút quân và giảm can thiệp tại Syria đã làm suy yếu khả năng kiềm chế Iran. Sự suy giảm vai trò của Mỹ trong khu vực càng tạo cơ hội để Iran gia tăng ảnh hưởng.

Tuy nhiên, sau khi Assad sụp đổ, Nga tập trung vào cuộc chiến Ukraine, Iran cũng bị suy giảm vị thế vì Syria đóng vai trò trụ cột chính trong chiến lược khu vực của Iran. Sự sụp đổ Assad làm đứt gãy vòng cung chiến lược của Iran, đồng thời sự gia tăng không gian hoạt động của Mỹ và Israel ở Trung Đông khiến Iran đã gặp khó khăn trong cuộc chiến hiện tại chống lại Israel. Không còn ảnh hưởng ở Syria, học thuyết chiến tranh bất đối xứng mà Iran thường sử dụng thông qua các lực lượng ủy nhiệm chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng [Carlin, 2024]. Iran đang bị cô lập sau sự sụp đổ của chế độ Assad. Với các đồng minh chủ chốt bị tiêu diệt hoặc suy yếu, Iran sẽ buộc phải định hình lại chính sách an ninh và vai trò khu vực của mình [Makooi, 2024]. Sự sụp đổ của chế độ Assad đánh dấu một bước thụt lùi địa chính trị nghiêm trọng đối với Iran, phá vỡ vị thế chiến lược của nước này ở Syria và làm xói mòn nhiều năm đầu tư chính trị, quân sự và kinh tế. Sự tái cấu trúc quyền lực ở Syria đã làm suy yếu ảnh hưởng của Iran trên khắp khu vực Levant và phá vỡ khả năng duy trì các mạng lưới khu vực liên kết với “Trục Kháng chiến” [Dadparvara, 2025].

Ngoài ra, sự cạnh tranh quyền lực Nga - Mỹ tại Syria đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa làm trầm trọng thêm các mâu thuẫn nội bộ tại Lebanon, Iraq và Jordan. Sự hiện diện của Hezbollah tại Syria (được Nga ngầm chấp thuận và Iran hỗ trợ) đã làm trầm trọng thêm sự chia rẽ giáo phái và chính trị tại Lebanon khiến quốc gia này rơi vào trạng thái tê liệt quản trị kéo dài. Phải gánh chịu áp lực từ hàng triệu người tị nạn và sự mất an ninh biên giới, buộc Jordan phải duy trì quan hệ đồng minh với Mỹ vừa phải đàm phán với Nga để duy trì sự ổn định ở biên giới phía Bắc. Sự cạnh tranh này tạo điều kiện cho các nhóm cực đoan như IS trỗi dậy trong các khoảng trống quyền lực, đồng thời biến Iraq thành chiến trường phụ cho cuộc đối đầu giữa lực lượng do Mỹ hỗ trợ và các dân quân do Nga-Iran bảo trợ.

Về Thổ Nhĩ Kỳ, quốc gia này đã gia tăng ảnh hưởng tại Bắc Syria, đặc biệt sau khi chính quyền Assad sụp đổ. Cuộc tranh Nga - Mỹ tại Syria khiến Thổ Nhĩ Kỳ gia tăng ảnh hưởng và đạt được những mục tiêu nhất định trong bàn cờ chính trị khu vực Trung Đông. Nội chiến Syria đã tạo ra một loạt cơ hội và thách thức đối với Thổ Nhĩ Kỳ, khiến nước này phải điều chỉnh chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia và gia tăng ảnh hưởng tại Trung Đông. Thổ Nhĩ Kỳ cũng cố vị thế vừa là thành viên NATO vừa là cường quốc khu vực. Vai trò của Thổ Nhĩ Kỳ tại Syria khiến Nga và Mỹ đều phải điều chỉnh chính sách với Thổ Nhĩ Kỳ.

Thổ Nhĩ Kỳ không chỉ tham gia trực tiếp vào cuộc xung đột bằng các chiến dịch quân sự, mà còn thiết lập ảnh hưởng thông qua các hành động ngoại giao, kinh tế và nhân đạo. Tuy nhiên, vai trò của Thổ Nhĩ Kỳ trong cuộc xung đột cũng đối mặt với sự phản đối từ các cường quốc khu vực và quốc tế, tạo ra một động lực quan trọng định hình cục diện quyền lực tại Trung Đông. Thổ Nhĩ Kỳ đã thực hiện nhiều chiến dịch quân sự tại miền bắc Syria, nhằm ngăn chặn sự mở rộng của lực lượng người Kurd và bảo vệ lợi ích biên giới. Thổ Nhĩ Kỳ cũng tìm cách thiết lập vùng đệm an toàn ở Syria, qua đó gia tăng ảnh hưởng trong khu vực. Vì vậy, Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến hành các chiến dịch quân sự nhằm tạo vùng đệm an toàn để tái định cư người tị nạn Syria. Mục tiêu này không chỉ giảm áp lực từ làn sóng người tị nạn mà còn giúp Thổ Nhĩ Kỳ củng cố ảnh hưởng tại khu vực biên giới Syria.

Xung quanh những tác động tiêu cực từ nội chiến Syria, Thổ Nhĩ Kỳ cũng hướng đến mục tiêu chống khủng bố và bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia. Thổ Nhĩ Kỳ tích cực tham gia vào cuộc chiến chống các tổ chức khủng bố như ISIS và YPG, đồng thời sử dụng sự hiện diện quân sự để mở rộng quyền kiểm soát. Cuối cùng, để gia tăng ảnh hưởng địa chính trị, Thổ Nhĩ Kỳ tìm cách đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết khủng hoảng Syria thông qua các sáng kiến ngoại giao, đặc biệt là tiến trình Astana với Nga và Iran. Có thể nói, Thổ Nhĩ Kỳ thông qua vấn đề Syria muốn tái khẳng định vai trò lãnh đạo trong thế giới Hồi giáo Sunni và định hình lại cấu trúc quyền lực tại Trung Đông. Chính sách của Thổ Nhĩ Kỳ giúp họ tăng cường vị thế trong khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ củng cố vai trò như một cường quốc khu vực với khả năng ảnh hưởng đến cục diện chính trị Syria và các vấn đề Trung Đông. Việc xây dựng vùng đệm và hỗ trợ các nhóm đối lập Syria cũng là công cụ để Thổ Nhĩ Kỳ định hình tương lai chính trị nước này.

Thổ Nhĩ Kỳ đã thông qua một số chiến dịch quân sự lớn từ năm 2016 đến 2019 để đạt được vị thế tại Syria. Chiến dịch Lá chắn Euphrates (2016-2017) nhằm loại bỏ ISIS và ngăn chặn sự mở rộng của YPG tại khu vực phía bắc Syria. Chiến dịch Nhánh Ô-liu (2018) nhằm vào Afrin - một khu vực do YPG kiểm soát, nhằm ngăn chặn sự hình thành của một hành lang người Kurd dọc biên giới. Chiến dịch Mùa xuân Hòa bình (2019) nhằm thiết lập vùng an toàn ở đông bắc Syria để tái định cư người tị nạn và hạn chế ảnh hưởng của người Kurd. Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tiếp tục củng cố xây dựng vùng ảnh hưởng kinh tế và nhân đạo. Thổ Nhĩ Kỳ cung cấp viện trợ nhân đạo, xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ tái thiết tại các khu vực dưới sự kiểm soát của mình, đặc biệt ở Afrin, Jarabulus, và al-Bab. Hệ thống giáo dục, y tế và kinh tế tại các vùng này phần lớn được tích hợp với Thổ Nhĩ Kỳ, giúp củng cố ảnh hưởng lâu dài.

Bên cạnh đó, sự tích cực của Thổ Nhĩ Kỳ trong nỗ lực giải quyết vấn đề Syria được thể hiện thông qua vai trò của họ trên lĩnh vực ngoại giao và đàm phán đa phương. Thổ Nhĩ Kỳ là một bên chính trong tiến trình Astana, hợp tác với Nga và Iran để tìm kiếm giải pháp chính trị cho cuộc xung đột. Thổ Nhĩ Kỳ cũng duy trì đối thoại với Mỹ và EU nhằm cân bằng lợi ích và giảm thiểu áp lực quốc tế. Hiện nay, Thổ Nhĩ Kỳ hiện là nước tiếp nhận số lượng người tị nạn Syria lớn nhất thế giới (hơn 3,6 triệu người). Việc hỗ trợ và tái định cư người tị nạn không chỉ củng cố hình ảnh nhân đạo của Ankara mà còn là công cụ đàm phán với EU và các nước khác.

Chính sách của Thổ Nhĩ Kỳ với Syria giúp Thổ Nhĩ Kỳ mở rộng phạm vi kiểm soát tại Syria. Thổ Nhĩ Kỳ hiện kiểm soát một phần lãnh thổ phía bắc Syria, nơi có vai trò chiến lược trong việc bảo vệ biên giới và ngăn chặn sự mở rộng của YPG. Khu vực này cũng trở thành trung tâm để Thổ Nhĩ Kỳ triển khai các hoạt động kinh tế và nhân đạo. Tuy nhiên, chính sách của Thổ Nhĩ Kỳ tại Syria gây căng thẳng trong quan hệ Thổ Nhĩ Kỳ với các nước Ả Rập; cũng như gây lo ngại cho Saudi Arabia, UAE và Ai Cập, khi Thổ Nhĩ Kỳ tìm cách mở rộng ảnh hưởng trong thế giới Hồi giáo Sunni; đồng thời Thổ Nhĩ Kỳ cũng gặp những thách thức từ các cường quốc như Nga, Mỹ, Iran. Thổ Nhĩ Kỳ hợp tác với Nga nhưng cũng đối mặt với mâu thuẫn, đặc biệt trong các cuộc xung đột tại Idlib. Quan hệ Mỹ-Thổ Nhĩ Kỳ căng thẳng do sự hỗ trợ của Mỹ cho lực lượng YPG trong cuộc chiến chống ISIS.

Sự can thiệp của Thổ Nhĩ Kỳ làm giảm ảnh hưởng của Iran tại Syria, đặc biệt tại các khu vực người Sunni.

Nội chiến Syria không chỉ là một cuộc xung đột nội bộ mà còn là sân khấu để các cường quốc khu vực, trong đó có Saudi Arabia và các quốc gia vùng Vịnh (đặc biệt là Qatar và UAE), can thiệp nhằm bảo vệ lợi ích chiến lược và gia tăng ảnh hưởng địa chính trị. Vai trò của các quốc gia này thể hiện qua sự hỗ trợ cho các nhóm đối lập, ảnh hưởng tài chính, và nỗ lực định hình tương lai chính trị Syria theo hướng có lợi cho trục Sunni, đối lập với chính quyền Bashar al-Assad và các đồng minh như Iran. Saudi Arabia, UAE và Qatar hỗ trợ các nhóm đối lập Sunni để chống lại chính quyền Assad và làm suy yếu ảnh hưởng của Iran. Tuy nhiên, sự phân hóa trong chính sách của các quốc gia vùng Vịnh đã làm giảm hiệu quả tác động của họ trong cuộc xung đột.

Saudi Arabia và các quốc gia vùng Vịnh xem nội chiến Syria là cơ hội để làm suy yếu trực ảnh hưởng Shiite do Iran dẫn đầu. Chính quyền Assad, như một đồng minh chủ chốt của Iran, trở thành mục tiêu chính cần loại bỏ nhằm giảm tầm ảnh hưởng của Tehran tại khu vực. Các nước vùng Vịnh, đặc biệt là Saudi Arabia và Qatar, đã hỗ trợ tài chính và vũ khí cho các nhóm đối lập Syria, chủ yếu là các lực lượng thuộc hệ phái Sunni. Mục tiêu là tạo ra một chính quyền thay thế Assad thân thiện với các nước vùng Vịnh. Nội chiến Syria được các quốc gia vùng Vịnh xem là một phần của cuộc đấu tranh rộng lớn giữa các trục quyền lực Hồi giáo Sunni và Shia. Qatar và Saudi Arabia cạnh tranh trong việc hỗ trợ các nhóm đối lập tại Syria nhằm gia tăng vai trò lãnh đạo trong thế giới Ả Rập và Hồi giáo Sunni. Trong khi đó, UAE có cách tiếp cận thực dụng hơn, ưu tiên ổn định khu vực và giảm sự hiện diện của các nhóm Hồi giáo cực đoan.

Saudi Arabia hỗ trợ, tài trợ và cung cấp vũ khí cho nhiều nhóm đối lập tại Syria, bao gồm cả Quân đội Syria Tự do (FSA). Saudi Arabia sử dụng nội chiến Syria để làm suy yếu ảnh hưởng của Iran, xem đây là mặt trận chính trong cuộc cạnh tranh khu vực. Trên phương diện ngoại giao, Saudi Arabia nỗ lực vận động cộng đồng quốc tế cô lập chính quyền Assad và đòi hỏi chuyển giao quyền lực trong các hội nghị quốc tế về Syria. Qatar hỗ trợ tài chính, đầu tư lớn vào các nhóm đối lập Syria, bao gồm cả các tổ chức có xu hướng Hồi giáo chính trị như Mặt trận

Al-Nusra. Qatar sử dụng mạng lưới Al Jazeera, Qatar đã tích cực đưa tin ủng hộ các lực lượng đối lập, tạo ra ảnh hưởng truyền thông đáng kể. Qatar và Saudi Arabia có sự khác biệt trong việc chọn lựa nhóm đối lập để hỗ trợ, làm phức tạp tình hình trên thực địa.

UAE tiếp cận thận trọng với nội chiến Syria nên ít can dự vào hỗ trợ quân sự trực tiếp mà tập trung vào việc ngăn chặn sự gia tăng của các nhóm Hồi giáo cực đoan, đặc biệt là các nhóm có liên hệ với Anh em Hồi giáo. UAE chủ trương bình thường hóa với chính phủ Assad qua quyết định mở lại đại sứ quán tại Damascus năm 2018, thể hiện chiến lược thực dụng, ưu tiên ổn định khu vực hơn là thay đổi chế độ.

Cạnh tranh giữa Qatar và Saudi Arabia trong việc hỗ trợ các nhóm đối lập tại Syria đã làm gia tăng bất đồng trong Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC). Cuộc khủng hoảng ngoại giao vùng Vịnh năm 2017 giữa Qatar và các nước khác trong GCC phần nào liên quan đến cách tiếp cận của các bên đối với nội chiến Syria. Các quốc gia vùng Vịnh phải đối mặt với áp lực tài chính lớn khi tài trợ cho các nhóm đối lập tại Syria trong bối cảnh giá dầu suy giảm. Sự can thiệp cũng gây ra chỉ trích từ một số nước phương Tây do mối liên hệ giữa các nhóm đối lập và chủ nghĩa cực đoan. Sự can thiệp mạnh mẽ của Nga và Iran đã làm suy giảm vai trò của Saudi Arabia và Qatar tại Syria, khi chính quyền Assad giành lại quyền kiểm soát phần lớn lãnh thổ. Sự can thiệp của Saudi Arabia và các quốc gia vùng Vịnh trong nội chiến Syria phản ánh cuộc cạnh tranh quyền lực khốc liệt tại Trung Đông, đặc biệt giữa trục Sunni và Shia. Dù có tác động quan trọng trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, vai trò của các quốc gia vùng Vịnh đã suy giảm khi Nga, Iran, và Thổ Nhĩ Kỳ trở thành những nhân tố chính trong việc định hình cục diện chính trị Syria. Tuy nhiên, ảnh hưởng của họ, thông qua việc tài trợ và vận động ngoại giao, vẫn để lại những dấu ấn sâu sắc đối với tương lai của Syria và khu vực.

4.1.3.2. Phân cực trong các cơ chế đa phương khu vực

Sau phong trào Mùa xuân Ả rập, các cuộc nội chiến tại khu vực Trung Đông nổ ra đã khiến cho tình hình khu vực ngày càng trở nên phức tạp, bất ổn. Các cuộc nội chiến, xung đột không được giải quyết không chỉ làm cho tình hình an ninh - chính trị Trung Đông trở nên khó kiểm soát mà còn dẫn đến tình trạng phân cực

trong các cơ chế đa phương khu vực Trung Đông. Trước hết, cần phải nói đến vai trò của Liên đoàn Ả Rập (ALS) trong nội chiến Syria vì Syria là một quốc gia thành viên thuộc tổ chức này. Ban đầu, Liên đoàn Ả Rập đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy các nỗ lực ngoại giao, bao gồm việc đình chỉ tư cách thành viên của Syria vào năm 2011. Tuy nhiên, sau đó thì các quốc gia thành viên bị chia rẽ liên quan đến vấn đề Syria do những lợi ích khác nhau liên quan đến Syria. Saudi Arabia và các nước vùng Vịnh thì hỗ trợ phe đối lập và kêu gọi thay đổi chế độ tại Syria. Trong khi đó, Iraq, Ai Cập, và Algeria lại hỗ trợ hoặc trung lập với chính quyền Assad. Sự chia rẽ này làm suy yếu khả năng của ALS trong việc duy trì vai trò trung gian hòa giải.

Được thành lập vào năm 1945, mục đích của Liên đoàn Arab là củng cố và phát triển các quan hệ hữu nghị giữa các nước trong Liên đoàn, phối hợp chính sách và hoạt động để bảo vệ nền độc lập, chủ quyền và hợp tác kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội hướng tới mục tiêu chung là sự phồn thịnh của tất cả các nước Arab. Mùa xuân Arab và những hệ lụy về chính trị, an ninh và nhân đạo đang đặt ra những thử thách gay go đối với năng lực, vị thế và tính hợp pháp của Liên đoàn Arab khi can thiệp giải quyết các vấn đề an ninh chính trị ở khu vực Trung Đông. Liên đoàn Arab đã rất tích cực áp dụng quy chuẩn nhân quyền “trách nhiệm bảo vệ” (Responsibility to Protect - R2P) đối với Syria và Libya - hai nước để xảy ra nội chiến lớn, vi phạm nghiêm trọng nhân quyền. Do đó, Liên đoàn Arab đã trục xuất Syria ra khỏi tổ chức (Liên đoàn đình chỉ tư cách thành viên của Syria dưới chế độ Assad vào ngày 12/11/2011). Có thể nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử LAS có sự đình chỉ tư cách thành viên vì vi phạm nhân quyền và điều này cũng cho thấy sự thay đổi lớn trong LAS, mặc dù việc trục xuất tư cách thành viên của Libya và Syria không nhận được sự ủng hộ nhất trí của tất cả các nước thành viên trong LAS.

Liên đoàn Arab yêu cầu tất cả các nước thành viên rút đại sứ quán của mình khỏi Damascus, áp đặt lệnh trừng phạt chính trị và kinh tế đối với chế độ Assad. Liên đoàn Arab ủng hộ việc can thiệp quốc tế vào Syria thông qua việc yêu cầu Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cử đội quân gìn giữ hòa bình tới Syria. Vào ngày 12/2/2012, Liên đoàn Arab yêu cầu Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra quyết định thành lập lực lượng gìn giữ hòa bình chung giữa LHQ và Liên đoàn Arab để giám

sát thực hiện lệnh ngừng bắn. Tháng 11/2012, cả LAS và GCC đều công nhận phe đối lập ở Syria là đại diện hợp pháp của nhân dân Syria. Tháng 3/2013, Liên đoàn Arab trao ghế thành viên LAS cho Liên minh đối lập của Syria [Droubi, 2013].

Liên đoàn Arab rất nỗ lực trong việc hợp tác với Liên hợp quốc làm trung gian giải quyết cuộc khủng hoảng Syria thông qua Kế hoạch Sáu điểm của Đặc phái viên Kofi Anan. Tuy nhiên, Liên đoàn Arab đã thất bại trong việc giải quyết cuộc nội chiến Syria mặc dù rất nỗ lực, bởi do tính chất quá phức tạp của cuộc xung đột và sự can thiệp của các thế lực khu vực và quốc tế vào Syria. Sự thiếu tin tưởng giữa Syria và các nước thành viên LAS, sự cạnh tranh vị thế giữa Saudi Arabia và Qatar đã khiến Liên đoàn Arab thất bại khi đóng vai trò trung gian giải quyết khủng hoảng Syria.

Ngoài ra, cuộc nội chiến Syria đã làm gia tăng sự chia rẽ giữa các thành viên của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) theo các tuyến tôn giáo (Sunni-Shiite) và chính trị (Iran vs. Saudi Arabia), khiến tổ chức này không thể thống nhất quan điểm trong giải quyết vấn đề Syria. Là một tổ chức quốc tế với 57 thành viên bao gồm các quốc gia Hồi giáo trên thế giới, OIC được thành lập nhằm thúc đẩy đoàn kết giữa các quốc gia Hồi giáo, giải quyết các vấn đề chung và duy trì hòa bình trong cộng đồng Hồi giáo. Tuy nhiên, nội chiến Syria đã làm gia tăng sự chia rẽ nghiêm trọng giữa các thành viên của tổ chức này. Xung đột tại Syria không chỉ là một cuộc nội chiến mà còn là chiến trường cho các tranh chấp địa chính trị và tôn giáo, với sự can thiệp từ nhiều cường quốc khu vực và quốc tế.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự chia rẽ giữa các thành viên OIC là do có những quan điểm khác biệt về giải pháp chính trị cho Syria. Một số thành viên OIC như Iran và Iraq ủng hộ chính quyền Assad, coi ông là nhân tố ổn định để đối phó với các nhóm khủng bố. Ngược lại, Saudi Arabia, Qatar và Thổ Nhĩ Kỳ ủng hộ các lực lượng đối lập và kêu gọi Assad từ chức như một điều kiện tiên quyết để đạt được hòa bình. Do đó đã dẫn đến sự đình trệ trong các nghị quyết của OIC. Tổ chức này đã không thể đạt được sự đồng thuận về các biện pháp giải quyết cuộc xung đột tại Syria, do sự mâu thuẫn lợi ích giữa các thành viên. Các nghị quyết liên quan đến Syria thường phản ánh quan điểm mâu thuẫn, làm giảm hiệu quả và uy tín của tổ chức. Syria đã bị tổ chức này tẩy chay và cô lập dẫn đến việc Syria bị đình chỉ tư

cách thành viên tại OIC từ năm 2012, phản ánh sự bất đồng giữa các thành viên về cách tiếp cận với chính quyền Assad. Quyết định này được thúc đẩy bởi các quốc gia vùng Vịnh, nhưng bị phản đối mạnh mẽ bởi Iran và các đồng minh. Thậm chí,

Sự chia rẽ khiến OIC không thể đóng vai trò trung gian hòa giải hiệu quả, bất chấp mục tiêu ban đầu là thúc đẩy đoàn kết trong thế giới Hồi giáo. Điều này làm giảm khả năng của tổ chức trong việc ứng phó với các vấn đề an ninh và nhân đạo liên quan đến Syria. Vấn đề Syria không được giải quyết đã làm gia tăng căng thẳng giữa các thành viên OIC. Xung đột tại Syria làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa các cường quốc khu vực như Iran, Saudi Arabia và Thổ Nhĩ Kỳ, kéo theo sự phân hóa trong toàn tổ chức. Những căng thẳng này lan rộng sang các vấn đề khác, như cuộc khủng hoảng Yemen hay cạnh tranh ảnh hưởng tại Iraq và Lebanon. Một số thành viên OIC bị cáo buộc tài trợ hoặc hỗ trợ các nhóm cực đoan tham chiến tại Syria, làm gia tăng sự nghi ngờ và đối đầu giữa các quốc gia trong tổ chức. Một số quốc gia cáo buộc lẫn nhau lợi dụng cuộc khủng hoảng Syria để theo đuổi lợi ích riêng, làm suy giảm lòng tin và tinh thần hợp tác trong OIC. Từ đó dẫn đến tình trạng mất lòng tin giữa các quốc gia thành viên của Tổ chức này.

4.1.3.3. Gia tăng bất ổn chính trị tại Trung Đông

Phân cực giáo phái, mâu thuẫn sắc tộc và làn sóng người tị nạn có nguyên nhân gốc từ cấu trúc xã hội và các mâu thuẫn nội tại của khu vực. Cạnh tranh Nga - Mỹ khiến xung đột tại Syria bị kéo dài và gián tiếp làm gia tăng các mâu thuẫn, bất ổn của khu vực.

Cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria không chỉ phản ánh xung đột lợi ích giữa hai cường quốc mà còn tạo ra những tác động sâu rộng đến an ninh khu vực Trung Đông. Với sự can dự của Nga và Mỹ trong các hoạt động quân sự, chính trị và kinh tế tại Syria, tình hình an ninh khu vực ngày càng trở nên phức tạp. Sự can dự của Nga, Mỹ kéo theo các quốc gia khác đã làm gia tăng xung đột và bất ổn tại Syria. Nội chiến Syria, bùng nổ từ năm 2011, đã trở thành một trong những cuộc xung đột phức tạp và kéo dài nhất trong lịch sử hiện đại của Trung Đông. Xung đột này không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Syria mà còn dẫn đến những bất ổn lan tỏa rộng khắp trong khu vực. Cuộc xung đột này gây ra những khó khăn mới cho ngoại giao quốc tế, làm gia tăng sự chia rẽ phe phái, như chất xúc tác làm xuất hiện các tổ chức cực đoan và làm leo thang sự cạnh tranh trong khu vực.

Thứ nhất là sự phân cực theo giáo phái. Cuộc xung đột giữa quân đội do người Shiite lãnh đạo (được Iran hỗ trợ) và các phe đối lập là người Sunni (được các quốc gia vùng Vịnh và Thổ Nhĩ Kỳ hỗ trợ), đã làm gia tăng căng thẳng giáo phái trong toàn khu vực. Sự phân cực này gây khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề chung như phát triển kinh tế, khủng bố và khủng hoảng người tị nạn; từ đó cản trở các nỗ lực hợp tác và ổn định khu vực. Sự gia tăng các rạn nứt sắc tộc khắp Trung Đông là một trong những tác động địa chính trị quan trọng nổi bật nhất của cuộc nội chiến Syria. Chính phủ do người Shiite lãnh đạo của Bashar al-Assad, được Iran và Hezbollah ủng hộ, đã phải đối mặt với phe đối lập Sunni được các quốc gia vùng Vịnh như Saudi Arabia và Thổ Nhĩ Kỳ hậu thuẫn. Tình hình này đã góp phần gia tăng căng thẳng giữa cộng đồng Shiite và Sunni ở Iraq và các quốc gia lân cận khác. Những chia rẽ này càng trở nên trầm trọng hơn do sự xuất hiện của Tổ chức Nhà nước Hồi giáo (IS), bắt đầu từ Iraq trước khi lan sang Syria.

Căng thẳng sắc tộc đã bùng phát trở lại ở khu vực, một phần do cuộc nội chiến Syria. Sự chia rẽ giữa cộng đồng Shiite và Sunni đã gia tăng do sự tham gia của Hezbollah vào cuộc xung đột và hỗ trợ chính quyền Assad. Cùng với đó, những người tị nạn Syria (phần lớn là người Sunni) ở khu vực cũng gây ra những bất ổn xã hội và các vấn đề kinh tế cho quốc gia láng giềng. Những nỗ lực hợp tác và ổn định khu vực đã bị cản trở bởi sự phân cực giáo phái do cuộc nội chiến Syria gây ra. Việc giải quyết các vấn đề chung như phát triển kinh tế, khủng bố và khủng hoảng người tị nạn trở nên khó khăn hơn do sự cạnh tranh giữa Saudi Arabia và Iran. Khi các nước trong khu vực đặt lợi ích giáo phái và địa chính trị vào cuộc xung đột thì cuộc xung đột ở Syria lại càng khó tìm được giải pháp hòa bình.

Thứ hai là sự trỗi dậy của các nhóm cực đoan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh khu vực và quốc tế. Nội chiến Syria qua 14 năm đã tác động trực tiếp đến an ninh chính trị của khu vực Trung Đông, đặc biệt là các quốc gia láng giềng. Iraq, Lebanon, Jordan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập... chịu tác động nặng nề bởi sự thâm nhập của các nhóm khủng bố từ Syria. Sự hỗ trợ cho các phe phái đối lập đã làm gia tăng chia rẽ nội bộ và tạo điều kiện cho các nhóm khủng bố (như IS) tái tổ chức. Đặc biệt là cuộc nội chiến Syria đã khiến các quốc gia láng giềng như Iraq và Jordan đã phải đối mặt với làn sóng người tị nạn và sự gia tăng hoạt động của các

nhóm khủng bố bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp của Hezbollah - lực lượng được Iran và Nga hậu thuẫn, làm gia tăng nguy cơ xung đột nội bộ. Israel lo ngại về sự hiện diện của Iran và các lực lượng thân Iran tại Syria, dẫn đến các cuộc không kích nhằm vào các mục tiêu tại đây [Bhojwani, 2025, p.5].

Cuối cùng, cùng với các cuộc nội chiến khác tại Trung Đông, nội chiến Syria làm tăng làn sóng người tị nạn và khủng hoảng nhân đạo với quy mô người tị nạn lớn nhất thế giới. Hàng triệu người Syria đang tìm kiếm sự an toàn ở các nước láng giềng và châu Âu. Cuộc xung đột đã khiến hơn một nửa dân số trước chiến tranh của đất nước phải di dời. Các quốc gia tiếp nhận người di cư đã phải chịu áp lực rất lớn do cuộc di dời quy mô lớn này, điều này đã làm trầm trọng thêm căng thẳng xã hội và kinh tế, đồng thời gia tăng bất ổn chính trị. Trong đó đặc biệt là các nước láng giềng như Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan, Iraq và Ai Cập... Áp lực về kinh tế, xã hội và an ninh, những tác động tiêu cực đến cơ sở hạ tầng và sự phát triển của các nước láng giềng từ dòng người tị nạn đã gây bất ổn tại các quốc gia tiếp nhận, đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ [Hawamdeh, 2018]. Nội chiến Syria cũng đã làm lan rộng cuộc khủng hoảng nhân đạo tại Trung Đông mà trước hết là chính tại Syria. Các cơ sở hạ tầng y tế, giáo dục và dịch vụ công cộng bị phá hủy ở Syria, làm tăng sự phụ thuộc vào viện trợ quốc tế và gây áp lực lên các tổ chức nhân đạo. Điều này làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói, bệnh tật, và bất ổn xã hội trong khu vực.

4.1.4. Tác động ở cấp độ toàn cầu

4.1.4.1. Tác động đối với tình hình an ninh thế giới

Thúc đẩy xu hướng chạy đua vũ trang

Việc hai cường quốc sử dụng Syria làm nơi thử nghiệm, trình diễn vũ khí và điều chỉnh chi tiêu quốc phòng là hệ quả phát sinh trực tiếp từ quyết định can dự quân sự của mỗi bên trong cạnh tranh với đối thủ. Như đã phân tích, cả hai cường quốc, đặc biệt là Nga đã sử dụng Syria như một địa bàn để thử nghiệm vũ khí và công nghệ quân sự, chiến thuật mới. Đây là một trong những lý do cho thấy xung đột tại Syria đã gia tăng cuộc chạy đua vũ trang trên nhiều cấp độ, từ việc hiện đại hóa quân đội của các cường quốc, tăng cường khả năng phòng thủ của các nước trong khu vực, đến việc phổ biến vũ khí và công nghệ chiến tranh tiên tiến. Nga là nước chịu trách nhiệm chính trong việc cung cấp vũ khí cho chính phủ Syria. Ngược lại, các nhóm vũ trang đối lập

đã nhận được vũ khí từ nhiều nguồn khác nhau, như Qatar và Saudi Arabia, Israel, Jordan, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE. Thông qua các chiến dịch tại miền Bắc Syria, Thổ Nhĩ Kỳ đã chứng minh sức mạnh của các đội bay drone nội địa, từ đó khởi đầu một làn sóng mua sắm UAV trên toàn cầu. Mỹ và phương Tây cũng đóng vai trò trong việc tìm nguồn và vận chuyển vũ khí cho các nhóm đối lập Syria.

Nga đã sử dụng Syria như một nơi để thử nghiệm và quảng bá các loại vũ khí hiện đại. Nga đã thử nghiệm hơn 320 loại vũ khí tại Syria [TASS, 2021]. Mỹ và đồng minh cũng tận dụng cuộc chiến để thử nghiệm công nghệ quân sự. Mỹ triển khai các công nghệ hiện đại như drone chiến đấu và vũ khí dẫn đường chính xác, máy bay không người lái (UAV) như MQ-9 Reaper để tấn công các mục tiêu của IS và giám sát các khu vực tranh chấp [Williams, 2015, p.65]. Các cuộc không kích của Mỹ vào IS và các mục tiêu khác sử dụng công nghệ chính xác cao, nhằm hạn chế thiệt hại ngoài ý muốn. Các nước khác có liên quan đến cuộc nội chiến Syria cũng coi đây là cơ hội, địa bàn để có thể thử nghiệm và triển khai các vũ khí tối tân của mình. Thổ Nhĩ Kỳ đã triển khai UAV Bayraktar TB2 trong các chiến dịch tại miền bắc Syria, không chỉ để tiêu diệt mục tiêu mà còn để khẳng định vai trò của mình trong ngành công nghiệp quốc phòng toàn cầu. Iran sử dụng Syria để thử nghiệm và triển khai các loại vũ khí tiên tiến như tên lửa tầm xa và máy bay không người lái.

Bảng 4.2: Chi tiêu quốc phòng qua các năm của một số quốc gia

Đơn vị: tỉ USD

<i>Quốc gia</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2024</i>
<i>Mỹ</i>	1.031,257	962,443	814,831	968,881
<i>Nga</i>	50,269	62,160	75,301	150,534
<i>Thổ Nhĩ Kỳ</i>	9,930	9,809	10,442	21,884
<i>Saudi Arabia</i>	59,887	68,696	98,960	77,765
<i>Iran</i>	7,142	6,418	5,479	6,646
<i>Israel</i>	16,602	17,136	19,293	45,267

Nguồn: NCS tổng hợp số liệu các năm của SIPRI

Syria cũng cho thấy các cường quốc đã thay đổi cách thức triển khai sức mạnh quân sự thông qua thực hiện chiến tranh công nghệ cao, UAV. Các loại vũ khí được sử dụng tại Syria như S-400 (Nga) hay F-35 (Mỹ) đã trở thành công cụ quảng bá mạnh mẽ trên thị trường quốc tế. Nhiều nước đã mua sắm các loại vũ khí này sau khi chứng kiến hiệu quả của chúng trong thực chiến. Sự thành công của

UAV trong các chiến dịch tại Syria đã thúc đẩy nhiều quốc gia và tổ chức phi nhà nước phát triển hoặc mua sắm loại vũ khí này. Drone đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến tranh hiện đại, mà gần đây nhất là xung đột Mỹ - Israel với Iran (3-2026).

Xung đột tại Syria đã thúc đẩy cả Nga và Mỹ tăng chi tiêu quốc phòng nhằm duy trì ưu thế chiến lược và phát triển công nghệ quân sự. Mỹ tiếp tục đầu tư mạnh vào các hệ thống vũ khí dẫn đường chính xác, năng lực không gian, và các phương tiện chiến tranh mạng. Nga tăng cường ngân sách quốc phòng để duy trì hiện diện quân sự tại Syria và phát triển các loại vũ khí tiên tiến. Sự cạnh tranh này không chỉ làm gia tăng khả năng quân sự của hai nước mà còn khiến cho các quốc gia khác tăng cường chi tiêu quốc phòng, làm phức tạp nỗ lực kiểm soát vũ khí toàn cầu. Khi Nga và Mỹ chạy đua vũ trang tại Syria, các quốc gia khác cũng tăng cường năng lực quân sự, làm suy yếu các hiệp ước kiểm soát vũ khí như INF và START. Điều này làm gia tăng nguy cơ xung đột quân sự trên quy mô lớn hơn. Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược mới (New START) chính thức hết hiệu lực ngày 5-2-2026 đánh dấu một bước ngoặt đặc biệt nghiêm trọng trong quan hệ Nga-Mỹ, đồng thời tạo ra những rủi ro cũng như hệ lụy khó lường đối với an ninh toàn cầu.

Gia tăng mô hình cạnh tranh gián tiếp và sử dụng lực lượng ủy nhiệm

Cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria là một ví dụ tiêu biểu về xung đột ủy nhiệm (proxy war) trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực toàn cầu. Nga và Mỹ tránh đối đầu trực tiếp nhưng hỗ trợ các lực lượng ủy nhiệm khiến Syria đã trở thành chiến trường cho một cuộc “Chiến tranh Lạnh mới” [Lynch, 2016]. Nga thành công hơn trong việc đạt được các mục tiêu trước khi Assad sụp đổ, nhưng cả hai nước đều không thể giải quyết hoàn toàn cuộc xung đột. Điều này làm tăng căng thẳng khu vực và để lại hậu quả nặng nề về nhân đạo và kinh tế đối với Syria. Sự leo thang tại Syria củng cố tư duy của các cường quốc rằng chiến tranh ủy nhiệm là phương án ít rủi ro, không bị sa lầy. Đối với Mỹ và phương Tây, việc tài trợ vũ khí hoặc huấn luyện cho các nhóm ủy nhiệm bản địa giúp họ tránh được cái giá đắt đỏ về kinh tế, tránh bạo lực ảnh hưởng đến quân đội chính quy và thoát khỏi sự trừng phạt hay phản ứng dữ dội từ chính trị nội bộ (đặc biệt sau những sai lầm sa lầy tại Iraq và Afghanistan) [Meer, 2020].

Cuộc cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria cho thấy cách các cường quốc sử dụng các lực lượng địa phương để bảo vệ lợi ích chiến lược của mình. Mỹ hậu thuẫn phe đối lập và Lực lượng Dân chủ Syria (SDF), đặc biệt là lực lượng người Kurd, nhằm đối phó với chính quyền Assad và IS, đồng thời giảm bớt ảnh hưởng của Nga và Iran; trong khi Nga hỗ trợ quân đội chính phủ Bashar al-Assad thông qua viện trợ quân sự, hậu thuẫn ngoại giao, và triển khai lực lượng quân sự trực tiếp như không quân và lính đánh thuê (nhóm Wagner). Cuộc nội chiến Syria với sự can thiệp của Nga, Mỹ cho thấy một kiểu cạnh tranh mới lan sang Libya, Israel, Ukraine. Tiền lệ này có thể tái diễn ở các khu vực khác, như tại Libya, Nga hậu thuẫn lực lượng của Tướng Khalifa Haftar thông qua nhóm Wagner, trong khi Thổ Nhĩ Kỳ ủng hộ chính phủ được Liên hợp quốc công nhận. Hoặc tại nội chiến Yemen, Iran hỗ trợ lực lượng Houthis, trong khi Saudi Arabia và UAE hậu thuẫn chính phủ Yemen.

Mặt khác, các quốc gia khu vực cũng sử dụng các nhóm vũ trang làm lực lượng ủy nhiệm làm phức tạp thêm sự bất ổn tại Syria. Iran hỗ trợ quân đội Syria, Hezbollah, và các lực lượng dân quân Shiite. Thổ Nhĩ Kỳ hỗ trợ các nhóm đối lập vũ trang và tiến hành các chiến dịch quân sự nhằm kiểm chế người Kurd ở phía bắc Syria. Israel tiến hành các cuộc không kích nhằm vào các cơ sở của Iran và Hezbollah tại Syria. Do đó, có thể nói cuộc nội chiến Syria là cuộc chiến phân mảnh và đa tầng xung đột vì xung đột tại Syria không chỉ là một cuộc đối đầu giữa chính quyền Assad và phe đối lập, mà còn bao gồm nhiều tầng nấc mâu thuẫn, xung đột khác. Đó là sự đối đầu giữa Nga và Mỹ; sự cạnh tranh khu vực giữa Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, và Saudi Arabia; mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo giữa các nhóm người Kurd, Ả Rập Sunni, và Shiite...

Một đặc điểm khác của cuộc chiến tranh ủy nhiệm tại Syria đó là các bên tham gia đều sử dụng lực lượng phi chính phủ như dân quân, tổ chức vũ trang, và lính đánh thuê để giảm thiểu rủi ro về chính trị và quân sự. Đặc điểm này sẽ là một trong những đặc điểm quan trọng của các cuộc chiến tranh ủy nhiệm trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn đang ngày càng trở nên gay gắt như hiện nay. Khi nổ ra các cuộc xung đột như Syria, các cường quốc sẽ đóng vai trò hậu thuẫn gián tiếp mà không trực tiếp tham chiến. Các nước lớn sẽ hỗ trợ và cung cấp tài chính, vũ

khí, huấn luyện, và hỗ trợ tình báo thay vì tham chiến trực tiếp, nhằm giảm thiểu chi phí và trách nhiệm quốc tế.

Các cuộc chiến tranh ủy nhiệm thường dẫn đến tình trạng xung đột kéo dài, làm tăng tính phức tạp và khó khăn trong việc đạt được giải pháp hòa bình. Tại Syria, nội chiến kéo dài từ năm 2011 đến năm 2024 khiến xung đột và tăng thiệt hại nhân đạo, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân Syria và các nước lân cận. Các bên tham chiến được hỗ trợ từ bên ngoài, dẫn đến việc duy trì khả năng chiến đấu và kéo dài xung đột. Syria đã trải qua hơn một thập kỷ chiến tranh, gây bất ổn đến tình hình an ninh, chính trị, xã hội của nhiều quốc gia khác. Trong khi đó, bản thân Syria thì bị suy yếu chủ quyền quốc gia. Syria mất kiểm soát đối với phần lớn lãnh thổ do sự hiện diện của nhiều lực lượng nước ngoài và lực lượng phi nhà nước. Chủ quyền quốc gia bị xâm phạm bởi các cuộc tấn công và can thiệp quân sự từ các bên như Mỹ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, và Israel.

Gia tăng khủng bố quốc tế

Sự trỗi dậy của các tổ chức khủng bố bắt nguồn từ khoảng trống quyền lực và tình trạng nội chiến kéo dài tại Syria và Iraq. Cạnh tranh Nga - Mỹ chỉ tác động gián tiếp đến sự gia tăng của các hoạt động khủng bố tại đây vì sự cạnh tranh kéo dài làm cho Syria trở thành môi trường bất ổn lý tưởng cho các phần tử khủng bố hoạt động.

Thứ nhất, chiến tranh và bất ổn quốc gia tạo điều kiện cho các tổ chức khủng bố và các phần tử cực đoan bạo lực ra đời. Mâu thuẫn xã hội, xung đột tôn giáo sắc tộc chưa được giải quyết đã trở thành môi trường để chủ nghĩa khủng bố phát triển cùng với sự bất ổn chính trị. Chính quyền (do nhóm Alawite/Shiite thiểu số lãnh đạo) sử dụng các biện pháp bạo lực đối với đa số người Sunni đã tạo ra một môi trường màu mỡ cho các nhóm cực đoan như ISIS chiêu mộ dựa trên tâm lý “bảo vệ cộng đồng” chống lại “mối đe dọa Shiite”.

Thứ hai, nội chiến Syria (2011 - 2024) không chỉ là một thảm họa nhân đạo mà còn tạo ra một môi trường lý tưởng cho sự phát triển và lan rộng của chủ nghĩa khủng bố. Sự hỗn loạn, khoảng trống quyền lực và các mâu thuẫn chính trị - xã hội đã biến Syria thành trung tâm hoạt động của nhiều tổ chức khủng bố, làm gia tăng mối đe dọa không chỉ đối với khu vực Trung Đông mà còn trên toàn cầu. Sự yếu kém của nhà nước và khoảng trống quyền lực cùng với sự phân mảnh của các phe

phái và sự can thiệp của các cường quốc tại Syria làm gia tăng khủng bố quốc tế. Nội chiến Syria khiến chính quyền trung ương suy yếu nghiêm trọng, không thể kiểm soát phần lớn lãnh thổ. Khoảng trống quyền lực này là điều kiện lý tưởng cho các nhóm cực đoan như ISIS và Jabhat al-Nusra (chi nhánh al-Qaeda tại Syria) trỗi dậy.

Thứ ba, các phần tử chống khủng bố lợi dụng chính cuộc chiến chống khủng bố để chiêu mộ, mở rộng các hoạt động chiếm đóng [Khan, 2024]. Bạo lực kéo dài, sự bất lực của chính quyền và cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết khủng hoảng đã đẩy khiến những người trẻ bị cực đoan hóa trở thành mục tiêu tuyển mộ của các nhóm khủng bố, đặc biệt khi họ chứng kiến bạo lực hoặc mất mát từ cuộc chiến. Sau khi tuyên bố thành lập Nhà nước Hồi giáo vào tháng 6-2014, nhiều nhóm Hồi giáo cực đoan đã gia nhập dưới ngọn cờ của IS. Chiến lược bành trướng này cho phép tổ chức này thiết lập chỗ đứng trên khắp châu Phi và Trung Đông, dựa vào chỗ đứng của các nhóm thánh chiến địa phương.

Thứ tư, từ nội chiến Syria, các tổ chức khủng bố như ISIS; Al-Qaeda và các nhóm liên minh và các nhóm cực đoan khác đã ra đời. ISIS là một chi nhánh của al-Qaeda tại Iraq, nội chiến Syria đã cho phép tổ chức này mở rộng sang Syria, chiếm giữ các vùng lãnh thổ rộng lớn từ năm 2014. Jabhat al-Nusra là nhóm khủng bố được al-Qaeda hậu thuẫn, đóng vai trò chủ chốt trong cuộc chiến chống chính quyền Assad và các lực lượng đối lập ôn hòa. Mặt khác, sự phân nhánh của al-Qaeda tại Syria dẫn đến việc thành lập nhiều nhóm cực đoan nhỏ hơn, gây ra tình trạng xung đột nội bộ giữa các tổ chức khủng bố. Nhiều nhóm vũ trang tại Syria, dù không liên quan trực tiếp đến ISIS hoặc al-Qaeda, vẫn hoạt động khủng bố.

Chủ nghĩa khủng bố đã biến đổi và ngày càng lớn mạnh trên tất cả các mặt, từ âm mưu, mức độ, phạm vi, phương thức hành động. Mức độ tàn khốc của các cuộc khủng bố do IS, chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan, chủ nghĩa khủng bố quốc tế gây ra ngày càng lớn. Sự nổi lên của chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa khủng bố quốc tế đã tác động tiêu cực đến tình hình an ninh của châu Âu và nhiều khu vực khác trên thế giới. Năm 2016, IS đã sát hại 13.746 người. Số nạn nhân của IS đã tăng gấp chín lần trong ba năm (1.458 người chết năm 2013, 13.746 người chết năm 2016). Đã có 69.641 người thiệt mạng trong 15.559 vụ tấn công do các nhánh khác nhau của tổ chức Nhà nước Hồi giáo thực hiện (2006-tháng 4/2024). Tại Syria, từ

năm 2013 đến tháng 4-2024, các cuộc tấn công của Nhà nước Hồi giáo (IS) rất tàn khốc, với 1.962 vụ tấn công cướp đi sinh mạng của 11.775 người [Fondapol, 2024]. Nhiều quốc gia đã trở thành mục tiêu của Nhà nước Hồi giáo (IS), gây ra những hệ quả nặng nề cho tình hình an ninh, chính trị thế giới.

Mặc dù Nhà nước Hồi giáo IS đã bị tiêu diệt, song những phần tử khủng bố cực đoan vẫn tồn tại ở Syria, Iraq và nhiều quốc gia Trung Đông vẫn là thách thức với an ninh toàn cầu. Từ nội chiến Syria và sau khi nhà nước Hồi giáo IS ra đời, chủ nghĩa khủng bố quốc tế tiếp tục lan rộng ra khu vực và toàn cầu. Các tổ chức khủng bố tại Syria không chỉ hoạt động trong nước mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng ra các nước láng giềng như Iraq, Lebanon, và Jordan. Sự phát triển của IS tại Syria đã dẫn đến các cuộc tấn công khủng bố tại châu Âu, châu Á và châu Phi. Các vụ khủng bố đã dẫn đến những hậu quả to lớn về khủng hoảng tị nạn và bất ổn xã hội. Dòng người tị nạn Syria không chỉ tạo ra áp lực nhân đạo mà còn mang theo nguy cơ các phần tử cực đoan xâm nhập vào các quốc gia tiếp nhận. Một số vụ tấn công khủng bố tại châu Âu được thực hiện bởi các phần tử liên quan đến khủng hoảng Syria.

4.1.4.2. Tác động đối với quan hệ các nước lớn

Sự can thiệp của Nga và Mỹ tại Syria đã góp phần làm thay đổi cục diện cạnh tranh giữa các cường quốc. Syria trở thành một điểm nóng của cạnh tranh quyền lực lớn trong thế kỷ XXI ở khu vực Trung Đông. Sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011 - 2024) là một trong những điểm xung đột cho thấy sự cạnh tranh giữa các cường quốc hiện nay ngày càng gay gắt hơn, ở những cấp độ và phạm vi khác nhau. Xung quanh việc vấn đề Syria chưa được giải quyết, có thể thấy rằng mặc dù Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, song quan hệ Nga-Mỹ vẫn tồn tại mâu thuẫn về lợi ích, phương thức giải quyết cho thấy Nga và Mỹ dường như vẫn ở thái cực khác nhau. Cùng với sự trừng phạt kinh tế của Mỹ và phương Tây với Nga sau việc Nga sáp nhập Crimea (2014) và gần đây nhất là cuộc chiến tranh Nga - Ukraine thì cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria làm gia tăng căng thẳng trong các vấn đề toàn cầu khác.

Nga can thiệp vào Syria và đã duy trì vị trí ảnh hưởng Trung Đông trong nhiều thập kỷ, đặc biệt sau Mùa xuân Arab và thách thức vai trò dẫn dắt của Mỹ. Trước khi Assad sụp đổ, Nga sử dụng Syria như điểm tựa để mở rộng ảnh hưởng khu vực và Mỹ sử dụng Syria để duy trì ảnh hưởng truyền thống và kiểm chế các

đối thủ khu vực. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đã tạo động lực và tiền lệ rõ ràng cho sự gia tăng xu thế cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn trên nhiều khía cạnh. Điều này không chỉ giới hạn ở Trung Đông mà còn mở rộng ra các khu vực khác trên toàn cầu. Sự can thiệp chính thức của Nga vào Syria từ năm 2015 cho thấy Nga thách thức vai trò thống trị của Mỹ. Nga sử dụng Syria như một sân khấu để khẳng định vai trò của mình trong hệ thống quốc tế. Việc hỗ trợ thành công chính quyền Assad không chỉ duy trì đồng minh chiến lược mà còn gửi thông điệp rằng Nga sẵn sàng và đủ khả năng đối đầu với các lợi ích của Mỹ. Điều này đánh dấu một sự trở lại mạnh mẽ của Nga trên trường quốc tế sau giai đoạn suy yếu hậu Chiến tranh Lạnh. Ngược lại, Mỹ đang tiếp tục bảo vệ lợi ích trong hệ thống đơn cực. Mỹ coi sự can thiệp của Nga tại Syria như một thách thức đối với vai trò lãnh đạo toàn cầu của mình. Mỹ đã triển khai các chiến lược kiềm chế Nga không chỉ ở Syria mà còn trên nhiều mặt trận khác, từ NATO đến trừng phạt kinh tế.

Sự cạnh tranh giữa Nga, Mỹ, Trung Quốc trong giai đoạn gần đây tại nhiều khu vực trên thế giới cho thấy rằng sự cạnh tranh giữa các nước lớn đang ngày càng gay gắt hơn. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại nhiều khu vực trên thế giới, trong đó sôi động nhất là tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương được coi là cuộc cạnh tranh mang tính chiến lược để tranh giành ngôi vị đứng đầu. Cạnh tranh Nga - Mỹ tại Đông Âu vẫn đang tiếp tục nóng lên với cuộc chiến Ukraine từ năm 2022. Trung Đông hiện nay với xung đột Israel-Mỹ và Iran cùng nhiều điểm nóng chưa được giải quyết khiến cho sự cạnh tranh giữa các nước lớn Tam giác Mỹ - Trung Quốc - Nga vẫn tiếp tục phức tạp tại nhiều khu vực trên thế giới; trong đó có Trung Đông và Châu Phi.

4.1.4.3. Tác động đối với luật pháp quốc tế các cơ chế đa phương

Gây chia rẽ và suy yếu các cơ chế đa phương

Thứ nhất, việc các nước lớn can thiệp vào Syria góp phần mở rộng tiền lệ can thiệp vào một quốc gia khác “không cần đồng thuận quốc tế”. Nguyên tắc “Trách nhiệm bảo vệ” (R2P) là một nguyên tắc được Liên hợp quốc thông qua nhằm ngăn chặn các tội ác chiến tranh, diệt chủng, và tội ác chống nhân loại. Tuy nhiên Mỹ và phương Tây lại sử dụng nguyên tắc này để biện minh cho các cuộc can thiệp quân sự. Nga và Trung Quốc cho rằng R2P bị lạm dụng, như trường hợp

Libya (2011), và từ chối áp dụng tại Syria, làm suy yếu tính chính danh của nguyên tắc này. Việc các cường quốc lớn can thiệp thông qua chiến tranh ủy nhiệm tại Syria mà không có cơ chế xử lý đã tạo ra tiền lệ xấu khiến các quốc gia khác can thiệp vào xung đột nội bộ của các nước có lợi ích chiến lược.

Thứ hai, sự bất lực của các cơ chế đa phương trong việc giải quyết xung đột Syria làm mất đi lòng tin của cộng đồng quốc tế vào các tổ chức quốc tế đa phương. Tổng thư ký Ban Ki-moon phát biểu rằng “sự thất bại tập thể của cộng đồng quốc tế trong việc chấm dứt cuộc xung đột ở Syria cần phải là nỗi ám ảnh đối với toàn bộ Hội đồng Bảo an” [UN, 2016]. Liên hợp quốc nhiều lần bế tắc do Nga - Mỹ phủ quyết lẫn nhau trong đưa ra các nội dung có tính quyết định đến Syria khiến các nỗ lực giải quyết xung đột thông qua Liên hợp quốc trở nên vô hiệu. Nội chiến Syria đã làm nổi bật những bất đồng không thể hòa giải giữa các thành viên thường trực, đặc biệt là giữa Nga và Trung Quốc với Mỹ, Anh, Pháp. Như đã phân tích trong chương III, Nga sử dụng quyền phủ quyết để ngăn chặn các nghị quyết liên quan đến Syria từ 2011 đến năm 2024, bao gồm các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về trừng phạt chính quyền Assad và điều tra các vụ tấn công hóa học. Trung Quốc ủng hộ Nga, tập trung vào nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ và tránh lập tiền lệ cho các cuộc can thiệp tương tự trong tương lai.

Ngược lại, Mỹ, Anh, Pháp ủng hộ các nghị quyết lên án chính quyền Assad và kêu gọi chuyển giao quyền lực, đồng thời nhấn mạnh đến trách nhiệm bảo vệ (R2P). Mỹ và các nước đồng minh tìm cách thúc đẩy hành động quân sự hoặc cấm vận, nhưng liên tục vấp phải sự phản đối của Nga và Trung Quốc. Sự cạnh tranh gay gắt giữa Nga và Mỹ thông qua các lượt phủ quyết, trả đũa lẫn nhau đã tác động tiêu cực đến vai trò, hiệu quả của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Sự bế tắc trong Hội đồng Bảo an trong nhiều vấn đề an ninh quốc tế như Syria làm suy giảm uy tín của cơ quan này, khiến Liên hợp quốc không thể đưa ra một giải pháp chung cho vấn đề Syria. Hội đồng Bảo an thất bại trong việc ngăn chặn hoặc giảm thiểu cuộc khủng hoảng nhân đạo, khi hàng triệu người Syria phải di cư và hàng trăm ngàn người thiệt mạng. Sự thất bại của chủ nghĩa đa phương trong trường hợp này không thể tránh khỏi do các sự tranh giành quyền lực giữa các nhóm nước [Dayer, 2017].

Thứ ba, các quốc gia và nhóm phi nhà nước ngày càng không tôn trọng các nguyên tắc và quy định quốc tế. Thậm chí Luật nhân đạo quốc tế cũng đã bị vi phạm nghiêm trọng tại Syria kể từ khi cuộc nội chiến bùng nổ. Các cuộc tấn công nhắm vào dân thường và cơ sở hạ tầng y tế tại Syria, do chính quyền Assad và các nhóm vũ trang khác thực hiện, cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng luật nhân đạo quốc tế. Các cơ chế quốc tế không thể đảm bảo việc thực thi luật pháp quốc tế.

Cuối cùng, sự bất đồng này còn làm suy giảm hiệu quả và uy tín của các công ước quốc tế về nhân đạo,...Tổ chức Cấm Vũ khí Hóa học (OPCW) đóng vai trò quan trọng trong việc điều tra và xử lý các cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học tại Syria. Tuy nhiên, cơ quan này cũng trở thành nạn nhân của sự chia rẽ quốc tế khi không thể phát huy hiệu quả và vai trò của mình trong cuộc nội chiến Syria. Nhiều vụ tấn công bằng vũ khí hóa học, bao gồm các vụ tại Ghouta (2013), Khan Shaykhun (2017), và Douma (2018), được báo cáo là do chính quyền Assad thực hiện. Nhưng các cáo buộc sử dụng vũ khí hóa học trên tại Syria bị Nga và chính quyền Syria phủ nhận, cho rằng các cuộc điều tra mang tính thiên vị và bị chính trị hóa bởi phương Tây. Chính sự phân hóa trong OPCW khiến tổ chức này mất đi sự đồng thuận cần thiết để thực hiện vai trò trung lập trong giải quyết các vấn đề liên quan đến vũ khí hóa học. Sự chia rẽ trong OPCW làm giảm khả năng răn đe của tổ chức này, khiến vũ khí hóa học tiếp tục được sử dụng tại Syria. Một bên là phương Tây thể hiện sự ủng hộ các báo cáo của OPCW và yêu cầu trừng phạt chính quyền Syria. Bên còn lại là Nga và đồng minh lại chỉ trích OPCW, cho rằng tổ chức này bị thao túng bởi phương Tây và thiếu tính khách quan.

Sự chia rẽ giữa các nước lớn đã tác động tiêu cực đến các cơ chế quốc tế đa phương. Nó dẫn đến sự suy giảm lòng tin vào hệ thống quốc tế và làm gia tăng chủ nghĩa đơn phương trong quan hệ quốc tế hiện nay. Do các cơ chế đa phương bị tê liệt, Nga và Mỹ đang ngày càng có xu hướng hành động đơn phương hoặc thông qua liên minh nhỏ lẻ, làm suy yếu trật tự đa phương toàn cầu. Nội chiến Syria đã làm nổi bật sự chia rẽ sâu sắc trong hệ thống đa phương toàn cầu, từ Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đến OPCW và các tổ chức khu vực. Sự chia rẽ này không chỉ làm suy yếu khả năng giải quyết xung đột mà còn đe dọa tính hiệu quả và uy tín của các cơ chế đa phương trong việc duy trì hòa bình và ổn định quốc tế. Để vượt qua thách

thức này, cần có các cải cách mạnh mẽ nhằm tăng cường tính đại diện, minh bạch, và đồng thuận trong các tổ chức đa phương quốc tế. Những tác động tiêu cực trên cũng dẫn đến tiền lệ xấu cho các xung đột khác. Cuộc nội chiến Syria thiết lập một tiền lệ, nơi các cường quốc có thể lợi dụng các tổ chức đa phương để bảo vệ lợi ích riêng thay vì giải quyết xung đột, làm gia tăng nguy cơ chia rẽ trong các cuộc xung đột tương lai.

4.2. Dự báo xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria trong thời gian tới

4.2.1. Khung dự báo

Hệ tiêu chí xây dựng kịch bản

Để các kịch bản có thể phân biệt rõ ràng và kiểm chứng được, Luận án xác lập bốn tiêu chí làm trục phân loại, mỗi tiêu chí phản ánh một chiều cạnh của trạng thái cạnh tranh:

Tiêu chí 1: Mức độ và hình thức can dự của mỗi cường quốc: can dự trực tiếp bằng hiện diện quân sự, can dự gián tiếp qua công cụ chính trị - kinh tế, hay thu hẹp can dự về mức tối thiểu.

Tiêu chí 2: Bản chất quan hệ Nga - Mỹ tại Syria: đối đầu công khai, cạnh tranh có kiểm soát duy trì các kênh quản lý va chạm, hay xuất hiện hợp tác chọn lọc trên một số hồ sơ cùng lợi ích.

Tiêu chí 3: Tính chính danh và mức độ thống nhất của chính quyền Syria: chính quyền chuyển tiếp củng cố được quyền lực và tính chính danh trong nước, hay tiếp tục suy yếu, tạo khoảng trống cho can dự bên ngoài.

Tiêu chí 4: Mức độ quốc tế hóa của tiến trình tái thiết: tái thiết được điều phối trong một khuôn khổ đa phương tương đối đồng thuận, hay tiếp tục bị phân mảnh theo các khối lợi ích đối địch nhau.

Các biến số chi phối cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria

Kế thừa khung phân tích “nhân tố tác động” đã xác lập tại Chương 2 và kết quả đánh giá tác động tại mục 4.1, Luận án xác định sự vận động và chuyển dịch cán cân quyền lực giữa Nga và Mỹ tại Syria từ nay đến năm 2030 chịu sự định hình trực tiếp bởi ba nhóm biến số độc lập và phụ thuộc sau đây. Nhóm biến số độc lập bao gồm: tình hình thế giới, cục diện khu vực Trung Đông và tình hình Syria. Nhóm biến số phụ thuộc là mục chiến lược và sự điều chỉnh chính sách của Mỹ và Nga.

Thứ nhất, *trong tình hình thế giới*, cần chú ý đến một số vấn đề sau. Một là xu hướng chuyển dịch cấu trúc quyền lực thế giới sang trạng thái đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Biến số này quyết định mức độ phân tách, phân mảnh và khả năng can thiệp của các nước lớn tại các khu vực điểm nóng. Hai là sự suy giảm hiệu quả của các thể chế quản trị toàn cầu, trong đó xự xói mòn vai trò của Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế trước các cuộc xung đột lớn, làm gia tăng tính tự chủ chiến lược và các hành động can thiệp đơn phương mang tính cường quyền của các nước lớn. Đồng thời, có phân tích đến các xung đột đang diễn ra. Đặc biệt là cuộc xung đột Nga - Ukraine ở châu Âu và cuộc đối đầu trực diện Israel - Iran ở Trung Đông. Những xung đột này chi phối trực tiếp đến mức độ phân bổ nguồn lực quốc gia và khả năng răn đe của cả Nga và Mỹ.

Về *cục diện khu vực Trung Đông*. Đề dự báo xu hướng cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria đến năm 2030, trong biến số cần phân tích về sự suy yếu của “Trục kháng chiến” do Iran dẫn dắt. Sự sụp đổ của mạng lưới ảnh hưởng của Iran tại Syria sau năm 2024 do các đòn tấn công răn đe từ Israel, khiến Iran không còn đủ khả năng tài chính và quân sự để duy trì các lực lượng ủy nhiệm tại Levant. Đồng thời có lưu ý đến vai trò trỗi dậy của Israel và Thổ Nhĩ Kỳ. Sự can thiệp quân sự trực tiếp của Israel nhằm thiết lập cấu trúc an ninh lấy mình làm trung tâm, đan xen với các mục tiêu an ninh biên giới và kiểm chế người Kurd của Thổ Nhĩ Kỳ.

Cuối cùng, về *thực địa Syria*. Cần phải căn cứ vào thái pháp lý và tương lai của các căn cứ quân sự của Nga. Thỏa thuận giữa Nga và chính quyền mới liên quan đến quyền sử dụng cảng Tartus và sân bay Hmeimim. Cùng với đó là cuộc tranh giành quyền kiểm soát kinh tế đối với các mỏ dầu khí phía Đông và mỏ phosphate Palmyra giữa các công ty quân sự tư nhân (PMC) của Nga và các tập đoàn tái thiết do Mỹ - phương Tây bảo trợ. Đồng thời sự ổn định của tiến trình chuyển tiếp chính trị nội bộ là một biến số quan trọng tác động đến xu hướng cạnh tranh Nga- Mỹ tại Syria đến năm 2030.

Mặt khác, *mục tiêu chiến lược của Nga và Mỹ* là biến số phụ thuộc của cơ sở dự báo trong khung dự báo xu hướng cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria đến năm 2030. Trong đó, mục tiêu của Nga là lấy lại được vị thế và giảm tổn thất về kinh tế, quân sự đã đầu tư lâu dài tại Syria. Mục tiêu của Mỹ là củng cố những lợi ích tương đối

đã đạt được và tối đa hoá lợi ích trong quá trình tái thiết Syria bằng việc chi phối chính phủ mới.

4.2.2. Cơ sở dự báo

Từ khung dự báo trên, ta có cơ sở dự báo của cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria đến năm 2030 như sau:

4.2.2.1. Tình hình thế giới đến năm 2030

Thứ nhất, từ nay đến năm 2030, cục diện thế giới đa cực sẽ định hình rõ nét hơn và sẽ có nhiều biến động phức tạp trên tất cả các lĩnh vực. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIV, về dự báo tình hình thế giới, khu vực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định cục diện thế giới có nhiều thay đổi nhưng “xu hướng chung là chuyển sang cục diện đa cực, đa trung tâm; các nước lớn thay đổi chiến lược, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến tình hình thế giới và các khu vực; những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế; tập hợp lực lượng nhằm liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực diễn ra phức tạp” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.82].

Thứ hai, cạnh tranh giữa các nước lớn về địa chiến lược, địa chính trị, địa kinh tế, tranh giành các nguồn tài nguyên chiến lược, công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng gay gắt. Trong đó, các nước lớn sẽ vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh lẫn nhau nhưng sự va chạm, cọ xát sẽ gia tăng, mặt cạnh tranh, kiềm chế và mức độ đối đầu sẽ gay gắt hơn. Tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh vì lợi ích quốc gia trong bối cảnh tùy thuộc lẫn nhau và tác động của cạnh tranh cường quốc sẽ tiếp tục diễn ra rất phức tạp, đa tầng nấc. “Các nước lớn ngày càng gia tăng cạnh tranh chiến lược, chạy đua vũ trang công nghệ cao và liên kết tạo ảnh hưởng; cục diện “đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc” định hình rõ nét hơn; khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc trong những thập niên tới thấp, nhưng không loại trừ. Biểu hiện phân tách, phân mảnh, phân cực, nguy cơ xung đột cục bộ, chiến tranh ủy nhiệm ngày càng lớn... xu hướng tự chủ chiến lược của các nước, sự đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc, giữa Mỹ, phương Tây với Nga sẽ gia tăng” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.239].

Thứ ba, thách thức trong quản trị toàn cầu là một trong những thách thức của cục diện thế giới đa cực đang được hình thành. Đó là thực trạng hệ thống quốc

tế bị phân mảnh. “Chính cạnh tranh chiến lược, xung đột, thiếu đồng thuận giữa các quốc gia, nhất là giữa các cường quốc tiếp tục cản trở và làm suy giảm vai trò của các thể chế quốc tế, toàn cầu như Liên hợp quốc, WTO... [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.241]. Các cơ chế đa phương cần cải cách để phản ánh thực tế đa cực, nếu không sẽ trở nên kém hiệu quả. Sự nổi lên của trào lưu dân túy và chủ nghĩa bảo hộ kết hợp với việc đề cao lợi ích quốc gia - dân tộc cực đoan đang là rào cản đi ngược lại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, tác động tiêu cực đến liên kết kinh tế toàn cầu và khu vực.

Cuối cùng, *mặc dù hoà bình, hợp tác là xu thế lớn nhưng các cuộc xung đột khu vực vẫn luôn hiện hữu*. Các điểm nóng như biển Đông, eo biển Đài Loan, Ukraine, dải Gaza, xung đột Mỹ - Israel với Iran, vấn đề Triều Tiên... sẽ tiếp tục là tâm điểm căng thẳng, với nguy cơ bùng nổ xung đột quân sự. Các cuộc chiến tranh, xung đột khu vực ảnh hưởng đến mọi mặt của quan hệ quốc tế từ quân sự đến chính trị, kinh tế, xã hội; đẩy nhanh quá trình xói mòn trật tự thế giới hiện hành, gây chia rẽ, rạn nứt sâu sắc giữa các nước lớn, tác động sâu sắc đến cục diện an ninh khu vực và toàn cầu; đồng thời, làm trầm trọng thêm những vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh con người và khủng hoảng di cư... Đặc biệt, các cuộc xung đột này đã đặt ra những tiền lệ đáng lo ngại đối với luật pháp quốc tế, tác động mạnh mẽ đến trật tự quốc tế và hệ thống quản trị toàn cầu. Vị thế của Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế bị thách thức, suy giảm. Các tổ chức và các luật lệ cơ bản trong hệ thống quốc tế đã không ngăn chặn được và xử lý không có hiệu quả các cuộc xung đột trên quy mô lớn. Đồng thời, các cuộc xung đột này cũng cho thấy sự xuất hiện của các hình thái chiến tranh mới, các hình thái chiến tranh hỗn hợp trong thời đại công nghệ cao. Trong tương lai, kết quả và cách thức dàn xếp các cuộc xung đột sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các xu hướng lớn và sự hình thành của một trật tự quốc tế mới [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.14].

4.2.2.2. Tình hình khu vực Trung Đông trong thời gian tới

Thứ nhất, trên bình diện cục diện khu vực, những diễn biến gần đây cho thấy, Trung Đông trong thời gian tới tiếp tục bất ổn với nhiều diễn biến phức tạp; do những xung đột và các cuộc nội chiến chưa được giải quyết. Tình hình bất ổn tại Yemen, Syria, Lebanon tiếp tục diễn biến phức tạp với các cuộc giao tranh gia tăng

giữa Mỹ, Israel và các lực lượng đối lập tại khu vực. Các nước này có thể vẫn tiếp tục đối mặt với thách thức trong việc tái thiết và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Xung đột Israel-Hamas, xung đột Israel - Iran trong thời gian tới vẫn tiếp tục leo thang căng thẳng, làm gia tăng bạo lực, xung đột khu vực, thậm chí có nguy cơ mất kiểm soát và bất ổn sâu rộng trong cục diện an ninh khu vực. Thậm chí, tình hình hiện nay nếu không được kiểm soát tốt có thể dẫn đến một cuộc chiến tranh khu vực quy mô lớn.

Thứ hai, về chính trị và an ninh, Trung Đông vẫn tiếp tục đối mặt với những thách thức về an ninh, bao gồm xung đột nội bộ, và sự căng thẳng, phân rã trong quan hệ giữa các quốc gia (như Iran và Saudi Arabia). Đó là sự leo thang đối đầu giữa Israel và các quốc gia khu vực khác, sự phân hóa nội bộ trong thế giới Ả Rập và sự phân cực trong phát triển đất nước do mức độ phát triển kinh tế khác nhau. Các lực lượng vũ trang phi nhà nước gia tăng, dẫn đến xu hướng phân mảnh quốc gia rõ rệt và làm tăng nguy cơ can thiệp từ bên ngoài, điều này có thể làm trầm trọng thêm tình trạng phân mảnh ở Trung Đông, đặc biệt là thế giới Ả Rập [Luu Trung Dân, 2026]. Tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Israel và các nước Ả Rập còn nhiều thách thức, xung đột Israel- Iran là một vấn đề nóng, gây áp lực đối với hòa bình lâu dài của khu vực.

Thứ ba, sự suy yếu của “trục kháng chiến” và sự gia tăng vai trò của Israel. Trước đây, Syria từng là một đầu mối trung tâm quan trọng của “trục kháng chiến”, nhưng nay vai trò này ở một mức độ nào đó đã không còn tồn tại. Sự hiện diện của Iran tại Syria đã suy giảm đáng kể, trong khi Israel lại giành được ưu thế lớn hơn ở cấp độ an ninh và quân sự. Kể từ khi vòng xung đột Israel-Palestine mới bùng nổ, vị thế khu vực của Israel đã gia tăng đáng kể, và nước này đang xây dựng một cấu trúc an ninh và quyền lực khu vực lấy chính mình làm trung tâm [Luu Trung Dân, 2026].

Thứ tư, xung đột tôn giáo, sắc tộc tiềm ẩn chưa được giải quyết tiềm tàng nhiều rủi ro đến tình hình an ninh, chính trị Trung Đông trong thời gian tới. Chủ nghĩa dân tộc sắc tộc, chủ nghĩa Hồi giáo, chủ nghĩa ly khai địa phương, các lực lượng nổi dậy quân sự, các tổ chức Hồi giáo cực đoan và khủng bố quốc tế dẫn đến sự bất ổn, dễ bị kích động và châm ngòi để bùng nổ thành các cuộc xung đột, từ đó tạo cơ hội cho sự can thiệp của các thế lực bên ngoài.

Cuối cùng, với vai trò địa - chiến lược quan trọng, Trung Đông tiếp tục là tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là Mỹ, Trung Quốc và Nga. Sự can thiệp, cạnh tranh của các cường quốc bên ngoài không chỉ giới hạn ở quốc phòng - an ninh, hiện diện quân sự, mà còn mở rộng sang các lĩnh vực chiến lược như khoa học - công nghệ và nguồn tài nguyên hiếm [Lê Xuân Thuận, 2025]. Sự tham gia ngày càng sâu của các cường quốc, đặc biệt là Mỹ với vai trò hậu thuẫn chiến lược cho Israel, đã khiến cấu trúc xung đột Trung Đông trở nên phức tạp ở mức chưa từng có. Các quốc gia Trung Đông bị chi phối bởi tính toán chiến lược phức tạp từ Nga, Mỹ, Trung Quốc. Mỗi quyết định ngừng bắn hay leo thang không chỉ là vấn đề song phương hay khu vực, mà còn gắn chặt với cán cân quyền lực toàn cầu, an ninh năng lượng và lợi ích chiến lược dài hạn của các cường quốc. Sự cạnh tranh lợi ích, tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc tại đây, có thể dẫn đến những xung đột và kéo theo những hệ lụy sâu rộng đối với trật tự quốc tế.

4.2.2.3. Tình hình Syria trong thời gian tới

Một là, Syria “hậu Assad” bị phân mảnh bởi các lực lượng, phe phái trên lãnh thổ Syria. Trước khi chính quyền Assad sụp đổ vào tháng 12/2024, cuộc nội chiến đã chia Syria thành ba vùng kiểm soát chính. Hầu hết đất nước - bao gồm các thành phố lớn là Damascus, Aleppo, Homs và Hama, và gần như tất cả các thủ phủ của các tỉnh - đều do Chính phủ Syria (GoS) kiểm soát; phía đông bắc do SDF do người Kurd lãnh đạo kiểm soát; và phía tây bắc chủ yếu do các lực lượng dân quân chống GoS kiểm soát. Ngoài ra còn có các vùng lãnh thổ nhỏ hơn ở phía bắc, giáp với Thổ Nhĩ Kỳ, nằm dưới sự kiểm soát của Quân đội Quốc gia Syria (SNA), bao gồm hơn 40 tác nhân phi nhà nước được Thổ Nhĩ Kỳ hỗ trợ [Tank, 2025].

Sau sự sụp đổ của Assad, Syria có thể rơi vào tình trạng phân mảnh nghiêm trọng. Các phe nhóm trong nước, bao gồm lực lượng đối lập, quân đội người Kurd (YPG), và các nhóm vũ trang Hồi giáo, sẽ tranh giành quyền lực và kiểm soát các vùng lãnh thổ. Các khu vực lớn sẽ rơi vào tay các lực lượng quân sự đối lập và các nhóm dân tộc thiểu số, dẫn đến sự phân chia rõ rệt giữa các khu vực chiếm giữ bởi người Sunni, Alawite, người Kurd và các nhóm vũ trang khác. Nếu không kiểm soát tốt sẽ dẫn đến tình trạng hỗn loạn, tạo ra khoảng trống quyền lực. Các phe nhóm đối lập sẽ bắt đầu đấu tranh để chiếm ưu thế, dẫn đến các cuộc chiến giành lãnh thổ,

làm gia tăng xung đột và đổ máu. Các nhóm cực đoan như ISIS, Al-Qaeda hoặc các nhóm Hồi giáo thánh chiến có thể lợi dụng tình hình hỗn loạn để trỗi dậy, chiếm đóng các khu vực và tái tổ chức lực lượng

Thứ hai, Syria sẽ phải đối mặt với thách thức trong quá trình tái thiết sau hơn 14 năm nội chiến. Hàng triệu người dân Syria sẽ tiếp tục phải đối mặt với tình trạng di cư, tị nạn và các cuộc khủng hoảng nhân đạo. Cộng đồng quốc tế sẽ phải đối mặt với những thách thức không nhỏ về tái thiết và viện trợ nhân đạo cho Syria. Tình hình Syria đang ở trong một giai đoạn chuyển đổi phức tạp sau khi chế độ Assad sụp đổ. Chính phủ Syria đang trong quá trình hoàn thiện Hội đồng Nhân dân (Quốc hội) thông qua các cuộc bầu cử bổ sung tại các khu vực như Raqqa và Hasakah. Hội đồng Bảo an đã có những bước đi quan trọng để hợp pháp hóa chính quyền lâm thời, bao gồm việc đưa mặt trận Al-Nusra (HTS) ra khỏi danh sách trừng phạt khủng bố vào tháng 2/2026. Tiến trình hội nhập giữa chính phủ lâm thời và Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) đang tiến triển dựa trên thỏa thuận ngày 29/01/2026. Tuy nhiên, xung đột sắc tộc vẫn âm ỉ, bất ổn ở miền Nam vẫn tiếp diễn. Phân mảnh sẽ tạo ra một tình trạng bất ổn, làm gia tăng nguy cơ xung đột và căng thẳng giữa các nhóm sắc tộc và tôn giáo.

Thứ ba, tình hình an ninh Syria bị ảnh hưởng bởi sự leo thang căng thẳng khu vực sau các cuộc tấn công của Israel và Mỹ vào Iran. Từ khi xung đột bùng nổ, Israel và Iran thực hiện các cuộc tấn công nhằm vào các mục tiêu của nhau, vi phạm không phận Syria, gây ra thương vong trên lãnh thổ Syria. Ngày 23/3/2026, Syria cho biết một trong những căn cứ quân sự của họ ở tỉnh Hasakah phía đông bắc - một căn cứ trước đây do Mỹ kiểm soát gần biên giới Iraq - đã bị tấn công bằng tên lửa phóng từ Iraq, do một nhóm vũ trang Iraq thực hiện. Tình trạng leo thang căng thẳng khu vực khiến không phận Syria bị đóng cửa và gây ra gián đoạn kinh tế trên diện rộng. Xung đột lan rộng dẫn các cuộc giao tranh giữa Israel và Hezbollah ở Lebanon leo thang. Do đó, Syria đã phải triển khai hàng nghìn binh sĩ nhằm tăng cường kiểm soát biên giới với Lebanon, thắt chặt kiểm soát buôn lậu vũ khí và ma túy, ngăn chặn sự xâm nhập của Hezbollah và các nhóm phiến quân khác [Securitycouncilreport, 2026].

Cuối cùng, Syria vẫn đối mặt với sự tranh giành của các quốc gia khu vực như Israel, Thổ Nhĩ Kỳ, Saudi Arabia, cũng như sự tranh giành giữa các cường quốc bên

ngoài như Mỹ, Nga. Ảnh hưởng của Nga ở Syria đã suy yếu nghiêm trọng, nhưng Nga vẫn đang nỗ lực duy trì sự hiện diện tại đây. Trong khi đó, Mỹ vẫn là nhân tố bên ngoài quan trọng nhất đối với cục diện ở Syria. Việc dỡ bỏ trừng phạt, hay đưa chính quyền chuyển tiếp Syria ra khỏi danh sách tổ chức khủng bố và giúp Syria quay lại cộng đồng quốc tế, ở mức độ lớn đều phụ thuộc vào Mỹ. Israel tập trung vấn đề an ninh, liên quan đến việc chiếm giữ cao nguyên Golan và mở rộng vùng đệm biên giới. Israel muốn duy trì áp lực quân sự cao đối với Syria để đảm bảo một Syria suy yếu vì trong các cuộc xung đột Ả Rập-Israel và xung đột Palestine-Israel trước đây, Syria là một quốc gia quan trọng của “mặt trận kháng chiến” chống Israel. Thổ Nhĩ Kỳ thì đặc biệt quan tâm đến vấn đề người Kurd, không cho phép lực lượng người Kurd ở Syria và Iraq lớn mạnh hơn, làm ảnh hưởng đến tình hình ổn định của họ. Nhìn chung, Syria trong thời gian tới sẽ phải đối mặt với những khó khăn đến từ 3 phương diện: đối nội là mâu thuẫn giữa sự thống nhất đất nước và sự chia cắt; về tôn giáo là mâu thuẫn giữa hòa giải bao dung và cực đoan bài trừ; và về đối ngoại là mâu thuẫn giữa tính tự chủ và phụ thuộc [Luu Trung Dân, 2026].

4.2.2.4. Mục tiêu, sự điều chỉnh chính sách của Nga, Mỹ tại Syria

Từ những điều chỉnh chiến lược của Mỹ và Nga, trong thời gian tới, Trung Đông có thể không phải là địa bàn cạnh tranh gay gắt nhất giữa Nga và Mỹ, nhưng sẽ không tránh khỏi những cạnh tranh ảnh hưởng, cạnh tranh địa - chính trị tại một số điểm nóng của khu vực. Năm 2022, cuộc chiến tranh Nga - Ukraine nổ ra đã khiến quan hệ Nga - Mỹ trở nên xấu nhất từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine trở thành cuộc đối đầu lớn nhất giữa Nga và phương Tây kể từ khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962. Hệ quả này đã kéo theo những căng thẳng giữa hai cường quốc tại nhiều điểm nóng, nhiều khu vực trên thế giới, trước hết là ở châu Âu, sau đó là các khu vực khác bao gồm cả Trung Đông. Giành chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2024, Donald Trump trở lại Nhà Trắng sẽ định hình lại chính sách đối ngoại của Mỹ. Dưới thời Trump 2.0, Mỹ điều chỉnh chiến lược với khẩu hiệu “America First” và tái định nghĩa vai trò quốc tế của Mỹ theo hướng hẹp hơn về lợi ích, chọn lọc hơn về cam kết, và thực dụng hơn về công cụ.

Chiến lược an ninh quốc gia (NSS) năm 2025 nhấn mạnh việc thu hẹp phạm vi cam kết để tập trung vào các lợi ích cốt lõi, với lập luận rằng ưu tiên chiến lược về đối ngoại, quốc phòng và tình báo của Mỹ phải dựa trên một “định nghĩa tập trung vào lợi ích quốc gia” [White House, 2025]. Mỹ đặt các cam kết khu vực trong một tầm nhìn toàn cầu hẹp hơn, nơi lợi ích trực tiếp của Mỹ được ưu tiên hơn duy trì trật tự tự do theo nghĩa rộng [Brookings, 2025]. Ở cấp độ dài hạn, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vẫn được xác định là không gian trung tâm của cạnh tranh quyền lực với Trung Quốc; NSS 2025 gọi đây là một trong những “chiến trường kinh tế và địa chính trị trọng điểm” của thế kỷ XXI [White House, 2025]. Chiến lược quốc phòng quốc gia 2026 (NDS 2026) đặt nhiệm vụ “ngăn chặn Trung Quốc ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương bằng sức mạnh chứ không phải đối đầu”. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa Mỹ rút khỏi Trung Đông. Trái lại, NSS 2025 vẫn khẳng định Mỹ có những “lợi ích cốt lõi” tại khu vực này, bao gồm bảo đảm an ninh của Israel, giữ eo biển Hormuz thông suốt và ngăn khu vực trở thành nguồn đe dọa đối với lợi ích Mỹ [U.S. Department of Defense, 2026].

Từ năm 2025, Nga thể hiện sự thích ứng chính sách trong thế bị bao vây, và cố gắng chuyển thế bị động thành một chiến lược tái định vị dài hạn trong trật tự mới. Nền tảng tư tưởng của sự điều chỉnh này đã được đặt ra từ Khái niệm chính sách đối ngoại của Nga năm 2023, trong đó Nga tự mô tả là một “quốc gia văn minh”, một “cường quốc Á - Âu và châu Âu - Thái Bình Dương”, đồng thời ưu tiên phát triển quan hệ với các trung tâm quyền lực phi phương Tây và thúc đẩy trật tự thế giới đa cực [Kremlin, 2023]. Nga chủ trương phát huy tối đa tiềm năng của quan hệ đối tác chiến lược với các nước láng giềng lớn là Trung Quốc và Ấn Độ, với các quốc gia thuộc thế giới Hồi giáo cũng như với các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), lục địa châu Phi, châu Mỹ Latin và vùng Caribe. Tại Diễn đàn Valdai tháng 10/2025, Tổng thống V.Putin tiếp tục đặt trọng tâm vào “một thế giới đa cực, đa trung tâm” như không gian tồn tại lâu dài của Nga. Tại lễ trình quốc thư tháng 1/2026, ông khẳng định Nga “chân thành cam kết với lý tưởng về một thế giới đa cực” và sẽ tiếp tục theo đuổi một chính sách đối ngoại “cân bằng” và “mang tính xây dựng”, phù hợp với các xu thế khách quan của phát triển toàn cầu [President of Russia, 2025].

Có thể nói, từ năm 2025, Nga đã có sự điều chỉnh chiến lược trong bối cảnh bị cô lập, và đang tìm kiếm một cấu trúc quốc tế phù hợp. Trong thời gian tới, Nga có xu hướng chuyển từ hội nhập chọn lọc với phương Tây sang tái định vị có hệ thống trong không gian Á-Âu và Nam bán cầu. Nga nhiều khả năng sẽ không còn là một cực kinh tế hàng đầu, nhưng vẫn có thể giữ vai trò một “cực đột phá” của trật tự đa cực bất đối xứng nhờ tổ hợp hạt nhân, tài nguyên, địa lý và ngoại giao phi phương Tây. Thời gian tới, Nga sẽ tiếp tục tồn tại như một “cường quốc đột phá”, có thể suy giảm tương đối về kinh tế, nhưng vẫn giữ vai trò rất lớn trong các câu phân gây bất ổn hoặc tái cân bằng khu vực thông qua hạt nhân, năng lượng, Bắc Cực, chiến tranh hỗn hợp và ngoại giao với Nam bán cầu. Với Nga, suy giảm kinh tế không đồng nghĩa với mất vai trò chiến lược. Mặc dù Nga khó trở lại vị thế siêu cường toàn diện, nhưng sẽ tiếp tục là một cực quyền lực có năng lực phá vỡ cân bằng, nhất là ở châu Âu mở rộng, Bắc Cực, Trung Á, Trung Đông và một phần châu Phi.

Với Syria trong thời gian tới, động lực bao trùm của Nga là hạn chế tổn thất ở mức tối thiểu chấp nhận được. Nga tiếp tục duy trì đàm phán song phương với chính quyền mới để giữ hai căn cứ chiến lược mục tiêu tối thiểu bảo đảm Nga không mất hoàn toàn điểm tựa Địa Trung Hải; tận dụng khoảng trống tài chính trong tiến trình tái thiết để chào các gói hợp tác ít điều kiện chính trị hơn phương Tây; và chờ đợi một sự thay đổi trong ưu tiên nguồn lực gắn với diễn biến của xung đột Ukraine. Có thể nói, khó khăn lớn nhất đối với Nga hiện nay là vấn đề nguồn lực. Khi chưa giải quyết được bài toán Ukraine, khả năng Nga đầu tư đủ lớn để cạnh tranh ngang bằng giai đoạn 2015-2024 là thấp.

Về phía Mỹ, động lực bao trùm của Mỹ là củng cố lợi thế tương đối đã đạt được sau tháng 12/2024 thành một trật tự ổn định có lợi, mà không phải chịu chi phí của một cuộc can dự toàn diện. Mỹ sẽ điều chỉnh chính sách theo hướng sử dụng đòn bẩy trừng phạt như công cụ định hình hành vi của chính quyền mới; duy trì vai trò trung gian trong đàm phán an ninh Syria - Israel để bảo đảm lợi ích của đồng minh cốt lõi; và cân bằng giữa hậu thuẫn SDF với yêu cầu duy trì quan hệ đồng minh với Thổ Nhĩ Kỳ. Ràng buộc lớn nhất đối với Mỹ là mâu thuẫn nội tại giữa các

mục tiêu khu vực (an ninh Israel, quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ, ổn định Syria). Những bất ổn này là rủi ro chính đối với khả năng Mỹ kiểm soát trọn vẹn cục diện.

4.2.3. Các kịch bản cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030

Căn cứ vào khung phân tích cạnh tranh nước lớn và các yếu tố tác động, cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria đến năm 2030 có thể xảy ra theo bốn kịch bản sau:

4.2.3.1. Kịch bản 1: Mỹ đóng vai trò chi phối tại Syria

Kịch bản được định hình theo 4 tiêu chí đã đề cập ở trên. Trong đó tiêu chí 1 (mức độ và hình thức can dự) thì Mỹ can dự gián tiếp ở mức độ cao thông qua các công cụ tài chính, viện trợ và ngoại giao đa phương còn vị thế của Nga bị suy giảm nghiêm trọng, phải thu hẹp mức can dự quân sự lẫn kinh tế về mức tối thiểu. Tiêu chí 2 (bản chất quan hệ Nga - Mỹ) thì ở đây là sự cạnh tranh không đối xứng. Trong đó Mỹ nắm giữ thế chủ động chiến lược tổng thể, siết chặt kiểm chế Nga và Iran tại thực địa. Tiêu chí 3 (tính chính danh và mức độ thống nhất của chính quyền Syria) thì chính quyền chuyển tiếp của Tổng thống lâm thời Ahmed al-Sharaa củng cố được quyền lực, tích hợp thành công lực lượng người Kurd (SDF) và ngả hẳn về trục phương Tây - các nước Ả Rập để tìm kiếm tính chính danh quốc tế. Tiêu chí 4 (Mức độ quốc tế hóa của tiến trình tái thiết) thì tiến trình tái thiết được điều phối và tài trợ chủ đạo bởi Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU) và các quốc gia vùng Vịnh (đứng đầu là Saudi Arabia).

Trong kịch bản này, Mỹ củng cố vị thế dẫn dắt trong khi Nga nỗ lực bảo vệ các lợi ích cốt lõi còn sót lại. Sự sụp đổ của Assad là một “chiến thắng ngẫu nhiên” của Mỹ vì các mục tiêu từ năm 2011 (Assad ra đi, Iran rút quân) đã đạt được mà không cần can thiệp quân sự quy mô lớn. Ngược lại, Nga đã thua trong “ván bài” đặt vào Assad. Do đó, Nga sẽ tập trung vào việc đàm phán với chính phủ lâm thời để giữ quyền sử dụng các căn cứ quân sự (Tartus và Hmeimim). Mỹ sẽ tập trung vào việc thực thi thỏa thuận tích hợp SDF (Lực lượng Dân chủ Syria) vào chính phủ mới, một tiến trình mà Mỹ được đánh giá là bên môi giới chính.

Nếu chính phủ mới có xu hướng nghiêng về Mỹ và các nước phương Tây trong nỗ lực tái thiết đất nước thì Mỹ sẽ có nhiều lợi thế hơn. Syria đang dần chuyển từ một chính quyền Alawite thân Iran sang thắt chặt quan hệ với các lực lượng Sunni, đặc biệt là Saudi Arabia. Việc chính quyền chuyển tiếp của Ahmed al-

Sharaa được Mỹ dỡ bỏ trừng phạt phần lớn là nhờ sự điều phối của Saudi Arabia. Do đó, Saudi Arabia có ảnh hưởng quan trọng đối với Syria, nước này có mục tiêu là kéo Syria trở lại thế giới Ả Rập, trở thành một phần của các lực lượng Ả Rập Sunni và đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa Syria và Mỹ. Tháng 1/2026, Liên minh châu Âu (EU) công bố gói hỗ trợ tài chính trị giá khoảng 620 triệu euro cho Syria trong hai năm 2026 và 2027, bao gồm viện trợ nhân đạo, hỗ trợ phục hồi sớm và các chương trình hợp tác song phương, như một lời khẳng định cam kết đồng hành với Syria trên con đường tái thiết phía trước. Ngày 30/3/2026, Tổng thống Syria Ahmed al-Sharaa bắt đầu chuyến công du Đức và Anh, những quốc gia có vị thế và tầm ảnh hưởng quan trọng tại châu Âu, với mục tiêu tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại. Mối quan hệ giữa Syria và Liên minh châu Âu (EU) đang chứng kiến một bước ngoặt lịch sử, tháng 4-2026, Ủy ban châu Âu (EC) đề xuất khôi phục toàn diện Hiệp định Hợp tác EU và Syria vốn được thiết lập từ năm 1978.

Xung đột Israel - Iran làm tê liệt eo biển Hormuz thì Syria đang nổi lên như một điểm trung chuyển quan trọng, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng do việc đóng cửa Eo biển Hormuz gây ra. EU muốn đưa Syria vào các dự án kết nối khu vực, bao gồm Hành lang Kinh tế Ấn Độ-Trung Đông-châu Âu, định vị quốc gia này như một trung tâm về giao thông, năng lượng và liên kết kỹ thuật số. Đây là những minh chứng cho thấy Mỹ - phương Tây sẽ có những thế mạnh trong quá trình tái thiết của Syria. Nếu ý chí của chính phủ mới của Syria lựa chọn giảm sự lệ thuộc vào Nga như trước đây thì vai trò của Mỹ sẽ được nâng cao và vị thế của Nga sẽ bị mất đi.

Có thể thấy rằng, sự sụp đổ của chính quyền Assad ngày 8/12/2024 tạo ra lợi thế chiến lược tự nhiên cho Mỹ. Kịch bản xảy ra khi các biến số độc lập khu vực dịch chuyển. Đó là Saudi Arabia thành công trong việc kéo Syria trở lại thế giới Ả Rập Sunni, đóng vai trò trung gian dỡ bỏ trừng phạt kinh tế từ Mỹ. Để thúc đẩy tiến trình này, các yếu tố khác cùng xuất hiện theo hướng thuận lợi cho Mỹ. Kịch bản này vấp phải mâu thuẫn lớn trong sự điều chỉnh chính sách của Mỹ (biến số phụ thuộc). Syria không nằm trong ưu tiên chiến lược hàng đầu của Mỹ tại Trung Đông. Do ưu tiên cốt lõi của Mỹ đến năm 2030 là cạnh tranh quyền lực với Trung Quốc tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và đối phó với Iran, giới lãnh đạo Mỹ rất khó

đồng ý đầu tư một nguồn ngân sách khổng lồ vào quá trình tái thiết Syria hậu chiến. Bên cạnh đó, Nga đã thể hiện sự linh hoạt chính sách cao khi chủ động đàm phán thực dụng với chính quyền mới của Syria nhằm bảo toàn sự hiện diện của mình, khiến mục tiêu của Mỹ đẩy Nga ra khỏi Syria hoàn toàn trở nên thiếu khả thi. Do đó, xác suất xảy ra kịch bản này ở mức trung bình - thấp.

4.2.3.2. Kịch bản 2: Nga đóng vai trò chi phối tại Syria

Kịch bản định hình theo 4 tiêu chí. Theo tiêu chí (mức độ và hình thức can dự) thì Nga khôi phục can dự mạnh mẽ trên cả hai khía cạnh là răn đe quân sự và độc quyền đầu tư kinh tế lâu dài. Mỹ chủ trương rút dần toàn bộ sự hiện diện quân sự trực tiếp tại khu vực Đông Bắc. Theo tiêu chí 2 (Bản chất quan hệ Nga - Mỹ) thì cạnh tranh có kiểm soát, Nga đảo ngược thế cờ để giành lại ưu thế răn đe chủ động trước Mỹ tại thực địa. Theo tiêu chí 3 (Tính chính danh và mức độ thống nhất của chính quyền Syria) thì chính quyền mới tại Syria duy trì sự ổn định tương đối và thiết lập mối quan hệ hợp tác đặc quyền, phụ thuộc an ninh sâu sắc vào Nga. Theo tiêu chí 4 (Mức độ quốc tế hóa của tiến trình tái thiết) thì tiến trình tái thiết bị phân mảnh, trong đó Nga đứng ra dẫn dắt và điều phối chính thông qua việc bảo trợ nguồn vốn đầu tư từ các đối tác phi phương Tây.

Nếu xung đột Nga - Ukraine kết thúc với lợi thế nghiêng về Nga và xung đột Israel - Iran kết thúc khi Iran có những lợi thế cho với Israel; Nga có cơ sở để dồn tiềm lực vào để tái thiết Syria. Đồng thời, nếu chính phủ mới hợp tác với Nga về kinh tế, năng lượng thì Nga có thể lấy lại được vị thế đang bị suy giảm tại Syria. Để làm được điều này, Nga cần một chiến lược kết hợp giữa sức mạnh quân sự và sự linh hoạt tối đa về ngoại giao. Nga có thể tận dụng sự rạn nứt giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nhóm người Kurd (SDF), đồng thời đứng ra dàn xếp mâu thuẫn giữa Iran và Israel trên lãnh thổ Syria. Khi Mỹ đẩy mạnh rút quân để tập trung vào Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Nga sẽ đứng ra bảo trợ cho một thỏa thuận tự trị hạn chế cho người Kurd trong lòng Nhà nước Syria. Đây là thế mạnh lớn nhất. Nga đã chứng minh khả năng đàm phán được với tất cả các bên (Israel, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Chính phủ Syria). Nếu Mỹ giảm sự hiện diện tại đây thì Nga sẽ tận dụng được khoảng trống này.

Về kinh tế, Nga lấy lại vị thế bằng cách dẫn dắt các dòng vốn đầu tư từ vùng Vịnh và Trung Quốc vào Syria để tăng cường tái thiết Syria, đối trọng với sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ giữa Syria với Mỹ, phương Tây. Đây là một trong những khoá khăn lớn nhất của Nga quy mô tài trợ tái thiết của Syria quá lớn. Nga cần phải dựa vào sự đầu tư của Trung Quốc hoặc UAE vào Syria để phát huy được vai trò này.

Kịch bản này xuất hiện khi các biến số độc lập toàn cầu chuyển biến có lợi cho Nga. Xung đột Nga - Ukraine kết thúc với lợi thế thuộc về Nga và cuộc chiến Israel - Iran khép lại với ưu thế thuộc về Nga. Nga có cơ sở dồn tiềm lực quân sự và tài chính trở lại Levant. Nga tận dụng biến số điều tiết địa phương là sự rạn nứt giữa Thổ Nhĩ Kỳ và người Kurd để đứng ra dàn xếp một thỏa thuận tự trị hạn chế cho người Kurd trong lòng nhà nước Syria. Nga phát huy thế mạnh ngoại giao độc nhất là đối tác có khả năng đối thoại song song với cả Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Israel và chính quyền mới của Syria để thiết lập một cấu trúc an ninh lấy Nga làm trung gian hòa giải độc quyền. Có thể thấy rằng, kịch bản này phụ thuộc nhiều biến số vĩ mô phức tạp phải xảy ra đồng thời. Trở ngại lớn nhất đối với Nga là vấn đề nguồn lực. Khi chưa giải quyết dứt điểm bài toán Ukraine, khả năng tài chính của Nga bị giới hạn. Do chi phí tài trợ tái thiết Syria là quá lớn, Nga buộc phải phụ thuộc hoàn toàn vào dòng vốn từ các đối tác trung gian như Trung Quốc hoặc các nước vùng Vịnh (UAE). Tuy nhiên, các quốc gia này đều có những toan tính địa chính trị riêng biệt và không dễ dàng chia sẻ quyền chi phối cho Nga. Do đó, xác suất kịch bản xảy ra là thấp.

4.2.3.3. Kịch bản 3: Nga - Mỹ cạnh tranh dẫn đến xung đột tại Syria

Kịch bản được định hình theo 4 tiêu chí. Theo tiêu chí 1 (mức độ và hình thức can dự) thì cả Nga và Mỹ đều buộc phải gia tăng can dự quân sự trực tiếp cường độ cao để bảo vệ sinh mệnh của các lực lượng thực địa. Theo tiêu chí 2 thì bản chất quan hệ Nga - Mỹ ở đây là đối đầu công khai, ranh giới quân sự chồng lấn sâu sắc, nguy cơ đụng độ trực tiếp ngoài ý muốn tăng cao. Theo tiêu chí 3 (tính chính danh và mức độ thống nhất của chính quyền Syria) thì tiến trình chuyển tiếp chính trị dưới thời Ahmed al-Sharaa sụp đổ hoàn toàn; chính quyền trung ương mất quyền kiểm soát, tạo ra khoảng trống quyền lực khổng lồ. Theo tiêu chí 4 (Mức độ quốc tế hóa của tiến trình tái thiết) thì tiến trình tái thiết bị đóng băng hoàn toàn.

Kịch bản về một cuộc đụng độ trực tiếp hoặc xung đột ủy nhiệm (proxy war) cường độ cao giữa Nga và Mỹ tại Syria trong giai đoạn 2026 - 2030 có xác suất thấp với hệ quả rất nặng nề, nhưng không có nghĩa là không thể xảy ra. Cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria là một trong những điểm nóng địa chính trị quan trọng nhất của khu vực Trung Đông trong suốt hơn một thập kỷ qua. Cuộc chiến tại Syria không chỉ là một cuộc đối đầu giữa các phe phái trong nước, mà còn là một cuộc đấu tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc toàn cầu và khu vực. Mặc dù cả Nga và Mỹ đều có những mục tiêu và chiến lược khác nhau tại Syria, nhưng sự can thiệp của họ lại tạo ra một sự cạnh tranh phức tạp về ảnh hưởng, lợi ích an ninh, và tầm ảnh hưởng địa chính trị tại Trung Đông.

Trong 5 năm tới, cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria nếu do các tác động từ những biến động của tình hình thế giới và căng thẳng leo thang tại khu vực, nguy cơ đụng độ quân sự trực tiếp trong khuôn khổ quan hệ cạnh tranh Nga - Mỹ là không cao. Nhưng khó có thể loại trừ hoàn toàn do Trung Đông là một khu vực đang ẩn chứa nhiều mâu thuẫn chưa được giải quyết, với xung đột Israel-Hamas, xung đột Israel - Iran... Những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, cạnh tranh ảnh hưởng tại Trung Đông có thể bị tác động và châm ngòi bởi các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là những chính sách can dự của các nước lớn. Sự thiếu lòng tin giữa các nước trong khu vực, cạnh tranh giữa các cường quốc khu vực và sự chi phối bởi các cường quốc quốc tế cũng sẽ là những mặt thách thức chứa đựng rủi ro trong cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria.

Vì về bản chất, Nga và Mỹ có sự mâu thuẫn trong lợi ích, mục tiêu chính sách và hướng giải quyết vấn đề Syria. Nếu quá trình chuyển đổi dưới thời Sharaa thất bại do mâu thuẫn nội bộ hoặc sự phục hưng của các nhóm cực đoan như IS, Syria có thể rơi vào tình trạng phân rã theo giáo phái một lần nữa. Nga có thể quay lại chiến lược bảo trợ cho các vùng tự trị của người Alawite ở ven biển để bảo vệ các căn cứ của mình, trong khi Mỹ buộc phải tái triển khai quân đội ở phía Đông để chống khủng bố. Kịch bản này sẽ biến Syria thành một điểm nóng mới với các khu vực ảnh hưởng chòng chéo, ngăn cản mọi nỗ lực tái thiết và duy trì tình trạng bất ổn lâu dài. Đây là kịch bản mà cả Nga và Mỹ đều muốn tránh, nhưng nó vẫn là một rủi ro hiện hữu nếu sự hỗ trợ quốc tế cho chính phủ lâm thời không đủ mạnh và kịp thời.

Kịch bản cực đoan này được kích hoạt bởi các biến số mang tính tiêu cực lớn. Đó là tiến trình hòa giải dân tộc tại Syria thất bại do mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc âm ỉ tái bùng phát. Thỏa thuận hợp nhất SDF và chính phủ mới ngày 29/01/2026 sụp đổ. Sự hỗn loạn tạo cơ hội cho tàn dư ISIS và các nhóm Hồi giáo thánh chiến cực đoan trỗi dậy tái chiếm đóng các mỏ tài nguyên sa mạc miền Trung (thực tế ISIS đã thực hiện tới 700 vụ tấn công trong năm 2024). Để đối phó với mối đe dọa khủng bố cứu đồng minh SDF, Mỹ buộc phải đảo ngược lộ trình rút quân và tái triển khai quân chính quy quy mô lớn ở phía Đông. Đáp lại, để bảo vệ sinh mệnh của các căn cứ Tartus và Hmeimim, Nga buộc phải quay lại chiến lược can thiệp quân sự cứng rắn để thiết lập vùng đệm bảo vệ người Alawite ven biển.

Tuy nhiên, có thể thấy, Nga và Mỹ đều nhận thức rõ hệ quả tàn khốc của một cuộc đụng độ quân sự trực tiếp đối với an ninh toàn cầu. Mặc dù lợi ích của hai nước đối lập nhau, nhưng mục tiêu chiến lược tối thượng của họ vẫn là tránh rơi vào một cuộc sa lầy chiến lược mới tại Trung Đông. Các kênh liên lạc tránh va chạm (de-confliction) giữa quân đội hai nước tại Syria vẫn hoạt động hiệu quả, giúp giữ xung đột dưới ngưỡng chiến tranh trực tiếp. Do đó, xác suất xảy ra kịch bản này là rất thấp.

4.2.3.4. Kịch bản 4: Nga - Mỹ tiếp tục cạnh tranh gián tiếp tại Syria

Kịch bản được định hình theo 4 tiêu chí. Theo tiêu chí 1 (Mức độ và hình thức can dự 1), cạnh tranh bằng công cụ mềm chiếm ưu thế. Nga chấp nhận một vị thế thu hẹp hơn, chuyên hóa hai căn cứ quân sự Tartus và Hmeimim thành các trung tâm logistics và đào tạo chiến lược. Mỹ giảm hiện diện quân sự trực tiếp, chuyển dịch sang cơ chế can dự gián tiếp chi phí thấp (hỗ trợ SDF, dùng cấm vận kinh tế và cứu trợ nhân đạo). Theo tiêu chí 2 (Bản chất quan hệ Nga - Mỹ) thì là cạnh tranh có kiểm soát, mang tính dung hòa và thực dụng. Hai bên vừa kiềm chế lẫn nhau, vừa chấp nhận một Syria đa cực hơn để tránh sa lầy. Theo tiêu chí 3 (Tính chính danh và mức độ thống nhất của chính quyền Syria) thì chính quyền chuyển tiếp duy trì được sự ổn định bấp bênh và thực hiện chính sách đối ngoại đa phương đa hướng: vừa tương tác thận trọng với Nga để duy trì hỗ trợ an ninh thực địa, vừa hợp tác với Mỹ và các nước Ả Rập Sunni để dỡ bỏ cấm vận kinh tế. Theo tiêu chí 4 (mức độ quốc tế hóa của tiến trình tái thiết) thì tiến trình tái thiết diễn ra đồng thời nhưng

phân mảnh theo các khu vực ảnh hưởng kinh tế riêng biệt của phương Tây và các đối tác kinh tế của Nga.

Mỹ và phương Tây vẫn giữ vai trò quan trọng ở Syria, nhưng Nga có thể tái tham gia mạnh hơn vào Syria. Chính quyền mới dù có hợp tác với Mỹ vẫn tương tác thân trọng với Nga, vì Nga có thể cung cấp hỗ trợ an ninh (giúp ổn định tình hình) trong quá trình hợp tác. Trái ngược với Kịch bản 1, Nga không hoàn toàn bị loại trừ; thay vào đó, cạnh tranh kéo dài dưới nhiều hình thức. Mỹ duy trì hiện diện ở Đông Bắc trong khi Nga tìm cách khôi phục ảnh hưởng qua “ổn định Syria” và các công cụ không quân/hải quân. Điều này tạo ra một tình trạng song song ảnh hưởng: hai siêu cường tiếp tục đan xen qua các dân quân ủy nhiệm và quan hệ song phương

Nga điều chỉnh chính sách và hợp tác với chính phủ mới, đảm bảo duy trì được lợi ích cốt lõi tại Syria.

Những chính sách của Mỹ với Syria từ 2011 đến nay cho thấy, Syria không nằm trong ưu tiên chiến lược của Mỹ tại Trung Đông nên để Mỹ đóng vai trò quan trọng trong quá trình tái thiết Syria hậu Assad cần phải có “ý chí” từ lãnh đạo Mỹ. Nhưng ưu tiên chiến lược hiện nay của Mỹ là cạnh tranh với Trung Quốc và bài toán Iran nên khả năng để Mỹ đầu tư ngân sách lớn vào Syria là khá khó khăn. Ngược lại, chính phủ mới lên nắm quyền nhưng Nga đã thể hiện chính sách đối ngoại linh hoạt, thực dụng để có thể duy trì hoặc mở rộng các cơ sở quân sự của mình tại Syria, bao gồm các căn cứ hải quân ở Tartus và căn cứ không quân Hmeimim. Các cơ sở này không chỉ có giá trị quân sự mà còn giúp Nga tăng cường hiện diện tại vùng Địa Trung Hải, một khu vực chiến lược. Hơn nữa, lợi thế cạnh tranh của Nga không nằm ở nguồn vốn đầu cơ ngắn hạn, mà ở đầu tư kiên nhẫn, có sự đồng thuận của nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực mà các công ty Nga đã sở hữu chuyên môn công nghệ và vận hành. Chính phủ cũng nhận thức được những ưu thế của Nga trong quá trình tái thiết nên việc Nga có được chỗ đứng nhất định trong quá trình chuyển tiếp và tái thiết tại Syria là có cơ sở. Và khi Nga có vị trí ại Syria thì Mỹ cũng sẽ tiếp tục duy trì ảnh hưởng với quốc gia này, vẫn nhằm mục tiêu ngăn chặn sự hợp tác Nga - Iran và bảo vệ đồng minh tại đây.

Nga sẽ thúc đẩy quan hệ chặt chẽ với Iran và tiếp tục duy trì mối quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ Nga để bảo vệ lợi ích chung và chống lại ảnh hưởng của Mỹ và phương

Tây tại các vấn đề của Trung Đông. Bên cạnh đó, mối quan hệ hợp tác với Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là yếu tố quan trọng trong việc duy trì ảnh hưởng tại Syria, bất chấp sự khác biệt về chính trị và quân sự giữa hai quốc gia. Nga sẽ tiếp tục củng cố các liên minh với Iran và Hezbollah, nhằm tăng cường sự ảnh hưởng của mình trong khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ, mặc dù có sự khác biệt với Nga trong một số vấn đề, sẽ tiếp tục hợp tác với Nga để có được những lợi ích đảm bảo an ninh. Nga sẽ tiếp tục chống lại các nhóm khủng bố trong khu vực như ISIS, nhưng cũng sẽ duy trì sự hỗ trợ đối với các lực lượng dân quân Shiite được Iran hậu thuẫn, đồng thời củng cố sự hiện diện của các nhóm vũ trang thân Iran.

Sự can thiệp của Nga vào Syria sẽ tiếp tục phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài như mối quan hệ với Trung Quốc và các tác động từ các đồng minh tại khu vực. Nga cũng sẽ tiếp tục cố gắng duy trì ảnh hưởng đối với các cường quốc phương Tây thông qua các cuộc đàm phán đa phương, đặc biệt trong các khuôn khổ của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Mỹ có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sự can thiệp tại Syria khi đối diện với các thách thức toàn cầu như cạnh tranh với Trung Quốc và các vấn đề nội bộ. Tuy nhiên, Mỹ sẽ tiếp tục điều chỉnh chiến lược của mình, cố gắng bảo vệ các lợi ích an ninh quốc gia và duy trì các liên minh tại khu vực Trung Đông.

Mỹ tiếp tục duy trì ảnh hưởng tại Syria thông qua hợp tác kinh tế

Mục tiêu của Mỹ có thể giảm bớt sự hiện diện quân sự trực tiếp tại Syria trong bối cảnh các chi phí tăng cao và áp lực từ các đồng minh trong khu vực. Mặc dù vậy, Mỹ sẽ tiếp tục duy trì sự hiện diện gián tiếp thông qua các đồng minh và đối tác địa phương. Xu hướng đến năm 2030, Mỹ có thể sẽ giảm số lượng quân nhân tại Syria, nhưng duy trì sự hỗ trợ cho các nhóm đối lập, đặc biệt là lực lượng người Kurd (SDF) và các nhóm vũ trang khác chống lại các lực lượng được Iran hậu thuẫn. Mặc dù Mỹ có thể giảm bớt sự hiện diện quân sự trong bối cảnh chi phí gia tăng và áp lực từ các đồng minh trong khu vực, sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Syria có thể tiếp tục nhằm đối phó với ảnh hưởng Iran và các nhóm khủng bố. Tuy nhiên, Mỹ có thể sẽ tìm cách rút dần khỏi những khu vực chiến lược, chuyển sang các phương thức gián tiếp như hỗ trợ vũ khí, huấn luyện và các hoạt động tình báo.

Mỹ sẽ tận dụng các thế mạnh về kinh tế, cùng các nước phương Tây tăng cường các chiến lược ngoại giao và hợp tác kinh tế với Syria, giúp Syria hội nhập

quốc tế. Mỹ sẽ duy trì quan hệ với các đồng minh của mình tại Syria, đặc biệt là các lực lượng người Kurd, nhưng điều này sẽ tiếp tục gây ra căng thẳng với Thổ Nhĩ Kỳ, một đồng minh trong NATO. Mỹ cũng sẽ tìm cách duy trì các liên minh với các quốc gia vùng Vịnh và Israel để đối phó với sự ảnh hưởng của Iran. Mỹ sẽ tiếp tục các chiến dịch chống khủng bố tại Syria và ngăn chặn sự mở rộng của Iran bằng cách hỗ trợ các lực lượng đối lập và lực lượng người Kurd, đồng thời duy trì các biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Iran và các nhóm đồng minh của Iran. Ngoài ra, Mỹ cũng sẽ tận dụng mạng lưới hỗ trợ nhân đạo của Syria để tăng cường vai trò tại Syria trong quá trình tái thiết.

Kịch bản này là sự dung hòa tối ưu giữa các áp lực từ nhóm biến số độc lập vĩ mô. Do Mỹ ưu tiên tập trung cho Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và Nga tập trung cho Ukraine, cả hai đều chủ động chuyển dịch phương thức cạnh tranh: lĩnh vực đối đầu quân sự trực tiếp giảm xuống, nhường chỗ cho cuộc đấu tranh mềm về ảnh hưởng chính trị - ngoại giao và địa kinh tế tái thiết. Chính chính quyền mới của Syria cũng lựa chọn chính sách ngoại giao thực dụng để cân bằng giữa hai siêu cường nhằm tối đa hóa viện trợ tái thiết. Xét tổng thể có thể nói rằng đây là kịch bản thực tế nhất vì nó phản ánh chính xác sự tương thích giữa giới hạn nguồn lực và ưu tiên chiến lược của cả hai bên trong bối cảnh trật tự đa cực đang định hình. Kịch bản này cho phép Mỹ bảo vệ các lợi ích cốt lõi tối thiểu (chống khủng bố ISIS, bảo vệ đồng minh Israel) với chi phí thấp nhất, đồng thời giúp Nga bảo toàn được sự hiện diện chiến lược quan trọng tại Địa Trung Hải bằng nghệ thuật ngoại giao thích ứng linh hoạt.

Như vậy, có thể thấy rằng với các dữ liệu và yếu tố tác động ở thời điểm đánh giá, dự báo thì khả năng Nga có thể trở lại đóng vai trò chi phối, bảo trợ với Syria như giai đoạn trước sẽ phụ thuộc vào quá nhiều biến số: kết quả xung đột Israel-Iran, Nga - Ukraine,... Đồng thời, kịch bản để Mỹ đóng vai trò chi phối và Nga bị suy yếu hoàn toàn cũng có nhiều điểm chưa phù hợp khi Nga đã thể hiện sự linh hoạt chính sách trong hợp tác với chính phủ mới của Syria.

Về mục tiêu cạnh tranh, với Nga, can dự vào Syria giúp Nga có vị thế của một cường quốc toàn cầu, vươn ảnh hưởng ra ngoài không gian hậu Xô viết. Do đó, dù chính phủ Assad không còn duy trì, song Nga sẽ tiếp tục mục tiêu duy trì ảnh hưởng tại Syria để làm bàn đạp vươn ra ngoài Địa Trung Hải và châu Phi. Với Mỹ,

can dự vào Syria nhằm mục tiêu làm suy yếu Iran và hạn chế sự mở rộng ảnh hưởng của Nga tại đây. Do đó, Mỹ sẽ không để khoảng trống quyền lực tại Syria lấp lại như giai đoạn trước.

Về phương thức cạnh tranh, Nga và Mỹ sẽ tiếp tục cạnh tranh trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế, còn lĩnh vực quân sự sẽ giảm xuống. Hai cường quốc sẽ phát huy lợi thế về kinh tế để tăng cường vai trò chi phối với quá trình khôi phục kinh tế, tái thiết Syria.

Mặc dù luận án đánh giá xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ theo hướng nguyên trạng nhiều hơn song không loại trừ phương án và những kịch bản theo hướng xấu và các xung đột cục bộ bị loại trừ. Mối quan hệ giữa Nga và Mỹ tại Syria trong giai đoạn tới, dù bước sang chương mới sau sự sụp đổ của chế độ Assad, vẫn sẽ tiếp tục duy trì trạng thái cạnh tranh nhưng theo xu hướng “dung hòa” và thực dụng hơn. Mặc dù triển vọng ổn định tại Syria đang dần hiện rõ dưới sự điều hành của chính quyền chuyển tiếp, nhưng điều này không có nghĩa là những căng thẳng cục bộ giữa hai cường quốc sẽ bị loại trừ. Bên cạnh mục tiêu chung là ngăn chặn sự trỗi dậy của các tổ chức khủng bố như IS, cả Nga và Mỹ đều theo đuổi những lợi ích chiến lược riêng biệt và đôi khi đối lập: trong khi Mỹ ưu tiên việc triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng của Iran và tích hợp Syria vào trật tự an ninh do Mỹ dẫn dắt, thì Nga lại quyết tâm lấy lại ảnh hưởng với các căn cứ quân sự Tartus và Hmeimim như những biểu tượng cuối cùng của vị thế cường quốc tại Địa Trung Hải.

Kịch bản khả thi nhất là Nga và Mỹ sẽ tiếp tục cạnh tranh nhưng ở một phương thức khác, chuyển dịch từ đối đầu quân sự ủy nhiệm và chiến tuyến cố định sang một cuộc đấu tranh về ảnh hưởng chính trị, ngoại giao và tái thiết kinh tế. Trong phương thức mới này, sức mạnh của lợi ích chung trong việc duy trì sự toàn vẹn lãnh thổ của Syria và ngăn chặn một cuộc khủng hoảng nhân đạo mới sẽ đóng góp giúp giảm sự leo thang căng thẳng quá mức. Nga sẽ phải chấp nhận một vị thế thu hẹp hơn, chuyển hóa các căn cứ quân sự thành các trung tâm logistics và đào tạo, trong khi Mỹ sẽ sử dụng đòn bẩy kinh tế và trừng phạt để định hình quỹ đạo chính trị của Syria.

Tóm lại, quan hệ Nga - Mỹ xung quanh vấn đề Syria vẫn sẽ trải qua nhiều thăng trầm, nhiều biến số với những bất đồng khó đoán định về quyền khai thác tài

nguyên hay vị thế của các cộng đồng thiểu số... Mỹ không muốn một Syria quá mạnh và Nga cũng muốn đặt Syria trong sự ảnh hưởng của mình ở Trung Đông. Vì thế, đến năm 2030, quan hệ Nga - Mỹ tại Syria sẽ phát triển theo xu hướng “cạnh tranh trong khuôn khổ ổn định”, nơi hai bên vừa kiềm chế lẫn nhau, vừa cùng chấp nhận một Syria đa phương và độc lập hơn để tránh rơi vào một cuộc sa lầy chiến lược mới.

4.3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Nội chiến Syria một trong những cuộc nội chiến dai dẳng và nhiều hệ lụy, khiến đất nước bị chia cắt cô lập và bị xung đột tàn phá nặng nề. Những nguyên nhân sâu xa từ yếu kém về kinh tế, cải cách kinh tế - chính trị không hiệu quả, mâu thuẫn, xung đột giáo phái, bất ổn xã hội cùng với sự lệ thuộc vào thế lực bên ngoài đã khiến Syria bị chi phối bởi các quốc gia khác và suy giảm chủ quyền. Nghiên cứu về cuộc nội chiến Syria sẽ rút ra những bài học cho các quốc gia nói chung, trong đó có các quốc gia đang phát triển như Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng trở nên gay gắt. Đó là bài học kinh nghiệm về củng cố nội lực quốc gia về xử lý quan hệ với các nước lớn và nâng cao hiệu quả hợp tác đa phương trong giai đoạn phát triển bứt phá, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc sắp tới.

4.3.1. Củng cố nội lực - thực hiện tự chủ tự cường quốc gia

Nội lực là gốc rễ của mọi chiến lược đối ngoại. Trường hợp Syria minh chứng rằng khi nội tại quốc gia suy yếu, các cường quốc sẽ biến địa bàn đó thành sân chơi cho các cuộc chiến ủy nhiệm. Cũng như các quốc gia khác, trong bối cảnh thế giới đang có nhiều biến động và sự cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt như hiện nay, Việt Nam đã chủ trương tự chủ, tự lực, tự cường trong phát triển, bảo vệ Tổ quốc. Văn kiện Đại hội XIV đã khẳng định quan điểm xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới như sau: “thực hiện tự chủ chiến lược phát triển, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống Nhân dân, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng, phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tăng cường quốc phòng,

an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.249].

Tự chủ chiến lược không chỉ là một nội dung trong quan điểm chỉ đạo “tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển, lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, nâng cao đời sống và hạnh phúc của Nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” mà còn là mục tiêu mà Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra “tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.397] thực hiện thắng lợi mục tiêu năm 2030 và tầm nhìn năm 2045 trở thành nước có thu nhập trung bình cao.

Vấn đề tự chủ chiến lược cần được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, nâng cao năng lực tự chủ chiến lược của đất nước trên nguyên tắc bảo đảm và ưu tiên cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong đó, tự chủ chiến lược là tự chủ con đường, mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam cần phải thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, đảm bảo thực hiện tốt phát triển kinh tế xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với từng bước đảm bảo đời sống của nhân dân, giảm bất công, bất bình đẳng xã hội, đảm bảo lợi ích được chia sẻ cho cả người giàu và người nghèo. Việc đổi mới hệ thống chính sách kinh tế, bảo vệ môi trường và chính sách xã hội phải được tiến hành đồng thời và kết hợp theo hướng mỗi chính sách kinh tế phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, công bằng xã hội và mỗi chính sách phát triển bền vững, chính sách xã hội phải dựa trên những cơ sở tiền đề vật chất của quá trình tăng trưởng kinh tế và đặc biệt nó phải tạo được động lực cho tăng trưởng kinh tế, thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững. Tránh tình trạng chính sách tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, xung đột với mục tiêu phát triển bền vững. Theo đó, hệ thống chính sách kinh tế phải đổi mới theo hướng tạo mọi điều kiện huy động các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động. Đổi mới chính sách xã hội theo hướng đảm bảo công bằng xã hội, tạo điều kiện tốt hơn để người dân tiếp cận các

dịch vụ thiết yếu, các nguồn lực, khuyến khích làm việc tăng thu nhập [Mai Việt Dũng, 2015].

Về quốc phòng, cần tiếp tục chủ trương “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; cơ chế, chính sách đặc biệt để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc” và tiếp tục thực hiện chính sách “bốn không”. Đồng thời, cần thực hiện một cuộc cách mạng về tự cường dân tộc trên bốn phương diện chính: quốc phòng phi đối xứng, thể chế pháp quyền, đoàn kết xã hội và tự chủ chiến lược.

Trong bối cảnh hiện nay, cần phải tăng cường năng lực quốc phòng theo hướng phi đối xứng, hiện đại, đủ rắn đe để tránh trở thành điểm nóng cạnh tranh. Syria không chú trọng xây dựng quân đội và hoàn toàn phụ thuộc vào Nga. Khi Nga dồn lực vào cuộc chiến với Ukraine, sau 14 năm nội chiến, quân đội Syria không đủ mạnh nên đã bị lật đổ một cách dễ dàng bởi phe đối lập. Đối với Việt Nam, Đại hội XIV đã xác định “phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng tiềm lực, lực lượng, thể trận quốc phòng, an ninh chuẩn bị nguồn lực quốc gia; nâng cao năng lực tự chủ chiến lược và khả năng huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu mọi tình huống quốc phòng, an ninh” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.278].

Để xây dựng sức mạnh quốc phòng đủ sức rắn đe, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy của Việt Nam là đề cao tính “tích cực, chủ động”; kết hợp chặt chẽ xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; tích cực, chủ động xây dựng, chuẩn bị đất nước vững mạnh về mọi mặt (chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...) ngay từ trong thời bình để tạo sức mạnh rắn đe, ngăn chặn mọi ý đồ, hành động xâm lược và âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.75]. Về phương thức, ừa phải tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh vừa phải đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội, làm cho đất nước ngày càng mạnh lên để tạo sức mạnh rắn đe, ngăn chặn, dập tắt mọi ý đồ, hành động của đối phương từ sớm, từ xa [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.76].

Về thể chế, cần phải xây dựng nhà nước pháp quyền và hệ thống chính trị ổn định dựa trên thể chế. Syria sụp đổ vì quyền lực bị tập trung quá mức vào một cá nhân và gia tộc, dẫn đến sự xơ cứng của thể chế và mất khả năng thích ứng với biến

động. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu “xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân xa [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.285]. Đây được coi là “chìa khóa” để khơi thông các nguồn lực cho kỷ nguyên mới. Sự ổn định chính trị dựa trên thể chế với hệ thống pháp luật minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước được nâng cao, niềm tin của người dân vào chế độ sẽ được củng cố. Điều này tạo ra một "hệ miễn dịch" tự nhiên trước các nỗ lực can thiệp từ bên ngoài.

Các nước lớn thường lợi dụng sự yếu kém của hệ thống pháp luật và tình trạng tham nhũng để thâm nhập và gây mất ổn định nội bộ. Do đó, việc quyết liệt phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực là bước đi chiến lược để bảo vệ nền tảng chính trị. Trong kỷ nguyên mới, Việt Nam cần chuyển đổi mạnh mẽ từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển. Nhà nước pháp quyền phải là nơi tạo ra hành lang an toàn cho sự đổi mới, sáng tạo, đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của mọi thành viên xã hội. Sự ổn định này chính là thông điệp mạnh mẽ nhất gửi đến các cường quốc rằng Việt Nam là một thực thể chính trị vững chắc, không thể bị chia cắt hay thao túng.

Về xã hội, cần phải củng cố đoàn kết xã hội, giảm thiểu xung đột nội bộ để tránh bị lợi dụng hoặc can thiệp từ bên ngoài. Xung đột tại Syria bùng phát từ những vết nứt sâu sắc về sắc tộc, tôn giáo và giai cấp, bị đẩy lên cao bởi sự bất bình đẳng kinh tế. Đối với Việt Nam, đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là khẩu hiệu truyền thống mà là nguồn lực chiến lược. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh quan điểm “Dân là gốc” và sự phát triển vượt bậc trong cách tiếp cận: từ việc chủ yếu “lấy ý kiến” sang “rách nhiệm giải trình” trước Nhân dân. Nhân dân tham gia thực chất vào quá trình hoạch định chính sách lớn của đất nước. Khi người dân cảm thấy họ là một phần của sự phát triển, là chủ nhân thực sự của các quyết sách, sự đồng thuận xã hội sẽ đạt mức cao nhất. Sức mạnh đại đoàn kết trong kỷ nguyên mới cần được xây dựng trên nền tảng của sự công bằng và bao trùm. Giảm thiểu khoảng cách giàu nghèo, quan tâm đến các nhóm yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số là

những giải pháp căn cơ để triệt tiêu các mầm mống xung đột mà các thế lực thù địch thường lợi dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Đoàn kết là “bức tường lửa” ngăn chặn các cuộc chiến tranh thông tin và các kịch bản diễn biến hòa bình từ bên ngoài.

Đặt biệt, cần phải tăng khả năng tự chủ về năng lượng, công nghiệp quốc phòng, kinh tế số và an ninh công nghệ. Sự lệ thuộc hoàn toàn vào nguồn viện trợ năng lượng và quân sự từ Nga đã khiến chính quyền Assad bị lệ thuộc. Bài học cho Việt Nam là phải xây dựng một nền kinh tế tự chủ, tự cường trong một thế giới đầy biến động. Về an ninh năng lượng, Việt Nam cần đẩy nhanh lộ trình chuyển dịch năng lượng xanh, giảm dần sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu. Việc làm chủ công nghệ năng lượng tái tạo và hệ thống truyền tải điện thông minh là yếu tố cốt lõi để duy trì hoạt động của nền kinh tế trong mọi tình huống khủng hoảng. Bên cạnh đó, công nghiệp quốc phòng hiện đại phải trở thành mũi nhọn công nghệ, đóng vai trò dẫn dắt công nghiệp quốc gia, “xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại”. Đại hội XIV đặt mục tiêu xây dựng hạ tầng số quốc gia hiện đại, làm chủ các nền tảng công nghệ và bảo đảm an ninh mạng. Việc bảo vệ chủ quyền số không chỉ là ngăn chặn tấn công mạng mà còn là khả năng kiểm soát dữ liệu của quốc gia và người dân, tránh bị thao túng.

4.3.2. Về chính sách đối ngoại với các nước lớn

Nga và Mỹ đều sử dụng Syria làm bàn đạp để mở rộng ảnh hưởng, biến nước này thành một chiến trường cạnh tranh địa chính trị. Syria đã không thể duy trì được sự cân bằng quan hệ, dẫn đến sự can thiệp từ bên ngoài. Nga và Mỹ đều sử dụng chiến lược tăng cường ảnh hưởng thông qua liên minh và cạnh tranh quân sự. Sự phụ thuộc quá mức vào một bên khiến Syria mất đi khả năng cân bằng quan hệ và trở thành điểm nóng chiến lược. Syria trở thành chiến trường ủy nhiệm giữa Nga và Mỹ, dẫn đến mất ổn định lâu dài, suy giảm nghiêm trọng về kinh tế và chủ quyền.

Về đối ngoại, cần phải “thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, bảo đảm tự chủ chiến lược, đa phương hoá, đa dạng hoá trong quan hệ quốc tế; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr.249]. Việt Nam cần kiên định chính sách

“Bốn không” (không liên minh quân sự; không đứng về bên này chống bên kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực) là tấm lá chắn bảo vệ Việt Nam khỏi các cuộc xung đột ủy nhiệm. Khác với Syria - quốc gia đã gắn chặt vận mệnh của mình vào các trục liên minh cứng nhắc, Việt Nam lựa chọn sự gắn kết thông qua các quan hệ đối tác chiến lược đa tầng nấc. Sự độc lập của Việt Nam không phải là sự cô lập mà là khả năng đưa ra các quyết định dựa trên lợi ích quốc gia - dân tộc, thay vì bị ép buộc bởi các thỏa thuận quân sự.

Kinh nghiệm cho Việt Nam trong quan hệ với các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nga, và các nước khác là cần khéo léo thực hiện chính sách đối tác và đối tượng, vừa hợp tác nhưng cũng sẵn sàng đối phó với các thách thức từ bất kỳ quốc gia nào. Không để bị lôi kéo vào các cuộc đối đầu chiến lược, đồng thời phát huy vai trò của một quốc gia trung lập, góp phần thúc đẩy hòa bình và ổn định. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn hiện nay, Việt Nam cần thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa, đảm bảo quan hệ tốt với cả Nga, Mỹ, Trung Quốc và các đối tác quan trọng khác. Điều này giúp Việt Nam duy trì thế cân bằng chiến lược, bảo vệ lợi ích quốc gia trước áp lực từ bên ngoài. Bài học từ Syria đó là không để lãnh thổ quốc gia trở thành điểm tranh chấp địa chiến lược. Việt Nam cần giữ vững nguyên tắc không cho phép sử dụng lãnh thổ hoặc vùng biển của mình để chống lại quốc gia thứ ba. Đây là nền tảng quan trọng để duy trì hòa bình và tránh bị lôi kéo vào các xung đột cường quốc.

Trong quan điểm chính sách đối ngoại, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn “coi trọng quan hệ với các nước lớn”. Đồng thời cần phải “chủ động nắm tình hình về sự điều chỉnh chiến lược của các nước, nhất là các nước lớn...liên quan đến Việt Nam” nhằm chủ động ứng phó, đưa ra các chính sách kịp thời, phù hợp với bối cảnh mới. Rút kinh nghiệm từ lịch sử, tránh “nhất biên đảo” hay liên minh với bất cứ nước lớn nào. Đồng thời ta nên duy trì chính sách chủ động và “cân bằng động” một cách mềm dẻo với các cường quốc. Trong sự đan xen lợi ích, ta cần phải chủ động thúc đẩy quan hệ với các nước lớn như Mỹ và Trung Quốc, dùng quan hệ với nước lớn này để tác động quan hệ với nước kia, tránh để kim kẹp trong cang thẳng giữa hai nước. Là một nước nhỏ, chưa có tiếng nói trên trường quốc tế, nên tình trạng Việt

Nam trở thành “con bài” để các nước lớn mặc cả lợi ích không phải là điều khó hiểu. Nên chiến lược đối ngoại của ta là tạo ra nhiều mối hợp tác, đan xen, ràng buộc lợi ích với các cường quốc. Đặc biệt, các chính sách, phản ứng, hành động của Việt Nam cần phải có sự tính toán cẩn trọng và không ảnh hưởng đến lợi ích của các quốc gia khác, đặc biệt là các cường quốc.

Chính sách cân bằng nước lớn là sự lựa chọn của đa số các nước nhỏ trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình khu vực ngày càng diễn biến phức tạp, chính sách “cân bằng” dù vẫn là một sự lựa chọn hàng đầu nhưng vẫn cần có những cách tiếp cận linh hoạt để đạt được tối đa lợi ích. Chủ trương phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, xây dựng quan hệ ở tầm đối tác chiến lược cũng để phục vụ mục đích trên. Do đó, chúng ta cần phải có đối sách phù hợp và sách lược linh hoạt, mềm dẻo với từng nước lớn để tối đa hoá lợi ích quốc gia. Sự cân bằng này không phải là “đu dây” một cách dao động mà là sự điều tiết hài hòa các lợi ích, khiến các nước lớn đều thấy rằng một Việt Nam ổn định, trung lập và phát triển có lợi cho họ hơn là một Việt Nam bị lôi kéo về một phe.

Là một quốc gia đang phát triển, trong quan hệ với các nước lớn, Việt Nam cần phải kiên định đường lối độc lập, tự chủ, không liên minh quân sự và không đứng về bên nào trong cạnh tranh cường quốc. Đồng thời, cần phải giữ cân bằng chiến lược giữa Trung Quốc, Mỹ, Nga và các đối tác lớn khác để tránh bị cuốn vào cạnh tranh. Mặt khác, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cần tận dụng cạnh tranh nước lớn để tranh thủ công nghệ, đầu tư, thương mại nhưng không phụ thuộc vào bất kỳ bên nào. Đồng thời, cần phải chủ động tham gia các cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế nhằm tạo không gian chiến lược linh hoạt hơn cho Việt Nam. Trong kỷ nguyên vươn mình, Việt Nam cần chuyển đổi mạnh mẽ từ vai trò “thích ứng” sang vai trò “kiến tạo” và “dẫn dắt” tại các cơ chế đa phương. ASEAN phải là “mái nhà chung” và là vùng đệm chiến lược để Việt Nam cùng các nước láng giềng đối trọng với áp lực cường quyền. Sự sụp đổ của Syria một phần do các tổ chức khu vực ở Trung Đông bị chia rẽ và bất lực. Việt Nam cần thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực, biến Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, hữu nghị, không có sự can thiệp quân sự của nước ngoài. Việc tham gia tích cực vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới và các diễn đàn an ninh

như ADMM+ giúp Việt Nam đan xen lợi ích với nhiều đối tác, tạo thành một mạng lưới bảo vệ đa lớp.

4.3.3. Về luật pháp quốc tế, đa phương và quản lý khủng hoảng

Các nước lớn thường sẵn sàng phá bỏ luật chơi để đạt được mục đích địa chính trị. Với Việt Nam, luật pháp quốc tế và chủ nghĩa đa phương là những công cụ bảo vệ chủ quyền và lợi ích dân tộc quan trọng nhất. Việt Nam cần kiên trì thúc đẩy vai trò của luật pháp quốc tế và cơ chế đa phương, tiếp tục khẳng định lập trường thượng tôn luật pháp quốc tế, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp Quốc và các diễn đàn an ninh. Về nguyên tắc đối ngoại, Đảng Cộng sản chỉ rõ nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế là một trong hai nguyên tắc đối ngoại của Việt Nam. Tại Liên Hợp Quốc và ASEAN, Việt Nam nên đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử (như COC ở Biển Đông) và các khuôn khổ pháp lý về an ninh phi truyền thống, an ninh mạng và AI.

Đồng thời, cần phải xây dựng năng lực ngoại giao phòng ngừa và cơ chế quản lý khủng hoảng để tránh leo thang xung đột. Sự sụp đổ của Syria diễn ra sau một chuỗi các sai lầm trong quản lý khủng hoảng nội bộ và ngoại giao, khiến mâu thuẫn leo thang không thể kiểm soát. Việt Nam cần xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm và các kịch bản ứng phó với khủng hoảng toàn diện. Ngoại giao phòng ngừa là việc sử dụng các biện pháp chính trị, pháp lý và truyền thông để ngăn chặn các bất đồng biến thành xung đột vũ trang. Việt Nam đã đề xuất ASEAN cần thiết lập các cơ chế cảnh báo sớm và ngăn ngừa xung đột hiệu quả hơn. Trong nước, các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ để xử lý nhanh nhạy các vụ việc nhạy cảm ở vùng sâu, vùng xa hoặc trên mạng xã hội, không để các thế lực bên ngoài có cơ hội “quốc tế hóa” các vấn đề nội bộ của Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, để tăng cường niềm tin giữa các quốc gia, cần phải tăng cường đối thoại song phương và đa phương nhằm giảm thiểu rủi ro trong môi trường cạnh tranh nước lớn. Trong môi trường cạnh tranh cường quốc gay gắt, việc thiếu thông tin và thiếu lòng tin là nguyên nhân chính dẫn đến xung đột. Việt Nam cần tận dụng mọi diễn đàn an ninh khu vực và quốc tế để thúc đẩy đối thoại. Khuyến nghị đặc biệt là tăng cường các kênh “ngoại giao nhân dân” và “ngoại giao kênh hai” (giữa các viện nghiên cứu, chuyên gia). Đây là những không gian linh hoạt giúp Việt Nam trao đổi các ý tưởng mới, tìm kiếm các giải pháp sáng tạo cho

những bế tắc địa chính trị mà các kênh ngoại giao chính thức đôi khi khó thực hiện. Việc xây dựng “lòng tin chiến lược” phải được thực hiện một cách bền bỉ thông qua các hành động cụ thể và sự nhất quán trong chính sách

Tận dụng các cơ chế quốc tế để bảo vệ chủ quyền và các lợi ích chiến lược, nhất là trong vấn đề Biển Đông. Biển Đông là lợi ích chiến lược cốt lõi của Việt Nam. Bài học từ Syria cho thấy các nước lớn có thể thỏa hiệp trên lưng nước nhỏ nếu chúng ta không có tiếng nói đủ mạnh tại các tổ chức quốc tế. Việt Nam cần: Quốc tế hóa vấn đề Biển Đông: Đưa vấn đề ra các diễn đàn đa phương một cách khôn khéo để khẳng định tính chính nghĩa của Việt Nam dựa trên UNCLOS 1982. Xây dựng liên minh lợi ích: Gắn kết các tập đoàn dầu khí, vận tải biển lớn của thế giới vào các dự án tại Biển Đông, khiến lợi ích của Việt Nam trở thành một phần lợi ích của cộng đồng quốc tế. Sử dụng cơ chế tòa án quốc tế: Chuẩn bị các hồ sơ pháp lý cần thiết để sẵn sàng bảo vệ quyền lợi bằng các biện pháp tư pháp khi cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Nhìn lại sự sụp đổ của chính quyền Assad và nội chiến Syria, có thể thấy, “thực túc binh cường” và “ngoại giao khôn khéo” phải đi đôi với nhau. Đặc biệt là phải “trong ấm” thì “ngoài mới êm” nên bài học tiên quyết vẫn là phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp với thực hiện chính sách đối ngoại linh hoạt “dĩ bất biến ứng vạn biến”, phát huy ngoại giao cây tre “gốc vững chắc thân cành uyển chuyển”. Việt Nam đang đứng trước vận hội lớn để bứt phá. Để hiện thực hóa mục tiêu Đại hội XIV, chúng ta phải đẩy mạnh và phát huy nội lực quốc gia. Về đối ngoại, phải giữ vững bản sắc “ngoại giao cây tre Việt Nam, làm cho các cường quốc thấy rằng một Việt Nam mạnh mẽ, độc lập và trung lập là một tài sản chiến lược cho sự ổn định của khu vực, chứ không phải là gánh nặng hay mối đe dọa. Về thể chế, cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo cho mọi chính sách. Một xã hội công bằng và đoàn kết là pháo đài vững chắc nhất trước mọi cơn bão địa chính trị. Với bản lĩnh của một dân tộc đã trải qua bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước, Việt Nam có đủ trí tuệ và sự tinh táo để kiến tạo một tương lai hòa bình, hùng cường. Kỷ nguyên mới của dân tộc sẽ được viết nên bằng chính sức mạnh tự cường và nghệ thuật ứng xử quốc tế dựa trên lòng tin, sự công bằng và luật pháp quốc tế.

Tiểu kết chương 4

Cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria sẽ tiếp tục có tác động sâu rộng đến cục diện chính trị, an ninh và kinh tế của Syria cũng như khu vực Trung Đông. Đến năm 2030, dù mức độ đối đầu có thể thay đổi tùy theo tình hình quốc tế, nhưng sự cạnh tranh giữa hai cường quốc vẫn sẽ định hình tương lai của Syria hậu Assad.

Về tác động, cuộc đối đầu Nga - Mỹ (2011 - 2024) đã làm trầm trọng thêm sự chia cắt Syria, cản trở tiến trình tái thiết và hòa giải chính trị. Mỹ duy trì sự kiểm soát gián tiếp tại khu vực đông bắc Syria thông qua Lực lượng Dân chủ Syria (SDF), kiềm chế ảnh hưởng của Iran và Nga, đồng thời sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế để làm suy yếu chính quyền Assad. Trong khi đó, Nga củng cố sự hiện diện quân sự lâu dài tại căn cứ Tartus và Hmeimim, đồng thời thúc đẩy quan hệ với các cường quốc khu vực nhằm duy trì ảnh hưởng chiến lược. Những yếu tố này khiến Syria tiếp tục là một điểm nóng địa chính trị, khó có sự ổn định toàn diện. Sự kiện Assad sụp đổ đã khiến vai trò của Nga bị suy giảm trầm trọng; trong khi đó Mỹ và phương Tây đã mở rộng hợp tác với chính phủ mới. Sự sụp đổ của gia tộc Assad vào cuối năm 2024 không chấm dứt sự cạnh tranh quyền lực tại Syria mà chỉ chuyển nó sang một giai đoạn mới với những quy luật vận hành khác biệt. Syria từ một “chiến trường ủy nhiệm” với các đường biên giới quân sự cố định đã trở thành một không gian địa chính trị đa cực, nơi các cường quốc phải thích nghi với một chính quyền trung ương thực dụng hơn dưới sự lãnh đạo của Ahmed al-Sharaa. Tác động lớn nhất của quá trình này là sự suy giảm ảnh hưởng mang tính hệ thống của Iran, tạo ra một khoảng trống mà cả Nga và Mỹ đều đang nỗ lực lấp đầy bằng các công cụ phi quân sự.

Về xu hướng, đến năm 2030, sự đối đầu trực diện hay chạy đua vũ trang sẽ được thay thế bằng cuộc đấu tranh về ảnh hưởng trong tái thiết kinh tế và định hình cấu trúc an ninh mới. Nga, dù suy yếu về nguồn lực do cuộc chiến tại Ukraine, vẫn sẽ cố đàm phán với chính phủ mới để phát huy vị thế cường quốc và cửa ngõ vào Địa Trung Hải. Ngược lại, Mỹ sẽ sử dụng đòn bẩy tài chính, việc dỡ bỏ trừng phạt và vai trò điều phối các dòng vốn từ vùng Vịnh để giữ Syria nằm trong quỹ đạo an ninh của phương Tây. Sự cạnh tranh này sẽ diễn ra trong một khuôn khổ “hòa hoãn có kiểm soát”, nơi lợi ích chung về việc ngăn chặn sự phục hồi của IS và duy trì ổn định khu vực đóng vai trò như một “chiếc phanh” ngăn chặn các xung đột leo thang.

Từ sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Đó là phải kiên trì nội lực và sự đồng thuận nội bộ, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội là tiền đề tiên quyết để không tạo ra “khoảng trống quyền lực” cho các thế lực nước ngoài can thiệp. Việt Nam cần tiếp tục đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, tận dụng sự cạnh tranh giữa các nước lớn để tối đa hóa lợi ích quốc gia mà không rơi vào thế bị kẹt giữa các cực quyền lực. Việt Nam cần chú trọng xây dựng các kịch bản ứng phó sớm với các biến động địa chính trị khu vực, đồng thời nâng cao năng lực quản trị quốc gia trước các thách thức an ninh mạng và can thiệp thông tin.

Trong đó, đặc biệt là chiến lược cân bằng động trong quan hệ với các nước lớn, trong bối cảnh cạnh tranh Trung - Mỹ tại khu vực đang ngày càng gay gắt. Đồng thời, Việt Nam cần tiếp tục phát huy chủ trương đa dạng hóa đa phương hóa quan hệ đối ngoại, tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, với ASEAN. Đặc biệt là phải luôn đảm bảo được tự lực tự cường, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, không bị lệ thuộc vào các quốc gia khác, lấy lợi ích quốc gia là trên hết song luôn phải làm tốt phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

KẾT LUẬN

Cuộc cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria không chỉ phản ánh những xung đột lợi ích địa chính trị mà còn thể hiện sự khác biệt trong chiến lược và tầm nhìn toàn cầu của hai cường quốc. Trong khi Nga tập trung vào việc củng cố ảnh hưởng tại Trung Đông, bảo vệ chế độ của Tổng thống Bashar al-Assad và duy trì căn cứ quân sự ở khu vực, Mỹ lại ưu tiên chống khủng bố, bảo vệ lợi ích đồng minh và kiểm chế sức mạnh của Nga cũng như Iran. Sự đối đầu này không chỉ làm kéo dài cuộc khủng hoảng tại Syria mà còn gây ra những hệ lụy nghiêm trọng cho hòa bình khu vực và quốc tế. Do đó, để chấm dứt xung đột và đạt được giải pháp bền vững, các bên cần hướng tới đối thoại, giảm bớt căng thẳng và tôn trọng các nguyên tắc quốc tế về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Cuộc cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria là một phần trong bức tranh rộng lớn hơn của trật tự địa chính trị thế giới, nơi hai siêu cường đối đầu nhau trong nỗ lực định hình cấu trúc quyền lực khu vực. Sự can thiệp của Nga tại Syria từ năm 2015 đã thay đổi đáng kể cục diện chiến trường, giúp củng cố chế độ của Tổng thống Bashar al-Assad và đảm bảo các lợi ích chiến lược lâu dài, như duy trì căn cứ quân sự tại Tartus và Hmeimim. Ngược lại, Mỹ lại có chiến lược đa diện hơn, bao gồm việc chống khủng bố (tiêu diệt tổ chức Nhà nước Hồi giáo - IS), hỗ trợ các lực lượng đối lập như người Kurd, và kiểm chế ảnh hưởng của cả Nga lẫn Iran tại khu vực.

Sự đối đầu Nga-Mỹ tại Syria không chỉ là cuộc chiến về ảnh hưởng mà còn phản ánh cách tiếp cận đối lập trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế. Nga ủng hộ một chính sách không can thiệp vào nội bộ các quốc gia và nhấn mạnh vào tính hợp pháp của chính quyền Assad, trong khi Mỹ đặt trọng tâm vào nhân quyền và thay đổi chế độ. Điều này dẫn đến việc hai bên hỗ trợ những lực lượng khác nhau, tạo ra một cuộc xung đột kéo dài với nhiều hệ lụy cho dân thường và hòa bình khu vực.

Về mặt kinh tế và chính trị, Nga sử dụng cuộc chiến Syria như một cách để khôi phục vị thế cường quốc toàn cầu sau thời kỳ suy yếu hậu Chiến tranh Lạnh, trong khi Mỹ coi đây là một mặt trận để ngăn chặn sự mở rộng ảnh hưởng của các đối thủ. Tuy nhiên, sự cạnh tranh này đã làm phức tạp thêm tình hình ở Trung Đông, kéo dài khủng hoảng nhân đạo và làm suy yếu các nỗ lực hòa giải quốc tế.

Sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Syria không chỉ dừng lại ở khía cạnh chiến lược quân sự mà còn kéo theo những hệ lụy lâu dài đối với các cấu trúc quyền lực trong khu vực và quốc tế. Hai siêu cường sử dụng Syria như một "đấu trường" để thử nghiệm các công nghệ quân sự, mở rộng ảnh hưởng chính trị và kiểm soát nguồn lực. Điều này đã biến Syria thành trung tâm của một cuộc xung đột quốc tế phức tạp, nơi các lợi ích quốc gia và khu vực đan xen với những tính toán toàn cầu.

Hệ lụy từ cuộc cạnh tranh này là vô cùng sâu rộng. Thứ nhất, nó kéo dài tình trạng xung đột tại Syria, khiến hàng triệu người phải rời bỏ nhà cửa và làm trầm trọng thêm khủng hoảng nhân đạo. Thứ hai, nó tạo ra một tiền lệ nguy hiểm về sự can thiệp quốc tế, nơi các siêu cường không ngần ngại đặt lợi ích của mình lên trên hòa bình và ổn định của một quốc gia. Cuối cùng, sự cạnh tranh này làm suy yếu các nỗ lực hòa bình do Liên hợp quốc dẫn đầu, khi các bên ủy nhiệm thường không thể đạt được sự đồng thuận vì bị chi phối bởi lợi ích của các cường quốc. Cuộc cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria là minh chứng rõ ràng cho sự đối đầu giữa các siêu cường trong bối cảnh địa chính trị hiện đại. Thay vì giải quyết khủng hoảng, sự can thiệp của hai bên lại làm gia tăng xung đột, gây ra những hệ quả nghiêm trọng về nhân đạo và an ninh.

Nga, với vai trò là đồng minh chủ chốt của chính quyền Assad, đã tận dụng sự can thiệp này để củng cố hình ảnh như một nhà bảo trợ mạnh mẽ ở Trung Đông. Điều này không chỉ tăng cường uy tín của Nga trên trường quốc tế mà còn gửi một thông điệp rõ ràng rằng Nga sẵn sàng thách thức vị trí thống trị của Mỹ. Về phía Mỹ, các hoạt động tại Syria nhằm ngăn chặn sự trỗi dậy của các tổ chức cực đoan, đồng thời giữ vững ảnh hưởng đối với đồng minh trong khu vực, đặc biệt là Israel và các nước vùng Vịnh. Sự can thiệp không nhất quán và những thay đổi trong chính sách đối ngoại dưới các đời tổng thống khác nhau đã khiến chiến lược của Mỹ tại đây thiếu tính bền vững. Tuy nhiên, Mỹ đã đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn khi chính phủ Assad sụp đổ vào tháng 12-2024, trong khi đó vị thế của Nga hậu Assad bị suy yếu trầm trọng. Mỹ đã rút quân khỏi Syria và Nga cũng có những cách tiếp cận thực dụng với chính quyền mới nên với những diễn biến phức tạp của tình hình Trung Đông thì trong thời gian tới cạnh tranh Nga-Mỹ tại Syria sẽ không còn như giai đoạn trước, mà có thể sẽ chuyển sang hình thức mới.

Về mặt lý luận, luận án đã chuẩn hóa hệ khái niệm về cạnh tranh nước lớn và xây dựng một khung phân tích về cạnh tranh nước lớn tại những địa bàn khác. Giá trị của khung này ở chỗ nó đánh giá kết quả theo đúng thước đo là hệ mục tiêu do chính các chủ thể đặt ra, nhờ đó phát hiện được nghịch lý mà cách phân tích theo lĩnh vực không chỉ ra được: ưu thế trên các phương thức cạnh tranh không tự động chuyển hóa thành việc đạt mục tiêu chiến lược. Về thực tiễn, Luận án cung cấp một công trình nghiên cứu có hệ thống, cập nhật về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria (2011 - 2024). Tuy nhiên, sự kiện tháng 12/2024 diễn ra ở giai đoạn cuối quá trình nghiên cứu và cục diện Syria sau đó còn biến động nhanh, nên các đánh giá về giai đoạn hậu Assad mang tính bước đầu. Mặt khác, Luận án tập trung vào phạm vi cặp quan hệ Nga - Mỹ nên vai trò của các chủ thể khác, đặc biệt là Trung Quốc và các thiết chế tài chính quốc tế trong tiến trình tái thiết, chưa được phân tích. Đây là một trong những nội dung có ý nghĩa trong giai đoạn sau, khi Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng sang khu vực Trung Đông.

Từ những hạn chế trên, Luận án gợi mở bốn hướng nghiên cứu tiếp theo. Một là, nghiên cứu cạnh tranh nước lớn tại Syria trong bối cảnh mới và quá trình tái thiết Syria. Trong đó có bổ sung nghiên cứu thêm sự tham gia của nhiều chủ thể ngoài Nga và Mỹ; đây là hướng nối dài trực tiếp, có thể vận dụng ngay khung phân tích và khung dự báo của Luận án. Hai là, nghiên cứu so sánh cạnh tranh Nga - Mỹ tại Syria với các địa bàn cạnh tranh khác nhằm kiểm định mức độ phổ quát của các kết luận về cạnh tranh dưới ngưỡng xung đột trực tiếp. Cuối cùng, có thể phát triển lý luận về quản trị cạnh tranh giữa các nước lớn về điều kiện hình thành, cấu trúc, độ bền và giới hạn của các cơ chế kiểm soát leo thang. Từ đó đóng góp vào nghiên cứu quan hệ quốc tế hiện nay nhằm đưa ra các cách thức quản lý khủng hoảng, giảm leo thang, tranh xung đột khi cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đoàn Thị Mai Liên (2022), “Một số nội dung điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ với Trung Đông dưới thời chính quyền Joe Biden”, *Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị* (12), tr.51-57.
2. Đoàn Thị Mai Liên (2023), “Vị trí địa - chiến lược của Việt Nam trong vòng xoáy cạnh tranh Mỹ - Trung hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị* (8), tr.55-63.
3. Đoàn Thị Mai Liên (2023), “Một số vấn đề nổi bật của cục diện thế giới hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.151-157.
4. Doan Thi Mai Lien (2023), “Syria in Russia-US competition in the Middle East”, *International graduate research symposium*, Vietnam National University Press , pp. 492-500.
5. Doan Thi Mai Lien (2023), “A decrease of US impact in the Middle East: Case study of US-Arabia and Syria crisis”, *International graduate research symposium*, Vietnam National University Press, pp. 693-703.
6. Doan Thi Mai Lien (2024), “Policy adjustment of president Joe Biden towards some main issues in the Middle East”, *Proceedings of international conference Regional and sub-regional cooperation in East and Southeast Asia*, The Gioi Publishers, pp. 451-471.
7. Doan Thi Mai Lien (2024), “Great power rivalries from perspective of realism”, *Second international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University Press, pp. 376-387.
8. Doan Thi Mai Lien (2024), “Joe Biden’s Middle East policy on regional conflicts and U.S. Military presence: the issue of Syria”, *International conference proceedings: New studies and findings in Vietnamese politics and international politics*, University of Education Publisher, pp.198-205.
9. Doan Thi Mai Lien (2025), “Russia-US competition through the Syrian civil war (2011-2024)”, *International conference proceedings Opportunities and challenges to stability and development of the Indo-Pacific region*, The gioi Publishers, pp. 105-128.
10. Doan Thi Mai Lien (2025), “The situation in Syria after 13 years of civil war”, *Third international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vol.1, Vietnam National University Press, pp. 462-490.
11. Đoàn Thị Mai Liên (2026), “Những thách thức đa chiều đối với thoả thuận ngừng bắn và hoà bình bền vững tại Dải Gaza”, *Tạp chí Thế giới toàn cảnh* (2), tr. 38-44.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Vũ Văn Anh (2021), “Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (4), tr. 91-100.
2. Phan Thị Thu Dung (2020), *Cạnh tranh địa chiến lược Nga - Mỹ: tiếp cận từ chủ nghĩa hiện thực và trường hợp khủng hoảng Ucraina*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội.
3. Phan Thị Thu Dung (2020), “Xu hướng vận động cạnh tranh địa - chiến lược Nga - Mỹ”, *Tạp chí Cộng sản* (10), tr. 106-111.
4. Phan Thị Thu Dung (2022), *Cạnh tranh địa chiến lược Nga - Mỹ: tiếp cận từ chủ nghĩa hiện thực và trường hợp khủng hoảng Ucraina*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Tập I, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Tập II, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Tập II, Hà Nội.
8. Nguyễn An Hà - Vũ Thụy Trang (2020), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ sau khủng hoảng Ucraina và những tác động*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lê Ngọc Hân (2022), *Quan hệ giữa các nước lớn từ sau Chiến tranh Lạnh*, NXB Thế giới, Hà Nội.
10. Nguyễn Đức Hậu (2017), *Liên bang Nga và nội chiến Syria từ 2011 đến nay*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
11. Nguyễn Thanh Hiền (2012), “Cuộc khủng hoảng Syria và các toan tính quốc tế” (Phần I), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông* (11), tr.3-8.
12. Nguyễn Thanh Hiền (2012), “Cuộc khủng hoảng Syria và các toan tính quốc tế” (Phần II), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông* (12), tr.3-14.
13. Nguyễn Thanh Hiền - Nguyễn Mạnh Hùng (2014), “Tình hình chính trị - an ninh của khu vực Bắc Phi - Trung Đông hiện nay: Nhìn từ góc độ một số cuộc khủng hoảng lớn”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi - Trung Đông* (9), tr.19-29.
14. Nguyễn Thanh Hiền (2015a), *Biến động chính trị - xã hội tại Bắc Phi - Trung Đông và những tác động tới Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Nguyễn Thanh Hiền (2015b), “Một số thay đổi chính trị cơ bản ở bình diện khu vực tại Bắc Phi - Trung Đông thời kỳ hậu Mùa xuân Arab” (Phần I), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi - Trung Đông* (3), tr. 12-21.
16. Nguyễn Thanh Hiền (2015c), “Một số thay đổi chính trị cơ bản ở bình diện khu vực tại Bắc Phi - Trung Đông thời kỳ hậu Mùa xuân Arab” (Phần II), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (4), tr. 3-10.
17. Nguyễn Thanh Hiền (2015d), “Sự thay đổi cán cân quyền lực khu vực Trung Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (8), tr. 3-13.
18. Nguyễn Thanh Hiền (2016), “Chiến lược của Nga, Mỹ tại Trung Đông và Syria”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (4), tr. 3-13.
19. Nguyễn Thanh Hiền (2016), “Cục diện chính trị khu vực Trung Đông - Bắc Phi thời kỳ trước biến động Mùa xuân Arab” (Phần I), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (9), tr. 3-12.
20. Nguyễn Thanh Hiền (2016), “Cục diện chính trị khu vực Trung Đông - Bắc Phi thời kỳ trước biến động Mùa xuân Arab” (Phần II), *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (10), tr. 3-13.
21. Nguyễn Thanh Hiền (2017), “Nhận diện cục diện chính trị - an ninh mới tại khu vực Trung Đông - Bắc Phi”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (8), tr.3-18.
22. Nguyễn Thanh Hiền (2018), *Sự hình thành cục diện chính trị - an ninh mới tại khu vực Trung Đông - Bắc Phi và tác động*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Nguyễn Thanh Hiền (2019), “Nhìn lại tám năm cuộc chiến tại Syria”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (4), tr.8-18.
24. Nguyễn Thanh Hiền (2019), “Chính sách của Nga đối với khu vực Trung Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (8), tr. 26-33.
25. Học viện quan hệ quốc tế (2007), *Lý luận quan hệ quốc tế* (lưu hành nội bộ), Hà Nội.
26. Lê Minh Hùng (2018), “Tầm ảnh hưởng của Nga trên chính trường thế giới”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận* (1), tr. 91-94.
27. Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thị Như (2017), “Nước Nga từ nguyên thủy đến hiện đại”, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
28. Đoàn Duy Hưng (2003), “Trung Đông trong chiến lược toàn cầu của Mỹ”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân* (3), tr. 44-46.
29. Vũ Thị Hưng (2019), “Chính sách đối ngoại với Nga của Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (10), tr. 37-45

30. Vũ Thị Hưng (2020), “Quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (5), tr. 31-41.
31. Nguyễn Lan Hương (2024), “Quan hệ cạnh tranh Mỹ - Nga trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (6), tr.49-59
32. Nguyễn Thái Yên Hương (2017), *Cạnh tranh Trung - Mỹ dưới góc độ cân bằng quyền lực*, NXB Chính trị quốc gia.
33. Igor Prokopenko (2022), *Đối đầu Nga - Mỹ: “Cuộc chiến tranh lạnh mới”?* (sách dịch), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Kathryn E. Stone (2021), *Nước Nga hồi sinh - Sức mạnh và mục đích trong một trật tự toàn cầu mới* (Sách dịch), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Cao Văn Liên - Mai Thị Hà (2017), “Syria và những trang lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông*, (3), tr.21-28.
36. Bùi Phúc Long (2021), *Cạnh tranh Mỹ - Trung tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI và những tác động*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao, Hà Nội
37. Lý Cảnh Long (2001), *Putin từ trung tá KGB đến Tổng thống Liên bang Nga*, NXB Lao động, Hà Nội.
38. Lê Thế Mẫu (2017), *Mỹ - Nga: Chiến tranh lạnh chưa kết thúc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Phạm Bình Minh (2010), *Cục diện thế giới đến 2020*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
41. Hoàng Khắc Nam (2013), “Chủ nghĩa tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 29 (1), tr. 17-26.
42. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
43. Hoàng Khắc Nam (2022), “Cân bằng trong quan hệ với các nước lớn: từ lý thuyết tới thực tiễn”, *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam* (12), tr.3-12.
44. Nhiều tác giả (2001), *V. Putin - Ông là ai*, NXB Trẻ, Hà Nội.
45. Trần Thuý Phương (2021), “Tình hình kinh tế - chính trị khu vực Trung Đông - Bắc Phi mười năm sau “Mùa xuân Ả rập””, *Tạp chí Cộng sản* (4), tr.106-111.
46. Nguyễn Hồng Quân (2022), *Việt Nam trước cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

47. Steven Rosefielde (2021), *Nước Nga dưới sự lãnh đạo của Putin*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. Tạp chí Cộng sản (2022), *Kỷ yếu Hội thảo “Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong thập niên thứ ba của thế kỷ XXI - Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”*, Hà Nội.
49. Nguyễn Hoàng Như Thanh (2021), *Kenneth Waltz: Lý thuyết chính trị quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
50. Lê Xuân Thuận (2025), *Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông giai đoạn từ năm 2015 đến nay*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao
51. Lê Công Tiến, Trần Huyền Trang (2023), *Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Trần Nam Tiến (2021), “Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế: phạm trù và các biến số tác động”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* (6), tr.22-30.
53. Tim Marshall (2021), *Chia rẽ: Tại sao chúng ta đang sống trong thời đại của những bức tường*, NXB Dân trí, Hà Nội.
54. Kim Ngọc Thu Trang (2020), “Sự can dự của Nga vào Syria từ năm 2011 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông* (5), tr. 10-16.
55. Nguyễn Vũ Tùng, Nguyễn Hoàng Như Thanh (2017), *Lý luận quan hệ quốc tế*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
56. Lê Thị Ánh Tuyết (2026), *Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Đại học KHXH&NV, ĐH Quốc gia Hà Nội.
57. Võ Xuân Vinh (2021), “Về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (5), tr. 32-46.
58. Nguyễn Minh Vũ (2024), *Cục diện thế giới đến năm 2045*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tiếng Anh

59. Abboud S. N (2018), *Syria: Hot Spots in Global Politics*, Polity.
60. Abrams A. B. (2021), *World War in Syria: Global Conflict on Middle Eastern Battlefields*, Paperback Publisher.
61. Akdedian H. (2023), *State Atrophy in Syria: War, Society and Institutional Change*, Edinburgh University Press

62. Akhmedov V.M (2024), *Russian Policy towards Syrian Conflict influential Factors and Prospects*, Vestnik of Saint Petersburg University. Asian and African Studies, 2024, vol. 16, issue 4, pp. 773- 784.
<https://doi.org/10.21638/spbu13.2024.410>
63. Alagha M. (2024), “Political economy dynamics of Russia's intervention in Syria”, *International journal of research in business and social science* (13) (1), pp. 362-371.
64. Allison R. (2013), “Russia and Syria: explaining alignment with a regime in crisis”, *International Affairs*, Vol.89, (4), pp.795-823,
<https://doi.org/10.1111/1468-2346.12046>
65. Allsopp H. (2019), Wladimir van Wilgenburg, *The Kurds of Northern Syria: Governance, Diversity and Conflicts*, I.B. Tauris.
66. Anderson L., Shannon V. (2021), *Federal Solutions for Fragile States in the Middle East: Right-Sizing Internal Borders*, World Scientific Publishing Europe Ltd.
67. Aquil Q. (2024), “The United States - Syria relationship from 2000 to 2022 years”, *Journal of Political Science and International Relations Studies* Vol.1, (1), pp 26-32.
68. Baczko A. (2018), Gilles Dorronsoro & Quesnay, *Civil War in Syria: Mobilization and Competing Social Orders*, Cambridge University Press.
69. Bellamy A.J (2022), *Syria Betrayed: Atrocities, War, and the Failure of International Diplomacy*, Columbia University Press Publisher.
70. Borshchevskaya A. (2021), *Putin's War in Syria Russian Foreign Policy and the Price of America's Absence*, 1st edition, I.B. Tauris Publisher.
71. Bseiso J., Hofman M. & Whittall J. (2021), *Everybody's War: The Politics of Aid in the Syria Crisis*, Oxford University Press.
72. Burchill S. et al (2001), *Theories of International Relations*, Palgrave Macmillan, NewYork.
73. Chapman C. (2010), “Syrian/United States Relations: Explaining the Failure of the Relationship and Suggestions on How to Repair It”, *Undergraduate Honors Thesis Collection*, Butler University.
74. Cengiz S. (2020), “Assessing the Astana Peace Process for Syria: Actors, Approaches, and Differences”, *Sage Journals* (7), pp. 1-15,
<https://doi.org/10.1177/234779892090187>

75. Daher J. (2020), *Syria After the Uprisings: The Political Economy of State Resilience*, Haymarket Books.
76. Dam N.V. (2017), *Destroying a Nation: The Civil War in Syria*, I.B. Tauris Publisher.
77. Diehl P., Goertz G. (1992), *Territorial Changes and International Conflict: Studies in International Conflict* (Volume 5), Routledge, London.
78. Diehl P., Goertz G. (1993), Enduring Rivalries: Theoretical Constraints and Empirical Patterns, *International Studies Quarterly* (37), Oxford University Press, pp. 147-171.
79. Diehl P. & Goertz G. (2001), *War and peace in international rivalry*, The University Of Michigan Press, Ann Arbor.
80. Donaldson R.H., Noguee J.L. & Nadkarni V. (2014), *The foreign policy of Russia changing systems, enduring interests*, Routledge, London & New York.
81. Donnelly J. (2000), *Realism and International*, Cambridge University Press, New York.
82. Erlich R., Chomsky N. (2014), *Inside Syria, The Backstory of Their Civil War and What the World Can Expect*, Prometheus; Illustrated edition.
83. Fisk R., Cockburn P, Sengupta K. (2015), *SYRIA: Descent Into the Abyss*, Independent Print Limited.
84. German T. (2019), A Legacy of Conflict: Kosovo, Russia and the West. *Comparative Strategy*, <https://doi.org/10.1080/01495933.2019.1653040>
85. German T. (2024), "From cooperation to confrontation: US-Russia relations since 9/11", *International Politics* (61):567-586, <https://doi.org/10.1057/s41311-023-00524-x>
86. Gobat J. & Kostial K. (2016), *Syria's conflict economy*, IMF working paper, WP/16/123.
87. Gowans S. (2017), *Washington's Long War on Syria*, Baraka Books.
88. Griffiths M. (2007), *International Relation's Theory for the Twenty-First Century*. New York: Routledge.
89. Hashemi N., Postel D. (2013), *The Syria Dilemma*, The MIT Press.
90. Hinnebush R. (2012), "Syria: From authoritarian upgrading to revolution," *International Affairs* (88), Issue 1, pp.95-113.

91. Hinnebusch R., Saouli A. (2019), *The War for Syria: Regional and International Dimensions of the Syrian Uprising*, Routledge.
92. Hinnebusch R.(2023), *Great power competition in Syria: from proxy war to sanctions war*, *Syria Studies* (15), pp.1-51, <https://ojs.st-andrews.ac.uk/index.php/syria/article/view/2632>
93. Katz M.N. (2016), “Putin’s foreign policy towards Syria”, *Middle East Review of International Affairs* (10), pp.53-62
94. Karakoc J. (2013), “US Policy Towards Syria Since the Early 2000s”, *Journal of Socialist Theory*, 41:2, p. 223-243, DOI: 10.1080/03017605.2013.805005
95. Karim S., Islam N. (2016), “Syrian crisis: geopolitics and implications”, *Biiss Journal*, VOL. 37, (2), pp.107-132.
96. Kemp G. - Saunders P. (2003), *America, Russia, and the greater Middle East Challenges and Opportunities*, The Nixon Center, New York
97. Khatib D.K. (2021), *Effects on the Regional and International Relations*, Springer Nature Singapore, ISBN 978-981-15-5050-8 (eBook), <https://doi.org/10.1007/978-981-15-5050-8>
98. Kozhanov N. (2016), *Russia and the Syrian Conflict: Moscow's Domestic, Regional and Strategic Interests*, Gerlach Press.
99. Kozhanov (2022), *Russian Foreign Policy Towards the Middle East: New Trends, Old Traditions*, Oxford University Press, United Kingdom
100. Kuimova A. (2019), *Russia’s arms exports to the MENA region: trends and drivers*, EUROMESCO BRIEF
101. Lansford T., Covarrubias J. (2007), *Strategic Interests in the Middle East Opposition or Support for US Foreign Policy*, Routledge.
102. Lesch D.W. (2019), *Syria: A Modern History* 1st Edition, Polity Publisher.
103. Lewis A.M. (2022), *Humanitarian and Military Intervention in Libya and Syria: Parliamentary Debate and Policy Failure*, Routledge Humanitarian Studies, Routledge.
104. Linda M. (2015), *The Political Economy of Investment in Syria*, Macmillan, UK, Palgrave.
105. Mansbach R., Vasquez J. (1981), *In Search of Theory: A New Paradigm for Global Politics*, Columbia University Press.
106. Matar L., Kadri A. (2019), *Syria: From National Independence to Proxy War* Palgrave Macmillan.

107. Mazarr M. J et al (2018), *Understanding the Emerging Era of International Competition Theoretical and Historical Perspectives*, Research report, RAND Corporation.
108. Mazarr M. J et al (2021), *Stabilizing Great-Power Rivalries*, Research report, RAND Corporation.
109. Mazarr M. J et al (2022), *Understanding Competition Great Power Rivalry in a Changing International Order - Concepts and Theories*, Research report, RAND Corporation.
110. Mazur K. (2021), *Revolution in Syria* (Cambridge Studies in Comparative Politics), Cambridge University Press.
111. McHugo J. (2006), *Syria: A History of the Last Hundred Years*, The New Press Publisher.
112. McHugo J. (2014), *Syria: From the Great War to Civil War*, Saqi Books.
113. Mearsheimer J. J. (2001), *The tragedy of Great Power politics*, Norton Company, New York.
114. Mearsheimer J. J. (2014), “America Unhinged”, *The National Interest*, (129), pp. 9-30.
115. Michelino A. (2022), *Great power rivalry, power politics and coercion in the 21st century*. Center for Open Science.
116. Morgenthau H. (1993), *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Brief edition, New York: McGraw Hill.
117. Moubayed S. (2012), *Syria and the USA: Washington's Relations with Damascus from Wilson to Eisenhower*, I.B. Tauris.
118. Nurberdiyev S. (2019), “Russian strategic culture after the Cold War: Understanding Russia’s changing Foreign Policy towards Syria from a strategic subculture perspective, 1986-2016”, *Thesis of Doctor of Philosophy in Politics and International Relations*, Keele University, Britain.
119. Springer (2020), Orlova, V.V. (2020). *U.S.-Russia Relations in the Last 30 Years: From a Rapprochement to a Meltdown*, https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-15-0317-7_6?fromPaywallRec=false#citeas
120. Paasche T et al (2022), *America's War in Syria: Fighting with Kurdish Anti-ISIS Forces*, Casemate.

121. Pezard S. (2022), *U.S. Strategic Competition with Russia*, RAND Research Primer.
122. Phillips C. (2020), *The Battle for Syria: International Rivalry in the New Middle East*, Yale University Press Publisher.
123. Priya, L. (2017), "Astana talks: A prelude to peace in Syria", *New Delhi, India: The Institute for Defense Studies and Analyses (IDSA)*, pp.1-10.
124. Ramet, P. (1990), *The Soviet-Syrian Relationship Since 1955: A Troubled Alliance*, San Francisco, CA: Westview Press.
125. Ripley T. (2018), *Operation Aleppo: Russia's War in Syria*, Telic-Herrick Publications.
126. Sarkin J. J (2021), *The Conflict in Syria and the Failure of International Law to Protect People Globally: Mass Atrocities, Enforced Disappearances and Arbitrary Detentions*, Routledge.
127. Simpson M., Grissom A. R, Mouton C. A, Godges J. P. (2022), *Road to Damascus: The Russian Air Campaign in Syria 2015 to 2018*, RAND Corporation.
128. Sinovets P., Renz B. (2015), "Russia's 2014 Military Doctrine and beyond: threat perceptions, capabilities and ambitions", *Research Division* (117), NATO Defense College.
129. Stankov V. (2019), "International peace initiatives to resolve the conflict in Syria", *International E-Journal of Advances in Social Sciences* (5), pp.1026-1031, <https://doi.org/10.18769/ijasos.592319>
130. Stigler G.J. (1972), "Economic competition and political competition", *Public Choice* (13), pp. 91-106.
131. Szekely O. (2023), *Syria Divided: Patterns of Violence in a Complex Civil War (Columbia Studies in Middle East Politics)*, Columbia University Press.
132. Takvorian C. (2022), *A Bear in the Desert: How Putin Justified the Russian Military Intervention in Syria*, University of Ottawa
133. Thompson W. R. (1999), *Great power rivalries*, University of South Carolina
134. Thompson W. R. (2001), "Identifying Rivals and Rivalries in World Politics", *International Studies Quarterly*, Vol. 45, No. 4, pp.557-586.
135. Thompson W. R., Colaresi M. P, Rasler K. (2008), *Strategic rivalries in World Politics: Position, Space and Conflict Escalation*, Cambridge University Press, New York

136. Thompson W. R., Sakuwa K., Suhas P. H. (2022), *Analyzing Strategic Rivalries in World Politics*, Springer Nature Singapore Pte Ltd.
137. UNDP (2011), *Arab development challenges report 2011 towards the developmental state in the Arab region*.
138. UNDP (2025), *The impact of the conflict in Syria*, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2025-02/undp-sy-seia-final-24022025_compressed.pdf
139. U.S Department of State (2008), Country Reports on Terrorism 2007, <https://2009-2017.state.gov/documents/organization/105904.pdf>
140. U.S. Energy Information Administration (2015), “International Energy Data and Analysis: Syria”, *Oil & Gas Journal*.
141. USUN (2022), *Remarks at a UN General Assembly Meeting Following Russia’s Veto of a UN Security Council Resolution on the Syria Cross-Border Humanitarian Mechanism*, <https://usun.usmission.gov/remarks-at-a-un-general-assembly-meeting-following-russias-veto-of-a-un-security-council-resolution-on-the-syria-cross-border-humanitarian-mechanism/>
142. Valeriano B. (2003), *The Steps to Rivalry: Power Politics and Rivalry Formation*, PhD’s thesis of philosophy, Vanderbilt University, Nashville, Tennessee.
143. Vasiliev A. (2018), *Russia’s Middle East Policy: From Lenin to Putin*, Routledge
144. Vasquez, J. A. (1993), *The war puzzle*, Cambridge University Press.
145. Waltz K. (1959), *Man, the State, and War*, Columbia University Press, New York
146. Waltz K. (1979), *Theory of International Politics*, Addison-Wesley Publishing Company
147. Wight M. (2002), *Power Politics*, Continuum.
148. WFP (2024), *Syrian Arab Republic Annual Country Report 2024*.
149. Xing LI & Yuan MA (2010), “A Comparative Analysis of US-Russia Middle East Energy Strategy”, *Journal of Middle Eastern and Islamic Studies (in Asia)*, Volume 4, Issue 3, p 81-102.
150. Ziadeh R. (2011), *Power and Policy in Syria*, London and New York: LB. Tauris

Tiếng Nga

151. Kremlin (2016), *Концепция внешней политики Российской Федерации 2016*, <http://static.kremlin.ru/media/acts/files/0001201612010045.pdf>
152. Kremlin (2015), *О Стратегии национальной безопасности Российской Федерации*, <http://static.kremlin.ru/media/events/files/ru/l8iXkR8XLAtxeilX7JK3XXy6Y0AsHD5v.pdf>
153. Kremlin (2023), *Указ об утверждении Концепции внешней политики Российской Федерации*, <http://kremlin.ru/events/president/news/70811>
154. Presidential Library (2000), *О Концепции национальной безопасности Российской Федерации*, <https://www.prlib.ru/en/node/352298>

Website

147. Abbasov N. - Souleimanov E.A (2025), *After Assad: How Russia Is Losing the Middle East*, <https://doi.org/10.1111/mepo.70005>
148. Ahmad U. (2025), *Russia And Iran Role In Post -Assad Syria: An Analysis*, <https://vfast.org/journals/index.php/VTESS/article/view/2142/1727>
149. Al-Kotobi S. (2023), *Is it possible to pull Syria away from Iran?* Elaph media, <https://elaph.com/Web/News/2023/01/1499094.html>
150. Amir S.R. (2024), *The Geostrategic Importance Of Syria: Geography, Power, And Global Influence - Analysis*, <https://www.eurasiareview.com/09122024-the-geostrategic-importance-of-syria-geography-power-and-global-influence-analysis/>
151. Aljazeera (2017a), *Russia expels 755 US diplomats in response to sanctions*, <https://www.aljazeera.com/news/2017/7/30/russia-expels-755-us-diplomats-in-response-to-sanctions>
152. Aljazeera (2017b), *Ceasefire goes into effect in Deraa, Suweida, Quneitra*, <https://www.aljazeera.com/news/2017/7/9/ceasefire-goes-into-effect-in-deraa-suweida-quneitra>
153. Al-Qassab A. (2017), *The American-Russian Strategic Competition in the Arab Middle East*, <https://arabcenterdc.org/resource/us-ru-competition/>
154. AP (2023), *UN warns that 90% of Syrians are below the poverty line, while millions face cuts in food aid*, <https://apnews.com/article/syria-humanitarian-aid-funding-crossborder-russia-5d28da9aa4d55b8c0f24563f69d8b5a0>

155. Astanatimes (2017), *Latest Astana process talks establish de-escalation zones in war-torn Syria*, <https://astanatimes.com/2017/05/latest-astana-process-talks-establish-de-escalation-zones-in-war-torn-syria/>
156. Astanatimes (2024), *Astana Format Guarantors Urge Peace and Humanitarian Aid in Middle East*, <https://astanatimes.com/2024/11/astana-format-guarantors-urge-peace-and-humanitarian-aid-in-middle-east/>
157. Borshchevskaya A. (2013), *Russia's Many Interests in Syria*, <https://www.washingtoninstitute.org/policy-analysis/russias-many-interests-syria>
158. Borshchevskaya A. (2024), *How the Middle East Became an Arena for Putin's Power Struggle with the US*, <https://www.washingtoninstitute.org/policy-analysis/how-middle-east-became-arena-putins-power-struggle-us>
159. Biden White House (2024), *Remarks by President Biden on the Latest Developments in Syria*, <https://bidenwhitehouse.archives.gov/briefing-room/speeches-remarks/2024/12/08/remarks-by-president-biden-on-the-latest-developments-in-syria/>
160. Lê Hải Bình (2021), *Những điểm mới về cục diện thế giới và khu vực trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: Một số phân tích thực tiễn*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/822102/nhung-diem-moi-ve-cuc-dien-the-gioi-va-khu-vuc-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang--mot-so-phan-tich-thuc-tien.aspx#>
161. Lại Thái Bình (2023), *Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc và tác động đến điều chỉnh chính sách của các nước lớn*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/canh-tranh-chien-luoc-my-trung-quoc-va-tac-dong-den-dieu-chinh-chinh-sach-cua-cac-nuoc-lon
162. Blanchard C.M (2015), *Train and Equip Program for Syria: Authorities, Funding, and Issues for Congress*, <https://apps.dtic.mil/sti/pdfs/ADA622754.pdf>
163. Borger J. (2017), *Donald Trump says US relations with Russia "may be at all-time low"*, <https://www.theguardian.com/us-news/2017/apr/12/us-russia-relations-tillerson-moscow-press-conference>

164. Borshchevskaya A. (2013), *Russia's Many Interests in Syria*, <https://www.washingtoninstitute.org/policy-analysis/russias-many-interests-syria>
165. BP (2019), *Statistical Review of World Energy*, <https://www.bp.com/content/dam/bp/business-sites/en/global/corporate/pdfs/energy-economics/statistical-review/bp-stats-review-2019-full-report.pdf>
166. Bahgat G. (2025), *Iran's post-Assad Syria Policy - Challenges and Opportunities*, <https://www.iemed.org/publication/irans-post-assad-syria-policy-challenges-and-opportunities/>
167. Bhojwani V. (2025), *The Geopolitical Implications of the Syrian Civil War on Middle Eastern Stability*, <https://www.ijfmr.com/papers/2025/2/39746.pdf>
168. Brookings (2025), *Breaking down Trump's 2025 National Security Strategy*. <https://www.brookings.edu/articles/breaking-down-trumps-2025-national-security-strategy/>
169. Carlin M. (2024), *What Did Iran Lose From the Fall of Assad?*, <https://nationalinterest.org/blog/buzz/what-did-iran-lose-fall-assad-214065>
170. Center for international policy (2022), *The counter-isis train and equip fund (CTEF)*, <https://internationalpolicy.org/wp-content/uploads/2024/01/CTEF-Issue-Brief.pdf>
171. Charap S., Treyger E., Geist E. (2019), "Understanding Russia's Intervention in Syria", *RAND Corporation*, https://www.rand.org/pubs/research_reports/RR3180.html
172. CNBC (2013), *Energy deal tightens Russia ties to Assad*, <https://www.cnbc.com/2013/12/26/energy-deal-tightens-russia-ties-to-assad.html>
173. CNN (2011), *Putin accuses U.S. of encouraging Russia election protests*, <https://edition.cnn.com/2011/12/08/world/europe/russia-protests/index.html>
174. CNN (2017), *Congressional press office yanks RT's credentials*, <https://money.cnn.com/2017/11/29/media/rt-capitol-credentials-revoked/index.html>

175. Congress (2003), *H.R.1828 - Syria Accountability and Lebanese Sovereignty Restoration Act of 2003*, <https://www.congress.gov/bill/108th-congress/house-bill/1828>
176. Congress (2025), *Syria and U.S. Policy*, <https://www.congress.gov/crs-product/IF11930>
177. Congress (2025), *Syria: Transition and U.S. Policy*, <https://www.congress.gov/crs-product/RL33487>
178. Constitute Project (2012), *Constitution of Syrian Arab Republic 2012*, https://constituteproject.org/constitution/Syria_2012
179. Dadparvara S., & Parto, A. (2026), Iran and post-Assad Syria: strategic dilemmas and constraints, *Journal of Balkan and Near Eastern Studies*, 28(1), 1-22, <https://doi.org/10.1080/19448953.2025.2557168>
180. Dayer T. (2017), The Alleged Failure of Multilateralism in Syria: Beyond a Realist Trap, <https://www.e-ir.info/2017/05/11/the-alleged-failure-of-multilateralism-in-syria-beyond-a-realist-trap/>
147. DOD (2024), *DOD Announces 2,000 Troops in Syria, Department Prepared for Government Shutdown*, <https://www.defense.gov/News/News-Stories/Article/Article/4013726/dod-announces-2000-troops-in-syria-department-prepared-for-government-shutdown/>
148. Minh Duy (2017), *Những sự kiện quốc tế đáng chú ý trong tuần (từ ngày 23 đến ngày 29-01-2017)*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/43274/nhung-su-kien-quoc-te-dang-chu-y-trong-tuan-%28tu-ngay-23-den-ngay-29-01-2017%29.aspx>
149. Lê Viết Duyên (2024), *Xu thế hợp tác và cạnh tranh nước lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh mới*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/xu-the-hop-tac-va-can-phanh-nuoc-lon-tai-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong-trong-boi-can-phanh-moi#
150. European Commission (2023), *European Civil Protection and Humanitarian Aid Operations*, https://civil-protection-humanitarian-aid.ec.europa.eu/where/middle-east-and-northern-africa/syria_en#:~:text=7%20in%2010%20Syrians%20are,epidemics%2C%20and%20a%20devastating%20earthquake

151. France24 (2019), *Syria parliament okays Russian lease of Tartus port: state media*, <https://www.france24.com/en/20190612-syria-parliament-okays-russian-lease-tartus-port-state-media>
152. Galindo G. (2023), *Geneva peace talks on Syria sputter as Assad looks east*, <https://genevasolutions.news/peace-humanitarian/geneva-peace-talks-on-syria-sputter-as-assad-looks-east>
153. Garamone J. (2017), *Trump Orders Missile Attack in Retaliation for Syrian Chemical Strikes*, <https://www.defense.gov/News/News-Stories/Article/article/1144601/trump-orders-missile-attack-in-retaliation-for-syrian-chemical-strikes/>
154. Gebeily M. (2025), *U.S. congressmen visit Syria in first trip since Assad's ouster* <https://www.reuters.com/world/us-congressmen-visit-syria-first-trip-since-assads-ouster-2025-04-18/>
155. Georgewbush-whitehouse (2002), *Strengthen Alliances to Defeat Global Terrorism and Work to Prevent Attacks Against Us and Our Friends*, <https://georgewbush-whitehouse.archives.gov/nsc/nssall.html>
156. Geukjian O. (2020), “The Geopolitics of the Russian, Iranian and Turkish involvement in the Syrian civil war”, *The Maghreb Review* 45 (3), p.556-581.
157. Global Petrol Prices (2023), https://www.globalpetrolprices.com/Syria/gasoline_prices/
158. Giles, K. (2017), *Assessing Russia's reorganized and reaffirmed military*, Carnegie Endowment for International Peace. Retrieved from <https://carnegieendowment.org/2017/05/03/assessing-russia-s-reorganized-and-rearmed-military-pub-69853>
159. Goldenberg I., Smith J. (2017), *U.S. - Russia Competition in the Middle East Is Back*, <https://foreignpolicy.com/2017/03/07/u-s-russia-competition-in-the-middle-east-is-back/>
160. Graham T.(2024), “What Assad’s Fall Means for Russia in the Middle East”, <https://www.cfr.org/articles/what-assads-fall-means-russia-middle-east>
161. Guardian (2015), *Russia and Turkey agree ceasefire in Syria's Idlib province*, <https://www.theguardian.com/world/2020/mar/05/russia-and-turkey-agree-ceasefire-in-syrias-idlib-province>

162. Hawamdeh M., Al-Qteishat A (2018), The impact of Syrian refugee crisis on neighboring countries, *RUDN Journal of Political Science*, 2018, 20 (4), 548—554, DOI: 10.22363/2313-1438-2018-20-4-548-554
163. Hoffman D. (2000), “Putin Says ‘Why Not?’ to Russia Joining NATO,” *Washington Post*,
<https://www.washingtonpost.com/archive/politics/2000/03/06/putin-says-whynot-to-russia-joining-nato/c1973032-c10f-4bff-9174-8cae673790cd/>
164. Hà Mỹ Hương - Đoàn Văn Khái (2020), “Chính sách Trung Đông của Nga: Sự trở lại của một cường quốc có trách nhiệm”,
https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/-oi-ngoai2/-/2018/816377/view_content
165. Hussain Z. (2024), *Russian Arms Exports to the Middle East and North Africa*,
<https://manaramagazine.org/2024/07/russian-arms-exports-to-the-middle-east-and-north-africa/>
166. IEMed (2019), *Russia’s Arms Exports to the MENA Region: Trends and Drivers*, <https://www.iemed.org/publication/russias-arms-exports-to-the-mena-region-trends-and-drivers/>
167. Idlb Q. et al (2025), *Reimagining Syria: A Roadmap for Peace and Prosperity Beyond Assad*, <https://mei.edu/wp-content/uploads/2025/03/Reimagining-Syria-3-25.pdf>
168. IMF (2009), IMF Country Report No. 09/55,
<https://www.elibrary.imf.org/view/journals/002/2009/055/002.2009.issue-055-en.xml>
169. IMF (2010), IMF Country Report No. 10/86,
<https://www.imf.org/external/pubs/ft/scr/2010/cr1086.pdf>
170. IMF (2016), IMF working paper: Syria’s conflict economy, WP/16/123
<https://www.imf.org/external/pubs/ft/wp/2016/wp16123.pdf>
171. IMF (2023), *World - Allocated Reserves by Currency for 2023*,
<https://data.imf.org/?sk=e6a5f467-c14b-4aa8-9f6d-5a09ec4e62a4>
172. Institute for Economics and Peace (2020), *Global Peace Index: Measuring Peace in a Complex World*, https://www.visionofhumanity.org/wp-content/uploads/2020/10/GPI_2020_web.pdf

173. Ismail K. A, Gadir A. A, and Laithy H. E (2011), *Poverty and Inequality in Syria (1997-2007)*
https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/migration/arabstates/BG_15_Poverty-and-Inequality-in-Syria_FeB.pdf
174. Jone S. (2019), *Russia's Battlefield Success in Syria: Will It Be a Pyrrhic Victory?*, <http://ctc.westpoint.edu/russias-battlefield-success-syria-will-pyrrhic-victory/>
175. Judis J. (2017), *America's Failure and Russia and Iran Success in Syria's Cataclysmic Civil War*, <https://talkingpointsmemo.com/cafe/americas-failure-russia-success-in-syrias-war>
176. Khalid I. (2025), *The US and Syria: Between strategic success and unfinished business*, <https://thehill.com/opinion/5235328-us-syria-policy/>
177. Khan N., Russell S. (2024), *US Military and Diplomatic Strategies in Syria: Analyzing Current Involvement and Future Prospects*, <https://doi.org/10.13140/RG.2.2.32330.99520>
178. Kofman M. (2018), *What Kind of Victory for Russia in Syria?*, Military review online exclusive, <https://www.armyupress.army.mil/Portals/7/Army-Press-Online-Journal/documents/Rojansky-v2.pdf>
179. Korab-Karpowicz W.J (2017), *Political Realism in International Relations*, https://www.researchgate.net/publication/341026989_Political_Realism_in_International_Relations
180. Kremlin (2000), *The Concept of National Security of the Russian Federation: Decree of the President of the Russian Federation of January 10, 2000*, <https://www.prilib.ru/en/node/352298>
181. Kremlin (2007), *Speech and the Following Discussion at the Munich Conference on Security Policy*, <http://en.kremlin.ru/events/president/transcripts/24034>
182. Kremlin (2008), *President Vladimir Putin addressed a meeting of the Russia-NATO Council*, <http://www.en.kremlin.ru/events/president/news/44078>
183. Kremlin (2010), *Военная доктрина Российской Федерации*, <http://kremlin.ru/supplement/461>
184. Kremlin (2011a), *Telephone conversation with President of Syria Bashar al-Assad*, <http://en.kremlin.ru/catalog/persons/120/events/10850>

185. Kremlin (2011b), Meeting with Security Council members, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/12972>
186. Kremlin (2013), *Meeting with US President Barack Obama*, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/18355>
187. Kremlin (2015a), *Интервью американскому журналисту Чарли Роузу для телеканалов CBS и PBS*, <http://kremlin.ru/events/president/news/50380>
188. Kremlin (2015b), *70th session of the UN General Assembly*, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/50385>
189. Kremlin (2017a), *Syrian President Bashar al-Assad made a working visit to Russia*, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/56135>
190. Kremlin (2017b), *Statement by the Presidents of the Russian Federation and the United States of America*, <http://www.en.kremlin.ru/supplement/5252>
191. Kremlin (2017c), *Владимир Путин посетил авиабазу Хмеймим в Сирии*, <http://kremlin.ru/events/president/news/56351>
192. Kremlin (2017d), Meeting with service personnel who took part in the anti-terrorist operation in Syria, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/56516>
193. Kremlin (2023), *The Concept of the Foreign Policy of the Russian Federation*, https://mid.ru/en/foreign_policy/fundamental_documents/1860586/
194. Macrotrends (2024), *Syrian Arab Republic Unemployment Rate 1991-2025*, <https://www.macrotrends.net/global-metrics/countries/SYR/syrian-arab-republic/unemployment-rate#:~:text=Syrian%20Arab%20Republic%20unemployment%20rate%20for%202023%20was%2013.54%25%2C%20a,a%201.78%25%20increase%20from%202019.>
195. Mammadov R. (2018), *Russia in the Middle East: Energy Forever?*, <https://jamestown.org/program/russia-middle-east-energy-forever/>
196. MacFarquhar N. (2024), *Russia's Abrupt Setback in Syria Creates Headaches for Putin*, <https://www.nytimes.com/2024/12/20/us/russia-syria-military-bases-middle-east-setbacks.html>
197. MID (2011), *Full Transcript Of Sergey Lavrov Interview, June 1, 2011* https://www.mid.ru/en/press_service/minister_speeches/1740663/
198. MID (2021), *Russia's Collective Security Concept for the Persian Gulf*, https://www.mid.ru/en/foreign_policy/international_safety/1466420

199. MID (2022), *Maritime Doctrine of the Russian Federation*,
https://www.mid.ru/ru/foreign_policy/official_documents/1688734/
200. MID (2023), *The Concept of the Foreign Policy of the Russian Federation*,
https://mid.ru/en/foreign_policy/fundamental_documents/1860586/
201. Montefiore S. S. (2015), *Putin's Imperial Adventure in Syria*,
<https://www.nytimes.com/2015/10/09/opinion/putins-imperial-adventure-in-syria.html>
202. MFA (2017), *Press Release Regarding the Declaration of the Idlib De-Escalation Area at the Sixth Astana Meeting Held on 14-15 September 2017*,
https://www.mfa.gov.tr/no_-288_-14-15-eylul-2017-tarihlerinde-gerceklestirilen-altinci-astana-toplantisinde-idlib-catismasizlik-bolgesinin-ilani-hk_en.en.mfa
203. Hoàng Khắc Nam (2023), “Nhận thức về cục diện quốc tế”,
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/866802/nhan-thuc-ve-cuc-dien-quoc-te.aspx>
204. NATO (2024), NATO member countries
https://www.nato.int/cps/en/natohq/topics_52044.htm#coldwar2
205. NBCNews (2011), *Clinton: Syria's Assad has lost legitimacy to rule*,
<https://www.nbcnews.com/id/wbna43711672>
206. New York Times (2015), *Kerry Raises Prospect of More Sanctions Against Russia Over Ukraine*,
<https://www.nytimes.com/2015/02/22/world/europe/kerry-says-further-sanctions-on-russia-will-be-discussed-over-ukraine.html>
207. New York Times (2018), *Trump to Withdraw U.S. Forces From Syria, Declaring “We Have Won Against ISIS”*,
<http://nytimes.com/2018/12/19/us/politics/trump-syria-turkey-troop-withdrawal.html>
208. Nofal W. A (2019), “Economic donations” to Russia and Iran secure Assad’s future but threaten Syria’s (interactive map), <https://syriadirect.org/economic-donations-to-russia-and-iran-secure-assads-future-but-threaten-syrias-interactive-map/>
209. North Press (2022), *Despite sanctions, Syria profits from secret trade of phosphate to EU - Report*, <https://npasyria.com/en/79816/>

210. Obamawhitehouse (2011a), <https://obamawhitehouse.archives.gov/blog/2011/08/18/President-obama-future-syria-must-be-determined-its-people-President-bashar-al-assad>
211. Obamawhitehouse (2011b), <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2011/08/18/executive-order-13582-blocking-property-government-syria-and-prohibiting>
212. Obamawhitehouse (2012), *Remarks by the President to the White House Press Corps*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2012/08/20/remarks-president-white-house-press-corps>
213. Obamawhitehouse (2013), *Remarks by President Obama and His Majesty King Abdullah II of Jordan in Joint Press Conference*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2013/03/22/remarks-president-obama-and-his-majesty-king-abdullah-ii-jordan-joint-pr>
214. Obamawhitehouse (2015), *Remarks by President Obama to the United Nations General Assembly*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2015/09/28/remarks-president-Obama-united-nations-general-assembly>
215. OIR, Who we are, <https://www.inherentresolve.mil/WHO-WE-ARE/>
216. Olay M. (2025), *DOD Announces 2,000 Troops in Syria, Department Prepared for Government Shutdown*, <https://www.defense.gov/News/News-Stories/Article/Article/4013726/dod-announces-2000-troops-in-syria-department-prepared-for-government-shutdown/#:~:text=The%20Defense%20Department%20today%20announced,Gen.>
217. Pinfold R.G (2025), *Myth Busting in a Post-Assad Syria*, Middle East Policy Volume 32, Issue 1
<https://onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1111/mepo.12799>
218. Poroskoun G. (2026), Is Russia Returning as a Security Actor in Syria?, <https://www.inss.org.il/publication/rusia-syria-2026/>
219. Putin V. (1999), *Russia at the turn of the millennium*, Translated in “Putin's, First Person”, pp. 209-229, <https://pages.uoregon.edu/kimball/Putin.htm>
220. Putin V. (2006), *Russia-EU Partnership Crucial for United, Prosperous Europe*, President of Russia, November 23, 2006, <http://en.kremlin.ru/events/president/transcripts/23918>

221. Putin V. (2011), *Prime Minister Vladimir Putin comments on the situation in Libya during a meeting with workers at the Votkinsk plant in Udmurtia*, <http://archive.premier.gov.ru/eng/events/news/14542/>
222. Putin V. (2016), *Plenary Session of St Petersburg International Economic Forum*, President of Russia, June 17, 2016, <http://en.kremlin.ru/events/president/news/52178>
223. Rabinovich I. (2016), “The Russian-U.S. Relationship in the Middle East: A Five-Year Projection”, *Carnegie Endowment for International Peace*. <https://carnegieendowment.org/posts/2016/04/the-russian-us-relationship-in-the-middle-east-a-five-year-projection?lang=en>
224. Ramani S. (2019), *Russia’s Eye on Syrian Reconstruction*, <https://carnegieendowment.org/sada/2019/01/russias-eye-on-syrian-reconstruction?lang=en>
225. Rayes D. (2025), *The foreign aid freeze poses risks to US interests in Syria*, <https://www.atlanticcouncil.org/blogs/menasource/the-foreign-aid-freeze-poses-risks-to-us-interests-in-syria/>
226. Reuters (2011), *Britain, France, Germany call Syria's Assad to quit*, <https://www.reuters.com/article/markets/stocks/britain-france-germany-call-syrias-assad-to-quit-idUSP6E7J502J/>
227. Reuters (2012), *U.S. sets aside \$25 million for non-lethal aid to Syria rebels*, <https://www.reuters.com/article/world/u-s-sets-aside-25-million-for-non-lethal-aid-to-syria-rebels-idUSBRE8701DU/>
228. Reuters (2017), *U.S. retaliates against Russia, orders closure of consulate, annexes*, <https://www.reuters.com/article/world/us-retaliates-against-russia-orders-closure-of-consulate-annexes-idUSKCN1BB2CY/>
229. Reuters (2019), *Syria hands oil exploration contracts to two Russian firms*, <https://www.reuters.com/article/markets/currencies/syria-hands-oil-exploration-contracts-to-two-russian-firms-idUSKBN1YL0VJ/>
230. Reuters (2023), *Wagner's global operations: War, oil and gold*, <https://www.reuters.com/world/europe/wagners-global-operations-war-oil-gold-2023-08-24/>

231. Reuters (2024a), *Exclusive: Russia pulling back but not out of Syria, sources say*, <https://www.reuters.com/world/russia-pulling-back-not-out-syria-sources-say-2024-12-14/>, 14/12/2024.
232. Reuters (2024b), *Syria's Assad is in Moscow after deal on military bases: Russian state media*, https://www.reuters.com/world/russia-says-syrias-assad-has-left-country-given-orders-peaceful-power-handover-2024-12-08/?utm_source=chatgpt.com
233. Reuters (2025), *Putin offers Syria's Sharaa support and cooperation*, <https://www.reuters.com/world/putin-offers-cooperation-syrian-leader-backs-efforts-stabilise-country-2025-03-20/>, 20/3/2025
234. Reuters (2025), *US gave Syria list of conditions for partial sanctions relief, sources say*, <https://www.reuters.com/world/us-gave-syria-list-conditions-partial-sanctions-relief-sources-say-2025-03-25/>, 25/3/2025
235. Rodkiewicz W. and Chawryło K. (2024), "The fall of Assad's regime in Syria: implications for Russia," *Centrefor Eastern Studies*, <https://www.osw.waw.pl/en/publikacje/analyses/2024-12-09/fall-assads-regime-syria-implications-russia>
236. RT (2015), *Russia may resume \$1.6bn oil and gas projects in Syria*, <https://www.rt.com/business/310841-russia-oil-gas-syria/>
237. Rusmilsec (2014), *The Military Doctrine Of The Russian Federation* (Translation from Russian), https://rusmilsec.blog/wp-content/uploads/2021/08/mildoc_rf_2014_eng.pdf
238. Russiaspivottoasia (2024), *Russia - Syria 2024 Bilateral Relations: Update*, <https://russiaspivottoasia.com/russia-syria-2024-bilateral-relations-update/>
239. Saeed S. (2025), "The crises in the Middle East: reshaping the region's geopolitical landscape and altering the global order", *Asian Review of Political Economy*, <https://doi.org/10.1007/s44216-024-00043-3>
240. SANA (2018), *Syrian-Russian Businessmen Forum a step towards enhancing economic cooperation between Russia and Syria*, <https://sana.sy/en/?p=128640>
241. Scollon M. and Bezhan F. (2024), "Losing Syria Is A 'Huge Slap In The Face' For Russia," *Radio Free Europe/RadioLiberty*, <https://www.rferl.org/a/russia-syria-assad-ukraine/33229577.html>

242. SIPRI (2012), *Trends in international arms transfers, 2011*, <https://www.sipri.org/sites/default/files/files/FS/SIPRIFS1203.pdf>
243. SIPRI (2013), *Trends in international arms transfers, 2012*, <https://www.sipri.org/sites/default/files/files/FS/SIPRIFS1303.pdf>
244. SIPRI (2025), Arms transfers database, <https://armstransfers.sipri.org/ArmsTransfer/TransferData/transferResults?loginc=on>
245. Smagin N. (2025), New Russia-Iran Treaty Reveals the Limits of Their Partnership, [https://carnegieendowment.org/russia-
eurasia/politika/2025/01/russia-iran-strategic-agreement](https://carnegieendowment.org/russia-eurasia/politika/2025/01/russia-iran-strategic-agreement)
246. Tank, P. (2025), *The Astana platform for Syria: The limits of a conflict management mediation process* (Version 1), University of Notre Dame. <https://doi.org/10.7274/28669859.v1>
247. TASS (2016), *US declares 35 Russian diplomats persona non grata*, <https://tass.com/politics/923377>
248. TASS (2021), *Over 320 types of weapons tested in operation in Syria — Russia's defense minister*, <https://tass.com/defense/1314097>
249. Phạm Quốc Thành (2022), “Cạnh tranh chiến lược nước lớn và đối sách của Việt Nam”, <https://lyluanchinhtri.vn/canh-tranh-chien-luoc-nuoc-lon-va-doi-sach-cua-viet-nam-2266.html>
250. The Guardian. (2014), *Syria peace talks break up as UN envoy fails to end deadlock*, <https://www.theguardian.com/world/2014/feb/15/syriapeace-talks-break-up-geneva>
251. Trading Economics (2024), *Syria Crude Oil Production*, <https://tradingeconomics.com/syria/crude-oil-production>
252. Trujillo R.J (2025), *Russia's foreign and security policy in Syria: historical relations, Cold War paradigms, and contemporary geopolitics*, <https://www.frontiersin.org/journals/political-science/articles/10.3389/fpos.2025.1489285/full>
253. Trump White House (2017), *President Donald J. Trump Signs H.R. 3364 into Law*, <https://trumpwhitehouse.archives.gov/briefings-statements/president-donald-j-trump-signs-h-r-3364-law/>

254. Trump White House (2018), *Statement by President Trump on Syria*, <https://trumpwhitehouse.archives.gov/briefings-statements/statement-president-trump-syria/>
255. UN (2017), *Security Council Fails to Adopt 2 Draft Resolutions on Extending Mandate of Joint Mechanism Investigating Chemical Weapons Attacks in Syria*, <https://press.un.org/en/2017/sc13072.doc.htm>
256. UN (2022), *Amid Stalemate, Acute Suffering in Syria, Special Envoy Tells Security Council Political Solution ‘Only Way Out’*, <https://press.un.org/en/2022/sc14807.doc.htm>
257. UN (2024), *Syrians now have “historic opportunity” to build a peaceful future, says Guterres*, <https://news.un.org/en/story/2024/12/1157956>
258. UNEnvoySyria (2019), *Constitutional Committee*, <https://specialenvoysyria.unmissions.org/constitutional-committee-0>
259. UNSC (2012), *Final communiqué of the Action Group for Syria*, <https://www.securitycouncilreport.org/atf/cf/%7B65BF9B-6D27-4E9C-8CD3-CF6E4FF96FF9%7D/Syria%20S2012%20522.pdf>
260. UNSC (2015), *Resolution 2254*, https://www.securitycouncilreport.org/atf/cf/%7B65BF9B-6D27-4E9C-8CD3-CF6E4FF96FF9%7D/s_res_2254.pdf
261. UNDP (2023), <https://hdr.undp.org/data-center/documentation-and-downloads>
262. UNHCR (2025), *Syria Refugee Crisis Explained*, <https://www.unrefugees.org/news/syria-refugee-crisis-explained/>
263. UNHCR (2023), *UNHCR data and Syria Regional Refugee Response*, <https://data2.unhcr.org/en/situations/syria>
264. UNICEF (2023), *The situation of children in Syria*, <https://www.unicef.org/syria/situation-children-syria>
265. UNOCHA (2019), *Key Figures*: <https://www.unocha.org/Syria>
266. UNOCHA (2021), *Syrian Arab Republic: COVID-19 Humanitarian Updated*, <https://reliefweb.int/report/syrian-arab-republic/syrian-arab-republic-covid-19-humanitarian-update-no-25-5-april-2021>
267. UNOCHA (2025), *Syrian Arab Republic: Humanitarian Overview Issue No. 1*, <https://reliefweb.int/report/syrian-arab-republic/syrian-arab-republic-humanitarian-overview-issue-no-1-october-2025-enar>

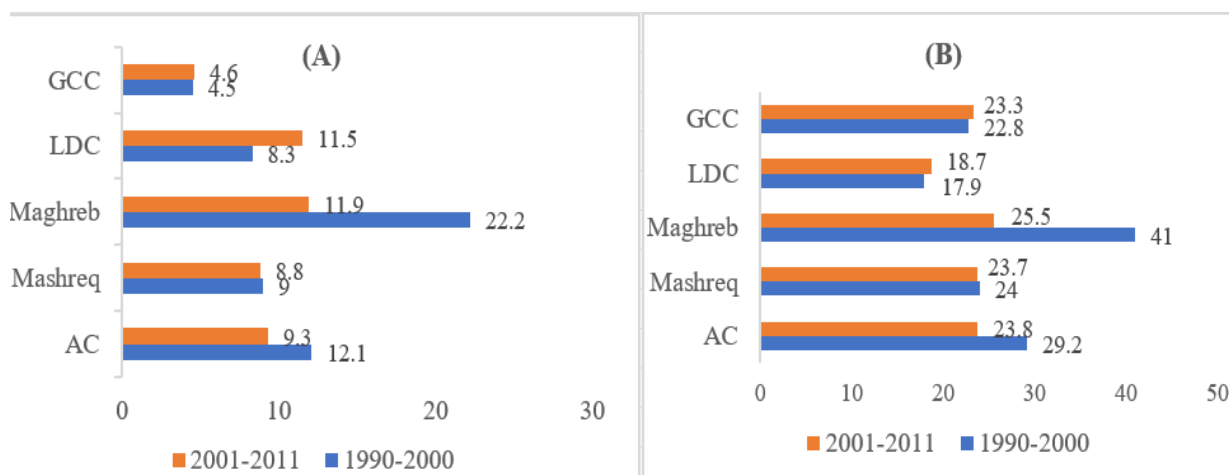
268. U.S. Embassy in Syria (2024), *United States Announces Additional Humanitarian Assistance for Syria*, <https://sy.usembassy.gov/united-states-announces-additional-humanitarian-assistance-for-syria-2/>
269. U.S. Department of State (2011), *Remarks at the OSCE First Plenary Session*, <https://2009-2017.state.gov/secretary/20092013clinton/rm/2011/12/178315.htm>
270. U.S. Department of State (2013), *U.S. Government Assistance to Syria*, <https://2009-2017.state.gov/r/pa/prs/ps/2013/09/213927.htm>
271. U.S. Department of State (2023), *U.S. Relations With Syria*, <https://www.state.gov/u-s-relations-with-syria/>
272. The Associated Press (2024), "Iran, Russia and China Show Off Their Ships in a Joint Naval Drill in the Gulf of Oman," March 12, 2024, <https://www.usnews.com/news/world/articles/2024-03-12/iran-russia-and-china-show-off-their-ships-in-a-joint-naval-drill-in-the-gulf-of-oman>
273. Trenin D. (2008), *Russia Redefines Itself and its Relations with the West*, in Alexander T. J. Lennon and Amanda Kozlowski (eds.), *Global Powers in the 21st Century: Strategies and Relations* (Washington: The Center for Strategic and International Studies and The MIT Press).
274. Trenin D. (2010), *Russia's Policy in the Middle East: Prospects for Consensus and Conflict with the United States*, Carnegie Moscow Center, <http://www.jstor.com/stable/resrep21037>
275. Trenin D. (2013), *The Mythical Alliance: Russia's Syria Policy*, Carnegie Moscow Center, <https://www.jstor.org/stable/resrep13011?seq=3>
276. Trenin D. (2018), *What is Russia Up To in the Middle East?*, Polity Press, USA.
277. Trương Minh Huy Vũ (2015a), *Chủ nghĩa hiện thực*, <https://nghiencuuquocte.org/2015/02/18/chu-nghia-hien-thuc/>
278. Trương Minh Huy Vũ (2015b), *Chủ nghĩa tự do*, <https://nghiencuuquocte.org/2015/03/13/chu-nghia-tu-do/>
279. Valenta J. & Valenta L.F. (2016), *Why Putin Wants Syria*, <https://www.meforum.org/middle-east-quarterly/why-putin-wants-syria>
280. VOV (2021), *Bộ trưởng Syria tiết lộ khối lượng dầu mỏ mà Mỹ và đồng minh nắm giữ*, <https://vov.vn/the-gioi/bo-truong-syria-tiet-lo-khoi-luong-dau-mo-ma-my-va-dong-minh-nam-giu-844554.vov>

281. Washington Post (2015), *Read Putin's U.N. General Assembly speech* <https://www.washingtonpost.com/news/worldviews/wp/2015/09/28/read-putins-u-n-general-assembly-speech/>
282. White House (2021), *President Biden Announces American Rescue Plan*, <https://www.whitehouse.gov/briefing-room/legislation/2021/01/20/president-biden-announces-american-rescue-plan/>
283. The White House (2025). National Security Strategy of the United States of America, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2025/12/2025-National-Security-Strategy.pdf>
284. WB (2017), *The Toll of War: The Economic and Social Consequences of the Conflict in Syria*, <http://www.worldbank.org/en/country/syria/publication/the-toll-of-war-the-economic-and-social-consequences-of-the-conflict-in-syria>
285. WB (2011) “Economic Challenges and Reform Options for Syria: A Growth Diagnostics Report”, pp.46, <http://siteresources.worldbank.org/INTDEBTDEPT/Resources/4689801218567884549/5289593-1224797529767/5506237-1270144995464/DFSG03SyriaFR.pdf>
286. WB (2023), *Syria Overview*, <https://www.worldbank.org/en/country/syria/overview>
287. WB (2023), *World Development Indicators*, <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>
288. WB (2025a), *Syria macro-fiscal assessment*, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099844407042516353/pdf/IDU-6adac64c-c9b1-472e-8183-ae600f64fa78.pdf>
289. WB (2025b), *Syria's Post-Conflict Reconstruction Costs Estimated at \$216 billion*, <https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2025/10/21/syria-s-post-conflict-reconstruction-costs-estimated-at-216-billion>
290. White House (2009), *Remarks by Vice President Biden at 45th Munich Conference on Security Policy*, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/remarks-vice-president-biden-45th-munich-conference-security-policy>
291. White House (2017), <https://www.whitehouse.gov/the-press-office/2017/04/04/statement-president-donald-j-trump>

292. White House (2023), *Statement from President Joe Biden on June Jobs Report*,
<https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2023/07/07/statement-from-president-joe-biden-on-june-jobs-report/>
293. White House (2023), *U.S. Withdrawal from Afghanistan*,
<https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2023/04/US-Withdrawal-from-Afghanistan.pdf>
294. Williams B.G (2015), *The Drone Campaign against Al Qaeda and ISIS*,
295. Yurtsever S., Alamailes A. (2018), *Syrian Crisis In Scope Of The Us-Russian Competition In Middle East*,
https://www.researchgate.net/publication/327646657_SYRIAN_CRISIS_IN_SCOPE_OF_THE_US-RUSSIAN_COMPETITION_IN_MIDDLE_EAST
296. Zarar B.S et al (2025), *The Fall of Bashar al-Assad: Implications for Syria and the Broader Middle East*,
<https://dialoguessr.com/index.php/2/article/view/176/203>

PHỤ LỤC

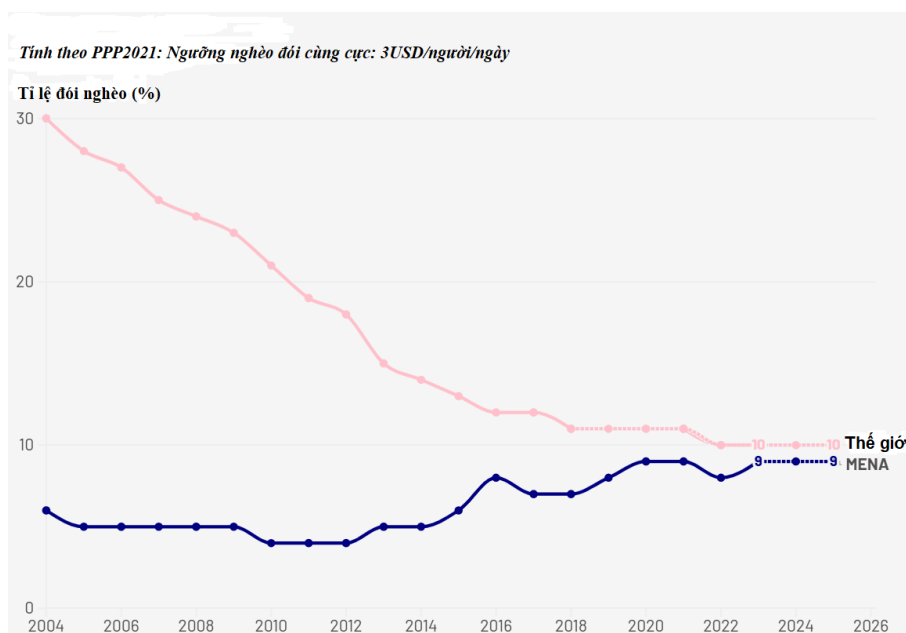
Phụ lục 1: Tỷ lệ thất nghiệp (A) và tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (B) các nước Ả rập



Nguồn: UNDP (2011, p.40)

Ghi chú: Ước tính từ số liệu của một số quốc gia tiêu biểu trong các nước Ả rập. Trong đó, AC: các quốc gia Ả rập; Mashreq: Ai Cập, Lebanon, Syria; Maghreb: Algeria, Tunisia, Morocco; LDC: Yemen; GCC: Bahrain, Kuwait, Saudi Arabia, UAE.

Phụ lục 2: Tỷ lệ nghèo đói của MENA so với thế giới



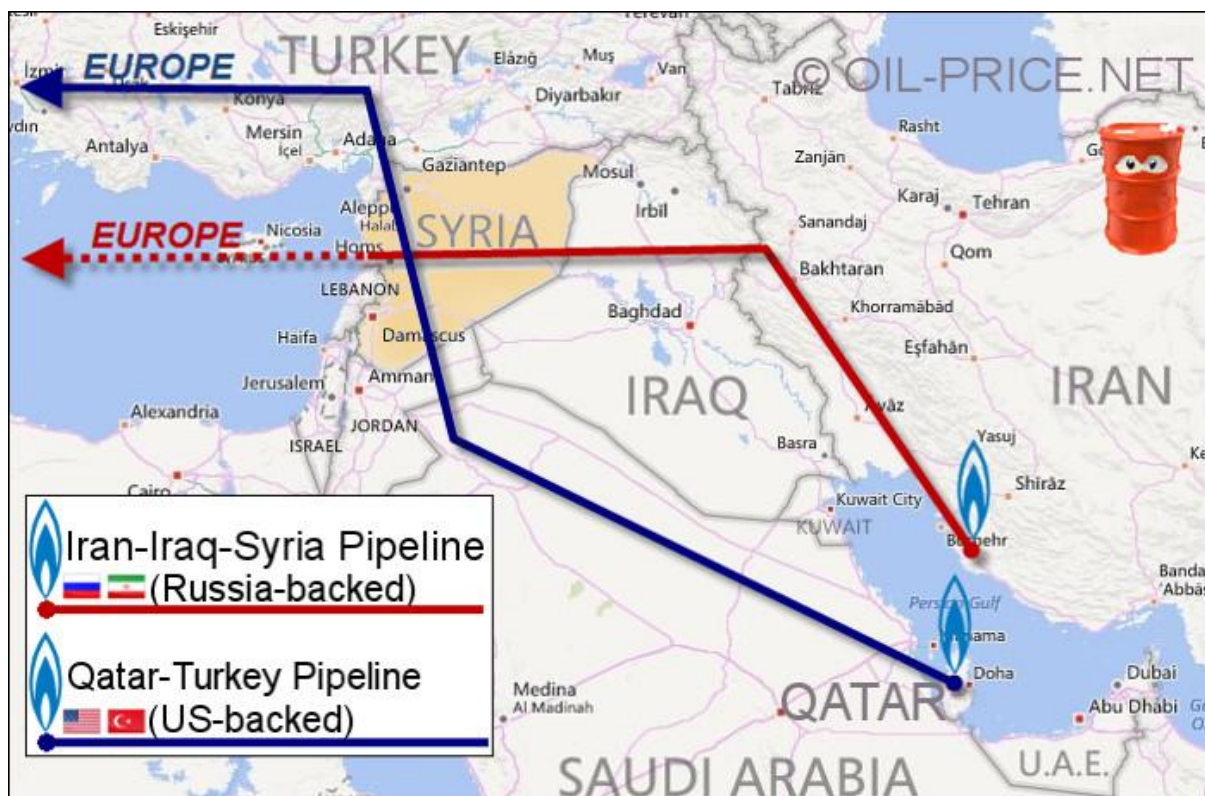
Nguồn: WB

Phụ lục 3: Vị trí địa - chính trị của Syria

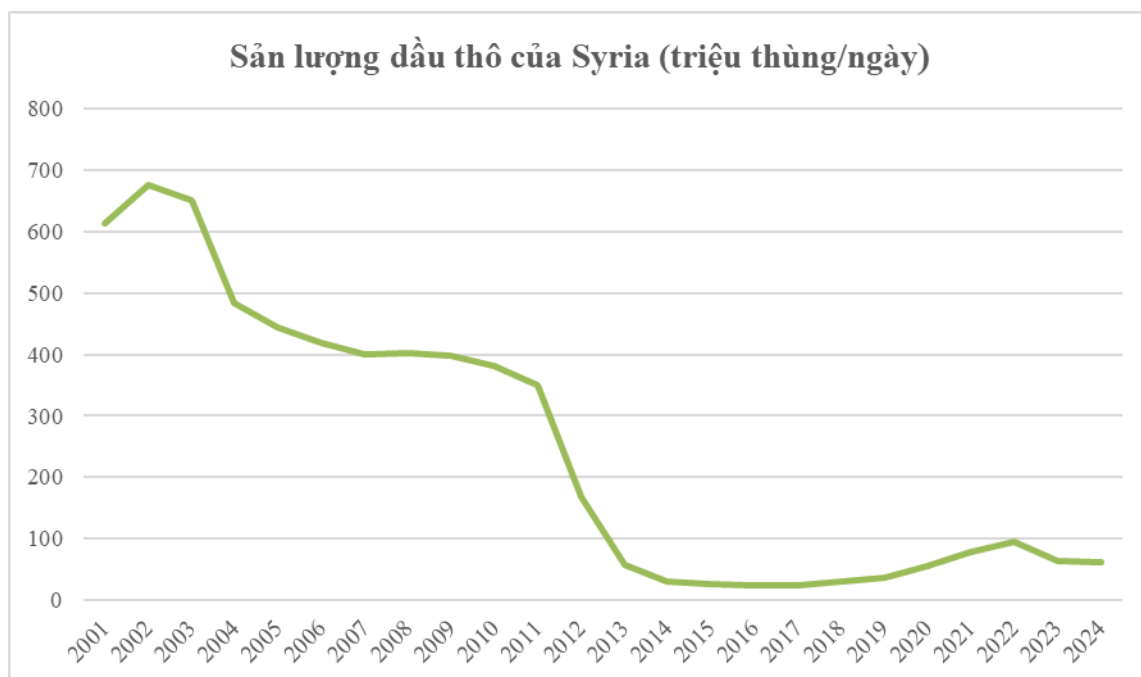


Nguồn: AP

Phụ lục 4: Đường ống dẫn dầu tiềm năng đi qua Syria

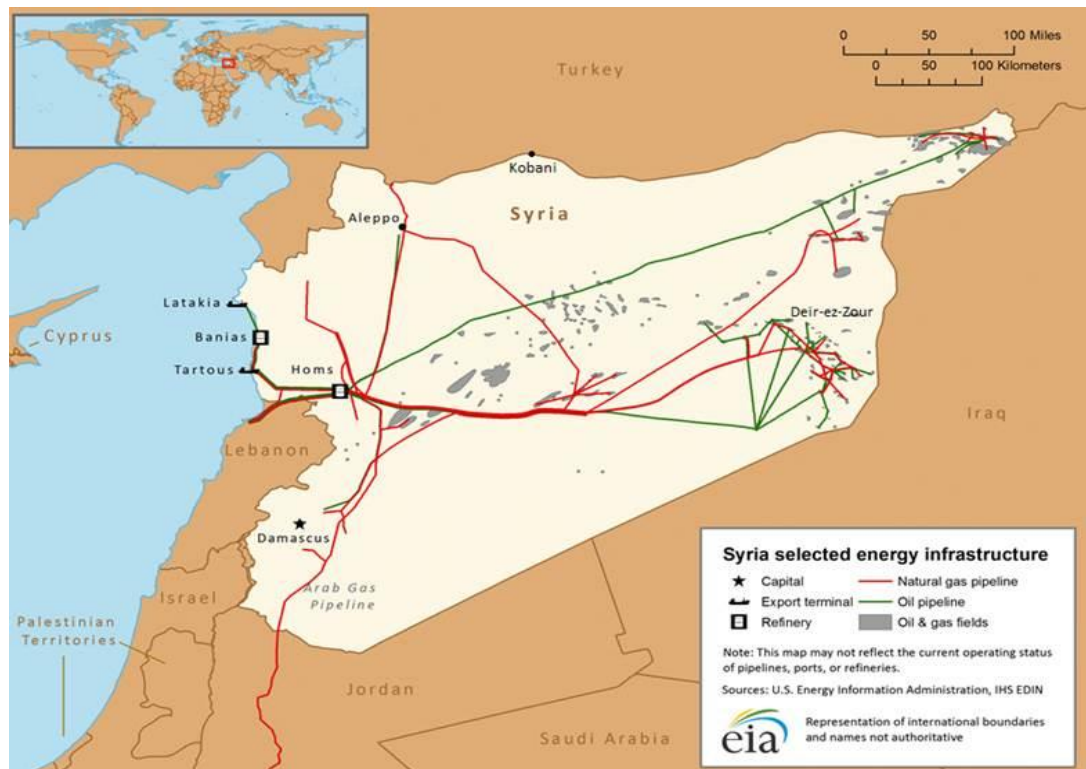


Phụ lục 5: Biểu đồ sản lượng dầu thô của Syria (2001-2024)



Nguồn: NCS xử lý số liệu từ EIA

Phụ lục 6: Bản đồ phân bố các cơ sở năng lượng của Syria



Nguồn: EIA (2015, p.2)

Phụ lục 7: Biên niên sự kiện nội chiến Syria 2011-2024

Thời gian	Sự kiện chính
Tháng 2/2011	Một số cuộc biểu tình nhỏ được tổ chức tại Syria để kêu gọi cải cách và thể hiện sự đoàn kết với những người biểu tình ủng hộ dân chủ ở Ai Cập, Tunisia và Libya
06/03/2011	Trẻ em ở Daraa bị bắt vì viết khẩu hiệu chống chính phủ.
15/03/2011	Biểu tình chống chính phủ diễn ra tại nhiều thành phố.
19/03/2011	Lực lượng an ninh phong tỏa Daraa.
24/03/2011	Hàng chục người biểu tình thiệt mạng do lực lượng an ninh bắn ở Daraa.
29/03/2011	Tổng thống Assad sa thải nội các, hứa thực hiện cải cách.
30/03/2011	Tổng thống Assad có phát biểu đầu tiên sau nội chiến nổ ra, đổ lỗi cho “âm mưu nước ngoài” làm tình hình Syria bất ổn, chưa đưa ra bất cứ cải cách nào.
12/04/2011	Chính phủ bắt đầu sử dụng vũ khí quân sự hạng nặng chống lại biểu tình. Binh lính và xe tăng được triển khai đến các thành phố Bāniyās và Homs
16/04/2011	Tổng thống Assad có bài phát biểu thứ hai, đưa ra một số nhượng bộ, cam kết dỡ bỏ luật khẩn cấp lâu đời của Syria, luật này trao cho lực lượng an ninh quyền hạn rộng rãi để điều tra và bắt giữ người Syria khi an ninh quốc gia bị đe dọa
19/04/2011	Chính thức dỡ bỏ luật khẩn cấp, nhưng lực lượng an ninh vẫn tiếp tục bắn và bắt giữ người biểu tình..
28/04/2011	Nhiều đảng viên Baath từ chức để phản đối cuộc đàn áp của chế độ
09/05/2011	EU áp lệnh trừng phạt cấm vận vũ khí và áp dụng các hạn chế đi lại và đóng băng tài sản đối với 13 quan chức cấp cao của Syria
19/05/2011	Mỹ mở rộng trừng phạt mới, bao gồm đóng băng tài sản và lệnh cấm đi lại, đối với các quan chức Syria và cả Tổng thống Assad.
23/05/2011	EU bỏ phiếu mở rộng lệnh trừng phạt đến Tổng thống Assad.
20/06/2011	Tổng thống Assad phát biểu lần 3, tiếp tục đổ lỗi cho các âm mưu nước ngoài về tình hình bất ổn ở Syria.
27/06/2011	Chính phủ cho phép một số nhà lãnh đạo phe đối lập Syria tổ

	chức cuộc họp công khai
01/07/2011	Biểu tình lớn nổ ra khắp Syria.
03/07/2011	Xe tăng và quân đội Syria được điều động đến Hama, bắt giữ những người bị tình nghi là bất đồng chính kiến
07-08/07/2011	Đại sứ Mỹ và Pháp đến Hama ủng hộ người biểu tình.
12/04/2012	Lệnh ngừng bắn do LHQ bảo trợ có hiệu lực. Bạo lực của lực lượng Syria được cho là đã giảm.
14/04/2012	LHQ thông qua nghị quyết triển khai nhóm giám sát tại Syria để giám sát lệnh ngừng bắn
19/4/2012	Bạo lực leo thang, Ban Ki-Moon , Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, tuyên bố rằng Syria đã không tuân thủ các điều khoản của kế hoạch hòa bình của Liên Hợp Quốc và cả lực lượng chính phủ và phe đối lập đều phải chịu trách nhiệm vi phạm lệnh ngừng bắn.
07/05/2012	Syria tổ chức bầu cử quốc hội.
16/08/2012	LHQ chấm dứt sứ mệnh quan sát tại Syria.
11/11/2012	Phe đối lập tuyên bố thành lập Liên minh Quốc gia Cách mạng Syria.
21/08/2013	Phe đối lập Syria cáo buộc lực lượng ủng hộ Assad đã giết chết hàng trăm người trong các cuộc tấn công bằng vũ khí hóa học ở vùng ngoại ô Damascus
30/8/2013	Tổng thống Mỹ Barack Obama tuyên bố ông đang cân nhắc hành động quân sự hạn chế nhằm vào các mục tiêu ở Syria để đáp trả cáo buộc chế độ Assad sử dụng vũ khí hóa học
22/8/2012	Các quan chức từ Liên Hợp Quốc, Châu Âu và Hoa Kỳ yêu cầu các thanh tra vũ khí của Liên Hợp Quốc đã vào Syria vào đầu tháng 8 để điều tra các cáo buộc trước đó về việc sử dụng vũ khí hóa học
09/9/2013	Nga đề xuất kế hoạch đặt kho vũ khí hóa học của Syria dưới sự kiểm soát của quốc tế
14/09/2013	Mỹ - Nga đạt thỏa thuận tiêu hủy kho vũ khí hóa học Syria.
22/1/2014	Hội nghị quốc tế Geneva II được tổ chức tại Thụy Sĩ với hy vọng đạt được một kết thúc đàm phán cho cuộc xung đột, nhưng

	không có tiến triển nào được thực hiện
30/6/2014	Sau khi giành được nhiều lãnh thổ đáng kể ở Iraq cũng như ở Syria, nhóm phiến quân cực đoan Nhà nước Hồi giáo ở Iraq và Syria (ISIS) tự xưng là một vương quốc Hồi giáo, do Abu Bakr al-Baghdadi làm thủ lĩnh
23/9/2014	Mỹ và liên minh các nước Ả Rập mở rộng chiến dịch không kích chống ISIS để tấn công các mục tiêu ở Syria cũng như Iraq
30/9/2015	Nga thực hiện cuộc không kích đầu tiên ở Syria
3/2016	Quân đội Syria, được hỗ trợ bởi các chiến binh Hezbollah và sự hỗ trợ trên không của Nga, đã chiếm lại Palmyra từ ISIS
22/12/2016	Chính quyền Syria tuyên bố tái chiếm Aleppo.
07/04/2017	Mỹ phóng 59 tên lửa vào căn cứ Shayrat để đáp trả tấn công hóa học tại Khan Shaykhun.
06/6/2017	Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) đã phát động một cuộc tấn công vào Al-Raqqa, thủ đô trên thực tế của ISIS tại Syria. Cuộc tấn công được hỗ trợ bởi các cuộc không kích và lực lượng đặc nhiệm của Hoa Kỳ.
17/10/2017	Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) thông báo rằng Al-Raqqa đã được giải phóng khỏi các chiến binh ISIS
03/11/2017	Quân đội ủng hộ chính phủ Syria đánh đuổi ISIS khỏi Deir al-Zour ở miền đông Syria
14/04/2018	Mỹ, Anh, Pháp không kích vào các cơ sở vũ khí hóa học gần Damascus và Homs để đáp trả vụ tấn công bằng vũ khí hóa học ở Douma một tuần trước đó
5/2018	Sau một loạt các cuộc tấn công của Israel nhằm vào quân đội Iran ở Syria, Iran đã pháo kích Cao nguyên Golan từ lãnh thổ Syria. Israel đáp trả bằng một loạt các cuộc tấn công vào hàng chục địa điểm quân sự của Iran ở Syria
09/10/2019	Thổ Nhĩ Kỳ phát động chiến dịch chống người Kurd tại Đông Bắc Syria.
07/05/2023	Syria được tái kết nạp vào Liên đoàn Arab.
17/09- 26/11/2024	Hezbollah rút khỏi Syria do giao tranh với Israel ở Lebanon.

27-29/11/2024	Hayat Tahrir al-Sham (HTS) chiếm Aleppo. Chính phủ Syria rút lui.
05/12/2024	HTS kiểm soát Hama.
07/12/2024	HTS chiếm Daraa, Homs; Tổng thống Assad bỏ trốn.
08/12/2024	Damascus được tuyên bố "giải phóng". Chính phủ Assad sụp đổ.
10/12/2024	HTS lập chính phủ lâm thời do Mohammed al-Bashir đứng đầu.
30/01/2025	HTS tuyên bố Ahmed al-Sharaa - thủ lĩnh HTS là Tổng thống; giải tán toàn bộ phe phái vũ trang, bao gồm cả HTS
06-10/03/2025	Các cuộc đụng độ leo thang giữa các chiến binh vũ trang ủng hộ Assad và lực lượng của chính phủ lâm thời, khiến chính phủ lâm thời phải tiến hành một chiến dịch đàn áp khiến hơn 1.000 người ở các thị trấn chủ yếu là người Alawite thiệt mạng.
11/03/2025	HTS đạt thỏa thuận sát nhập lực lượng người Kurd (SDF) vào chính phủ mới.
13/1/2026	Lực lượng chính phủ đã phát động một cuộc tấn công quân sự lớn chống lại lãnh thổ và các cộng đồng do SDF kiểm soát, chiếm giữ khoảng 80% vùng đông bắc Syria.
30/1/2026	Chính phủ Syria và người Kurd đạt được thỏa thuận hợp nhất Lực lượng Dân chủ Syria (SDF) đã đồng ý chuyển giao quyền kiểm soát hành chính khu vực cho chính phủ trung ương

Phụ lục 8: Bản đồ phân bố lực lượng tại Syria trước và sau khi chính quyền Assad sụp đổ

